

NICHOLAS SPARKS

#1 NEW YORK TIMES BESTSELLING AUTHOR

L. T. K. dịch

Đường đời bất tận



nhv

TRUNG TÂM NHIỆT ÁI VĂN HỌC

NICHOLAS SPARKS

là một trong những tác giả nổi tiếng nhất của dòng sách lãng mạn. Sách của ông đã bán được trên 100 triệu bản toàn cầu và được dịch ra hơn 50 thứ tiếng. Ông đã cho ra mắt 20 tiểu thuyết, 11 trong số đó được dựng thành phim, trong đó có *Đường đời bất tận* (2015). Ông hiện đang sống tại Bắc Carolina cùng gia đình.

Các tác phẩm khác của Nicholas Sparks do Nhã Nam xuất bản:

- ♦ *Dành hết cho em*
- ♦ *John yêu dấu*
- ♦ *Nhật ký*
- ♦ *Đoạn đường để nhớ*
- ♦ *Lá thư trong chai*
- ♦ *Lựa chọn của trái tim*
- ♦ *Kẻ may mắn*
- ♦ *Bản tình ca cuối cùng*
- ♦ *Thiên đường bình yên*
- ♦ *Những đêm ở Rodanthe*

Đường
đời bất
tận

The Longest Ride

Copyright arranged with: **The Park Literary Group**
270 Lafayette Street, Suite 1504, New York, NY 10012, USA

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh, *The Longest Ride* của **Nicholas Sparks**,
Grand Central Publishing.

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Văn hóa & Truyền thông
Nhà Nam, 2017.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền.

Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

NICHOLAS SPARKS

Đường
đời bất
tận

L . T . K . dịch

*Dành tặng Miles, Ryan,
Landon, Lexie, và Savannah*



ĐẦU THÁNG HAI NĂM 2011

Ira

Đôi khi tôi thậm nghĩ tôi là người cuối cùng còn sót lại của giống loài mình.

Tên tôi là Ira Levinson. Tôi là người miền Nam và là người Do Thái, và hết sức tự hào khi thỉnh thoảng người ta lại gọi tôi bằng hai cái danh ấy. Tôi cũng là một ông già. Tôi sinh năm 1920, năm rượu bắt đầu bị coi là bất hợp pháp và phụ nữ giành được quyền bầu cử, và tôi vẫn thường tự hỏi liệu đó có phải lý do cuộc đời tôi đã diễn ra đúng theo cái cách nó diễn ra không. Rốt cuộc thì, tôi chưa bao giờ là kẻ nghiện rượu, còn người phụ nữ tôi lấy làm vợ đã xếp hàng để bỏ phiếu cho Roosevelt ngay khi bà ấy vừa đủ tuổi, thật dễ để mừng tượng rằng cái năm tôi sinh ra bằng cách nào đó đã hoạch định tất cả.

Bố tôi có lẽ sẽ cười nhạo suy nghĩ đó. Ông là người tin vào nguyên tắc. “Ira này,” ông hay gọi tôi hỏi tôi còn trẻ và đang làm việc cùng ông ở cửa hiệu đồ may mặc cho nam, “để bố nói con nghe những việc con không bao giờ được làm,” rồi ông sẽ nói cho tôi. *Những nguyên tắc sống*, ông gọi chúng như vậy, và tôi lớn lên cùng những nguyên

tắc của ông về gần như mọi thứ. Một vài điều trong số đó là đạo lý tự nhiên, bắt nguồn từ những bài học trong bộ kinh Talmud¹⁾, và có lẽ chúng cũng tương tự những điều phần lớn các bậc phụ huynh dạy con mình. Ví dụ như, tôi được dạy rằng không bao giờ được nói dối, lừa lọc hay ăn trộm, nhưng bố tôi - một người Do Thái bán thời gian, theo như ông vẫn thường tự nhận ngày trước - có vẻ quan tâm đến những vấn đề thực tế hơn. Ông dạy tôi rằng, không bao giờ ra ngoài mưa mà không đội mũ. Không bao giờ chạm vào bếp phòng khi nó vẫn còn nóng. Tôi được cảnh báo rằng không bao giờ nên đếm tiền trong ví ở nơi công cộng, hay mua đồ trang sức từ người đàn ông trên phố, dù cho nó có vẻ hơi đến mấy. *Không bao giờ*, hết điều này đến điều khác, nhưng bất chấp sự nôm na mách quẻ của chúng, tôi nhận ra mình tuân theo gần như từng cái một, có lẽ vì tôi không bao giờ muốn làm bố mình thất vọng. Ngay cả bây giờ, giọng nói của ông vẫn còn theo tôi khắp mọi nơi trên chặng đường bất tận này, chẳng đường mang tên đường đời.

Tương tự như vậy, tôi thường được dạy việc gì *nên* làm. Bố tôi luôn mong muốn sự trung thực và chính trực ở mọi mặt trong cuộc sống, nhưng tôi cũng được dạy rằng phải giữ cửa cho phụ nữ và trẻ em, khi bắt tay phải bắt cho mạnh mẽ, phải nhớ tên người khác, và luôn mang đến cho khách hàng nhiều hơn những gì họ mong đợi một chút. Rồi tôi nhận ra rằng, những nguyên tắc của ông không chỉ là nền tảng của thứ triết học phục vụ rất tốt cho ông, mà chúng còn nói lên toàn bộ con người ông nữa. Bởi ông tin

1. Kinh Talmud: bộ kinh được coi là văn bản trung tâm của các giáo sĩ Do Thái bao gồm ý kiến của hàng ngàn giáo sĩ về các chủ đề khác nhau, là cơ sở cho tất cả các bộ luật của Do Thái giáo.

tưởng vào sự trung thực và chính trực, nên ông tin rằng những người khác cũng như thế. Ông tin vào tính thiện của con người và cho rằng người khác cũng giống ông. Ông tin phần lớn mọi người, khi được lựa chọn, sẽ làm điều phải, dù có khó khăn, và ông cũng tin cái thiện gần như luôn chiến thắng cái ác. Dù vậy, ông không hề ngây thơ. Ông vẫn nói với tôi, “Hãy tin tưởng người khác, đến khi họ cho con lý do để con không còn tin. Khi đó chớ bao giờ luyến tiếc gì nữa.”

Hơn ai hết, bố tôi chính là người đã định hình nên con người tôi ngày hôm nay.

Nhưng chiến tranh đã làm ông thay đổi. Hay nói đúng hơn, vụ diệt chủng đã thay đổi ông. Nó không tác động đến trí tuệ của ông - bố tôi có thể giải xong trò ô chữ trên tờ *New York Times* trong chưa đầy một phút - mà đến niềm tin của ông vào con người. Ông chẳng còn hiểu nổi thế giới mà ông những tưởng mình biết nữa, ông bắt đầu thay đổi. Lúc ấy ông đã gần sáu mươi, và sau khi để tôi thành người đồng sở hữu, ông ít dành thời gian cho cửa hiệu hơn. Thay vào đó, ông trở thành một người Do Thái toàn thời gian. Ông bắt đầu đến giáo đường Do Thái thường xuyên hơn cùng mẹ tôi - tôi sẽ kể về bà sau - và đề nghị trợ giúp tài chính cho rất nhiều mục tiêu hướng đến người Do Thái. Ông không chịu làm việc vào ngày Sabbath⁽¹⁾. Ông chăm chú theo dõi tin tức về sự thành lập Nhà nước Israel - cùng cuộc chiến Ả Rập-Israel hậu quả của nó - và ông bắt đầu đi thăm Jerusalem ít nhất một lần mỗi năm, như thể đang tìm kiếm thứ ông chưa từng biết mà ông đã bỏ lỡ. Ông

1. Sabbath – ngày nghỉ ngơi trong tiếng Do Thái. Với người Do Thái, Sabbath kéo dài từ tối thứ Sáu đến chiều thứ Bảy. Với người theo đạo Thiên Chúa, Sabbath là ngày Chủ nhật.

càng lớn tuổi, tôi càng thấy lo hơn về những chuyến đi nước ngoài ấy, nhưng ông trấn an tôi rằng ông có thể tự lo cho mình, và suốt nhiều năm ông đã làm được điều đó. Bất chấp độ tuổi ngày càng cao, trí óc ông vẫn minh mẫn như xưa, nhưng không may là cơ thể ông chẳng nghe lời cho lắm. Ông bị nhồi máu cơ tim năm ông chín mươi tuổi, và mặc dù ông đã hồi phục, một cơn đột quỵ bảy tháng sau đó khiến cho nửa người bên phải của ông yếu đi rất nhiều. Nhưng ngay cả lúc đó, ông vẫn khăng khăng đòi tự lo cho bản thân. Ông từ chối chuyển đến viện dưỡng lão, cho dù phải dùng đến khung tập đi để di chuyển. Ông tiếp tục lái xe, mặc kệ tôi năn nỉ ông bỏ bằng lái xe đi. Nguy hiểm lắm, tôi vẫn hay nói, còn ông chỉ nhún vai.

Thế bố biết làm gì? ông thường đáp. Bố sẽ đến cửa hiệu bằng cách nào nữa đây?

Cuối cùng bố tôi qua đời một tháng trước khi ông sang tuổi một trăm lẻ một, bằng lái vẫn ở trong ví và trò ô chữ đã giải xong được để trên bàn đầu giường cạnh ông. Đó là một cuộc đời dài, một cuộc đời thú vị, và tôi nhận thấy đạo gần đây mình thường nghĩ đến ông. Tôi cho là cũng phải thôi, vì trước giờ tôi vẫn luôn đi theo bước chân ông. Tôi mang theo mình *Những nguyên tắc sống* của ông mỗi sáng khi tôi mở cửa hiệu và đem chúng vào cách cư xử với mọi người. Tôi nhớ tên người khác và trao đi nhiều hơn được mong đợi, và đến ngày nay tôi vẫn mang mũ theo mỗi khi thấy trời có thể sẽ mưa. Cũng giống bố, tôi bị nhồi máu cơ tim và giờ phải dùng khung tập đi, và mặc dù tôi chẳng hề thích trò ô chữ, đầu óc tôi có vẻ vẫn minh mẫn như xưa. Và, cũng giống bố, tôi quá cứng đầu nên không chịu bỏ bằng lái xe của mình. Ngẫm lại, đây có lẽ là một sai lầm. Nếu bỏ bằng lái, tôi hẳn đã không mắc phải tình cảnh

này: xe của tôi lao khỏi đường cao tốc và trượt nửa đường xuống bờ kè dốc, mui xe rúm ró vì va vào một cái cây. Và tôi chẳng mơ sẽ có người đến đây mang theo một cái bình đựng đầy cà phê cùng một cái chăn và một trong mấy cái kiệu dùng để đưa pharaoh từ nơi này sang nơi khác đâu. Bởi theo tôi thấy, hình như chỉ có thể tôi mới hòng sống sót thoát nạn thôi.

Tôi đang gặp rắc rối. Phía trên tấm kính chắn gió bị nứt, tuyết vẫn tiếp tục rơi, mờ ảo và làm mất phương hướng. Đầu tôi đang chảy máu, từng cơn chóng mặt ủa đến; tôi khá chắc rằng cánh tay phải của mình đã gãy. Cả xương đòn nữa. Vai tôi đau thắt, chỉ khẽ co lại cũng khổ sở. Mặc dù có áo khoác, tôi vẫn lạnh đến run cầm cập.

Nếu nói không sợ thì nghĩa là tôi đang nói dối. Tôi không muốn chết và nhờ có bố mẹ - mẹ tôi thọ đến chín mươi sáu tuổi - từ lâu tôi đã cho rằng nhờ gen di truyền mình có thể già hơn được nữa so với hiện tại. Cho đến vài tháng trước, tôi hoàn toàn tin rằng mình vẫn còn năm sáu năm ngon lành nữa. À thì, có thể không phải là những năm *ngon lành*. Ở tuổi tôi thì không được như vậy đâu. Tôi đã rệu rã được một thời gian rồi - tim, khớp, thận, rồi chỗ nọ chỗ kia trong cơ thể tôi bắt đầu chết đi - nhưng gần đây cái mớ đấy có thêm thành viên mới. Khối u ở phổi, bác sĩ nói. Những khối u. *Ung thư*. Giờ đây thời gian của tôi chỉ còn tính bằng tháng, không phải bằng năm... dù vậy, tôi vẫn chưa sẵn sàng để chết. Không phải hôm nay. Còn một việc tôi phải làm, một việc năm nào tôi cũng thực hiện từ hồi 1956. Một truyền thống quan trọng sắp kết thúc, và hơn tất cả, tôi muốn có cơ hội cuối cùng để chào tạm biệt.

Dù vậy, những gì một người nghĩ khi ông ta tin cái chết đang đến gần mới buồn cười làm sao. Tôi biết chắc

một điều là nếu đã tới số, tôi không thích mình ra đi kiểu này - toàn thân run rẩy, răng đánh lách cách, để rồi cuối cùng, chẳng thể tránh khỏi, trái tim hoàn toàn bỏ cuộc. Tôi biết chuyện gì xảy ra khi người ta chết đi - ở tuổi mình, tôi đã đến dự không biết bao nhiêu đám tang rồi. Nếu được chọn, tôi muốn được chết trong lúc ngủ, trên một chiếc giường êm ái ở nhà. Ai chết như vậy trông cũng đều đẹp ở lễ viếng cả, bởi vậy, nếu cảm thấy thần Chết đến vô vai mình, tôi quyết sẽ cố gắng tìm cách di chuyển ra ghế sau. Việc để cho ai đó tìm thấy tôi ở ngoài này, đông cứng trong tư thế ngồi như một bức tượng quái dị là điều tôi không bao giờ muốn. Làm sao họ có thể lôi xác tôi ra ngoài được đây? Người tôi bị nẹp chặt phía sau vô lăng thế này, làm thế khác nào cố gắng lôi một cái đàn piano ra khỏi phòng tắm. Tôi có thể hình dung ra cảnh một anh lính cứu hộ đục từng mảng băng và lắc lư cơ thể tôi từ trước ra sau, nói những câu kiểu như “Lắc cái đầu qua bên này đi, Steve”, hay “Đánh cái tay của ông già sang bên đó đi, Joe”, trong khi họ cố gắng đưa cái xác đông cứng của tôi ra khỏi xe. Hết va rồi lại đập, hết đẩy rồi lại kéo, đến khi xác tôi đổ rầm xuống đất sau một cú kéo mạnh. Thôi khỏi, cảm ơn. Tôi vẫn còn sĩ diện lắm. Nên như tôi đã nói, nếu chuyện đó xảy ra, tôi sẽ cố hết sức di chuyển ra ghế sau và nhắm mắt lại. Như thế họ có thể kéo tôi ra như một miếng cá.

Nhưng cũng có thể chuyện sẽ không đến mức ấy. Có thể ai đó sẽ phát hiện ra những vệt lốp xe trên đường, những vệt dẫn thẳng ra bờ kè. Có thể ai đó sẽ dừng lại và gọi vọng xuống, chiếu đèn pin và nhận ra một chiếc ô tô ở dưới. Điều này không phải quá khó tưởng tượng; nó có thể xảy ra. Tuyết đang rơi và ai cũng lái xe chậm lại. Chắc chắn ai đó sẽ tìm thấy tôi. Họ phải tìm thấy tôi chứ.

Phải không?



Có lẽ là không.

Tuyết vẫn đang rơi. Hơi thở của tôi phụt ra thành từng luồng nhỏ, như một con rồng, và cơ thể tôi đã bắt đầu đau nhức vì cái lạnh. Nhưng chuyện đã có thể tệ hơn. Vì lúc tôi bắt đầu đi thì trời đã lạnh rồi - dù không có tuyết, nên tôi mặc đồ mùa đông. Tôi mặc hai áo sơ mi, một áo len dài tay, đeo găng tay và đội mũ. Lúc này ô tô của tôi đang đổ nghiêng, mũi xe chúi xuống. Tôi vẫn kẹt sau dây an toàn, nó đỡ sức nặng của tôi, nhưng đầu tôi lại nằm trên vô lăng. Túi khí đã bung, tung cả đồng bột trắng và thứ mùi hăng của thuốc súng ra đầy xe. Không thoải mái chút nào, nhưng tôi vẫn đang xoay sở được.

Nhưng toàn thân tôi đau thối. Tôi nghĩ túi khí hoạt động không được tốt, vì đầu tôi đã đập vào vô lăng khiến tôi bất tỉnh. Trong bao lâu thì tôi cũng không biết. Vết rách dài trên đầu vẫn tiếp tục chảy máu và xương cánh tay phải tôi dường như đang cố gắng chọc thủng lớp da. Cả xương đòn lẫn vai tôi đều đau thối, và tôi không dám di chuyển. Tôi tự nhủ chuyện đã có thể tồi tệ hơn. Mặc dù tuyết đang rơi, nhưng bên ngoài lại không rét lắm. Đêm nay người ta dự báo nhiệt độ sẽ hạ xuống khoảng âm bốn độ nhưng sẽ tăng lên khoảng ba độ ngày mai. Trời cũng sẽ có gió với tốc độ khoảng ba hai ki lô mét trên giờ. Ngày mai, Chủ nhật, gió sẽ còn mạnh hơn, nhưng đêm thứ Hai, thời tiết sẽ bắt đầu khá lên. Đến lúc ấy, mũi nhọn của khối khí lạnh đã đi qua gần hết và gió sẽ gần như ngưng hẳn. Ngày thứ Ba, nhiệt độ dự báo sẽ lên đến bốn độ rưỡi.

Tôi biết thế vì tôi xem kênh Thời tiết. Nó không căng

thẳng như tin tức, và tôi thấy nó thú vị. Nó không chỉ toàn dự báo thời tiết; nó còn có các chương trình về những hậu quả thảm khốc do thời tiết trong quá khứ. Tôi từng xem các chương trình về chuyện người ta đang tắm thì lốc xoáy tới giật tung ngôi nhà ra khỏi móng, và tôi cũng đã xem người ta kể chuyện mình được giải cứu sau khi bị lũ quét cuốn. Trên kênh Thời tiết, con người luôn sống sót sau các thảm họa, vì đó là những người được phỏng vấn trong chương trình. Tôi thích việc mình biết trước rằng họ sống sót. Năm ngoái, tôi có xem một chương trình về những nhân viên đi làm vào giờ cao điểm bị đón lốc bởi một trận bão tuyết ở Chicago. Tuyết đổ xuống quá nhanh, người ta buộc phải chặn các con phố lại trong khi vẫn còn người trên đường. Suốt tám tiếng, hàng ngàn người bị kẹt trên các tuyến đường cao tốc, không thể di chuyển trong khi nhiệt độ thì tuột dốc. Chương trình tôi xem xoay quanh hai người kẹt trong trận bão tuyết, nhưng lúc xem tôi ngạc nhiên khi thấy hình như cả hai chẳng ai chuẩn bị gì để đối phó với thời tiết cả. Cả hai gần như bị hạ thân nhiệt đột ngột khi cơn bão tràn qua. Tôi phải công nhận điều đó thật khó hiểu. Những người sống ở Chicago đều biết rõ rằng tuyết rơi thường xuyên; họ đã chứng kiến nhiều trận bão tuyết thỉnh thoảng lại từ Canada tràn sang, họ phải nhận thấy trời trở lạnh. Sao họ lại không biết những điều này? Nếu tôi sống ở nơi như thế, đến mùa Halloween tôi sẽ bắt đầu mang theo chăn giữ nhiệt, mấy cái mũ, thêm một cái áo khoác mùa đông, bít tai, găng tay, một cái xẻng, đèn pin, túi giữ ấm tay, và nước đóng chai để trong thùng xe. Nếu sống ở Chicago, có lẽ kẹt trong một trận bão tuyết suốt hai tuần tôi mới bắt đầu phải lo.

Tuy nhiên, vấn đề của tôi là tôi sống ở Bắc Carolina.

Và bình thường khi tôi lái xe - trừ chuyến đi núi hằng năm, thường là vào mùa hè - tôi chỉ đi không xa nhà quá vài cây số. Thế nên, thùng xe của tôi rỗng không, nhưng tôi cũng được an ủi phần nào bởi sự thật là dù tôi có cả một khách sạn di động trong thùng xe đi nữa, nó cũng chẳng giúp ích được gì cho tôi. Bờ kè đóng băng và dốc, còn tôi thì chẳng thể nào với tới thùng xe, cho dù nó chứa cả kho tàng của Tutankhamun đi nữa. Thực ra thì tôi cũng không hẳn là không được chuẩn bị cho chuyện xảy ra với mình. Trước khi đi, tôi đã chuẩn bị một bình giữ nhiệt đầy cà phê, hai miếng bánh kẹp, mận khô và một bình nước. Tôi đặt đồ ăn lên ghế lái phụ, bên cạnh bức thư tôi viết, và mặc dù nó đã bị lật tung lên trong vụ tai nạn, tôi vẫn thấy được an ủi khi biết rằng nó vẫn còn trong xe. Nếu đói đến mức đó, tôi sẽ cố tìm nó, nhưng ngay lúc này, tôi hiểu rằng ăn hay uống gì cũng có giá cả. Nạp vào thì sẽ phải thải ra, mà tôi thì chưa hình dung được sẽ thải ra như thế nào. Khung tập đi của tôi nằm ở ghế sau, còn con dốc này sẽ đẩy tôi xuống mồ; với những chấn thương của tôi, nghe theo tiếng gọi của nhu cầu tự nhiên là điều bất khả.

Nói về vụ tai nạn. Tôi có thể dựng lên một câu chuyện ly kỳ về tình trạng đường đóng băng hay vẽ ra một tài xế giận dữ, mệt mỏi đã ép tôi ra khỏi đường, nhưng chuyện xảy ra không phải vậy. Nó xảy ra như thế này: trời tối và tuyết bắt đầu rơi, rồi tuyết rơi dày hơn, và bất thành linh, con đường hoàn toàn biến mất. Tôi cho rằng mình đã gặp một khúc cua - tôi nói *cho rằng*, vì rõ ràng là tôi không nhìn thấy khúc cua nào - tiếp theo tôi chỉ biết là mình đâm thủng thanh chắn đường và bắt đầu bỏ nhào xuống bờ kè dốc. Giờ tôi ngồi đây, một mình trong bóng tối, tự hỏi liệu sau này kênh Thời tiết có làm chương trình về mình không.

Tôi không còn nhìn thấy gì qua kính chắn gió nữa. Dù cứ cử động người lại đau nhói, tôi vẫn thử bật cần gạt nước, chẳng trông mong gì đâu, thế mà chỉ một lúc sau chúng đã gạt tuyết qua, để lại một lớp băng mỏng ở đằng sau. Một điều bình thường như vậy diễn ra đột nhiên lại khiến tôi sửng sốt, nhưng tôi đành miễn cưỡng tắt cần gạt, cùng đèn pha, dù tôi đã quên mất rằng chúng có bật. Tôi tự nhủ mình nên để dành chút gì còn sót lại trong ắc quy, phòng trường hợp tôi phải bấm còi.

Tôi cựa mình, cảm thấy một tia chớp chạy thẳng từ cánh tay lên xương đòn. Thế giới tối sầm lại. Đau đớn. Tôi hít thở, chờ cho cơn đau thấu trời này qua đi. Chúa ơi, làm ơn đi. Đó là tất cả những gì tôi có thể làm để không hét lên, nhưng rồi, kỳ diệu thay, cơn đau bắt đầu dịu đi. Tôi thở đều, cố ngăn nước mắt, và khi cơn đau cuối cùng cũng lùi xa, tôi thấy kiệt sức. Tôi có thể ngủ mãi và không dậy nữa. Tôi nhắm mắt. Tôi thấy mệt. Rất mệt.

Lạ lùng thay, tôi nghĩ về Daniel McCallum và cái buổi chiều của chuyến viếng thăm ấy. Tôi hình dung ra món quà cậu ấy để lại, và trong lúc thiếp đi, tôi vẫn vờ tự hỏi liệu bao lâu nữa mới có người tìm thấy mình.



“Ira.”

Đầu tiên tôi nghe thấy cái tiếng đó trong giấc mơ, mơ hồ và chưa định hình, như âm thanh dưới nước. Phải một lúc sau tôi mới nhận ra rằng ai đó đang gọi tên mình. Nhưng không thể thế được.

“Ông phải tỉnh dậy thôi, Ira.”

Tôi từ từ mở mắt. Trên ghế bên cạnh, tôi thấy Ruth, vợ tôi.

“Tôi tỉnh rồi đây,” tôi nói, đầu vẫn tì lên vô lăng. Thiếu đi cặp kính mà tôi làm mất trong vụ va chạm, hình ảnh của bà ấy không rõ ràng, như một bóng ma.

“Ông lái xe lao khỏi cao tốc.”

Tôi chớp mắt. “Một thằng điên ép tôi ra khỏi đường. Tôi chạy vào một đoạn đường đóng băng. Không có phản xạ nhạy như mèo của tôi thì chuyện còn tồi tệ hơn ấy.”

“Ông lái xe chệch khỏi đường vì mắt ông vô dụng như mắt dơi và ông đã quá già để cầm lái. Đã bao lần tôi bảo ông rằng ông là một mối đe dọa sau tay lái rồi?”

“Bà chưa bao giờ nói tôi như thế.”

“Lẽ ra tôi nên nói. Ông còn không nhìn ra khúc cua.” Bà ấy ngừng một lúc. “Ông đang chảy máu kìa.”

Ngóc đầu lên, tôi dùng bàn tay còn lành lặn quệt trán và nó dính màu đỏ lúc tôi rút về. Có máu trên vô lăng và bảng đồng hồ, khắp nơi lốm đốm đỏ. Tôi tự hỏi mình đã mất bao nhiêu máu rồi. “Tôi biết.”

“Tay ông gãy rồi. Xương đòn nứt. Vai ông cũng đang có vấn đề đấy.”

“Tôi biết,” tôi lặp lại. Khi tôi chớp mắt, Ruth hết tỏ lại mờ.

“Ông cần phải đến bệnh viện.”

“Tôi không phản đối,” tôi nói.

“Tôi thấy lo cho ông.”

Tôi hít vào rồi thở ra trước khi trả lời. Những làn hơi dài. “Tôi cũng lo cho mình,” cuối cùng tôi nói.

Vợ tôi, Ruth, thực sự không ở trong ô tô. Tôi biết điều đó. Bà ấy mất cách đây chín năm, vào cái ngày tôi thấy như cuộc đời mình chính thức chấm dứt. Tôi ở phòng khách gọi bà ấy, khi bà ấy không trả lời, tôi nhòe dầy khỏi ghế. Hồi ấy tôi có thể di chuyển mà không cần khung tập

đi, mặc dù đi chậm, và sau khi đến được phòng ngủ, tôi thấy bà ấy dưới sàn, gần giường, nằm nghiêng bên phải. Tôi gọi xe cấp cứu và quỳ xuống cạnh bà ấy. Tôi lật bà ấy nằm ngửa ra và chạm tay vào cổ bà ấy, không cảm nhận được gì cả. Tôi áp miệng mình vào miệng bà ấy, hít vào rồi thở ra, như đã xem trên ti vi. Lồng ngực bà ấy phồng lên rồi xẹp xuống và tôi hô hấp nhân tạo bà ấy cho đến khi mọi thứ trước mặt tôi sầm lại, nhưng không có phản ứng gì. Tôi hôn lên môi và má bà ấy, ôm bà ấy trong lòng cho đến khi xe cấp cứu đến. Ruth, người vợ suốt hơn năm mươi lăm năm của tôi, đã mất, và trong chớp mắt, tất cả những gì tôi từng yêu quý cũng mất theo.

“Sao bà lại ở đây?” tôi hỏi.

“Ông hỏi kiểu gì vậy? Tôi ở đây là vì ông.”

Tất nhiên rồi. “Tôi ngủ bao lâu rồi?”

“Tôi không biết,” bà ấy trả lời. “Mà trời cũng tối rồi. Tôi nghĩ ông bị lạnh.”

“Tôi lúc nào chả lạnh.”

“Nhưng không phải lạnh thế này.”

“Ừ,” tôi đồng ý, “không lạnh thế này.”

“Sao ông lại đi đường này? Ông đang đi đâu vậy?”

Tôi định cố gắng cử động nhưng ký ức về tia chớp đó khiến tôi dừng lại. “Bà biết mà.”

“Phải,” bà ấy nói. “Ông đang lái xe đến Black Mountain. Nơi chúng ta hưởng tuần trăng mật.”

“Tôi muốn đến đó lần cuối. Mai là ngày kỷ niệm của chúng ta.”

Phải mất một lúc bà ấy mới trả lời. “Tôi nghĩ đầu óc ông bắt đầu có vấn đề rồi. Mình cưới nhau vào tháng Tám, không phải tháng Hai.”

“Không phải kỷ niệm ngày cưới,” tôi nói. Tôi không

kể với bà ấy là theo lời bác sĩ, tôi sẽ không trụ được đến tháng Tám. Thay vào đó tôi nói, “Ngày kỷ niệm khác cơ.”

“Ông đang nói chuyện gì vậy? Làm gì còn ngày kỷ niệm nào khác. Chỉ có một ngày thôi.”

“Ngày cuộc đời tôi thay đổi mãi mãi,” tôi nói. “Ngày tôi gặp bà lần đầu tiên.”

Trong thoáng chốc, Ruth chẳng nói gì. Bà ấy biết tôi thật lòng, nhưng không như tôi, bà ấy không thoải mái khi nói những điều như vậy. Bà ấy yêu tôi với một tình cảm nồng nhiệt, nhưng tôi chỉ có thể cảm thấy nó qua biểu cảm của bà ấy, qua cái vuốt ve, qua cái lướt khẽ của đôi môi bà ấy. Và, khi tôi thật sự cần, bà ấy cũng yêu tôi bằng những câu từ được viết ra nữa.

“Đó là ngày mùng sáu tháng Hai năm 1939,” tôi nói. “Bà và mẹ bà, Elisabeth, bước vào cửa hiệu, hai mẹ con đang đi mua sắm ở khu trung tâm. Mẹ bà muốn mua cho bố bà một chiếc mũ.”

Bà ấy ngả người ra sau, mắt vẫn nhìn vào tôi. “Ông từ phòng trong bước ra,” bà ấy nói. “Và một lát sau, mẹ ông bước ra theo.”

Phải, bỗng dưng tôi nhớ lại, mẹ tôi đúng là đi theo sau tôi. Ruth luôn sở hữu một trí nhớ siêu việt.

Cũng giống như nhà ngoại tôi, gia đình Ruth cũng tới từ Vienna, nhưng họ mới di dân đến Bắc Carolina trước đó hai tháng. Họ trốn chạy khỏi Vienna sau sự kiện *Anschluss*⁽¹⁾ của Áo, khi Hitler và quân phát xít thôn tóm Áo vào đế chế của mình. Cha của Ruth, Jakob Pfeffer, một giáo sư về lịch sử nghệ thuật, biết sự trỗi dậy của Hitler có ý nghĩa thế nào với người Do Thái, và ông đã bán mọi thứ họ có để gom

1. Anschluss (tiếng Đức): chỉ sự kiện Áo sáp nhập vào Đức tháng Ba năm 1938.

một khoản đút lót cần thiết nhằm đảm bảo tự do cho gia đình. Sau khi vượt biên sang Thụy Sĩ, họ đến London rồi sang New York, và sau cùng đến Greensboro. Một trong những người chú của Jakob, một người sản xuất đồ nội thất, sống cách cửa hiệu của bố tôi vài khu nhà, và Ruth cùng gia đình đã ở trong hai căn phòng chật hẹp phía trên phân xưởng đó trong nhiều tháng. Về sau, tôi biết rằng thứ hơi bốc lên không ngừng từ những đồ gỗ sơn khiến Ruth rất khó chịu vào buổi tối, bà ấy gần như không ngủ nổi.

“Mẹ con tôi đến cửa hiệu vì chúng tôi biết mẹ ông nói tiếng Đức. Người ta nói là bà có thể giúp chúng tôi.” Bà ấy lắc đầu. “Chúng tôi nhớ nhà vô cùng, và rất thèm được gặp đồng hương.”

Tôi gật đầu. Ít ra là tôi nghĩ mình gật đầu. “Mẹ tôi giải thích mọi chuyện sau khi bà đi khỏi. Mẹ phải làm vậy thôi. Tôi chả hiểu nổi lấy một từ mọi người nói.”

“Lẽ ra ông nên học tiếng Đức từ mẹ ông.”

“Để làm gì chứ? Trước cả khi bà rời khỏi cửa hiệu, tôi đã biết rằng một ngày nào đó, chúng ta sẽ cưới nhau. Chúng ta có cả đời để nói chuyện.”

“Ông lúc nào cũng nói vậy, nhưng có đúng thế đâu. Ông hầu như chẳng nhìn tôi.”

“Tôi không làm được. Bà là người con gái đẹp nhất tôi từng thấy. Nhìn bà cũng như nhìn thẳng vào mặt trời vậy.”

“*Ach, Quatsch*⁽¹⁾...” bà ấy phá lên cười. “Ngày ấy tôi đâu có đẹp. Tôi chỉ là một đứa trẻ. Tôi mới mười sáu tuổi.”

“Và tôi thì vừa sang tuổi mười chín. Và cuối cùng thì tôi đã đúng.”

1. Tiếng Đức: vớ vẩn.

Bà ấy thở dài. “Phải,” bà ấy nói, “ông đã đúng.”

Dĩ nhiên, tôi đã từng thấy Ruth và bố mẹ bà ấy trước đây. Họ đã đến Hội đạo của chúng tôi và ngồi gần phía trước, những người nước ngoài trên một miền đất lạ. Mẹ tôi đã chỉ họ cho tôi sau các buổi lễ, kín đáo nhìn theo họ khi họ nhanh chóng trở về nhà.

Tôi luôn yêu những chuyến đi bộ về nhà từ giáo đường vào sáng thứ Bảy, khi mẹ là của riêng tôi. Cuộc nói chuyện giữa chúng tôi dễ dàng chuyển từ chủ đề này sang chủ đề khác, và tôi tận hưởng trọn vẹn sự chú ý của mẹ. Tôi có thể kể cho mẹ bất cứ vấn đề gì tôi gặp phải hay hỏi bất cứ câu nào lóe lên trong đầu, dù là những điều bố tôi sẽ bảo là vô nghĩa. Trong khi bố là người cho lời khuyên, thì mẹ mang đến niềm an ủi và tình yêu. Bố không bao giờ tham gia cùng chúng tôi; ông thích mở cửa hiệu sớm vào các ngày thứ Bảy hơn, hy vọng việc buôn bán sẽ khá khẩm hơn vào cuối tuần. Mẹ tôi hiểu. Vào thời điểm đó, ngay cả tôi cũng biết việc giữ cho cửa hiệu còn hoạt động là cả một nỗ lực. Cuộc Đại suy thoái đã tác động mạnh đến Greensboro, cũng như mọi nơi khác, và cửa hiệu đôi khi không có một vị khách nào suốt mấy ngày liền. Bao nhiêu người thất nghiệp, số người bị đói còn đông hơn. Người ta xếp hàng để lấy xúp hoặc bánh mì. Nhiều ngân hàng địa phương bị sập, kéo theo đó là cả những khoản tiết kiệm của mọi người. Bố tôi là kiểu người biết cách tiết kiệm tiền trong những ngày dư dả, nhưng năm 1939 cũng khiến ông phải khốn đốn.

Mẹ vẫn luôn làm việc cùng bố, mặc dù hiếm khi bà ra ngoài tiếp khách. Ngày ấy, đàn ông - khách hàng của chúng tôi hầu hết là đàn ông - muốn một người đàn ông khác giúp mình, cả trong việc chọn cũng như may đo trang

phục. Tuy nhiên, mẹ tôi giữ cho cửa kho hàng luôn mở, như thế bà có thể nhìn khách hàng rất rõ. Tôi phải công nhận rằng mẹ tôi khéo tay vô cùng. Bố tôi thì kéo và giặt rồi đánh dấu lên vải, còn mẹ tôi chỉ cần liếc qua một cái là đã biết ngay liệu có nên điều chỉnh những chỗ bố đã đánh dấu hay không. Trong con mắt tưởng tượng của bà, bà có thể thấy khách hàng trong bộ vest hoàn chỉnh, biết rõ từng nếp gấp và đường nối. Bố tôi hiểu điều này - đó là lý do vì sao ông đặt chiếc gương ở nơi bà có thể nhìn thấy được. Dù vài người đàn ông, nếu ở trong trường hợp của ông, có thể cảm thấy bị đe dọa đi nữa thì điều này vẫn làm bố tôi tự hào. Một trong *Những nguyên tắc sống* của bố tôi là cưới người phụ nữ thông minh hơn mình. “Bố đã làm thế,” ông hay nói với tôi, “và con cũng nên làm thế. Theo bố thì, sao phải động não một mình chứ?”

Mẹ tôi, tôi phải công nhận, quả thực thông minh hơn bố. Dù chẳng bao giờ tinh thông nghệ thuật nấu ăn - mẹ tôi đáng lẽ phải bị cấm vào bếp - nhưng bà nói bốn ngoại ngữ và có thể trích dẫn Dostoyevsky bằng tiếng Nga; bà là nghệ sĩ dương cầm cổ điển được đào tạo bài bản và đã từng học tại Đại học Vienna vào thời sinh viên nữ vẫn còn hiếm. Ngược lại, bố tôi chưa bao giờ học đại học. Cũng như tôi, ông đã làm việc ở cửa hiệu bán đồ may mặc cho nam của ông nội từ khi còn bé, và ông rất giỏi xoay xở với những con số cũng như khách hàng. Và cũng như tôi, lần đầu ông gặp người vợ tương lai của mình là tại giáo đường, sau khi bà đến Greensboro ít lâu.

Tuy vậy, chúng tôi chỉ giống nhau đến thế, vì tôi vẫn thường tự hỏi liệu bố mẹ tôi có hạnh phúc bên nhau không. Thật dễ để chỉ ra rằng thời đó khác, rằng người ta cưới nhau vì những lý do thực dụng hơn là vì tình

yêu. Tôi không nói rằng họ không hợp nhau trên nhiều phương diện. Họ là bạn đời tốt của nhau, là bố mẹ của tôi, và tôi chưa lần nào nghe thấy họ cãi nhau. Nhưng tôi vẫn thường tự hỏi liệu họ đã bao giờ yêu nhau chưa. Trong suốt những năm tôi sống cùng họ, tôi chưa bao giờ thấy họ hôn nhau, họ cũng không phải những người thấy thoải mái với việc nắm tay. Tối tối, bố tôi sẽ tính toán sổ sách ở bàn bếp trong khi mẹ tôi ngồi trong phòng khách với một cuốn sách mở trên đùi. Về sau, khi bố mẹ tôi đều đã nghỉ hưu và tôi đảm trách việc kinh doanh, tôi đã hy vọng họ sẽ gần gũi nhau hơn. Tôi đã nghĩ họ có thể đi du lịch cùng nhau, đi chơi biển hay đi ngắm cảnh, nhưng sau chuyến đi đầu tiên đến Jerusalem, bố tôi luôn đi du lịch một mình. Họ yên phận ở hai cuộc đời riêng biệt, tiếp tục xa cách nhau hơn, lại trở thành người xa lạ với nhau. Đến tám mươi tuổi, họ dường như chẳng còn biết nói gì với nhau nữa. Họ có thể dành hàng giờ ở trong cùng một phòng mà không nói lời nào. Khi Ruth và tôi đến thăm, chúng tôi thường dành thời gian với người này rồi mới tới người kia, và sau đó khi ở trong ô tô, Ruth sẽ siết tay tôi, như thể tự hứa với lòng rằng chúng tôi sẽ không trở nên như vậy.

Ruth luôn thấy muộn phiền về mối quan hệ của bố mẹ tôi còn hơn cả nỗi lòng chính họ thể hiện ra. Bố mẹ tôi dường như chẳng mấy khát khao hàn gắn khoảng trống giữa họ. Họ thoải mái với thế giới của riêng mình. Đến khi có tuổi, trong khi bố ngày càng gần gũi với di sản của ông nội, mẹ lại sinh ra niềm đam mê vườn tược, và bà dành hàng giờ tỉa hoa ở sân sau. Bố tôi thích xem những bộ phim miền Tây xưa và bán tin buổi tối, còn mẹ tôi có những cuốn sách của bà. Và tất nhiên, họ luôn thích những tác

phẩm nghệ thuật mà Ruth và tôi sưu tập, những tác phẩm dần dần đã giúp chúng tôi giàu có.



“Khá lâu sau đó bà không quay lại cửa hiệu,” tôi nói với Ruth.

Bên ngoài xe, tuyết đã phủ một lớp lên kính chắn gió và vẫn tiếp tục rơi. Theo kênh Thời tiết, lẽ ra nó đã phải ngừng rồi, nhưng bất chấp những siêu phẩm của công nghệ hiện đại và công tác dự báo, những tiên liệu về thời tiết vẫn có thể sai. Đó là một lý do khác khiến tôi thấy kênh này thú vị.

“Mẹ tôi đã mua cái mũ. Nhà tôi không còn tiền để mua gì nữa.”

“Nhưng lúc ấy bà nghĩ tôi đẹp trai.”

“Không. Tai ông quá to. Tôi thích đôi tai thanh tú.”

Bà ấy nói đúng về đôi tai của tôi. Tôi có đôi tai to, và chúng chìa ra ngoài giống như đôi tai của bố, nhưng không như bố, tôi thấy xấu hổ vì chúng. Hồi bé, có lẽ là tám hay chín tuổi gì đó, tôi lấy một miếng vải thừa từ cửa hiệu và cắt nó thành một dải dài, rồi suốt khoảng thời gian còn lại của mùa hè tôi đi ngủ với dải vải quấn quanh đầu, những mong rằng đôi tai sẽ mọc sát lại đầu tôi. Trong khi mẹ tôi bỏ qua việc đó khi bà ghé vào trông chừng tôi hàng đêm, thì thỉnh thoảng tôi lại nghe thấy bố thì thầm với mẹ bằng giọng gần như là nhục nhã. *Nó có đôi tai của tôi, ông nói với bà. Có đôi tai của tôi thì có gì xấu chứ?*

Tôi kể với Ruth chuyện này chỉ ít lâu sau khi chúng tôi cưới nhau và bà ấy cười. Kể từ đó, thỉnh thoảng bà ấy lại trêu tôi về chuyện đôi tai như lúc này vậy, nhưng trong suốt những năm bên nhau, chưa bao giờ bà ấy trêu tôi với ác ý cả.

“Tôi tưởng bà thích đôi tai của tôi. Bà nói với tôi thế mỗi lần hôn chúng mà.”

“Tôi thích khuôn mặt ông. Ông có khuôn mặt hiền lành. Đôi tai chỉ tình cờ đi kèm với nó thôi. Tôi không muốn làm ông tổn thương.”

“Một khuôn mặt hiền lành sao?”

“Phải. Trong đôi mắt ông có vẻ dịu dàng, như thể ông chỉ thấy điều tốt đẹp ở mọi người. Tôi nhận ra điều đó cho dù ông gần như chẳng thèm nhìn tôi.”

“Lúc đó tôi đang cố lấy can đảm để hỏi bà xem liệu tôi có thể đi bộ cùng bà về nhà không.”

“Không,” bà ấy nói, lắc đầu. Cho dù hình ảnh của bà ấy mờ ảo, giọng bà ấy vẫn trẻ trung, như cô gái mười sáu tuổi tôi đã gặp từ lâu lắm. “Về sau tôi thấy ông rất nhiều lần ở giáo đường, và ông chẳng hỏi tôi lấy một lần. Tôi thậm chí còn đợi ông vài lần, nhưng ông đi ngang qua tôi mà không nói một lời.”

“Bà có nói tiếng Anh đâu.”

“Cho đến lúc ấy tôi đã có thể hiểu một chút, và cũng nói được một chút. Nếu ông hỏi, tôi hẳn sẽ trả lời rằng, ‘Được thôi, Ira. Em sẽ đi cùng anh.’ ”

Bà ấy nói những từ cuối với một giọng khác. Giọng Đức của người thành Vienna, mềm mại và đầy nhạc điệu. Những năm sau này, thổ âm của bà ấy phai dần, nhưng chưa bao giờ mất hẳn.

“Bố mẹ bà sẽ không bao giờ cho phép.”

“Mẹ tôi sẽ cho. Bà quý ông mà. Mẹ ông nói với mẹ tôi rằng một ngày nào đó ông sẽ kế thừa việc kinh doanh.”

“Tôi biết ngay mà! Tôi đã luôn ngờ ngợ rằng bà cưới tôi chỉ vì tiền.”

“Tiền nào? Ông làm gì có tiền. Nếu muốn lấy một

người giàu có thì tôi đã lấy David Epstein rồi. Bố ông ấy sở hữu xưởng dệt và họ sống trong một căn biệt thự.”

Đây cũng là một trong những chuyện đùa hay được nhắc đến trong cuộc sống hôn nhân của chúng tôi. Tuy mẹ tôi nói sự thật, chính bà cũng biết nó không phải dạng kinh doanh sẽ làm người ta giàu sang. Nó khởi đầu là một công việc kinh doanh nhỏ, và vẫn cứ giữ nguyên bản chất như thế cho đến ngày tôi dứt khoát bán cửa hiệu và nghỉ hưu.

“Tôi nhớ đã nhìn thấy hai người ở cửa hàng bán xô đa bên kia đường. Suốt cả mùa hè, ngày nào David cũng gặp bà ở đó.”

“Tôi thích xô đa sô cô la mà. Trước đó tôi chưa được uống bao giờ.”

“Tôi đã ghen.”

“Ông ghen cũng phải thôi,” bà ấy nói. “Ông ấy giàu có, đẹp trai và đôi tai thì hoàn hảo.”

Tôi cười, ước gì nhìn được bà ấy rõ hơn. Nhưng bóng tối không cho phép. “Suốt một thời gian tôi cứ nghĩ hai người sắp sửa làm đám cưới đến nơi.”

“Ông ấy có cầu hôn tôi mấy lần, và tôi hay trả lời rằng tôi còn quá trẻ, rằng ông ấy sẽ phải đợi cho đến khi tôi học xong đại học. Nhưng đó là tôi nói dối. Sự thật là tôi đã để ý đến ông. Đó là lý do tại sao tôi cứ khăng khăng đòi đến cửa hàng bán xô đa gần cửa hiệu của bố ông.”

Tất nhiên là tôi biết điều này. Nhưng tôi thích nghe bà ấy nói ra.

“Tôi hay đứng bên cửa sổ ngắm bà, lúc bà ngồi với ông ấy.”

“Thỉnh thoảng tôi cũng thấy ông.” Bà ấy mỉm cười. “Thậm chí có lần tôi còn vẫy tay, thế mà ông vẫn chẳng chịu ngoảnh lại mời tôi đi dạo.”

“David là bạn tôi mà.”

Chuyện này là thật, và nó vẫn không thay đổi trong gần như cả cuộc đời chúng tôi. Chúng tôi vẫn qua lại với David và vợ ông ấy, Rachel, và Ruth còn phụ đạo cho một trong hai đứa con của họ nữa.

“Tình bạn chả liên quan gì ở đây cả. Ông sợ tôi. Ông lúc nào cũng xấu hổ.”

“Chắc bà nhầm tôi với ai rồi. Tôi lịch lãm, đào hoa, chàng Frank Sinatra thời trẻ. Có lúc tôi còn phải lánh mặt rất nhiều phụ nữ theo đuổi mình đấy.”

“Ông vừa đi vừa cầm mắt xuống chân và đỏ mặt khi tôi vẫy tay. Và rồi tháng Tám đó ông chuyển đi. Để học đại học.”

Tôi học ở trường William & Mary ở Williamsburg, bang Virginia, và đến tận tháng Mười hai tôi mới trở về nhà. Tháng đó tôi thấy Ruth hai lần ở giáo đường, cả hai lần tôi đều chỉ nhìn từ xa, rồi tôi quay lại trường học. Tháng Năm, tôi về nhà vào dịp hè để làm việc ở cửa hiệu và vào thời điểm đó, Chiến tranh thế giới thứ hai đang rất khốc liệt ở châu Âu. Hitler đã đoạt được Ba Lan và Na Uy, đánh bại Bỉ, Luxembourg, Hà Lan và đang băm vằm nước Pháp. Trên mọi tờ báo, trong mọi cuộc nói chuyện, nội dung chỉ xoay quanh chiến tranh. Không ai biết liệu nước Mỹ có tham gia cuộc xung đột này không, tâm trạng thật ảm đạm. Vài tuần sau, quân Pháp rút hoàn toàn khỏi cuộc chiến.

“Bà vẫn gặp gỡ David khi tôi quay về.”

“Nhưng tôi cũng trở thành bạn của mẹ ông trong cái năm ông đi học. Trong khi bố tôi làm việc, mẹ tôi và tôi sẽ đến cửa hiệu. Chúng tôi nói chuyện về Vienna và cuộc sống trước kia. Mẹ tôi và tôi thấy nhớ nhà, dĩ nhiên rồi, nhưng tôi cũng thấy giận dữ nữa. Tôi không thích Bắc Carolina.

Tôi không thích đất nước này. Tôi cảm thấy mình không thuộc về nơi đây. Một phần trong tôi muốn quay về quê hương, mặc kệ chiến tranh. Tôi muốn giúp gia đình mình. Chúng tôi rất lo cho họ.”

Tôi nhìn bà ấy quay mặt về phía cửa kính. Trong thỉnh lặng, tôi biết Ruth đang nghĩ về ông bà, các cô các chú, các anh chị em họ của mình. Vào cái đêm trước khi Ruth cùng bố mẹ rời đến Thụy Sĩ, rất nhiều họ hàng của bà ấy đã tụ tập lại trong bữa tối chia tay. Những lời chào tạm biệt đầy lo âu và những lời hứa sẽ giữ liên lạc đã vang lên. Dù có vài người thấy háo hức cho họ, nhưng gần như tất cả đều nghĩ bố Ruth không những đã phản ứng thái quá, mà còn ngu ngốc khi vứt bỏ mọi thứ cho một tương lai bất định. Tuy vậy, vài người đã lên cho bố Ruth vài đồng vàng, và trong chuyến đi kéo dài sáu tuần đến Bắc Carolina, chính những đồng vàng ấy đã mang lại cho họ chốn nương thân và thức ăn vào bụng. Trừ Ruth và bố mẹ, cả gia đình bà ấy đã ở lại Vienna. Vào mùa hè năm 1940, họ đã phải đeo biểu tượng Ngôi sao David⁽¹⁾ trên cánh tay và phần lớn bị cấm làm việc. Lúc ấy thì đã quá muộn để họ có thể trốn đi.

Mẹ tôi kể về những lần Ruth ghé thăm và những mối lo của họ. Mẹ tôi, cũng giống như Ruth, vẫn còn gia đình ở Vienna, nhưng cũng như nhiều người khác, chúng tôi không biết điều gì sắp đến hay rồi nó sẽ còn khủng khiếp thế nào nữa. Ruth cũng không biết, nhưng bố bà ấy thì có. Ông đã biết trước từ lúc vẫn còn thời gian để trốn đi. Và sau này tôi đã tin, rằng ông là người thông minh nhất mà tôi từng gặp.

“Hồi đó bố bà làm đồ gỗ đúng không?”

1. Biểu tượng cho người Do Thái và đạo Do Thái.

“Phải,” Ruth nói. “Không một trường đại học nào thuê ông, nên ông đã làm điều phải làm để nuôi sống gia đình tôi. Nhưng điều đó thật khó khăn với ông. Ông sinh ra không phải để làm đồ gỗ. Khi mới bắt đầu, ông thường trở về nhà trong tình trạng kiệt sức với mùn cưa lẫn trong tóc và những miếng băng dán trên tay, và ông hay ngủ luôn trên ghế ngay khi vừa về đến nhà. Nhưng ông không bao giờ phàn nàn. Ông biết chúng tôi là những người may mắn. Sau khi dậy, ông sẽ đi tắm và mặc vào bộ comple để ăn tối, một cách ông dùng để nhắc nhở bản thân về con người trước kia của mình. Chúng tôi sẽ chuyện trò sôi nổi trong bữa tối. Ông sẽ hỏi tôi đã học gì ở trường ngày hôm đó và chăm chú lắng nghe khi tôi trả lời. Rồi ông sẽ dẫn dắt tôi suy nghĩ về mọi thứ theo những hướng mới. ‘Sao con lại cho rằng như vậy?’ ông sẽ hỏi, hay, ‘Liệu con đã thử cân nhắc điều này chưa?’ Tôi biết điều ông đang làm, dĩ nhiên. Một khi đã là thầy, thì mãi mãi là thầy, và ông là một người thầy giỏi, đó là lý do tại sao bố tôi một lần nữa có thể trở thành giáo sư sau khi chiến tranh kết thúc. Ông dạy tôi cách nghĩ cho bản thân và tin tưởng vào bản năng của mình, như ông đã làm với các sinh viên của ông.”

Tôi quan sát bà ấy, cảm thấy thật tuyệt diệu biết bao khi Ruth cũng đã trở thành một nhà giáo, và tâm trí tôi một lần nữa thoáng nghĩ về Daniel McCallum. “Và khi làm thế bố bà đã giúp bà học mọi điều về nghệ thuật.”

“Phải,” bà ấy nói, cả âm điệu tinh quái vang lên trong giọng bà ấy. “Bố đã giúp tôi cả chuyện đó nữa.”



BỐN THÁNG TRƯỚC

Sophia

“Cậu phải đến nhé,” Marcia nài nỉ. “Mình muốn cậu đến. Có tầm mười ba, mười bốn đứa bọn mình cùng đi. Mà cũng không xa thế đâu. McLeansville cách đây chưa đến một tiếng, và cậu biết là bọn mình sẽ quây tung trong xe mà.”

Ở trên giường, Sophia tỏ vẻ hoài nghi, cô đang lơ đãng xem lại vài ghi chú về lịch sử thời Phục hưng. “Mình chịu thôi... *đấu bò* sao?”

“Đừng nói kiểu đó,” Marcia nói, chỉnh lại chiếc mũ cao bồi trước gương, nghiêng nó qua bên này rồi bên kia. Là bạn cùng phòng với Sophia từ năm hai, Marcia Peak dễ có khi là bạn thân nhất trong ký túc xá của cô. “À, đó không phải là đấu bò - chỉ là *cưỡi bò* thôi. Và B, chuyện này còn chẳng liên quan gì đến điều đấy. Chủ yếu là ra khỏi học xá để tham gia một chuyến dã ngoại ngắn, đi chơi với mình và lũ con gái. Sau đó sẽ có tiệc tùng, họ bố trí mấy quầy bar trong căn nhà kho to, cổ lỗ gần khu thi đấu... sẽ có ban nhạc, rồi nhảy nhót, và mình sẽ có Chúa là cậu sẽ không thể tìm được nhiều anh chàng dễ thương cùng ở một chỗ như thế nữa đâu.”

Sophia nhìn qua mép cuốn vở. “Tìm một anh chàng dễ thương không phải việc mình muốn làm lúc này.”

Marcia đảo mắt. “Vấn đề là, cậu cần phải ra khỏi nhà. Giờ đã là tháng Mười rồi. Bọn mình nhập học được hai tháng rồi và cậu phải thôi rầu rĩ đi.”

“Mình có rầu rĩ đâu,” Sophia nói. “Mình chỉ... chán ngấy chuyện đó thôi.”

“Ý cậu là chán ngấy chuyện gặp Brian, đúng không?” Cô xoay người lại đối diện với Sophia. “Được rồi, mình hiểu. Nhưng học xá này nhỏ mà. Với lại Chi Omega và Sigma Chi còn được ghép đôi năm nay nữa. Dù có thế nào thì chuyện đó cũng khó tránh lắm.”

“Cậu hiểu ý mình mà. Anh ta vẫn cứ bám theo mình. Hôm thứ Năm, anh ta đến ở hội trường của Scales Center sau giờ học của mình. Hồi bọn mình bên nhau chưa bao giờ có chuyện đó.”

“Cậu có nói chuyện với anh ta không? Hay anh ta có cố gắng nói chuyện với cậu không?”

“Không.” Sophia lắc đầu. “Mình tiến thẳng ra cửa và giả vờ như không nhìn thấy anh ta.”

“Vậy là không có vấn đề gì xảy ra.”

“Nhưng vẫn ghê ghê...”

“Thì sao chứ?” Marcia bực bội nhún vai. “Đừng để chuyện đó ảnh hưởng đến cậu. Cũng đâu phải anh ta là một thằng điên hay gì đâu. Rồi từ từ anh ta sẽ hiểu chuyện thôi.”

Sophia nhìn ra hướng khác, nghĩ thầm, *Mình hy vọng thế*, nhưng thấy cô không trả lời, Marcia băng ngang phòng và ngồi xuống chiếc giường bên cạnh. Cô vỗ vỗ chân Sophia. “Hãy thử suy nghĩ một cách hợp lý xem nào, được chứ? Cậu nói anh ta không còn gọi điện và nhắn tin cho cậu, phải không?”

Sophia gật đầu, dù là với một cảm giác miễn cưỡng.

“Vậy thì được rồi,” cô kết luận. “Đến lúc tiếp tục với cuộc sống của cậu rồi.”

“Đó là điều mình đang cố làm đây. Nhưng cho dù mình đi đâu, anh ta cũng ở đó. Mình không hiểu sao anh ta không để cho mình yên.”

Marcia co chân lên rồi tì cằm lên đầu gối. “Đơn giản thôi - Brian nghĩ anh ta có thể nói chuyện với cậu, nếu anh ta nói những lời đúng đắn và thêm vào đó chút quyến rũ, anh ta sẽ thuyết phục được cậu đổi ý. Anh ta thực lòng tin như vậy.” Marcia nhìn cô chằm chằm với vẻ tha thiết. “Sophia, cậu phải biết rằng mọi thằng con trai đều nghĩ như vậy. Bọn họ nghĩ họ có thể giải quyết mọi chuyện chỉ bằng lời lẽ, và họ luôn muốn cái họ không thể có. Nó nằm trong ADN của bọn họ rồi. Cậu đá anh ta, giờ thì anh ta muốn có lại cậu. Nhập môn con trai học đó.” Cô nháy mắt với bạn mình. “Rồi anh ta cũng sẽ phải chấp nhận rằng mọi chuyện đã kết thúc. Tất nhiên, miễn là cậu không nhượng bộ.”

“Mình không nhượng bộ đâu,” Sophia nói.

“Thế là tốt,” Marcia nói. “Cậu vốn quá tốt để cặp với anh ta.”

“Mình tưởng cậu thích Brian.”

“Mình *thích* anh ta. Anh ta vui tính và đẹp trai lại còn giàu - có gì để không thích chứ? Bọn mình đã là bạn từ năm nhất, và mình vẫn nói chuyện với anh ta. Nhưng mình cũng biết anh ta là một thằng bạn trai vút đi, kẻ đã lừa dối bạn cùng phòng của mình. Không những một lần hai lần, mà những ba lần.”

Sophia thấy vai mình chùng xuống. “Cảm ơn đã nhắc mình.”

“Nghe này, bốn phần của một người bạn là giúp cậu

vượt qua chuyện này. Thế mình phải làm gì? Mình đã nghĩ ra một giải pháp tuyệt vời cho mọi vấn đề của cậu, một buổi tối đi chơi xa khỏi học xá cùng mấy cô bạn gái, vậy mà cậu vẫn định ở lại đây sao?”

Thấy Sophia vẫn không nói gì, Marcia nhào người sang. “Đi đi mà. Đi với bọn mình đi. Mình cần trợ thủ của mình.”

Sophia thở dài, biết rõ Marcia có thể cố chấp đến mức nào. “Thôi được,” cô mỉm lòng, “mình sẽ đi.” Và cho dù lúc ấy cô không biết, nhưng mỗi khi những suy nghĩ của cô trôi ngược về quá khứ, cô vẫn luôn nhớ rằng đây là lúc mọi chuyện bắt đầu.



Khi gần đến nửa đêm, Sophia phải thừa nhận rằng cô bạn đã đúng. Cô cần một buổi tối ra ngoài chơi... cô nhận ra rằng lần đầu tiên sau nhiều tuần, cô thực sự thấy vui. Suy cho cùng, đâu phải tối nào cô cũng được tận hưởng mùi hương của đất, mồ hôi và phân bón, trong khi ngắm những chàng trai điên cuồng cười trên những con vật còn điên cuồng hơn. Cô biết, Marcia nghĩ những anh chàng cười bò toát ra vẻ lôi cuốn nhục dục, và không dưới một lần, người bạn cùng phòng của cô huých cô để chỉ ra một anh chàng đặc biệt đẹp trai nào đó trong đó có cả anh chàng thắng chung cuộc. “Thế mới đúng là ngon mắt chứ,” cô nói, và Sophia phá lên cười tán đồng mặc dù không chủ ý.

Bữa tiệc sau đó là một sự ngạc nhiên thú vị. Căn nhà kho xập xệ, với sàn nhà đầy bụi, những bức tường bằng ván gỗ, những thanh rầm lộ và những lỗ hổng trên mái nhà, chật kín người. Mọi người đứng thành ba hàng tại các quầy bar dựng tạm và tùm tùm xung quanh một tổ hợp lộn xộn

nào bàn nào ghế rải rác khắp cái không gian hết như trong lòng hang động này. Tuy bình thường không nghe nhạc đồng quê miền Tây, cô vẫn thấy ấn tượng với ban nhạc và sàn nhảy tự chế bằng gỗ đã chặt ních. Thỉnh thoảng mọi người lại thực hiện một điệu nhảy tập thể theo hàng và đường như ai cũng biết cách nhảy ngoại trừ cô. Nó như thể một bí mật giữa họ vậy; bài này kết thúc là bài khác lại nổi lên, những người nhảy trước kéo nhau ra khỏi sàn để những người khác lên thay, chọn vị trí cho mình trong hàng, điều đó khiến cô có ấn tượng rằng tất cả chuyện này đều đã được tập dượt sẵn. Marcia và những cô gái khác trong hội nữ sinh cũng tham gia, thể hiện hoàn hảo mọi điệu nhảy và khiến Sophia tự hỏi tất cả bọn họ đã học từ đâu. Trong suốt hơn hai năm ở cùng nhau, cả Marcia lẫn những người khác đều chưa một lần nhắc đến việc họ biết nhảy theo hàng.

Tuy không có ý định tự làm xấu mặt mình trên sàn nhảy, Sophia vẫn thấy vui vì đã đến đây. Không như phần lớn những quán bar gần học xá - hay đúng hơn là *bất cứ* quán bar nào cô từng đến - ở đây mọi người đều vô cùng tử tế. Tử tế đến mức buồn cười. Cô chưa bao giờ thấy nhiều người lạ thốt lên, "Cảm phiền xịu," hay "Xin lỗi nha," kèm theo nụ cười toe toét thân thiện khi họ tránh khỏi lối đi của cô như vậy. Và Marcia cũng đúng về một chuyện khác: những anh chàng dễ thương ở khắp nơi, và Marcia - cùng với phần lớn các cô gái ở ngôi nhà chung - đang tận dụng tối đa hoàn cảnh này. Kể từ khi họ đến đây, chưa ai trong số họ phải bỏ tiền mua dù chỉ một ly đồ uống.

Cảm giác như thế đây là kiểu tối thứ Bảy cô hình dung sẽ diễn ra ở Colorado, Wyoming hay Montana, mặc dù cô chưa bao giờ đến bất cứ nơi nào trong số đó. Ai mà

biết ở Bắc Carolina lại có nhiều cao bồi đến thế chứ? Quan sát đám đông, cô nhận ra hình như họ không phải cao bồi thật - hầu hết có mặt ở đó bởi họ thích xem trò cưỡi bò và uống bia vào tối thứ Bảy - nhưng trước đây cô chưa từng thấy nhiều mũ, boots và thắt lưng cao bồi đến thế tụ họp ở một chỗ. Còn phụ nữ thì sao? Họ cũng đi boots, đội mũ, nhưng giữa các chị em trong hội nữ sinh và số phụ nữ còn lại đang có mặt ở đây, cô để ý thấy nhiều quần soóc ngắn cùn và áo hở eo còn hơn cả những gì cô từng thấy ở sân trong của học xá vào ngày đầu xuân ấm áp. Có thể coi đây là hội nghị quần soóc siêu ngắn. Trước đó trong ngày Marcia và hội con gái đã đi mua sắm, làm cho giờ đây Sophia cảm giác mình như một đứa quê mùa trong chiếc quần jean và áo sơ mi không tay.

Cô nhấp một ngụm đồ uống, hài lòng quan sát, lắng nghe và lĩnh hội mọi thứ xung quanh. Marcia đã lặn mất tăm cùng Ashley vài phút trước, chắc hẳn là để nói chuyện với vài anh chàng mới gặp. Phần lớn các cô gái khác đều túm tụm lại thành nhóm, nhưng Sophia không thấy có nhu cầu tham gia cùng họ. Cô vẫn thường hơi cô độc, và không giống với nhiều người trong ngôi nhà chung, cô không sống và chết theo quy tắc của hội nữ sinh. Dù có quen được vài người bạn tốt, cô đã sẵn sàng bỏ lại để đi tiếp. Viễn cảnh *đời thật* có thể đáng sợ thật đó, nhưng cô vẫn háo hức với chuyện được ra ở riêng. Cô mơ hồ tưởng tượng ra một căn gác xép trong một thành phố nọ, với những quán ăn nhỏ, quán cà phê và quán bar gần đó, nhưng đây cũng có thể là một giấc mơ phi thực tế. Sự thật là ngay đến việc sống trong một căn hộ tẻ ngắt cuối đường cao tốc ở Omaha, Nebraska cũng đáng mơ ước hơn hoàn cảnh hiện tại của cô. Cô chán phải sống trong nhà của hội nữ sinh, không chỉ

bởi Chi Omega và Sigma Chi lại được ghép đôi với nhau. Đây đã là năm thứ ba cô ở trong ngôi nhà này, và chuyện thị phi của hội nữ sinh giờ cũng không còn nhiều. Không phải, sai rồi. Trong một ngôi nhà chung với ba mươi tư cô gái, thì thị phi là *vô tận*, và dù đã cố hết sức tránh nó, cô cũng biết rằng phiên bản của năm nay đã đang được dựng lên. Nhóm nữ sinh mới lên năm thứ hai mới không ngừng lo lắng về việc người khác nghĩ gì về bọn họ và làm thế nào để hòa nhập trong lúc tranh đấu nhau để giành được vị trí cao hơn trên nấc thang quyền lực.

Dù đã nhập hội nhưng Sophia chưa hề thực sự quan tâm đến mấy việc đó. Cô trở thành thành viên của hội nữ sinh một phần vì cô không chơi được với bạn cùng phòng năm nhất, và phần vì lũ sinh viên năm nhất khác cũng đều đang xin vào. Cô tò mò muốn tìm hiểu xem chuyện này rốt cuộc là sao, đặc biệt là khi cuộc sống xã hội ở Wake phần lớn được định hình bởi hệ thống Hy Lạp⁽¹⁾. Thế rồi dùng một cái, cô trở thành thành viên của Chi Omega và nộp tiền đặt cọc cho căn phòng trong ngôi nhà chung.

Cô đã cố gắng hòa nhập vào mọi hoạt động. Thực sự là thế. Trong năm đầu tiên, có lúc cô đã cân nhắc việc trở thành một thành viên cấp cao. Marcia phá lên cười ngay khi Sophia vừa nhắc đến ý định của mình, rồi Sophia cũng cười theo, và chuyện kết thúc ở đó. Thế cũng tốt, bởi Sophia biết rằng cô hẳn sẽ là một cấp cao dở dẩn. Cho dù có tham dự mọi bữa tiệc, mọi vũ hội, mọi cuộc họp bắt buộc đi nữa, cô cũng không thể nuốt nổi toàn bộ cái tinh thần “tình chị em sẽ thay đổi cuộc đời bạn”, hay tin rằng việc “trở thành

1. Phần lớn các trường đại học và cao đẳng ở Mỹ đều có những ngôi nhà cho hội nam sinh và hội nữ sinh trong học xá. Những hội này gọi chung là hệ thống Hy Lạp, vì tên của các nhà trong đó thường được đặt theo một hoặc vài ký tự trong bảng chữ cái Hy Lạp.

thành viên của Chi Omega sẽ mang lại lợi ích trọn đời”.

Mỗi khi nghe thấy mấy câu khẩu hiệu đó tại các cuộc họp chi hội, cô lại muốn giơ tay hỏi các chị em là liệu họ có thực lòng tin rằng mức độ tinh thần cô thể hiện trong suốt tuần lễ Hy Lạp sẽ ảnh hưởng về lâu dài không. Cho dù có cố thế nào đi nữa, cô cũng không thể tưởng tượng cảnh mình ngồi trong buổi phỏng vấn và nghe sếp tương lai nói, *Tôi để ý thấy ở đây ghi rằng cô đã giúp biên đạo bài nhảy góp phần đưa Chi Omega lên đầu bảng xếp hạng hội nữ sinh trong năm đầu tiên của mình. Thú thực, cô Danko, đó tình cờ lại chính là kỹ năng mà chúng tôi đang tìm kiếm ở một nhà giám tuyển cho bảo tàng.*

Thôi ạ.

Cuộc sống cùng hội nữ sinh là một phần trải nghiệm thời sinh viên và cô không hề hối tiếc, nhưng cô không bao giờ muốn nó trở thành *duy nhất* cả. Trở thành phần chính cũng không. Điều đầu tiên và cũng là tiên quyết, cô đến với trường Wake Forest vì cô muốn hưởng một nền giáo dục tốt, và học bổng của cô yêu cầu cô phải ưu tiên việc học. Và cô đã làm đúng như vậy.

Cô xoay ly đồ uống, nhớ lại năm ngoái. Ừ thì... cũng gần như thế.

Học kỳ trước, sau khi phát hiện ra Brian đã lừa dối mình lần thứ hai, cô đã vô cùng suy sụp. Cô thấy không thể học hành gì được, và khi kỳ thi cuối kỳ lại đến, cô phải điên cuồng ôn luyện để duy trì được điểm số. Cô đã làm được... vừa đủ. Nhưng đó có lẽ là điều căng thẳng nhất mà cô từng trải qua, và cô quyết tâm không để nó lặp lại lần nữa. Nếu không nhờ có Marcia, cô cũng không chắc làm sao mình có thể qua được học kỳ trước nữa, và chỉ riêng điều đó thôi cũng đủ là lý do để cô thấy mừng vì đã gia nhập Chi

Omega từ đầu. Với cô, cái hay của hội nữ sinh vẫn nằm ở tình bạn cá nhân, không phải cái tinh thần nhóm rình rang nào đó; và với cô, tình bạn không liên quan gì đến vị trí trên nấc thang quyền lực. Và vì thế, cũng giống như hồi mới vào, cô sẽ làm những gì phải làm trong ngôi nhà chung suốt năm học cuối, nhưng không hơn. Cô sẽ trả đủ các khoản phí và phót lờ các phường hội mười mười là đang trên đà hình thành, đặc biệt với những nhóm tin rằng làm một thành viên trong Chi Omega là điều vinh dự và quan trọng nhất trong cuộc đời.

Những phường hội tôn thờ người như Mary-Kate chẳng hạn.

Mary-Kate là chủ tịch của chi hội, và cô ta không chỉ *tiết ra* sự sống của hội nữ sinh, mà trông cô ta cũng hợp với nó - với đôi môi dày và cái mũi hơi hếch, được làn da không tí vết và cấu trúc xương đẹp tôn lên. Sức quyến rũ của cô ta còn được tăng thêm nhờ quý ủy thác của mình - gia đình cô ta vẫn là một trong những gia đình giàu nhất bang, nhờ tiền buôn thuốc lá từ xưa - và với nhiều người, cô ta *chính là* hội nữ sinh. Và Mary-Kate biết điều đó. Ngay lúc này, tại một trong những chiếc bàn tròn to nhất, cô ta đang là tâm điểm chú ý, được vây quanh bởi những em gái rõ ràng là muốn lớn lên trở thành người giống cô ta. Như thường lệ, cô ta đang nói về bản thân mình.

“Chị chỉ muốn tạo ra sự khác biệt thôi, mấy em biết không?” Mary-Kate nói. “Chị biết mình sẽ chẳng thể nào thay đổi thế giới, nhưng chị nghĩ quan trọng là cố gắng tạo ra sự khác biệt.”

Jenny, Drew và Brittany nuốt trọn từng lời của cô ta. “Em nghĩ điều đó thật tuyệt vời,” Jenny tán thành. Cô ta là nữ sinh năm hai đến từ Atlanta, và Sophia biết cô ta đủ để

hai người chào nhau vào buổi sáng, nhưng không hơn mức đó là bao. Hẳn cô ta xúc động lắm khi được dành thời gian ở bên Mary-Kate.

“Ý chị là, chị không muốn đến châu Phi hay Haiti hay những nơi tương tự thế,” Mary-Kate tiếp tục. “Tại sao phải đi đến tận những nơi đó? Bố chị nói có rất nhiều cơ hội để giúp đỡ những người ở xung quanh đây. Đó là lý do ông thành lập tổ chức từ thiện, và là lý do chị sẽ làm việc ở đó sau khi tốt nghiệp. Để giúp xóa đi những vấn đề ở địa phương. Để tạo ra sự khác biệt ở ngay Bắc Carolina này. Máy em có biết ở bang này vẫn còn những người phải dùng nhà xí bên ngoài không? Các em tưởng tượng được không? Không có đường ống nước trong nhà? Chúng ta cần phải giải quyết những vấn đề kiểu như vậy.”

“Khoan đã,” Drew nói, “em chưa rõ lắm.” Cô ta đến từ Pittsburgh, và trang phục cô ta mặc trông gần y như của Mary-Kate, giống đến cả mũ và ủng. “Chị đang nói rằng tổ chức của bố chị xây cả nhà vệ sinh sao?”

Đôi lông mày quăn rũ của Mary-Kate tạo thành hình chữ V. “Em đang nói gì thế?”

“Tổ chức của bố chị. Chị nói nó xây nhà vệ sinh.”

Mary-Kate nghiêng đầu, quan sát Drew như thể cô ta là một đứa thiếu năng. “Nó trao học bổng cho đứa trẻ nào cần. Vì lẽ gì mà em lại nghĩ nó xây nhà vệ sinh?”

Ôi, em không biết nữa, Sophia nghĩ, thầm mỉm cười. *Có thể vì chị đang nói về nhà xí bên ngoài chẳng? Và chị khiến người ta có cảm giác ấy?* Nhưng cô không nói gì cả, vì biết chắc Mary-Kate sẽ không ưa sự hóm hỉnh này. Khi đề cập đến *những kế hoạch tương lai*, Mary-Kate không có chỗ cho sự hài hước. Rốt cuộc thì tương lai là một chuyện nghiêm túc kia mà.

“Nhưng em tưởng chị sẽ trở thành một biên tập viên truyền hình cơ mà,” Brittany nói. “Tuần trước chị kể với bọn em về thư mời tuyển dụng đó.”

Mary-Kate hất đầu. “Vụ đó không ổn.”

“Tại sao không ạ?”

“Nó là bản tin buổi sáng. Ở Owensboro, Kentucky.”

“Thì sao ạ?” một trong số các em trong hội nữ sinh hỏi, lúng túng thấy rõ.

“Không hiểu à? Owensboro? Em đã bao giờ nghe đến Owensboro chưa?”

“Chưa ạ.” Mấy cô gái trao nhau ánh mắt rụt rè.

“Thì đó,” Mary-Kate tuyên bố. “Chị *không* chuyển đến Owensboro, Kentucky đâu. Nó khác nào một cái chấm trên bản đồ chứ. Và chị sẽ không dậy lúc bốn giờ sáng đâu. Hơn nữa, như chị nói đấy, chị muốn tạo ra sự khác biệt. Ngoài kia có rất nhiều người cần giúp đỡ. Chị đã suy nghĩ về điều này lâu rồi. Bố chị nói...”

Đến đó, Sophia không nghe nữa. Cô đứng lên khỏi ghế, quét ánh nhìn qua cả đám đông để tìm Marcia. Trong này thực sự *đã* chật kín, và càng về đêm người càng thêm đông. Len qua vài cô bạn và những chàng trai đang nói chuyện với họ, cô bắt đầu luồn lách qua đám đông, tìm kiếm chiếc mũ cao bồi màu đen của Marcia. Một nhiệm vụ vô vọng. Mũ cao bồi đen ở *khắp nơi*. Cô cố gắng nhớ lại màu mũ của Ashley. Màu kem, nhỉ? Như vậy, cô có thể thu hẹp các lựa chọn cho đến khi phát hiện được bạn mình. Cô bắt đầu lần theo hướng của họ, chen chúc qua nhiều nhóm người, và rồi cô phát hiện ra một thứ gì đó nơi khóe mắt.

Hay, chính xác hơn, *ai* đó.

Cô dừng lại, rướn lên để có tầm nhìn tốt hơn. Thường thì chiều cao của anh ta khiến anh ta dễ bị phát hiện trong

đám đông, nhưng trước mặt có quá nhiều chiếc mũ ở tầm cao tầm tầm ấy khiến cô không dám chắc đó là anh ta. Dù vậy, cô vẫn đột ngột thấy bất an. Cô cố tự nhủ rằng mình đã lầm, rằng mình chỉ tưởng tượng ra mà thôi.

Tuy không muốn, cô vẫn không thể ngừng tìm kiếm. Cô cố gắng phớt lờ cảm giác nặng nề trong lòng lúc tìm kiếm từng khuôn mặt trong đám đông di động. *Anh ta không ở đây*, cô lặp lại với chính mình, nhưng ngay lúc ấy cô lại nhìn thấy anh ta, nghênh ngang đi xuyên qua đám đông, hai người bạn cặp kè hai bên.

Brian.

Cô chết đứng, quan sát ba người bọn họ tiến đến một chiếc bàn trống, Brian chen lấn qua đám đông như thể vẫn đang chơi trên sân bóng vợt. Trong giây lát, cô thấy không thể tin nổi. Cô chẳng thể nghĩ được gì ngoài: *Thật sao? Anh đi theo tôi đến cả đây ư?*

Cô thấy má mình đỏ lựng lên. Cô đang đi chơi với bạn, xa khỏi học xá... anh ta đang nghĩ gì vậy? Cô đã thể hiện rất rõ rằng cô không muốn gặp anh ta, đã nói thẳng toẹt rằng cô không muốn nói chuyện với anh ta. Cô toan hùng hổ tiến đến và nói với anh ta - nói thẳng mặt, một lần nữa - là chuyện đã kết thúc rồi.

Nhưng cô không làm vậy, vì cô biết điều đó cũng sẽ *chẳng thay đổi được gì*. Marcia nói đúng. Brian tin rằng nếu nói chuyện được với cô thì anh ta có thể làm cô đổi ý. Bởi anh ta nghĩ rằng nếu tỏ ra thật *quyến rũ* và *thành khẩn* hết mức, cô sẽ bất khả kháng cự. Dù gì thì, trước đây cô đã từng tha thứ cho anh ta. Sao lại không có lần thứ hai chứ?

Cô xoay người đi, luồn lách qua đám đông để đến chỗ Marcia, cảm ơn Chúa vì mình đã đi khỏi cái bàn đó từ lúc trước. Cô không hề muốn anh ta thông dong bước đến, giả

vờ ngạc nhiên khi tìm thấy cô. Bởi cho dù sự thật có là gì đi nữa, thì cô cũng sẽ bị dính cái móc vô tình. Tại sao ư? Vì Brian là Mary-Kate của hội nam sinh. Một cầu thủ bóng vọt siêu sao của Mỹ được ưu ái cho một vẻ ngoài đẹp trai đến sùng sờ và một người cha làm ngân hàng giàu có, Brian thống trị các mối quan hệ xã hội của hội nam sinh không mấy khó khăn. Ai trong hội nữ sinh cũng vây lấy Brian, và cô tin chắc chỉ cần một chút tín hiệu thôi là nửa số con gái trong ngôi nhà chung đều sẵn sàng lên giường với anh ta.

Thế thì, cứ để họ có được anh ta.

Sophia tiếp tục luồn lách qua đám đông trong lúc ban nhạc kết thúc bài này và chuyển sang bài kế tiếp. Cô thoáng thấy Marcia và Ashley ở gần sàn nhảy, nói chuyện với ba anh chàng mặc quần jean bó và đội mũ cao bồi, cô đoán họ lớn hơn bọn cô vài tuổi. Sophia tiến về phía đó, và khi cô vói được tay Marcia, cô bạn cùng phòng liền quay lại, vẻ như bối rối. Hay, nói đúng hơn, là say.

“Ồ, này!” cô lè nhè, kéo dài từng từ một. Cô đẩy Sophia tiến lên trước. “Các anh ơi, đây là Sophia, bạn cùng phòng của em. Còn đây là Brooks và Tom... và...” Marcia nheo mắt nhìn anh chàng đứng giữa. “Anh tên gì ấy nhỉ?”

“Terry,” anh ta nói.

“Chào anh,” Sophia nói, một cách máy móc. Cô quay về phía Marcia. “Mình nói chuyện riêng với cậu được không?”

“Ngay bây giờ sao?” Marcia cau mày. Cô liếc nhanh về phía mấy anh chàng cao bồi rồi quay sang đối diện với Sophia, chẳng thèm che giấu vẻ bức bối. “Có chuyện gì thế?”

“Brian ở đây,” Sophia rít lên.

Marcia nheo mắt nhìn cô, như thể đang cố gắng khẳng định điều mình vừa nghe thấy là thật, rồi cuối cùng cũng

gật đầu. Cả hai người bọn họ rút đến một nơi cách biệt hơn khỏi sàn nhảy. Ở đây âm thanh không đình tai bằng, nhưng Sophia vẫn phải nói lớn để bạn mình nghe được.

“Anh ta bám theo mình. Lần nữa.”

Marcia nhòm qua vai Sophia. “Anh ta đâu?”

“Cạnh chỗ mấy cái bàn ấy, cùng với tất cả mọi người ở trường. Anh ta dẫn theo Jason và Rick.”

“Sao anh ta biết cậu ở đây?”

“Nó đâu hẳn là một bí mật. Nửa số người trong học xá biết tối nay bọn mình đến đây mà.”

Trong lúc Sophia nổi đóa, Marcia chớp mắt đã chuyển sự quan tâm của mình sang một trong mấy anh chàng cô nói chuyện cùng khi nãy, rồi cô lại quay về với Sophia với vẻ hết kiên nhẫn nổi.

“Thôi được rồi... anh ta ở đây.” Cô nhún vai. “Vậy cậu muốn làm gì?”

“Mình không biết,” Sophia nói, khoanh tay trước ngực.

“Anh ta có nhìn thấy cậu không?”

“Mình không nghĩ vậy,” cô nói. “Mình chỉ không muốn anh ta bắt đầu bày trò.”

“Cậu muốn mình nói chuyện với anh ta không?”

“Không.” Sophia lắc đầu. “Thực sự thì mình cũng không biết mình muốn gì.”

“Vậy cứ thoải mái đi. Lờ anh ta đi. Qua chơi cùng mình và Ashley một lúc. Chúng ta đâu cần quay lại khu bàn nữa. Có thể anh ta sẽ bỏ đi thôi. Mà nếu anh ta tìm ra bọn mình, thì mình sẽ bắt đầu ve vãn anh ta. Đánh lạc hướng anh ta.” Đôi môi cô cong lên thành một nụ cười khiêu khích. “Cậu biết là anh ta từng có ý với mình mà. Tất nhiên là trước cậu.”

Sophia khoanh tay chặt hơn. “Có khi bọn mình nên đi thôi.”

Marcia phẩy tay. “Đi kiểu gì? Bọn mình ở cách học xá cả tiếng đi xe, và chẳng ai trong hai đứa có xe ở đây. Bọn mình đi cùng Ashley, nhớ không? Và mình tin chắc cậu ấy không muốn về đâu.”

Sophia chưa từng nghĩ đến điều đó.

“Thôi mà,” Marcia nài nỉ. “Uống cái gì đi. Cậu sẽ thích mấy anh chàng này mà. Họ đang học sau đại học ở Duke đấy.”

Sophia lắc đầu. “Lúc này mình không có tâm trạng nói chuyện với bất cứ anh chàng nào cả.”

“Thế cậu muốn làm gì?”

Sophia nhìn thấy bầu trời đêm ở tít đầu kia của nhà kho và bỗng cảm thấy khao khát tốt bụng muốn được ra khỏi khung cảnh đông nghẹt, đầy mồ hôi này. “Mình nghĩ chắc mình chỉ cần chút không khí trong lành thôi.”

Marcia nhìn theo ánh mắt của cô rồi lại nhìn Sophia. “Cậu có muốn mình đi cùng không?”

“Không, không sao đâu. Mình sẽ lại tìm cậu sau. Cứ chơi loanh quanh ở đây thôi nhé?”

“Được, tất nhiên rồi,” Marcia đồng ý với sự nhẹ nhõm thấy rõ. “Nhưng mình có thể đi cùng cậu...”

“Đừng lo chuyện đó. Mình không đi lâu đâu.”

Khi Marcia quay lại cùng những người bạn mới, Sophia đi về phía đầu kia của nhà kho. Đám đông thưa dần khi cô ra xa khỏi sàn nhảy và ban nhạc. Vài người đàn ông cố thu hút sự chú ý của cô khi cô đi qua họ, nhưng Sophia vờ như không nhận thấy, không muốn mình bị phân tâm.

Những cánh cửa gỗ to quá khổ đã được chống kỹ càng và ngay khi vừa bước ra ngoài, cô cảm thấy một cơn

sóng nhẹ nhõm tràn qua mình. Nhạc không còn to nữa, và không khí mát lạnh của mùa thu như một lớp dầu thơm mát trên da. Cô đã không nhận ra trong khu nhà kho nóng đến thế nào. Cô nhìn quanh, mong tìm được một chỗ để ngồi. Nằm tách biệt hẳn ở bên hông là một cây sồi lớn, các cành nhánh đầy mấu của nó chìa ra đủ mọi hướng, và ở đây đó, người ta đứng thành từng tốp nhỏ, hút thuốc và uống rượu. Phải mất vài giây cô mới nhận ra tất cả đều đang ở trong một khoảng đất rộng được bao lại bởi một hàng rào gỗ xuất phát từ hai bên hông nhà kho; chắc hẳn nơi đây từng là một bãi quây gia súc.

Ở đây không có chiếc bàn nào cả. Thay vào đó, các nhóm người phần lớn là ngồi lên hoặc tựa vào hàng rào; có một nhóm ngồi trên thứ mà cô nghĩ là lớp bánh cũ của máy kéo. Xa xa phía bên kia, một anh chàng đơn độc đội mũ cao bồi nhìn chăm chú sang bãi cỏ bên cạnh, khuôn mặt chìm trong bóng tối. Cô vẫn tự hỏi liệu anh ta có phải cũng đang học sau đại học ở Duke không, nhưng cô nghĩ chắc không phải. Không biết vì sao, nhưng mũ cao bồi và học sau đại học ở Duke không ăn nhập với nhau chút nào.

Cô bắt đầu tiến lại một chỗ còn trống bên hàng rào, cách anh chàng cao bồi cô đọc vài cọc gỗ. Trên đầu cô, bầu trời trong như một mái vòm thủy tinh, mặt trăng đang lửng lơ phía trên hàng cây xa xa. Cô tì khuỷu tay lên hàng rào gỗ sần sùi và chiêm ngưỡng khung cảnh xung quanh. Xa xa phía bên phải cô là trường đấu, lúc này cô đã xem cuộc thi cưỡi bò ở đó; ngay phía sau là một loạt những bãi cỏ nhỏ được quây lại để giữ lũ bò. Mặc dù bãi chăn gia súc không được thắp sáng, nhưng vài bóng đèn nơi sân đấu vẫn bật, phủ lên lũ bò một lớp ánh sáng nhờ nhờ. Đằng sau những bãi quây là hai hay ba mươi chiếc xe bán tải và

xe moóc, được các chủ xe vây quanh. Dù là ở xa, cô vẫn có thể nhìn thấy ánh sáng từ những đầu thuốc lá mà vài người đang hút và nghe tiếng chai lọ thỉnh thoảng cộng vào nhau. Cô tự hỏi nơi này được dùng vào việc gì khi đoàn cưới bỏ không ghé qua thị trấn. Họ có dùng nơi này để biểu diễn ngựa không? Hay biểu diễn chó? Hay hội chợ của hạt? Hay cái gì đó khác? Có một cảm giác hoang vắng và xập xệ ở nơi đây, như ám chỉ rằng nó bị bỏ bằng phần lớn thời gian trong năm. Căn nhà kho ọp ẹp càng khẳng định thêm ấn tượng đó, nhưng cô thì biết gì chứ? Cô sinh ra và lớn lên ở New Jersey mà.

Dù sao, ít hẵn Marcia cũng sẽ nói vậy. Cô đã nói vậy suốt từ khi họ còn là sinh viên năm hai, và mới đầu câu đó còn buồn cười, nhưng dần dần rồi cũng nhạt đi, và giờ thì nó buồn cười trở lại, kiểu như một trò đùa trường kỳ của riêng hai người họ vậy. Marcia quê ở Charlotte, nơi chỉ cách trường Wake Forest vài tiếng đi xe. Sophia vẫn còn nhớ phản ứng sững sốt của Marcia khi cô nói mình lớn lên ở thành phố Jersey. Như thể Sophia vừa nói mình lớn lên ở sao Hỏa vậy.

Sophia phải thừa nhận rằng phản ứng của Marcia không phải là không có cơ sở. Hoàn cảnh của hai người không thể khác biệt hơn được. Marcia là con út, bố cô là một bác sĩ phẫu thuật chỉnh hình, còn mẹ là luật sư môi trường. Anh trai của cô đang học luật năm cuối ở Vanderbilt, và mặc dù gia đình cô không nằm trong danh sách của *Forbes*, họ hẵn nhiên vẫn thừa đủ sung túc để được xếp vào hàng thượng lưu. Cô là kiểu con gái học cưới ngựa và khiêu vũ từ khi còn bé và được tặng một chiếc Mercedes mui trần vào sinh nhật thứ mười sáu. Ngược lại, Sophia là con của một gia đình nhập cư. Mẹ cô là người Pháp, bố

cô quê ở Slovakia, và họ đến đất nước này với hành trang chẳng có gì ngoài một ít tiền trong túi. Cho dù là người có học - bố cô là nhà hóa học, mẹ cô là dược sĩ - vốn tiếng Anh của họ vẫn còn hạn hẹp và họ đã mất hàng năm trời làm những công việc thấp kém và sống trong những căn hộ bé tí, tồi tàn cho đến khi tiết kiệm đủ tiền để mở một quán ăn của riêng mình. Cũng trong thời gian đó, họ có thêm ba đứa con - Sophia là chị cả - và Sophia vừa lớn lên vừa phụ giúp bố mẹ trong quán ăn sau giờ học và vào dịp cuối tuần.

Việc làm ăn cũng có chút thành công, đủ để chu cấp cho gia đình nhưng chỉ đến thế. Giống như nhiều học sinh khá khác trong lứa sắp tốt nghiệp cùng mình, cô vẫn mong chờ được vào trường Rutgers cho đến vài tháng trước lễ tốt nghiệp. Cô chỉ quyết định đăng ký vào Wake Forest trong cơn bốc đồng vì người cố vấn định hướng cho cô đã gợi ý như vậy, nhưng cô làm gì đủ tiền để theo học, mà cô cũng chẳng biết gì nhiều về nơi đó ngoài những bức ảnh đẹp đẽ được đăng trên trang web của trường. Nhưng điều khiến cô ngạc nhiên hơn bất cứ ai khác chính là việc Wake Forest đã cấp cho cô một suất học bổng chi trả toàn bộ học phí, và vào tháng Tám Sophia đã lên xe buýt ở New Jersey, đến một nơi mà cô gần như chẳng biết, nơi cô sẽ ở lại trong gần bốn năm tiếp theo.

Đó là một quyết định tuyệt vời, ít ra là từ góc độ giáo dục. Trường Wake Forest nhỏ hơn trường Rutgers, thành ra các lớp học cũng vậy, còn các giáo sư ở khoa Lịch sử Nghệ thuật rất tâm huyết với việc giảng dạy. Cô đã có một cuộc phỏng vấn vị trí thực tập tại Bảo tàng Nghệ thuật Denver - và không, họ không hỏi gì về vai trò của cô ở Chi Omega cả - và cô nghĩ buổi phỏng vấn đã diễn ra tốt đẹp, nhưng cô vẫn chưa nghe tin gì từ họ. Mùa hè năm ngoái,

cô cũng đã tiết kiệm đủ tiền để mua chiếc xe đầu tiên cho mình. Nó không đắt lắm - một chiếc Toyota Corolla mười một tuổi với động cơ đã chạy hơn một trăm nghìn dặm, một vết lõm ở cửa sau, cùng kha khá vết xước - nhưng, với Sophia, người đã lớn lên cùng với việc đi bộ và ngồi xe buýt, thì thật tự do khi được đi lại theo ý mình.

Đứng bên hàng rào, cô nhắm mắt. Dĩ nhiên là ngoại trừ, đêm nay. Mà đó là lỗi của cô. Nhẽ ra cô nên lái xe, nhưng...

Sao Brian lại phải đến đây chứ? Anh ta trông đợi điều gì? Anh ta thật sự nghĩ rằng cô sẽ quên những gì anh ta đã làm - không phải một, hai, mà những ba lần - ư? Rằng cô sẽ quay lại với anh ta như lần trước sao?

Nhưng cô thậm chí còn chẳng thấy nhớ anh ta. Cô sẽ không tha thứ cho anh ta, và nếu không vì anh ta cứ bám theo cô, có khi cô còn chẳng nghĩ tới anh ta nữa. Thế mà anh ta vẫn phá hỏng được buổi tối của cô, và điều đó làm cô buồn bực. Vì cô đã *cho phép* nó xảy ra. Vì cô đang cho anh ta cái quyền làm thế với mình.

Thôi, cô quyết định rồi, không thể tiếp tục thế được. Cô sẽ quay vào trong và vui vẻ với Marcia và Ashley cùng mấy anh chàng sinh viên trường Duke, còn nếu Brian tìm ra cô và muốn nói chuyện ư? Cô sẽ cứ lờ anh ta đi thôi. Và nếu anh ta cố gắng phá bĩnh buổi tối vui vẻ của cô? Chà, cô thậm chí có thể hôn một trong mấy anh chàng kia để khẳng định cho anh ta biết rằng cô đã bước tiếp, xong.

Mỉm cười trước cảnh đó, cô rời khỏi khu hàng rào, đâm sầm vào một người và suýt nữa mất thăng bằng.

"Ôi... tôi xin lỗi," cô vừa nói theo phản xạ vừa quờ tay ra để đứng vững. Thấy tay mình chạm vào ngực anh ta, cô nhìn lên và bàng hoàng nhận ra. Cô lùi ngay lại.

“Ấy,” Brian nói, tay giữ lấy vai cô.

Lúc này, cô đã lấy lại thăng bằng và đánh giá tình hình. Anh ta đã tìm ra cô. Họ đang mặt đối mặt và chỉ có hai người với nhau. Tình cảnh cô đã luôn cố tránh kể từ khi chia tay. Tuyệt.

“Xin lỗi vì đã lên đến gần em như thế.” Cũng giống Marcia, giọng anh ta lè nhè, cô chẳng hề ngạc nhiên - Brian không bao giờ bỏ lỡ dịp được say xỉn. “Anh không thấy em ở bàn, và anh có linh cảm rằng em đang ở đây...”

“Anh muốn gì, Brian?” cô nghiêm giọng, cắt lời anh ta.

Anh ta nao núng thấy rõ trước giọng điệu của cô. Nhưng như thường lệ, anh ta hồi lại rất nhanh. Bọn nhà giàu - bọn *hư hỏng* - luôn như vậy.

“Anh chẳng muốn gì cả,” anh ta nói, dứt một tay vào túi quần jean. Anh ta hơi loạn choạng, và cô nhận ra anh ta chẳng mấy chốc cũng say quá mà gục thôi.

“Vậy sao anh lại ở đây?”

“Anh thấy em ở ngoài này một mình và nghĩ anh nên ra để đảm bảo rằng em vẫn ổn.” Anh ta vênh mặt lên, lại ra vẻ “Tôi đang rất ổn” như mọi khi, nhưng đôi mắt đỏ ngầu đã phá tan cố gắng của anh ta.

“Tôi vẫn ổn cho đến khi anh xuất hiện.”

Anh ta nhượng mảy. “Chà. Gay gắt thế.”

“Tôi phải thế thôi. Anh cứ đi theo tôi như một kẻ bám đuôi vậy.”

Anh ta gật đầu, thừa nhận sự thật trong lời nói của cô. Và, tất nhiên, cũng cho thấy rằng anh ta chấp nhận cả thái độ khinh thường của cô nữa. Anh ta có thể sắm vai chính trong đoạn phim tên *Làm Sao Để Bạn Gái Cũ Tha Thứ Cho Bạn... Lần Nữa*.

“Anh biết mà,” anh ta đáp, vẫn đúng kịch bản. “Anh xin lỗi vì điều đó.”

“Thật không?”

Anh ta nhún vai. “Anh không muốn chuyện kết thúc như thế... và anh chỉ muốn nói với em rằng anh xấu hổ như thế nào về mọi chuyện đã xảy ra. Em không đáng phải chịu đựng điều đó và anh không trách em vì đã kết thúc với anh. Anh nhận ra rằng anh đã...”

Sophia lắc đầu, cô đã chán ngấy việc nghe anh ta nói. “Tại sao anh làm chuyện này?”

“Làm chuyện gì?”

“Chuyện này,” cô nói. “Màn kịch giả tạo này. Đi ra đây, giả vờ khốn khổ và hối hận. Anh muốn gì chứ?”

Câu hỏi của cô dường như làm anh ta kinh ngạc. “Anh chỉ đang tìm cách xin lỗi...”

“Về chuyện gì?” cô hỏi. “Vì đã lừa dối tôi đến lần thứ ba? Hay vì đã gạt tôi từ lúc tôi bắt đầu biết anh?”

Anh ta chớp mắt. “Thôi nào, Sophia,” anh ta nói. “Đừng như thế chứ. Anh không hề muốn những chuyện đó xảy ra... thật đấy. Anh chỉ không muốn em phải trải qua cả năm trời mang cảm giác phải né tránh anh. Chúng ta đã trải qua quá nhiều chuyện để em phải làm vậy.”

Tuy giọng đôi lúc còn lè nhè, anh ta vẫn có vẻ gần như đáng tin. Gần như thôi. “Anh không hiểu phải không?” Cô tự hỏi liệu có phải anh ta thật lòng nghĩ cô sẽ tha thứ. “Tôi biết là tôi không *phải* né tránh anh. Tôi *muốn* né tránh anh.”

Anh ta nhìn cô chằm chằm, lộ rõ vẻ bối rối. “Sao em lại hành xử như vậy?”

“Đùa nhau à?”

“Sau khi em chia tay với anh, anh biết mình đã phạm lỗi lầm lớn nhất cuộc đời. Vì anh cần em. Em tốt cho anh.

Em khiến anh trở thành một người tốt hơn. Và cho dù ta không thể bên nhau, anh nghĩ rằng ta vẫn có thể thi thoảng gặp gỡ và trò chuyện. Chỉ trò chuyện thôi. Như chúng ta từng làm ngày xưa. Trước khi anh phá hỏng mọi chuyện.”

Cô định mở miệng đáp, nhưng cái vẻ tự tin của anh ta khiến cô không thốt nên lời. Anh ta thực sự nghĩ rằng cô sẽ tiếp tục tin những lời này sao?

“Đi mà,” anh ta nói, với lấy bàn tay cô. “Hãy đi uống gì đó và nói chuyện. Chúng ta có thể vượt qua chuyện này...”

“Đừng chạm vào tôi!” Giọng cô vang lên sắc lẹm.

“Sophia...”

Cô lùi lại dọc theo hàng rào, cách xa khỏi anh ta. “Tôi nói đừng chạm vào tôi!”

Lần đầu tiên, cô thoáng thấy một tia giận dữ trong nét mặt anh ta khi anh ta nhào tới chộp lấy cổ tay cô. “Bình tĩnh đi...”

Cô giật mạnh tay, cố thoát ra. “Buông tôi ra!”

Thay vì thế, anh ta kéo cô lại gần đủ để cô ngửi thấy mùi bia chua lèm trong hơi thở của anh ta. “Sao lúc nào em cũng phải làm rùm beng lên mới chịu thôi?” anh ta quát.

Trong lúc khổ sở tìm cách thoát ra, cô ngược lên nhìn anh ta và cảm thấy lạnh người vì sợ. Đây không phải Brian mà cô vẫn biết. Lông mày anh ta cau lại, gần như rúm rỏ, xương hàm bạnh ra và căng lên. Cô chết cứng, né ra xa khỏi hơi thở nóng, dồn dập của anh ta. Về sau, cô chỉ còn nhớ được mình đã sợ người vì sợ như thế nào, cho đến khi nghe thấy giọng nói đằng sau lưng.

“Anh cần phải buông cô ấy ra,” giọng nói ấy vang lên.

Brian nhìn lên rồi lại nhìn cô, siết mạnh hơn. “Bọn tôi chỉ nói chuyện thôi,” anh ta nói, răng nghiến lại, cơ hàm cong lên.

“Tôi thấy hai người không giống như đang nói chuyện,” giọng nói đó tiếp tục. “Và tôi không đề nghị anh buông cô ấy ra. Tôi bảo anh hãy buông cô ấy ra.”

Về cảnh cáo trong giọng nói không lẫn đi đâu được, nhưng không giống với những lần đấu khẩu đầy adrenaline mà cô đôi khi vẫn chứng kiến ở khu nhà của hội nam sinh, giọng nói của người lạ này lại có vẻ điềm đạm.

Phải mất một nhịp Brian mới cảm nhận được sự đe dọa, nhưng anh ta rõ ràng không hề sợ hãi. “Tôi tự giải quyết được. Sao anh không lo việc của mình đi?”

“Cơ hội cuối,” giọng nói kia lại vang lên. “Tôi không muốn phải làm đau anh. Nhưng tôi sẽ làm đấy.”

Hồi hộp đến nỗi không dám quay đầu lại, Sophia không thể không để ý thấy những người đứng loanh quanh bên ngoài nhà kho bắt đầu quay về phía họ. Từ khóc mắt, cô thấy hai người đàn ông đứng dậy khỏi chiếc laptop máy kéo và tiến đến gần; hai người khác cũng rời khỏi chỗ bên hàng rào, mũ của họ che lấp khuôn mặt trong lúc họ tiến lại.

Đôi mắt đỏ ngầu của Brian chớp chớp nhìn họ, rồi anh ta trừng mắt với người vừa lên tiếng sau lưng Sophia. “Gì thế? Giờ mày lại còn gọi bạn đến cơ à?”

“Muốn giải quyết anh thì cũng không cần đến mấy người đó,” người lạ mặt nói, giọng đều đều.

Nghe thấy câu đó, Brian đẩy Sophia sang một bên, nói lỏng cái tay đang siết chặt tay cô. Anh ta quay người và bước về phía giọng nói. “Mày thực sự muốn kiếm chuyện phải không?”

Khi quay lại, cô thấy thật dễ hiểu vì sao Brian nghênh ngang như vậy. Brian cao một mét chín tám và nặng hơn chín mươi cân; anh ta tập thể hình ở phòng tập năm buổi một tuần. Còn người đe dọa anh ta gầy và thấp hơn anh ta

hơn mười lăm phân; anh đội mũ cao bồi nhưng chiếc mũ đã cũ lắm rồi.

“Biến đi,” chàng cao bồi nói, lùi lại một bước. “Chẳng cần phải làm tình hình xấu đi đâu.”

Brian phớt lờ câu nói của anh. Với một tốc độ kinh ngạc, anh ta lao đến anh chàng nhỏ con hơn, hai tay dang rộng nhằm húc đổ đối phương. Cô nhận ra động tác này, cô đã từng thấy Brian đè bẹp không biết bao nhiêu người trên sân bóng vợt, và cô cũng biết rõ điều gì sắp sửa xảy ra: anh ta sẽ thấp đầu xuống và guồng chân thật nhanh, húc đổ người kia như một cái cây bị chặt. Nhưng... dù Brian làm đúng như những gì cô dự đoán, kết thúc lại không như những gì cô từng chứng kiến trước đây. Khi Brian lao đến, người kia giữ yên một chân ở vị trí còn cả người thì nhoài sang phía đối diện, cánh tay vung lên lợi dụng đà của Brian để làm anh ta mất thăng bằng. Một tích tắc sau, Brian đã nằm úp mặt xuống đất và bị chiếc bốt cao bồi mòn vẹt của anh chàng nhỏ con hơn ấn xuống gáy.

“Giờ thì bình tĩnh lại đi,” chàng cao bồi nói.

Brian bắt đầu vật lộn bên dưới chiếc bốt, anh ta chực nhóm người lên, nhưng với một bước nhảy lò cò thật nhanh - trong khi một chân vẫn ấn chặt trên cổ Brian - chân kia của chàng cao bồi giẫm xuống mấy ngón tay của Brian, rồi nhanh chóng dịch sang bên. Dưới đất, Brian rút tay vào và gào lên khi chiếc bốt trên gáy ấn xuống mạnh hơn.

“Đừng cử động nữa không thì chuyện còn tệ hơn đấy.” Những lời chàng cao bồi nói rất rõ ràng và chậm rãi, như thể anh đang nói chuyện với một tên đàn vạ.

Sophia nhìn chàng cao bồi trong khi vẫn còn sững sờ trước sự việc xảy ra chớp nhoáng. Nhận ra anh chính là

bóng người đứng một mình ở hàng rào khi cô mới bước ra ngoài này, cô nhớ rằng anh còn chưa nhìn mình. Thay vào đó, anh có vẻ quyết tâm giữ chiếc bốt ở nguyên vị trí, như thể đang cảnh giác găm chặt con rắn chuông xuống mặt đất dưới hẻm núi. Mà, theo một phương diện nào đó, đúng là đang như thế thật.

Dưới đất, Brian lại bắt đầu vật lộn. Mấy ngón tay anh ta lại bị giẫm lên lần nữa trong khi gáy vẫn đang bị chiếc bốt ấn chặt. Brian hắt ra một tiếng rên, cơ thể dần dần nằm yên. Lúc đó, anh chàng cao bồi mới ngẩng lên nhìn Sophia, đôi mắt xanh đậm đậm nhìn trong ánh đèn phản chiếu ở bên ngoài nhà kho.

“Nếu cô muốn đi,” anh đề nghị, “tôi sẵn lòng giữ anh ta thêm một lúc.”

Giọng anh hờ hững, như thể tình cảnh này quá đổi bình thường. Trong lúc lúng túng tìm một lời đáp thích hợp, cô thấy mái tóc nâu rối thò ra dưới chiếc mũ và nhận ra rằng anh không hơn cô nhiều tuổi. Nhìn anh khá quen, nhưng không phải vì cô đã thấy anh ở chỗ hàng rào lúc này. Hẳn là cô đã thấy anh ở đâu rồi, có thể là ở trong kia, nhưng hình như không phải. Cô chẳng thể nghĩ ra.

“Cảm ơn anh,” cô nói, hắng giọng. “Nhưng tôi ổn thôi.”

Ngay khi vừa nghe thấy giọng cô, Brian lại tiếp tục vật lộn; một lần nữa chuyện kết thúc bằng cảnh Brian rút tay lại và rít lên đau đớn.

“Cô chắc chứ?” anh chàng cao bồi nói. “Tôi có cảm giác anh ta hơi tức giận đấy.”

Đấy là nói giảm đi rồi, cô nghĩ. Cô chắc chắn Brian đang *điên tiết*. Không nhìn được, cô tủm tỉm cười.

“Tôi nghĩ anh ta đã học được bài học của mình rồi.”

Anh chàng cao bồi hình như đang đánh giá câu trả

lời của cô. “Có khi cô nên hỏi qua anh ta một câu xem thế nào,” anh gợi ý, chỉnh lại chiếc mũ trên đầu. “Chỉ để chắc chắn thôi.”

Tự cô cũng ngạc nhiên khi nhận ra mình đang mỉm cười với anh, rồi cô nghiêng người tới trước. “Anh có định để tôi yên không, Brian?”

Brian gần lên mấy tiếng nghèn nghẹt. “Kéo nó khỏi người anh! Anh sẽ giết nó...”

Chàng cao bồi thở dài, lại đè mạnh hơn lên gáy Brian. Lần này, mặt Brian bị ấn mạnh xuống nền đất.

Cô quay sang anh chàng cao bồi, rồi quay lại Brian. “Đó là đồng ý hay từ chối vậy, Brian?”

Chàng cao bồi cười, để lộ hàm răng trắng và nụ cười trẻ con.

Cô không để ý thấy đến lúc đó bốn chàng cao bồi khác đã bao quanh họ, và Sophia tự hỏi liệu toàn bộ sự việc lần này có thể trở nên siêu thực hơn được nữa không. Cô cảm tưởng như mình vừa sa chân vào phim trường của một bộ phim viễn Tây xưa, và cùng lúc đó, cô nhận ra mình đã thấy chàng cao bồi này ở đâu. Không phải bên trong nhà kho, mà trước đó, ở chỗ thi cưới bò. Anh chàng mà Marcia đã đánh giá là trông ngon mắt. Chàng cưới bò đã thắng hết các trận.

“Cậu ổn chứ Luke?” một người trong đám hỏi. “Cần giúp một tay không?”

Chàng cao bồi mắt xanh lắc đầu. “Tôi kiểm soát được rồi. Nhưng nếu anh ta không ngừng ngo nguậy, mũi anh ta trước sau cũng gãy dù cho anh ta có thích hay không.”

Cô nhìn anh. “Anh là Luke à?”

Anh gật đầu. “Còn cô?”

“Sophia.”

Anh chạm mũi chào. “Rất vui được gặp cô, Sophia.” Anh cười, nhìn xuống Brian lần nữa.

“Anh sẽ để cho Sophia yên nếu tôi để anh đứng lên chứ?”

Bại trận, Brian ngừng cử động. Từ từ nhưng chắc chắn, áp lực dần giảm nhẹ lên gáy Brian và anh ta cảnh giác quay đầu lại. “Nhắc bớt ra khỏi gáy tao!” anh ta gầm lên, vừa gắt gỏng vừa sợ hãi.

Sophia đổi chân trụ. “Có lẽ anh nên để anh ta đứng dậy,” cô nói.

Một giây sau, Luke nhắc bớt lên và lùi lại. Ngay lúc ấy, Brian đứng thẳng lên, cơ thể anh ta căng cứng. Mũi và má sây sát, răng dính đất. Khi vòng vây của những người cười bò thu hẹp, Brian nhìn từ người này sang người khác, đầu anh ta xoay từ trước ra sau.

Dù đang say nhưng Brian không ngu ngốc, và sau khi trừng trừng nhìn Sophia, anh ta lùi lại một bước. Năm chàng cao bồi đứng yên, tỏ vẻ không quan tâm dù có chuyện gì đi nữa, nhưng Sophia cảm thấy đó chỉ là giả vờ. Họ đã chuẩn bị cho bất cứ chuyện gì Brian có thể làm, nhưng anh ta lùi lại thêm bước nữa rồi chỉ vào Luke.

“Mày và tao chưa xong đâu,” anh ta nhổ nước bọt. “Mày hiểu chứ?”

Anh ta để lửng những lời đó rồi chú mục vào Sophia. Trên mặt mang vẻ giận dữ và bị phản bội, đoạn anh ta quay lưng và đi về phía nhà kho.



Luke

Thường thì, anh sẽ không can dự.

Chắc, ai đi bar cũng từng đụng cảnh này rồi, những sự kiện nối tiếp nhau theo một trình tự có thể nói là dễ đoán đến nực cười: một đôi tình nhân đang vui vẻ hẹn hò, cả hai đều uống rượu, rồi - rượu vào lời ra - họ bắt đầu cãi nhau. Người này hét lên với người kia, người kia hét lại, con giặc leo thang, và chín trên mười trường hợp, anh này sẽ chộp lấy cô này. Chộp lấy bàn tay, cổ tay, cánh tay, hay một chỗ nào đấy. Rồi sao nữa?

Tới lúc đó chuyện trở nên phức tạp hơn. Cách đây vài năm, khi đang thi đấu ở Houston, anh đã ở trong một tình huống tương tự vậy. Anh đang thư giãn tại một quán bar địa phương thì một đôi nam nữ bắt đầu cãi nhau. Sau khoảng một phút, khi cả hai đều to tiếng, chuyện thành ra xô xát và Luke cũng ra tay can thiệp - để rồi anh bị cả đôi nam nữ ấy quay sang tấn công, họ hét vào mặt Luke bảo anh mặc xác họ và đi mà lo việc của mình. Rồi một tích tắc sau, người phụ nữ cào mặt anh và túm tóc anh trong lúc anh đang ẩu đả với người đàn ông. May là không có thiệt hại gì đáng kể - những người khác đã nhanh chóng can thiệp và tách ba người họ ra. Luke lắc đầu bỏ đi và thề

rằng từ lúc đó, anh sẽ chỉ quan tâm chuyện của mình thôi. Chắc, nếu bọn họ muốn cư xử như lũ ngốc, sao phải ngăn cản làm gì?

Đó cũng chính là điều anh định làm trong trường hợp này. Ngay từ đầu anh đã chẳng có ý định tham gia bữa tiệc hậu, nhưng mấy đầu sĩ đồng nghiệp cứ rủ rề, họ muốn chúc mừng việc anh quay trở lại và nâng ly cho chiến thắng của anh. Sau cùng thì, anh đã thắng toàn bộ - cả ở vòng thi ngắn lẫn chung cuộc. Không phải vì anh cưỡi bò đặc biệt giỏi, mà đơn giản vì không có ai hoàn thành vòng thi cuối cùng. Anh thắng cơ bản vì người ta bỏ cuộc, nhưng đôi khi chuyện cũng diễn ra như vậy.

Anh mừng vì không ai phát hiện ra đôi tay anh đã run lên từ trước đấy. Lần đầu tiên anh gặp những con run như thế này, và tuy anh muốn tin rằng đó là bởi anh đã nghỉ khá lâu, anh vẫn biết lý do thực sự. Mẹ anh cũng biết, và bà đã nói rõ bà phản đối anh quay lại sân đấu. Kể từ khi anh nhắc đến khả năng thi đấu trở lại, tình hình hai mẹ con căng thẳng hẳn đi. Thường thì anh sẽ gọi cho bà sau mỗi cuộc đấu, nhưng đêm nay thì không. Bà sẽ không quan tâm chuyện anh đã thắng. Thay vào đó, sau cuộc đấu anh chỉ gửi bà một tin nhắn báo rằng anh vẫn ổn. Bà vẫn chưa trả lời.

Sau vài cốc bia, anh mới bắt đầu thấy cơn sợ cồn cào dần rút đi. Trong hai vòng đầu tiên, sau mỗi vòng là anh lại rút về chiếc xe tải của mình, anh cần ở một mình và trấn tĩnh tinh thần. Mặc dù đang ở vị trí thuận lợi, anh vẫn cân nhắc đến việc bỏ cuộc. Nhưng rồi anh đã đập tan suy nghĩ đó và quay lại với lượt cưỡi cuối cùng của đêm. Anh nghe thấy người dẫn chương trình nói về chấn thương của anh và khoảng thời gian nghỉ sau đó khi anh đang chuẩn

bị trong khoang chuông. Con bò tót anh bốc trúng - một con bò tót bất kham tên Bịp Bọm - điên cuồng xoay vòng ngay khi vừa được thả ra, và Luke suýt nữa đã không bám nổi đến khi chuông kêu. Anh đã đáp đất khá mạnh sau khi giải thoát mình khỏi sợi dây đai, tuy nhiên không có tổn hại gì, và anh vẩy vẩy chiếc mũ trong khi đám đông hô hào tán thưởng.

Sau đó là những cái vỗ vai và những lời chúc mừng, và anh chẳng thể nói không khi có rất nhiều người muốn mời anh đồ uống. Dù gì anh cũng chưa sẵn sàng về nhà. Anh cần thời gian để nghỉ ngơi, để tua lại trong đầu màn thi đấu. Trong đầu, anh luôn có thể điều chỉnh những gì đã không thể làm khi đang cưỡi, và anh cần phải suy xét lại các bước đó nếu như còn muốn tiếp tục. Tuy là anh thắng, nhưng khả năng thăng bằng của anh thua xa so với trước kia. Anh vẫn còn phải cố gắng nhiều.

Anh đang tua lại màn thi đấu thứ hai lúc anh lần đầu để ý thấy cô gái ấy. Thật khó để không ngưỡng mộ mái tóc vàng buông dài và đôi mắt sâu kia; anh có cảm tưởng rằng cô, cũng như anh, đang bị những suy tư trong đầu mình bủa vây. Cô xinh đẹp, nhưng hơn hết, vẻ ngoài của cô có nét gì đó khỏe mạnh và tự nhiên, kiểu con gái dù mặc jean hay đầm dạ tiệc cũng đều thấy tự nhiên thoải mái. Đây không phải kiểu con gái trát đầy phấn son bám theo mấy chàng cao bồi cưỡi bò, hy vọng được lên giường với một anh. Kiểu con gái đó xuất hiện đầy trong các chuyến du đấu và chẳng khó để tìm thấy - mới này cũng có hai cô lên tới chỗ anh ở nhà kho và làm quen - nhưng anh không có hứng thú muốn khuyến khích họ. Anh đã có vài cuộc tình một đêm trong mấy năm qua, đủ để biết rằng chúng chắc chắn sẽ để lại cho anh cảm giác trống rỗng.

Nhưng cô gái nơi hàng rào thu hút anh. Ở cô có gì đó khác, dù anh không xác định được. Anh nghĩ, có thể do ánh mắt cô khi nhìn vào khoảng không, vừa thiếu cảnh giác vừa như dễ tổn thương. Cho dù đó là gì đi nữa, thì anh cũng cảm thấy lúc này cái cô thực sự cần là một người bạn. Anh đã định đến nói chuyện với cô nhưng lại gạt suy nghĩ đó sang một bên và tập trung vào lũ bò tót ở đằng xa. Mặc dù có ánh sáng từ khu sân thi đấu, trời vẫn quá tối để nhìn rõ cái gì với cái gì, thế nhưng anh vẫn tìm con Quái Thú Cục Súc. Anh và nó sẽ mãi mãi gắn kết với nhau, anh nghĩ, và anh vu vơ tự hỏi liệu con bò đó đã được nhốt lại chưa. Anh không nghĩ chủ nhân của con bò lại có ý định lái xe xuyên đêm, vậy nghĩa là con bò vẫn ở đây, nhưng cũng phải mất một lúc anh mới tìm ra vị trí của nó.

Đúng lúc anh đang nhìn con Quái Thú Cục Súc thì anh bạn trai cũ say rượu kia bước đến. Không thể không nghe thấy họ nói chuyện, nhưng anh tự nhắc mình không được can dự. Và anh đã không làm gì, ít nhất là cho đến khi tên vũ phu to xác kia chộp lấy cô gái. Đến lúc ấy, rõ ràng là cô gái không muốn dây dưa gì với anh ta, và khi nghe thấy giọng cô gái tóc vàng từ giận dữ chuyển sang sợ hãi, Luke thấy mình tự động đứng lên khỏi hàng rào. Anh biết quyết định này có thể đem lại kết quả không mong đợi, nhưng khi bước về phía hai người đó, anh lại nghĩ về hình ảnh cô lúc trước, và anh biết mình chỉ có một lựa chọn.



Luke nhìn gã bạn trai cũ say rượu bỏ đi, và anh quay sang cảm ơn những đấu sĩ đồng nghiệp vì đã đến. Lần lượt từng người bọn họ tản đi, để lại Luke và Sophia.

Trên đầu họ, các vì sao đã nhiều lên bội phần trên nền

trời đen như gỗ mun. Trong nhà kho, ban nhạc kết thúc một bài và chuyển sang bài kế tiếp, một ca khúc kinh điển của Garth Brooks. Sophia buông thõng hai tay cùng một tiếng thở dài thườn thượt, gió mùa thu nâng nhẹ mái tóc cô khi cô quay sang đối diện với anh.

“Xin lỗi vì đã kéo anh vào chuyện này, nhưng cảm ơn anh vì hành động ấy,” Sophia nhỏ nhẹ nói.

Khi đã đứng gần hơn, Luke nhận ra màu xanh lục khác thường trong đôi mắt cô và sự rành mạch dịu dàng trong lời cô nói, một âm điệu khiến anh nghĩ về những miền xa xăm. Trong thoáng chốc, anh bỗng không nói nên lời.

“Giúp được cô tôi cũng vui,” anh nói.

Thấy anh không nói gì nữa, cô gài một lọn tóc ra sau tai. “Anh ta... không phải lúc nào cũng điên rồ như anh có lẽ đang tưởng tượng đâu. Chúng tôi từng hẹn hò và anh ta không vui khi tôi chia tay anh ta.”

“Tôi đoán vậy,” Luke nói.

“Anh đã... nghe hết phải không?” Vẻ mặt cô trộn lẫn giữa xấu hổ và mệt mỏi.

“Kể ra không muốn nghe cũng hơi khó.”

Cô bậm môi lại. “Tôi cũng nghĩ vậy.”

“Tôi hứa sẽ quên... nếu như thế làm cô dễ chịu hơn,” anh đề nghị.

Cô bật cười, một tiếng cười chân thành và anh tưởng như mình nghe thấy chút nhẹ nhõm trong đó. “Tôi cũng sẽ cố hết sức để quên hết mọi chuyện,” cô nói. “Tôi chỉ mong...”

Thấy cô ngừng giữa chừng, Luke nói nốt suy nghĩ của cô. “Chuyện hoàn toàn chấm dứt. Ít ra là trong tối nay.”

Cô quay đi, thư thả quan sát khu nhà kho. “Tôi hy vọng thế.”

Luke chà chân trên nền đất, như thể đang cố nạy từ ngừ ra từ trong bụi đất. “Tôi đoán bạn của cô đang ở trong đó hả?”

Ánh mắt cô thoáng hướng về phía những bóng người loanh quanh bên hai cánh cửa nhà kho và xa hơn thế nữa. “Nguyên đám bọn tôi tới đây,” cô nói. “Tôi học ở trường Wake Forest và bạn cùng phòng trong hội nữ sinh của tôi quyết định rằng thứ tôi thực sự cần là một buổi tối ra ngoài chơi cùng hội con gái.”

“Chắc họ đang thắc mắc cô ở đâu đấy.”

“Chưa chắc,” cô nói. “Họ đang mãi vui vẻ mà.”

Tiếng cú kêu phát ra từ trên một cành thấp của cái cây giáp với hàng rào, và cả hai người hướng về phía đó.

“Cô có muốn tôi đi cùng vào trong không? Ý tôi là, phòng trường hợp có vấn đề xảy ra?”

Cô làm anh ngạc nhiên khi lắc đầu. “Không. Tôi nghĩ tốt nhất là tôi nên ở ngoài này thêm một chút nữa. Để cho Brian có cơ hội hạ hỏa.”

Trừ phi anh ta bỏ rượu, Luke nghĩ. *Thôi, bỏ đi. Đó không phải chuyện của mày*, anh nhắc nhở bản thân. “Vậy cô muốn ở một mình hơn không?”

Mặt cô ánh lên vẻ thích thú. “Tại sao? Tôi làm anh chán à?”

“Không,” anh lắc đầu nói. “Không hề. Tôi chỉ không muốn...”

“Tôi đùa đấy.” Cô tiến về phía rào chắn và chống khuỷu tay lên hàng rào. Cô nghiêng người tới trước rồi quay về phía anh, mỉm cười. Luke ngáp ngừng đến đứng cùng cô bên hàng rào.

Cô quan sát quang cảnh phía xa, thích thú ngắm nhìn những ngọn đồi uốn lượn, một cảnh tượng khá phổ biến ở

vùng này của bang. Luke im lặng quan sát cô, nhận ra chiếc khuyên nhỏ trên dải tai cô, cố tìm điều gì đó để nói.

“Cô học năm thứ mấy?” rốt cuộc anh cũng hỏi. Anh biết đó là một câu hỏi ngớ ngẩn, nhưng anh chỉ nghĩ ra được có thế.

“Tôi học năm cuối.”

“Thế nghĩa là cô... hai mươi hai?”

“Hai mươi mốt.” Cô hơi quay sang phía anh. “Còn anh?”

“Tôi già hơn thế.”

“Tôi đoán là không hơn nhiều lắm. Anh có học đại học không?”

“Đó không phải sở trường của tôi.” Anh nhún vai.

“Và anh cưới bò để kiếm sống sao?”

“Thỉnh thoảng,” anh trả lời. “Khi tôi còn bám được trên lưng nó. Còn những lúc khác, tôi chỉ là một món đồ chơi để con bò quần cho đến khi tôi thoát được.”

Cô nhướn mày. “Hôm nay anh thi đấu khá ấn tượng ở ngoài đó mà.”

“Cô nhớ ra tôi sao?”

“Tất nhiên. Anh là người duy nhất cưới được tất cả bọn chúng. Anh thắng mà, phải không?”

“Tôi đã có một buổi tối khá được,” anh thừa nhận.

Cô chấp hai tay vào nhau. “VẬY anh là Luke...”

“Collins,” anh bổ sung.

“Phải rồi,” cô nói. “Người dẫn chương trình cứ nói mãi về anh trước khi anh ra.”

“Và?”

“Nói thật, tôi chẳng chú ý lắm. Lúc đó, tôi đâu có ngờ cuối cùng anh lại là người đến giải thoát cho tôi.”

Anh để ý tìm trong giọng điệu của cô sự mỉa mai

nhưng không thấy, điều đó khiến anh ngạc nhiên. Ngoắc ngón cái về phía đồng lớp máy kéo, anh chỉ, “Mấy cậu kia cũng đến giúp mà.”

“Nhưng họ đâu có can thiệp. Anh thì có.” Cô bỏ ngỏ câu ở đó một lúc. “Tôi hỏi anh một câu được không?” cô tiếp tục. “Tôi cứ thắc mắc điều này suốt tối nay.”

Luke nhặt một mẫu gỗ vụn trên hàng rào. “Cứ tự nhiên.”

“Vì lý do gì mà anh lại cười bò? Trông như thể anh có thể bị giết chết ngoài đó.”

Hắn rồi, anh nghĩ. Đó là điều mà ai cũng muốn biết. Như mọi khi, anh trả lời như vẫn thường trả lời. “Đó chỉ là điều tôi vẫn luôn muốn làm thôi. Tôi bắt đầu từ khi còn là một cậu bé. Tôi nghĩ tôi cưới con bé đầu tiên khi bốn tuổi, và lên đến lớp ba tôi đã cưới bò đực non.”

“Nhưng anh đã bắt đầu thế nào chứ? Ai rủ anh làm việc này?”

“Bố tôi,” anh nói. “Ông đã thi đấu như thế này suốt nhiều năm. Ông cưới ngựa không yên cương.”

“Nó khác với cưới bò à?”

“Đại khái luật cũng tương tự nhau thôi, chỉ khác ở chỗ cưới ngựa. Tám giây, tám bằng một tay trong khi con vật cố hất ta.”

“Khác cái nữa là ngựa không có sừng to bằng gậy bóng chày. Chúng cũng nhỏ hơn và không xấu tính bằng.”

Anh trầm ngâm. “Tôi nghĩ nói thế cũng đúng.”

“Vậy sao anh không thi đấu cưới ngựa thay vì cưới bò?”

Anh nhìn cô vuốt tóc, cố gắng giữ lại những sợi đang tung bay. “Chuyện dài lắm. Cô thực sự muốn biết sao?”

“Không thì tôi đã không hỏi.”

Anh nghịch nghịch chiếc mũ. “Cũng là vì cuộc sống

khó khăn thôi, tôi nghĩ vậy. Bố tôi sẽ lái xe hàng trăm ngàn dặm một năm đi từ cuộc đấu này đến cuộc đấu khác chỉ để đủ điều kiện dự vòng chung kết quốc gia. Kiểu di chuyển như vậy khiến gia đình khó khăn, và không phải chỉ vì ông đi suốt, mà thời đó, thu nhập cũng chẳng được bao nhiêu. Sau khi trừ chi phí đi lại và lệ phí đăng ký, thì ông làm một công việc với mức lương tối thiểu có khi còn khá hơn. Ông không muốn tôi làm việc đó, và khi nghe nói các đấu sĩ cưới bò cũng đang bắt đầu chuyển du đấu của riêng họ, ông nghĩ cơ hội thành công là khá cao. Đó là lúc ông rủ tôi làm việc này. Cũng vẫn phải di chuyển nhiều, nhưng các sự kiện đều vào cuối tuần và thường thì tôi có thể vào rồi ra nhanh chóng. Tiền thu về cũng nhiều hơn nữa.”

“Vậy là bố anh đúng.”

“Ông có thiên khiếu tuyệt vời. Về mọi chuyện.” Câu này được nói ra một cách vô thức, và khi nhìn thấy vẻ mặt của cô, anh biết cô đã nhận ra. Anh thở dài. “Ông mất được sáu năm rồi.”

Ánh mắt cô không hề dao động, và cô vội đưa tay ra, chạm vào cánh tay anh. “Tôi rất tiếc,” cô nói.

Mặc dù tay cô chỉ chạm nhẹ tay anh, nhưng cảm giác ấy vẫn vương vấn mãi. “Không sao mà,” anh nói, đứng thẳng lên. Anh đã thấy con nhúc nhích mỗi sau thi đấu kéo đến, và anh cố tập trung vào nó thay vì những chuyện khác. “Dù sao thì đó cũng là lý do tôi thi đấu cưới bò.”

“Và anh thích công việc đó?”

Đó là một câu hỏi khó. Bao lâu nay, anh tự xác định rằng nó là thứ định nghĩa nên mình, không có bất cứ sự hồ nghi nào. Nhưng giờ thì sao? Anh không biết trả lời thế nào, vì ngay cả anh còn không chắc chắn. “Sao cô lại hứng thú vậy?” anh đáp trả.

“Tôi không biết,” cô nói. “Có lẽ bởi vì đó là một thế giới mà tôi không biết tới? Hay có thể bản tính tôi vốn tò mò. Hoặc cũng có thể tôi chỉ đang cố gọi chuyện để nói thôi.”

“Thế là cái nào?”

“Nói ra thì cũng được thôi,” cô trả lời, đôi mắt xanh lục của cô đầy quyến rũ dưới ánh trăng. “Nhưng thế thì đâu còn gì vui nữa? Thế gian cần có một chút bí hiểm.”

Có cái gì đó khuấy động trong anh khi anh nghe thấy giọng nói ẩn chứa thách thức của cô. “Cô từ đâu tới?” anh hỏi, cảm thấy mình đang bị cuốn vào và thấy thích thú với chuyện đó. “Tôi đoán là cô không ở gần đây.”

“Sao anh lại nghĩ thế? Tôi nói giọng khác sao?”

“Tôi cho rằng còn tùy vào việc cô đến từ nơi nào nữa. Nếu là trên phía Bắc, thì tôi mới là người nói giọng khác. Nhưng tôi không đoán được cô đến từ đâu.”

“Tôi đến từ New Jersey.” Cô ngừng lại. “Làm ơn đừng trêu tôi.”

“Sao tôi lại trêu cô? Tôi thích New Jersey.”

“Anh đến đó bao giờ chưa?”

“Tôi đến Trenton rồi. Tôi cưới bò trong một vài sự kiện tại nhà thi đấu Sovereign Bank. Cô có biết nó ở đâu không?”

“Tôi biết Trenton ở đâu,” cô trả lời. “Nó ở phía Nam nơi tôi sống, gần Philadelphia. Tôi ở trên phía Bắc, bên thành phố.”

“Cô đến Trenton bao giờ chưa?”

“Vài lần rồi. Nhưng tôi chưa bao giờ đến nhà thi đấu. Những trận thi đấu cưới bò tôi cũng chưa đến luôn. Đây là lần đầu tiên.”

“Cô nghĩ sao?”

“Ngoài việc thấy ấn tượng? Tôi nghĩ bọn anh đều điền hết cả.”

Anh cười, thấy hấp dẫn bởi sự thẳng thắn của cô. “Cô biết họ của tôi rồi, nhưng tôi chưa biết họ của cô.”

“Danko,” cô nói. Rồi, như đoán trước được câu hỏi tiếp theo của anh: “Bố tôi đến từ Slovakia.”

“Gần Kansas phải không?”

Cô chớp mắt. Miệng cô hết mở lại đóng, và ngay khi cô định giải thích với anh định nghĩa về châu Âu thì anh giờ tay lên.

“Đùa đấy,” anh nói. “Tôi biết nó ở đâu. Ở Trung Âu, một phần của nơi từng là Tiệp Khắc. Tôi chỉ muốn xem phản ứng của cô thôi.”

“Và?”

“Lẽ ra tôi nên chụp ảnh lại rồi khoe với bạn tôi.”

Cô trừng mắt lên rồi thúc khuỷu tay vào anh. “Kỳ quá.”

“Nhưng vui mà.”

“Vâng,” cô thú nhận. “Cũng vui.”

“Vậy nếu bố cô đến từ Slovakia...”

“Mẹ tôi là người Pháp. Họ chuyển đến đây một năm trước khi tôi sinh ra.”

Anh quay sang cô. “Cô không đùa chứ...”

“Nghe giọng anh ngạc nhiên vậy.”

“Tôi không nhớ đã bao giờ gặp một người Slovakia lai Pháp chưa.” Anh ngừng một lúc. “Trời ơi, tôi không nhớ đã bao giờ gặp ai đến từ New Jersey chưa nữa.”

Khi cô cười, anh thấy trong lòng có chút thư thái, và anh biết anh muốn nghe thanh âm ấy lần nữa. “Mà anh sống gần đây chứ?”

“Không xa lắm. Hơi chệch về phía Bắc của Winston-Salem. Tôi sống ở ngay ngoại ô King.”

“Nghe sang chẳng nhỉ.”

“Nơi ấy không như vậy đâu. Đó là một thị trấn nhỏ với những con người thân thiện, nhưng chỉ thế thôi. Bọn tôi có một trại gia súc ở đó.”

“Bọn anh?”

“Mẹ tôi và tôi. Thực ra thì đây là trại gia súc của mẹ tôi. Tôi chỉ sống và làm việc ở đó thôi.”

“Như kiểu... một nông trại thực sự sao? Với bò và ngựa và lợn?”

“Nó còn có một căn nhà kho mà đem so ra thì ở đây còn mới chán.”

Cô nắm căn nhà kho phía sau họ. “Tôi không tin đâu.”

“Có thể một hôm nào đó anh sẽ chỉ cho em. Đưa em đi cưỡi ngựa và mấy thứ khác nữa.”

Ánh mắt họ chạm nhau trong một khoảnh khắc, rồi cô lại đưa tay ra chạm vào tay anh. “Em nghĩ mình thích điều đó đấy, Luke.”



Sophia

Sophia không chắc tại sao cô nói vậy. Mấy từ đó cứ thế tuôn ra trước khi cô kịp ngăn chúng lại. Trong đầu cô bỗng nảy ra ý muốn tìm cách rút lui hay giả vờ như không có chuyện gì xảy ra, nhưng vì một lý do nào đó, cô nhận ra rằng mình không muốn làm thế.

Điều đó chẳng liên quan gì đến vẻ ngoài của anh, mặc dù Marcia đã đúng. Rõ ràng anh đẹp trai theo kiểu khá trẻ con, nụ cười thân thiện và rộng mở được tô điểm bằng hai lúm đồng tiền. Anh cũng gầy và rần rở nữa, bờ vai rộng tương phản với vòng hông thon gọn, và lọn tóc xoắn ngang buông dưới chiếc mũ tròn vệt rõ ràng rất quyến rũ. Dù vậy, đôi mắt anh mới thực sự là điểm nổi bật - cô vẫn luôn yếu lòng trước những đôi mắt đẹp. Đôi mắt anh mang màu xanh lam mùa hạ, sáng và đầy sức sống đủ để khiến ta ngỡ anh dùng kính áp tròng màu, thế mới nực cười làm sao và cô biết Luke hẳn cũng nghĩ vậy về mấy thứ ấy.

Cô phải thú nhận, việc anh thấy cô hấp dẫn thể hiện rõ ràng ra rằng anh thấy cô hấp dẫn khiến cô nhẹ nhõm hơn. Suốt thời niên thiếu, cô lúc nào cũng lóng ngóng, đôi chân thì dài khăng khiu, eo thì không có, và thỉnh thoảng mụn trứng cá lại xuất hiện. Mãi đến năm đầu trung học

cô mới cần một thứ gì đó trên tầm loại áo ngực dày thì. Mọi chuyện bắt đầu thay đổi vào năm cuối cấp, mặc dù sự thay đổi đó chủ yếu chỉ khiến cô thấy ngại ngùng và xấu hổ. Ngay cả giờ đây, khi tự đánh giá bản thân mình trong gương, thỉnh thoảng cô vẫn loáng thoáng thấy hình ảnh của cô gái tuổi teen ngày trước, và cô ngạc nhiên khi không ai khác thấy vậy.

Tuy vui vì được Luke để ý, nhưng cô ấn tượng nhất ở chỗ anh khiến cho mọi thứ đều có vẻ dễ dàng, từ việc anh điềm tĩnh xử lý Brian đến lèo lái cuộc trò chuyện của họ. Cô không hề có cảm giác anh đang cố gây ấn tượng với mình, nhưng sự tự chủ âm thầm ở anh khiến anh khác biệt với những gã trai mà cô từng gặp ở Wake - đặc biệt là Brian.

Cô cũng thích việc anh thoải mái để cô một mình với những suy nghĩ riêng. Nhiều người thấy cần phải lấp đầy mọi khoảng lặng, nhưng Luke thì chỉ đứng nhìn lù bọ tốt, hài lòng giữ lại những suy nghĩ của bản thân. Một lúc sau, cô nhận ra tiếng nhạc ở nhà kho đã tạm thời lắng xuống - chắc hẳn ban nhạc đang nghỉ giải lao - và cô tự hỏi liệu Marcia có cố đi tìm mình không. Cô nhận ra bản thân mình mong là không - đúng hơn là chưa, chưa phải lúc này.

“Cuộc sống ở nông trại thế nào?” cô hỏi, phá vỡ sự im lặng. “Cả ngày anh làm gì?”

Cô nhìn anh bắt tréo chân, mũi bắt rúc xuống đất. “Thì chút này chút kia, đủ thứ việc. Lúc nào cũng có việc để làm.”

“Ví dụ?”

Anh lơ đãng xoa hai tay vào nhau trong khi nghĩ câu trả lời. “Thì, để khởi động, sáng ra đầu tiên là phải cho lũ ngựa, lợn và gà ăn rồi dọn chuồng của chúng. Rồi kiểm

tra lũ gia súc. Ngày ngày anh phải kiểm tra cả đàn để đảm bảo bọn chúng vẫn ổn - mắt không bị viêm nhiễm, không bị dây thép gai cắn, đại loại vậy. Nếu có con bị thương hay ốm, anh sẽ cố chăm sóc nó ngay lập tức. Sau đó thì tưới nước cho mấy đồng cỏ, và một năm vài lần, anh phải chuyển lũ gia súc từ đồng này sang đồng khác, để chúng lúc nào cũng có cỏ ngon. Cứ một năm hai lần, anh phải tiêm phòng cho cả đàn, đồng nghĩa với việc phải trói từng con một lại và tách riêng chúng ra sau khi tiêm. Bọn anh cũng có một vườn rau riêng khá to, và anh cũng phải chăm sóc nó nữa...”

Cô chớp mắt. “Thế thôi sao?” cô đùa.

“Chưa hết,” anh tiếp tục. “Nhà anh bán bí ngô, việt quất, mật ong và cây thông Giáng sinh cho mọi người, nên đôi khi anh dành một phần thời gian trong ngày để trồng cây, rẫy cỏ hay tưới nước, hoặc lấy mật từ tổ ong. Khi đem bán, anh phải có mật để buộc cây hay giúp bê bí ngô ra ngoài xe, đại loại thế. Và đương nhiên là lúc nào cũng có thứ gì đó hỏng cần phải sửa, nào là máy kéo rồi xe bán tải rồi hàng rào rồi nhà kho rồi mái nhà.” Anh chưng ra vẻ mặt buồn bã. “Tin anh đi, lúc nào cũng có việc để làm.”

“Anh không thể một mình làm hết mấy việc đó được,” Sophia nói với vẻ không tin.

“Không. Mẹ anh cũng làm vài việc và hai mẹ con anh có một người phụ việc lâu năm. José. Về cơ bản thì ông ấy làm những việc mẹ con anh không làm được. Và khi cần, bọn anh lại nhờ mấy đội đến giúp tạo hình cây hay làm những việc đại loại thế trong vài ngày.”

Cô cau mày. “Anh nói ‘tạo hình cây’ là sao? Ý anh là cây thông Giáng sinh ư?”

“Nếu em chưa biết thì thực ra chúng không mọc lên

thành hình tam giác đẹp như vậy đâu. Em phải tỉa tốt để chúng lớn lên có hình hài như thế.”

“Thật sao?”

“Và em phải lộn chiều quả bí ngô nữa. Em sẽ muốn chúng không bị thối ở phía dưới, nhưng cũng phải tròn trịa, hoặc ít ra là hình bầu dục, không thì chẳng ai mua đâu.”

Cô chun mũi. “Thế là anh lộn chiều chúng thật à?”

“Ừ. Và em phải cẩn thận để không làm gãy cuống.”

“Em không biết đấy.”

“Nhiều người không biết mà. Nhưng em có thể biết nhiều thứ anh không biết.”

“Anh biết Slovakia ở đâu còn gì.”

“Anh luôn thích lịch sử và địa lý. Nhưng nếu em hỏi anh về hóa và đại số thì chắc anh tịt ngóm luôn.”

“Em cũng chưa bao giờ mê toán.”

“Nhưng em khá toán mà. Anh cá là em nằm trong nhóm giỏi nhất lớp.”

“Sao anh lại nói vậy?”

“Em học ở Wake Forest,” anh trả lời. “Anh đoán từ bé đến lớn môn nào em cũng đạt điểm cao. Em đang học gì ở đây?”

“Đương nhiên không phải chăn nuôi rồi.”

Anh lại khoe ra hai lúm đồng tiền.

Cô dùng móng tay cạy cạy hàng rào. “Em học chuyên ngành lịch sử nghệ thuật.”

“Đó có phải là thứ em vẫn thích không?”

“Không hẳn,” cô nói. “Khi mới đến Wake, em chẳng biết em muốn làm gì với cuộc đời mình, và em chọn những môn mà mọi tân sinh viên đều chọn, hy vọng mình sẽ phải lòng một môn nào đó. Em muốn tìm một thứ gì đó khiến

em... đam mê, anh hiểu không?”

Khi ngừng lời, cô cảm thấy được sự chú ý anh dành cho mình, vừa tập trung vừa chắc chắn. Sự quan tâm chân thành của anh lại nhắc cô nhớ anh khác với những chàng trai trong học xá mà cô biết đến mức nào.

“Dù sao thì khi lên năm hai, em đã ghi danh vào một lớp học về trường phái ấn tượng Pháp, gần như chỉ để lấp thời khóa biểu thôi, không có lý do gì đặc biệt cả. Nhưng giáo sư môn đó rất tuyệt vời - thông minh, thú vị và đầy cảm hứng, mọi phẩm chất cần có ở một giáo sư. Bằng cách nào đó, ông làm cho nghệ thuật trở nên sống động và *gần gũi*... và sau vài tiết học, em chợt ngộ ra. Em biết em muốn làm gì, và càng học thêm những giờ lịch sử nghệ thuật, em càng biết rõ em muốn trở thành một phần của thế giới đó như thế nào.”

“Anh đoán em thấy vui khi đã chọn lớp đó phải không?”

“Vâng... bố mẹ em thì không vui lắm. Họ muốn em học dự bị y khoa hay dự bị luật hay kế toán. Một ngành gì đó có thể tìm được việc khi em tốt nghiệp.”

Anh kéo chỉnh lại áo. “Theo anh biết thì quan trọng là phải có một tấm bằng. Em có thể kiếm được gần như là mọi việc.”

“Em cũng nói với họ thế đấy. Nhưng ước mơ thật sự của em là làm việc trong viện bảo tàng.”

“Vậy thì làm đi.”

“Không dễ như anh tưởng đâu. Có nhiều người học về lịch sử nghệ thuật lắm và chỉ có một số ít vị trí công việc. Hơn nữa nhiều bảo tàng đang khó khăn, đồng nghĩa với việc họ đang cắt giảm nhân sự. Em may mắn lắm mới được Bảo tàng Nghệ thuật Denver gọi phỏng vấn. Vị trí đó

không được trả lương, nó giống thực tập hơn, nhưng họ nói có khả năng nó sẽ được nâng lên thành một công việc có lương. Điều đó đương nhiên làm dấy lên câu hỏi, làm sao em trả nổi hóa đơn khi làm việc ở đó. Và em thì không muốn nhờ đến bố mẹ, họ cũng chả đủ khả năng. Em còn có một đứa em gái học ở Rutgers, và hai đứa nữa sẽ sớm vào đại học và...”

Cô không nói gì, bỗng chốc thấy tủi thân. Luke như hiểu được tâm tư của cô và không hồi thúc. Thay vào đó anh hỏi, “Bố mẹ em làm gì?”

“Họ sở hữu một quán ăn. Chuyên về pho mát và thịt. Bánh mì tươi. Bánh mì kẹp nhà làm và xúp.”

“Đồ ăn ngon chứ?”

“Đồ ăn tuyệt vời.”

“Vậy nếu đến đó thì anh nên gọi món gì?”

“Anh gọi món nào cũng được. Mẹ em nấu món xúp nấm ngon tuyệt vời. Món yêu thích của em, nhưng nhà em có lẽ nổi tiếng với món bánh mì bò xốt phô mai. Vào bữa trưa, lúc nào cũng có một hàng dài chờ và hầu như ai cũng gọi món đó. Món đó còn đoạt giải thưởng cách đây vài năm. Món bánh kẹp ngon nhất thành phố.”

“Vậy sao?”

“Vâng. Trên báo mở một cuộc thi và mọi người bình chọn nọ kia. Bố em đã đóng khung bằng chứng nhận và treo nó ngay quầy tính tiền. Có thể một hôm nào đó em sẽ cho anh xem.”

Anh xoa hai tay vào nhau, bắt chước tư thế của cô vừa nãy. “Anh nghĩ mình thích điều đó đấy, Sophia.”

Cô cười, nhận ra màn đáp trả của anh và thích ngữ điệu của anh khi gọi tên cô. Nó chậm rãi hơn cô vẫn nghe, nhưng đồng thời êm ái hơn, các âm tiết phát ra khỏi miệng

anh theo một nhịp điệu dễ chịu và thư thả. Cô tự nhắc mình rằng họ là hai người xa lạ, nhưng lại có vẻ như không phải thế. Cô ngả người ra sau, tựa lên cột hàng rào.

“Vậy mấy người đàn ông vừa đến đây... anh đi cùng bọn họ à?”

Anh nhìn về hướng họ, rồi quay về phía cô. “Không,” anh nói. “Thực ra, anh chỉ biết một người trong số đó thôi. Bạn anh đang ở trong kia. Có thể là đang liếc mắt đưa tình với bạn em, nếu như em muốn biết sự thật.”

“Vì sao anh lại không ở trong đó cùng họ?”

Anh lấy ngón tay đẩy vành mũ. “Lúc này thì có. Nhưng chỉ một lúc thôi. Anh không có tâm trạng để nói chuyện, nên anh đi ra đây.”

“Anh có vẻ đang nói chuyện rất ngọt đấy chứ.”

“Có lẽ thế.” Anh cười ngượng ngập. “Cũng chẳng có gì nhiều để kể ngoài những gì anh đã nói. Anh cưới bò tót và làm việc ở nông trại gia đình. Cuộc đời anh không thú vị đến thế đâu.”

Cô quan sát anh. “Vậy kể em nghe điều anh không thường kể với người khác đi.”

“Ví dụ như điều gì?” anh hỏi.

“Gì cũng được,” cô nói, đưa tay lên. “Trước đó anh đã nghĩ gì vậy, lúc anh đứng đây một mình ấy?”

Luke đổi tư thế một cách gượng gạo và nhìn ra xa. Đầu tiên anh không nói gì. Thay vào đó, như để trì hoãn, anh khoanh tay đặt lên hàng rào. “Để thực sự hiểu được, anh nghĩ em cần phải thấy nó,” anh nói. “Nhưng vấn đề là nó không ở đây.”

“Nó ở đâu?” cô hỏi với vẻ bối rối.

“Đằng kia,” anh nói, chỉ về phía bãi quây gia súc.

Sophia ngập ngừng. Ai cũng biết câu chuyện kiểu: *Cô*

gái gặp chàng trai, anh tỏ ra tốt tính và dễ chịu, nhưng ngay khi cô ở một mình cùng anh ta... Ấy thế mà, khi đánh giá anh, cô chẳng nghe thấy tiếng chuông cảnh báo nào. Vì lý do nào đó, cô thấy tin anh, mà không phải chỉ vì anh đã ra mặt cứu cô. Chẳng có vẻ gì là anh đang muốn gạ gẫm cô cả; cô còn cảm thấy rằng nếu cô yêu cầu anh tránh đi, anh sẽ bỏ đi ngay và cô sẽ không bao giờ còn được nói chuyện với anh nữa. Ngoài ra, tối nay anh đã làm cô cười. Trong khoảng thời gian ngắn họ bên nhau, cô đã quên hết chuyện Brian.

“Được thôi,” cô trả lời. “Em tham gia.”

Nếu có ngạc nhiên trước câu trả lời của cô, thì anh cũng đã không thể hiện ra. Thay vào đó, anh chỉ gạt đầu và đặt cả hai tay lên thanh chắn trên cùng, nhẹ nhàng bật người qua hàng rào.

“Làm màu quá,” cô trêu. Cô cúi người rồi lách qua thanh chắn, và không lâu sau, họ bắt đầu tiến về bãi quây gia súc.

Khi họ băng qua đồng cỏ về phía hàng rào phía xa, Luke luôn giữ một khoảng cách an toàn. Sophia quan sát cái hàng rào nhấp nhô chạy vòng quanh khu đất, ngỡ ngàng trước sự khác biệt giữa nơi đây với nơi cô lớn lên. Cô chợt nhận ra rằng mình đã dần dà cảm nhận được vẻ đẹp yên bình, gần như mộc mạc của nơi này. Bắc Carolina là nhà của cả nghìn thị trấn nhỏ, mỗi thị trấn lại có một đặc trưng và lịch sử riêng. Và cô hiểu ra tại sao nhiều người dân địa phương lại không bao giờ rời đi. Xa xa, những cây thông cây sồi đan vào nhau dệt nên một tấm vải đen không thể xuyên qua. Phía sau họ, tiếng nhạc dần bé lại, tạo điều kiện cho tiếng dế trong đồng cỏ nổi lên. Bất chấp bóng tối, cô vẫn cảm nhận được Luke đang đánh giá mình, mặc dù anh cố gắng không tỏ ra quá lộ liễu.

“Sau hàng rào tiếp theo là một lối đi tắt,” anh nói. “Chúng ta có thể đến chỗ xe tải của anh qua lối đó.”

Câu nói khiến cô giật mình. “Xe tải của anh?”

“Đừng lo,” anh nói, giơ hai tay lên. “Chúng ta không đi khỏi đây đâu. Thậm chí ta còn không vào trong xe nữa. Anh chỉ nghĩ em sẽ nhìn rõ hơn từ sàn thùng xe thôi. Ở đó cao hơn và thoải mái hơn. Anh có vài cái ghế gấp ở đó có thể dựng lên để ngồi.”

“Anh có ghế gấp ở sàn thùng xe tải của anh sao?” Cô liếc anh với vẻ khó tin.

“Anh có nhiều thứ trên sàn thùng xe tải lắm.”

Tất nhiên là thế rồi. Ai mà không nhỉ? Marcia hẳn sẽ *tha hồ bình phẩm* chuyện này.

Lúc này, họ đã đến hàng rào tiếp theo và ánh đèn ở khu thi đấu càng rực rỡ hơn. Một lần nữa, anh nhẹ nhàng bật người nhảy qua hàng rào, nhưng lần này những thanh gỗ mỏng được cắm quá sát để cô có thể lách qua. Nên cô đành trèo lên, ngồi lên trước khi quăng chân qua. Cô nắm lấy tay anh khi nhảy xuống, thích thú trước hàng rào sự ảm áp của chúng.

Họ đi bộ đến cánh cổng gần đó và đổi hướng đi về phía những chiếc xe tải. Luke rẽ ngoặt về phía một chiếc màu đen bóng có bộ lốp to và hàng đèn nằm trên nóc, chiếc xe duy nhất có mũi xe ở hướng ngược lại. Anh mở cửa thùng xe và nhảy lên phía sau. Một lần nữa, anh lại đưa hai tay ra, và chỉ với một cú nhấc chóng vánh, cô đã đứng cạnh anh trên thùng tải.

Luke quay đi và bắt đầu lục lọi, di chuyển đồ đạc sang một bên. Anh quay lưng về phía cô. Cô khoanh tay tự hỏi Marcia sẽ nghĩ gì về chuyện này. Chưa gì cô đã có thể tưởng tượng ra hàng đồng câu hỏi như: *Chúng ta đang*

nói chuyện về cái anh dễ thương đó đúng không? Anh ta đưa cậu đi đâu? Cậu nghĩ cái gì thế? Nhớ anh ta bị điên thì sao? Trong lúc ấy, Luke vẫn tiếp tục sắp xếp mọi thứ. Cô nghe thấy tiếng kim loại loảng xoảng khi anh xuất hiện bên cạnh cô cùng chiếc ghế, kiểu ghế người ta hay mang ra bãi biển. Sau khi mở ghế ra, anh để nó lên sàn thùng xe tải và chỉ vào nó. “Em cứ tự nhiên ngồi đi. Còn chút xíu nữa là xong rồi.”

Cô đứng yên không cử động - lại một lần nữa tưởng tượng ra vẻ mặt ngờ vực của Marcia - nhưng rồi quyết định, Sao lại không? Cả buổi tối nay đã khá kỳ dị rồi, giờ cô mà ngồi xuống chiếc ghế xếp trên thùng xe bán tải của một chàng cưỡi bò tót thì cũng chỉ là một tình huống leo thang hiển nhiên mà thôi. Cô nhớ lại rằng trừ Brian ra, lần cuối cùng cô ở riêng với một chàng trai là mùa hè trước khi cô đến Wake, khi Tony Russo đưa cô đi dự dạ hội cuối cấp. Họ đã biết nhau nhiều năm, nhưng sau lễ tốt nghiệp, chuyện cũng không sâu đậm hơn. Anh ta dễ thương và thông minh - mùa thu ấy anh ta đến Princeton - nhưng mới buổi hẹn hò thứ ba mà đã lo sò soạng, và...

Luke để chiếc ghế khác xuống cạnh cô, làm gián đoạn dòng suy nghĩ của cô. Thay vì ngồi xuống, anh lại nhảy xuống đất và đi vòng sang bên cửa lái xe rồi nhào người vào trong buồng lái. Một lúc sau, tiếng nhạc từ radio vang lên. Nhạc đồng quê miền Tây.

Tất nhiên rồi, cô thầm nghĩ, cảm thấy buồn cười. Làm sao mà khác được chứ?

Sau khi quay lại chỗ cô, anh ngồi xuống và duỗi chân ra trước, bắt chéo lại.

“Thoải mái không?” anh hỏi.

“Sắp rồi.” Cô hơi cựa quậy, nhận thấy họ ngồi gần nhau thế nào.

“Em có muốn đổi ghế không?”

“Không phải thế. Chỉ là... chuyện này,” cô nói, huơ tay xung quanh. “Ngồi trên ghế phía sau thùng xe tải của anh. Chuyện này thật mới mẻ với em.”

“Em không làm chuyện này ở New Jersey à?”

“Bọn em có những trò khác. Như đi xem phim. Đi ăn ở ngoài hàng. Tụ tập ở nhà bạn. Em đoán đó giờ anh không làm mấy việc đó hả?”

“Tất nhiên là có. Giờ anh vẫn làm.”

“Phim gần đây nhất anh xem là gì?”

“Phim là gì?”

Phải mất một giây sau cô mới nhận ra anh đang trêu mình, và anh bật cười trước sắc mặt biến đổi đột ngột của cô. Rồi anh chỉ về phía rào chắn. “Nhìn gần thì chúng to hơn nhỉ, em có nghĩ thế không?” anh hỏi.

Khi Sophia quay lại, cô nhìn thấy một con bò tót đang lầm lũi đi về phía họ, chỉ cách có vài mét, cơ ngực cuộn cuộn. Kích cỡ của nó làm cô choáng ngợp; nhìn gần, trông chúng chẳng giống như lúc ở trong trường đấu.

“Ồi mẹ ơi,” cô nói, không giấu nổi vẻ kinh ngạc trong giọng mình. Cô nhào người ra trước. “Nó... to quá.” Cô quay sang phía anh. “Và anh cười bọn chúng ư? Tự nguyện sao?”

“Khi bọn chúng cho phép anh.”

“Đây là cái anh muốn em thấy à?”

“Đại loại thế,” anh nói. “Thực ra là con ở đằng kia cơ.”

Anh chỉ về phía bãi rào kín đằng xa, một con bò tót màu kem đang đứng đó, tai và đuôi đang ve vẩy, còn thân mình bất động. Một bên sừng cong xuống, và dù ở xa cô cũng có thể nhận ra đám sọc chằng chịt bên mình nó. Mặc

dù nó không to như một vài con khác, nhưng dáng đứng của nó toát lên vẻ hoang dại và ngang tàng, và cô cảm giác như nó đang thách thức bất cứ con nào dám đến gần. Cô có thể nghe thấy tiếng thở phì phò của nó phá vỡ bầu trời đêm tĩnh lặng.

Khi quay lại Luke, cô thấy sắc mặt anh thay đổi. Anh đang nhìn chăm chăm vào con bò, vẻ ngoài điềm tĩnh, nhưng còn có điều gì nữa ở đó mà cô không thể xác định được.

“Đó là con Quái Thú Cục Súc,” anh nói, vẫn chú mục vào con bò tốt. “Đó là điều anh nghĩ khi anh đứng ngoài kia. Anh cố tìm nó.”

“Nó là một trong những con anh cưới hôm nay à?”

“Không phải,” anh nói. “Nhưng sau một lúc, anh nhận ra mình không thể rời khỏi đây mà chưa đến nhìn nó thật gần. Thật lạ làm sao, vì khi anh đến đây, nó là con bò anh không hề muốn thấy. Đó là lý do tại sao anh đỗ xe ngược chiều. Nếu bốc trúng nó tối nay, anh không biết mình sẽ làm gì.”

Cô chờ anh tiếp tục, nhưng anh không nói gì. “Em đoán anh từng cưới nó trước kia rồi nhỉ.”

“Chưa,” anh nói, lắc đầu. “Nhưng anh đã cố. Ba lần. Người ta nói nó bất kham. Chỉ một vài người cưới được nó, và cũng đã mấy năm trước rồi. Nó toàn xoay rồi đá rồi chuyển hướng, và nếu ném được em xuống, nó sẽ cố húc em vì đã dám thử cưới nó. Anh đã từng gặp ác mộng với con bò đó. Nó làm anh sợ.” Anh quay về phía cô, nửa khuôn mặt anh chìm trong bóng tối. “Đó là điều gần như không ai biết cả.”

Có chút gì đó mệt mỏi trên gương mặt anh, một điều cô không hề ngờ tới.

“Chẳng hiểu sao, em không thể tưởng tượng cảnh anh sợ điều gì đó,” cô lặng lẽ nói.

“À, thì... anh cũng là con người thôi.” Anh cười. “Anh cũng không mê sấm sét lắm đâu, nếu em muốn biết.”

Cô ngồi thẳng lên. “Em *thích* sét.”

“Khi em ở giữa đồng cỏ mà không có gì che chắn thì lại khác đấy.”

“Em sẽ ghi nhớ lời anh.”

“Đến lượt anh. Anh phải được hỏi một câu. Bất cứ điều gì anh muốn.”

“Cứ tự nhiên.”

“Em hẹn hò với Brian bao lâu rồi?” anh hỏi.

Cô suýt phá lên cười, cảm thấy nhẹ nhõm. “Thế thôi sao?” cô hỏi mà không chờ câu trả lời. “Bọn em bắt đầu hẹn hò khi em học năm hai.”

“Cậu ta cao to nhỉ,” anh nhận xét.

“Anh ta được học bổng môn bóng vợt.”

“Chắc cậu ta giỏi lắm.”

“Giỏi bóng vợt,” cô thú nhận. “Còn trong lĩnh vực làm bạn trai thì không giỏi lắm.”

“Nhưng em vẫn hẹn hò với cậu ta suốt hai năm liền.”

“Vâng, thì...” Cô co hai chân lên rồi vòng tay qua ôm lấy. “Anh đã bao giờ yêu chưa?”

Anh ngẩng đầu lên, như thể đang cố tìm câu trả lời trên các vì sao. “Anh không rõ.”

“Nếu anh không rõ thì chắc là chưa rồi.”

Anh suy nghĩ. “Cũng đúng.”

“Là sao? Không phản biện à?”

“Như anh nói đấy. Anh không chắc.”

“Anh có buồn khi chuyện kết thúc không?”

Anh mím chặt môi, cân nhắc kỹ câu trả lời. “Không

buồn lắm, nhưng Angie cũng không buồn. Đó chỉ là chuyện tình trung học. Sau khi tốt nghiệp, anh nghĩ cả hai đều hiểu rằng con đường bọn anh đi là khác nhau. Nhưng bọn anh vẫn là bạn. Cô ấy còn mời anh đến đám cưới của mình. Anh đã rất vui ở tiệc cưới, còn đi chơi với một trong các phù dâu của cô ấy cơ.”

Sophia nhìn xuống đất. “Em đã yêu Brian. Ý em là, trước Brian, em đã có mấy lần cảm nắng, anh hiểu ý em không? Như kiểu ta viết tên cậu con trai lên cặp tài liệu rồi vẽ mấy trái tim nho nhỏ xung quanh ấy? Em nghĩ người ta hay có xu hướng tôn thờ mối tình đầu, và lúc bắt đầu yêu, em cũng y hệt thế. Em không rõ vì sao anh ta lại đi chơi với em - anh ta đẹp trai, là một vận động viên có học bổng, nổi tiếng và giàu có... Em đã rất ngạc nhiên khi anh ta để ý riêng mình em. Và khi bọn em mới bắt đầu đi chơi, anh ta rất hài hước và quyến rũ. Khi anh ta hôn em, em đã yêu anh ta rồi. Em quá yêu và rồi...” Cô hạ giọng, không muốn đi sâu vào chi tiết. “Rốt cuộc, em chia tay anh ta ngay khi năm học này mới bắt đầu. Hóa ra trong suốt mùa hè ở quê nhà, anh ta đã ngủ với cô gái khác.”

“Và giờ anh ta muốn có lại em.”

“Vâng, nhưng tại sao chứ? Vì anh ta muốn em, hay vì anh ta không thể có em?”

“Em đang hỏi anh à?”

“Em đang hỏi về quan điểm của anh. Không phải vì em định quay lại với anh ta, không có đâu. Em hỏi anh vì anh là đàn ông.”

Anh nói, cân nhắc từ ngữ. “Mỗi thứ một chút, có lẽ vậy. Nhưng từ những gì anh thấy, anh đoán lý do là anh ta nhận ra mình đã mắc sai lầm lớn.”

Cô đón nhận lời khen ẩn ý đó trong im lặng, trăn

trọng cách nói giảm nhẹ của anh. “Em vui vì được xem anh thi cưới bò tối nay,” cô nói một cách chân thành. “Em nghĩ anh đã làm rất tốt.”

“Anh may mắn thôi. Anh thấy mình hơi kém khi ở ngoài đó. Anh không cưới bò cũng phải được một thời gian rồi.”

“Bao lâu?”

Anh phúi quần jean, lần lửa rồi mới trả lời. “Mười tám tháng.”

Trong giây lát, cô tưởng mình nghe lầm. “Anh đã không cưới bò suốt một năm rưỡi sao?”

“Phải.”

“Sao lại không?”

Cô có cảm giác anh đang cân nhắc tìm câu trả lời. “Lần cưới gần đây nhất của anh có kết cục tồi.”

“Tồi đến mức nào?”

“Khá tồi.”

Với câu trả lời của anh, Sophia chột vớ lẽ. “Con Quái Thú Cục Súc,” cô nói.

“Chính nó,” anh thú nhận. Anh lại hỏi chuyện về cô hòng ngăn cô hỏi tiếp. “Vậy em ở trong khu nhà nữ sinh à?”

Cô nhận ra việc anh lái sang chủ đề khác nhưng vẫn sẵn lòng đáp. “Năm nay là năm thứ ba em ở đó.”

Mất anh ánh lên vẻ tinh quái. “Nó có như mọi người nói không? Bạn đồ ngủ tiệc tùng và cầm gối đánh nhau ấy?”

“Tất nhiên là không rồi,” cô nói. “Nói là bạn đồ lót và cầm gối đánh nhau thì đúng hơn.”

“Anh nghĩ anh thích sống ở một nơi như thế.”

“Hắn là vậy rồi.” Cô cười.

“Vậy thực sự nó thế nào?” anh hỏi với vẻ tò mò thực sự.

“Một tổp các cô gái sống cùng nhau, phần lớn thời gian thì mọi chuyện bình thường. Những lúc khác thì không bình thường lắm. Nó là một thế giới có luật lệ và tôn ti riêng, cũng ổn thôi nếu như anh hoàn toàn chấp nhận nó. Em thì không phải kiểu người mù quáng... Em từ New Jersey đến, và cả thời niên thiếu em phụ gia đình làm thêm trong quán ăn. Nhờ học bổng toàn phần nên em mới có thể đi học ở Wake. Trong ngôi nhà chung không có nhiều người như em đâu. Em không có ý nói những người còn lại đều giàu có, không phải thế. Rất nhiều bạn trong nhà chung phải làm thêm hồi trung học. Chỉ là...”

“Em khác họ,” anh nói nốt hộ cô. “Anh dám cá rằng sẽ chẳng có mấy người trong hội nữ sinh của em bị phát hiện là đã chết khi đang ngấm bò tót ở ngay giữa bãi cỏ chăn bò đâu.”

Chuyện đó thì em không chắc đâu, cô nghĩ. Anh là nhà vô địch cuộc thi cưới bò tối nay, và anh hoàn toàn đủ tiêu chuẩn “ngon mắt” theo lời Marcia. Với vài cô gái trong nhà thì nhiều đó là quá đủ rồi.

“Anh nói ở trang trại của anh còn có ngựa nữa à?” cô hỏi.

“Đúng vậy,” anh nói.

“Anh có hay cưới chúng không?”

“Gần như ngày nào cũng cưới,” anh trả lời. “Khi anh đi kiểm tra lũ gia súc. Anh có thể dùng xe bán tải, nhưng từ nhỏ tới lớn anh toàn làm việc đó trên lưng ngựa, anh quen luôn rồi.”

“Anh có cưới ngựa cho vui không?”

“Thì thoảng cũng có. Tại sao? Em có cưới không?”

“Không,” cô nói. “Em chưa cưới ngựa bao giờ. Ở thành phố Jersey không có nhiều ngựa lắm. Nhưng từ nhỏ

đến lớn em vẫn luôn muốn cưới ngựa. Em nghĩ bé gái nào cũng vậy.” Cô ngừng lại. “Con ngựa của anh tên là gì?”

“Ngựa.”

Sophia đợi một câu đùa, nhưng không thấy. “Anh gọi con ngựa của anh là ‘Ngựa’ à?”

“Nó không phiền đâu.”

“Anh nên cho nó một cái tên tử tế chứ. Như kiểu Hoàng Tử hay Sếp hay gì đó.”

“Thế thì lại làm khó nó đấy.”

“Tin em đi. Tên nào thì cũng hay hơn cái tên Ngựa. Như thế khác nào đặt tên con chó là Chó chứ.”

“Anh có một con chó tên Chó. Giống chó chăn bò Úc.” Anh quay sang, mặt ráo hoảnh. “Nó chăn gia súc giỏi lắm.”

“Và mẹ anh không phàn nàn gì sao?”

“Mẹ anh đặt tên cho nó đấy.”

Cô lắc đầu. “Bạn cùng phòng em sẽ không tin điều này đâu.”

“Điều gì? Mấy con vật của anh - trong suy nghĩ của em - có tên không bình thường sao?”

“Cả những thứ khác nữa,” cô trêu.

“Vây kể anh nghe về trường đại học đi,” anh nói, và trong suốt nửa tiếng sau đó, cô tường thuật chi tiết cuộc sống thường nhật của cô. Ngay cả bản thân cô cũng thấy nó nghe thật nhạt nhẽo - học trên lớp, tự học, giao lưu cuối tuần - nhưng anh lại có vẻ thích thú, thỉnh thoảng còn đặt câu hỏi, nhưng phần lớn là để cho cô huyền thuyên. Cô kể về hội nữ sinh - đặc biệt là Mary-Kate - và một chút về Brian cùng cái lối anh ta xử sự từ khi bắt đầu năm học. Trong lúc họ nói chuyện, có mấy người bắt đầu đi qua khu đỗ xe, vài người len lỏi qua mấy chiếc xe tải nhấc mũ lên

chào, những người khác dừng lại chúc mừng Luke về các vòng thi đấu.

Trời càng về tối, nhiệt độ càng giảm xuống, Sophia thấy tay mình bắt đầu sờn gai ốc. Cô khoanh tay, co mình lại trên ghế.

“Nếu em lạnh thì anh có cái chăn trong buồng lái đấy,” anh đề nghị.

“Cảm ơn anh,” cô nói, “nhưng không sao đâu. Có lẽ em nên quay lại kia. Em không muốn bạn em về mà không có em.”

“Anh cũng nghĩ thế,” anh nói. “Để anh đi cùng em.”

Anh giúp cô xuống khỏi thùng xe và họ đi ngược về lối cũ, tiếng nhạc to dần khi họ đến gần. Chẳng mấy chốc, họ đã đứng bên ngoài nhà kho, lúc này chỉ bớt đông hơn lúc cô rời đi một chút. Chẳng hiểu sao cô cảm thấy như mình đã đi được hàng mấy tiếng đồng hồ rồi.

“Em có muốn anh vào trong cùng em không? Để phòng trường hợp Brian vẫn còn quanh quẩn ở đây?”

“Không,” cô nói. “Em sẽ ổn thôi. Em sẽ ở gần bạn cùng phòng em.”

Anh nhìn xuống đất rồi ngẩng lên. “Nói chuyện với em vui thật đấy, Sophia.”

“Em cũng vậy,” cô nói. “Và cảm ơn anh lần nữa. Ý em là về chuyện lúc nãy.”

“Giúp được thì anh cũng vui mà.”

Anh gật đầu rồi quay đi, Sophia nhìn theo khi anh cất bước. Chuyện lẽ ra đã kết thúc ở đây - và sau này cô sẽ tự hỏi phải chăng cô nên để nó kết thúc như thế - nhưng rồi thay vì vậy, cô tiến lên một bước theo sau anh, lời nói tự động tuôn ra.

“Luke,” cô gọi. “Chờ đã.”

Khi anh quay lại phía cô, cô hơi ngẩng mặt lên một chút. “Anh nói anh sẽ chỉ cho em xem trang trại của anh. Hình như là nó còn xập xệ hơn nơi này.”

Anh cười, để lộ hai lúm đồng tiền. “Một giờ chiều mai nhé?” anh hỏi. “Anh phải làm một vài việc vào buổi sáng. Anh đến đón em được không?”

“Em lái xe được,” cô nói. “Cứ nhắn tin cho em đường đi.”

“Anh không có số điện thoại của em.”

“Số của anh là gì?”

Khi anh đọc số cho cô, cô gọi và nghe thấy tiếng chuông vang lên cách mình vài mét. Cô ngắt điện thoại và nhìn anh, tự hỏi không biết mình đang bị gì nữa.

“Giờ thì anh có rồi đấy.”



Ira

Lúc này trời đã tối hơn, và thời tiết cuối đông càng lúc càng tồi tệ. Gió đã chuyển thành những cơn rít gào, và cửa sổ xe thì phủ đầy tuyết. Tôi đang dần bị chôn sống, và tôi lại nghĩ về chiếc xe. Nó màu kem, một chiếc Chrysler 1988, và tôi tự hỏi liệu khi mặt trời lên người ta có phát hiện ra nó hay không. Hay nó cứ thế lẫn lộn vào khung cảnh xung quanh.

“Ông không được nghĩ về mấy chuyện ấy,” tôi nghe thấy tiếng Ruth. “Sẽ có người tới. Không lâu nữa đâu.”

Bà ấy vẫn ngồi chỗ cũ nhưng trông khác trước. Bà ấy già hơn một chút và đang mặc một chiếc váy khác... chiếc váy này hơi quen. Tôi đang khổ sở cố gắng nhớ lại bà ấy đã mặc thể này vào dịp gì thì nghe thấy giọng bà ấy tiếp.

“Đó là mùa hè năm 1940. Tháng Bảy.”

Phải mất một lúc thì kỷ niệm mới ủa về. *Phải rồi*, tôi thầm nghĩ. *Đúng thế. Mùa hè sau khi tôi học xong năm đầu đại học.* “Tôi nhớ rồi,” tôi nói.

“Giờ thì ông nhớ rồi à,” bà ấy trêu. “Nhưng phải nhờ tôi thì ông mới nhớ. Trước ông vẫn nhớ được mọi chuyện mà.”

“Trước tôi cũng trẻ hơn mà.”

“Trước tôi cũng từng trẻ hơn.”

“Giờ bà vẫn trẻ.”

“Không còn nữa,” bà ấy nói, không giấu được nỗi buồn phảng phất. “Hồi đó tôi mới trẻ.”

Tôi chớp mắt, cố gắng làm rõ hình ảnh của bà ấy nhưng không được. Hồi đó bà ấy mười bảy tuổi. “Đây là bộ váy bà mặc khi rớt cuộc tôi cũng rủ được bà đi dạo cùng.”

“Không,” bà ấy nói với tôi. “Đây là bộ váy tôi mặc khi tôi rủ ông.”

Tôi cười. Đây là câu chuyện thường được chúng tôi kể tại các buổi dạ tiệc, câu chuyện về cuộc hò hẹn đầu tiên. Sau bao năm, Ruth và tôi đã học được cách kể nó thật hay. Trong xe lúc này, bà ấy bắt đầu câu chuyện theo đúng kiểu vẫn làm trước mặt quan khách. Bà ấy đặt tay lên đùi và thở dài, vẻ mặt hết thất vọng lại sang bối rối. “Lúc ấy, tôi biết ông sẽ chẳng bao giờ mở lời với tôi. Ông đã từ trường về nhà được một tháng mà vẫn chẳng tiếp cận tôi, vậy nên sau khi lễ Sabbath kết thúc, tôi đi đến chỗ ông. Tôi nhìn thẳng vào mắt ông và nói, ‘Em không còn gặp gỡ David Epstein nữa.’”

“Tôi nhớ mà,” tôi nói.

“Ông có nhớ ông nói gì với tôi không? Ông nói, ‘Ồ,’ rồi đỏ mặt và cúi nhìn xuống chân.”

“Tôi nghĩ bà nhầm rồi.”

“Ông biết là chuyện diễn ra thế mà. Rồi tôi bảo muốn ông cùng tôi đi bộ về nhà.”

“Tôi nhớ là bố bà không vui với chuyện đó lắm.”

“Ông ấy nghĩ David sẽ trở thành một người đàn ông tốt. Bố tôi đâu có biết ông.”

“Và cũng không thích tôi nữa,” tôi xen vào. “Tôi có thể cảm thấy ông ấy nhìn chằm chằm vào gáy tôi khi chúng ta đi. Đó là lý do tại sao tôi đút tay vào túi.”

Bà ấy nghiêng đầu, đánh giá tôi. “Đó là lý do ông không hé môi gì với tôi, kể cả khi chúng ta đang đi cùng nhau sao?”

“Tôi muốn ông ấy hiểu ý định của tôi là trong sáng.”

“Khi tôi về đến nhà, bố hỏi tôi có phải ông bị cảm không. Tôi phải nhắc cho bố nhớ rằng ông là một sinh viên tuyệt vời ở trường, rằng điểm số của ông rất cao và chỉ ba năm nữa thôi, ông sẽ tốt nghiệp. Bất cứ khi nào tôi nói chuyện với mẹ ông bà cũng nhắc điều đó để tôi nhớ.”

Mẹ tôi. Bà mồi.

“Chuyện hẳn đã khác nếu như bố mẹ bà không đi theo chúng ta,” tôi nói. “Nếu họ không hành xử như thể người hộ tống thì tôi đã cho bà đổ tôi luôn. Tôi sẽ cầm tay bà và dìu bà nhảy. Tôi sẽ hái cho bà một bó hoa. Bà sẽ phát ngất.”

“Vâng, tôi biết. Lại là chàng Frank Sinatra trẻ tuổi ấy. Ông nói chuyện này rồi.”

“Tôi chỉ đang cố giữ cho câu chuyện được chính xác thôi. Ở trường có một cô gái để ý đến tôi, bà biết đấy. Tên cô ấy là Sarah.”

Ruth gật đầu, có vẻ không quan tâm. “Mẹ ông cũng kể tôi nghe về cô gái ấy. Bà còn nói rằng ông không gọi điện hay viết thư gì cho cô ấy kể từ khi ông quay về nhà. Tôi đã biết rằng chuyện của hai người chẳng hề nghiêm túc.”

“Bà có thường xuyên nói chuyện với mẹ tôi không?”

“Lúc đầu thì không nhiều lắm, và mẹ tôi cũng luôn có mặt ở đó. Nhưng vài tháng trước khi ông trở về, tôi hỏi mẹ ông là liệu bà có thể giúp tôi học tiếng Anh không, và chúng tôi gặp nhau một hay hai lần một tuần. Tôi không biết khá nhiều từ, và bà có thể giải thích nghĩa của chúng theo cách mà tôi hiểu được. Tôi thường nói rằng tôi trở thành giáo viên vì bố tôi, điều đó là sự thật, nhưng tôi cũng

trở thành giáo viên vì mẹ ông nữa. Bà đã rất kiên nhẫn với tôi. Bà thường kể chuyện cho tôi nghe, và đó cũng là một cách bà giúp tôi học cái ngôn ngữ này. Bà bảo tôi phải tự học kể chuyện, vì ở miền Nam ai cũng biết kể chuyện.”

Tôi mỉm cười. “Mẹ tôi kể chuyện gì?”

“Bà kể chuyện về ông.”

Tôi biết điều đó, một chuyện đương nhiên. Đâu còn được mấy bí mật trong bất cứ cuộc hôn nhân lâu dài nào chứ.

“Bà thích câu chuyện nào?”

Bà ấy nghĩ một lúc. “Chuyện về thời ông còn bé,” cuối cùng bà ấy trả lời. “Mẹ ông kể tôi nghe rằng ông tìm thấy một con sóc bị thương, ông đã giấu nó vào một cái hộp đằng sau máy khâu và chữa trị cho nó đến khi nó khỏe lại, bắt chắp việc bố ông không đồng ý cho ông giữ nó trong cửa hiệu. Khi nó khỏe lại, ông thả nó trở về công viên, và cho dù nó đã chạy đi, ngày nào ông cũng quay lại tìm nó, phòng khi nó lại cần ông giúp đỡ. Mẹ ông nói với tôi rằng đó là biểu hiện cho trái tim trong sáng của ông, rằng ông có thói quen đã gắn bó là gắn bó sâu sắc. Một khi đã yêu cái gì - hay yêu ai - ông sẽ không bao giờ thôi.”

Như tôi đã nói đấy, bà mối.

Chỉ đến sau khi chúng tôi cưới nhau, mẹ tôi mới thú nhận rằng bà vẫn “dạy” Ruth học bằng cách kể cho bà ấy những câu chuyện về tôi. Hồi đó, tôi đã đấu tranh tư tưởng về chuyện này. Tôi muốn tin rằng tôi đã tự giành được trái tim của Ruth, và tôi nói với bà như thế. Mẹ tôi cười và nói bà chỉ làm điều mà các bà mẹ luôn làm cho con trai của họ. Rồi bà bảo tôi rằng tôi có nhiệm vụ chứng minh bà đã không nói dối, vì đó là điều mà các cậu con trai làm cho mẹ mình.

“Thế mà tôi tưởng mình quyến rũ.”

“Ông trở nên quyến rũ khi ông không còn sợ tôi nữa. Nhưng chuyện đó lại không xảy ra trong buổi đi dạo đầu tiên. Khi hai ta đến được nhà máy mà gia đình tôi sống, tôi nói, ‘Cảm ơn anh đã đi cùng em về, Ira,’ còn ông chỉ nói, ‘Không có gì.’ Rồi ông quay lại, gật đầu chào bố mẹ tôi và đi về.”

“Nhưng tuần sau đó thì tôi khá hơn mà.”

“Phải. Ông nói chuyện với tôi về thời tiết. Ông nói, ‘Trời đúng là nhiều mây,’ ba lần liền. Ông còn nói câu, ‘Anh tự hỏi liệu lát nữa trời có mưa không’ hai lần. Kỹ năng trò chuyện của ông đúng thật là xuất sắc. À mà mẹ ông cũng là người dạy tôi nghĩa của từ đó đấy.”

“Thế mà bà vẫn muốn đi bộ cùng tôi.”

“Ừ,” bà ấy nhìn thẳng vào tôi và nói.

“Và vào đầu tháng Tám, tôi hỏi liệu tôi có thể mua cho bà một cốc xô đa sô cô la không. Như David Epstein vẫn làm.”

Bà ấy vuốt lại lọn tóc xoắn bung ra, ánh nhìn vẫn cố định nơi tôi. “Và tôi nhớ mình đã nói với ông rằng món xô đa sô cô la là thứ ngon nhất tôi từng được nếm.”

Đó là khởi đầu của chúng tôi. Đây không phải một câu chuyện phiêu lưu ly kỳ hay một truyện cổ tích lãng mạn được thể hiện trên phim ảnh, mà tựa như có bàn tay Chúa dẫn dắt. Tôi không hiểu bà ấy thấy được điểm gì ở tôi, nhưng tôi đủ sáng suốt để nắm lấy cơ hội. Sau đó, chúng tôi dành phần lớn những lúc rảnh rỗi ở bên nhau, mặc dù thời gian chẳng còn bao nhiêu. Lúc ấy, mùa hè đang dần kết thúc. Ở bên kia Đại Tây Dương, Pháp đã đầu hàng và Trận chiến nước Anh đã bắt đầu, nhưng kể cả thế, cuộc chiến trong mấy tuần cuối cùng ấy dường như xa xôi

lắm. Chúng tôi đi dạo và nói chuyện không ngừng trong công viên; cũng giống như David đã từng làm, tôi tiếp tục mua xô đa xô cô la cho bà ấy. Tôi đưa Ruth đi xem phim hai lần, và tôi đưa cả hai mẹ con bà ấy đi ăn trưa một lần. Tôi luôn cùng bà ấy đi bộ từ giáo đường về và bố mẹ bà ấy đi theo sau mười bước chân, cho phép chúng tôi có thêm chút riêng tư.

“Cuối cùng thì bố mẹ bà cũng đã thích tôi.”

“Ừ,” bà ấy gật đầu. “Nhưng đó là vì tôi thích ông. Ông làm tôi cười, và ông là người đầu tiên ở đất nước này giúp tôi cười được. Bố tôi luôn hỏi điều gì ông nói khiến tôi thấy buồn cười như thế, tôi bảo với bố rằng tôi thấy những gì ông nói không hài bằng cách ông nói. Ví dụ như vẻ mặt ông thể hiện khi kể về việc nấu nướng của mẹ.”

“Mẹ tôi có thể đun nước, nhưng lại chưa hề học luộc trứng.”

“Bà đâu có kém đến thế.”

“Suốt thời niên thiếu tôi học được cách vừa ăn vừa nhin thờ cùng một lúc. Bà nghĩ vì sao mà tôi với bố tôi lại gầy như hai cái que vậy chứ?”

Bà ấy lắc đầu. “Mẹ ông mà biết được ông nói những điều tởm tệ đó nhỉ.”

“Không vấn đề gì đâu. Bà ấy biết mình không phải một đầu bếp giỏi mà.”

Bà ấy im lặng một lúc. “Tôi ước mùa hè đó chúng ta có thêm thời gian. Tôi đã rất buồn khi ông quay lại trường đại học.”

“Cho dù tôi ở lại, chúng ta cũng không thể ở bên nhau. Bà cũng sắp đi mà. Lúc đó bà sắp đi Wellesley.”

Bà ấy gật đầu, nhưng vẻ mặt vẫn xa xăm. “Tôi may mắn lắm mới có cơ hội đó. Bố tôi biết một giáo sư ở đó,

và ông ấy đã giúp tôi rất nhiều. Nhưng năm ấy vẫn rất khó khăn với tôi. Cho dù ông không viết thư cho Sarah nhưng tôi biết ông sẽ gặp lại cô ấy, và tôi lo rằng ông có thể phát sinh tình cảm với cô ấy. Rồi tôi sợ rằng Sarah cũng sẽ thấy điều tôi thấy nơi ông, và cô ấy sẽ dùng vẻ quyến rũ của mình để giành mất ông từ tay tôi.”

“Chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra.”

“Giờ thì tôi biết rồi, nhưng hồi đó thì không.”

Tôi khế cựa đầu, và ngay lập tức bao nhiêu là ánh chớp lóe lên nơi khóe mắt, một đường ray đâm xuyên qua đầu tôi. Tôi nhắm mắt, chờ nó qua đi, nhưng nó dường như kéo dài vô tận. Tôi tập trung, cố thở chậm, và dần dần cũng đỡ. Thế giới lại hiện ra, từng mảnh một, và tôi lại nghĩ về vụ tai nạn. Mặt tôi dinh dính và túi khí xếp lếp phủ đầy bụi và máu. Máu làm tôi sợ, dù vậy, trong xe vẫn có phép màu, phép màu đã đưa Ruth lại với tôi. Tôi nuốt, cố gắng thấm ướt cuống họng, nhưng không thể tạo ra chút nước bọt nào và tôi cảm giác họng mình như giấy nhám vậy.

Tôi biết Ruth lo cho tôi. Trong bóng tối đang lan tỏa, tôi thấy bà ấy nhìn mình, người phụ nữ mà tôi vẫn luôn ngưỡng mộ. Tôi nghĩ về năm 1940, cố làm bà ấy xao nhãng khỏi những nỗi sợ.

“Bà lo về Sarah như thế,” tôi nói, “vậy mà tháng Mười hai bà cũng đâu có về nhà để gặp tôi.”

Trong con mắt tưởng tượng của tôi, tôi thấy Ruth đảo mắt - phản ứng thường thấy của bà ấy trước lời phàn nàn của tôi. “Tôi không về nhà vì không đủ tiền mua vé tàu,” bà ấy nói. “Ông biết điều này mà. Tôi làm việc ở một khách sạn, và việc về nhà là không thể. Học bổng chỉ trả cho học phí, nên tôi phải lo toàn bộ các khoản chi khác.”

“Lại lý do lý trấu,” tôi trêu.

Như thường lệ, bà ấy mặc kệ tôi. “Đôi khi tôi phải làm việc ở bàn lễ tân suốt đêm và vẫn phải lên lớp buổi sáng. Tôi phải cố lắm mới không ngủ gục lên cuốn sách để trên bàn. Chẳng dễ dàng gì. Lúc học xong năm nhất, tôi mong chờ được về nhà vào mùa hè vô cùng, chỉ để được lăn ra giường ngủ luôn.”

“Nhưng rồi tôi phá hỏng dự định ấy của bà khi xuất hiện ở ga tàu.”

“Phải.” Bà ấy cười. “Dự định của tôi thế là đi tong.”

“Suốt chín tháng liền tôi không được gặp bà,” tôi nói. “Tôi muốn làm bà ngạc nhiên.”

“Và ông làm tôi ngạc nhiên thật. Trên tàu, tôi tự hỏi liệu ông có đến không, nhưng tôi không muốn phải thất vọng. Thế rồi, khi tàu vào ga và tôi thấy ông từ cửa sổ, tim tôi thót lên một cái. Lúc đó ông đẹp trai lắm.”

“Mẹ tôi may cho tôi bộ vest mới.”

Bà ấy nở nụ cười buồn, vẫn lạc trong những kỷ niệm. “Và ông đưa cả bố mẹ tôi đến.”

Tôi định nhún vai, nhưng sợ cử động. “Tôi biết họ cũng muốn gặp bà, nên tôi đã mượn xe của bố tôi.”

“Ga lãng quá.”

“Hay là ích kỷ nhỉ. Nếu không bà đã có thể về thẳng nhà rồi.”

“Ừ, có khi thế thật,” bà ấy trêu. “Nhưng tất nhiên, ông cũng đã nghĩ đến việc đó. Ông đã hỏi bố tôi liệu ông có thể đưa tôi đi ăn tối không. Bố tôi kể rằng ông đã đến nhà máy khi ông ấy đang làm việc để xin phép.”

“Tôi không muốn cho bà lý do để từ chối.”

“Tôi sẽ không từ chối, kể cả khi ông không hỏi xin bố tôi.”

“Giờ thì tôi biết rồi, nhưng hồi đó thì không,” tôi nói, lặp lại câu nói ban nãy của bà ấy. Hai chúng tôi luôn có rất nhiều điểm giống nhau. “Khi bà bước xuống tàu vào tối hôm đó, tôi nhớ mình đã nghĩ rằng nhà ga ấy lẽ ra phải chật kín thợ ảnh đứng chờ để chụp ảnh bà. Trông bà như ngôi sao điện ảnh vậy.”

“Tôi đã ngồi trên tàu suốt mười hai tiếng đồng hồ. Trông tôi kinh bỏ xừ.”

Đây là một lời nói dối và cả hai chúng tôi đều biết vậy. Ruth rất đẹp, và cho dù ở độ tuổi ngoài năm mươi, cánh đàn ông vẫn dõi mắt theo mỗi khi bà ấy xuất hiện.

“Tôi phải cố kiềm lăm mới không hôn bà.”

“Không đúng,” bà ấy đáp trả. “Ông còn lâu mới làm một chuyện như vậy trước mặt bố mẹ tôi.”

Bà ấy nói đúng, đương nhiên rồi. Thay vì thế, tôi đứng lùi lại, để cho bố mẹ bà ấy đến đón bà ấy trước; phải, sau vài phút, tôi mới đến chỗ bà ấy. Ruth đọc được suy nghĩ của tôi. “Tối hôm đó là lần đầu tiên bố tôi thực sự hiểu tôi thấy gì ở ông. Sau đó, bố nói với tôi rằng ông ấy đã quan sát và thấy ông không chỉ chăm chỉ và tốt tính, mà còn là một quý ông nữa.”

“Ông ấy vẫn nghĩ tôi không đủ tốt với bà.”

“Chẳng có ông bố nào lại nghĩ có một người đàn ông đủ tốt cho con gái mình cả.”

“Trừ David Epstein.”

“Vâng,” bà ấy trêu. “Trừ ông ấy ra.”

Tôi cười, tuy làm vậy lại tạo ra một cơn giật điện trong người tôi. “Suốt bữa tối, tôi không thể ngừng ngắm bà. Bà đẹp hơn rất nhiều so với những gì tôi nhớ.”

“Nhưng chúng ta lại khác sáo với nhau,” bà ấy nói. “Phải mất một lúc thì việc trò chuyện mới dễ dàng như

mùa hè trước đó. Tôi nghĩ là phải đến khi chúng ta đi bộ về nhà.”

“Tôi đang cố làm giá một chút.”

“Không, ông chỉ là ông thôi,” bà ấy nói. “Ấy thế mà, ông cũng không phải là ông. Ông đã trở thành một người đàn ông trong quãng thời gian một năm hai ta xa nhau. Ông thậm chí còn cầm tay tôi khi đưa tôi đến trước cửa, trước đó ông chưa từng làm vậy. Tôi nhớ vì cử chỉ đó khiến bàn tay tôi thấy râm ran, rồi ông dừng lại nhìn tôi và tôi biết chính xác điều gì sẽ xảy ra sau đó.”

“Tôi hôn tạm biệt bà,” tôi nói.

“Không,” Ruth nói với tôi, giọng bà ấy trầm xuống đầy quyến rũ. “Ông hôn tôi, đúng, nhưng đấy không chỉ là một nụ hôn tạm biệt. Ngay từ lúc ấy, tôi đã cảm nhận được lời hứa trong đó, lời hứa rằng ông sẽ hôn tôi như vậy, mãi mãi.”



Trong xe, tôi nhớ lại thời khắc ấy - cái cảm giác môi bà ấy chạm vào tôi, cái cảm giác náo nức và diệu kỳ thuần khiết khi tôi ôm bà ấy trong vòng tay. Nhưng đột nhiên thế giới đảo lộn. Đảo lộn khủng khiếp, tựa như tôi đang ở trên tàu lượn siêu tốc vậy, và trong chớp mắt, Ruth biến mất khỏi vòng tay tôi. Thay vào đó, đầu tôi tì vào vô lăng và mắt tôi chớp lia lịa, những mong làm vậy thế giới sẽ ngừng xoay vòng. Tôi cần nước, tin chắc chỉ một ngụm nhỏ thôi cũng đủ khiến nó dừng lại. Nhưng không có nước, tôi đầu hàng cơn chóng mặt rồi mọi thứ tối om.



Khi tôi tỉnh lại, thế giới chậm chậm hiện ra. Tôi nheo mắt trong bóng tối, nhưng Ruth không còn ngồi ở ghế lái phụ

bên cạnh tôi nữa. Tôi tha thiết muốn bà ấy quay lại. Tôi tập trung, cố gắng làm hình ảnh bà ấy hiện lên, nhưng chẳng có gì xảy ra và cổ họng tôi dường như thắt lại.

Ngẫm lại, Ruth đã đúng khi nói về những thay đổi trong tôi. Mùa hè đó, cả thế giới thay đổi và tôi hiểu rằng bất cứ khoảng thời gian nào tôi ở bên Ruth cũng nên được coi là quý giá. Rốt cuộc thì, chiến tranh ở khắp mọi nơi. Nhật Bản và Trung Quốc đã giao chiến suốt bốn năm, và trong mùa xuân năm 1941, nhiều quốc gia đã thất bại trước Lực lượng Vệ quốc, bao gồm cả Nam Tư và Hy Lạp. Quân Anh rút lui về tận Ai Cập trước sự đe dọa từ Quân đoàn Phi châu của Đức do Rommel chỉ huy. Kênh Suez bị đe dọa, và mặc dù hồi đó tôi không biết, nhưng quân thiết giáp và bộ binh Đức đã vào vị trí, chuẩn bị cho cuộc xâm lược nước Nga sắp tới. Tôi tự hỏi chủ nghĩa biệt lập của Mỹ sẽ còn kéo dài được bao lâu.

Tôi chưa bao giờ mơ trở thành lính; tôi chưa bao giờ dùng súng. Tôi không phải, và chưa bao giờ chiến đấu ở đâu cả, dù thế, tôi vẫn yêu đất nước tôi, và năm đó tôi đã nhiều lần tưởng tượng đến một tương lai bị bóp méo bởi chiến tranh. Tôi cũng không phải là người duy nhất cố gắng đương đầu với thế giới mới. Suốt mùa hè, bố tôi đọc hai, ba tờ báo một ngày và liên tục lắng nghe đài phát thanh; còn mẹ tôi làm tình nguyện viên cho Hội Chữ Thập Đỏ. Bố mẹ Ruth đặc biệt sợ hãi, và tôi thường thấy họ tụm lại với nhau bên bàn ăn, thì thầm trò chuyện. Họ chẳng nghe thấy tin tức gì từ bất cứ ai trong gia đình suốt mấy tháng trời. Đó là bởi chiến tranh, người khác sẽ thì thầm như vậy. Nhưng ngay cả ở Bắc Carolina, tin đồn về chuyện đang xảy ra với người Do Thái tại Ba Lan cũng đã bắt đầu lan tỏa.

Bất chấp nỗi sợ hãi và những nhỏ to về chiến tranh, hoặc có thể cũng chính vì những điều đó, tôi luôn coi mùa hè năm 1941 là mùa hè cuối cùng của thời ngây thơ. Đó là mùa hè tôi và Ruth gần như dành tất cả thời gian rỗi cho nhau, yêu nhau càng lúc càng sâu đậm. Hoặc bà ấy đến thăm tôi ở cửa hiệu hoặc tôi đến thăm bà ấy ở nhà máy - bà ấy trực điện thoại cho chú mình vào mùa hè đó - còn buổi tối, chúng tôi tản bộ dưới các vì sao. Chủ nhật nào cũng vậy, chúng tôi đi dã ngoại ở công viên gần nhà, không làm gì quá đà, chỉ là có cơ để ở cùng nhau cho đến bữa tối. Vào các buổi tối, thỉnh thoảng bà ấy đến nhà bố mẹ tôi, hoặc tôi đến nhà bà ấy, chúng tôi sẽ nghe nhạc cổ điển từ chiếc máy quay đĩa. Khi mùa hè kết thúc và Ruth lên tàu đi Massachusetts, tôi thu mình vào một góc sân ga, gục mặt vào hai bàn tay, vì tôi biết mọi thứ sẽ chẳng bao giờ còn như trước nữa. Tôi biết thời khắc đến lượt tôi bị gọi đi chiến đấu đang đến gần.

Vài tháng sau, mồng bảy tháng Mười hai năm 1941, điều tôi nghĩ trở thành sự thật.



Suốt cả đêm, tôi cứ chập chờn tỉnh rồi lại mê. Gió và tuyết vẫn vậy. Những lúc tỉnh lại, tôi tự hỏi liệu ánh sáng có đến không; tôi tự hỏi liệu tôi có được nhìn thấy mặt trời mọc nữa không. Nhưng phần lớn tôi chỉ tập trung vào quá khứ, hy vọng rằng Ruth sẽ lại xuất hiện. Không có bà ấy, tôi tự nhủ, mình khác nào đã chết.

Khi tốt nghiệp vào tháng Năm năm 1942, tôi quay về nhà, nhưng không còn nhận ra cửa hiệu nữa. Chỗ từng có các bộ vest treo trên giá trước cửa nhà, nay là ba mươi cái máy khâu và ba mươi người phụ nữ may quân phục cho

quân đội. Hàng súc vải bố được chuyển đến hai lần một ngày, lấp đầy toàn bộ căn phòng phía sau. Khu đất bên cạnh, bị bỏ hoang hàng mấy năm trời, về sau được bố tôi mua lại, và nơi đó đủ rộng để đặt sáu mươi cái máy khâu. Mẹ tôi giám sát việc sản xuất trong khi bố tôi trả lời điện thoại, giữ sổ sách, và đảm bảo việc giao hàng cho các căn cứ bộ binh và thủy quân lục chiến đang mọc lên như nấm ở miền Nam.

Tôi biết mình sắp bị gọi đi lính. Số thứ tự của tôi ở ngay gần đầu nên bị chọn là cái chắc, và thế nghĩa là hoặc bộ binh hoặc thủy quân lục chiến, những trận đánh trên chiến hào. Người nào dũng cảm sẽ muốn làm những việc đó, nhưng tôi nói rồi, tôi không dũng cảm. Trên tàu trở về nhà, tôi đã quyết định sẽ đầu quân cho không quân Hoa Kỳ. Chẳng hiểu sao, ý tưởng chiến đấu trên không có vẻ đỡ sợ hơn giao chiến dưới mặt đất. Sau này tôi nhận ra mình đã sai về việc này.

Vào buổi tối hôm về nhà, tôi thưa chuyện với bố mẹ khi chúng tôi đang đứng trong bếp. Mẹ tôi ngay lập tức nắm chặt hai tay. Bố tôi không nói gì, nhưng sau đó, lúc ông ghi vội vào cuốn sổ cái của ông, hình như tôi thấy mắt ông ươn ướt.

Tôi cũng có một quyết định khác nữa. Trước khi Ruth trở về Greensboro, tôi gặp bố bà ấy và nói với ông rằng con gái ông có ý nghĩa thế nào với tôi. Hai ngày sau, tôi lái xe đưa bố mẹ bà ấy đến ga như đã làm năm trước đó. Một lần nữa, tôi để họ đón bà ấy trước, và một lần nữa, tôi đưa Ruth ra ngoài ăn tối. Tại đó, khi chúng tôi đang ăn trong một nhà hàng vắng ngắt, tôi nói bà ấy nghe dự định của mình. Không như bố tôi, bà ấy không nhỏ một giọt nước mắt nào. Không phải ngay lúc ấy.

Tôi không đưa bà ấy về nhà ngay. Mà sau bữa tối chúng tôi vào công viên, gần vị trí dã ngoại mọi khi của chúng tôi. Đêm không trăng, đèn trong công viên đều đã tắt. Khi đan tay mình vào tay bà ấy, tôi chỉ lờ mờ thấy được hình dáng bà ấy.

Tôi chạm tay vào chiếc nhẫn trong túi, tôi đã nói với bố bà ấy rằng mình muốn trao nó cho bà ấy. Tôi đã đấu tranh tư tưởng rất lâu về việc này, không phải vì không chắc chắn, mà vì tôi không rõ ý bà ấy ra sao. Nhưng tôi yêu bà ấy, và tôi chuẩn bị ra chiến trường, tôi muốn biết chắc bà ấy vẫn sẽ ở đây khi tôi quay về. Tôi quỳ một chân xuống, nói với bà ấy rằng bà ấy có ý nghĩa thế nào đối với tôi. Tôi nói rằng tôi không thể hình dung cuộc sống không có bà ấy, và tôi hỏi cưới bà ấy. Trong lúc nói những lời đó, tôi trao cho Ruth chiếc nhẫn. Bà ấy không nói gì ngay, và sẽ là nói dối nếu tôi nói rằng mình không thấy sợ vào khoảnh khắc đó. Nhưng rồi, như đọc được suy nghĩ của tôi, bà ấy nhận lấy chiếc nhẫn và đeo vào rồi nắm lấy tay tôi. Tôi đứng lên, đối diện với bà ấy dưới bầu trời đầy sao. Bà ấy vòng hai tay quanh người tôi. “Vâng,” bà ấy thì thầm. Chúng tôi đứng bên nhau, chỉ hai chúng tôi, ôm lấy nhau trong khoảng thời gian như hàng mấy tiếng liền. Ngay cả lúc này, gần bảy mươi năm đã qua, tôi vẫn có thể cảm thấy hơi ấm của bà ấy mặc dù trong xe lạnh ngắt. Tôi có thể ngửi thấy mùi nước hoa của bà ấy, thoang thoảng đâu đây. Tôi hít một hơi dài, cố giữ lấy nó, hết như đã giữ lấy bà ấy đêm hôm đó.

Sau đó, tay trong tay, chúng tôi tản bộ trong công viên, bàn về tương lai hai đứa. Giọng bà ấy tràn đầy tình yêu và sự háo hức, nhưng cũng chính giây phút này đã khiến tôi hối hận mãi. Giờ đây tôi nhớ về một người đàn ông tôi không thể trở thành; về những giấc mơ không bao

giờ thành hiện thực. Khi con hổ thẹn ấy một lần nữa tràn qua, tôi lại cảm nhận được mùi nước hoa của bà ấy. Giờ thì nó rõ ràng hơn, và tôi chợt nhận ra nó không phải ký ức, tôi nghĩ thấy nó trong xe. Tôi sợ phải mở mắt, nhưng tôi vẫn làm. Đầu tiên, mọi thứ mờ ảo và tối om, và tôi tự hỏi liệu mình còn nhìn được nữa không.

Thế rồi, cuối cùng, tôi thấy bà ấy. Bà ấy như một lớp sương mờ, lại như một bóng ma, nhưng đây là Ruth. Bà ấy ở đây - tôi nghĩ bà ấy quay lại vì tôi - và trái tim tôi rộn ràng trong lồng ngực. Tôi muốn chạm vào bà ấy, ôm bà ấy vào vòng tay, nhưng tôi biết điều đó là không thể, nên thay vào đó tôi tập trung. Tôi cố gắng làm hình ảnh bà ấy rõ hơn, và khi mắt tôi điều tiết được, tôi để ý thấy bộ váy của bà ấy có màu kem, có điểm rủ xuống ở đằng trước. Đây là bộ váy bà ấy mặc vào buổi tối tôi cầu hôn.

Nhưng Ruth không vui. “Không, Ira,” bà ấy đột nhiên nói. Vẻ cảnh báo lộ rõ trong giọng nói của bà ấy. “Chúng ta không được nói về điều này. Bữa tối, được thôi. Lời cầu hôn, được thôi. Nhưng không phải điều này.”

Ngay cả lúc này, tôi vẫn không thể tin là bà ấy đã quay lại. “Tôi biết điều đó làm bà buồn...,” tôi cất lời.

“Nó không làm tôi buồn,” bà ấy phản đối. “Ông mới là người buồn vì nó. Ông đã mang theo nỗi buồn này bên mình kể từ buổi tối đó. Lẽ ra tôi không nên nói điều tôi đã nói.”

“Nhưng bà đã nói mà.”

Nghe vậy, bà ấy cúi đầu. Mái tóc bà ấy có màu nâu, dày và đầy sức sống, không như tóc tôi.

“Đó là buổi tối đầu tiên tôi nói với ông rằng tôi yêu ông,” bà ấy nói. “Tôi nói với ông rằng tôi muốn cưới ông. Tôi hứa rằng tôi sẽ đợi ông và chúng ta sẽ cưới nhau ngay khi ông về.”

“Nhưng đó đâu phải tất cả những gì bà đã nói...”

“Đó là điều duy nhất có ý nghĩa,” bà ấy nói, ngẩng đầu lên. “Chúng ta đã hạnh phúc phải không? Trong từng ấy năm bên nhau?”

“Phải.”

“Và ông yêu tôi chứ?”

“Luôn luôn.”

“Vậy tôi muốn ông nghe những gì tôi sắp nói đây, Ira,” bà ấy nói, gần như mất kiên nhẫn. Bà ấy nghiêng người ra phía trước. “Tôi chưa một lần hối hận việc chúng ta lấy nhau. Ông làm tôi hạnh phúc và làm tôi cười, và nếu được làm lại từ đầu, tôi cũng không hề do dự. Hãy nhìn cuộc sống của chúng ta, những chuyến du ngoạn, những cuộc phiêu lưu mà hai ta đã có. Như bố ông nói, hai ta đã chia sẻ một quãng đường bất tận cùng nhau, đường đời, và cuộc đời tôi đã chan chứa niềm vui nhờ có ông. Không như những cặp đôi khác, chúng ta thậm chí chẳng cãi nhau.”

“Chúng ta có cãi nhau,” tôi phản bác.

“Không phải cãi nhau thật,” bà ấy khẳng định. “Toàn kiểu cãi nhau đâu đâu. Phải, tôi bực mình khi ông quên mang rác ra ngoài, nhưng đó đâu phải cãi nhau thật. Nó chẳng là gì cả. Nó trôi qua như một chiếc lá rơi ngoài cửa sổ. Nó kết thúc chóng vánh và nhanh chóng bị lãng quên mà.”

“Bà quên...”

“Tôi nhớ đấy,” bà ấy ngắt lời tôi, biết tôi định nói điều gì. “Nhưng chúng ta đã tìm ra cách hàn gắn. Cùng nhau. Như những gì chúng ta vẫn làm.”

Bất chấp những gì bà ấy nói, tôi vẫn thấy hối tiếc, một nỗi đau trong sâu thẳm mà tôi vẫn luôn mang theo.

“Tôi xin lỗi,” rốt cuộc tôi nói. “Tôi muốn bà biết rằng tôi luôn thấy có lỗi.”

“Ông đừng nói những điều như vậy,” bà ấy nói, giọng bắt đầu lạc đi.

“Tôi không được. Tối hôm đó chúng ta nói chuyện hàng giờ liền.”

“Phải,” bà ấy thú nhận. “Chúng ta đã nói chuyện về những mùa hè bên nhau. Chúng ta nói về trường học, về việc một ngày nào đó ông sẽ tiếp quản cửa hiệu của bố ông. Và đêm ấy, sau khi đã về đến nhà, tôi nằm trên giường ngắm chiếc nhẫn hàng tiếng đồng hồ. Sáng hôm sau, tôi cho mẹ tôi xem và bà mừng cho tôi. Ngay cả bố tôi cũng hài lòng.”

Tôi biết bà ấy đang cố làm tôi xao nhãng, nhưng nó không có tác dụng. Tôi tiếp tục nhìn bà ấy. “Chúng ta cũng nói về bà tối hôm đó. Về những ước mơ của bà.”

Khi tôi nói điều này, Ruth ngoảnh mặt đi. “Phải,” bà ấy nói. “Chúng ta đã nói về những ước mơ của tôi.”

“Bà nói muốn trở thành giáo viên và chúng ta sẽ mua nhà để ở gần cả hai bên bố mẹ.”

“Đúng.”

“Rồi bà nói chúng ta sẽ đi du lịch. Chúng ta sẽ đến thăm New York và Boston, có thể là cả Vienna nữa.”

“Đúng,” bà ấy lại nói.

Tôi nhắm mắt, cảm thấy sức nặng của một nỗi đau xưa cũ. “Rồi bà nói bà muốn có con. Rằng hơn hết thảy, bà muốn làm mẹ. Bà muốn có hai cô con gái và hai cậu con trai, vì bà vẫn luôn muốn một tổ ấm giống như anh chị họ của bà, lúc nào cũng náo nhiệt và ồn ào. Bà đã từng rất thích đến thăm họ vì ở đó lúc nào bà cũng vui vẻ. Bà muốn điều đó hơn hết thảy.”

Nghe đến đây, đôi vai bà ấy như chùng xuống và bà ấy quay về phía tôi. “Phải,” bà ấy thì thầm. “Tôi thừa nhận là tôi muốn những điều đó.”

Những lời ấy gần như làm tim tôi vỡ ra, và tôi thấy có gì đó sụp đổ bên trong. Sự thật thường đáng sợ, và tôi lại ước rằng tôi là một người khác. Nhưng giờ đã quá muộn, quá muộn để thay đổi bất cứ điều gì. Tôi già, đơn độc và đang chết dần chết mòn theo từng giờ. Tôi mệt mỏi, chưa bao giờ mệt mỏi hơn thế.

“Lẽ ra bà nên cưới một người đàn ông khác,” tôi thì thầm.

Bà ấy lắc đầu, và xích lại gần tôi, một cử chỉ ngọt ngào khiến tôi nhớ về quãng đời bên nhau. Bà ấy nhẹ nhàng vuốt ngón tay dọc theo hàm tôi rồi hôn lên trán tôi. “Tôi không thể lấy người khác,” bà ấy nói. “Và chúng ta kết thúc chuyện này đi nhé. Ông cần nghỉ ngơi. Ông cần phải ngủ nữa.”

“Không,” tôi lầm bầm. Tôi cố lắc đầu nhưng không thể, cơn đau ngăn việc đó. “Tôi muốn thức. Tôi muốn ở bên bà.”

“Ông đừng lo. Tôi sẽ ở đây khi ông tỉnh dậy mà.”

“Nhưng lần trước bà đã bỏ đi.”

“Tôi đâu có bỏ đi. Tôi đã ở đây và sẽ luôn ở đây.”

“Sao bà chắc chắn thế?”

Bà ấy hôn tôi lần nữa rồi trả lời. “Bởi vì,” bà ấy dịu dàng nói, “tôi luôn ở bên ông, Ira.”



Luke

Sáng hôm đó khi thức dậy anh thấy người ê ẩm, và khi đưa tay lên chải phần gáy và vai cho con Ngựa, anh thấy lưng mình gào thét biểu tình. Thuốc giảm đau đã làm bớt đi phần nào cơn đau, nhưng anh vẫn thấy khó mà giơ tay lên cao quá vai. Lúc bình minh khi anh đang kiểm tra lũ gia súc, chỉ xoay đầu từ bên này sang bên kia anh cũng phải nhăn mặt, anh thấy mừng khi có José ở đó để giúp đỡ công việc quanh nông trại.

Sau khi treo bàn chải lên, anh đổ yếm mạch vào một cái xô cho con Ngựa rồi đi về phía căn nhà trang trại cũ kỹ, biết chắc phải mất một hay hai ngày nữa mình mới hồi phục hoàn toàn. Đau nhức là chuyện thường tình sau mỗi trận đấu, và anh chắc chắn đã từng trải qua những cơn còn kinh khủng hơn. Chấn thương trong thi đấu cuối bò không phải là chuyện *lỡ như*, mà là *khi nào* và *đến mức nào*. Những năm qua, nếu không tính đến lần cuối con Quái Thú Cục Súc, thì anh đã bị gãy xương sườn hai lần và dập phổi, anh còn từng bị đứt dây chằng chéo trước và dây chằng giữa khớp gối, mỗi bên đầu gối bị một kiểu. Anh bị gãy xương cổ tay năm 2005, và cả hai bên vai cũng từng bị trật khớp. Bốn năm trước, anh đã thi đấu ở giải đấu bò chuyên nghiệp

thế giới - với một bên mắt cá bị vỡ, phải nhờ đến một chiếc bốt cao bồi đặc chế để cố định những mẩu xương vỡ. Và tất nhiên đã vô số lần anh bị ngắt đi. Vậy mà từ bé đến giờ, hầu như anh chẳng muốn gì hơn là được tiếp tục thi đấu cưỡi bò.

Như Sophia nói, có lẽ anh bị điên.

Ghé mắt nhìn qua cửa sổ phòng bếp phía trên bồn rửa bát, anh thấy mẹ anh đi nhanh qua. Anh tự hỏi khi nào thì mọi chuyện giữa họ trở lại bình thường. Trong mấy tuần gần đây, bà thường ăn bữa sáng trước khi anh xuất hiện, rõ ràng là có ý tránh nói chuyện với anh. Bà tận dụng sự hiện diện của anh để biểu lộ rằng bà vẫn bức mình; bà muốn anh cảm nhận được sức nặng trong sự im lặng của bà khi bà dọn đĩa của mình và để anh lại một mình ở bàn. Trên hết, bà muốn anh cảm thấy có lỗi. Anh nghĩ mình có thể ăn sáng ở nhà riêng - anh đã dựng một ngôi nhà nhỏ ngay phía bên kia lùm cây - nhưng qua kinh nghiệm anh biết rằng không cho bà cơ hội hoàn thành mục đích sẽ chỉ làm cho mọi việc tồi tệ hơn mà thôi. Rồi bà sẽ đổi ý, anh biết. Từ từ rồi sẽ vậy.

Anh bước lên mấy tầng bê tông nứt trong lúc đưa mắt nhìn một vòng xung quanh. Mái nhà còn tốt - anh đã thay nó cách đây vài năm - nhưng cần phải tìm cách sơn lại nơi này. Không may là trước tiên anh sẽ phải chà nhám hết mấy tấm ván, một công đoạn gần như sẽ làm kéo dài gấp ba thời gian, mà anh không có thời gian. Ngôi nhà trang trại được xây vào cuối những năm 1800, và nó đã được sơn đi sơn lại rất nhiều lần theo năm tháng, đến mức lớp phủ ngoài có khi còn dày hơn phần gỗ. Giờ đây, nó đã bị bong gần như toàn bộ và phần dưới mái hiên thì mục ruỗng. Nhắc mới nhớ, anh cũng phải tìm cách sửa mấy chỗ đó nữa.

Anh bước vào tiền sảnh nhỏ được che lưới và chùi đôi boot lên tấm thảm. Cánh cửa mở ra cùng tiếng cọt két thường thấy, và anh bị choáng ngợp bởi mùi thịt hun khói mới làm và khoai tây rán quen thuộc. Mẹ anh đứng bên bếp lò, đảo món trứng bác trong chảo. Bếp lò còn mới - anh mua nó cho mẹ hồi Giáng sinh năm ngoái - nhưng mấy cái tủ chạn đã có ngay từ đầu cùng ngôi nhà, và cái kệ bếp đã có từ rất lâu theo anh nhớ. Cả lớp lót sàn cũng vậy. Chiếc bàn gỗ sồi do ông anh đóng đã mòn đi theo thời gian; ở góc xa, cái lò sưởi đun củi cổ xưa đang tỏa ra hơi nóng. Nó nhắc anh nhớ mình cần chế thêm ít củi. Với thời tiết lạnh đang gần kề, anh cần phải làm đầy đồng củi càng sớm càng tốt. Lò sưởi không chỉ làm ấm căn bếp, mà cả ngôi nhà. Anh quyết định sẽ bắt tay vào làm sau bữa sáng, trước khi Sophia ghé qua.

Lúc treo mũ lên giá, anh để ý thấy mẹ trông mệt mỏi. Chắc rồi - lúc anh thắng yên cho con Ngựa và cưỡi nó ra ngoài thì mẹ anh đã quần quật lau chùi các ngăn chuồng rồi.

“Mẹ à,” anh nói, tiến đến bồn rửa, giữ giọng bình thường. Anh bắt đầu kì cọ hai bàn tay. “Mẹ cần giúp gì không?”

“Cũng sắp xong rồi,” bà trả lời mà không nhìn lên. “Nhưng con có thể bỏ bánh mì vào máy nướng. Ở trên kệ bếp sau lưng con ấy.”

Anh bỏ mấy lát bánh mì vào máy nướng, rồi rót cho mình tách cà phê. Mẹ anh quay lưng về phía anh, nhưng anh có thể cảm nhận được từ bà vẫn toát ra cái thái độ anh đã thấy mấy tuần qua. *Hãy hối hận đi, thằng con hư hỏng. Tao là mẹ mày. Mày không đếm xỉa gì đến cảm giác của tao sao?*

Có, tất nhiên là con quan tâm đến cảm giác của mẹ, anh

thăm nghĩ. *Thế nên con mới làm điều con đang làm.* Nhưng anh không nói gì cả. Sau gần một phần tư thế kỷ sống ở trang trại cùng nhau, họ đã trở thành những bậc thầy về nghệ thuật giao tiếp trong im lặng.

Anh uống thêm một ngụm cà phê nữa, lắng nghe tiếng lách cách của chiếc muối dẹt trong chảo.

“Sáng nay không có vấn đề gì,” anh nói. “Con kiểm tra mấy mũi khâu trên con bê hôm trước bị mắc trong hàng rào thép gai rồi, nó đang khỏe lên.”

“Tốt.” Sau khi đặt chiếc muối dẹt sang một bên, bà vói lên tủ chạn và lấy xuống vài cái đĩa. “Bày luôn ở trên bếp nhé?”

Anh đặt tách cà phê lên bàn, rồi lấy lọ mút và bơ trong tủ lạnh. Lúc anh bày thức ăn ra thì mẹ anh đã ngồi ở bàn rồi. Anh lấy bánh mì, đưa cho bà một lát, rồi chuyển cả bình cà phê ra bàn.

“Tuần này mình phải chuẩn bị bí ngô cho xong,” bà nhắc anh lúc đang vói lấy bình cà phê. Không nhìn anh, không ôm anh chào buổi sáng... mà anh cũng chẳng trông chờ gì chuyện đó. “Và chúng ta phải chuẩn bị cả mê cung nữa. Cỏ khô sẽ đến vào thứ Ba. Và con phải đục cả lối bí ngô nữa đấy.”

Nửa vụ mùa bí ngô đã được bán hết cho Nhà thờ Baptist Thứ nhất ở King, nhưng họ mở cửa trang trại vào các dịp cuối tuần cho mọi người đến mua chỗ còn lại. Một trong những điểm thu hút bọn trẻ con - và nhờ đó lôi kéo cả người lớn - là khu mê cung được dựng lên bằng các bó cỏ khô. Bố anh đã nảy ra ý tưởng này khi Luke còn nhỏ, và qua bao năm, khu mê cung đã ngày càng trở nên phức tạp. Đi qua mê cung đã trở thành một thứ truyền thống địa phương.

“Con sẽ lo việc đó,” anh nói. “Sơ đồ vẫn ở trong ngăn kéo bàn chứ ạ?”

“Nếu năm ngoài con cất lại vào đó, thì nó hẳn là ở đấy.”

Luke phết bơ và mút lên miếng bánh mì, cả hai người đều không nói gì.

Sau một lúc, mẹ anh thở dài. “Đêm qua con về muộn,” bà nói. Bà với lấy bơ và mút khi anh dùng xong.

“Mẹ vẫn thức à? Con không thấy đèn sáng.”

“Mẹ đang ngủ. Nhưng mẹ tỉnh giấc khi xe tải của con rẽ vào.”

Anh đồ rằng đó không hoàn toàn là sự thật. Máy cửa sổ phòng ngủ của bà không hướng ra phía lối đi, nghĩa là bà hẳn phải ở trong phòng khách. Điều đó cũng có nghĩa là bà đã thức để đợi và lo lắng cho anh.

“Con ở lại muộn cùng mấy người bạn. Họ rủ con.”

Bà vẫn tiếp tục tập trung vào đĩa thức ăn. “Mẹ cũng đoán vậy.”

“Mẹ có nhận được tin nhắn của con không?”

“Mẹ có,” bà đáp, và không nói gì thêm. Không hỏi traten đấu thế nào, không hỏi anh cảm thấy ra sao, không chút quan tâm về những chỗ đau nhức mà bà biết anh đang phải chịu đựng. Thay vào đó, thái độ của bà càng khuếch tán, lấp đầy căn phòng. Nỗi buồn và con giận nhỏ xuống từ trên trần nhà, rỉ qua các bức tường. Anh phải thú nhận, bà khá giỏi trong việc thao túng cảm giác tội lỗi.

“Mẹ có muốn nói về chuyện đó không?” rốt cuộc anh cũng hỏi.

Lần đầu tiên, bà nhìn qua bàn về phía anh. “Không muốn lắm.”

Cũng được, anh nghĩ. Nhưng bất chấp con giận của

bà, anh vẫn thấy nhớ việc trò chuyện với bà. “Con hỏi mẹ một câu vậy nhé?”

Anh gần như có thể nghe thấy tiếng hộp số của bà bắt đầu quay khi bà chuẩn bị cho một cuộc đổi đầu. Sẵn sàng bỏ lại anh một mình ở bàn và ra ăn ngoài hiên nhà.

“Mẹ đi giày cỡ bao nhiêu?” anh hỏi.

Chiếc nĩa của bà bất động giữa không khí. “Cỡ giày của mẹ ư?”

“Lát nữa có thể sẽ có người đến,” anh nói. Anh dùng nĩa xúc vài miếng trứng. “Và cô ấy có thể sẽ cần mượn một đôi bốt. Nếu bọn con đi cưới ngựa.”

Lần đầu tiên trong nhiều tuần, bà không giấu nổi sự hào hứng. “Con đang nói đến một cô gái sao?”

Anh gật đầu, tiếp tục ăn. “Cô ấy tên là Sophia. Con gặp cô ấy tối hôm qua. Cô ấy nói muốn đến xem căn nhà kho.”

Mẹ anh chớp mắt. “Sao con bé ấy lại quan tâm đến nhà kho?”

“Con không biết. Đó là ý tưởng của cô ấy.”

“Con bé ấy là ai?” Luke thấy vẻ tò mò hiện lên trên mặt mẹ anh.

“Cô ấy là sinh viên năm cuối ở Wake Forest. Cô ấy đến từ New Jersey. Và nếu bọn con đi cưới ngựa thì cô ấy sẽ cần bốt. Đó là lý do con hỏi cỡ chân của mẹ.”

Sự bối rối của bà cho anh biết, lần đầu tiên sau một thời gian rất dài, bà đang nghĩ về điều gì đó khác ngoài trang trại. Hay việc thi đấu cưới bò. Hay danh sách những việc bà muốn hoàn thành trước khi trời tối. Nhưng nó chỉ mang tính nhất thời, bà lại tập trung vào đĩa của mình. Bà cũng cứng đầu như anh, theo cách riêng của bà. “Bảy rưỡi. Mẹ có đôi bốt cũ trong tủ, có khi con bé ấy sẽ đi được. Nếu vừa.”

“Cảm ơn mẹ,” anh nói. “Con định đi chở ít củi trước khi cô ấy đến, trừ phi có việc gì khác mẹ muốn con làm.”

“Chỉ có tưới nước thôi,” bà nói. “Đồng cỏ thứ hai cần tưới nước.”

“Hồi sáng con bắt rồi. Nhưng con sẽ tắt trước khi cô ấy đến.”

Bà đẩy đẩy một nhúm trứng vòng quanh đĩa. “Mẹ sẽ cần con giúp làm việc với khách hàng cuối tuần sau.”

Chính cái cách bà nói khiến anh nhận ra bà đã tính đề cập đến chuyện này từ đầu, đó là lý do bà ngồi ở bàn cùng anh. “Mẹ biết con sẽ không ở đây vào thứ Bảy mà,” anh thận trọng nói. “Con sẽ ở Knoxville.”

“Lại cưới bò,” bà nói.

“Đó là sự kiện cuối cùng trong năm.”

“Vậy thì sao phải đi? Được thêm mấy điểm cũng để làm gì cơ chứ.” Giọng bà bắt đầu phảng phất chút cay đắng.

“Không phải vì điểm. Con không muốn trong tình trạng thiếu chuẩn bị khi sang mùa giải tiếp theo.” Thêm một lần nữa, cuộc nói chuyện tắt ngóm, chỉ để lại tiếng nĩa chạm đĩa. “Tối qua con đã thắng,” anh nói.

“Tốt cho con.”

“Thứ Hai con sẽ gửi séc vào tài khoản của mẹ.”

“Cứ giữ lấy,” bà nạt. “Mẹ không thiết.”

“Thế còn trang trại?”

Khi bà nhìn anh, anh thấy ít sự tức giận hơn anh tưởng. Thay vào đó là sự buông xuôi, có thể là cả nỗi buồn, được tô đậm bởi vẻ mệt mỏi khiến bà trông già hơn tuổi thật của mình. “Mẹ không quan tâm đến trang trại,” bà nói. “Mẹ quan tâm đến con trai mình.”



Sau bữa sáng, Luke chặt củi suốt một tiếng rưỡi, bỏ sung vào đống củi ở bên cạnh nhà mẹ anh. Bà lại lảng tránh anh từ sau bữa sáng, và tuy việc đó khiến anh phiền lòng, cái thao tác giúp đơn giản của việc bỏ củi lại làm anh thấy khá hơn, thả lỏng cơ bắp và để anh thoải mái nghĩ về Sophia.

Cô đã níu giữ trái tim anh - anh không nhớ nổi lần cuối cùng chuyện đó diễn ra là khi nào. Ít ra là không có gì kể từ sau Angie, nhưng ngay cả hồi ấy cũng không giống lúc này. Anh quan tâm đến Angie, nhưng anh không nhớ mình nghĩ về Angie nhiều như Sophia. Cho đến tối qua, anh không tưởng tượng được chuyện đó có thể xảy ra. Sau khi bố mất, phải khó khăn lắm anh mới có thể tập trung vào chuyện cưới bỏ. Khi nỗi buồn đau dần nguôi ngoai, khi anh có thể sống một hay hai ngày mà không nghĩ về bố mình, anh dốc lòng trở thành đấu sĩ cưới bỏ giỏi nhất có thể. Trong suốt những năm đi thi đấu, anh chỉ nghĩ đến điều đó, và sau mỗi chiến thắng, anh lại đặt mục tiêu cao hơn, càng quyết tâm hơn nữa với mục đích chiến thắng tất cả.

Sự quyết tâm ấy không để lại nhiều khoảng trống cho các mối quan hệ, trừ kiểu quan hệ gần gũi, vô nghĩa. Một năm rưỡi qua đã thay đổi điều đó. Không đi du đấu, không tập luyện, và cho dù luôn có điều gì đó để làm ở trang trại thì anh cũng đã quen với nó. Những người thành công trong việc kinh doanh trang trại rất giỏi ưu tiên cái gì trước cái gì sau, và mẹ cũng như anh hiểu rõ điều đó. Anh có nhiều thời gian hơn để suy nghĩ, nhiều thời gian hơn để tự hỏi về tương lai, và lần đầu tiên trong đời, đến cuối ngày đời lúc anh thấy mong có ai đó để nói chuyện cùng trong bữa tối, ngoài mẹ anh.

Tuy đó không phải điều gì quá bức thiết với anh, anh cũng không thể ngăn cái thôi thúc muốn tìm được một ai đó. Vấn đề là anh chẳng biết phải làm sao... và giờ anh lại thi đấu, lại bận rộn và xao nhãng.

Thế rồi, bất thành linh và ngay lúc anh ít mong chờ nhất, anh gặp Sophia. Mặc dù dành gần như cả buổi sáng để nghĩ về cô và tự hỏi cảm giác được luồn tay qua mái tóc cô là như thế nào, anh vẫn nghĩ chuyện của họ sẽ không bền lâu. Họ chẳng có điểm gì chung. Cô là sinh viên - lại còn học lịch sử nghệ thuật - và sau khi tốt nghiệp, cô sẽ chuyển đi để làm việc cho một bảo tàng ở thành phố xa xôi nào đó. Nhìn chung thì cả hai chẳng có cơ hội nào cả, nhưng hình ảnh cô ngồi trên sàn thùng xe tải của anh dưới các vì sao cứ tua đi tua lại trong đầu anh, và anh tự hỏi lẽ như, chỉ là lẽ như thôi, họ có thể duy trì mối quan hệ ấy thì sao.

Anh tự nhắc mình rằng họ chẳng biết về nhau mấy và có vẻ như anh đang nghĩ xa xôi quá. Dù sao, anh cũng phải công nhận rằng anh đang hồi hộp khi nghĩ đến cảnh cô ghé thăm.

Sau khi chế củi, anh dựng chúng xung quanh căn nhà và lái chiếc xe bán tải ra tắt vòi tưới, rồi ghé nhanh qua cửa hàng để bổ sung đồ ăn trong tủ lạnh. Anh không chắc liệu cô có vào nhà không, nhưng nếu có, thì anh muốn chuẩn bị trước.

Ngay cả khi bước vào phòng tắm, anh cũng thấy mình không thể ngừng nghĩ về cô. Ngẩng mặt lên dưới vòi sen, anh tự hỏi chuyện quái quỷ gì đã xảy ra với mình.



Một giờ mười lăm, Luke đang ngồi trên chiếc ghế bập bênh ngoài hiên nhà thì nghe thấy tiếng ô tô chậm chậm rẽ vào

con đường đất dài, bụi bốc lên các ngọn cây. Con Chó ở ngay chân anh, cạnh đôi boots cao bồi anh tìm thấy trong tủ đồ của mẹ. Chó ngồi thẳng dậy, tai dựng lên rồi nhìn sang Luke.

“Đi nào,” anh giục, và Chó ngay lập tức phóng đi. Luke vội lấy đôi boots và rời hiên nhà bước xuống bãi cỏ. Anh vừa vẫy vẫy chiếc mũ vừa bước về phía con đường chính, hy vọng cô nhìn ra anh qua những lùm cây rào hai bên đường. Nếu đi thẳng cô sẽ đến ngôi nhà trang trại chính; còn để đến được chỗ anh, cô phải rẽ vào một lối đi giữa các hàng cây và đi theo một con đường nhỏ đầy cỏ úa. Rất khó để phát hiện ra lối đi đó trừ phi ta biết nó ở đâu, và đáng lẽ trải sỏi thì nó đã dễ thấy hơn, nhưng đó lại là một mục khác trong bản danh sách việc cần làm mà anh vẫn chưa có thời gian thực hiện. Hồi trước, anh cho rằng việc đó chẳng quan trọng mấy, nhưng bây giờ, khi Sophia đang đến và trái tim anh đang đập nhanh hơn bình thường, anh ước giá mình làm xong từ trước.

Thật may, Chó biết phải làm gì. Nó chạy lên trước và đứng ở đường chính như một lính gác đến khi Sophia buộc phải dừng xe, rồi nó sửa đầu hách dịch đoạn chạy lại phía Luke. Luke vẫy chiếc mũ của mình một lần nữa, rồi cuộc cũng thu hút được sự chú ý của Sophia, và cô quay xe. Một lát sau, cô đỗ xe dưới một cây mộc lan cao vút.

Cô xuống xe, cô mặc quần jean ôm bạc màu, gối rách trông tươi tắn như mùa hè. Với đôi mắt giông giống mắt mèo và cấu trúc xương có nét của người Slave, trông cô càng muôn phần nổi bật dưới ánh mặt trời so với buổi tối hôm trước, và anh chỉ biết ngây ra ngẩn. Anh có một cảm giác rất lạ rằng trong tương lai, mỗi khi anh nghĩ về cô, đây sẽ là hình ảnh anh nhớ đến. Cô quá đẹp, quá tinh tế và lạ

lắm so với khung cảnh của vùng quê này, nhưng khi cô nở nụ cười tươi đầy thân thiện ấy, anh thấy trong lòng bừng sáng, như ánh mặt trời rọi qua màn sương.

“Xin lỗi em đến muộn,” cô nói trong lúc đóng cửa xe, không có vẻ gì là hồi hộp như cảm giác hiện tại của anh.

“Không sao đâu,” anh nói, chỉnh lại mũ và cho hai tay vào túi.

“Em rẽ nhầm đường và phải quay lại một đoạn. Nhưng em đã có dịp đi một vòng quanh King.”

Anh di di chân. “Và?”

“Anh nói đúng. Nó không hào nhoáng lắm, nhưng người dân thì thân thiện. Một ông lão ngồi trên ghế băng đã chỉ đường cho em,” cô nói. “Anh thế nào?”

“Anh ổn,” anh nói, cuối cùng cũng nhìn lên.

Nếu có nhận thấy anh đang hồi hộp đến thế nào, thì cô cũng không biểu lộ ra. “Anh đã hoàn thành những việc cần làm chưa?”

“Anh đã kiểm tra bày gia súc, chế củi, mua vài thứ ở cửa hàng.”

“Nghe thú vị đấy,” cô nói. Vừa lấy tay che mắt, cô vừa chậm chậm quay một vòng, ngắm nhìn xung quanh. Lúc ấy, Chó chạy đến và tự giới thiệu mình bằng cách quẩn lấy chân cô. “Em đoán đây là Chó nhỉ.”

“Chỉ có một thôi mà.”

Cô ngồi xuống, gãi gãi sau tai nó. Đuôi nó mừng rỡ vẫy liên hồi. “Mày có cái tên ghê quá, Chó ạ,” cô thì thầm, dồn toàn bộ sự chú ý vào nó. Đuôi nó càng vẫy mạnh hơn. “Nơi này đẹp quá. Của anh cả sao?”

“Của mẹ anh. Nhưng đúng là nó cũng thuộc trang trại.”

“Nó rộng chừng nào?”

“Hơn tám trăm héc ta một chút,” anh nói.

Cô cau mày. “Nó chẳng có nghĩa gì với em cả, anh biết mà. Em từ New Jersey đến. Một cô gái thành thị? Nhớ không?”

Anh thích lối nói của cô. “Thế này thì sao?” anh gợi ý. “Nó bắt đầu từ con đường em rẽ vào và kéo dài một dặm rưỡi theo hướng kia, ra đến sông. Khu đất có hình dạng giống một cái quạt, đường vào thì hẹp và, ra gần đến sông thì mở rộng, ở đó nó rộng hơn hai dặm.”

“Dễ hiểu hơn rồi đấy,” cô nói.

“Thật không?”

“Không hẳn. Thế là bao nhiêu tòa nhà trong thành phố?”

Câu hỏi của cô khiến anh sững ra và cô phá lên cười trước vẻ mặt của anh. “Anh không biết.”

“Em đùa đấy,” cô cười và đứng lên. “Nhưng chỗ này thật ấn tượng. Lần đầu tiên em đến một trang trại đấy.” Cô chỉ về phía ngôi nhà phía sau mình. “Còn đây là nhà anh à?”

Anh quay lại, nhìn theo hướng cô chỉ. “Anh dựng nó vài năm trước.”

“Anh nói anh dựng nó tức là...”

“Anh làm hầu hết mọi việc, trừ phần ống nước và điện. Anh không được cấp phép làm mấy việc đó. Nhưng phần thiết kế và dựng khung đều do anh làm cả.”

“Tất nhiên là anh làm rồi,” cô nói. “Và em cá rằng nếu xe của em hỏng, anh cũng sẽ biết cách sửa.”

Anh liếc về phía chiếc xe của cô. “Có thể.”

“Anh như kiểu... cổ điển ấy. Một người đàn ông đúng chuẩn. Chẳng còn mấy người biết làm mấy việc đó nữa đâu.”

Anh không chắc là cô ngưỡng mộ hay đang trêu anh, nhưng anh nhận ra anh thích cái cách cô làm anh chạnh choáng. Chẳng hiểu sao điều đó khiến cô có vẻ chín chắn hơn phần lớn các cô gái anh biết.

“Anh rất vui vì em đến,” anh nói.

Trong giây lát, có vẻ như cô không chắc nên phản ứng trước lời nhận xét của anh thế nào. “Em cũng vui vì đã đến đây. Cảm ơn anh đã mời em.”

Anh háng giọng, nghĩ về chuyện đó. “Anh nghĩ là anh sẽ đưa em đi xem nơi này một vòng.”

“Trên lưng ngựa sao?”

“Ở bên sông có một chỗ rất đẹp,” anh nói mà không trả lời thẳng câu hỏi của cô.

“Có lãng mạn không?”

Luke cũng không chắc phải trả lời câu hỏi đó thế nào. “Anh thích chỗ đó, kiểu vậy,” anh trả lời bằng giọng ngập ngừng.

“Với em thế là đủ,” cô cười nói. Cô chỉ vào đôi boots anh đang cầm. “Em phải đi đôi boots này sao?”

“Đôi này của mẹ anh. Anh không biết có vừa không, nhưng nó sẽ có ích khi để chân trên bàn đạp. Anh đã cho hai chiếc tất vào trong đó rồi. Tất của anh và có lẽ hơi to, nhưng là tất sạch đấy.”

“Em tin anh,” cô nói. “Nếu anh có thể sửa xe và xây nhà thì em chắc anh cũng biết cách dùng máy giặt và máy sấy. Em đi thử nhé?”

Anh đưa cho cô và cố không trầm trồ trước độ ôm của chiếc quần jean cô mặc khi cô đi về phía hiên nhà. Chó chạy theo sau cô, đuôi nó ve vẩy còn luỡi thì lè ra như thể vừa tìm được bạn thân mới. Ngay khi cô ngồi xuống, Chó lại bắt đầu sục mồm vào tay cô, và anh cho đó là một dấu

hiệu tốt - bình thường Chó không thân thiện lắm. Từ chỗ bóng râm, anh nhìn Sophia bỏ chân ra khỏi đôi giày bệt. Với dáng vẻ uyển chuyển, cô đi tất và xỏ chân vào ủng một cách thoải mái. Cô đứng lên và bước vài bước thăm dò.

“Em chưa bao giờ đi boots cao bồi trước đây,” cô nói, nhìn chăm chăm vào chân. “Trông thế nào?”

“Trông em như đang đi boots ấy.”

Cô bật ra tiếng cười sảng khoái giòn tan, rồi bắt đầu đi từng bước trên hiên nhà, nhìn xuống đôi boots. “Trông đúng là đang đi boots thật,” cô nói, và quay về phía anh. “Trông em có giống một cô nàng cao bồi không?”

“Em cần một chiếc mũ nữa.”

“Để em thử đội mũ của anh xem,” cô nói, đưa tay ra.

Luke tiến về phía cô và bỏ chiếc mũ ra, cảm thấy khó kiểm soát hơn cả lúc anh ngồi trên mấy con bò tốt tới qua. Anh đưa mũ cho cô và cô đội lên, kéo nó ngả ra sau. “Trông thế nào?”

Hoàn hảo, anh nghĩ, hoàn hảo hơn bất cứ cô gái nào anh từng gặp. Anh cười, cổ họng bỗng nhiên khô đắng, và anh nghĩ, mình thực sự bị gì rồi.

“Giờ trông em giống một cô cao bồi rồi đấy.”

Cô cười toe toét, rõ ràng đắc chí khi nghe điều đó. “Em nghĩ hôm nay em sẽ giữ nó. Nếu anh đồng ý.”

“Anh có nhiều mũ lắm,” anh nói, gần như không nghe thấy chính mình. Anh lại di di chân, cố gắng tự chủ. “Tối qua thế nào?” anh hỏi. “Anh cứ lo không biết em có gặp thêm rắc rối nào không.”

Cô bước từ trên hiên nhà xuống. “Ồn mà. Marcia vẫn ở đúng chỗ lúc trước em bỏ cô ấy lại.”

“Brian có làm phiền em không?”

“Không,” cô trả lời. “Em nghĩ anh ta lo rằng anh vẫn

còn ở quanh đó. Mà em cũng không ở đó lâu. Chỉ thêm khoảng nửa tiếng hay gì thôi. Em mệt.” Lúc này, cô đã xích lại gần anh. “Em thích đôi boots và cái mũ. Thoải mái lắm. Em nên cảm ơn mẹ anh. Mẹ anh có ở đây không?”

“Không, mẹ anh ở nhà chính. Anh có thể nói với mẹ sau.”

“Sao thế? Anh không muốn em gặp mẹ anh à?”

“Không phải thế. Sáng nay bà đang hơi bực mình với anh.”

“Tại sao?”

“Chuyện dài lắm.”

Sophia nghiêng đầu nhìn anh. “Anh cũng nói y vậy tối qua khi em hỏi tại sao anh cười bò tót,” cô nhắc. “Em nghĩ anh nói ‘Chuyện dài lắm’ nhưng ý của anh thực sự là ‘Anh không muốn nói về chuyện đó’. Em nói đúng chứ?”

“Anh không muốn nói về chuyện đó.”

Cô cười, mặt cô ửng đỏ vì thích thú. “Vậy tiếp theo là gì đây?”

“Anh nghĩ chúng ta có thể đi qua nhà kho,” anh nói. “Em bảo muốn xem nó mà.”

Cô nhướn một bên mày. “Anh biết thực chất em đến đây không phải để xem nhà kho phải không?”



Sophia

Được rồi, cô nghĩ thầm khi vừa thốt ra những lời ấy. Có lẽ như vậy là hơi hấp tấp quá.

Cô đổ lỗi cho Marcia. Nếu Marcia không lái nhải suốt tối qua và sáng nay mấy câu hỏi về chuyện đã xảy ra vào tối hôm trước và việc Sophia đến trang trại hôm nay; nếu cô không loại hai bộ quần áo đầu Sophia chọn, trong lúc cứ luôn mồm, “Mình không thể tin là cậu lại đi cưới ngựa với anh chàng nóng bỏng đó!” thì Sophia đã không hồi hộp đến thế. Ngon mắt. Nóng bỏng. Quyến rũ. Marcia cứ khẳng khẳng sử dụng mấy từ đó thay vì gọi tên anh. Như kiểu, “Vây, quý ngài Ngon Mắt ấy xen vào và cứu cậu sao?” hay, “Cậu với anh chàng nóng bỏng ấy nói chuyện gì?” hay đơn giản chỉ là, “Anh ấy quyến rũ quá!” Chả trách cô bỏ lỡ mất ngã rẽ sau khi đi ra khỏi đường cao tốc; lúc rẽ vào lối đi, cô có thể cảm thấy một giọt mồ hôi lăn xuống nơi lồng ngực. Cô không hẳn là đang lo âu, nhưng chắc chắn là hồi hộp, và bất cứ khi nào điều đó xảy ra thì cô lại nói liên tục và thấy mình bị ảnh hưởng bởi những người như Marcia và Mary-Kate. Rồi đôi khi con người thật của cô lại hùng hổ xuất hiện và thốt ra những điều lẽ ra không nên nói. Như hôm nay. Và tối qua nữa, khi cô nói, cô thích đi cưới ngựa.

Luke cũng chẳng làm cho mọi việc khá hơn. Anh đi đến chỗ xe của cô trong chiếc áo sơ mi bằng vải mềm và quần jean, những lọn tóc xoắn cứ cố tuột ra khỏi mũ. Đôi mắt với hàng mi dài ấy hiếm khi nhìn lên, vẻ ngại ngùng của anh khiến cô ngạc nhiên, và đó cũng là lúc cô thấy tâm can mình có chút xáo trộn. Cô thích anh... *thực sự* thích. Nhưng hơn thế, không biết vì lý do gì, cô tin tưởng anh. Cô có cảm giác rằng thế giới của anh được phân định bởi ý thức về cái đúng và cái sai, rằng anh là người nghiêm chỉnh. Anh không bận tâm đến việc giả vờ là một con người khác không phải mình, và khuôn mặt anh như một cuốn sách để mở. Khi cô làm anh ngạc nhiên, cô có thể nhìn thấy điều đó ngay; khi cô trêu anh, anh vô tư tự cười chính mình. Đến lúc anh nhắc chuyện nhà kho... ừ thì, cô đã không ngăn mình lại được.

Cho dù cô nghĩ mình đã phát hiện ra về gì đó tựa như ngại ngùng nơi anh, thì anh cũng chỉ cúi mặt xuống rồi ghé vào trong nhà lấy một chiếc mũ khác. Khi anh quay trở ra, họ đi cạnh nhau, chìm vào một nhịp điệu thành thoi. Chó chạy lên trước rồi phi thật nhanh trở về phía họ, rồi lại phóng đi theo hướng khác, một khối năng lượng di động. Từng chút một, cô thấy nỗi lo lắng của mình tan dần. Họ men theo những lùm cây bao quanh nhà, rẽ ra hướng đường chính. Khi khung cảnh mở ra trước mặt, cô thấy căn nhà chính, với hàng hiên rộng có mái che và những cửa chớp màu đen, đậu lưng vào một lùm cây cao vút. Bên ngoài đó là căn nhà kho cũ kỹ và những đồng cỏ tươi tốt nép mình giữa những ngọn đồi nhấp nhô. Xa xa là một hồ nước nhỏ lác đác gia súc trên bờ, những ngọn núi đỉnh xanh mượt phủ sương gần phía chân trời đóng khung toàn bộ cảnh quan như một tấm bưu thiếp. Bên kia đường

là một rừng thông Giáng sinh được trồng ngay ngắn thành những hàng thẳng tắp. Một ngọn gió thổi qua khu rừng, tạo ra tiếng xào xạc nghe như một khúc nhạc.

“Em không tin nổi là anh lại lớn lên ở đây,” cô hít một hơi, đón nhận toàn bộ nơi này. Cô ra hiệu về phía ngôi nhà. “Đó là nơi mẹ anh sống à?”

“Thực ra anh được sinh ra trong ngôi nhà trang trại đó đấy.”

“Cái gì? Không có con ngựa nào đủ nhanh để đưa đi viện ư?”

Anh cười, dường như thoải mái hơn lúc họ rời nhà anh. “Một phụ nữ ở trang trại bên cạnh từng là bà đỡ. Bà là bạn tốt của mẹ anh, và đó cũng là một cách để tiết kiệm tiền. Bà thích như thế - mẹ anh ấy. Dính đến chuyện tiền nong là mẹ anh như một con điều hâu vậy.”

“Kể cả chuyện sinh nở sao?”

“Anh không chắc là bà lo ngại gì chuyện sinh nở. Sống ở trang trại, bà đã chứng kiến nhiều ca sinh nở rồi. Hơn nữa, bà cũng được sinh ra trong ngôi nhà này, nên có lẽ bà nghĩ, Sao phải quan trọng hóa lên chứ?”

Sophia thấy sỏi lở xạo bên dưới đôi bốt. “Gia đình anh sở hữu trang trại này bao lâu rồi?” cô hỏi.

“Lâu lắm rồi. Cụ anh mua gần như toàn bộ trang trại vào những năm 1920, sau đó, khi cuộc Đại suy thoái xảy ra, cụ có điều kiện để coi nó thêm. Cụ là một thương gia khá giỏi. Từ đó, nó được truyền lại cho ông anh, rồi của mẹ anh. Bà tiếp quản nó khi bà hai mươi hai tuổi.”

Trong lúc anh trả lời, cô nhìn quanh, ấn tượng trước cảm giác biệt lập của nơi đây, mặc dù nó nằm gần đường cao tốc. Họ đi qua ngôi nhà trang trại, và ở đằng xa là những cấu trúc bằng gỗ nhỏ dãi dầu mưa nắng được hàng

rào bao quanh. Khi gió đổi hướng, Sophia ngửi được mùi cây lá kim và sỏi. Mọi thứ ở trang trại này là một sự đổi thay mới mẻ so với chỗ học xá cô vẫn ru rú quanh năm. Cũng như Luke vậy, cô nghĩ, nhưng cô cố không tập trung vào nhận định đó quá. “Những tòa nhà kia là gì?” cô vừa chỉ vừa hỏi.

“Ngôi nhà gần nhất là chuồng gà, nhà anh nuôi gà trong đấy. Sau nó là chỗ nuôi lợn. Không nhiều lắm, chỉ khoảng ba, bốn con một đợt thôi. Như tối qua anh nói đấy, ở đây nhà anh chủ yếu nuôi bò thôi.”

“Nhà anh có bao nhiêu bò?”

“Hơn hai trăm cặp,” anh nói. “Nhà anh còn có chín con bò tót đấy.”

Cô nheo mày. “Cặp ư?”

“Một bò mẹ và con của nó.”

“Vậy tại sao anh không nói anh có bốn trăm?”

“Anh đoán đó là cách người ta đếm chúng. Để em biết quy mô đàn mà em muốn bán trong năm đó. Bọn anh không bán bê đi. Nhà khác thì có - để lấy thịt bê - nhưng nhà anh thì nổi tiếng với loại thịt bò hữu cơ, chỉ cho ăn cỏ. Khách hàng chính của bọn anh là các nhà hàng cao cấp.”

Họ đi theo bờ rào, đến một cây sỏi lâu năm với những cành to tỏa ra mọi hướng như một con nhện. Khi đi qua dưới tán cây, họ được đón chào bằng một đàn hợp âm tiếng chim kêu lảnh lót, hót vang lời cảnh báo. Sophia ngược nhìn nhà kho khi họ đến gần, nhận ra Luke không hề đùa. Nó trông hoang phế, hơi nghiêng ngả và được giữ lại với nhau chỉ bởi những miếng ván mục. Thường xuân và sắn dây đã bò lên tứ phía, và một phần mái nhà đã hoàn toàn bong ván lợp.

Anh hát hàm về phía nó. “Em nghĩ sao?”

“Em tự hỏi liệu anh có bao giờ nghĩ đến việc san phẳng nó không, coi như là làm ơn?”

“Nó vững chãi hơn vẻ ngoài đấy. Nhà anh để nó thế này cho ấn tượng.”

“Có thể là thế,” cô nói với giọng nghi ngờ. “Hoặc là anh chưa có thời gian để sửa.”

“Em nói gì vậy? Em phải thấy nó hồi còn chưa sửa cơ.”

Cô cười. Anh chắc nghĩ mình hài hước lắm. “Anh giữ mấy con ngựa trong đó à?”

“Em đùa chắc? Đòi nào anh để chúng vào cái bầy sập ấy.”

Lúc này thì cô đành phì cười. “Thế anh dùng nhà kho ấy để làm gì?”

“Chủ yếu là trữ đồ. Con bò tót máy cũng để trong đấy, và anh luyện tập ở đó, mà ngoài ra, nó chứa đầy đồ đã hỏng là chính. Hai cái xe tải hỏng, một cái máy kéo từ những năm năm mươi, mấy cái máy bơm cũ, máy bơm nhiệt hỏng, động cơ bị gỡ ra. Hầu hết là đồ phế thải, nhưng như anh nói đấy, động đến tiền là mẹ anh buồn cười lắm. Đôi khi anh cũng tìm thấy một bộ phận anh cần để sửa thứ cần sửa.”

“Có nhiều không? Nhưng lúc anh tìm được thứ gì đó ấy?”

“Không nhiều lắm. Nhưng anh không được đặt mua đồ mới nếu chưa kiểm tra lại trong đó. Đó là một trong những luật mẹ anh đề ra.”

Ở phía xa của nhà kho là một chuồng ngựa nhỏ, bên hông hướng ra một khu quây gia súc không lớn lắm. Ba con ngựa vạm vỡ quan sát họ khi họ bước tới. Sophia nhìn Luke mở cửa chuồng ngựa và lấy ra ba quả táo từ trong bao bố anh mang theo.

“Ngựa! Lại đây!” anh gọi to, và một con ngựa màu hạt dẻ chạy nước kiệu đến theo lệnh của anh. Hai con màu tối hơn cũng đi theo. “Ngựa là của anh,” anh giải thích. “Hai con kia là Thân Thiện và Ác Quỷ.”

Cô lùi lại, nhúu mày lo lắng. “Em nghĩ có lẽ em nên cưới Thân Thiện chẳng?” cô hỏi.

“Là anh thì không đâu,” anh nói. “Nó cần và sẽ cố hát em xuống đất. Nó xử tệ với mọi người trừ mẹ anh. Ngược lại, Ác Quỷ thì đáng yêu hơn.”

Cô lắc đầu. “Có vấn đề gì với anh và mấy cái tên cho động vật thế?” Khi cô quay ra phía bãi cỏ lần nữa, Ngựa đã lảng lảng đến gần, khiến cô trông thật nhỏ bé. Cô vội lùi lại, dù vậy, Ngựa - mãi chú mục vào Luke và mấy quả táo - không có vẻ gì là để ý đến cô.

“Em vuốt ve nó được không?”

“Tất nhiên là được rồi,” anh nói, giờ quả táo ra. “Nó thích được cọ mũi. Và gãi đằng sau tai nữa.”

Cô chưa sẵn sàng chạm vào mũi nó, nhưng cô nhẹ nhàng vuốt mấy ngón tay phía sau tai nó, nhìn chúng thích thú vẫy vẫy, ngay cả trong lúc con ngựa vẫn đang ràu rệu nhai táo.

Luke dẫn Ngựa vào chuồng, và Sophia xem anh chuẩn bị cho chuyến cưỡi ngựa: dây cương, miếng đệm yên, và cuối cùng là yên ngựa, mọi thao tác đều nhuần nhuyễn và như máy. Trong lúc đó, chiếc quần jean của anh ôm sát lại khi anh cúi xuống, Sophia thấy hai má nóng lên. Luke có khi là tạo vật quyết rũ nhất cô từng thấy. Cô mau chóng quay đi, giả vờ như đang nhìn những thanh xà nhà trong khi anh hoàn tất việc và chuyển sang đóng yên con Ác Quỷ.

“Được rồi,” anh nói, chỉnh lại chiều dài của bàn đạp ngựa. “Em sẵn sàng chưa?”

“Chưa sẵn sàng lắm,” cô thú nhận. “Nhưng em sẽ cố. Anh chắc là nó đáng yêu chứ?”

“Nó như con nít thôi,” Luke trấn an cô. “Em chỉ cần đặt tay lên chóp yên, nhắc chân trái lên bàn đạp. Rồi cứ thế vung chân sang bên kia.”

Cô làm theo lời anh bảo, trèo lên con ngựa dù tim cô bắt đầu đập mạnh hơn. Trong lúc đang cố làm cho mình thoải mái, cô bỗng nghĩ con ngựa bên dưới chẳng khác nào một khối cơ khổng lồ chỉ chực gồng lên.

“Ừm... Nó cao hơn em nghĩ...”

“Em sẽ ổn thôi,” anh nói, đưa cho cô dây cương. Trước khi cô kịp kháng cự thì anh đã yên vị trên con Ngựa, trông rõ thoải mái.

“Ác Quỷ không cần gì nhiều đâu,” anh nói. “Chỉ cần khế kéo dây cương trên cổ nó là nó rẽ theo ý em, như thế này. Để nó đi thì chỉ cần thúc nhẹ gót vào hai bên sườn nó. Để nó dừng lại thì kéo dây cương về sau.” Anh thao tác vài lần để chắc chắn rằng cô hiểu.

“Anh nhớ đây là lần đầu tiên của em mà, phải không?” cô hỏi.

“Em có bảo anh rồi.”

“Mà anh cũng nên biết, em không khoái mấy trò điên rồ đâu. Em không muốn bị ngã. Một bạn trong hội nữ sinh của em bị gãy tay khi cưỡi ngựa, và em không muốn có cục bột vương tay trong lúc phải viết luận đâu.”

Anh gãi gãi má, chờ đợi. “Em nói xong chưa?” anh hỏi.

“Em chỉ đang đề ra mấy nguyên tắc cơ bản thôi.”

Anh thở dài, lắc đầu cười. “Mấy cô nàng thành thị,” anh nói, đoạn lắc cổ tay một cái, Ngựa quay đầu và bước đi. Một lát sau, Luke nghiêng người ra trước và nâng then

cửa lên, để nó mở tung ra. Anh đi qua cửa, chuồng ngựa chặn mất tầm nhìn của cô. “Em phải đi theo anh chứ,” anh gọi lại.

Cô hít một hơi thật sâu, tim vẫn đang đập nhanh còn miệng khô như mùn cưa. Chẳng có lý do gì mà cô không làm được cả. Cô có thể đi xe máy, mà việc này thì có khác mấy đâu, phải không? Người ta cưỡi ngựa hằng ngày. *Trẻ con* cũng cưỡi ngựa, việc này có thể khó đến mức nào chứ? Mà kể cả nó khó đi nữa, thì có sao? Cô chịu được khó khăn mà. Giờ văn học Anh với giáo sư Aldair mới khó. Làm việc mười bốn tiếng ở quán ăn ngày thứ Bảy trong khi bạn bè vào thành phố hết mới khó. Để Brian làm phiền mình - cái này thì đã từng khó. Trấn an bản thân, cô vẫy vẫy dây cương và thúc nhẹ vào hai bên sườn Ác Quỷ.

Không thấy gì.

Cô thúc lần nữa.

Tai nó giật giật, nhưng nó vẫn đứng bất động như một bức tượng.

Được rồi, không dễ lắm nhỉ, cô nghĩ. Ác Quỷ rõ ràng là muốn ở nhà.

Luke và Ngựa xuất hiện trở lại. Anh nâng vành mũ lên. “Em có đi không?” anh hỏi.

“Nó không muốn đi,” cô giải thích.

“Thúc nhẹ nó và bảo nó em muốn nó làm gì. Dùng dây cương nữa. Nó cần cảm thấy được là em biết em đang làm gì.”

Vô ích thôi, cô nghĩ. Mình chẳng biết mình đang làm gì. Cô lại thúc lần nữa và chẳng có gì xảy ra.

Luke chỉ vào con ngựa như một giáo viên đang quở trách một đứa trẻ. “Đừng có đùa nữa, Ác Quỷ,” cuối cùng anh quát lên. “Mày làm cô ấy sợ đấy. Lại đây.” Như một

phép màu, những lời anh nói đủ khiến con ngựa di chuyển mà Sophia không cần phải làm gì. Nhưng vì bị giật mình, cô bật ngựa ra sau yên, rồi cô lại nhào người về phía trước theo bản năng để cố giữ thăng bằng.

Tại Ác Quỷ lại vậy, như thể nó đang tự hỏi liệu toàn bộ chuyện này có phải một trò đùa không.

Cô nắm dây cương bằng cả hai tay, sẵn sàng bảo nó rẽ, nhưng Ác Quỷ không cần cô. Nó đi qua cửa, thở phì phì vào con Ngựa khi nó bước qua, rồi dừng lại khi Luke đóng cửa phía sau và đi đến cạnh cô.

Anh giữ cho Ngựa đi chậm nhưng đều, còn Ác Quỷ khoan thai đi cạnh anh mà không cần bất cứ động thái nào từ phía cô. Họ băng qua đường chính và chuyển hướng vào một lối đi men theo hàng thông Giáng sinh cuối cùng.

Ở đây, mùi của những cây thường xanh đậm hơn, gợi cô nhớ đến những ngày lễ hội. Khi đã quen với nhịp bước của con ngựa, cô cảm thấy cơ thể mình trút được phần nào gánh nặng và nhịp thở của cô trở lại bình thường.

Đầu kia của lùm cây là một khoảnh rừng thưa, có lẽ rộng cỡ một sân bóng. Hai con ngựa tự tìm đường băng qua một lối đi um tùm, gần như ở chế độ lái tự động, lên rồi xuống đồi, lượn quanh co vào sâu trong một thế giới chưa được khai phá. Phía sau họ, trang trại dần khuất khỏi tầm nhìn, khiến cô cảm thấy mình như đang ở một vùng đất xa xôi.

Luke để cô một mình với những suy nghĩ riêng trong lúc họ tiến sâu hơn vào rừng cây. Chó đang chạy trước, gí mũi xuống đất, biến mất rồi lại xuất hiện, chạy hết bên này đến bên kia. Cô cúi người tránh một cành cây mọc thấp và đưa mắt nhìn Luke nhào người tránh một cành cây khác. Mặt đất trở nên cứng và dày lá hơn. Những bụi mâm xôi

và nhựa ruồi sum suê mọc thành khóm, ôm lấy những thân cây sồi phủ rêu xanh. Lũ sóc thoăn thoắt chạy trên những cành mại châu, truyền nhau những lời cảnh báo, trong khi những tia nắng vụn xuyên qua tán lá, khiến khung cảnh xung quanh cô giống như một giấc mơ.

“Ồ đây đẹp quá,” Sophia nói, giọng cô nghe thật lạ, ngay cả với chính cô.

Luke xoay người lại trên yên. “Anh mong em thích nó.”

“Đây cũng là đất của anh à?”

“Một phần thôi. Nhà anh chia với trang trại kế bên. Nó đóng vai trò chắn gió và ranh giới sở hữu.”

“Anh có thường ra đây không?”

“Hồi trước thì có. Nhưng gần đây anh chỉ ra khi một trong mấy hàng rào bị gãy. Đôi khi bọn gia súc sẽ lãng vãng ra chỗ này.”

“Thế mà em cứ nghĩ anh làm điều này với mọi cô gái.”

Anh lắc đầu. “Anh chưa bao giờ đưa một cô nào ra đây.”

“Tại sao không?”

“Chắc là vì anh chưa bao giờ nghĩ đến chuyện đó.”

Trông anh cũng ngạc nhiên y hệt cô khi nhận ra điều ấy. Chó lon ton chạy đến, kiểm tra xem để chắc là mọi việc vẫn bình thường, rồi lại chạy biến. “Thế kể em nghe về cô bạn gái cũ kia đi. Angie phải không?”

Anh hơi giật mình, rõ ràng ngạc nhiên khi cô vẫn còn nhớ. “Cũng không có nhiều chuyện để kể lắm. Như anh nói đấy, nó chỉ là chuyện hồi trung học thôi.”

“Tại sao nó kết thúc?”

Anh dường như ngẫm nghĩ câu hỏi rồi mới trả lời. “Anh bắt đầu lên đường du đấu một tuần sau ngày tốt

nghiệp,” anh nói. “Hồi ấy, không có tiền bay đến mấy chỗ thi, nên anh rong ruổi trên đường rất nhiều. Nếu anh rời đi vào thứ Năm thì phải đến thứ Hai hoặc thứ Ba anh mới về nhà. Có vài tuần anh còn không về nhà được, và anh không trách cô ấy khi muốn điều gì đó khác. Đặc biệt là khi chuyện không có dấu hiệu sẽ thay đổi.”

Cô phân tích điều này. “Vậy làm thế nào?” cô hỏi, nhúc nhích người trên yên ngựa. “Ý em là nếu anh muốn trở thành một đấu sĩ cưới bò tốt ấy? Anh phải làm gì để được vào?”

“Thật sự cũng chẳng có gì nhiều đâu,” anh trả lời. “Em mua thẻ ở TCC...”

“TCC là sao?” cô hỏi, ngắt lời anh.

“Tổ chức Thi đấu Cưới bò Chuyên nghiệp,” anh nói. “Họ tổ chức các sự kiện. Nói chung là em đăng ký rồi trả phí gia nhập. Khi em đến giải đấu thì bốc thăm con bò tốt rồi họ cho em cưới nó.”

“Ý anh là ai cũng làm được sao? Như kiểu nếu em có một cậu em, và nó muốn ngày mai bắt đầu đi cưới bò, thế là nó có thể luôn à?”

“Nhìn chung là thế.”

“Sao vớ vẩn thế. Nhỡ ai đó không có kinh nghiệm thì sao?”

“Thì họ sẽ bị thương thôi.”

“Anh nghĩ thế à?”

Anh cười toe toét và gãi gãi dưới vành mũ. “Chuyện vẫn luôn như vậy mà. Trong trò cưới bò, hầu hết tiền thưởng đều đến từ chính các đấu thủ. Nghĩa là ai giỏi thì sẽ thích khi những đấu sĩ khác kém hơn. Thế nghĩa là họ có nhiều cơ hội hơn để ra về với tiền trong túi.”

“Nghe cứ tàn nhẫn thế nào ấy.”

“Em định làm thế nào nữa? Em có thể tập luyện bao nhiêu cũng được, nhưng chỉ có một cách để biết liệu em có thể cưỡi bò hay không, đó là thử cưỡi một lần.”

Nghĩ lại, cô tự hỏi tối qua có bao nhiêu đấu sĩ là người cưỡi lần đầu tiên. “Được rồi, giả sử ai đó tham gia giải đấu và thắng giống anh. Thế chuyện gì xảy ra tiếp?”

Anh nhún vai. “Cưỡi bò tốt hơi khác so với cưỡi ngựa truyền thống. Ngày nay, đấu sĩ cưỡi bò tốt đã có giải đấu riêng, nhưng thực chất có hai giải. Giải lớn, là giải suốt ngày có trên ti vi, rồi giải nhỏ, là kiểu như mấy giải con. Nếu kiếm được đủ điểm từ mấy giải con ấy, em sẽ được tiến cử lên các giải đấu chính. Trong môn thể thao này, đó mới là nơi thực sự có tiền.”

“Còn tối qua?”

“Tối qua là một sự kiện thuộc giải đấu nhỏ.”

“Anh đã bao giờ cưỡi bò ở giải đấu lớn chưa?”

Anh cúi xuống, vỗ vỗ vào cổ con Ngựa. “Anh đã thi đấu giải đó năm năm.”

“Anh có giỏi không?”

“Anh đấu cũng được.”

Cô đánh giá câu trả lời của anh, nhớ ra anh đã nói điều tương tự vào tối qua - đêm anh chiến thắng. “Sao em có cảm giác là anh giỏi hơn rất nhiều so với điều anh ám chỉ nhỉ?”

“Anh không biết.”

Cô xem xét anh thật kỹ. “Anh nên nói luôn là anh giỏi thế nào đi. Em lúc nào cũng có thể Google tên anh mà, anh biết chứ.”

Anh ngồi thẳng lên. “Anh được vào giải Vô địch Thế giới bốn năm liền. Để làm được như thế, em phải nằm trong nhóm ba mươi lăm người xếp hạng cao nhất.”

“VẬY nói cách khác thì anh là một trong những người giỏi nhất.”

“Đã từng. Giờ thì không được như vậy nữa. Anh gần như đang bắt đầu lại từ đầu.”

Lúc đó, họ đã đi đến một bãi đất trống gần sông và cho lũ ngựa nghỉ ở phía bờ cao. Con sông không lớn, nhưng Sophia có cảm giác dòng nước lững lờ kia sâu hơn vẻ ngoài của nó. Những con chuồn chuồn bay là là mặt nước, phá vỡ vẻ phẳng lặng, tạo ra những gợn sóng tí hon tỏa đến mép nước. Chó nằm xuống, thở hổn hển vì mất sức, lười thè sang một bên mõm. Cách nó một khoảng, dưới bóng một cây sồi sần sùi, cô nhận thấy thứ gì đó dường như là tàn dư của một khu cắm trại cũ, với một chiếc bàn ăn ngoài trời mục ruỗng và hố nhóm lửa bị bỏ hoang.

“Chỗ này là gì?” cô hỏi, chỉnh lại mũ.

“Ngày trước bố và anh thường đến đây câu cá. Ngay đằng kia có một cái cây chìm dưới nước và đó là chỗ tuyệt vời để bắt cá vược. Bố con anh thường ở đây cả ngày. Nó như một chốn của bọn anh ấy, chỉ riêng hai bố con. Mẹ anh ghét mùi cá nên hai bố con bắt chúng, làm sạch, nấu luôn ở đây rồi mới mang về ngôi nhà trang trại. Những lần khác, bố thường đưa anh ra đây sau khi tập luyện và hai bố con chỉ ngắm sao thôi. Bố không hề tốt nghiệp phổ thông, nhưng ông có thể gọi tên mọi chòm sao trên trời. Anh đã có những khoảng thời gian đẹp nhất cuộc đời ở nơi này.

Cô vuốt ve bờm Ác Quỷ. “Anh nhớ ông.”

“Lúc nào cũng nhớ,” anh nói. “Đi ra đây giúp anh nhớ ông theo đúng cách. Cái cách anh nên nhớ về ông.”

Cô nghe được cảm giác mát mát trong giọng anh, cảm nhận được sự căng thẳng trong dáng điệu anh. “Sao ông lại mất?” cô hỏi bằng giọng nhẹ nhàng.

“Hai bố con đang trên đường về nhà từ một cuộc đấu ở Greenville, Nam Carolina. Trời tối, ông thì đã mệt và một con hươu đột ngột cố lao qua đường cao tốc. Ông không kịp bẻ lái, còn con hươu đâm thẳng vào kính chắn gió. Chiếc xe tải lộn ba vòng, nhưng không như thế thì cũng đã quá muộn rồi. Vụ va chạm đã làm ông gãy cổ.”

“Lúc ấy anh ở cùng ông à?”

“Anh kéo ông ra khỏi đống vỡ nát,” anh nói. “Anh vẫn nhớ mình đã ôm ông và điên cuồng cố gắng làm ông tỉnh lại cho đến khi đội cứu hộ đến.”

Mặt cô tái nhợt. “Em không thể hình dung nổi một chuyện như thế.”

“Anh cũng không,” anh nói. “Mới phút trước hai bố con còn đang nói chuyện về những cuộc cưới bỏ của anh, thì phút sau ông đã ra đi. Dường như đó không phải sự thật. Ngay cả đến giờ cũng vậy. Vì ông không chỉ là bố của anh. Ông còn là huấn luyện viên, là đồng đội và là bạn nữa. Và...” Anh đột ngột ngừng lại, lạc lối trong suy nghĩ của mình, rồi anh chậm rãi lắc đầu. “Và anh không hiểu tại sao lại kể chuyện này với em.”

“Không sao đâu,” cô nhẹ nhàng nói. “Em vui vì anh kể với em.”

Anh đón nhận những lời cô nói bằng một cái gật đầu cảm kích. “Bố mẹ em thì thế nào?” anh hỏi.

“Họ... rất hăng,” rốt cuộc cô nói. “Về *mọi chuyện*.”

“Ý em là sao?”

“Anh phải sống trong nhà em mới hiểu được cơ. Mới phút trước họ còn yêu nhau say đắm, thì phút sau đã hét vào mặt nhau, họ khư khư quan điểm của cá nhân về mọi chuyện từ chính trị cho đến môi trường, cho đến việc bọn em nên ăn bao nhiêu cái bánh quy sau bữa tối, ngay cả việc

ngày hôm ấy nói tiếng gì...”

“Tiếng ư?” anh nói chen vào.

“Bố mẹ em muốn bọn em nói được nhiều ngoại ngữ. Nèn thứ Hai bọn em nói tiếng Pháp, thứ Ba nói tiếng Slovakia, thứ Tư nói tiếng Séc. Chuyện đó làm em và mấy đứa em phát điên, đặc biệt là khi bọn em có bạn đến chơi, vì họ không hiểu mọi người nói gì cả. Rồi họ còn là những người cầu toàn khi nói đến điểm số. Bọn em phải học bài trong nhà bếp, và mẹ sẽ khảo bài bọn em trước mỗi bài kiểm tra. Và để em nói cho anh biết, nếu em mang về nhà một điểm số dưới mức hoàn hảo, mẹ và bố em sẽ hành xử như thể tận thế. Mẹ em sẽ chấp hai tay thật chặt còn bố em sẽ nói ông thất vọng về em đến mức nào và rốt cuộc em sẽ cảm thấy tội lỗi đến mức đi ôn lần nữa để làm bài kiểm tra mình đã làm rồi. Em biết đó là bởi vì họ không muốn em vất vả như họ đã từng, nhưng có nhiều lúc em thấy bức bối. Hơn nữa, cả nhà em đều làm việc ở cửa hàng, tức là cả nhà gần như lúc nào cũng ở bên nhau... nên có thể nói đến thời điểm chuẩn bị đi học đại học, em vô cùng mong ngóng được tự đưa ra quyết định riêng.”

Luke nhướn một bên mày. “Và em chọn Brian.”

“Giờ anh nói y hệt bố mẹ em,” cô nói. “Lúc đầu họ không thích Brian đâu. Họ thực sự rất thông minh, dù trong nhiều khoản thì khá điên. Lẽ ra em nên nghe lời họ.”

“Chúng ta đều phạm sai lầm mà,” anh nói. “Em nói được bao nhiêu thứ tiếng?”

“Bốn,” cô trả lời, đẩy vành mũ lên giống kiểu của anh. “Nhưng đó là tính cả tiếng Anh.”

“Anh nói một, tính cả tiếng Anh.”

Cô cười, thích lời bình của anh, thích anh. “Em không biết như thế sẽ có ích gì cho em nữa. Trừ phi em làm việc trong một bảo tàng ở châu Âu.”

“Em muốn làm việc đó à?”

“Có thể. Em cũng không biết nữa. Ngay lúc này, em sẵn sàng làm ở bất cứ đâu.”

Anh lặng im, đón nhận những gì cô vừa nói với anh. “Nghe em nói, anh ước giá mình học hành nghiêm chỉnh hơn. Anh học không kém, nhưng anh cũng không xuất sắc. Anh đã không chăm chỉ. Nhưng giờ, anh không thể thôi bản khoán phải chẳng lúc trước mình nên vào đại học.”

“Em nghĩ nó an toàn hơn cưỡi bò tốt nhiều đấy.”

Mặc dù cô có ý đùa, nhưng anh không cười. “Em nói hoàn toàn đúng.”



Sau khi rời khỏi khoảng đất trống ven sông, Luke đưa cô thông thả tham quan phần còn lại của trang trại, họ nói hết chủ đề này sang chủ đề khác. Chó luôn luẩn quẩn xung quanh. Họ cưỡi ngựa đi giữa những cây thông Giáng sinh và men qua các tổ ong, và anh dẫn cô băng qua những đồi cỏ thoải thoải dành cho gia súc. Họ nói về mọi thứ từ loại nhạc họ chuộng cho đến những bộ phim họ thích, cả những ấn tượng của Sophia về vùng Bắc Carolina nữa. Cô kể anh nghe về các em của mình và về việc lớn lên ở thành phố thì như thế nào, cô cũng kể cả về cuộc sống trong học xá khép kín ở Wake. Mặc dù thế giới của họ hoàn toàn khác biệt, nhưng cô vẫn ngạc nhiên khi nhận ra anh dường như cũng thấy hứng thú với thế giới của cô như cô hứng thú với thế giới của anh vậy.

Về sau, khi bắt đầu có thêm chút tự tin trên yên ngựa, cô cho Ác Quỷ đi nước kiệu và dần dần chuyển sang phi nước kiệu nhỏ. Luke cưỡi ngựa đi cạnh cô suốt, luôn sẵn sàng đỡ lấy cô nếu cô sắp ngã, báo cô khi cô nhòai người

ra trước hoặc sau nhiều quá và nhắc cô luôn giữ lỏng dây cương. Cô ghét đi nước kiệu, nhưng khi con ngựa phi nước kiệu nhỏ, cô thấy dễ thích ứng hơn với nhịp bước nhấp nhô, vững chãi của nó. Họ đi từ hàng rào này đến hàng rào kế tiếp, bốn hoặc năm lần, sau mỗi vòng lại nhanh hơn một chút. Cảm thấy tự tin hơn, Sophia vỗ Ác Quỷ và thúc nó đi nhanh hơn. Luke bị bất ngờ và phải mất vài giây anh mới bắt kịp cô, khi họ đua cạnh nhau, cô thấy thích cảm giác gió thổi vào mặt, một trải nghiệm đáng sợ và phấn khích. Trên đường quay về, cô thúc Ác Quỷ đi nhanh hơn, và vài phút sau đó khi họ cho lũ ngựa tạm nghỉ, cô bắt đầu cười phá lên, adrenaline lẫn nỗi sợ dâng trào khắp người.

Khi những tràng cười ngật nghẻo kết thúc, họ chậm chậm quay về chuồng ngựa. Hai con ngựa vẫn đang thở nặng nhọc và đổ mồ hôi, sau khi Luke gỡ yên ra, cô giúp anh chải lông cho chúng. Cô cho Ác Quỷ một quả táo, lúc này đã bắt đầu thấy con đau nhức hơi nhói lên ở dưới chân nhưng không mấy may bận tâm. Cô đã cưỡi ngựa - cưỡi thực sự! - và trong cơn tự hào và mãn nguyện dâng trào, cô đan tay mình vào tay Luke khi họ dạo bước về nhà.

Họ bước thong thả, không ai thấy cần phải nói điều gì. Sophia tua lại trong đầu những sự kiện trong ngày, vui vì mình đã đến đây. Theo cô nhận thấy, Luke cũng chia sẻ cảm giác yên bình và mãn nguyện ấy của cô.

Khi họ đến gần ngôi nhà, Chó phóng lên trước về phía bát nước trên hiên; nó hỗn hển liếm láp bát nước, rồi nằm sụp xuống.

“Nó mệt đấy,” cô nói, giật mình trước giọng nói của chính cô.

“Nó sẽ ổn thôi. Sáng nào nó cũng theo anh khi anh đi cưỡi ngựa.” Anh bỏ mũ và chùi mồ hôi trên lông mày. “Em

có muốn uống thứ gì không?” anh hỏi. “Anh không biết em thế nào, nhưng anh đang rất cần một chai bia.”

“Nghe được đấy.”

“Anh sẽ quay lại ngay,” anh hứa và đi vào nhà.

Khi anh đi khỏi, cô quan sát anh, cố gắng lý giải cái cảm giác thính thích không thể chối cãi của mình dành cho anh. Ai có thể giải thích được chuyện này chứ? Cô vẫn đang cố gắng tìm câu trả lời thì anh xuất hiện với hai chai bia lạnh ngắt.

Anh bật nắp và đưa cho cô một chai, ngón tay của họ chạm nhẹ vào nhau. Anh chỉ về phía mấy chiếc ghế bập bênh.

Cô ngồi xuống và ngả người ra sau cùng một tiếng thở dài, mũ của cô tuột ra trước. Cô gần như quên mất mình vẫn đội nó. Cô bỏ nó ra, để lên đùi rồi hóp một ngụm. Bia lạnh cóng và sáng khoái.

“Em cưới ngựa tốt lắm,” anh nói.

“Ý anh là tốt với người mới bắt đầu chứ gì. Em chưa sẵn sàng để thi cưới ngựa đâu, nhưng cưới ngựa vui thật.”

“Em có khả năng giữ thăng bằng bẩm sinh đấy,” anh nhận xét.

Nhưng Sophia không nghe thấy. Thay vào đó, cô nhìn qua vai anh về phía một con bò nhỏ đã xuất hiện nơi góc nhà. Có vẻ như nó có chút hứng thú khác thường với họ. “Em nghĩ một trong mấy con bò của anh bị sống rồi.” Cô chỉ. “Con nhỏ ấy.”

Anh nhìn theo ánh mắt cô, vẻ mặt chuyển thành triu mến khi nhận ra nó. “Tắm Bùn đấy. Anh không biết sao nó làm được thế, nhưng nó ra đây vài lần một tuần. Chắc là có khoảng trống đâu đó chỗ hàng rào mà anh chưa tìm ra.”

“Nó quý anh.”

“Nó *mê* anh,” anh nói. “Tháng Ba vừa rồi, bọn anh

bị một đợt mưa, trời lạnh và nó bị mắc dưới bùn. Anh mất hàng giờ liền để kéo nó lên và anh phải cho nó bú bình trong mấy ngày. Kể từ dạo đó, nó thường đến quanh quẩn ở đây.”

“Đáng yêu thế,” cô nói, cố không nhìn chằm chằm vào anh nhưng thật khó để không làm thế. “Anh có một cuộc sống thật thú vị ở nơi này.”

Anh bỏ mũ ra và lấy tay vuốt tóc rồi hóp một ngum nữa. Khi cất lời, giọng anh bớt đi chút dè dặt thông thường mà cô đã quen. “Anh nói với em điều này được không?” Anh ngập ngừng hồi lâu rồi mới tiếp lời. “Và anh không muốn em hiểu lầm.”

“Điều gì vậy?”

“Em khiến nó có vẻ thú vị hơn nhiều so với thực tế đấy.”

“Anh đang nói về cái gì cơ?”

Anh bắt đầu cạy tấm nhãn trên vỏ chai, bóc tờ giấy ra bằng ngón tay cái, và cô có ấn tượng rằng anh không thực sự kiểm tìm câu trả lời mà chờ đợi nó đến với mình rồi mới quay sang đối diện cô. “Anh nghĩ em chính là cô gái thú vị nhất anh từng gặp.”

Cô muốn nói điều gì đó, gì cũng được, nhưng cô cảm thấy như mình đang chết đuối trong đôi mắt xanh kia, từ ngữ như khô cứng hết. Thay vào đó, cô nhìn anh ngả người về phía mình, ngập ngừng đôi chút. Anh hơi nghiêng đầu, và bất chợt, cô thấy đầu mình cũng nghiêng theo, gương mặt họ sát lại gần nhau.

Khoảnh khắc ấy không kéo dài, không nóng bỏng, nhưng ngay khi hai bờ môi chạm nhau, cô đột ngột vỡ lẽ ra rằng, chắc chắn chưa bao giờ có gì đem lại cảm giác thanh thản và dễ chịu như thế này, một kết thúc hoàn hảo cho một buổi chiều hoàn hảo ngoài sức tưởng tượng.



Ira

Tôi đang ở đâu đây?

Tôi chỉ tự hỏi điều này trong giây lát trước khi cựa mình trên ghế, cơn đau đã cho tôi câu trả lời. Tay và vai tôi vỡ tung ra như một dòng thác nóng rực trắng sáng. Tôi có cảm giác đầu mình như kính vụn, và ngực thì bắt đầu phập phồng như thể một vật nặng mới được nhắc khỏi người tôi.

Qua đêm, chiếc xe đã biến thành một cái lều tuyết. Tuyết phủ trên kính chắn gió bắt đầu lấp lánh, thế nghĩa là bình minh đã đến. Lúc này là sáng Chủ nhật, mùng sáu tháng Hai năm 2011, và theo như mặt chiếc đồng hồ mà tôi phải liếc mắt mới thấy, bây giờ là bảy giờ hai mươi. Tối qua, mặt trời lặn lúc năm giờ năm mươi, và tôi đã lái xe trong bóng tối suốt một tiếng trước khi lao khỏi cao tốc. Tôi đã ở đây hơn mười hai tiếng rồi, và mặc dù vẫn còn sống, nhưng có thời khắc tôi chẳng cảm thấy gì ngoài khiếp sợ.

Trước đây tôi đã từng cảm thấy sự sợ hãi này. Người lạ sẽ không biết nếu chỉ nhìn bề ngoài. Lúc tôi làm việc ở cửa hiệu, khách hàng thường ngạc nhiên khi biết tôi đã từng tham gia chiến tranh. Tôi chưa bao giờ nhắc đến điều đó; chỉ duy nhất có một lần tôi nói với Ruth về chuyện đã

xảy ra với mình. Chúng tôi chưa bao giờ nói lại chuyện đó. Hồi ấy, Greensboro chưa phải thành phố mà sau này nó sẽ trở thành - nó vẫn chỉ là một thị trấn nhỏ xét trên nhiều phương diện, và nhiều người tôi quen biết từ bé ở đó cũng biết rằng tôi đã bị thương khi chiến đấu ở châu Âu. Thế mà họ, cũng như tôi, không có hứng bàn về chiến tranh sau khi nó kết thúc. Đối với vài người, những ký ức ấy đơn giản là quá sức chịu đựng; đối với những người khác, tương lai chứa đựng nhiều điều đáng quan tâm hơn quá khứ.

Nhưng nếu có ai hỏi, thì tôi sẽ nói rằng câu chuyện của tôi không đáng mất thì giờ để lắng nghe. Tuy nhiên nếu bị nài phải kể chi tiết, tôi sẽ kể với họ rằng tôi đã đầu quân cho Lực lượng Không quân Hoa Kỳ vào tháng Sáu năm 1942, và sau khi làm lễ tuyên thệ, tôi lên chuyến tàu lèn đầy những học viên khác của trường sĩ quan hướng về Trung tâm Tiếp nhận Không quân ở Santa Ana, California. Đó là chuyến đi đầu tiên của tôi về miền Tây. Tôi đã dành cả tháng sau đó để học cách tuân thủ mệnh lệnh, lau dọn phòng vệ sinh, và hành quân hàng loạt. Từ nơi đó, tôi được chuyển đến Trường Huấn luyện Bay Sơ cấp ở Học viện Không quân Mira Loma tại Oxnard, ở đó tôi học những điều căn bản về khí tượng học, định vị, khí động lực học, và cơ học. Trong thời gian này, tôi cũng được làm việc với một người hướng dẫn và cuối cùng cũng được dạy bay. Lần đầu tiên tôi bay một mình là ở đó, và trong ba tháng tôi đã tích lũy đủ số giờ bay để chuyển sang lớp huấn luyện tiếp theo tại Gardner Field ở Taft. Từ đó, tôi lại được chuyển xuống Roswell, New Mexico để huấn luyện bay thêm rồi lại trở về Santa Ana, ở đây rốt cuộc tôi cũng bắt đầu khóa đào tạo chính thức để trở thành hoa tiêu. Nhưng ngay cả khi kết thúc khóa đào tạo ở đây, tôi vẫn chưa xong.

Tôi được gửi đến Mather Field gần Sacramento, tham gia Trường Hoa tiêu Nâng cao để học cách định hướng bằng các vì sao, cùng cách đoán định vị trí thông qua việc sử dụng những hình ảnh tham khảo dưới mặt đất. Chỉ đến lúc đó tôi mới nhận được nhiệm vụ của mình.

Lại phải mất thêm hai tháng nữa tôi mới được chuyển đến chiến trường châu Âu. Đầu tiên, cả đội được gửi đến Texas, được giao cho chiếc B-17, rồi cuối cùng là đến Anh. Lúc bay chiến đấu lần đầu tiên vào tháng Mười năm 1943 thì tôi đã được huấn luyện trong nước gần một năm rưỡi, cách xa thực chiến hơn bất cứ ai trong quân đội.

Đây có thể không phải điều mọi người muốn nghe, nhưng đây là trải nghiệm của tôi về chiến tranh. Đó là huấn luyện và điều chuyển và rồi lại huấn luyện thêm. Đó là những giấy phép nghỉ cuối tuần và chuyến đi đầu tiên của tôi đến một bãi biển California, nơi tôi lần đầu tiên ngắm nhìn Thái Bình Dương. Đó là cơ hội nhìn những cây củ tùng khổng lồ ở miền Bắc California, những cái cây to đến không thể tưởng nổi. Đó là cảm giác choáng ngợp bao trùm khi tôi lướt trên bầu trời sa mạc lúc rạng đông. Và dĩ nhiên, đó còn là về Joe Torrey, người bạn tốt nhất tôi từng có.

Chúng tôi có ít điểm chung. Cậu ấy là người theo đạo Thiên Chúa đến từ Chicago, một cầu thủ bóng chày với nụ cười răng thưa. Cậu gặp khó khăn trong việc kết hợp các câu đơn với nhau mà không chửi thề, nhưng cậu cười nhiều và hay tự giấu mình, ai cũng muốn có cậu đi cùng khi những giấy phép nghỉ cuối tuần được phát ra. Họ muốn cậu cùng chơi bài và vào trung tâm thành phố với họ, bởi phụ nữ có vẻ cũng không cưỡng lại được cậu. Lý do vì sao cậu luôn chọn chơi với tôi luôn là một ẩn số,

nhưng nhờ có Joe mà tôi cảm thấy mình hòa đồng hơn. Lần đầu tôi uống bia chính là cùng Joe, khi đang ngồi trên cảng Santa Monica, và cũng là với Joe tôi hút điếu thuốc đầu tiên và duy nhất trong đời. Joe là người tôi tâm sự cùng trong những ngày tôi đặc biệt nhớ Ruth, và Joe lắng nghe theo cái cách khiến tôi cứ muốn nói hoài cho đến khi tôi rớt cuộc cũng thấy khá hơn. Joe cũng có vợ chưa cưới ở nhà - một cô gái xinh đẹp tên là Marla - và cậu thú nhận rằng mình không quan tâm chuyện gì sẽ xảy ra trong chiến tranh miễn là cậu có thể trở về với cô ấy.

Cuối cùng, Joe và tôi cùng lên một chiếc B-17. Chỉ huy là Thượng tá Bud Ramsey, một anh hùng thực sự và một phi công đại tài. Ông đã thực hiện một đợt nhiệm vụ chiến đấu trên không và đã được giao cho đợt thứ hai. Ông điềm tĩnh và tự chủ trong những tình huống bi thảm nhất, và chúng tôi biết mình may mắn khi có ông làm chỉ huy.

Trải nghiệm chiến tranh thực sự của tôi bắt đầu vào mồng hai tháng Mười, khi chúng tôi oanh tạc một căn cứ tàu ngầm ở Emden. Hai ngày sau, chúng tôi tham gia vào phi đội ba trăm chiếc máy bay ném bom đổ về Frankfurt. Vào mồng mười tháng Mười, chúng tôi ném bom một ga đầu mối ở Munster, và ngày 14 tháng Mười, ngày mà sau này được biết đến như ngày Thứ Năm Đen Tối, chiến tranh kết thúc với tôi.

Mục tiêu là một nhà máy sản xuất vòng bi ở Schweinfurt. Nó từng bị ném bom một lần vài tháng trước đó, nhưng quân Đức đã sửa chữa nó với một tốc độ rất nhanh. Bởi ở xa căn cứ nên đội hình máy bay ném bom của chúng tôi không có sự hỗ trợ của máy bay chiến đấu, và lần ném bom này đã được đoán trước. Máy bay chiến đấu của Đức xuất hiện ở bờ biển, bám theo nhiều phi đội

suốt dọc đường, và đến khi chúng tôi vào trong phạm vi tấn công, khói nổ từ pháo phòng không đã phủ một lớp sương mù dày đặc khắp thành phố. Tên lửa Đức phát nổ xung quanh chúng tôi ở trên cao, những cơn chấn động làm máy bay chao đảo. Chúng tôi mới chỉ vừa thả chất nổ xuống thì đột nhiên một loạt máy bay chiến đấu của địch áp sát. Chúng đến từ mọi hướng, khắp xung quanh chúng tôi, những chiếc máy bay thả bom bắt đầu rơi rụng từ trên không, bọc trong lửa trong lúc xoay vòng cắm thẳng xuống đất. Chỉ trong vài phút, đội hình tan đàn xẻ nghé. Pháo thủ của chúng tôi bị bắn xuyên trán và bật ngược vào trong máy bay. Theo bản năng, tôi trèo lên ghế của anh ta và bắt đầu nhả đạn, xả hết gần năm trăm viên mà không gây ra thiệt hại đáng kể gì cho quân địch. Trong khoảnh khắc ấy, tôi nghĩ mình sẽ không thể sống sót, nhưng tôi quá sợ nên không thể ngừng xả súng.

Chúng tôi bị hỏa lực địch oanh tạc hết bên này đến bên khác. Từ vị trí ngấm, tôi có thể thấy những cái lỗ to tướng bị xé toạc ra trên cánh. Khi động cơ của chúng tôi hỏng dưới hỏa lực của kẻ thù, máy bay bắt đầu rung, nó phát ra tiếng gầm ầm ầm hơn bất cứ thứ gì tôi từng nghe thấy trong lúc Bud vật lộn với bộ điều chỉnh. Cánh đột nhiên nghiêng, và cả máy bay bắt đầu mất độ cao, khói bốc lên phía sau chúng tôi. Các máy bay chiến đấu áp sát để kết liễu, và thêm một đợt pháo phòng không xé toạc thân máy bay ra. Chúng tôi rơi ba trăm mét, rồi sáu trăm mét. Một nghìn rưỡi. Hai nghìn rưỡi. Bằng cách nào đó Bud đã giữ được cho cánh máy bay thẳng bằng và, như một sinh vật trong thần thoại, mũi máy bay dường như bắt đầu hướng lên. Kỳ diệu làm sao, máy bay vẫn ở trên cao, nhưng chúng tôi đã bị tách khỏi đội hình, chỉ còn một mình trong không

phận địch - và đạn pháo vẫn bám riết chúng tôi.

Bud vừa quay đầu hướng về căn cứ trong một nỗ lực tuyệt vọng đưa chúng tôi tẩu thoát thì đạn pháo phá hủy cả buồng lái. Joe trúng đạn, và theo bản năng, cậu quay về phía tôi. Tôi thấy mắt cậu trở ra sững sờ và môi cậu mấp máy tên tôi. Tôi lao về phía cậu, muốn làm gì đó - bất cứ điều gì - rồi đột nhiên tôi gục xuống, cả cơ thể mất hết sức lực. Tôi không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Lúc ấy, tôi không biết mình đã trúng đạn; tôi cố đứng lên giúp Joe nhưng cứ thất bại và rồi tôi cảm thấy một cơn bỏng rát nhức nhối. Tôi nhìn xuống và thấy những đốm đỏ lan ra khắp phần thân dưới của tôi. Cả thế giới như nhòa đi và tôi ngất lịm.

Tôi không biết làm sao chúng tôi về lại được căn cứ, ngoài việc nói rằng Bud Ramsey đã tạo ra một kỳ tích. Sau này, trong bệnh viện, tôi được kể rằng người ta đã chụp ảnh chiếc máy bay sau khi chúng tôi hạ cánh, ai cũng kinh ngạc khi nó còn bay được về. Nhưng tôi không xem mấy bức ảnh ấy, kể cả sau khi đã hồi phục.

Người ta nói tôi đáng lẽ là chết rồi. Khi chúng tôi đến được Anh, tôi đã mất hơn nửa lượng máu và người thì trắng bệch như một con thiên nga. Mạch ở cổ tay tôi yếu đến mức họ không nghe ra được, nhưng họ vẫn tức tốc đưa tôi vào ngay phòng phẫu thuật. Họ không nghĩ tôi sẽ qua được đêm đó, hay đêm hôm sau. Một bức điện tín được gửi đến bố mẹ tôi, giải thích rằng tôi đã bị thương và thông tin thêm sẽ được cung cấp sau. Bằng cách nói “thông tin thêm”, quân đoàn không quân muốn ám chỉ bức điện tín thông báo với họ về cái chết của tôi.

Nhưng bức điện tín thứ hai không bao giờ được gửi đi, vì bằng cách nào đó tôi đã không chết. Đó không phải một lựa chọn tỉnh táo của một anh hùng; tôi không phải

anh hùng và vẫn còn bất tỉnh. Sau này, tôi không nhớ nổi lấy một giấc mơ và thậm chí cũng không biết mình có mơ hay không. Nhưng vào ngày thứ năm sau ca phẫu thuật, bằng cách nào đó, tôi tỉnh dậy, cả người đầm mồ hôi. Theo như lời các y tá, tôi đã mê man và hét lên trong đau đớn. Tôi bị viêm phúc mạc và lại được đẩy vào phẫu thuật thêm lần nữa. Tôi không nhớ cả điều này, lẫn những ngày sau đó. Con sốt kéo dài mười ba ngày, và trong những ngày tiếp theo, bác sĩ luôn lắc đầu mỗi khi được hỏi về tiên lượng bệnh của tôi. Mặc dù tôi không biết, nhưng Bud Ramsey và những thành viên sống sót trong đội đến thăm tôi trước khi họ được giao cho một chiếc phi cơ mới. Trong khi đó, một bức điện được gửi tới nhà bố mẹ của Joe Torrey, thông báo về cái chết của cậu. Không lực Hoàng gia Anh đánh bom Kassel, và chiến tranh tiếp diễn.

Cuối cùng khi con sốt qua đi thì lịch đã lật sang tháng Mười một. Khi mở mắt, tôi không biết mình đang ở đâu. Tôi không nhớ được chuyện gì đã xảy ra, và dường như tôi không thể cử động. Tôi cảm thấy mình như bị chôn sống, và vận hết sức bình sinh, tôi chỉ có thể thì thầm được một âm tiết.

Ruth.



Mặt trời sáng hơn và gió thổi buốt hơn, nhưng vẫn không có ai đến. Nỗi khiếp sợ trong tôi ban này đã qua đi, và khi không còn sợ nữa, tâm trí tôi bắt đầu nghĩ lan man. Tôi nhận thấy rằng đối với mình thì việc bị tuyệt chôn sống trong một cái ô tô không được độc đáo cho lắm. Cách đây không lâu trên kênh Thời tiết, tôi có xem một đoạn phim ngắn về một người đàn ông Thụy Điển, cũng như tôi, bị

kẹt trong xe mình trong lúc tuyết dần chôn sống anh ta. Chuyện xảy ra gần một ngôi làng tên là Umea, gần Vòng Bắc Cực, nơi đó nhiệt độ thấp hơn mức không rất nhiều. Tuy nhiên, theo lời phát thanh viên, chiếc xe đã trở thành một kiểu lều tuyết. Nếu phơi mình dưới thời tiết kiểu đó thì anh ta hẳn đã không thể sống sót lâu, nhưng nhiệt độ trong xe đã có thể duy trì được trong khoảng thời gian dài, đặc biệt là anh ta còn mặc quần áo phù hợp và có một cái túi ngủ bên mình. Nhưng đó không phải là điều kỳ diệu; điều kỳ diệu là cách mà người đàn ông đó sống sót. Mặc dù anh ta không có thức ăn hay nước uống và chỉ ăn những vốc tuyết đầy, nhưng các bác sĩ nói cơ thể anh ta đã gần như chuyển sang một giai đoạn giống với ngủ đông. Hoạt động trong cơ thể anh ta chậm lại đủ để anh ta được giải cứu sau sáu mươi tư ngày.

Ôi Chúa lòng lành, tôi nhớ mình đã nghĩ. *Sáu mươi tư ngày*. Khi xem chương trình ấy, tôi gần như không thể tưởng nổi một chuyện như vậy, nhưng rõ ràng giờ điều đó lại mang một ý nghĩa khác. Hai tháng trong xe, đối với tôi, nghĩa là ai đó sẽ tìm ra tôi vào đầu tháng Tư. Hoa đổ quyền sẽ nở rộ, tuyết đã hết từ lâu, và không khí sẽ bắt đầu cho cảm giác của mùa hè. Nếu tôi được giải cứu vào tháng Tư, có thể người giải cứu tôi sẽ là những thanh niên mặc quần soóc đi bộ và bôi kem chống nắng.

Ai đó sẽ tìm ra tôi trước đó, tôi tin chắc như vậy. Lẽ ra tôi phải thấy khá hơn, nhưng không. Việc nhiệt độ không lạnh bằng hay việc tôi có hai miếng bánh mì kẹp trong xe cũng không an ủi được tôi, bởi tôi không phải người đàn ông Thụy Điển ấy. Anh ta bốn mươi bốn tuổi và không bị thương; còn cánh tay và xương đòn của tôi đã vỡ, tôi bị mất nhiều máu, và tôi chín mươi một tuổi rồi. Tôi lo rằng bất

cứ cử động nào cũng sẽ khiến tôi ngất đi, và nói thật, cơ thể tôi đã chuyển sang chế độ ngủ đông được mười năm rồi. Nếu hoạt động trong cơ thể tôi còn chậm hơn được nữa, hẳn tôi sẽ nằm luôn.

Nếu có chút tia sáng nào trong chuyện này, thì đó là tôi chưa thấy đói. Những người tuổi tôi thường thế. Trong những năm gần đây tôi không có cảm giác thèm ăn, và buổi sáng tôi phải cố lắm mới nuốt được một tách cà phê cùng một miếng bánh mì nướng. Nhưng tôi khát. Tôi có cảm giác cổ họng như đang bị cào xé, nhưng tôi không biết phải làm gì. Tuy trong xe có một chai nước, nhưng tôi sợ cảm giác đau đớn nếu cố tìm nó.

Và tôi lạnh, rất lạnh. Tôi chưa bao giờ rét run thế này kể từ lần tôi ở trong bệnh viện đó. Sau mấy cuộc phẫu thuật, khi tôi đã hạ sốt và nghĩ cơ thể mình đang bắt đầu hồi phục, thì một cơn đau đầu khủng khiếp xuất hiện và các tuyến hạch ở cổ họng tôi bắt đầu sưng lên. Tôi lại sốt và chỗ mà không một người đàn ông nào muốn bị đau thì tôi lại thấy đau thối. Đầu tiên, các bác sĩ hy vọng cơn sốt thứ hai có dính líu đến cơn sốt đầu tiên. Nhưng không. Người đàn ông cạnh tôi cũng có những triệu chứng y hệt, và trong vòng vài ngày, ba người trong phòng cũng đổ bệnh. Đó là quai bị, một căn bệnh của trẻ con, nhưng ở người lớn thì nó nghiêm trọng hơn nhiều. Tôi là trường hợp nặng nhất trong số tất cả bệnh nhân ở đó. Tôi yếu nhất và virus hoành hành khắp cơ thể tôi suốt gần ba tuần. Lúc bệnh dần tự hết, tôi chỉ nặng có năm hai ký và yếu đến nỗi không thể đứng lên nếu không có người giúp.

Phải mất thêm một tháng nữa tôi mới được cho ra viện, nhưng tôi vẫn chưa được phép bay. Cân nặng của tôi vẫn còn quá thấp, và tôi không có đồng đội nào để nói

chuyện cùng. Tôi được biết Bud Ramsey đã bị bắn ở bên Đức và không có ai sống sót. Lúc đầu, quân đoàn không quân không chắc nên làm gì với tôi, nhưng cuối cùng họ quyết định chuyển tôi về Santa Ana. Tôi trở thành người huấn luyện tân binh, làm việc với họ cho đến khi chiến tranh kết thúc. Tôi được xuất ngũ vào tháng Một năm 1946, và sau khi đi tàu đến Chicago để thăm gia đình Joe Torrey, tôi quay trở về Bắc Carolina.

Cũng như mọi cựu binh khác, tôi muốn bỏ chiến tranh lại sau lưng. Nhưng tôi không thể. Tôi trở nên cáu bẳn và cay nghiệt, tôi ghét cái kẻ mà tôi đã trở thành. Ngoài ký ức về cái đêm ở Schweinfurt, tôi không nhớ gì mấy về chiến tranh nữa, thế mà nó vẫn ở lại với tôi. Suốt cuộc đời, tôi mang theo những vết thương không ai nhìn thấy nhưng lại không thể quên đi. Joe Torrey và Bud Ramsey là những con người tuyệt vời, nhưng họ đã chết còn tôi thì sống sót, cảm giác áy náy chưa bao giờ buông tha tôi. Viên đạn phòng không xuyên qua cơ thể đã khiến việc đi lại trong những buổi sáng mùa đông lạnh giá vô cùng khó khăn, và bụng tôi chẳng thể hồi phục như xưa. Tôi không thể uống sữa hay ăn đồ cay, và tôi cũng không thể lấy lại số cân nặng đã mất. Tôi không lên lại máy bay kể từ năm 1945, và tôi không thể ngồi xem đến hết những bộ phim nói về chiến tranh. Tôi không thích bệnh viện. Với tôi, sau tất cả, chiến tranh - và khoảng thời gian trong bệnh viện - đã thay đổi mọi thứ.



“Ông đang khóc kìa,” Ruth nói với tôi.

Ở một nơi khác, vào lúc khác, tôi sẽ gạt nước mắt trên mặt bằng mu bàn tay. Nhưng ở đây, vào lúc này, việc ấy dường như không thể.

“Tôi không nhận ra đấy,” tôi nói.

“Ông thường khóc trong khi ngủ,” Ruth nói với tôi. “Khi chúng ta mới cưới, có đêm tôi nghe thấy tiếng ông và âm thanh ấy khiến tôi đau lòng khôn xiết. Tôi thường xoa lưng ông, dỗ ông và đôi khi ông sẽ trở mình rồi im lặng. Nhưng những lần khác, việc ấy sẽ tiếp diễn suốt đêm, và sáng hôm sau, ông kể với tôi rằng ông không nhớ được lý do.”

“Đôi khi tôi không nhớ thật.”

Bà ấy nhìn thẳng vào tôi. “Nhưng đôi khi, ông có nhớ,” bà ấy nói nốt.

Tôi liếc nhìn bà ấy, thầm nghĩ hình hài bà ấy gần như chất lỏng vậy, như thể tôi đang nhìn bà ấy qua những cơn sóng nhiệt rung rinh dâng lên từ lớp nhựa đường vào mùa hè. Bà ấy mặc một chiếc váy màu xanh biển đậm và cột dây buộc tóc màu trắng, giọng bà ấy nghe già hơn. Phải mất một lúc tôi mới nhận ra bà ấy hai mươi ba tuổi, thời điểm tôi từ chiến trận trở về.

“Tôi đang nghĩ về Joe Torrey,” tôi nói.

“Bạn của ông,” bà ấy gật đầu, “người ăn năm cái xúc xích ở San Francisco. Người mua cho ông chai bia đầu tiên.”

Tôi chưa bao giờ kể với bà ấy về những điều thuốc lá, bởi tôi biết bà ấy sẽ không bằng lòng. Ruth luôn ghét mùi thuốc lá. Không nói cũng là một kiểu nói dối, nhưng từ lâu tôi đã thuyết phục mình rằng làm thế là đúng. “Phải,” tôi nói.

Ánh nắng ban mai bao lấy Ruth như vàng hào quang.

“Ước gì tôi được gặp anh ấy,” bà ấy nói.

“Bà sẽ quý cậu ấy lắm.”

Ruth hắng giọng, suy nghĩ về điều đó, rồi quay mặt

đi. Bà ấy nhìn về phía cửa sổ đóng tuyết, chìm đắm trong suy nghĩ của chính mình. Chiếc xe này, tôi nghĩ, đã trở thành nấm mộ của tôi.

“Ông cũng nghĩ về bệnh viện nữa,” bà ấy lẩm bẩm.

Thấy tôi gật đầu, bà ấy buột ra tiếng thở dài buồn chán.

“Những gì tôi nói ông không nghe ư?” bà ấy nói, lại quay mặt về phía tôi. “Rằng điều đó với tôi không quan trọng? Tôi không hề gật ông khi nói thế.”

“Tôi không cố tình mà,” tôi trả lời. “Nhưng tôi nghĩ, có thể đôi lúc bà tự gặt chính mình.”

Bà ấy ngơ ngàng trước câu nói của tôi, cũng bởi vì tôi chưa bao giờ nói thẳng về vấn đề này như thế. Nhưng tôi biết tôi đúng.

“Đây là lý do ông ngừng viết thư cho tôi,” bà ấy nhận xét. “Sau khi ông được chuyển trở lại California, những bức thư ông gửi trở nên thưa dần rồi không đến nữa. Tôi đã không nghe tin gì từ ông suốt sáu tháng.”

“Tôi không viết nữa vì tôi nhớ điều bà đã nói với tôi.”

“Bởi vì ông muốn kết thúc chuyện của chúng ta.” Có một cơn giận ngầm chảy trong giọng bà ấy và tôi không dám nhìn vào mắt bà ấy.

“Tôi muốn bà được hạnh phúc.”

“Tôi đâu có hạnh phúc,” bà ấy đập lại. “Tôi bối rối và đau lòng và không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Ngày nào tôi cũng cầu nguyện cho ông, hy vọng ông sẽ để tôi giúp ông. Nhưng đổi lại, tôi chẳng thấy gì ngoài hòm thư rỗng không mỗi khi ra nhìn, cho dù tôi đã gửi cho ông không biết bao nhiêu thư.”

“Tôi xin lỗi. Tôi đã sai khi làm vậy.”

“Ông có thềm đọc thư của tôi không?”

“Đọc hết. Tôi đọc đi đọc lại chúng, và nhiều lần, tôi cố viết cho bà để bà biết chuyện gì đã xảy ra. Nhưng tôi không thể tìm được câu từ thích hợp.”

Bà ấy lắc đầu. “Ông còn không nói với tôi khi ông chuẩn bị về nhà. Chính mẹ ông nói với tôi, và tôi đã nghĩ đến việc đón ông ở ga tàu như ông vẫn thường làm khi tôi về nhà.”

“Nhưng bà đã không làm thế.”

“Tôi muốn xem liệu ông có sang gặp tôi không. Nhưng mấy ngày rồi một tuần trôi qua, khi không thấy ông ở ga đường, tôi hiểu rằng ông đang cố tránh mặt tôi. Vậy nên cuối cùng tôi chạy đến cửa hiệu của ông và bảo ông rằng tôi cần nói chuyện với ông. Ông có nhớ ông đã nói gì với tôi không?”

Trong tất cả mọi điều tôi từng nói, đó là những lời tôi hối hận nhất. Nhưng Ruth vẫn đợi, gương mặt căng thẳng của bà ấy nhìn chăm chăm vào tôi. Vẻ mặt chờ đợi của bà ấy toát ra một sự thách thức dữ dội.

“Tôi nói với bà rằng lễ đính hôn bị hủy, và chuyện của chúng ta thế là hết.”

Bà ấy nhường một bên mày. “Phải,” bà ấy nói, “ông nói với tôi thế đấy.”

“Hồi ấy tôi không thể nói với bà. Tôi đã...”

Khi tôi ngập ngừng, bà ấy nói nốt hộ tôi. “Tức giận.” Bà ấy gật đầu. “Tôi có thể thấy điều đó trong mắt ông, tôi biết ông vẫn còn yêu tôi.”

“Phải,” tôi thú nhận. “Tôi vẫn còn yêu bà.”

“Nhưng lời ông nói vẫn làm tôi đau,” bà ấy nói. “Tôi về nhà và khóc, từ nhỏ tới lúc ấy tôi chưa từng khóc nhiều như thế. Cuối cùng thì mẹ vào và ôm tôi, cả hai chúng tôi đều không biết phải làm gì. Tôi đã mất quá nhiều rồi. Tôi

không thể chịu được nếu mất cả ông nữa.”

Ý bà ấy muốn nói đến gia đình mình, những thành viên đã ở lại Vienna. Hồi ấy tôi không nhận ra hành động của mình ích kỷ đến mức nào hay Ruth đã đón nhận nó ra sao. Ký ức ấy cũng đã ở lại với tôi, và ngồi trong xe, tôi gặp lại một nỗi xấu hổ xưa cũ.

Ruth, giấc mơ của tôi, biết tôi đang cảm thấy như thế nào. Khi cất tiếng, giọng bà ấy dịu dàng hơn. “Nhưng nếu chuyện hai ta thực sự kết thúc, tôi muốn biết lý do, nên ngày hôm sau, tôi đến hiệu thuốc đối diện cửa hiệu của ông và gọi một cốc xô đa sô cô la. Tôi ngồi cạnh cửa sổ và ngắm ông làm việc. Tôi biết ông có thấy tôi, nhưng ông không qua. Nên tôi quay lại vào hôm sau, rồi hôm sau nữa, và phải đến lúc đó ông mới chịu qua đường để gặp tôi.”

“Mẹ tôi bảo tôi đi,” tôi thú nhận. “Bà ấy nói bà xứng đáng được một lời giải thích.”

“Lần nào ông cũng nói thế. Nhưng tôi nghĩ ông cũng muốn qua, vì ông nhớ tôi. Và bởi vì ông biết chỉ tôi mới có thể giúp ông hồi phục.”

Tôi nhắm mắt lại khi nghe bà ấy nói thế. Bà ấy đúng, tất nhiên rồi, bà ấy đúng về gần như toàn bộ câu chuyện. Ruth luôn hiểu tôi rõ hơn tôi hiểu chính mình.

“Tôi ngồi xuống ghế đối diện bà,” tôi nói. “Và, lát sau, cốc xô đa sô cô la của tôi được đem ra.”

“Ông quá gầy. Tôi nghĩ ông cần tôi giúp để béo trở lại. Như hồi ta mới gặp nhau.”

“Tôi chưa bao giờ béo cả,” tôi phản đối. “Tôi gần như chẳng đủ cân nặng khi nhập ngũ.”

“Phải, nhưng khi ông trở về, người ông chỉ toàn xương. Bộ comple khoác trên người ông trông như to hơn hai cỡ vậy. Tôi tưởng ông sẽ bị thổi bay khi ông qua đường

cơ, và nó khiến tôi tự hỏi liệu ông có trở lại được như xưa không. Tôi không chắc liệu ông có bao giờ trở lại là con người tôi từng yêu không.”

“Ấy thế mà bà vẫn cho tôi một cơ hội.”

Bà ấy nhún vai. “Tôi không có lựa chọn,” bà ấy nói, mắt long lanh. “Lúc ấy, David Epstein đã kết hôn rồi.”

Tôi nhìn không được phải phì cười và cơ thể tôi đau thắt, các nơ ron nhói lên, tôi thấy buồn nôn. Tôi hít thở qua hàm răng nghiến chặt và thấy cơn đau dần rút đi. Ruth đợi cho nhịp thở của tôi ổn định trở lại rồi mới tiếp tục. “Tôi thừa nhận là mình đã sợ chuyện đó xảy ra lắm. Tôi muốn hai chúng ta trở lại như trước đây, nên tôi đã vờ như chẳng có gì thay đổi. Tôi huyền thuyên về trường lớp, bạn bè, rằng tôi đã học được nhiều thứ như thế nào, và bố mẹ tôi đã làm tôi ngạc nhiên ra sao khi xuất hiện ở lễ tốt nghiệp. Tôi kể về công việc giáo viên dạy thay tại ngôi trường nằm ở nơi góc phố gần giáo đường, nhưng tôi cũng nhắc đến chuyện mình vừa được phỏng vấn cho một vị trí chính thức tại một trường tiểu học làng ở ngoại ô thị trấn. Tôi kể với ông rằng bố tôi đã gặp vị trưởng khoa Lịch sử Nghệ thuật ở Duke lần thứ ba, và bố mẹ tôi có thể sẽ phải chuyển đến Durham. Tôi nói ra nỗi băn khoăn rằng liệu tôi có phải bỏ công việc mới này và chuyển đến Durham với họ không.”

“Rồi tôi đột nhiên hiểu ra rằng tôi không muốn bà chuyển đi.”

“Đó là lý do tại sao tôi nói điều đó ra.” Bà ấy cười. “Tôi muốn thấy vẻ mặt của ông, và dù chỉ là trong thoáng chốc, Ira ngày xưa đã trở lại. Rồi tôi không còn thấy sợ là ông đã vĩnh viễn biến mất nữa.”

“Nhưng bà đâu có bảo tôi đi bộ cùng bà về nhà.”

“Ông chưa sẵn sàng mà. Trong ông cơn giận vẫn còn

sục sôi. Đó là lý do tại sao tôi gợi ý rằng chúng ta chỉ gặp một tuần một lần để uống xô đa sô cô la thôi, như ngày trước ấy. Ông cần thời gian và tôi sẵn sàng đợi.”

“Đợi một lúc thôi. Chứ không phải mãi mãi.”

“Đúng, không phải mãi mãi. Nhưng đến cuối tháng Hai, tôi bắt đầu tự hỏi không biết liệu ông có hôn tôi nữa không.”

“Tôi muốn làm thế,” tôi nói. “Lần nào tôi ở cùng bà, tôi cũng muốn hôn bà.”

“Tôi cũng biết điều đó, và chính vì thế nên tôi mới thấy khó hiểu. Tôi không hiểu nổi có vấn đề gì ở đây. Tôi không hiểu được điều gì đang kìm chân ông, tại sao ông không tin tôi. Lẽ ra ông phải biết rằng dù có chuyện gì đi nữa tôi cũng yêu ông.”

“Tôi biết mà,” tôi nói. “Và đó là lý do tại sao tôi không thể nói với bà.”



Tất nhiên là cuối cùng tôi cũng kể với bà ấy, vào một buổi tối lạnh lẽo đầu tháng Ba. Tôi gọi sang nhà bà ấy, hẹn bà ấy gặp tôi ở công viên, nơi chúng tôi đã cùng tản bộ hàng trăm lần. Lúc đó, tôi không định kể với bà ấy. Thay vì vậy, tôi tự thuyết phục bản thân rằng tôi chỉ cần một người bạn để tâm sự, bởi không khí ở nhà đã trở nên ngột ngạt.

Bố tôi đã thu được nhiều lợi nhuận trong thời chiến, và ngay khi chiến tranh kết thúc, ông trở lại việc kinh doanh đồ may mặc cho nam giới. Máy may không còn nữa; thế vào chỗ chúng là những giá comple, với những ai đi qua cửa hiệu, có thể nó trông vẫn như hồi trước chiến tranh. Nhưng bên trong, nó đã khác. Bố tôi cũng khác. Thay vì đứng đón khách hàng ở cửa như ngày trước, ông

lại dành các buổi chiều ở trong căn phòng phía sau, lắng nghe tin tức trên đài, cố gắng thấu hiểu sự điên cuồng đã gây nên cái chết của bao con người vô tội. Ông chỉ muốn nói về một chuyện duy nhất; cuộc diệt chủng trở thành chủ đề nói chuyện trong các bữa ăn và những khi rảnh rỗi, ông càng nói thì mẹ tôi càng chú tâm vào việc khâu vá, bởi bà không dám nghĩ về chuyện đó. Rốt cuộc thì, với bố tôi, đó là một nỗi sợ hãi trừu tượng; còn với mẹ tôi - cũng như Ruth, người đã mất cả gia đình và bạn bè - nó ảnh hưởng trực tiếp đến bà. Và với những phản ứng trái chiều đối với những sự kiện kinh khủng ấy, bố mẹ tôi dần dần bắt đầu sống hai cuộc đời hoàn toàn tách biệt từ đó về sau.

Là con trai của cả hai, tôi cố gắng không nghiêng về bên nào. Với bố tôi lắng nghe, còn với mẹ tôi sẽ không nói gì, nhưng khi ba người chúng tôi ngồi với nhau, đôi khi tôi nhận ra chúng tôi đã quên mất ý nghĩa của một gia đình. Việc bố luôn đi cùng hai mẹ con đến giáo đường cũng chẳng giúp cho chuyện khá hơn; những cuộc trò chuyện thân tình của hai mẹ con tôi đã thành quá khứ. Khi bố tôi thông báo rằng ông muốn tôi trở thành người đồng sở hữu - nghĩa là cả ba chúng tôi sẽ luôn ở cùng nhau - tôi thấy tuyệt vọng, tin chắc sẽ chẳng có lối nào thoát khỏi bóng đêm đã xâm nhập vào cuộc đời chúng tôi.

“Ông đang nghĩ về bố mẹ ông,” Ruth nói với tôi.

“Bà lúc nào cũng tốt với họ,” tôi nói.

“Tôi rất quý mẹ ông,” Ruth nói. “Mặc dù tuổi tác chênh lệch, nhưng bà ấy là người bạn thực sự đầu tiên của tôi ở đất nước này.”

“Còn bố tôi?”

“Tôi cũng quý ông ấy. Sao mà không quý được? Ông ấy là người nhà mà.”

Tôi cười, nhớ lại những năm về sau này tôi còn không kiên nhẫn với bố bằng bà ấy.

“Tôi hỏi một câu được không?”

“Ông có thể hỏi bất cứ gì.”

“Tại sao bà lại đợi tôi? Ngay cả khi tôi đã ngừng viết thư? Tôi biết bà nói bà yêu tôi, nhưng...”

“Lại quay lại chuyện này à? Ông thắc mắc sao tôi lại yêu ông sao?”

“Bà có thể có bất cứ ai.”

Bà ấy nghiêng người về phía tôi, giọng nhỏ nhẹ. “Đây vẫn luôn là vấn đề của ông đấy, Ira,” bà ấy nói. “Ông không thấy được ở bản thân những điều mà người khác thấy ở ông. Ông nghĩ ông không đủ đẹp trai, nhưng hỏi trẻ ông đẹp trai vô cùng. Ông thú vị và thông minh, nhưng ông lại nghĩ mình không như vậy, và việc ông không ý thức được những phẩm chất tuyệt vời nhất của bản thân lại chính là một điểm lồi cuồn của ông. Ông lúc nào cũng đánh giá cao người khác - như với tôi này. Ông khiến tôi thấy mình đặc biệt.”

“Nhưng bà đặc biệt thật mà,” tôi khẳng khái.

Bà ấy vui vẻ giơ hai tay lên. “Đây chính là điều tôi đang nói đến đấy,” bà ấy vừa cười vừa nói. “Ông là người đàn ông có những cảm xúc sâu sắc, lúc nào cũng quan tâm đến người khác, và tôi không phải người duy nhất nhận ra điều đó. Bạn của ông, Joe Torrey, cũng cảm nhận được nó. Tôi dám chắc đó là lý do tại sao khi rảnh anh ấy hay ở cùng ông. Mẹ tôi cũng cảm nhận được điều đó, và đó là lý do tại sao bà ôm tôi khi tôi nghĩ mình đã mất ông. Vì hai mẹ con tôi đều hiểu rằng rất hiếm có người đàn ông nào như ông.”

“Tôi rất vui vì tối hôm đó bà đến,” tôi nói. “Tôi cần bà.”

“Và ông cũng biết, khi chúng ta bắt đầu sóng bước

trong công viên, rằng ông đã sẵn sàng kể cho tôi nghe sự thật. Toàn bộ sự thật.”

Tôi gật đầu. Trong một trong những lá thư cuối cùng, tôi có kể vắn tắt cho bà ấy nghe về cuộc ném bom xuống Schweinfurt và về Joe Torrey. Tôi nhắc đến những vết thương của mình và con nhiễm trùng theo sau đó, nhưng tôi đã không kể toàn bộ câu chuyện. Vậy mà, tối hôm đó, tôi đã kể lại từ đầu. Tôi kể lại toàn bộ chi tiết mà không giữ lại điều gì. Trên băng ghế, bà ấy lắng nghe tôi thao thao bất tuyệt mà không nói câu gì.

Sau đó, bà ấy vòng tay qua người tôi và tôi ngả người vào lòng bà ấy. Vô vàn cảm xúc trào dâng trong tôi, những lời thì thầm an ủi của bà ấy giải phóng những kỷ niệm từ lâu tôi đã cố chôn giấu.

Tôi không biết phải mất bao lâu thì cơn bão trong tôi mới tan đi, nhưng lúc ấy, tôi vô cùng kiệt sức. Tuy nhiên vẫn còn một điều mà tôi chưa tiết lộ, một điều mà ngay cả bố mẹ tôi cũng không biết.

Trong xe, Ruth im lặng. Tôi biết bà ấy đang tua lại những gì tôi nói tối hôm đó.

“Tôi kể với bà là tôi bị quai bị khi nằm trong viện - ca tôi tệ nhất mà bác sĩ từng gặp. Và tôi kể cho bà lời bác sĩ đã nói với tôi.”

Ruth vẫn lặng im, nhưng mắt bà bắt đầu ngấn lệ.

“Ông ấy nói bệnh quai bị có thể gây vô sinh,” tôi nói. “Đó là lý do tại sao tôi muốn kết thúc chuyện của chúng ta. Vì tôi biết nếu bà cưới tôi, khả năng rất lớn là chúng ta sẽ không bao giờ có con.”



Sophia

“Rồi sao nữa?” Marcia hỏi. Cô đang đứng trước gương, chuốt lại lượt mascara thứ hai trong khi Sophia kể lại ngày hôm ấy ở trang trại. “Đừng nói là cậu đã ngủ với anh ta nhé.” Vừa nói, cô vừa quan sát hình ảnh phản chiếu của Sophia trong gương.

“Tất nhiên là không rồi!” Sophia nói. Cô ngồi vắt chéo chân trên giường. “Chuyện không như vậy đâu. Bọn mình chỉ hôn nhau và nói chuyện thêm chút nữa, rồi khi mình về, ra đến xe anh ấy lại hôn mình. Nó rất... ngọt ngào.”

“Ôi,” Marcia nói, ngừng chuốt mascara.

“Thôi khỏi giấu vẻ thất vọng đi. Thật là.”

“Sao?” Marcia hỏi. “Vẻ mặt cậu lúc này khiến mình nghĩ là cậu muốn anh ấy đấy.”

“Mình chẳng biết gì về anh ấy cả!”

“Không đúng. Cậu đã ở bên anh ấy trong... bao lâu nào? Tối qua hơn một tiếng, và hôm nay sáu hay bảy tiếng đúng không? Thế là ở bên nhau lâu rồi. Như thế cũng là nói chuyện *rất nhiều* rồi. Cười ngượng, vài chai bia... nếu là mình, có khi mình nắm tay anh ấy rồi lúi vào trong luôn cũng nên.”

“Marcia!”

“Mình nói thế thôi. Anh ấy quyến rũ quá mà. Cậu cũng thấy thế phải không?”

Sophia thực sự không muốn bài ca “quyến rũ” này lại bắt đầu. “Anh ấy là người tốt,” cô nói, cố gắng xua nó đi.

“Càng tốt,” Marcia nói, kèm theo cái nháy mắt. Cô tô một lớp son bóng rồi với tay lấy chiếc cặp tóc. “Nhưng thôi được rồi, mình hiểu. Cậu khác mình. Và mình tôn trọng điều đó - thực sự đấy. Mình chỉ mừng vì cậu đã xong với Brian rồi thôi.”

“Mình xong với anh ta từ khi mình chia tay anh ta rồi.”

“Mình thấy rồi,” Marcia nói, vơ mái tóc nâu dày thành một búi tóc đuôi ngựa bóng mượt, và buộc lại bằng một chiếc cặp tóc óng ánh. “Cậu biết là mình đã nói chuyện với anh ta đúng không?”

“Lúc nào?”

“Ở chỗ thi cưới ngựa ấy. Khi cậu ở chỗ Ngài Nóng Bỏng.”

Sophia cau mày. “Sao cậu không nói với mình?”

“Có gì để nói chứ? Mình chỉ cố làm anh ta xao nhãng thôi. À mà hội con trai ở Duke cũng ghét anh ta đấy.” Marcia chỉnh lại vài lọn tóc mà cô đã khéo léo nới ra khỏi búi tóc đuôi ngựa, rồi nhìn vào Sophia trong gương. “Cậu phải thừa nhận rằng mình là bạn cùng phòng tuyệt vời nhất khi đã thuyết phục cậu ra ngoài chơi cùng chứ hả? Nếu không nhờ mình thì cậu vẫn còn đang ủ rũ loay hoay trong phòng cả ngày. Chuyện này khiến mình tự hỏi đến khi nào mình mới có cơ hội gặp được anh chàng vạm vỡ mới của cậu đây.”

“Bọn mình không nói gì đến chuyện gặp lại nhau.”

Giương mặt Marcia lộ vẻ ngờ vực. “Sao cậu lại không nói đến chuyện đó chứ?”

Vì bọn mình khác nhau, Sophia nghĩ. Và bởi vì... cô cũng không thực sự biết vì sao, chỉ biết rằng nụ hôn khiến cô mê đắm kia đã làm tắc nghẽn mọi suy nghĩ thực tế.

“Mình chỉ biết là anh ấy sẽ rời thị trấn vào cuối tuần tới. Anh ấy sẽ đi thi đấu ở Knoxville.”

“Thế thì gọi cho anh ấy đi. Mời anh ấy đến chơi trước khi anh ta đi.”

Sophia lắc đầu. “Mình sẽ không gọi cho anh ấy đâu.”

“Thế nhờ anh ấy không gọi thì sao?”

“Anh ấy bảo sẽ gọi.”

“Biết bao lần bọn con trai bảo thế mà cậu chẳng bao giờ nghe gì từ bọn họ nữa.”

“Anh ấy không như thế,” cô nói, và như để chứng minh cho điều ấy, điện thoại của cô đổ chuông. Nhận ra số điện thoại của Luke, cô chớp lấy nó và nhảy khỏi giường.

“Đừng có bảo với mình rằng chưa gì anh ấy đã gọi nhé.”

“Anh ấy bảo sẽ gọi cho mình để chắc chắn mình về đến nhà an toàn mà.”

Sophia đã lao ra đến cửa, gần như chẳng để ý đến vẻ ngạc nhiên hay những lời người bạn cùng phòng của cô tự lẩm bẩm khi Sophia lướt ra hành lang. “Mình nhất định, nhất định phải gặp anh chàng này.”



Tối thứ Năm, sau khi mặt trời lặn một tiếng, Sophia đang chỉnh lại tóc thì Marcia quay sang phía cô. Marcia đã đứng ở cửa sổ và ngắm chiếc xe tải của Luke, khiến Sophia vốn đã hồi hộp sẵn lại càng hồi hộp hơn. Cô đã loại ba bộ quần áo của Sophia, cho Sophia mượn một đôi hoa tai lung lẳng bằng vàng cùng một chiếc vòng cổ tương

xúng, và khi nhảy qua chỗ Sophia, Marcia cũng không buồn che giấu vẻ háo hức.

“Anh ấy đây rồi. Mình xuống nhà đón anh ấy ở cửa nhé.”

Sophia thở dài đánh thượt. “Được rồi, mình xong rồi. Đi thôi.”

“Không, cậu ở trong phòng thêm vài phút đi. Cậu không được làm anh ấy nghĩ rằng cậu đang mong anh ta.”

“Mình đâu có mong,” Sophia nói. “Cậu đấy chứ.”

“Cậu hiểu ý mình mà. Cậu phải xuất hiện hoành tráng. Anh ta cần phải thấy cậu đi từ trên cầu thang xuống. Cậu không bao giờ được để anh ấy nghĩ mình đang chờ đợi mòn mỏi.”

“Sao cậu cứ làm cho mọi chuyện phức tạp lên thế?” Sophia kháng cự.

“Tin mình đi,” Marcia nói. “Mình biết mình đang làm gì mà. Ba phút nữa hẵng xuống. Hoặc đếm đến một trăm cũng được. Mình đi đây.”

Cô phóng đi, bỏ Sophia một mình trong cảnh hồi hộp, bụng dạ muốn lộn tùng phèo. Chuyện này thật lạ, bởi ba ngày qua, ngày nào họ cũng nói chuyện điện thoại đến một tiếng hoặc hơn, luôn tiếp tục ở đúng đoạn còn bỏ ngỏ đêm trước. Thường thì cứ khoảng chập tối là anh gọi, cô sẽ đứng ở hiên nhà nói chuyện với anh, cố gắng tưởng tượng trông anh lúc ấy như thế nào và không ngừng tua đi tua lại cái ngày họ bên nhau.

Ở trang trại với anh là một chuyện. Như thế thì lại dễ. Nhưng gặp Luke ở đây ư? Tại nhà của hội nữ sinh? Khác nào anh lên thăm sao Hỏa. Trong suốt ba năm cô sống ở đây, con trai mà bước vào nhà - ngoài các ông anh, ông bố, hay bạn trai ở quê ra - thì chỉ có hội nam sinh, hoặc nam sinh vừa tốt nghiệp, hoặc nam sinh trường khác mà thôi.

Cô đã cố nhẹ nhàng cảnh báo anh nhưng không chắc phải nói với anh thế nào về việc mấy cô bạn cùng nhà có lẽ sẽ coi anh như một giống loài lạ lùng, một chủ đề bàn tán không dứt ngay khi anh đi khỏi. Cô đề xuất gặp anh ở ngoài học xá, nhưng anh nói anh chưa bao giờ đến Wake và anh muốn đi xem một vòng. Cô cố kìm chế để không phóng xuống nhà và kéo anh ra khỏi cửa nhanh nhất có thể.

Nhớ lại lời khuyên sắt đá của Marcia, Sophia hít một hơi thật sâu và soi lại mình một lượt trước gương. Quần jean, áo sơ mi, giày bệt, gần như chính là những gì cô mặc ở lần gặp nhau trước, nhưng được nâng cấp hơn. Cô vừa nghĩ, vừa xoay bên này rồi lại xoay bên kia, Mình chỉ cố được đến thế này thôi. Rồi cô mỉm cười bẽn lèn và thừa nhận, Nhưng thế này cũng không tồi.

Cô kiểm tra đồng hồ và chờ một phút nữa mới ra khỏi phòng. Trong tuần, nam giới chỉ được phép vào đến tiền sảnh và phòng khách thôi. Phòng khách, với bộ đi vắng phô trương cùng chiếc ti vi màn hình phẳng khổng lồ, là nơi nhiều chị em của cô thích tụ tập. Khi đi đến đầu cầu thang cuối hành lang, cô có thể nghe tiếng Marcia cười trong một căn phòng vốn thường im lặng. Cô bước nhanh hơn, mong rằng cô và Luke có thể chuồn đi mà không bị phát hiện.

Cô nhìn thấy anh ngay, đứng ở giữa phòng cạnh Marcia, tay cầm mũ. Như mọi khi, anh đi ủng và mặc quần jean, bộ trang phục được bồi thêm bởi một chiếc thắt lưng có mặt khóa bạc to tướng và sáng lóa. Tim Sophia chùng xuống khi cô nhận ra không phải chỉ có anh và Marcia trong phòng khách. Thật ra, phòng khách đông hơn thường lệ, nhưng im lặng đáng sợ. Ba nam sinh, mặc quần soóc túi hộp, áo Polo và giày Top-Sider, há hốc mồm nhìn Luke

hết như Mary-Kate ở chiếc ghế đối diện. Jenny, Drew và Brittany cũng vậy. Bốn hay năm cô gái khác thì lẳng lặng tùm tùm ở góc phòng phía xa, tất cả đều cố hết sức để tìm hiểu người khách lạ không mời đang đứng trước mặt họ.

Nhưng theo cô thấy, sự chú ý của họ không có chút ảnh hưởng gì tới anh. Anh có vẻ thoải mái, lắng nghe Marcia huyên thuyên, người lúc này đang tay vung lên đầy khoa trương. Khi cô đi đến cửa phòng khách, anh ngược lên và thấy cô. Anh cười toe toét, lộ ra hai lúm đồng tiền, tạo cảm giác như thể Marcia đã biến mất và chỉ còn riêng anh với Sophia trong phòng.

Sophia hít một hơi thật sâu và bước vào phòng khách, cảm thấy sự chú ý của mọi người đều dồn vào cô. Đúng lúc ấy, Jenny nghiêng người về phía Drew và Brittany thì thầm gì đó. Mặc dù họ đã nghe về việc chia tay giữa cô với Brian, nhưng rõ ràng là chưa ai nghe về Luke, và cô tự hỏi việc một chàng cao bồi tới đón cô sẽ đến tai Brian nhanh đến mức nào. Trong hội sinh viên, tin đồn lan đi rất nhanh. Cô có thể tưởng tượng ra cảnh bọn họ bấm điện thoại khi cô và Luke còn chưa kịp ra đến xe tải.

Vậy nghĩa là Brian sẽ phát hiện ra. Anh ta sẽ dễ dàng đoán ra đó cũng chính là chàng cao bồi đã hạ nhục mình vào cuối tuần trước. Anh ta sẽ không vui về chuyện này, và cả mấy anh em hội nam sinh của anh ta nữa. Còn tùy vào việc họ đã uống bao nhiêu - tối thứ Năm họ hay uống từ sớm - họ có thể nảy ra trong đầu ý muốn phục thù. Bỗng dưng thấy nôn nao, cô tự hỏi sao mình không nghĩ đến việc đó sớm hơn.

“Chào anh,” cô nói, cố hết sức che đi mối lo âu.

Nụ cười của Luke càng rạng rỡ hơn. “Trông em tuyệt lắm.”

“Cảm ơn anh,” Sophia lí nhí.

“Mình thích anh ấy,” Marcia xen vào.

Luke nhìn sang Marcia, hơi giật mình, rồi quay lại với Sophia. “Anh đã có dịp gặp bạn cùng phòng của em đây.”

“Mình đang cố tìm hiểu xem anh ấy có còn người bạn độc thân nào không,” Marcia thú nhận.

“Rồi sao?”

“Anh ấy nói sẽ xem có thể làm được gì không.”

Sophia gật đầu ra hiệu. “Anh sẵn sàng đi chưa?” cô hỏi.

Marcia lắc đầu ngay. “Chưa, chưa đâu. Anh ấy mới đến mà.”

Sophia trừng trừng nhìn Marcia, hy vọng cô hiểu ý. “Bọn mình không thể ở lại được.”

“Thôi mà,” Marcia phỉnh phờ. “Kiếm cái gì uống trước đã. Tối thứ Năm mà, cậu nhớ không? Mình muốn nghe chuyện cười bò.”

Ở phía xa, Mary-Kate tỏ vẻ cay cú khi cô ta xâu chuỗi mọi chuyện lại với nhau. Chắc là thứ Bảy tuần trước, Brian đã quay lại bàn và nhồi cho mọi người chuyện mình đã bị một băng cao bồi tấn công bất ngờ thế nào. Brian và Mary-Kate vẫn là bạn, và khi Mary-Kate vớ lấy chiếc điện thoại rồi đứng lên khỏi đi văng, rời khỏi phòng khách, Sophia linh cảm được ngay điều tồi tệ nhất và không lẫn lữa nữa.

“Bọn mình không ở lại được. Bọn mình đặt bàn rồi,” cô nghiêm giọng nói.

“Sao cơ?” Marcia chớp mắt. “Cậu đâu kể với mình chuyện đó. Ở đâu?”

Sophia lúng túng, không nghĩ được gì. Cô có thể thấy Luke đang nhìn mình, rồi anh hắng giọng. “Ở Fabian,” anh đột nhiên nói.

Marcia chuyển sự chú ý của mình từ người này sang người kia. “Mình chắc họ không phiền nếu hai người đến muộn vài phút đâu.”

“Không may là bọn anh muộn rồi,” Luke nói. Rồi anh nói với Sophia. “Em sửa soạn xong chưa?”

Sophia thấy nhẹ nhõm, cô bèn chỉnh lại quai túi trên vai. “Em xong rồi,” cô nói.

Luke dịu dàng khoác tay cô và dẫn cô ra cửa.

“Rất vui được gặp em, Marcia.”

“Em cũng thế,” cô nói, bối rối.

Mở cửa, anh dừng lại đợi mũ. Mặt anh lộ vẻ thích thú trong lúc anh chỉnh lại mũ, như thể để xác nhận sự bối rối của mọi người trước toàn bộ chuyện này. Miệng cười toe toét, anh khoác tay Sophia bước ra ngoài.

Khi cửa vừa đóng lại sau lưng anh, Sophia nghe thấy tiếng bàn tán xôn xao. Nếu Luke có nghe được, thì anh cũng tỏ ra không để ý. Thay vào đó, anh dẫn cô đến chiếc xe tải và mở cửa, rồi đi vòng ra trước về phía anh ngồi. Khi anh làm vậy, cô để ý thấy một hàng những gương mặt hớn hờ - kể cả Marcia - bên những ô cửa sổ phòng khách. Cô đang băn khoăn không biết liệu có nên vẫy tay ra hiệu với họ hay cứ thế lờ đi thôi thì Luke leo vào xe, đóng sập cửa.

“Anh đoán em đã làm bọn họ tò mò,” anh nói.

Cô lắc đầu. “Họ không thắc mắc về em.”

“À, anh hiểu rồi,” anh nói. “Thế chắc là vì anh gây quá nhĩ?”

Cô cười, và lúc đó, cô nhận ra rằng mình không còn bận tâm đến điều người khác nghĩ hay làm hay nói về họ nữa. “Cảm ơn anh đã nói đỡ cho em trong đó.”

“Có chuyện gì vậy?”

Cô kể anh nghe mối lo của mình về Brian và sự nghi ngờ dành cho Mary-Kate.

“Anh cũng thắc mắc điều đó,” anh nói. “Em có nhắc đến việc anh ta theo dõi em. Anh cũng phần nào lường trước là anh ta có thể lao qua cửa bất cứ lúc nào.”

“Vậy mà anh vẫn cứ đến.”

“Anh phải đến chứ.” Anh nhún vai. “Em mời anh mà.”

Cô ngả đầu ra miếng đệm đầu phía sau, thích cách anh nói. “Em xin lỗi vì tối nay không cho anh xem học xá được.”

“Không sao đâu.”

“Mình có thể xem vào lúc khác,” cô hứa. “Ý em là, khi anh ta không biết anh ở đây. Em sẽ chỉ cho anh xem nhiều chỗ hay.”

“Hẹn thế nhé,” anh nói.

Nhìn gần, đôi mắt anh mang một sắc xanh trong vắt, tinh khiết đến kinh ngạc. Cô phải một sợi vải tưởng tượng trên chiếc quần jean của mình. “Anh muốn đi đâu?”

Anh ngẫm nghĩ. “Em có đói không?”

“Hơi hơi,” cô thú nhận.

“Em có muốn đến Fabian không? Chưa chắc là sẽ có chỗ vì mình không thật sự đặt bàn trước. Nhưng mình có thể thử xem sao.”

Cô nghĩ về ý định đó rồi lắc đầu. “Thôi, không phải tối nay. Em muốn đến nơi nào ít người qua lại một chút. Ăn sushi thì sao?”

Anh không trả lời ngay. “Được thôi,” anh nói.

Cô quan sát anh. “Anh đã bao giờ ăn sushi chưa?”

“Có thể anh sống ở trang trại, nhưng thì thoảng anh cũng ra khỏi đó mà.”

Thì sao? Cô nghĩ. “Anh chưa trả lời câu hỏi của em.”

Anh nghịch nghịch chùm chìa khóa trước khi tra chiếc chìa đúng vào ổ khởi động. “Chưa,” anh thú nhận, “anh chưa ăn sushi bao giờ.”

Cô chỉ biết cười.



Theo lời chỉ dẫn của Sophia, họ lái xe đến nhà hàng Nhật Sakura. Bên trong, hầu hết các bàn đều đã có người ngồi, cả quầy bar sushi cũng vậy. Trong lúc chờ người phục vụ, Sophia nhìn quanh, cầu mong đừng vô tình đụng bất cứ người quen nào. Đây không phải nơi sinh viên thường lui tới - burger và pizza mới là món khoái khẩu của sinh viên khắp mọi nơi - nhưng Sakura cũng không phải một nơi không ai biết. Thi thoảng cô cũng đến đây cùng Marcia, và mặc dù không nhận ra ai, cô vẫn yêu cầu chỗ ngồi ở ban công ngoài trời.

Những ngọn đèn nhiệt trong các góc ban công phủ một lớp chăn ấm làm giảm đi cái lạnh của buổi tối. Chỉ có một bàn là còn một đôi đang sắp ăn xong, ngoài ra thì nơi đây tĩnh lặng tuyệt vời. Quang cảnh ở đây cũng không có gì nhiều, nhưng ánh sáng vàng nhạt tỏa ra từ chiếc đèn lồng Nhật Bản phía trên đầu mang lại cho nơi này một cảm giác lãng mạn.

Sau khi họ ngồi xuống ghế, Sophia nghiêng người về phía Luke. “Anh nghĩ sao về Marcia?”

“Bạn cùng phòng của em ư? Cô ấy có vẻ tốt. Nhưng có vẻ hơi dễ đụng chạm.”

Cô nghiêng đầu. “Ý anh là... dễ tự ái ấy hả?”

“Không, ý anh là cô ấy cứ sờ tay anh khi nói chuyện.”

Sophia phẩy tay. “Cô ấy là thế đấy. Marcia làm thế với mọi tên con trai. Chim chuột số một thế giới.”

“Em có biết câu đầu tiên cô ấy nói với anh là gì không? Thậm chí cả khi anh còn chưa kịp bước vào nhà?”

“Em không muốn biết đâu.”

“Cô ấy nói, ‘Nghe nói anh hôn bạn thân nhất của em.’”

Chẳng có gì ngạc nhiên, Sophia nghĩ. “Đúng rồi, Marcia là thế đấy. Cô ấy hầu như nghĩ gì nói nấy. Chẳng biết lựa lời là gì.”

“Nhưng em quý cô ấy.”

“Ừ,” Sophia thừa nhận. “Em quý cô ấy. Cô ấy hay xòe cánh ra bảo vệ em những khi em cần. Cô ấy nghĩ em hơi... ngây thơ.”

“Thế có đúng không?”

“Tùy trường hợp,” Sophia thừa nhận.

Cô với lấy đôi đũa và tách nó làm đôi. “Trước khi đến Wake, em chưa bao giờ có bạn trai. Hồi học cấp ba, em như một con một sách vậy, rồi em còn đi làm, thế nên em không có nhiều thời gian để tiệc tùng các kiểu. Ý em là, em không có đi tu và em biết người ta làm gì vào cuối tuần. Em biết ở trường có mọi thứ từ ma túy đến sex, nhưng đó chủ yếu là tin đồn hay bí mật mà em nghe lỏm được thôi. Không phải em chứng kiến mấy chuyện đó. Trong học kỳ một ở học xá, em bị sốc khi thấy mọi thứ ở đây quá thoáng. Em nghe mấy đứa con gái trong ký túc xá nói về việc qua lại với mấy anh chàng mới gặp, mà em còn không chắc thế nghĩa là gì nữa kìa. Phân nửa thời gian ấy, em vẫn mơ hồ, vì dường như mỗi người đều hiểu nó theo một nghĩa khác nhau. Với người này thì nó chỉ là ôm ấp, nhưng với người khác thì nó là việc ngủ với ai đó, rồi với người khác nữa thì nó lại là cái gì đó ở giữa, hy vọng anh hiểu em nói gì. Em mất gần hết năm đầu tiên để cố làm sáng tỏ cái mật mã đó đấy.”

Anh cười trong lúc cô nói tiếp.

“Và rồi sau đó, cuộc sống của hội sinh viên không giống như em tưởng tượng. Lúc nào cũng có tiệc tùng, và vô số người, đồng nghĩa với rượu và ma túy rồi đủ các kiểu. Và em thừa nhận là mình có quá chén vài lần, rồi kết thúc bằng việc nằm bất tỉnh trong nhà tắm của ngôi nhà chung. Em không tự hào về chuyện đó, nhưng có những người ở học xá cuối tuần nào cũng như thế, suốt cả cuối tuần luôn. Em không nói đó là kiểu sống của riêng hội sinh viên. Mà nó có cả trong học xá, các khu nhà ngoài học xá, ở mọi nơi. Nhưng em không thích cuộc sống đó, nên với nhiều người - kể cả Marcia - em là một đứa ngây thơ. Thêm nữa, em không thuộc cái văn hóa ‘qua lại’ ấy, và nhiều người nghĩ em là bà cô già. Ngay cả Marcia cũng nghĩ thế, hơi hơi. Cô ấy chẳng bao giờ hiểu được tại sao lại có người muốn có một anh bạn trai thực sự thời đại học. Cô ấy hay bảo em một mối quan hệ nghiêm túc là thứ cô ấy chẳng bao giờ nghĩ tới.”

Anh với lấy đôi đũa, làm theo cô. “Anh có thể nghĩ ra được vài chàng trai sẽ thích kiểu con gái như vậy đấy.”

“Không, đừng... vì ngay cả khi cô ấy nói thế, em cũng không chắc đó là thật. Em nghĩ cô ấy muốn cái gì đó thực hơn, nhưng cô ấy không biết phải tìm đâu một anh chàng đồng cảm với mình. Ở đại học, không có nhiều con trai kiểu thế đâu, mà có để làm gì? Trong khi các cô gái cứ thế đem cho không? Ý em là, em có thể hiểu tại sao anh ngủ với người anh yêu, nhưng nếu anh chẳng biết gì về họ? Thế thì ngủ làm gì? Nó chỉ khiến cho chuyện đó trở nên rẻ tiền.”

Cô bỗng im lặng, nhận ra rằng anh là người đầu tiên cô thú nhận mọi chuyện. Thế thật lạ. Phải không?

Luke nghịch đôi đũa, cạy cạy mấy xơ gỗ, từ tốn suy

nghe chuyện đó. Rồi anh nghiêng người về phía ánh sáng đèn và nói, “Anh nghĩ thế là chín chắn đấy, nếu em muốn biết ý anh.”

Cô giờ tờ menu lên, hơi ngượng khi nghe vậy. “Em bảo này, anh không nhất thiết phải gọi sushi nếu anh không thích. Họ có thịt gà và thịt bò sốt teriyaki nữa.”

Luke xem tờ menu của mình. “Em định gọi gì?”

“Sushi,” cô trả lời.

“Em học cách ăn sushi ở đâu?”

“Ở trung học,” cô nói. “Một trong số bạn thân của em là người Nhật, và cô ấy cứ bảo em rằng có một nơi tuyệt vời ở Edgewater mà cô ấy đến mỗi khi nhớ món ăn ngon ở quê nhà. Ăn mãi đồ ở quán của nhà cũng là ngán và em thấy thèm món nào mới thôi, vậy là một hôm em đi cùng cô ấy, rồi mê luôn. Vậy nên thi thoảng, khi đang học nhóm, bọn em sẽ lên xe cô ấy và đến Edgewater - một quán rất bình thường thôi. Nhưng bọn em thành khách quen luôn. Kể từ đó, thỉnh thoảng em lại thèm món Nhật. Như tối nay.”

“Anh hiểu rồi,” anh đồng tình. “Hồi trung học, mỗi lần dự thi 4-H⁽¹⁾, anh sẽ đến hội chợ của bang và luôn phải mua một cái bánh Twinkie rán.”

Cô nhìn anh chằm chằm. “Anh so sánh sushi với Twinkie rán ư?”

“Em đã bao giờ ăn Twinkie rán chưa?”

“Nghe ghê thế.”

“Phải, nhưng mà, phải thử thì em mới có quyền bình phẩm. Ngon lắm. Ăn nhiều quá thì coi chừng hại tim,

1. 4-H là tên một tổ chức thuộc Hiệp hội Lương thực và Nông nghiệp Quốc gia của Mỹ với mục tiêu phát triển kỹ năng cho trẻ em và thanh thiếu niên Mỹ qua các hoạt động ngoại khóa. 4-H là viết tắt của: Head (Đầu), Heart (Tim), Hands (Tay), Health (Sức khỏe).

nhưng thi thoảng mới ăn, thì đặc sắc vô cùng. Ngon hơn bánh Oreo rán nhiều.”

“Bánh *Oreo* rán sao?”

“Nếu em đang muốn kiếm gợi ý cho quán ăn của gia đình em, thì như anh nói đây, anh sẽ chọn bánh Twinkie rán.”

Mới đầu, cô không biết phải đáp lại như thế nào. Sau đó, cô nói bằng giọng nghiêm túc, “Em không nghĩ có người nào ở vùng Đông Bắc lại ăn món đó cả.”

“Em sẽ ngạc nhiên cho xem,” anh nói. “Có khi nó lại thành công lớn ở đó - mọi người xếp hàng cả ngày luôn.”

Cô khẽ lắc đầu, rồi quay trở lại menu. “Vây, 4-H sao?”

“Anh tham gia từ khi còn bé. Với lũ lợn.”

“Chính xác thì nó là gì? Ý em là, em từng nghe về nó, nhưng không biết nó là gì.”

“Thực ra nó tập trung vào bốn phận và nghĩa vụ công dân, những thứ đại loại thế. Nhưng khi nói đến thi đấu, thì nó thiên về việc học cách chọn lợn giống tốt từ khi lợn còn bé. Mình kiểm tra bố mẹ nó nếu được, hoặc xem ảnh hay đại loại vậy, rồi mình cố chọn một con mà mình nghĩ sẽ có cơ hội trở thành một con lợn trình diễn tốt. Em sẽ muốn một con lợn chắc khỏe với nhiều cơ bắp và không quá nhiều mỡ hay khuyết tật cái gì. Rồi, về cơ bản, em sẽ nuôi nó trong vòng một năm. Em cho nó ăn, chăm sóc nó; nói cách khác, nó không khác gì vật nuôi của em.”

“Để em đoán nhé. Anh đặt tên tất cả bọn nó là Lợn.”

“Thực ra thì không. Con đầu tiên được đặt tên là Edith, con thứ hai là Fred, con thứ ba là Maggie. Anh có thể kể tiếp danh sách nếu em thích.”

“Có bao nhiêu con? Trong những năm qua?”

Anh gõ gõ ngón tay xuống bàn. “Anh nghĩ là chín.

Anh bắt đầu hồi học lớp ba và tham gia cho đến năm cuối trung học.”

“Và sau đó, khi chúng lớn, thì anh đi thi ở đâu?”

“Ở hội chợ của bang. Ban giám khảo kiểm tra chúng rồi em sẽ biết mình có thắng hay không.”

“Nếu anh thắng thì sao?”

“Thì em được một sợi ruy băng. Nhưng thắng hay thua thì sau đó em cũng bán con lợn đó,” anh nói.

“Chuyện gì sẽ xảy ra với con lợn?”

“Chuyện thường xảy ra với bọn lợn thôi,” anh trả lời. “Bọn nó bị đưa đến lò mổ.”

Cô chớp mắt. “Ý anh là anh nuôi nó từ khi nó còn bé, anh đặt tên cho nó, anh chăm sóc nó trong một năm, rồi anh bán nó đi để nó bị giết sao?”

Anh nhìn cô, tỏ vẻ tò mò. “Thế em còn làm gì với con lợn nữa chứ?”

Cô chết lặng, không biết trả lời gì. Cuối cùng, cô lắc đầu. “Em chỉ muốn anh biết rằng em chưa bao giờ, chưa bao giờ gặp ai như anh.”

“Anh nghĩ,” anh đáp, “rằng anh cũng có thể nói về em điều tương tự.”



Luke

Ngay cả sau khi xem tờ thực đơn, anh vẫn chưa chắc mình nên gọi gì. Anh biết mình có thể chọn món gì đó an toàn - như gà hay bò xốt teriyaki ban nãy cô nhắc đến - nhưng anh không muốn thế. Anh nghe người ta ca ngợi sushi và biết là mình nên thử nó. Sống là để trải nghiệm, phải không?

Vấn đề là anh không biết nên chọn gì. Trong suy nghĩ của anh, cá sống là cá sống, mấy tấm ảnh trong này chẳng giúp được gì. Anh chỉ biết mình được chọn trong ba thứ, hoặc là hơi đỏ, hoặc là phớt hồng, hoặc là trắng, mà chẳng biết chúng sẽ có vị thế nào.

Anh lén nhìn Sophia qua mép trên của tờ thực đơn. Cô dùng mascara và tô son nhiều hơn một chút so với hôm cô đến trang trại, khiến anh nhớ lại buổi tối lần đầu anh nhìn thấy cô. Thật không thể tưởng nổi là chỉ chưa đầy một tuần. Tuy vốn thích nét đẹp tự nhiên, nhưng anh phải thừa nhận lớp trang điểm khiến gương mặt cô thêm phần sắc sảo. Trong lúc họ đến bàn mình, vài người đàn ông đã ngoái lại nhìn cô đi qua.

“Món nigiri-sushi và maki-sushi khác nhau thế nào?” anh hỏi.

Sophia vẫn đang nghiên cứu tờ thực đơn. Khi cô

phục vụ đến, cô gọi hai chai Sapporo, một loại bia Nhật, mỗi người một chai. Anh cũng không biết vị của nó thế nào. “Nigiri nghĩa là cá được đặt trên miếng cơm,” cô nói. “Maki nghĩa là nó cuộn trong rong biển.”

“Rong biển ư?”

Cô nháy mắt. “Ngon lắm. Anh sẽ thích cho xem.”

Anh mím môi, không giấu nổi vẻ hoài nghi. Phía bên kia cửa sổ, thực khách ngồi ở bàn bên trong, thưởng thức những món họ đã gọi, ai cũng đều dùng đũa thành thạo. Ít ra thì việc đó anh làm được, kỹ năng ấy đã được mài giũa nhờ những tháng ngày rong ruổi phải ăn món Tàu trong hộp giấy.

“Sao em không gọi luôn cho cả anh nữa nhỉ,” anh nói, đặt tờ thực đơn sang một bên. “Anh tin em.”

“Được thôi,” cô đồng ý.

“Anh sẽ thử món gì đây?”

“Cả một lọ luôn,” cô nói. “Chúng ta sẽ thử anago, ahi, aji, hamachi... có thể cả mấy thứ khác nữa.”

Anh cầm chai bia lên định hớp một ngụm. “Em biết là mấy thứ đó anh nghe như vịt nghe sấm mà đúng không.”

“Anago là lươn đấy,” cô giải thích.

Chai bia sững lại giữa không trung. “Lươn?”

“Anh sẽ thích mà,” cô trấn an anh, không buồn giấu vẻ khoái chí.

Khi người phục vụ tới, Sophia thao thao gọi món như một chuyên gia, rồi họ nhả nha trò chuyện, chỉ tạm ngừng khi đồ ăn tới. Anh tóm tắt sơ cho cô về tuổi thơ của mình, cũng không có gì đặc biệt lắm ngoài những việc ở trang trại. Trong những năm trung học, anh tham gia đội tuyển vật của trường trong ba năm, tham dự đủ bốn buổi vũ hội khai trường, cả hai buổi vũ hội cuối cấp, và

vài buổi tiệc đáng nhớ. Anh kể với cô rằng vào mùa hè, anh và bố mẹ sẽ đưa lũ ngựa lên dãy núi gần Boone trong vài ngày, nơi họ cưỡi ngựa đường trường, những chuyến dã ngoại gia đình của họ chỉ có vậy. Anh nói qua về việc luyện tập trên lưng con bò máy trong nhà kho và việc bố anh đã độ lại con bò một chút để nó chạy còn ác liệt hơn. Anh bắt đầu tập từ khi vẫn còn học tiểu học, bố anh nhận xét mọi chuyển động của anh. Anh nhắc đến những vết thương của mình trong bao năm thi đấu và kể lại mình đã hồi hộp thế nào khi tham dự giải Vô địch Thế giới - có lần anh từng đua giành chức vô địch cho đến vòng cuối cùng, và đành dừng bước ở vị trí thứ ba chung cuộc - Sophia chăm chú lắng nghe cả câu chuyện, chỉ thi thoảng cắt ngang để đặt câu hỏi.

Anh cảm nhận được cô chú mục vào mình, lắng nghe mọi chi tiết, và khi người phục vụ dọn đĩa của họ, mọi thứ về cô, từ nụ cười thoải mái đến âm điệu phương Bắc nhẹ mà rõ, khiến anh thấy cô vô cùng duyên dáng và quyến rũ. Hơn nữa, anh cảm thấy anh có thể là chính mình dù rằng họ khác nhau. Khi ở bên cô, anh thấy mình có thể dễ dàng quên đi sự căng thẳng mỗi khi nghĩ về trang trại. Hay về mẹ. Hay về điều sẽ xảy ra nếu các dự định của anh không thành công...

Anh chìm đắm trong suy nghĩ một lúc, rồi mới nhận ra cô đang nhìn chăm chăm vào anh.

“Anh đang nghĩ gì thế?” cô hỏi.

“Tại sao?”

“Mới nãy em thấy anh như... lạc đi đâu mất ấy.”

“Không có gì đâu.”

“Anh chắc không? Em mong không phải tại món lươn.”

“Không. Anh chỉ đang nghĩ xem mình phải làm gì trước khi đi cuối tuần này thôi.”

Cô nhú mày nhìn anh. “Được rồi,” cuối cùng cô nói. “Bao giờ thì anh đi?”

“Chiều mai,” anh nói, mừng vì cô không gặng hỏi thêm. “Anh sẽ lái xe đến Knoxville sau khi xong việc và nghỉ lại ở đó. Tối thứ Bảy, anh sẽ lái xe về. Anh sẽ về nhà muộn, nhưng đó là cuối tuần đầu tiên trong đợt bán bí ngô của nhà anh. Anh đã chuẩn bị gần xong các thứ cho Halloween rồi - José và anh đã dựng một mê cung rất lớn từ những kiện cỏ, cùng với những thứ khác nữa - nhưng lúc nào cũng đông người đến lắm. Cho dù có José làm phụ, thì mẹ anh vẫn cần thêm người giúp.”

“Có phải vì thế mà bà giận anh không? Vì anh phải rời thị trấn?”

“Một phần thôi,” anh nói, di di lát gừng màu hồng quanh đĩa. “Bà giận anh vì anh cưới bò, thế thôi.”

“Giờ mà bà vẫn chưa quen với việc đó ư? Hay vì chuyện anh bị thương khi cưới con Quái Thú Cục Súc?”

“Mẹ anh,” anh nói, cẩn thận lựa chọn từ ngữ, “lo rằng sẽ có chuyện gì đó xảy đến với anh.”

“Nhưng anh từng bị thương rồi mà. Nhiều lần rồi ấy.”

“Phải.”

“Còn điều gì mà anh chưa nói với em không?”

Anh không trả lời ngay. “Hay là thế này đi?” anh nói, đặt đôi đũa xuống. “Khi nào thích hợp, anh sẽ kể cho em toàn bộ chuyện đó.”

“Anh biết là lúc nào em cũng có thể hỏi mẹ anh mà.”

“Em có thể. Nhưng em phải gặp bà đã chứ.”

“À, có khi thứ Bảy em cứ đến đó rồi thử xem sao.”

“Cứ tự nhiên. Nhưng nếu đến, chuẩn bị tinh thần bị giao việc nhé. Em sẽ bê bí ngô cả ngày đấy.”

“Em có cơ bắp mà.”

“Em đã bao giờ bê bí ngô cả ngày chưa?”

Cô nhào người qua bàn. “Anh đã bao giờ dỡ đồ từ một chiếc xe tải chất đầy thịt và xúc xích chưa?” Mặt cô lộ vẻ chiến thắng khi anh không trả lời. “Thấy chưa, chúng ta có điểm chung này. Hai ta đều làm việc chăm chỉ.”

“Và giờ chúng ta đều có thể cưới nhau.”

Cô cười. “Cả chuyện đó nữa. Anh thấy sushi thế nào?”

“Ngon,” anh nói.

“Em có cảm tưởng như anh thích sườn lợn hơn thì phải.”

“Lúc nào anh cũng có thể ăn sườn lợn. Đó là một trong những món sở trường của anh.”

“Anh nấu ăn sao?”

“Anh biết nướng,” anh nói. “Bố anh dạy anh.”

“Lúc nào đó anh nướng cho em nhé.”

“Anh sẽ làm bất cứ món gì em muốn. Miễn sao đó là burger, bít tết, hay sườn lợn.”

Cô nhào đến gần hơn. “Vậy tiếp theo là gì? Anh có muốn thử vận may và đến buổi tiệc của nhà nam sinh không? Em chắc là giờ họ bắt đầu rồi đấy.”

“Thế còn Brian thì sao?”

“Ta sẽ đến buổi tiệc ở nhà khác. Chỗ anh ta chẳng bao giờ đến ấy. Và chúng ta sẽ không ở lại lâu. Nhưng có lẽ anh phải bỏ cái mũ đi.”

“Nếu em muốn, anh sẽ đi.”

“Lúc nào em đi chẳng được. Em đang hỏi anh mà.”

“Mấy chỗ đó ra sao?” anh hỏi. “Nhạc nhẽo, một đám sinh viên uống rượu, kiểu như vậy à?”

“Gần như thế.”

Anh nghĩ về điều đó trong phút chốc rồi lắc đầu. “Đó không phải sở trường của anh,” anh thú nhận.

“Em cũng nghĩ thế. Chúng ta có thể đi thăm một vòng trường em nếu anh thích.”

“Chắc anh sẽ đi dịp khác. Như thế em sẽ phải đi chơi với anh lần nữa.”

Cô vuốt ngón tay quanh miệng ly nước. “Vậy anh muốn làm gì?”

Anh không trả lời ngay, và lần đầu tiên, anh tự hỏi mọi thứ sẽ khác thế nào nếu anh không quyết định trở lại thi đấu. Mẹ anh không vui, và thú thật, cả anh cũng không chắc đó là một ý kiến hay, nhưng tình cờ nó lại dẫn đến buổi hẹn hò với một người con gái mà anh biết mình sẽ không bao giờ quên.

“Em có sẵn sàng đi xa chút không? Anh biết một chỗ mà anh chắc rằng em sẽ không gặp bất cứ người quen nào. Chỗ đó yên tĩnh, nhưng ban đêm thì đẹp vô cùng.”



Ở trang trại, mặt trăng trắng một lớp bạc lên thế giới khi họ bước ra khỏi xe. Chó, một đốm mờ trong bóng tối, chạy ra từ bên dưới hiên nhà, dừng lại bên phía Sophia như thể nó đang mong họ vậy.

“Anh hy vọng thế này ổn,” anh nói. “Anh không biết đi đâu nữa.”

“Em biết tổng là anh sẽ đưa em đến đây mà,” Sophia nói, cúi xuống nựng Chó. “Nếu không thoải mái thì em đã nói rồi.”

Anh chỉ về phía ngôi nhà. “Chúng ta có thể ngồi ở hiên nhà, hoặc có một chỗ rất tuyệt phía dưới kia, bên hồ.”

“Không phải con sông sao?”

“Em đã đến con sông rồi mà.”

Cô quan sát xung quanh, rồi quay sang anh. “Chúng ta lại lấy ghế ra ngồi trên thùng xe tải nữa sao?”

“Tất nhiên rồi,” anh nói. “Tin anh đi, em sẽ không muốn ngồi xuống đất đâu. Nó là bãi cỏ đấy.”

Anh nhìn Chó khi nó chạy vòng quanh chân cô. “Mình đưa cả Chó đi theo được không?” cô hỏi.

“Nó vẫn cứ theo dù anh muốn hay không.”

“Vây thì đến hồ đi,” cô nói.

“Để anh lấy vài thứ trong nhà đã nhé?”

Anh để cô lại, rồi quay ra với một chiếc hộp ướp lạnh nhỏ và vài chiếc chăn kẹp dưới tay, anh chất chúng lên phía sau xe tải. Họ trèo lên, động cơ sống dậy với một tiếng gầm.

“Xe của anh kêu như xe tăng ấy,” cô hét lên át tiếng ồn. “Em không biết anh có thấy thế không.”

“Em thích không? Anh phải độ lại hệ thống thoát khí để nó kêu được như thế đấy. Phải lắp thêm bộ giảm thanh và mấy thứ nữa.”

“Xạo quá. Ai lại làm thế.”

“Anh làm,” anh nói. “Nhiều người làm thế mà.”

“Những người sống ở trang trại thì may ra.”

“Không chỉ có bọn anh đâu. Những người đi săn và câu cá cũng làm thế.”

“Nói cách khác là những người có súng và mê ra ngoài trời.”

“Ý em là còn có những loại người khác nữa sao?”

Cô cười khi anh lùi xe, đánh ra đường chính rồi đi qua ngôi nhà trang trại. Có ánh đèn rực sáng từ trong phòng khách, anh tự hỏi mẹ đang làm gì. Rồi anh nghĩ về những gì anh đã nói và chưa nói với Sophia.

Cố gắng xua tan những ý nghĩ ấy, anh hạ cửa sổ xuống, tựa khuỷu tay lên mép cửa. Chiếc xe tải nẩy lên. Từ khốe mắt, anh thấy mái tóc màu vàng lúa mạch của Sophia bay trong gió. Cô nhìn ra ngoài cửa sổ bên ghế lái phụ trong lúc họ im lặng đi qua căn nhà kho.

Ngoài đồng cỏ, anh nhảy xuống mở cổng và cho xe chạy qua rồi đóng nó lại đằng sau. Bật đèn sang chế độ chiếu xa, anh lái thật chậm để tránh làm tổn hại đến cỏ. Ra đến gần hồ, anh dừng rồi quay xe lại, như hồi ở trường đấu cưỡi bò, và anh tắt máy.

“Cẩn thận bước chân nhé,” anh nhắc. “Như anh nói, đây là một phần của đồng cỏ.”

Anh mở cửa sổ bên cô và bật đài lên, rồi đi vòng ra phía sau xe. Anh giúp Sophia trèo lên rồi mới sắp ghế. Rồi, hệt như chưa đầy một tuần trước, họ ngồi trên sàn thùng xe tải, lần này có thêm một chiếc chăn phủ lên đùi Sophia. Anh với lấy thùng giữ lạnh và lấy ra hai chai bia. Anh mở cả hai, đưa một chai cho Sophia, nhìn cô hớp một ngụm.

Phía xa, mặt hồ như một chiếc gương, phản chiếu ánh trăng lưỡi liềm và những vì sao trên cao. Xa nữa, ở phía bên kia hồ nước, đàn gia súc đang tùm tùm lại gần bờ hồ, những bộ ngực trắng của chúng sáng rực lên trong bóng tối. Thỉnh thoảng một con lại rống lên và âm thanh đó lướt qua mặt hồ, trộn lẫn với tiếng ếch và dế. Nơi này có mùi của cỏ và mùi bùn đất, như thuở ban sơ.

“Chỗ này đẹp quá,” Sophia thì thầm.

Anh thấy có thể dùng chính từ đó để miêu tả cô, nhưng anh giữ những ý nghĩ ấy cho riêng mình.

“Nó giống với khu đất trống gần sông,” cô nói thêm. “Có điều thoáng hơn nhiều.”

“Đại loại thế,” anh nói. “Nhưng như anh nói với em

đấy, mỗi khi nghĩ về bố thì anh lại ra đó. Còn nơi này anh đến để nghĩ về những chuyện khác.”

“Ví dụ?”

Mặt nước gần đó tĩnh lặng và phản chiếu bầu trời như một tấm gương. “Nhiều thứ lắm,” anh nói. “Cuộc sống. Công việc. Các mối quan hệ.”

Cô bóng gió liếc anh. “Em tưởng anh chưa trải qua nhiều mối quan hệ.”

“Thế nên anh mới phải nghĩ về chúng.”

Cô khúc khích. “Các mối quan hệ cũng khó nhằn đấy. Cơ mà, em còn trẻ con và ngây thơ lắm, em thì biết gì phải không?”

“Vậy nếu anh định xin em lời khuyên thì...”

“Thì em sẽ bảo là có nhiều người rành hơn em để anh hỏi. Như mẹ anh chẳng hạn.”

“Có thể,” anh nói. “Bố mẹ anh cũng khá hòa thuận. Đặc biệt là sau khi ông từ bỏ thi đấu cưỡi ngựa và có thời gian giúp việc trong trang trại. Nếu ông cứ tiếp tục thi đấu, anh không biết họ có thể ở với nhau được bao lâu. Một mình bà cáng đáng mọi việc thì quả thực quá tải, đặc biệt là bà còn phải chăm anh nữa. Anh chắc là bà đã nói với bố anh như thế. Nên ông ngừng lại. Rồi khi anh lớn, bất cứ lúc nào anh hỏi ông về chuyện đó, ông cũng chỉ nói rằng cuộc hôn nhân với mẹ anh quan trọng hơn cưỡi ngựa.”

“Anh có vẻ tự hào về mẹ.”

“Phải,” anh nói. “Cho dù cả bố với mẹ anh đều là những người lao động chăm chỉ, nhưng bà mới thực là người vực nên sản nghiệp này. Khi bà thừa kế lại từ ông ngoại, cả trang trại đang gặp khó khăn. Thị trường gia súc đang bấp bênh, và trong vài năm, chẳng thu được gì nhiều. Bà là người đề xuất việc chú trọng vào nhu cầu về thịt bò

hữu cơ đang ngày một tăng. Bà là người lái xe đi khắp bang, phân phát tập quảng cáo và nói chuyện với các chủ nhà hàng. Không có bà thì sẽ không có cái gọi là Thịt bò Collins. Có thể với em, nó không có ý nghĩa gì nhiều, nhưng với những nhà tiêu thụ thịt bò cao cấp ở Bắc Carolina, nó có ý nghĩa lớn đấy.”

Sophia lắng nghe trong khi quan sát ngôi nhà trang trại ở phía xa. “Em muốn được gặp bà.”

“Anh định đưa em đến, nhưng có lẽ bà ngủ rồi. Mẹ anh đi ngủ khá sớm. Nhưng nếu em thích ghé qua thì Chủ nhật anh sẽ ở đây.”

“Em tưởng anh chỉ muốn em giúp nhặt bí ngô.”

“Thực ra anh đang nghĩ em có thể đến ăn tối. Như anh nói đấy, ban ngày khá bận.”

“Em đồng ý, nếu anh nghĩ mẹ anh cũng đồng ý việc đó.”

“Bà sẽ đồng ý thôi.”

“Mấy giờ?”

“Khoảng sáu giờ được không?”

“Được đấy,” cô nói. “Nhân tiện cho em hỏi, cái mê cung anh nói đến ở đâu?”

“Ở gần ruộng bí ngô.”

Cô chau mày. “Mình đến đó hôm trước rồi phải không?”

“Không,” anh nói. “Thực ra nó ở gần đường chính hơn, gần hàng cây thông Giáng sinh.”

“Sao em không để ý lúc lái xe vào đây nhỉ?”

“Anh không biết. Có lẽ vì trời tối chẳng?”

“Nó có phải một mê cung kinh dị không? Có bọn bù nhìn hung tợn và lũ nhện và mấy thứ kiểu đó không?”

“Tất nhiên, nhưng không ghê lắm đâu. Chủ yếu là

cho trẻ con. Có lần, bố anh hơi quá tay nên có vài đứa con nít khóc. Từ đó, nhà anh cố gắng tiết chế lại. Nhưng trong đó có nhiều đồ trang trí lắm. Nhện, ma quỷ, bù nhìn. Toàn những thứ trông thân thiện thôi.”

“Mình vào được không?”

“Tất nhiên rồi. Anh rất sẵn lòng đưa em đi xem. Nhưng nhớ là với người lớn thì nó khác đấy, vì em có thể nhìn qua các kiện cở.” Anh phẩy tay đuổi mấy con bọ. “À mà em chưa trả lời câu hỏi lúc nãy của anh.”

“Câu hỏi gì?”

“Về các mối quan hệ ấy,” anh nói.

Cô lại chỉnh cái chần. “Em từng nghĩ mình hiểu những thứ cơ bản. Ý em là, bố mẹ em đã lấy nhau được rất lâu và em tưởng mình biết điều mình đang làm. Nhưng có lẽ em chưa học được phần quan trọng nhất.”

“Là gì?”

“Ngay từ đầu ta phải chọn đúng đã.”

“Làm sao em biết được là mình đã chọn đúng?”

“Thì...,” cô ngập ngừng. “Thì khó nhằn ở chỗ đó đấy. Nhưng nếu phải đoán, em nghĩ đầu tiên phải là có nhiều điểm chung. Ví dụ như hệ giá trị. Như em đặt nặng việc Brian phải chung thủy. Còn anh ta rõ ràng là cư xử theo một hệ giá trị khác.”

“Ít ra thì em có thể lấy đó làm chuyện đùa.”

“Khi không còn quan tâm nữa thì đùa để thôi. Em không nói chuyện đó không làm em tổn thương, bởi nó có đấy. Mùa xuân năm ngoái, sau khi phát hiện ra anh ta qua lại với một cô gái khác, suốt mấy tuần liền em không ăn được gì. Có khi em phải sụt đến bảy cân ấy.”

“Em lấy đâu ra bảy cân để sụt chứ.”

“Em biết, nhưng em làm được gì nữa? Có người ăn

khi căng thẳng. Em thì ngược lại. Khi em về nhà mùa hè năm ngoái, bố mẹ em phát hoảng. Em cứ quay mặt đi là họ lại nài em ăn. Em vẫn chưa lấy lại được số cân nặng đã mất. Tất nhiên, khi bắt đầu năm học thì việc ăn uống cũng chẳng dễ gì.”

“Vậy thì anh thấy vui khi em ăn cùng anh đấy.”

“Anh không làm em căng thẳng.”

“Cho dù chúng ta không có nhiều điểm chung sao?”

Lời vừa thốt ra, anh đã lo là cô sẽ nghe ra vẻ lo lắng trong đó, nhưng dường như cô không nhận thấy.

“Chúng ta có nhiều điểm chung hơn anh nghĩ đấy. Bố mẹ chúng ta khá giống nhau, ở vài điểm. Họ đã lấy nhau lâu, chặt vật với công việc kinh doanh gia đình, và mong chờ con cái góp sức. Bố mẹ muốn em học tốt, bố anh muốn anh vô địch cưỡi bò tót, và cả hai ta đều đáp ứng được kỳ vọng của họ. Chúng ta đều là sản phẩm của cách chúng ta được nuôi dạy, và em chắc điều đó sẽ chẳng bao giờ thay đổi đâu.”

Ngạc nhiên thay, anh thấy nhẹ nhõm lạ thường trước câu trả lời của cô. “Em sẵn sàng đi xem mê cung chưa?”

“Mình uống xong chỗ bia này trước đi nhỉ? Chỗ này quá đẹp mà giờ đi thì tiếc quá.”

Họ vừa thông thả uống bia, vừa trò chuyện vu vơ và ngắm nhìn ánh trăng vẽ một con đường cắt qua mặt hồ. Mặc dù anh thấy thôi thúc muốn hôn cô lần nữa, nhưng anh dần lại. Thay vào đó, anh hồi tưởng lại những gì cô nói lúc nãy về điểm tương đồng giữa hai người, anh nghĩ cô đúng và mong rằng như thế đủ để khiến cô quay lại trang trại.

Một lúc sau cuộc trò chuyện của họ chìm vào một khoảng lặng yên bình, và anh nhận ra mình không biết cô đang nghĩ gì. Theo bản năng, anh đưa tay về phía chiếc

chăn. Cô dường như nhận ra điều anh định làm và lẳng lặng nắm lấy tay anh.

Không khí buổi đêm trở nên thoáng đãng hơn, khiến các vì sao trông như pha lê. Anh ngước lên nhìn chúng, rồi nhìn sang cô, và khi ngón cái của cô nhẹ nhàng vuốt ve bàn tay anh, tay anh cũng hưởng ứng. Ngay lúc ấy, anh biết chắc mình đã phải lòng cô rồi và anh chẳng thể ngăn lại cảm giác ấy.



Khi họ tản bộ qua ruộng bí ngô về phía mê cung, Luke vẫn nắm tay cô. Không hiểu sao, cử chỉ giản dị này đem đến cảm giác đáng nhớ hơn những nụ hôn trước đây, có gì đó bền lâu hơn. Anh có thể tưởng tượng mình nắm tay cô bao nhiêu năm sau này, mỗi khi họ sánh bước bên nhau, và viễn cảnh đó khiến anh giật mình.

“Anh đang nghĩ gì vậy?”

Anh đi thêm vài bước rồi mới trả lời. “Nhiều thứ lắm,” cuối cùng anh nói.

“Đã ai nói với anh rằng anh rất hay mập mờ chưa?”

“Em thấy phiền à?” anh đáp trả.

“Em chưa quyết định được,” cô nói, siết tay anh. “Em sẽ cho anh biết sau.”

“Mê cung ở ngay đằng kia.” Anh chỉ. “Nhưng anh muốn cho em xem ruộng bí ngô trước đã.”

“Em chọn một quả được không?”

“Tất nhiên rồi.”

“Anh giúp em khắc nó cho Halloween nhé?”

“Chúng ta có thể khắc nó sau bữa tối sắp tới. Nói để em biết, anh là chuyên gia đấy.”

“Vậy sao?”

“Anh đã khắc mười lăm, hai mươi quả trong tuần này rồi. Kiểu đáng sợ, kiểu vui vẻ, đủ loại.”

Cô nhìn anh với vẻ đánh giá. “Anh rõ là một người đàn ông đa tài.”

Anh biết cô đang trêu mình, nhưng anh thích thế. “Cảm ơn em.”

“Em nóng lòng muốn gặp mẹ anh quá.”

“Em sẽ quý bà thôi.”

“Bà là người thế nào?”

“Có thể nói rằng em không nên trông đợi một người phụ nữ mặc váy hoa và đeo ngọc trai. Hãy hình dung... quần jean, bốt, và một cọng rơm gài trên tóc ấy.”

Sophia cười. “Được rồi. Còn gì em nên biết không?”

“Mẹ anh có lẽ là một người tiên phong vĩ đại. Có việc gì phải làm là bà làm luôn, và bà cũng trông đợi ở anh điều tương tự. Bà là kiểu người không thích lằng nhằng. Và bà mạnh mẽ.”

“Em cũng nghĩ vậy. Cuộc sống ở đây không dễ dàng mà.”

“Ý anh là, bà thực sự rất mạnh mẽ ấy. Đau đớn gì cũng kệ, không bao giờ kêu ca, chẳng hề than vãn hay khóc lóc. Cách đây ba năm, bà bị gãy cổ tay do ngã khỏi lưng ngựa. Lúc ấy bà làm gì? Bà không nói gì, tiếp tục làm việc đến hết ngày, nấu bữa tối và sau đó tự lái xe đến bệnh viện. Anh không biết gì cho đến khi để ý thấy mớ bó bột sáng hôm sau.”

Sophia giẫm lên mấy sợi dây leo buống bình, cẩn thận để không làm tổn hại đến những quả bí ngô. “Nhắc em cách cư xử nhé.”

“Em sẽ ổn thôi. Bà sẽ quý em mà. Em và bà giống nhau nhiều hơn em tưởng đấy.”

Khi cô nhìn sang anh, anh tiếp tục. “Bà thông minh lắm,” anh nói. “Tin hay không thì tùy, nhưng bà từng là đại biểu học sinh đọc diễn văn tốt nghiệp trung học đấy, và bây giờ bà vẫn còn đọc sách, làm mọi việc sổ sách, và đứng đầu trong lĩnh vực kinh doanh. Bà khá cố chấp, nhưng bà đòi hỏi cao ở bản thân hơn ở người khác. Nếu như bà có điểm yếu, thì đó là bà dễ xiêu lòng trước những người đàn ông đội mũ cao bồi.”

Cô cười. “Em có thể không? Dễ xiêu lòng trước các anh cao bồi ấy?”

“Anh không biết. Phải thế không?”

Cô không trả lời. “Mẹ anh nghe tuyệt vời nhỉ.”

“Bà tuyệt vời mà,” anh nói. “Và biết đâu, nếu cao hứng có khi bà lại kể chuyện cho em nghe. Mẹ anh có nhiều chuyện lắm.”

“Chuyện gì?”

“Bất cứ gì. Thật đấy. Nhưng chúng luôn khiến anh suy nghĩ.”

“Kể em nghe một chuyện đi,” cô nói.

Anh dừng lại, rồi ngồi xổm xuống gần một quả bí ngô to tướng. “Được rồi,” anh nói trong khi lăn quả bí ngô từ bên này sang bên kia. “Sau khi anh chiến thắng ở giải Vô địch Cưỡi bò tốt Quốc gia dành cho khối Trung học...”

“Khoan đã,” cô xen ngang. “Trước khi anh nói tiếp... ở đây họ có giải cưỡi bò trung học sao?”

“Đâu cũng có mà. Sao thế?”

“Ở New Jersey thì không.”

“Dĩ nhiên là có. Thí sinh đến từ mọi bang. Em chỉ cần là học sinh trung học thôi.”

“Và anh đã thắng?”

“Ừ, nhưng đó không phải điểm chính,” anh nói, đứng

lên và lại cầm tay cô. “Anh muốn kể với em rằng sau khi anh thắng - lần *đầu tiên*, chứ không phải lần *thứ hai*,” anh trêu, “anh cứ liên thoảng về những mục tiêu và điều mình muốn làm, và tất nhiên, bố anh cũng hòa theo. Nhưng mẹ anh bắt đầu dọn bàn, và một lúc sau bà xen ngang giấc mơ vĩ đại của anh để kể cho anh một câu chuyện... và đến giờ anh vẫn nhớ mãi.”

“Bà kể gì?”

“Có một chàng trai trẻ sống trong một túp lều nhỏ bé, rách nát bên bờ biển và hằng ngày anh chèo thuyền ra khơi để đánh cá, không chỉ bởi anh cần phải ăn, mà còn vì anh cảm thấy yên bình khi trên biển. Nhưng hơn thế, anh cũng muốn cải thiện cuộc sống của anh và của cả gia đình, nên anh làm việc chăm chỉ để mang về những mẻ cá ngày càng to hơn. Với những gì kiếm được, cuối cùng anh cũng mua một chiếc thuyền lớn hơn để có thể thu lợi nhiều hơn nữa trong công việc. Kết quả là anh có chiếc thuyền thứ ba rồi đến chiếc thứ tư, và khi năm tháng trôi qua cùng với việc làm ăn càng thêm lớn mạnh, cuối cùng anh cũng tích lũy được cả một đội tàu thuyền. Lúc ấy, anh giàu có và thành đạt, có một ngôi nhà to và việc làm ăn thịnh vượng, nhưng sự căng thẳng và áp lực từ việc điều hành công ty dần dần bào mòn anh. Khi về hưu anh nhận ra rằng, điều anh khao khát hơn hết thảy là được sống trong căn lều nhỏ trên bờ biển, nơi anh có thể bắt cá cả ngày trên chiếc thuyền chèo... bởi anh muốn có lại cảm giác yên bình và toại nguyện mà anh đã trải nghiệm thời trai trẻ.”

Cô nghiêng đầu. “Mẹ anh là một người phụ nữ thông thái. Câu chuyện ấy có rất nhiều điều để rút ra.”

“Em nghĩ vậy sao?”

“Em nghĩ,” cô nói, “điểm chính là người ta hiếm khi

hiểu rằng chẳng có gì giống hoàn toàn như trong tưởng tượng của họ cả.”

Lúc ấy, họ đã đi đến lối vào mê cung. Luke dẫn cô qua, chỉ cho cô những lối mà sau một loạt chỗ rẽ sẽ thành ngõ cụt và những lối sẽ dẫn họ tiến xa hơn. Mê cung rộng khoảng nửa héc ta, nhờ đó nó vô cùng cuốn hút với bọn trẻ con.

Khi đến lối ra, họ tản bộ về phía những quả bí ngô đã được thu hoạch. Nhiều quả được xếp ra trước, vài quả được cho vào thùng, những quả còn lại túm tụm thành các đống nhỏ. Hàng trăm quả khác vẫn còn nằm ngoài ruộng đằng xa.

“Chúng đấy,” anh nói.

“Nhiều quá. Anh mất bao lâu để sắp xếp chỗ này?”

“Ba ngày. Nhưng bọn anh còn phải làm việc khác nữa.”

“Tất nhiên rồi.”

Cô chọn trong đống bí ngô, cuối cùng cũng được một quả vừa vừa rồi đưa nó cho Luke, đoạn họ quay lại xe, anh để nó lên sàn thùng xe.

Lúc anh quay lại, Sophia đang đứng trước mặt anh, mái tóc dày vàng óng của cô gần như ngả trắng bạc dưới ánh sao trời. Theo bản năng, anh với lấy một tay của cô rồi đến tay còn lại, lời nói thốt ra mà anh không ngăn kịp.

“Anh cảm thấy như anh muốn biết mọi điều về em,” anh thì thầm.

“Anh hiểu em hơn anh tưởng đấy,” cô nói. “Em đã kể anh nghe về gia đình và tuổi thơ của em, em đã kể anh nghe về trường đại học và những gì em muốn làm với cuộc đời mình. Cũng chẳng còn gì nhiều để biết nữa đâu.”

Nhưng vẫn còn. Còn rất nhiều điều, và anh muốn biết hết.

“Sao em lại ở đây?” anh thì thầm.

Cô không hiểu ý anh lắm. “Vì anh đưa em đến đây chẳng?”

“Ý anh là sao em lại đến với anh.”

“Vì em muốn ở đây.”

“Anh vui lắm,” anh nói.

“Vậy à? Tại sao?”

“Vì em thông minh. Và thú vị nữa.”

Cô ngẩng đầu lên, vẻ mời gọi. “Lần gần đây nhất anh nói em thú vị, cuối cùng anh đã hôn em.”

Anh không nói gì đáp lại. Thay vào đó, anh nghiêng tới trước, nhìn đôi mắt cô từ từ khép lại, khi đôi môi họ chạm nhau, anh thấy lòng dấy lên cảm giác vừa khám phá ra điều gì, như một nhà thám hiểm rốt cuộc cũng đến được những bờ biển xa xôi mà anh ta mới chỉ tưởng tượng hoặc nghe kể. Anh lại hôn cô, rồi lại hôn nữa, và khi môi họ rời nhau, trán anh tựa lên trán cô. Anh hít vào một hơi thật sâu, khó nhọc kiểm soát cảm xúc của mình, nhận ra rằng anh không chỉ yêu cô tại đây lúc này, mà anh sẽ không bao giờ hết yêu cô.



Ira

Lúc này là chiều Chủ nhật, đến khi trời tối là tôi đã ở đây được hơn hai mươi tư tiếng rồi. Con đau tiếp tục hết tăng rồi giảm, nhưng hai cẳng chân và bàn chân tôi đã tê cứng vì lạnh. Mặt tôi, tì trên vô lăng, bắt đầu nhúc; tôi có thể cảm thấy các vết bầm bắt đầu xuất hiện. Nhưng khổ nhất vẫn là con khát. Tôi thấy đau đớn khi nghĩ đến nước, cổ họng tôi như bị kim châm mỗi khi tôi thở. Môi tôi khô và nứt nẻ như một cánh đồng trong cơn hạn hán.

Nước, tôi lại nghĩ. Không có nước, tôi sẽ chết. Tôi cần nước và tôi có thể nghe thấy nó réo gọi mình.

Nước.

Nước.

Nước.

Suy nghĩ ấy không rời bỏ tôi, tôi không thể nghĩ được gì khác. Chưa bao giờ trong đời tôi thèm khát một thứ giản đơn như thế; chưa bao giờ trong đời tôi dành hàng giờ liền để nghĩ cách có được nó. Mà tôi đâu có cần nhiều. Chỉ một chút thôi. Ngay cả một nắp nước cũng đủ làm thay đổi thế giới. Một giọt nhỏ thôi cũng đủ.

Thế nhưng tôi vẫn bất động. Tôi không biết chai nước ở đâu, mà có tìm được thì tôi cũng không chắc là mình có thể mở nó. Tôi sợ nếu tháo dây an toàn, tôi sẽ đổ người về phía trước, không đủ sức ngăn xương đòn đập vào vô lăng. Tôi có thể gục xuống sàn xe, bị kẹt trong một tư thế không thể thoát ra. Nhắc đầu lên khỏi vô lăng tôi còn chẳng dám mơ, huống gì lực đồ trong xe.

Dù vậy, nhu cầu được uống nước vẫn cứ đeo bám tôi. Nó réo rất liên tục và dai dẳng, và cảm giác tuyệt vọng bắt đầu xuất hiện. Tôi sẽ chết khát, tôi thầm nghĩ. Tôi sắp chết tại đây, tôi đang chết. Và tôi không có cách nào di chuyển ra ghế sau. Đội cứu hộ sẽ không thể kéo tôi ra ngoài như một miếng cá được rồi.

“Ông có khiếu hài hước bệnh hoạn thế,” Ruth nói, cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi, và tôi nhắc bản thân rằng bà ấy chỉ là một giấc mơ.

“Tôi nghĩ tại hoàn cảnh đẩy đưa thôi, không phải sao?”

“Ông vẫn còn sống mà.”

“Phải, nhưng được bao lâu nữa đây?”

“Kỷ lục là sáu mươi tư ngày. Một người đàn ông ở Thụy Điển. Tôi xem trên kênh Thời tiết.”

“Không, là tôi xem trên kênh Thời tiết.”

Bà ấy nhún vai. “Thì cũng như nhau thôi, phải không?”

Bà ấy đúng, tôi nghĩ. “Tôi cần nước.”

“Không,” bà ấy nói. “Ngay lúc này, ta cần nói chuyện. Nói chuyện để giúp ông khỏi bám rịt lấy suy nghĩ đó.”

“Như chơi mẹo ấy nhỉ,” tôi nói.

“Tôi không phải mảnh hay mẹo gì cả,” bà ấy nói. “Tôi là vợ ông. Và tôi muốn ông nghe tôi.”

Tôi nghe lời. Nhìn bà ấy, tôi lại để mình trôi đi. Cuối cùng tôi nhắm mắt và cảm thấy mình như đang dạt về phía hạ lưu của một con sông. Hình ảnh cứ xuất hiện rồi lại biến mất, hết cái này đến cái khác trong lúc tôi được dòng nước đưa đi.

Trôi dạt.

Trôi dạt.

Và rồi, cuối cùng, nó tụ lại thành một thứ có thực.



Bên trong xe, tôi mở mắt rồi chớp chớp, nhận ra Ruth đã thay đổi so với hình ảnh lần trước tôi thấy. Nhưng ký ức lần này, khác với trước đây, rõ nét hơn hẳn tất cả. Bà ấy giống với hồi tháng Sáu năm 1946. Tôi chắc chắn, vì đó là lần đầu tiên tôi thấy bà ấy trong một bộ váy mùa hè bình thường. Cũng như tất cả mọi người sau chiến tranh, bà ấy thay đổi. Trang phục cũng thay đổi. Cũng trong năm đó, Louis Réard, một kỹ sư người Pháp, sẽ sáng tạo ra bikini, và khi quan sát Ruth, tôi thấy những đường cong đẹp đẽ ở hai bên bắp tay bà ấy. Làn da bà ấy có màu nâu của quả óc chó sau vài tuần đi biển cùng bố mẹ. Bố bà ấy đã đưa cả gia đình đến Outer Banks để ăn mừng việc ông chính thức được nhận vào Duke. Ông đã phỏng vấn ở vài nơi, kể cả ở một trường nghệ thuật thể nghiệm nhỏ trên núi, nhưng ông cảm thấy thân thuộc hơn cả với những tòa nhà theo kiểu gothic ở Duke. Ông sẽ đi dạy lại vào mùa thu đó, một tia sáng trong cái năm khó khăn với bao chuyện buồn.

Mọi thứ giữa Ruth và tôi đã thay đổi kể từ buổi tối trong công viên đó. Ruth không nói nhiều về điều tôi tiết lộ cho bà ấy, nhưng khi đưa bà ấy về nhà tôi đã không hôn tạm biệt bà ấy. Tôi biết bà ấy đang rối trí, sau này bà ấy

cũng thú nhận đã không còn là chính mình trong vài tuần kế tiếp. Lần gặp nhau sau đó, bà ấy không còn đeo nhẫn đính hôn nữa, nhưng tôi không trách bà ấy. Bà ấy bị sốc, nhưng đồng thời cũng tức giận, hợp lẽ thôi vì tôi đã không tin tưởng bà ấy để nói ra cái tin kia cho đến tận tối hôm đó. Nó hẳn phải là một cú sốc kinh khủng với bà ấy, nhất là khi bà ấy vừa mất người thân ở Vienna. Bởi thổ lộ tình yêu với ai đó là một chuyện còn chấp nhận việc yêu người đó đồng nghĩa với phải hy sinh những giấc mơ của mình là một chuyện rất khác. Và việc có con - hay có thể nói là xây dựng gia đình - đã mang một ý nghĩa hoàn toàn mới với bà ấy sau mất mát của gia đình.

Tôi hiểu được điều đó nhờ trực giác, và trong vài tháng tiếp theo đó, cả hai chúng tôi không ai hỏi thúc người kia cả. Chúng tôi không nói về chuyện ràng buộc, nhưng vẫn tiếp tục gặp nhau bình thường, hai hoặc ba lần một tuần. Có lúc tôi đưa bà ấy đi xem kịch hay mời bà ấy đi ăn tối, những lúc khác chúng tôi đi dạo vào khu trung tâm. Có một phòng tranh mà bà ấy đặc biệt thích, và chúng tôi ghé qua thường xuyên. Hầu hết các tác phẩm đều chẳng đáng nhớ cả về chủ đề lẫn cách thể hiện, nhưng đôi lúc, Ruth có thể thấy điều gì đó trong một bức tranh mà tôi không nhìn ra được. Cũng như bố mình, bà ấy hứng thú hơn cả với nghệ thuật đương đại, trào lưu được khởi xướng bởi những họa sĩ như Van Gogh, Cézanne, và Gauguin, và bà ấy nhanh chóng nhận ra ảnh hưởng của những họa sĩ này lên ngay cả những tác phẩm tầm thường mà chúng tôi xem qua.

Những buổi xem phòng tranh, cùng sự hiểu biết sâu sắc của bà ấy về nghệ thuật nói chung, đã mở ra một thế giới hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Nhưng đôi khi, tôi tự hỏi

liệu có phải những cuộc đàm đạo về nghệ thuật của chúng tôi đã trở thành một cách để né tránh những cuộc đối thoại về tương lai không. Những cuộc đàm đạo này đã tạo ra khoảng cách giữa hai chúng tôi, nhưng tôi vẫn sẵn lòng tiếp tục, ngay cả trong thời gian đó, tôi vẫn mong nhận được sự tha thứ cho quá khứ cùng sự chấp nhận cho một tương lai nào đó của cả hai, dù tương lai ấy có là gì đi nữa.

Tuy nhiên, Ruth không hề tỏ vẻ sắp đưa ra quyết định gì kể từ buổi tối định mệnh ấy trong công viên. Bà ấy không lạnh nhạt với tôi, nhưng cũng không thân mật hơn, và vì thế tôi đã rất ngạc nhiên khi bố mẹ bà ấy mời tôi cùng đi nghỉ ở bãi biển với họ.

Vài tuần đi dạo trên bờ biển trong yên tĩnh có lẽ chính là điều chúng tôi cần, nhưng thật không may, tôi không thể đi lâu như thế được. Vì bố tôi cứ dính chặt lấy chiếc đài ở gian nhà sau, tôi đã phải chường mặt ra đứng cửa hiệu, và khi đó nó đông khách hơn bao giờ hết. Những cựu binh đang tìm việc làm đến cửa hiệu mua những bộ comple họ gần như không trả nổi, với hy vọng sẽ tìm được việc. Nhưng các công ty tuyển người rất khát khe, và khi những người đàn ông tuyệt vọng này bước vào cửa hiệu, tôi nghĩ đến Joe Torrey và Bud Ramsey và tôi làm cho họ những gì mình có thể. Tôi thuyết phục bố nhập những bộ comple giá rẻ và bán ra với mức lãi thấp, còn mẹ sẽ sửa chúng miễn phí. Tiếng về những bộ đồ giá cả phải chăng của chúng tôi được đồn xa, và tháng nào doanh số của cửa hiệu cũng tăng dù là chúng tôi không mở cửa vào thứ Bảy nữa.

Dù sao thì tôi cũng đã thuyết phục được bố mẹ cho tôi mượn xe để đến thăm gia đình Ruth vào gần cuối kỳ nghỉ của họ, và đến sáng thứ Năm, tôi lên đường. Đó là một chặng đường dài, cả một tiếng cuối tôi phải lái xe trên

cát. Vài năm sau chiến tranh, Outer Banks mang một vẻ đẹp hoang sơ, chưa được khai phá. Gần như bị chia cắt với phần còn lại của bang, dân ở đây là những gia đình đã sống qua nhiều thế hệ và sống nhờ biển khơi. Cỏ rừng thưa mọc rải rác trên hoang mạc tạc thành từ gió, còn cây cối trông như những tác phẩm đất sét xoắn vặn của trẻ con. Tôi thấy lác đác những con ngựa hoang, thỉnh thoảng ngẩng đầu lên lúc tôi đi qua, đuôi phe phẩy đuổi ruồi. Một bên là biển cả gầm gào, một bên là hoang mạc tạc thành từ gió, tôi xoay cửa kính xuống, đón nhận lấy toàn bộ khung cảnh nơi đây và tự hỏi điều gì sẽ chờ mình khi đến nơi.

Lúc tôi rẽ vào con đường sỏi đầy cát, mặt trời đã gần lặn. Tôi ngạc nhiên khi thấy Ruth đứng chờ tôi ở trước hiên nhà, đi chân trần và mặc đúng chiếc váy bà ấy đang mặc lúc này. Ra khỏi xe, nhìn bà ấy, tôi chỉ có thể nghĩ trông bà ấy mới lộng lẫy làm sao. Mái tóc xõa ngang vai, nụ cười như chứa đựng một điều bí mật chỉ hai chúng tôi biết. Khi bà ấy vẫy tay, nhịp thở của tôi như nghẹn lại khi nhìn thấy tia sáng lấp lánh của viên kim cương bé xíu dưới ánh chiều tà - chiếc nhẫn đính hôn của tôi, sau bao tháng vắng bóng.

Tôi đứng lặng một lúc, nhưng bà ấy chạy xuống mấy bậc thang và băng qua bãi cát như thể thế giới này chẳng còn gì đáng bận tâm. Khi lao vào vòng tay tôi, bà ấy có mùi của muối và nước biển, và cả gió, một mùi hương mãi mãi gắn liền với bà ấy và dịp cuối tuần đó. Tôi kéo bà ấy vào lòng, tận hưởng cảm giác cơ thể bà ấy áp vào mình, thầm nghĩ suốt ba năm qua tôi đã nhớ cảm giác được ôm bà ấy biết bao.

“Em mừng vì anh đã đến,” bà ấy thì thầm vào tai tôi, và sau cái ôm ghì thật lâu và hạnh phúc, tôi hôn bà ấy trong

lúc sóng biển như đang gầm gào đồng thuận. Khi bà ấy đáp lại nụ hôn của tôi, ngay lập tức tôi biết bà ấy đã quyết định, và thế giới của tôi hoàn toàn thay đổi.

Đó không phải nụ hôn đầu tiên của chúng tôi, nhưng bởi nhiều lý do mà nó trở thành nụ hôn đáng nhớ nhất, có lẽ vì nó đến lúc tôi cần nhất, đánh dấu sự khởi đầu cho một trong hai giai đoạn không chỉ tuyệt vời mà còn tác động mạnh mẽ nhất đến cuộc đời tôi.



Trong xe, Ruth cười với tôi, trông bà ấy thật xinh đẹp và bình yên trong bộ váy mùa hè này. Chóp mũi bà ấy hơi ửng đỏ, mái tóc bông bênh và thơm nồng gió biển.

“Tôi thích hồi ức này,” bà ấy nói với tôi.

“Tôi cũng vậy,” tôi nói.

“Phải rồi, vì hồi đó tôi là một cô gái trẻ, tóc dày, không nếp nhăn, không chảy xệ.”

“Bà chẳng thay đổi chút nào cả.”

“*Unsinnt*⁽¹⁾,” bà ấy phẩy tay nói. “Tôi có thay đổi. Tôi già đi, và chẳng vui vẻ gì khi già đi cả. Những gì đã từng đơn giản lại trở nên khó khăn.”

“Nghe như tôi đang nói ấy,” tôi nhận xét, và bà ấy nhún vai, không bận tâm khi phát giác ra mình chỉ là hình ảnh tượng tượng của tôi. Thay vào đó, bà ấy quay trở lại ký ức về chuyến thăm của tôi.

“Tôi rất vui vì ông đã đến nghỉ cùng gia đình tôi.”

“Tôi tiếc vì chuyến thăm đó quá ngắn.”

Phải mất một lúc bà ấy mới trả lời. “Tôi nghĩ,” bà ấy nói, “thật tốt khi tôi có được vài tuần yên tĩnh một mình.

1. Tiếng Đức: vớ vẩn.

Bố mẹ tôi hình như cũng biết điều đó. Tôi chẳng có việc gì làm ngoài ngồi trên hiên nhà, đi bộ trên cát và nhấp rượu trong lúc mặt trời lặn. Tôi có nhiều thời gian để suy nghĩ. Về bản thân. Về chúng ta.”

“Thế nên bà mới nhào vào tôi khi tôi xuất hiện,” tôi trêu.

“Tôi không hề nhào vào ông,” bà ấy bức tức nói. “Trí nhớ của ông có vấn đề rồi. Tôi bước xuống cầu thang và ôm ông. Tôi được nuôi dạy để trở thành một quý cô. Tôi chỉ chào đón ông thôi. Sự thêm thắt này là sản phẩm từ trí tưởng tượng của ông.”

Có thể đúng. Mà cũng có thể không. Lâu như vậy, ai mà nhớ được? Nhưng cũng chẳng sao.

“Ông có nhớ sau đó mình làm gì không?” bà ấy hỏi.

Một phần trong tôi tự hỏi liệu có phải bà ấy đang thử mình không. “Tất nhiên rồi,” tôi trả lời. “Chúng ta vào trong nhà và tôi chào bố mẹ bà. Mẹ bà đang thái cà chua trong bếp, còn bố bà đang nướng cá ngừ ở hiên sau. Ông ấy kể với tôi là vừa mua nó lúc chiều từ một ngư dân đang neo ở bến tàu. Ông ấy rất tự hào về việc đó. Trông ông ấy đứng bên bếp nướng tối hôm đó có hơi khang khác... có vẻ thư thái.”

“Đó là một mùa hè thuận lợi với bố tôi,” Ruth đồng ý. “Lúc ấy, ông đã là quản lý nhà máy, nên cuộc sống không quá khó khăn với ông nữa, đó cũng là lần đầu tiên sau bao năm gia đình tôi có tiền để đi nghỉ. Trên hết, ông cảm thấy ngây ngất với suy nghĩ ông sẽ đi dạy trở lại.”

“Và lúc đó mẹ bà rất hạnh phúc.”

“Tinh thần hứng khởi của bố tôi là thứ dễ lây.” Ruth ngừng một lúc. “Và cũng như tôi... mẹ đã bắt đầu thấy thích nơi này. Greensboro sẽ không bao giờ là Vienna, nhưng bà đã học được tiếng và có vài người bạn. Bà cũng bắt đầu thấy trân trọng tình cảm nồng hậu và tính hào

phóng của con người nơi đây. Nói cách khác, tôi nghĩ bà đã bắt đầu coi Bắc Carolina là nhà mình.”

Ngoài xe, một cơn gió thổi bay những cục tuyết đóng trên các cành cây. Chúng không đập vào xe, nhưng như thế cũng đủ để nhắc tôi nhớ mình thực sự đang ở đâu. Nhưng không vấn đề gì cả, không phải lúc này.

“Bà có nhớ bầu trời quang đấng thế nào khi chúng ta ăn tối không?” tôi hỏi. “Có vô vàn sao trên trời.”

“Đó là bởi trời quá tối. Không có ánh sáng từ thành phố. Bố tôi cũng nhận thấy điều đó.”

“Tôi luôn yêu Outer Banks. Lẽ ra năm nào chúng ta cũng nên đến đó,” tôi nói.

“Tôi nghĩ nếu năm nào chúng ta cũng đi thì nó sẽ mất đi vẻ diệu kỳ,” bà ấy trả lời. “Vài năm đi một lần như mình là hoàn hảo rồi. Vì mỗi khi ta quay lại, nó lại cho ta cái cảm giác mới mẻ và hoang sơ ấy. Mà chúng ta còn đi vào lúc nào được chứ? Hè nào hai ta cũng đi du lịch. New York, Boston, Philadelphia, Chicago, cả California nữa. Rồi lúc nào ta cũng đi Black Mountain. Ta có cơ hội được ngắm nhìn đất nước này theo cách hầu hết mọi người không thể, còn gì tốt hơn thế chứ?”

Không gì cả, tôi thầm nghĩ, từ tận đáy lòng biết rằng bà ấy đúng. Nhà tôi chất đầy đồ lưu niệm từ những chuyến đi ấy. Nhưng thật lạ là ngoài vỏ sò chúng tôi tìm được vào buổi sáng hôm sau đó, tôi chẳng còn thứ gì để gợi nhớ đến nơi này nữa, ấy thế mà ký ức vẫn chưa bao giờ phai mờ.

“Tôi lúc nào cũng thích ăn tối cùng bố mẹ bà. Bố bà dường như chuyện gì cũng biết.”

“Đúng thế,” bà ấy nói. “Ông nội tôi là một nhà giáo, bác tôi cũng là nhà giáo. Chú bác của bố tôi cũng toàn nhà giáo. Bố tôi xuất thân từ một gia đình toàn học giả. Nhưng

bố tôi cũng thấy ông thú vị đấy - ông ấy hứng thú với công việc hoa tiêu thời chiến của ông, cho dù ông không thích nhắc đến chuyện đó. Tôi nghĩ điều đó khiến bố tôi càng thêm nể trọng ông hơn.”

“Nhưng mẹ bà thì cảm thấy khác.”

Ruth ngừng lại và tôi biết bà ấy đang cố chọn lựa từ ngữ cẩn thận. Bà ấy nghịch một lọn tóc bồng bênh, quan sát nó rồi mới nói tiếp. “Hồi ấy, mẹ vẫn còn lo lắng cho tôi. Bà chỉ biết là ông đã làm trái tim tôi tan nát vài tháng trước đó, và cho dù chúng ta đã quay lại với nhau, thì vẫn còn điều gì đó khiến tôi phiền muộn.”

Ruth đang nói về hậu quả của căn bệnh quai bị tôi mắc phải và tác động của nó tới tương lai của cả hai. Đó là điều mà phải vài năm sau đó bà ấy mới kể với mẹ mình, từ đó nỗi hoang mang của mẹ bà ấy đã chuyển thành nỗi buồn đau và khắc khoải trước thực tế rằng bà sẽ không được làm bà ngoại. Ruth chỉ nhẹ nhàng tiết lộ rằng chúng tôi không thể có con, cẩn thận để không đổ toàn bộ mọi chuyện lên tôi, mặc dù bà ấy hoàn toàn có thể dễ dàng làm điều đó. Một biểu hiện khác từ lòng tốt của bà ấy, điều tôi luôn trân trọng.

“Mẹ bà không nói chuyện mấy trong bữa tối, nhưng sau đó, tôi thấy nhẹ nhõm vì bà ấy đã cười với tôi.”

“Bà ấy đánh giá cao việc ông đề nghị rửa bát.”

“Thì ít nhất tôi cũng phải làm được vậy chứ. Tính đến nay đó là bữa tối ngon nhất mà tôi từng được ăn.”

“Rất ngon phải không?” Ruth nhớ lại. “Trước đó, mẹ đã tìm thấy một quầy bán rau tươi ven đường, và bà còn nướng bánh nữa. Còn bố tôi thì hóa ra có sở trường làm đồ nướng.”

“Rửa bát xong, mình đã đi dạo nhỉ.”

“Phải,” bà ấy nói. “Ông đã rất bạo dạn tối hôm đó.”

“Tôi đâu có làm gì bạo dạn. Tôi chỉ hỏi xin một chai rượu và hai cái ly thôi mà.”

“Ừ, nhưng với ông đó là chuyện lạ. Mẹ tôi chưa bao giờ thấy con người đó của ông. Điều đó làm bà thấy lo lắng.”

“Nhưng mình đều là người lớn cả rồi.”

“Vấn đề là ở đó. Ông là đàn ông và mẹ biết đàn ông có ham muốn.”

“Còn phụ nữ thì không có à?”

“Có, tất nhiên. Nhưng không như đàn ông, phụ nữ không bị ham muốn điều khiển. Phụ nữ vẫn minh mẫn.”

“Mẹ bà bảo thế à?” tôi nói giọng hoài nghi.

“Tôi không cần mẹ bảo. Tôi thấy rõ điều ông muốn. Ánh mắt ông đầy dục vọng.”

“Nếu tôi nhớ không lầm,” tôi nói cùng một thái độ quả quyết. “Tối đó tôi là một quý ông hoàn hảo.”

“Ừ, nhưng nhìn ông cố kiểm soát những ham muốn của bản thân, tôi thấy thú vị. Nhất là khi ông trải áo khoác ra và chúng ta ngồi trên bãi cát uống rượu. Biển cả như thấm đẫm ánh trăng và tôi có thể cảm thấy ông muốn tôi, ngay cả khi ông cố không để lộ điều đó. Ông vòng tay qua người tôi và chúng ta trò chuyện, và hôn nhau, rồi lại nói chuyện tiếp, và tôi bắt đầu chệnh choáng...”

“Và tối đó thật hoàn hảo,” rốt cuộc tôi cũng ướm lời.

“Ừ,” bà ấy đồng ý. “Tối đó thật hoàn hảo.” Bà ấy lộ vẻ hoài niệm và có chút buồn. “Tôi biết tôi muốn cưới ông và tôi biết chắc chắn rằng chúng ta sẽ mãi hạnh phúc bên nhau.”

Tôi ngừng lại, nhận ra điều bà ấy vẫn luôn canh cánh trong lòng, cho đến tận giờ phút này. “Bà vẫn hy vọng rằng bác sĩ có thể sai.”

“Tôi nghĩ mình đã nói rằng bất cứ điều gì xảy ra cũng đều do Chúa sắp đặt.”

“Như nhau cả thôi, phải không?”

“Có thể,” bà ấy trả lời, rồi lắc đầu. “Điều tôi biết là khi ngồi cạnh ông tối hôm đó, tôi cảm thấy như Chúa đang bảo tôi rằng tôi đang làm điều đúng đắn.”

“Rồi mình thấy một ngôi sao băng.”

“Nó cắt ngang bầu trời,” bà ấy nói. Đến tận lúc này, giọng bà ấy vẫn đầy vẻ ngạc nhiên. “Đó là lần đầu tiên tôi nhìn thấy một ngôi sao như vậy.”

“Tôi đã bảo bà ước một điều,” tôi nói.

“Tôi đã ước,” bà ấy nói, ánh mắt bà ấy chạm ánh mắt tôi. “Và điều ước ấy trở thành sự thật chỉ vài giờ sau đó.”



Mặc dù Ruth và tôi trở về nhà khi trời đã muộn, mẹ Ruth vẫn thức. Bà đang ngồi đọc sách gần cửa sổ, và ngay khi chúng tôi đi qua cửa, tôi thấy mắt bà quét qua chúng tôi, dò xét xem áo ai có lòi ra khỏi quần hay cài cúc lệch không, xem trong tóc có vương cát không. Bà tỏ vẻ nhẹ nhõm thấy rõ lúc đứng lên đón chúng tôi, tuy là bà đã cố gắng hết sức để giấu đi.

Bà nói chuyện với Ruth khi tôi quay lại xe để lấy vali. Giống nhiều ngôi nhà nằm trên đường bờ biển này, nhà này có hai tầng. Phòng của Ruth và bố mẹ ở tầng dưới, còn căn phòng mẹ Ruth chỉ cho tôi nằm ở ngay cạnh nhà bếp ở tầng chính. Ba chúng tôi dành vài phút đi tham quan nhà bếp, rồi Ruth bắt đầu ngáp. Mẹ bà ấy cũng ngáp theo, đánh dấu hồi kết của buổi tối. Ruth không hôn tôi trước mặt mẹ mình - đó là điều ở thời điểm ấy chúng tôi chưa làm - và sau khi Ruth đi khỏi, mẹ bà ấy cũng đi theo.

Tôi tắt đèn rồi rút ra hiên sau, mặt biển nhuộm ánh trắng và gió thổi qua mái tóc xoa dịu tôi. Tôi ngồi ngoài đó một lúc lâu trong khi trời trở lạnh, vẫn vợ suy nghĩ về Ruth và tôi, về Joe Torrey, về bố mẹ.

Tôi cố hình dung bố mẹ tôi trong khung cảnh như thế này, nhưng không thể. Chưa một lần nào chúng tôi có một chuyến đi nghỉ - cửa hiệu lúc nào cũng chôn chân chúng tôi tại chỗ - nhưng dù có thể đi nữa, kỳ nghỉ ấy cũng sẽ chẳng thể được như thế này. Tưởng tượng bố mình đang làm đồ nướng cùng một ly rượu trên tay chẳng khác nào tưởng tượng ông đứng trên đỉnh Everest, và suy nghĩ đó khiến tôi thấy buồn. Tôi nhận ra rằng bố tôi không biết nghỉ ngơi; dường như ông khiến cuộc sống của mình luôn bận rộn bởi công việc và lo toan. Bố mẹ Ruth thì ngược lại, có vẻ như họ tận hưởng từng giây phút một. Tôi ngạc nhiên bởi sự khác biệt trong cách Ruth và bố mẹ bà ấy phản ứng với chiến tranh. Trong khi bố mẹ tôi dường như lui dần về quá khứ - mặc dù là theo những cách khác nhau - thì bố mẹ bà ấy lại nắm lấy tương lai, như thể nắm lấy cơ hội trong cuộc đời vậy. Họ chọn cách tận dụng triệt để vận may của mình và không bao giờ thôi biết ơn những gì họ có.

Căn nhà thật yên ắng khi tôi bước vào. Bị thúc giục bởi suy nghĩ về Ruth, tôi đi rón rén xuống cầu thang. Mỗi bên sảnh là một phòng, nhưng vì cả hai cánh cửa đều đóng nên tôi không biết phòng nào của Ruth. Tôi đứng đợi, nhìn hết cái này đến cái kia, rồi cuối cùng quay trở lại lối cũ.

Ở trong phòng, tôi cởi quần áo rồi leo lên giường. Ánh trăng rọi xuyên qua cửa sổ, nhuộm bạc căn phòng. Tôi có thể nghe thấy tiếng sóng biển cuộn trào, êm dịu

trong chính sự đơn điệu của nó, và sau vài phút, tôi chìm vào giấc ngủ.

Một lúc sau, tôi nghe thấy tiếng cửa mở, mặc dù lúc đầu tôi nghĩ rằng mình đang mơ. Tôi thường ngủ không sâu - đặc biệt là sau chiến tranh - và dù lúc đầu chỉ nhìn thấy bóng người, tôi biết đó là Ruth. Chénh choáng, tôi vừa ngồi dậy trên giường thì bà ấy bước vào phòng, nhẹ nhàng đóng cửa lại sau lưng. Bà ấy đang mặc áo choàng, và khi đến bên giường, bà ấy tháo nút thắt bằng một động tác uyển chuyển và chiếc áo choàng trượt xuống sàn.

Khoảnh khắc sau đó, bà ấy đã ở trên giường. Khi bà ấy trườn về phía tôi, làn da bà ấy như xẹt ra tia lửa điện. Môi chúng tôi chạm nhau và tôi thấy lưỡi bà ấy chạm vào lưỡi tôi trong lúc tay tôi luồn qua mái tóc và vuốt xuống lưng bà ấy. Chúng tôi biết rõ mình không nên gây tiếng động, sự tĩnh lặng khiến cho chuyện càng thêm kích thích, và tôi xoay Ruth nằm xuống. Tôi hôn lên má rồi đặt những nụ hôn nồng nhiệt hết ngang rồi dọc trên cổ Ruth rồi lại trở lại đôi môi ấy, chìm đắm trong vẻ đẹp của bà ấy và khoảnh khắc này.

Chúng tôi làm tình, rồi một tiếng sau đó lại thêm lần nữa. Trong quãng nghỉ giữa hai lần ấy, tôi nằm ôm lấy bà ấy từ phía sau, thì thầm vào tai bà ấy rằng tôi yêu bà ấy nhiều thế nào, rằng sẽ không bao giờ yêu một ai khác. Trong suốt thời gian ấy, Ruth nói rất ít, nhưng qua ánh mắt và những cái vuốt ve của bà ấy tôi cảm nhận được âm hưởng của những lời mình nói. Trước bình minh, bà ấy dịu dàng hôn tôi và lại tròng lên chiếc áo choàng. Khi mở cửa, bà ấy quay lại phía tôi.

“Em cũng yêu anh, Ira,” bà ấy thì thầm. Dứt lời, bà ấy về phòng.

Tôi nằm thao thức trên giường đến khi trời hửng sáng, sống lại những giờ phút chúng tôi vừa bên nhau. Tôi tự hỏi liệu Ruth đang ngủ hay bà ấy cũng đang nằm thức. Tôi tự hỏi liệu bà ấy có đang nghĩ đến tôi. Qua cửa sổ, tôi ngắm nhìn mặt trời mọc như được kéo lên từ dưới biển, và suốt cuộc đời mình, tôi chưa từng chứng kiến cảnh bình minh nào kỳ vĩ đến vậy. Tôi không ra khỏi phòng khi nghe thấy tiếng người rì rầm trong bếp, bố mẹ bà ấy cố gắng không đánh thức tôi. Cuối cùng, tôi nghe thấy tiếng Ruth vào bếp, và tôi vẫn đợi một chút rồi mới mặc quần áo và mở cửa ra.

Mẹ Ruth đang đứng bên quầy bếp, rót một cốc cà phê, trong khi Ruth và bố bà ấy ngồi bên bàn. Mẹ Ruth quay sang tôi mỉm cười.

“Ngủ ngon chứ?”

Tôi cố hết sức không nhìn Ruth, nhưng từ khóe mắt, tôi nghĩ mình đã thấy một nụ cười khẽ thoáng qua trên môi bà ấy.

“Như một giấc mơ à,” tôi trả lời.



Luke

Khán đài tại nhà thi đấu ở Knoxville đã chật kín, lần gần nhất Luke cuối bò ở đây là sáu năm trước. Luke đang ở trong khoang chuồng, anh cảm thấy một dòng adrenaline quen thuộc cuộn cuộn dâng lên, cả thế giới bỗng nhiên bị nén chặt lại. Anh chỉ có thể nghe được loáng thoáng phát thanh viên kể lại những thăng trầm trong sự nghiệp của anh, ngay cả khi đám đông đã im lặng.

Luke chưa sẵn sàng. Trước đó tay anh đã rất run, anh có thể thấy nỗi sợ hãi sôi sục, khó mà tập trung nổi. Bên dưới anh, con bò tên Hồng Tâm đang quấy đạp và lồng lộn, buộc anh phải tập trung vào chuyện trước mắt. Sợi dây thừng bên dưới con bò được những cao bồi khác kéo căng, và Luke chỉnh lại sợi dây đai. Đó là sợi dây đai tự sát anh sử dụng từ khi bắt đầu thi đấu cuối bò, cũng là sợi đai anh dùng khi cưỡi trên con Quái Thú Cục Súc. Ngay khi anh vừa chỉnh xong sợi dây đai, con Hồng Tâm tì chân mình vào các chấn song, ép mạnh thân người. Những cậu cao bồi giữ chặt dây thừng đẩy con bò. Hồng Tâm đổi tư thế và Luke nhanh chóng cài chân vào vị trí. Anh lấy thăng bằng, và khi đã sẵn sàng, anh chỉ nói, “Đi nào.”

Cửa khoang mở toang và con bò lao vọt ra trước bằng

một cú nhảy dữ tợn, đầu nó chúc xuống dưới, hai chân sau hất lên trời. Luke cố gắng giữ thế cân bằng, tay anh giơ lên khi Hồng Tâm bắt đầu xoay vòng sang trái. Luke cũng xoay theo, lường trước chuyển động của nó, rồi con bò nhổng lên một lần nữa rồi đột ngột chuyển hướng. Luke không đoán được cú chuyển hướng đó nên bị trượt khỏi vị trí giữa, mất thăng bằng một chút, nhưng anh vẫn ngồi trên lưng bò. Hai cẳng tay anh căng ra khi anh cố giữ thăng bằng, ra sức bám trụ. Hồng Tâm nhổng lên thêm một lần nữa và lại bắt đầu xoay vòng thì chuông tín hiệu vang lên. Luke vội lấy sợi dây đai, tháo nó ra và ngay lập tức nhảy khỏi con bò. Anh đáp đất bằng cả tay lẫn chân và nhanh chóng đứng lên, đi thẳng ra hàng rào sân đấu mà không ngoảnh lại. Khi anh lên đến hàng ghế trên cùng, Hồng Tâm đã ra khỏi sân đấu. Luke ngồi một chỗ gần lan can, đợi kết quả trong lúc adrenaline chậm chậm rút khỏi cơ thể anh. Đám đông hò hào khi người ta thông báo anh ghi được 81 điểm - chưa đủ để nằm trong số bốn người giỏi nhất - nhưng cũng đủ để giữ anh trong cuộc đua.

Ngay cả khi đã trở lại trạng thái bình thường, anh vẫn mất vài phút hoài nghi không biết liệu mình có thể cưỡi bò được nữa hay không, nỗi sợ hãi ồ ạt trở lại. Con bò tiếp theo cảm nhận được sự căng thẳng của anh, và trong vòng hai, anh bị hất văng khi mới chỉ cưỡi được phân nửa thời gian. Khoảnh khắc ở trên không, anh cảm thấy con hoảng loạn dâng lên. Anh tiếp đất bằng một bên đầu gối và cảm thấy có gì đó bị vặn mạnh trước khi đổ gục sang bên. Anh hoa mắt trong tích tắc, nhưng đến lúc đó anh đã hoàn toàn phản ứng theo bản năng và một lần nữa thoát nạn mà không hề hấn gì.

Số điểm đầu tiên chỉ vừa đủ để giữ anh trong nhóm

mười lăm người giỏi nhất, và trong vòng quyết định ngôi quán quân, vòng chung kết, anh lại cười một lần nữa, và kết thúc ở vị trí thứ chín.

Sau trận đấu, anh không ở lại chờ. Sau khi nhắn tin cho mẹ, anh nổ máy và lái chiếc xe tải ra khỏi bãi đỗ, trở về trang trại vào khoảng hơn bốn giờ sáng. Nhìn thấy đèn đang sáng trong nhà chính, anh đoán mẹ hoặc đã dậy sớm hoặc, khả năng cao, là vẫn chưa đi ngủ.

Sau khi tắt máy, anh nhắn tin cho bà một lần nữa, không hề mong bà sẽ trả lời.

Như mọi khi, anh không nhận được một lời hồi âm.



Sáng hôm sau, qua hai tiếng ngủ chập chờn, Luke cả nhắc bước vào ngôi nhà trang trại đúng lúc mẹ anh vừa nấu nướng xong. Trứng lòng đào, xúc xích dầy và bánh kếp, một mùi thơm nức phủ kín cả gian bếp.

“Chào mẹ,” anh nói, với lấy một chiếc cốc. Anh cố hết sức giấu dáng đi khập khiễng của mình khi tiến đến bình cà phê, thầm nghĩ mình sẽ cần nhiều hơn một hai cốc cà phê để nuốt trôi chỗ thuốc giảm đau đang cầm trên tay.

Mẹ anh quan sát anh rót cà phê. “Con bị thương,” bà nói, giọng không giận dữ như anh tưởng. Có vẻ quan tâm nhiều hơn.

“Không nặng lắm đâu ạ,” anh nói, tựa người vào kệ bếp, cố không nhăn mặt. “Đầu gối con hơi sưng trên đường về nhà, thế thôi. Chỉ cần thả lỏng nó một chút.”

Bà mím môi, rõ là đang tự hỏi liệu có nên tin anh hay không, rồi bà cũng gật đầu. “Được rồi,” bà nói, và sau khi chuyển chiếc chảo rán sang bên bếp nguội, bà ôm lấy anh, cái ôm đầu tiên sau mấy tuần qua. Cái ôm lần này lâu hơn

thường lệ, như thể bà đang cố bù đắp cho khoảng thời gian đã qua. Khi bà buông anh ra, anh để ý thấy cái bóng dưới mắt bà và anh biết bà cũng ngủ ít không khác gì anh. Bà vỗ vỗ ngực anh. “Con cứ ra ngồi đi,” bà nói. “Mẹ mang bữa sáng ra cho.”

Anh đi chậm, cố không làm đổ cốc cà phê. Anh vừa duỗi thẳng chân dưới bàn để cho thoải mái hơn, mẹ anh đã đặt đĩa xuống trước mặt anh. Bà để bình cà phê lên bàn, rồi ngồi xuống cạnh anh. Thức ăn trên đĩa của bà chỉ bằng một nửa chỗ trên đĩa của anh.

“Biết con sẽ dậy muộn nên sáng nay mẹ đã cho bọn thú ăn cũng như kiểm tra lũ gia súc rồi.”

Anh chẳng ngạc nhiên khi bà không thừa nhận rằng mình đã thức đợi anh, và bà cũng chẳng phàn nàn về việc đó.

“Cảm ơn mẹ,” anh nói. “Hôm qua có bao nhiêu người đến ạ?”

“Chắc khoảng hai trăm người, nhưng buổi chiều trời mưa một lúc nên có lẽ hôm nay sẽ nhiều người đến hơn đấy.”

“Con có cần bổ sung đồ gì không?”

Bà gật đầu. “José đã phụ một chút trước khi về nhà, nhưng có lẽ mình cần thêm bí ngô đấy.”

Anh im lặng ăn thêm vài miếng. “Con bị hắt khỏi lưng bò,” anh nói. “Vì thế nên mới bị đau đầu gối. Con tiếp đất sai cách.”

Bà gõ nĩa lên đĩa của mình. “Mẹ biết,” bà nói.

“Sao mẹ biết được?”

“Liz, con bé ở văn phòng nhà thi đấu gọi cho mẹ,” bà nói. “Con bé kể lại phần thi của con cho mẹ. Con bé và mẹ quen biết nhau lâu rồi, con nhớ chứ?”

Anh đã không nghĩ đến điều đó, và thoát tiên, anh

không biết phải nói gì. Thay vào đó, anh xiên một miếng xúc xích và nhai, mong được chuyển đề tài.

“Trước khi đi, con có nói là hôm nay Sophia sẽ đến phải không?”

“Đến ăn tối,” bà nói. “Mẹ đang nghĩ sẽ làm bánh việt quất tráng miệng.”

“Mẹ không cần phải làm thế đâu.”

“Mẹ làm xong rồi,” bà nói, trở chiếc nĩa về phía kệ bếp. Trong góc, phía dưới tủ bếp, anh thấy đĩa bánh bằng gốm yêu thích của bà, những vệt nước việt quất đã khô bám xung quanh.

“Mẹ làm từ bao giờ thế?”

“Tối qua,” bà nói. “Mẹ có chút thời gian sau khi xong việc với khách hàng. Con có muốn mẹ làm thêm món hầm không?”

“Không, thế được rồi ạ,” anh nói. “Con đang nghĩ mình sẽ nướng vài miếng bít tết.”

“Vậy thì làm khoai tây nghiền,” bà nói thêm, chưa gì đã rào trước. “Và đậu nữa. Mẹ cũng sẽ làm xa lát.”

“Mẹ không phải làm hết mấy món đó đâu.”

“Tất nhiên là phải chứ. Con bé là khách mà. Hơn nữa, mẹ đã thử ăn món khoai tây nghiền của con rồi, nếu con muốn con bé còn quay lại thì tốt nhất là để mẹ làm.”

Anh cười toe toét. Phải đến lúc ấy anh mới nhận ra, không chỉ nướng bánh, bà đã dọn dẹp quanh căn bếp. Mà có lẽ cả ngôi nhà nữa.

“Cảm ơn mẹ,” anh nói. “Nhưng mẹ đừng khó tính với cô ấy quá.”

“Mẹ có khó tính với ai đâu. Và lúc nói chuyện với mẹ thì ngồi thẳng lưng lên.”

Anh cười. “Coi như mẹ tha thứ cho con rồi nhé.”

“Không hề,” bà nói. “Mẹ vẫn giận vì con thi đấu ở mấy sự kiện đó, nhưng giờ thì mẹ còn làm gì được. Và lại, mùa giải cũng kết thúc rồi. Mẹ nghĩ trước tháng Giêng con sẽ vỡ lẽ ra thôi. Có thể đôi khi con hành động ngu ngốc, nhưng mẹ thích nghĩ nuôi dạy con thành ra như thế còn tốt hơn là lúc nào con cũng hành động ngu ngốc.”

Anh không nói gì, không muốn lại bắt đầu cãi nhau. “Mẹ sẽ thích Sophia đấy,” anh đổi chủ đề.

“Mẹ cũng nghĩ như thế. Vì con bé là người đầu tiên con mời về nhà.”

“Angie cũng từng đến nhà mình mà.”

“Giờ con bé cưới người khác rồi. Với lại lúc ấy con chỉ là một đứa trẻ. Không tính.”

“Lúc ấy con không phải một đứa trẻ. Con đã học năm cuối trung học rồi.”

“Như nhau thôi.”

Anh cắt một lát bánh kếp và di di trong chỗ xi rô. “Dù con cho rằng mẹ sai, con vẫn vui vì ta nói chuyện lại.”

Bà xiên một miếng trứng. “Mẹ cũng thế.”



Với Luke, phần còn lại của ngày hôm ấy diễn ra rất khác. Thông thường anh sẽ bắt đầu làm việc ngay sau bữa sáng, cố gắng hết sức để hoàn thành những việc cần làm trong danh sách và lúc nào cũng theo thứ tự ưu tiên. Vài việc phải được giải quyết ngay - như chuẩn bị sẵn sàng bí ngô trước khi khách hàng đổ xô đến hay kiểm tra những con vật bị thương.

Thời gian trôi qua thật nhanh, như một quy luật. Anh chuyển từ việc này sang việc kế, và giờ ăn trưa sẽ đến mà anh chẳng kịp nhận ra. Buổi chiều cũng vậy. Gần như ngày nào, anh cũng đi bộ trở về ngôi nhà trang trại đúng lúc bữa tối

chuẩn bị được dọn lên, tự hỏi vì sao thời gian lại bỏ xa anh, và thấy mệt mỏi khi vẫn còn một việc nào đấy chưa hoàn thành.

Hôm nay lại hứa hẹn không có khác biệt gì, và đúng như mẹ anh đã dự đoán, hôm nay còn bận rộn hơn cả ngày thứ Bảy. Ô tô, xe tải và xe du lịch nhỏ xếp hàng cả hai bên đường vào, gần như lấn cả ra đường lớn, và trẻ con ở khắp nơi. Bất chấp cơn đau âm ỉ ở đầu gối, anh vẫn chuyển bí ngô, giúp các phụ huynh tìm con của họ trong mê cung, và bơm hàng trăm quả bóng với khí heli. Bóng bay, cũng như xúc xích, khoai tây chiên và xô đá, để ở bàn do mẹ anh trông, là những món mới xuất hiện năm nay. Nhưng khi chuyển giữa nhiệm vụ này sang nhiệm vụ khác, anh lại thấy mình nghĩ về Sophia. Đôi lúc anh lại kiểm tra đồng hồ, chắc hẳn hàng giờ đã trôi qua, để rồi nhận ra mới chỉ được khoảng hai mươi phút.

Anh muốn gặp lại cô. Anh đã nói chuyện với cô qua điện thoại vào thứ Sáu và thứ Bảy, và mỗi lần gọi, anh đều thấy hồi hộp trước khi cô bắt máy. Anh biết tình cảm mình dành cho cô; vấn đề là anh không biết liệu cô có cảm thấy tương tự không. Trước khi bấm số, chẳng khó khăn gì anh cũng tưởng tượng được cảnh cô trả lời anh với thái độ chẳng mặn cũng chẳng nhạt. Sau khi cúp máy, anh sẽ tua lại cuộc nói chuyện, và dù cô đã rất vui vẻ và liến thoắng, anh vẫn cảm thấy phiền muộn với những ngò vọc về cảm xúc thật của cô.

Đó là trải nghiệm lạ lùng nhất mà anh từng có. Anh không phải một chàng trai tuổi teen lông bông, thích đeo bám. Anh chưa bao giờ như vậy, và lần đầu tiên trong đời, anh không rõ mình phải làm gì. Anh chỉ biết chắc một điều là anh muốn được ở bên cô, mà buổi tối thì cứ rề rề mãi chẳng đến.



Sophia

“Cậu biết thế nghĩa là gì đúng không? Ăn tối với mẹ anh ấy?” Marcia nói. Vừa nói, cô vừa nhăm nháp hộp nho khô, và Sophia biết nó chính là bữa sáng, trưa, tối tổng hợp của Marcia ngày hôm nay. Marcia, cũng như nhiều cô gái khác trong nhà chung, hoặc là để dành calo cho những ly cocktail sau đó, hoặc là hăm ăn để bù cho lượng calo còn thừa từ chỗ cocktail đêm trước.

Sophia đang cặp lại tóc, chuẩn bị đi.

“Mình nghĩ thế nghĩa là bọn mình sẽ ăn tối.”

“Cậu lại đang đánh trống lảng đấy,” Marcia nhắc. “Cậu còn chưa kể mình nghe hai người bọn cậu đã làm gì tối thứ Năm.”

“Mình bảo là bọn mình đã đổi ý và đi ăn đồ Nhật rồi mà. Và sau đó bọn mình lái xe đến trang trại.”

“Chà,” cô nói. “Mình gần như có thể tưởng tượng từng chi tiết một của buổi tối hôm đó đấy.”

“Cậu muốn mình nói gì chứ?” Sophia bực bội nói.

“Mình muốn chi tiết. Cụ thể. Và vì cậu rõ ràng đang cố không nói mình biết, mình sẽ cứ cho rằng hai người bọn cậu đã làm chuyện rất là nóng bỏng.”

Sophia đã cặp tóc xong. “Không phải. Mà mình tự

hỏi tại sao cậu lại hứng thú với...”

“Ồi dào, mình cũng chả biết. Có lẽ vì cậu cứ lượn qua lượn lại trong phòng chẳng? Hay vì tối thứ Sáu bọn mình đi dự tiệc, cậu không hoảng loạn ngay cả khi thấy Brian? Và trong suốt trận đấu, chàng cao bồi của cậu cứ gọi là cậu lại lánh đi để nói chuyện với anh ấy cho dù đội mình đang sắp ghi bàn. Nếu cậu hỏi mình, thì mình thấy chuyện đang trở nên nghiêm túc đấy.”

“Bọn mình mới gặp nhau tuần trước. Chưa nghiêm túc đâu.”

Marcia lắc đầu. “Không, mình chả tin. Mình nghĩ cậu thích anh chàng này nhiều hơn cậu nói. Nhưng mình cũng phải cảnh báo cậu luôn, đó có thể không phải một ý hay đâu.”

Thấy Sophia quay mặt về phía mình, Marcia đốc nốt chỗ nho khô ra lòng bàn tay và vò cái vỏ hộp. Cô ném nó về phía thùng rác nhưng vẫn trượt, như bao lần. “Cậu mới kết thúc một mối quan hệ. Cậu đang gượng dậy. Và mối quan hệ xảy ra lúc cậu đang gượng dậy như vậy không khả quan đâu,” cô nói chắc nịch.

“Không phải mình đang gượng dậy. Mình chia tay Brian lâu rồi.”

“Chuyện có lâu mấy đâu. Mà mình cũng nhắc cho cậu biết, anh ta chưa quên được cậu. Ngay cả sau những gì xảy ra cuối tuần trước, anh ta vẫn muốn cậu quay lại.”

“Thì sao?”

“Mình đang cố nhắc cho cậu nhớ rằng Luke là người đầu tiên cậu đi chơi cùng kể từ lúc đó. Nghĩa là cậu vẫn chưa có thời gian để rút ra điều cậu thực sự muốn từ một chàng trai. Cậu vẫn đang mất cân bằng. Cậu có nhớ cuối tuần trước cậu hành xử thế nào không? Cậu hoảng hốt khi Brian xuất hiện. Và giờ thì cậu tìm thấy một người mới

trong lúc vẫn còn đang ở giai đoạn dễ xúc động này. Đang gương dậy nghĩa là như vậy, và những mối quan hệ kiểu thế này không thành công vì cậu không ở trạng thái minh mẫn. Luke không phải Brian. Mình hiểu. Mình chỉ muốn nói rằng, trong vài tháng tới, có thể cậu sẽ muốn một điều gì đó hơn là *Anh ấy không phải Brian*. Và lúc ấy, nếu không cẩn thận, thì cậu sẽ bị tổn thương. Hoặc anh ấy bị tổn thương.”

“Mình chỉ đến ăn tối thôi mà,” Sophia cự. “Chuyện đâu có to tát thế.”

Marcia tổng nốt chỗ nho khô vào miệng. “Cậu đã nói thế thì thôi.”



Đôi khi, Sophia thấy ghét bạn cùng phòng của mình. Như lúc này, khi cô đang lái xe đến trang trại. Ba ngày qua tâm trạng cô rất vui vẻ, cô còn thích thú với buổi tiệc và trận bóng tối thứ Sáu. Sáng nay, cô còn hoàn thành cả đồng bài luận cho lớp Nghệ thuật Phục hưng của mình, mặc dù thứ Ba tới mới là hạn nộp. Nói chung đây là một dịp cuối tuần tuyệt vời, để rồi, đúng lúc cô đang chuẩn bị khép lại nó một cách ngon nghề, thì Marcia lại mở miệng và nhồi nhét những suy nghĩ điên rồ này vào đầu cô. Bởi cô chắc chắn một điều là mình *hoàn toàn không phải* đang trong giai đoạn gương dậy.

Phải không?

Vấn đề là, cô không chỉ kết thúc với Brian, mà cô thấy vui vì điều đó. Từ mùa xuân năm ngoái, mối quan hệ đã khiến cô cảm thấy mình như Jacob Marley, bóng ma trong *Khúc hát Giáng sinh*, phải mang theo những xiềng xích do chính ông ta đã tạo ra khi còn sống. Sau khi bị Brian lừa dối lần thứ hai, mặc dù cô chưa kết thúc mọi chuyện ngay lúc đó, nhưng một phần trong cô đã nguội lạnh. Lúc ấy cô vẫn

còn yêu anh ta, chỉ là không theo một cách mù quáng, ngây thơ và mê đắm nữa. Một phần trong cô đã biết rằng anh ta sẽ không thay đổi, qua một mùa hè, cảm giác ấy ngày một mạnh hơn, và hóa ra linh tính của cô đã đúng. Lúc chia tay, cô thấy chuyện như thế đã kết thúc từ rất lâu rồi.

Phải, cô công nhận sau đó, cô đã rất buồn. Ai mà không chứ? Họ đã hẹn hò suốt gần hai năm; cô không buồn mới là lạ. Nhưng cô còn bức nhiều hơn buồn vì những việc khác anh ta làm: những cuộc điện thoại, những tin nhắn, việc anh ta cứ đi theo cô quanh học xá. Sao Marcia không hiểu điều đó?

Hài lòng khi đã rạch ròi mọi chuyện, Sophia cảm thấy khá hơn khi đến lối vào khu trang trại. Marcia không biết mình đang nói cái gì. Cảm xúc của Sophia hoàn toàn ổn định, và không phải cô đang gượng dậy. Luke là một chàng trai tốt và họ vẫn đang tìm hiểu nhau. Thế đâu có nghĩa là cô sẽ yêu anh. Thế đâu có nghĩa là cô từng nghĩ đến việc đó.

Phải không?



Khi Sophia rẽ vào đường chính, cô vẫn đang cố dập tắt cái giọng nghe phát cáu của cô bạn cùng phòng, cô không chắc nên đỗ xe ở nhà Luke hay đi hẳn sang bên ngôi nhà trang trại. Trời đã sụp tối, và một lớp sương mù mỏng đã phủ xuống. Mặc dù có đèn pha, nhưng cô vẫn phải nhoài người lên vô lăng để nhìn xem mình đang đi đâu. Cô lái thật chậm, lơ mơ tự hỏi liệu Chó có xuất hiện để dẫn cho mình không. Ngay lúc ấy, cô phát hiện thấy nó đang đi ra đường từ chỗ ngã rẽ.

Chó chạy phía trước ô tô, thỉnh thoảng lại ngoái ra sau cho tới khi cô đến căn nhà gỗ một tầng của Luke. Cô

dừng và đỗ xe vào đúng chỗ đã đỗ trước đây. Trong nhà sáng đèn, và cô thấy Luke bên cửa sổ, đứng ở chỗ mà cô nghĩ là nhà bếp. Lúc cô tắt máy và bước ra, Luke đang bước xuống cầu thang trước hiên nhà và tiến lại phía cô. Anh đi ủng, mặc quần jean cùng sơ mi trắng có cổ tay xắn lên đến khuỷu, chẳng thấy bóng dáng chiếc mũ đầu. Cô hít một hơi thật sâu, tự trấn an, một lần nữa ước giá lúc này đừng nói chuyện với Marcia. Cho dù trời tối, cô vẫn nhận thấy anh đang cười.

“Chào em,” anh gọi ra. Khi đến gần, anh cúi người xuống hôn cô, và cô thoáng ngửi thấy mùi thơm của dầu gội đầu và xà phòng. Đó chỉ là một nụ hôn chào hỏi, nhưng hẳn anh vẫn cảm nhận được sự do dự của cô.

“Có chuyện gì làm em phiền lòng à,” anh nói.

“Em không sao,” cô ngại ngùng. Cô thoáng cười, nhưng thấy khó mà nhìn thẳng vào anh.

Anh không nói gì trong chốc lát, rồi gật đầu. “Được rồi,” anh nói. “Anh vui vì em đã đến.”

Cho dù ánh mắt anh không tỏ vẻ gì là nao núng, nhưng cô nhận ra mình không chắc anh đang nghĩ gì. “Em cũng vậy.”

Anh lùi về đằng sau một chút, rồi cho hai tay vào túi. “Em đã viết xong bài chưa?”

Khoảng cách này khiến cô suy nghĩ dễ dàng hơn.

“Chưa,” cô nói. “Nhưng em khởi đầu khá thuận lợi. Ở đây mọi chuyện thế nào?”

“Cũng ổn,” anh nói. “Bọn anh bán gần hết chỗ bí ngô rồi. Chỗ còn lại dùng để làm bánh thì tốt hơn.”

Lần đầu tiên cô nhận ra mái tóc anh vẫn còn hơi ẩm. “Anh định làm gì với chỗ bí đó?”

“Mẹ anh sẽ đóng hộp. Và từ đây đến cuối năm, bà sẽ

làm những chiếc bánh nướng và bánh mì bí ngô ngon nhất thế giới.”

“Nghe có vẻ là một món kinh doanh tiềm năng khác đấy.”

“Không đâu. Không phải vì bà không làm được, mà vì bà ghét ở trong bếp cả ngày. Bà là người thích ra ngoài.”

“Em cũng nghĩ bà như thế.”

Trong giây lát, không ai trong hai người nói gì, và lần đầu tiên kể từ khi quen anh, sự im lặng làm cô thấy khó xử.

“Em sẵn sàng chưa?” anh hỏi, chỉ về phía ngôi nhà trang trại. “Anh vừa nhóm than cách đây vài phút.”

“Em sẵn sàng rồi,” cô nói. Trên đường đi, cô tự hỏi liệu anh có nắm tay cô không, nhưng anh đã không làm vậy. Thay vào đó, anh để cô một mình với những suy nghĩ riêng trong lúc họ đi vòng qua lùm cây. Sương mù mỗi lúc một dày hơn, đặc biệt là ở đằng xa, những đồng cỏ gần như khuất khỏi tầm nhìn. Nhà kho chỉ còn là một bóng mờ không hơn, và ngôi nhà trang trại trông như một chiếc đèn lồng bí ngô sáng rực với những đốm sáng mờ mờ hắt qua những khung cửa sổ.

Cô có thể nghe thấy tiếng sỏi lạo xạo dưới chân. “Em vừa nhớ ra là anh chưa bao giờ nói cho em biết tên mẹ anh. Em có nên gọi bà là bác Collins không?”

Câu hỏi của cô hình như khiến anh bối rối. “Anh không biết. Anh chỉ gọi là mẹ thôi.”

“Tên bà là gì?”

“Linda.”

Sophia thậm gọi thử. “Em nghĩ em sẽ gọi là bác Collins,” cô nói. “Vì đây là lần đầu tiên em gặp bà. Em muốn bà quý em.”

Anh quay sang và, ngạc nhiên thay, cô cảm nhận được tay anh nắm lấy tay cô. “Mẹ anh sẽ quý em mà.”



Họ còn chưa kịp đóng cửa nhà bếp, bà Linda Collins đã tắt máy xay và nhìn Luke, quan sát Sophia và lại đưa mắt nhìn Luke lần nữa. Bà để chiếc máy xay lên bàn bếp, một lớp khoai nghiền bám trên mấy lưới dao của nó, rồi bà lau tay vào chiếc tạp dề. Đúng như Luke đã nói, bà mặc quần jean và áo sơ mi cộc tay, có điều đôi bốt đã được thay bằng giày đi bộ. Mái tóc muối tiêu của bà được buộc ra phía sau.

“Vậy đây là cô gái mà con vẫn giấu đấy sao?”

Bà đang tay, ôm lấy Sophia. “Bác vui vì được gặp cháu. Gọi bác là Linda nhé.”

Khuôn mặt bà để lộ dấu hiệu của những năm tháng làm việc dưới ánh mặt trời, dù vậy làn da bà trông không dãi dầu mưa nắng như Sophia vẫn tưởng. Cái ôm của bà rất khỏe, kiểu lực cơ có được nhờ làm việc nặng.

“Cháu rất vui được gặp bác. Cháu là Sophia.”

Linda cười. “Bác mừng vì rốt cuộc Luke cũng quyết định đưa cháu đến chơi. Vậy mà có lúc bác còn tưởng nó xấu hổ vì bà già này đấy.”

“Mẹ biết là không phải thế mà,” Luke nói, mẹ anh liền nháy mắt rồi đến ôm anh.

“Hay con lo chỗ bít tết nhé? Bít tết ướp rồi để trong tủ lạnh đấy, như thế mẹ và Sophia sẽ có cơ hội tìm hiểu nhau.”

“Được ạ. Nhưng nhớ là mẹ đã hứa sẽ thoải mái với cô ấy đấy nhé.”

Linda không giấu nổi niềm vui trên gương mặt. “Bác thực lòng không hiểu nó nói thế làm gì. Bác là người tốt mà. Bác lấy cho cháu thứ gì uống nhé? Chiều nay bác vừa làm trà phơi nắng.”

“Thế thì tuyệt quá,” Sophia nói. “Cảm ơn bác.”

Luke chưng ra vẻ mặt *chúc may mắn* với cô rồi rút ra hiên nhà, trong lúc đó Linda rót một cốc trà và đưa cho Sophia. Cốc của bà đã để sẵn trên kệ bếp, bà đi về phía bếp và mở một hũ đựng đậu Hà Lan mà Sophia đoán là thu hoạch từ vườn.

Linda đổ chúng vào chảo rồi bỏ thêm muối và tiêu, cùng với bơ. “Luke nói cháu học ở Wake Forest?”

“Cháu là sinh viên năm cuối ở đó ạ.”

“Cháu từ đâu đến?” bà hỏi, vặn nhỏ bếp. “Bác đoán cháu không phải người ở đây.”

Bà hỏi chuyện theo đúng kiểu của Luke vào cái đêm họ gặp nhau - tò mò, nhưng không dò xét. Sophia trả lời bà Linda những câu hỏi kiểu ai, cái gì, ở đâu và khi nào về cuộc đời cô, mặc dù chỉ chung chung. Đồng thời, Linda cũng chia sẻ vài chuyện về cuộc sống ở trang trại và cuộc nói chuyện trôi qua dễ chịu như khi trò chuyện với Luke. Từ những gì Linda kể, rõ ràng cả bà và Luke có thể thay thế nhau làm những công việc trong nhà - việc nào cả hai cũng làm được hết, mặc dù Linda chủ yếu lo sổ sách và nấu nướng còn Luke tập trung lo những công việc ngoài trời và sửa chữa máy móc, hoàn toàn là vì sở thích.

Khi đã nấu xong, Linda đi lại bàn đúng lúc Luke quay vào. Anh rót cho mình một cốc trà và trở ra ngoài để làm cho xong món bít tết.

“Có lúc bác ước gì lúc trước mình học đại học,” Linda nói tiếp. “Hoặc nếu không, ít ra cũng là học cái gì đó.”

“Bác định học gì?”

“Kế toán. Hoặc vài lớp về nông nghiệp hay quản lý chăn nuôi. Bác đã phải tự học và mắc không biết bao nhiêu sai lầm.”

“Có vẻ như bác đang làm tốt mà,” Sophia nhận xét. Linda không nói gì, chỉ với lấy cốc trà và uống một ngụm.

“Cháu bảo cháu có mấy em gái nhỉ?”

“Ba ạ,” Sophia nói.

“Các em bao nhiêu tuổi?”

“Mười chín và mười bảy ạ.”

“Sinh đôi à?”

“Mẹ cháu kể là bà hài lòng với hai đứa rồi, nhưng bố cháu rất muốn có con trai nên họ cố thêm một lần nữa. Bà nói bà suýt bị đau tim ở chỗ bác sĩ khi hay tin.”

Linda với lấy cốc trà. “Bác đoán là lớn lên mà trong căn nhà có đầy anh em thì rất vui.”

“Thực ra chỉ là một căn hộ chung cư thôi ạ. Giờ vẫn vậy. Bọn cháu rất vui mặc dù đôi lúc hơi chật chội. Cháu thấy nhớ lúc ở cùng phòng với Alexandra em cháu. Bọn cháu ở cùng phòng cho đến khi cháu vào đại học.”

“Vậy là các cháu rất thân nhau.”

“Vâng ạ,” Sophia nói.

Linda quan sát cô với một sự sắc sảo mà đôi khi cũng gặp ở Luke. “Nhưng?”

“Nhưng... chuyện giờ đã khác. Bọn cháu vẫn là một gia đình và luôn thân thiết, nhưng mọi chuyện đã thay đổi khi cháu rời bang để vào Wake. Alexandra, mặc dù học ở Rutgers nhưng em ấy vẫn về nhà vào các dịp cuối tuần hoặc có khi thường xuyên hơn, Branca và Dalena đang sống ở nhà và chuẩn bị vào trung học, hai đứa cũng làm ở quán ăn. Trong khi đó cháu ở đây hết tám tháng trong năm. Vào hè, đúng lúc mọi chuyện có vẻ bắt đầu trở lại như xưa, thì cháu phải đi tiếp.” Cô dùng ngón tay vuốt dọc cái mặt bàn gỗ trầy xước. “Vấn đề là, cháu không biết làm gì để hòa nhập

lại. Vài tháng nữa cháu tốt nghiệp, và trừ phi kiếm được việc ở New York hay New Jersey, bằng không cháu chẳng biết bao lâu mình mới về nhà một lần nữa. Và đến lúc đó chuyện gì sẽ xảy ra?”

Sophia có thể cảm thấy ánh mắt Linda chiếu vào mình, và cô nhận ra rằng đây là lần đầu tiên cô chia sẻ suy nghĩ ấy thành lời. Cô không chắc tại sao. Có thể vì cuộc nói chuyện với Marcia khiến cô thấy mất cân bằng, hoặc vì Linda có vẻ là người cô có thể tin tưởng. Và khi nói xong, cô đột nhiên nhận ra từ rất lâu rồi cô đã muốn tâm sự chuyện này với ai đó có thể hiểu được.

Linda nghiêng người tới trước và vỗ vỗ tay cô. “Thật khó khăn, nhưng cháu nên nhớ rằng phần lớn các gia đình đều trải qua chuyện tương tự. Con cái rời xa bố mẹ, anh chị em chia cách nhau vì gặp biến cố cuộc đời. Nhưng rồi thường thì sau một thời gian, họ sẽ lại thân thiết thôi. Chuyện tương tự cũng xảy ra với Drake và em ông ấy...”

“Drake ạ?”

“Ông chồng quá cố của bác,” bà nói. “Bố của Luke. Ông ấy và em trai cũng thân thiết, rồi khi Drake đi thi đấu, họ hầu như chẳng nói chuyện với nhau cả mấy năm trời. Sau đó, sau khi Drake giải nghệ, họ lại thân nhau như trước. Đó là sự khác nhau giữa gia đình và bạn bè. Gia đình lúc nào cũng bên mình, dù có bất cứ chuyện gì, ngay cả khi họ không sống cạnh mình. Thế có nghĩa là cháu rồi sẽ tìm ra cách để duy trì mối liên kết đó. Đặc biệt là khi cháu nhận ra rằng nó quan trọng đến thế nào.”

“Cháu hiểu,” Sophia nói.

Linda thở dài. “Bác lúc nào cũng muốn có anh chị em,” bà thú nhận. “Bác luôn nghĩ rằng thế thì vui biết mấy. Có ai đó để chơi cùng, ai đó để nói chuyện. Lúc nào bác cũng hỏi

mẹ bác về chuyện đó, và bà chỉ nói, ‘Ta chờ xem nhé.’ Phải đến lớn bác mới biết là mẹ bác đã từng sẩy thai nhiều lần và...” Bà ngập ngừng rồi nói tiếp, “Bà không thể mang thai thêm nữa. Đôi khi, mọi việc không diễn ra như chúng ta muốn.”

Khi nghe bà nói, Sophia linh cảm rằng Linda có lẽ cũng đã bị sẩy thai vài lần. Nhưng khi cô nhận ra điều đó thì Linda đã đẩy ghế của bà ra sau, kết thúc chủ đề ấy. “Bác sẽ cắt vài quả cà chua để làm xa lát,” bà nói. “Bít tết chắc cũng sắp xong rồi đấy.”

“Bác có cần cháu giúp không?”

“Cháu có thể giúp bác dọn bàn,” bà đáp. “Đĩa thì ở kia, dao nĩa thì trong ngăn kéo đằng đó,” bà vừa chỉ tay vừa nói.

Sophia lấy chúng ra và hoàn thành việc dọn bàn. Linda cắt cà chua với dưa chuột và thái chỗ rau diếp, rồi đổ hết chúng vào một cái bát sáng màu vừa đúng lúc Luke quay vào với chỗ bít tết.

“Chúng ta cần để nguyên thế này trong vài phút,” Luke nói, đặt đĩa bít tết lên bàn.

“Đúng lúc quá,” mẹ anh nói. “Để mẹ lấy chỗ đậu và khoai tây vào bát là bữa tối sẵn sàng rồi.”

Luke ngồi xuống. “Vậy hai người nói gì trong này vậy? Từ ngoài kia, con có cảm giác cả hai đã có một cuộc nói chuyện vô cùng nghiêm túc đấy.”

“Bọn mẹ nói chuyện về con đấy,” mẹ anh nói và quay lại, mỗi tay cầm một cái bát.

“Con hy vọng là không phải vậy,” anh nói. “Con đâu có thú vị đến vậy.”

“Lúc nào cũng phải hy vọng chứ,” mẹ anh trêu, làm Sophia phì cười.

Bữa tối diễn ra êm đẹp, điểm xuyết những tiếng cười đùa và chuyện kể. Sophia kể cho họ nghe vài chuyện buồn

cười xảy ra trong nhà nữ sinh - cả chuyện hệ thống ống nước phải thay mới vì quá nhiều cô bị chứng hấu ăn⁽¹⁾, làm mòn cả đường ống nước - còn Luke kể lại vài sự kiện thú vị trong chuyến du đấu, có chuyện về một người bạn - xin được giấu tên - và một phụ nữ anh ta tán tỉnh ở quầy rượu nhưng hóa ra cô ta lại... không giống như tưởng tượng. Linda làm cô thích thú với những câu chuyện tuổi thơ của cậu bé Luke cũng như vài trò nghịch của anh ở trung học, nhưng không có gì thái quá. Cũng như nhiều học sinh trung học khác cô biết, anh có dính vào rắc rối, nhưng cô cũng biết thêm chuyện anh đã vô địch giải đấu vật của bang - bên cạnh cưỡi bò - trong cả hai năm đầu và cuối cấp. Chẳng trách mà Brian không làm gì được anh.

Trong suốt thời gian đó, Sophia quan sát và lắng nghe, những lời cảnh báo của Marcia dần nhạt nhòa. Ăn tối với Linda và Luke thật dễ chịu. Họ có kiểu lắng nghe và nói chuyện thân mật, sôi nổi, giống với gia đình cô - hoàn toàn khác với những mối quan hệ xã giao dè dặt ở Wake.

Khi họ ăn xong, Linda dọn lên món bánh bà làm, và đó là món bánh ngon nhất mà Sophia từng nếm. Sau cùng, cả ba người dọn dẹp nhà bếp. Luke rửa bát còn Sophia lau và Linda gói lại thức ăn thừa cất đi.

Mọi thứ diễn ra theo một cách thức thân thuộc dễ chịu như ở nhà cô, khiến cho Sophia nghĩ về gia đình mình, và lần đầu tiên cô tự hỏi liệu bố mẹ cô sẽ nghĩ gì về Luke.



Trên đường ra cửa, Sophia ôm Linda, Luke cũng quay ra

1. Chứng hấu ăn là một chứng rối loạn ăn uống thường gặp ở những người bị ám ảnh về cân nặng. Họ thường ăn vào một lượng lớn thức ăn và sau đó tìm cách nôn ra.

ôm bà, Sophia lại một lần nữa nhận thấy đường nét cơ bắp trên cánh tay bà khi bà ôm cô. Linda nháy mắt khi buông cô ra. “Bác biết là hai đứa còn đi đâu đó, nhưng nhớ là ngày mai Sophia còn phải đi học. Con không được để con bé phải thức khuya đâu đấy. Mai con cũng phải làm sớm đấy.”

“Con hôm nào cũng dậy sớm mà.”

“Hôm nay con dậy muộn đấy, nhớ không?” Rồi bà quay sang Sophia. “Bác rất hân hạnh được gặp cháu, Sophia. Nhớ quay lại sớm nhé, được chứ?”

“Cháu sẽ quay lại ạ,” Sophia hứa.

Khi Luke và Sophia bước vào bóng tối lạnh lẽo, sương mù, giờ đã dày hơn, khiến cả khung cảnh như trong giấc mộng. Hơi thở của Sophia tỏa ra thành những cụm khói nhỏ, cô đan những ngón tay mình vào tay Luke khi họ đi về phía căn nhà của anh.

“Em quý mẹ anh,” cô nói. “Và bà không hề giống những gì em tưởng tượng, dựa vào những gì anh tả.”

“Em tưởng tượng thế nào?”

“Em nghĩ em sẽ sợ bà cơ, em đoán thế. Hoặc là bà không biểu lộ bất cứ một cảm xúc gì cả. Em không gặp nhiều người có thể phớt lờ cái cổ tay gãy suốt ngày đâu.”

“Bà đã rất lịch sự đấy,” Luke giải thích. “Tin anh đi. Không phải lúc nào bà cũng thế đâu.”

“Như lúc bà giận anh.”

“Như lúc bà giận anh,” anh đồng ý. “Và những lần khác nữa. Nếu em thấy lúc bà làm việc với những người cung cấp hàng hay khi lũ gia súc được đưa ra chợ, vân vân, bà có thể dữ lắm đó.”

“Đấy là anh nói thế. Em thì thấy bà ngọt ngào, thông minh và hài hước.”

“Anh rất vui. Bà cũng thích em. Anh thấy thế.”

“Vậy sao? Sao anh biết?”

“Bà không làm em khóc.”

Cô thúc khuỷu tay vào anh. “Anh phải ngoan ngoãn với mẹ đi, không là em quay lại và kể với bà những gì anh nói về bà đấy.”

“Anh ngoan mà.”

“Không phải lúc nào cũng thế,” cô nói, nửa đùa nửa xoáy anh. “Nếu thế thì bà đã không giận anh.”



Họ đến căn nhà của anh, đây là lần đầu tiên anh mời cô vào nhà. Anh đi đến chỗ lò sưởi trong phòng khách trước, các thanh củi và mỗi nhóm đã được xếp thành chồng trong lò. Anh lấy một bao diêm từ mặt lò sưởi rồi ngồi xuống nhóm lửa.

Trong lúc anh lo nhóm lửa, Sophia đưa mắt nhìn quanh từ phòng khách đến nhà bếp, quan sát khoảng không gian đầy ngẫu hứng xung quanh. Những chiếc ghế da thấp màu nâu với đường nét hiện đại được để bên cái bàn trà mộc mạc trên tấm thảm da bò. Những chiếc bàn nhỏ đủ kiểu đỡ những cây đèn bằng thép uốn đồng bộ. Phía trên lò sưởi, một cái gác hươu treo ra khỏi tường. Căn phòng không phô trương mà thiết thực, vắng bóng những chiếc cúp, giải thưởng hay những bài báo đóng khung. Mặc dù cô để ý thấy có vài bức ảnh Luke cưới bò, nhưng chúng bị kẹp giữa những bức ảnh truyền thống khác: một bức ảnh của bố mẹ anh, cô đoán là chụp ở một buổi lễ kỷ niệm; một bức ảnh khác chụp Luke ngày thơ bé cùng bố cầm trên tay một con cá họ vừa bắt được; một bức ảnh của mẹ với một con trong bầy ngựa, mẹ anh mỉm cười nhìn ống kính.

Ở bên kia, nhà bếp khó đọc vị hơn. Cũng như nhà bếp của mẹ anh, nó có một chiếc bàn ở giữa phòng, nhưng

những cái tủ bằng gỗ thích và kệ bếp lại có vẻ mới hơn. Ở hướng ngược lại, một lối đi ngắn cuối phòng khách dẫn đến nhà tắm và nơi cô đoán là phòng ngủ.

Khi lửa đã bắt đầu cháy sáng, Luke đứng lên và phúi tay vào quần.

“Em thấy sao?”

Cô tiến về phía lò sưởi. “Ấm áp quá.”

Họ đứng trước đồng lửa để sưởi ấm rồi về chỗ ghế bành. Ngồi cạnh Luke, cô có thể cảm thấy anh đang nhìn cô. “Anh hỏi em một câu được không?” Luke nói.

“Tất nhiên rồi.”

Anh ngập ngừng. “Em có ổn không?”

“Sao lại không chứ?”

“Anh không biết. Vừa nãy khi em đến, có vẻ như em buồn phiền chuyện gì đó.”

Sophia không nói gì trong giây lát, không biết có nên trả lời hay không. Cuối cùng cô quyết định, *Tại sao không chứ?* và ngả người sang, nâng tay anh lên. Hiểu cô muốn gì, anh choàng tay qua vai cô để cô ngả người vào anh.

“Chỉ là Marcia có nói vài điều.”

“Về anh sao?”

“Cũng không hẳn. Về em thì đúng hơn. Cô ấy nghĩ chúng ta tiến hơi nhanh và cảm xúc của em chưa sẵn sàng cho chuyện đó. Cô ấy thuyết phục em rằng em đang trong giai đoạn gượng dậy.”

Anh ngả người ra sau để quan sát cô. “Có đúng thế không?”

“Em không biết,” cô thú nhận. “Chuyện này quá mới mẻ với em.”

Anh phá lên cười rồi nghiêm túc trở lại. Anh kéo cô lại gần và hôn lên mái tóc cô. “À, nếu có thể làm em thấy khá

hơn, thì chuyện này cũng rất mới mẻ với anh.”



Buổi tối trôi qua, họ ngồi trước đồng lửa, rì rầm trò chuyện theo cái cách quen thuộc của họ từ lần đầu gặp nhau. Đôi lúc ngọn lửa làm đồng củi nổ lách tách, tung lên những đốm lửa trong lò, phủ lên căn phòng một thứ ánh sáng gần gũi, ấm áp.

Ngẫm lại, Sophia thấy thời gian ở bên Luke cô không chỉ thoải mái, mà còn có cảm giác bình yên khó tả. Ở bên anh, cô có thể là chính mình; như thể cô có thể nói mọi chuyện với anh và anh sẽ thấu hiểu nhờ trực giác của mình. Khi cơ thể họ dựa vào nhau, cô cảm thấy kỳ diệu làm sao khi cả hai hòa hợp dễ dàng như vậy.

Chuyện với Brian hoàn toàn không được như thế. Với Brian, cô luôn lo rằng mình không đủ tốt; tệ hơn, đôi khi cô không rõ mình có thực sự hiểu Brian không. Cô luôn cảm thấy Brian mang một chiếc mặt nạ mà cô chẳng bao giờ gỡ bỏ được. Cô luôn cảm thấy mình mới là người đã làm gì đó không phải, đã vô tình tạo ra rào chắn giữa hai người. Với Luke thì khác hẳn. Cô cảm thấy như thể mình đã biết anh từ lâu lắm rồi, và sự thoải mái gần gũi giữa họ khiến cô nhận ra bao lâu nay mình đã bỏ lỡ điều gì.

Ngọn lửa vẫn cháy đượm, những lời Marcia nói dần nhạt nhòa trong tâm trí cô, đến khi cô không còn nghe thấy chúng nữa. Dù chuyện có đang tiến triển nhanh quá hay không, thì cô cũng thích Luke và từng giây phút ở bên anh. Không phải cô yêu anh, nhưng khi cảm nhận lồng ngực anh nhịp nhàng nâng lên hạ xuống, cô thấy dễ dàng đến lạ khi hình dung rằng tình cảm của mình rồi chẳng mấy chốc sẽ biến đổi.

Sau đó, khi họ vào bếp để khắc bí ngô, cô cảm thấy nhói lên một chút hối tiếc vì buổi tối đã sắp kết thúc. Cô đứng cạnh Luke, say mê nhìn anh từ từ truyền sức sống vào chiếc đèn lồng bí ngô, họa tiết của anh phức tạp hơn thứ cô vẫn khắc khi còn bé. Trên kệ bếp là đồng dao nhiều kích thước, mỗi cái một mục đích sử dụng riêng, cô quan sát anh khắc miệng cười lên quả bí ngô bằng cách cạo bỏ vỏ bên ngoài, tạo hình thành đôi môi và hàm răng. Thỉnh thoảng anh lại ngả người ra sau đánh giá tác phẩm của mình. Tiếp đến là đôi mắt; một lần nữa anh cạo bỏ lớp vỏ ngoài, khắc hình con người rồi cẩn thận cạo bỏ phần còn lại. Anh nhăn nhó khi thò tay vào trong quả bí ngô để moi ruột. “Anh luôn ghét cảm giác nhầy nhụa này,” anh nói, khiến cô khúc khích cười. Cuối cùng, anh đưa cho cô con dao, hỏi liệu cô có muốn làm thay anh không. Luke chỉ cho cô chỗ tiếp theo phải cắt, giải thích điều anh muốn cô làm, hơi ấm của cơ thể anh khi chạm vào người cô khiến tay cô run lên. Thế mà rớt cuốc mũi của chiếc đèn lồng bí ngô trông cũng ổn, nhưng một bên lông mày bị cong, điểm thêm một chút điên rồ trên khuôn mặt nó.

Khi khắc xong, Luke đặt vào bên trong một cây nến nhỏ và thấp lên, rồi mang quả bí ngô ra hiên nhà. Họ ngồi trên chiếc ghế bập bênh ngoài hiên, lại rì rầm nói chuyện trong khi quả bí ngô nhẹ nhàng cười tán thưởng. Khi Luke dịch ghế của anh gần lại, cô dễ dàng tưởng tượng ra cảnh họ ngồi cùng nhau thêm hàng ngàn buổi tối như thế này nữa. Sau đó, khi anh đưa cô ra xe, cô có cảm giác anh cũng tưởng tượng giống mình. Sau khi đặt quả bí ngô vào ghế lái phụ, anh nắm lấy tay cô và nhẹ nhàng kéo cô vào lòng. Cô có thể cảm thấy khao khát trên gương mặt anh; cô có thể cảm thấy từ cái ôm siết của anh rằng anh muốn cô ở lại nhưng

nào; và khi đôi môi họ chạm nhau, cô biết rằng mình cũng muốn ở lại. Nhưng cô sẽ không làm thế. Không phải đêm nay. Cô chưa sẵn sàng cho việc đó, nhưng cô cảm thấy qua những nụ hôn tạm biệt đầy khát khao kia lời hẹn ước về một tương lai mà cô vô cùng trông đợi.



Ira

Mặt trời buổi chiều muộn bắt đầu lặn phía chân trời, và đáng lẽ tôi phải lo lắng khi bóng tối chuẩn bị trùm xuống. Nhưng một ý nghĩ khác đã chế ngự tâm trí tôi.

Nước, ở bất cứ dạng nào. Băng. Hồ. Sông. Thác. Nước máy. Bất cứ thứ gì có thể làm dịu đi cái cục nghẹn trong cổ họng tôi. Không phải buồm, mà là một cục chẳng hiểu từ đâu đến, xuất hiện ở chỗ vốn không thuộc về nó. Đường như nó đang lớn dần lên theo từng nhịp thở của tôi.

Tôi nhận ra mình đã nằm mơ. Không phải mơ về vụ tai nạn. Vụ tai nạn này là thật và tôi biết thế. Đó là thứ duy nhất có thật. Tôi nhắm mắt tập trung, buộc mình phải nhớ lại các chi tiết. Nhưng trong bộ não rối tinh đang khô nứt này, thật khó mà ghép lại những gì đã xảy ra. Tôi đã muốn tránh xa giao lộ liên bang - trên đó ai cũng lái rất nhanh - và tôi đã đánh dấu con đường dày đặc những cao tốc một lần xe trên bản đồ tôi tìm thấy trong ngăn kéo nhà bếp. Tôi nhớ mình đã lái xe ra khỏi cao tốc để đổ xăng rồi trong phút chốc lại không rõ nên đi hướng nào. Tôi mơ hồ nhớ lại mình đã đi qua một thị trấn tên là Clemmons. Sau đó, khi nhận ra rằng mình phải vòng lại, tôi đi theo con đường đất để rồi cuối cùng ra đến cao tốc 421. Tôi thấy những tấm biển đề tên thị

trấn Yadkinville. Thời tiết bắt đầu xấu đi và lúc ấy, tôi quá sợ để dừng xe lại. Chẳng có gì quen thuộc, nhưng tôi vẫn tiếp tục đi rồi rẽ theo đường cao tốc cho đến khi tôi nhận ra mình lại đang ở trên một cao tốc khác, dẫn thẳng đến dãy núi. Tôi không biết số đường và lúc ấy có biết cũng chẳng còn ý nghĩa gì nữa vì tuyết đã bắt đầu rơi nhanh. Trời tối, tối đến mức tôi không nhìn thấy khúc cua. Tôi đâm qua thanh chắn bảo vệ và nghe thấy tiếng kim loại biến dạng trước khi xe của tôi lao xuống bờ kè.

Và giờ: tôi đang một mình và không ai tìm thấy. Tôi đã mơ về vợ mình gần như suốt cả ngày khi nằm mắc kẹt trong xe. Ruth đã đi xa. Bà ấy mất trong phòng ngủ của chúng tôi cách đây rất lâu rồi và lúc này bà ấy không ngồi cạnh ghế lái của tôi. Tôi nhớ bà ấy. Suốt chín năm qua tôi vẫn nhớ bà ấy và cũng chừng ấy thời gian tôi ước gì mình là người ra đi trước. Bà ấy sống một mình tốt hơn là tôi, bà ấy có thể tiếp tục sống. Bà ấy vẫn luôn là người mạnh mẽ hơn, thông minh hơn và giỏi hơn tôi mọi việc, tôi nghĩ lại và thấy rằng trong hai chúng tôi, tôi là người đã đưa ra được lựa chọn sáng suốt hơn. Tôi vẫn không hiểu được vì sao bà ấy lại chọn tôi. Trong khi bà ấy xuất chúng, thì tôi lằng nhằng, một người đàn ông với thành tựu lớn nhất trong cuộc đời là đã yêu bà ấy vô hạn, và không bao giờ thay đổi. Nhưng tôi mệt mỏi và khát nước, và tôi có thể thấy sức lực của mình đang dần tàn lụi. Đã đến lúc ngừng chiến đấu. Đã đến lúc đến với bà ấy, và tôi nhắm mắt, nghĩ rằng nếu ngủ, tôi sẽ mãi mãi được ở bên bà ấy...

“Ông không chết đâu,” Ruth đột nhiên cắt ngang những suy nghĩ của tôi. Giọng bà ấy gấp gáp và nghiêm khắc. “Ira. Chưa đến lúc đâu. Ông muốn đi đến Black Mountain mà, nhớ không? Ông vẫn còn việc phải làm.”

“Tôi nhớ chứ,” tôi nói, nhưng ngay cả việc thì thầm cũng là thử thách. Lưỡi tôi như to hơn cả miệng, và cục nghẹn trong họng như lớn hơn. Thật khó để hít thở. Tôi cần nước, hơi ẩm, bất cứ thứ gì giúp tôi nuốt được, và tôi cần phải nuốt ngay bây giờ. Tôi gần như không thở được nữa. Tôi cố hít thở, nhưng không khí hít vào không đủ và tim tôi đột nhiên đập như trống dồn trong lồng ngực.

Con choáng váng bắt đầu làm méo mó khung cảnh và âm thanh xung quanh tôi. Mình chuẩn bị đi rồi, tôi nghĩ. Mắt tôi nhắm và tôi đã sẵn sàng...

“Ira!” Ruth hét lên, nhào người về phía tôi. Bà ấy nắm lấy tay tôi. “Ira! Tôi đang nói chuyện với ông này! Quay lại với tôi đi!” bà ấy ra lệnh.

Dù từ xa, tôi vẫn cảm nhận được nỗi sợ của bà ấy, tuy bà ấy cố giấu nó đi. Tôi lơ mơ nhận ra cánh tay mình đang rung lên, nhưng nó vẫn nằm yên một chỗ, một dấu hiệu khác cho thấy chuyện này không có thật.

“Nước,” tôi thốt lên.

“Chúng ta sẽ có nước,” bà ấy nói. “Còn bây giờ, ông cần hít thở, và để làm được điều đó thì ông phải nuốt. Có một cục máu tụ do tai nạn đang chặn trong họng ông. Nó chặn đường đi của không khí. Nó khiến ông nghẹn thở.”

Giọng bà ấy nghe mỏng và xa xôi, và tôi không trả lời. Tôi như say rượu, say đến mức bất tỉnh. Tâm trí tôi quay cuồng còn đầu tôi thì đang nằm trên vô lăng và tất cả những gì tôi muốn làm là ngủ. Để được trôi dạt đi....

Ruth lại lắc lắc tay tôi. “Ông không được nghĩ mình bị mắc kẹt trong chiếc xe này!” bà ấy hét lên.

“Nhưng đúng là thế mà,” tôi lẩm bẩm. Ngay cả khi đầu óc đang lơ mơ, tôi cũng biết tay mình không hề cử động, và những lời bà ấy nói chỉ là do tôi tưởng tượng ra.

“Ông đang ở bãi biển!” Hơi thở của bà ấy phả vào tai tôi, đột nhiên tôi thấy đê mê, một chiều trò mới. Khuôn mặt bà ấy rất gần, tôi tưởng như cảm nhận được hàng mi dài nóng ẩm, hơi thở nóng ẩm của bà ấy ve vuốt mình. “Đó là năm 1946. Ông có nhớ không? Đó là buổi sáng sau khi chúng ta lần đầu ân ái,” bà ấy nói. “Nếu ông nuốt, ông sẽ lại được ở đó đấy. Ông sẽ ở trên bãi biển cùng với tôi. Ông có nhớ lúc ông ra khỏi phòng không? Tôi rót một cốc nước cam và đưa cho ông. Giờ tôi đang đưa nó cho ông đây...”

“Bà không ở đây.”

“Tôi đang ở đây và tôi đang đưa cho ông cái cốc!” bà ấy khẳng khái. Khi mở mắt ra, tôi nhìn thấy bà ấy đang cầm nó. “Ông cần phải uống ngay.”

Bà ấy đưa chiếc cốc đến gần tôi và nghiêng nó chạm vào môi tôi. “Nuốt đi!” bà ấy ra lệnh. “Ông làm vãi một chút ra xe cũng không vấn đề gì hết!”

Thật điên rồ, nhưng chính câu nói cuối cùng - về việc vãi ra xe - lại làm tôi chú ý nhất. Hơn hết thảy, nó khiến tôi nhớ về Ruth và cái giọng ra lệnh mà bà ấy thường dùng mỗi khi bà ấy cần tôi làm việc gì đó quan trọng. Tôi cố nuốt, ban đầu chẳng cảm thấy gì ngoài tấm giấy ráp, và rồi... một thứ gì đó khác, một thứ khiến tôi ngừng thở.

Và trong thoáng chốc, tôi chẳng cảm thấy gì ngoài hoảng loạn.

Bản năng sinh tồn thật mạnh mẽ, và tôi không còn khả năng kiểm soát điều xảy ra tiếp theo, cũng như nhịp tim của mình nữa. Trong giây phút ấy, tôi tự động nuốt, và sau đó tôi cứ nuốt liên tục, cơn đau nhức âm ỉ nhường chỗ cho một thứ có vị đồng, chua chua, và tôi vẫn tiếp tục nuốt ngay cả khi mùi vị đó đã trôi xuống dạ dày.

Suốt thời gian ấy, đầu tôi vẫn áp vào vô lăng, và tôi

cứ tiếp tục thở gấp như một con chó đang chết ngót, cuối cùng nhịp thở của tôi cũng trở lại bình thường. Và khi nhịp thở trở lại, những kỷ niệm cũng ủa về.



Ruth và tôi đã ăn sáng cùng bố mẹ bà ấy và sau đó dành cả buổi sáng trên bãi biển trong lúc bố mẹ bà ấy đọc sách ngoài hiên nhà. Những đụn mây đã thành hình phía chân trời và gió đã bắt đầu mạnh lên từ hôm trước. Khi bóng chiều dịu xuống, bố mẹ Ruth đến hỏi liệu chúng tôi có muốn cùng đi đến Kitty Hawk, nơi Orville và Wilbur Wright đã đi vào lịch sử với việc bay chiếc máy bay đầu tiên không. Hồi nhỏ tôi đã đến đó, và mặc dù tôi sẵn lòng đi lần nữa, Ruth lại lắc đầu. Bà ấy muốn được nghỉ ngơi ngày cuối cùng, bà ấy nói với họ.

Một tiếng sau, họ đi khỏi. Lúc ấy bầu trời đã chuyển sang màu xám, Ruth và tôi thơ thẩn quay lại căn nhà. Trong bếp, tôi choàng tay qua người bà ấy khi chúng tôi đứng nhìn ra ngoài cửa sổ. Rồi, tôi lặng lẽ nắm tay kéo bà ấy vào phòng tôi.

Cho dù mắt đã mờ, tôi vẫn có thể nhận ra Ruth lại đang ngồi bên cạnh. Có thể đây chỉ là mơ hão, nhưng tôi có thể thề rằng bà ấy đang mặc chiếc áo choàng của cái đêm chúng tôi ân ái lần đầu.

“Cảm ơn bà,” tôi nói. “Vì đã giúp tôi thở trở lại.”

“Ông biết điều ông phải làm mà,” bà ấy nói. “Tôi chỉ ở đây để nhắc nhở ông thôi.”

“Nếu không nhờ bà thì tôi đã không làm được.”

“Ông làm được,” bà ấy nói chắc nịch. Rồi vừa nghịch nghịch phần viền cổ áo choàng, bà ấy nói với một chút mỉa mai, “Hôm ở bãi biển ấy ông dạn lắm đấy nhé. Trước khi

chúng ta cưới nhau. Khi bố mẹ tôi đến Kitty Hawk.”

“Phải,” tôi thú nhận. “Tôi biết chúng ta có vài giờ riêng tư.”

“Chà... tôi đã rất ngạc nhiên.”

“Sao lại thế,” tôi nói. “Chúng ta chỉ có một mình và bà thì rất đẹp.”

Bà ấy túm lấy dây đai. “Lẽ ra tôi nên hiểu đó là một lời cảnh báo.”

“Lời cảnh báo sao?”

“Về những điều sẽ đến,” bà ấy nói. “Mãi đến dịp cuối tuần đó, tôi mới biết ông là một người... nồng nhiệt đến thế. Nhưng sau đó, đôi khi tôi ước mình có lại được Ira của ngày xưa. Con người ngưng ngừng, luôn tiết chế. Đặc biệt là những khi tôi muốn ngủ lại.”

“Tôi tệ đến thế sao?”

“Không,” bà ấy nói, nghiêng đầu để nhìn tôi qua hàng mi dày. “Ngược lại thì có.”

Chúng tôi dành cả buổi chiều đan vào nhau trên giường, ân ái nồng nhiệt hơn cả đêm hôm trước. Căn phòng ấm áp, và cơ thể chúng tôi lấp lánh mồ hôi, chân tóc bà ấy ướt đẫm. Sau đó, khi Ruth đi tắm, trời bắt đầu mưa, và tôi ngồi trong nhà bếp lắng nghe mưa đập vào mái tôn, chưa bao giờ hạnh phúc hơn thế.

Một lúc sau bố mẹ bà ấy về, ướt sũng vì mưa. Lúc ấy, Ruth và tôi đang bận rộn chuẩn bị bữa tối ở trong bếp. Bữa tối đơn giản với mì spaghetti và nước sốt thịt, bốn chúng tôi ngồi quanh bàn trong lúc bố bà ấy kể về ngày hôm nay, cuộc nói chuyện tình cờ chuyển sang thảo luận về nghệ thuật như thường lệ. Ông ấy nói về Trường phái Dã thú, Trường phái Lập thể, Trường phái Biểu hiện và Trường phái Vị lai - những thuật ngữ tôi chưa nghe bao giờ - và tôi

ngạc nhiên không chỉ bởi ông phân biệt chúng thật tinh tế, mà còn bởi Ruth như nuốt lấy từng lời ông nói. Nói thật, những điều đó vượt xa khả năng của tôi, khiến thức trượt khỏi tầm nắm bắt, nhưng dường như cả Ruth lẫn bố bà chẳng hề nhận ra.

Sau bữa tối, khi cơn mưa đã dứt và trời bắt đầu sẫm tối, Ruth và tôi ra ngoài đi dạo trên bờ biển. Không khí dập dềnh và cát vón dưới chân chúng tôi khi tôi nhẹ nhàng vuốt ve ngón cái dọc mu bàn tay bà ấy. Tôi nhìn ra mặt biển. Những con nhạn biển lao xuống rồi lại lao lên trên những con sóng, và ngay bên kia những con sóng bạc đầu, một đàn cá heo đồng loạt tung mình lên khỏi mặt nước. Ruth và tôi nhìn theo cho đến khi chúng chỉ còn lờ mờ qua màn sương. Chỉ đến lúc đó tôi mới quay sang nhìn bà ấy.

“Bố mẹ em sẽ chuyển đi vào tháng Tám,” rốt cuộc tôi nói.

Bà ấy siết tay tôi. “Họ sẽ đi xem nhà ở Durham vào tuần tới.”

“Và em bắt đầu đi dạy vào tháng Chín phải không?”

“Trừ phi em đi với họ,” bà ấy nói. “Nếu thế em sẽ phải tìm việc ở đó.”

Nhìn qua vai bà ấy, tôi thấy đèn trong nhà bật sáng.

“Vậy là anh cũng không có nhiều sự lựa chọn rồi,” tôi nói. Tôi đá cục cát vón, thu lấy can đảm rồi nhìn thẳng vào mắt bà ấy. “Chúng ta phải cưới nhau vào tháng Tám thôi.”



Khi nhớ đến đây, tôi cười, nhưng giọng Ruth cắt ngang qua cơn mộng tưởng của tôi, bà ấy lộ vẻ thất vọng.

“Lẽ ra ông phải lãng mạn hơn chứ,” bà ấy nói, giọng hờn dỗi.

Tôi thấy bối rối trong thoáng chốc. “Ý bà là... lời cầu hôn sao?”

“Chứ còn gì nữa?” Bà ấy vung tay lên. “Ông có thể quỳ một chân, hoặc nói đôi điều về tình yêu bất diệt. Ông có thể trình trọng cầm tay cầu hôn tôi.”

“Tôi làm hết mấy thứ đó rồi mà,” tôi nói. “Lần đầu tiên tôi cầu hôn ấy.”

“Nhưng ông hủy hôn rồi. Lẽ ra ông phải làm lại từ đầu. Tôi muốn thấy lại kiểu cầu hôn mà người ta đọc trong truyện ấy.”

“Bà có muốn tôi làm thế liền không?”

“Quá muộn rồi,” bà ấy nói, gạt đi. “Ông mất cơ hội rồi.”

Nhưng bà ấy nói điều đó với giọng bông đùa khiến tôi càng thêm nóng lòng được quay lại quá khứ.



Chúng tôi ký giao ước *ketubah*¹⁾ ngay sau khi trở về từ bãi biển, và tôi cưới Ruth vào tháng Tám năm 1946. Buổi lễ được tổ chức dưới mái vòm chuppah, như những đám cưới đặc trưng của người Do Thái, nhưng không có nhiều quan khách lắm. Khách khứa phần lớn là bạn bè của mẹ mà chúng tôi quen ở giáo đường, nhưng Ruth và tôi muốn thế. Một đám cưới hoành tráng không hợp với người quá thực tế như bà ấy, và mặc dù cửa hiệu làm ăn tốt - đồng nghĩa với việc tôi làm ăn tốt - cả hai chúng tôi đều muốn để dành càng nhiều càng tốt tiền cọc cho căn nhà mơ ước trong tương lai. Khi giẫm vỡ cái ly dưới chân²⁾ và nhìn hai bà mẹ vỗ tay chúc

1. Bản giao ước hôn nhân của người Do Thái. Trong đó ghi rõ quyền và nghĩa vụ của chú rể đối với cô dâu.

2. Một nghi thức cuối lễ trong đám cưới Do Thái.

mừng, tôi biết cưới Ruth là bước ngoặt lớn lao nhất trong đời mình.

Chúng tôi đi về phía Tây hướng trăng mật. Ruth chưa bao giờ đến thăm vùng đó của bang và chúng tôi chọn ở lại khu nghỉ dưỡng Grove Park Inn tại Asheville. Nơi đó đã - và vẫn - là một trong những khu nghỉ dưỡng cao tầng nhất miền Nam và phòng của chúng tôi nhìn ra dãy núi Blue Ridge. Khu nghỉ dưỡng này nổi tiếng với những lối đi bộ đường trường và những sân tennis, cùng một bể bơi từng xuất hiện trong vô số các tạp chí.

Nhưng Ruth không mấy hào hứng với những điều ấy. Thay vào đó, ngay sau khi chúng tôi đến nơi, bà ấy khăng khăng đòi đi vào thị trấn. Đang say đắm trong tình yêu, tôi không quan tâm chúng tôi làm gì miễn là cả hai ở bên nhau. Cũng như bà ấy, tôi chưa bao giờ đến vùng này của bang, nhưng tôi biết Asheville vẫn luôn là điểm tụ hội của giới nhà giàu trong suốt những tháng hè. Không khí trong lành, nhiệt độ mát mẻ, đó là lý do tại sao trong thời kỳ hoàng kim, George Vanderbilt đã mua cả khu Biltmore, tư dinh lớn nhất thế giới lúc bấy giờ. Những người Mỹ có tiền khác cũng làm theo ông và Asheville dần được biết đến như điểm đến của nghệ thuật và ẩm thực toàn miền Nam. Các nhà hàng thuê bếp trưởng từ châu Âu, và những phòng tranh nằm dọc theo con phố chính.

Buổi chiều thứ hai của chúng tôi trong thị trấn, Ruth đã bắt chuyện với một chủ phòng tranh và đó là lần đầu tiên tôi nghe về Black Mountain, một thị trấn nhỏ, vẫn còn vẻ dân dã, nằm ngay gần cao tốc chạy từ địa điểm chúng tôi hưởng tuần trăng mật.

Chính xác hơn, tôi đã được nghe về trường Đại học Black Mountain.

Dù đã sống ở bang từ bé tới lớn, nhưng tôi chưa bao giờ nghe tên ngôi trường này; với phần lớn những người sống ở Bắc Carolina trong giai đoạn cuối của thế kỷ, việc nhắc đến ngôi trường này chẳng khơi lên gì ngoài những ánh mắt mơ hồ. Giờ đây, sau hơn nửa thế kỷ từ lúc nó đóng cửa, chẳng còn mấy người nhớ trường Black Mountain từng tồn tại. Nhưng vào năm 1946, ngôi trường bước vào thời kỳ hoa lệ của mình - có khi là thời kỳ hoa lệ nhất của bất cứ ngôi trường nào, ở bất cứ đâu, trong bất cứ giai đoạn nào, *từ trước tới nay* - và khi chúng tôi bước ra khỏi phòng tranh, về mặt Ruth cho tôi hay rằng bà ấy từng nghe đến tên ngôi trường. Khi tôi hỏi vào bữa tối đó, bà ấy nói rằng đầu mùa xuân bố bà ấy đã đến đây phỏng vấn và đã nói miên man không dứt về nơi này. Tôi còn ngạc nhiên hơn khi một trong những lý do bà ấy muốn đi trăng mật ở vùng này chính vì nó gần ngôi trường.

Suốt bữa tối về mặt bà ấy đầy sôi nổi khi bà ấy giải thích rằng trường Black Mountain là trường nghệ thuật tự do được thành lập năm 1933, với đội ngũ cán bộ giảng dạy gồm những cái tên xuất chúng trong phong trào nghệ thuật hiện đại. Cứ vào mùa hè, trường lại có những hội thảo nghệ thuật - được những nghệ sĩ khách mời dẫn dắt mà tôi không nhận ra ai với ai - rồi trong khi kể về những cái tên trong đội ngũ giảng dạy, bà ấy càng trở nên hào hứng hơn với ý định đến tham quan trường khi chúng tôi ở đây.

Làm sao tôi có thể nói không chứ?

Sáng hôm sau, dưới bầu trời xanh rực rỡ, chúng tôi lái xe đến Black Mountain và đi theo những biển chỉ đường tìm đến ngôi trường. Như duyên trời định - tôi luôn tin đó là duyên trời định, bởi Ruth thề bà ấy chẳng biết gì trước đó - trong tòa nhà chính đang tổ chức một buổi triển lãm

của các nghệ sĩ, lẫn ra cả phần bãi cỏ phía trước. Mặc dù nó được mở cửa cho công chúng, nhưng người đến cũng khá thưa thớt, và khi chúng tôi vừa đẩy cửa bước vào, Ruth lặng người vì ngạc nhiên. Bà ấy siết chặt tay tôi, mắt hau háu nhìn khung cảnh xung quanh. Tôi tò mò quan sát phản ứng của bà ấy, cố hiểu xem điều gì đã hút lấy bà ấy như vậy. Trong mắt tôi, một người chẳng biết chút gì về nghệ thuật, những tác phẩm được trưng bày nơi đây dường như chẳng mấy khác biệt so với vô số những phòng tranh khác mà chúng tôi đã đến trong mấy năm qua.

“Nhưng khác mà,” Ruth thốt lên, và tôi có chút cảm giác bà ấy vẫn đang tự hỏi sao tôi có thể ngớ ngẩn đến vậy. Trong xe, bà ấy mặc chiếc váy có cổ đã từng mặc hôm chúng tôi đến thăm Black Mountain lần đầu tiên. Giọng bà ấy run lên vì kinh ngạc y hệt như những gì tôi chứng kiến ngày đó. “Các tác phẩm... chúng không hề giống với những gì tôi đã xem trước đây. Chúng không như những người theo chủ nghĩa siêu thực. Hay ngay cả Picasso. Chúng... mới. Đầy tính cách mạng. Một bước nhảy của trí tưởng tượng, của tầm nhìn. Chỉ cần nghĩ đến việc chúng ở đó, trong một ngôi trường nhỏ nơi đồng không mông quạnh! Giống như tìm thấy...”

Bà ấy lặng đi, không biết tìm từ gì. Thấy bà ấy bế tắc, tôi nói thay.

“Một rương kho báu?”

Bà ấy ngẩng phắt lên. “Đúng,” bà ấy nói ngay. “Giống như tìm thấy một rương kho báu ở nơi khó ngờ tới nhất. Nhưng khi ấy ông đã hiểu điều đó đâu.”

“Lúc ấy, hầu hết các tác phẩm nghệ thuật tôi thấy khiến tôi có ấn tượng như đó là một mớ hỗn độn đủ màu sắc và những đường ngoặc ngoạc.”

“Đó là trường phái Trừu tượng Biểu hiện.”

“Như nhau thôi,” tôi trêu, nhưng Ruth đã chìm đắm trong ký ức về ngày ấy.

“Chắc chúng ta đã ở đó ba tiếng, lượn lơ tạt tác phẩm này đến tác phẩm khác.”

“Như thế năm tiếng hơn ấy.”

“VẬY mà chưa gì ông đã muốn về,” bà ấy nói đầy quở trách.

“VÌ tôi đói,” tôi trả lời. “Chúng ta có ăn trưa đâu.”

“Sao ông có thể nghĩ về đồ ăn khi chúng ta đang xem những thứ đó chứ?” bà ấy hỏi. “Khi chúng ta có dịp nói chuyện với những họa sĩ tuyệt vời như vậy?”

“Tôi chẳng hiểu bà nói gì với họ luôn. Bà và mấy họa sĩ đó như đang nói ngoại ngữ ấy. Bà nói về cảm xúc mãnh liệt, rồi gạt-bỏ-cái-tôi, rồi xổ ra nào là Trường phái Vị lai, Bauhaus, với Trường phái Lập thể tổng hợp. Với một người bán comple kiếm sống thì mấy cái đó như nước đổ đầu vịt.”

“Ngay cả khi bố tôi đã giải thích cho ông sao?” Ruth có vẻ bực bội.

“Bố bà *đã cố* giải thích cho tôi. Có khác nhau đó.”

Bà ấy cười. “VẬY sao ông không bắt tôi đi khỏi đó? Sao ông không chộp tay rồi lôi tôi ra xe?”

Trước đây bà ấy từng hỏi điều này rồi, và chưa bao giờ hiểu nổi câu trả lời.

“Bởi vì,” tôi trả lời như mọi khi, “tôi biết việc ở lại quan trọng với bà.”

Chưa hài lòng, bà ấy lại tiếp tục hỏi. “Ông có nhớ mình đã gặp ai hôm đầu tiên ấy không?” bà ấy hỏi.

“Elaine,” tôi nói luôn. Có thể tôi không hiểu về nghệ thuật, nhưng tôi nhớ người và khuôn mặt họ như lòng bàn

tay. “Và, tất nhiên, chúng ta còn gặp cả chồng bà ấy nữa, mặc dù chúng ta không biết sau này ông ấy cũng sẽ dạy ở trường. Rồi sau đó buổi chiều, chúng ta gặp Ken, Ray và Robert. Họ là sinh viên - riêng Robert thì phải sau này - nhưng bà cũng đã dành nhiều thời gian ở cùng họ.”

Qua vẻ mặt, tôi biết bà ấy hài lòng. “Hôm đó, họ đã chỉ cho tôi nhiều thứ. Tôi có thể hiểu hơn về những ảnh hưởng chính của họ sau khi nói chuyện với họ, và điều đó giúp tôi hiểu hơn nghệ thuật sẽ đi về đâu trong tương lai.”

“Nhưng bà cũng quý họ ở cả tính cách của họ mà.”

“Tất nhiên rồi. Họ thú vị. Và ai cũng là thiên tài trong lĩnh vực của mình.”

“Đó chính là lý do tại sao chúng ta quay lại, ngày này qua ngày khác, đến khi triển lãm kết thúc.”

“Tôi không thể để vượt mất dịp quan trọng này được. Tôi thấy mình may mắn khi có mặt lúc họ ở đó.”

Ngẫm lại, tôi biết bà ấy đúng, nhưng hồi ấy, việc có ý nghĩa với tôi là làm cho tuần trăng mật của bà ấy càng đáng nhớ và toại nguyện càng tốt.

“Bà cũng nổi tiếng trong bọn họ mà,” tôi nói. “Elaine và chồng bà ấy thích ăn tối với chúng ta. Và trong đêm triển lãm cuối cùng, chúng ta còn được mời đến buổi tiệc cocktail bên hồ nữa.”

Ruth nhớ lại những kỷ niệm quý giá ấy, không nói gì trong chốc lát. Bà ấy nhìn tôi tha thiết.

“Đó là tuần lễ tuyệt vời nhất của tôi,” bà ấy nói.

“Vì những nghệ sĩ ấy sao?”

“Không,” bà ấy khẽ lắc đầu và trả lời. “Vì ông.”



Vào ngày cuối cùng của triển lãm, Ruth và tôi dành rất ít

thời gian ở bên nhau. Không phải vì chúng tôi căng thẳng, mà vì Ruth nóng lòng được gặp nhiều thành viên khác của hội đồng giảng dạy hơn, trong khi tôi bằng lòng với việc đi loanh quanh xem các tác phẩm và nói chuyện với những họa sĩ mà chúng tôi đã có dịp được biết.

Và rồi triển lãm kết thúc. Lúc ấy, chúng tôi dành toàn bộ những ngày tiếp theo cho các hoạt động đặc trưng cho những cặp đôi mới cưới. Sáng sáng chúng tôi đi bộ ngoài trời, còn chiều, chúng tôi đọc sách bên bể và xuống bơi. Mỗi tối chúng tôi ăn ở những nhà hàng khác nhau, và vào ngày cuối cùng, sau khi tôi gọi điện và chốt đóng va li lên thùng xe, Ruth và tôi lên xe, cả hai cảm thấy thư thái hơn bao giờ hết trong suốt mấy năm qua.

Chặng về đưa chúng tôi ngang qua Black Mountain lần cuối và khi đến đoạn rẽ trên đường cao tốc, tôi nhìn sang Ruth. Tôi có thể thấy bà ấy khao khát được trở lại. Tôi từ từ rẽ ra khỏi cao tốc, hướng về phía ngôi trường. Ruth nhìn tôi, nhướn mày, rõ ràng đang tự hỏi tôi định làm gì.

“Chỉ dừng lại nhanh thôi,” tôi nói. “Anh muốn chỉ cho em cái này.”

Tôi vòng xe qua thị trấn và rẽ vào một lối đi, bà ấy nhận ra nó. Và cũng như lúc đó, Ruth hiện tại mỉm cười.

“Ông đưa tôi quay lại hồ nước cạnh tòa nhà chính,” bà ấy nói. “Nơi hai ta đến dự bữa tiệc cocktail vào đêm cuối cùng của triển lãm. Hồ Eden.”

“Khung cảnh đó quá đẹp. Tôi muốn ngắm lại nó.”

“Phải,” bà ấy gật đầu. “Đó là những gì ông nói với tôi hồi đó, và tôi tin ông. Nhưng ông đã không nói sự thật.”

“Bà không thích khung cảnh đó ư?” tôi hỏi ngây thơ.

“Chúng ta không đến đó ngắm cảnh,” bà ấy nói. “Chúng ta đến đó vì điều ông đã làm cho tôi.”

Và giờ đến lượt tôi mỉm cười.

Khi đến ngôi trường, tôi bảo Ruth nhắm mắt lại. Bà ấy miễn cưỡng đồng ý, và tôi nhẹ nhàng cầm tay bà ấy đưa qua lối đi rải sỏi dẫn đến đài quan sát. Buổi sáng trời nhiều mây và mát mẻ, khung cảnh hôm bữa tiệc đẹp hơn, nhưng điều đó không quan trọng. Khi đưa Ruth vào đúng vị trí, tôi bảo bà ấy mở mắt ra.

Tại đó, trên các khung, là sáu bức tranh của những họa sĩ mà Ruth thấy ngưỡng mộ nhất. Họ cũng là những họa sĩ mà bà ấy tiếp xúc nhiều nhất - tác phẩm của Ken, Elaine, Robert, và hai tác phẩm của chồng Elaine.

"Trong thoáng chốc," Ruth nói với tôi, "tôi không hiểu. Tôi không hiểu tại sao ông lại sắp đặt những thứ ấy cho tôi."

"Bởi vì," tôi nói, "tôi muốn bà nhìn những tác phẩm ấy dưới ánh sáng tự nhiên ban ngày."

"Ý ông là những tác phẩm ông đã mua?"

Tất nhiên, đó là những gì tôi đã làm trong lúc Ruth gặp gỡ ban giảng dạy; cuộc điện thoại buổi sáng hôm đó là để bảo đảm những bức tranh sẽ được bố trí bên hồ.

"Đúng," tôi nói. "Những tác phẩm tôi đã mua."

"Ông biết là ông đã làm gì, phải không?"

Tôi thận trọng lựa chọn từ ngữ. "Tôi làm bà vui?" tôi hỏi.

"Đúng," bà ấy nói. "Nhưng ông biết tôi đang nói về chuyện gì mà."

"Đó không phải lý do tôi mua mấy bức tranh. Tôi mua vì bà mê chúng."

"Kể cả thế..." bà ấy nói, cố ép tôi phải nói ra.

"Kể cả thế, thì việc đó cũng không làm tôi tổn kém lắm," tôi nghiêm giọng nói. "Hồi đó, họ chưa được như sau này. Họ chỉ là những họa sĩ trẻ thôi."

Bà ấy nghiêng người về phía tôi, thách tôi nói tiếp. “Và...” Tôi thở dài đầu hàng, biết rõ điều mà bà ấy muốn nghe. “Tôi mua chúng,” tôi nói, “vì tôi ích kỷ.”



Tôi không nói dối. Dù mua chúng cho Ruth vì yêu bà ấy, dù mua chúng vì bà ấy thích các bức tranh đó, nhưng tôi cũng mua chúng cho mình nữa.

Đơn giản thôi, cuộc triển lãm tuần đó đã thay đổi Ruth. Tôi đã đi đến không biết bao nhiêu triển lãm cùng Ruth, nhưng trong khoảng thời gian ở trường Black Mountain, có gì đó trong bà ấy đã thức tỉnh. Theo một cách kỳ lạ, nó làm tăng thêm nét gọi tình trong con người bà ấy, khuếch đại sức hút của bà ấy. Khi bà ấy đứng ngắm những bức tranh, ánh nhìn của bà ấy sắc sảo hơn, làn da trở nên hồng hào, cả cơ thể toát ra vẻ tập trung và hứng thú cao độ khiến ai cũng phải chú ý. Về phần mình, bà ấy hoàn toàn chẳng có chút ý niệm gì về việc mình đã biến đổi thế nào, trông ra sao trong khoảnh khắc ấy. Tôi cho rằng đó là lý do tại sao các họa sĩ có ấn tượng mạnh về bà ấy như vậy. Giống như tôi, họ bị bà ấy cuốn hút, và đó cũng là lý do tại sao họ bằng lòng rời xa những tác phẩm tôi đã mua.

Về thu hút, gọi cảm mãnh liệt này còn lưu lại rất lâu sau khi chúng tôi rời khỏi triển lãm và trở về khách sạn. Trong suốt bữa tối, ánh mắt bà ấy lấp lánh với những hiểu biết sâu sắc, và cử động của bà ấy mang vẻ duyên dáng rõ rệt mà tôi chưa từng thấy trước đây. Tôi nóng lòng được đưa bà ấy trở lại phòng, nơi bà ấy thể hiện rõ sự nồng nhiệt và tính thích phiêu lưu của mình. Tôi chỉ nhớ tôi nghĩ rằng mình không muốn bất cứ điều gì đã khơi dậy đam mê của bà ấy như vậy lại kết thúc.

Nói cách khác, như vừa thú nhận với bà ấy, tôi đã ích kỷ.



“Ông đâu có ích kỷ,” bà ấy nói với tôi. “Ông là người ít ích kỷ nhất mà tôi từng biết.”

Trong mắt tôi, trông bà ấy lộng lẫy y như buổi sáng cuối cùng của kỳ trăng mật, khi chúng tôi đứng bên hồ nước. “Thật tốt khi tôi chưa bao giờ đồng ý cho bà gặp gỡ người đàn ông nào khác, bằng không có khi bà lại nghĩ khác.”

Bà ấy cười. “Phải, ông có thể pha trò nếu muốn. Ông lúc nào cũng muốn là người pha trò. Nhưng tôi nói cho ông biết, nghệ thuật không phải thứ đã làm tôi thay đổi.”

“Làm sao bà biết được. Bà đâu có nhìn thấy bản thân mình.”

Bà ấy lại phá lên cười rồi lại lặng im. Đột nhiên nghiêm nghị, bà ấy muốn tôi phải tập trung vào lời bà ấy nói. “Đây là điều tôi nghĩ. Phải, tôi yêu các tác phẩm nghệ thuật. Nhưng hơn cả các tác phẩm nghệ thuật, tôi yêu việc ông đã dành từng ấy thời gian để làm việc tôi thích. Ông có hiểu vì sao việc đó có nhiều ý nghĩa với tôi không? Việc biết rằng mình đã cưới một người đàn ông sẽ làm những điều như thế ấy? Ông nghĩ nó không là gì, nhưng để tôi nói ông nghe: không có nhiều người đàn ông dành năm, sáu tiếng một ngày trong kỳ trăng mật để nói chuyện với người lạ và ngắm tranh, đặc biệt là khi chẳng biết tí gì về chúng đâu.”

“Ý bà là?”

“Tôi muốn nói với ông rằng không phải các bức tranh, mà ánh mắt ông nhìn tôi khi tôi ngắm tranh đã làm tôi thay đổi. Nói cách khác, chính ông, mới là người đã thay đổi tôi.”

Chúng tôi đã có nhiều cuộc đàm đạo thế này trong

bao năm qua, và rõ ràng cả hai có những ý kiến khác nhau về chuyện này. Tôi sẽ không thay đổi được suy nghĩ của bà ấy, mà bà ấy cũng sẽ không thay đổi được suy nghĩ của tôi, nhưng tôi cho rằng thế cũng chẳng quan trọng. Vì dù sao, kỳ trăng mật ấy cũng đã khởi đầu cho một truyền thống mùa hè sẽ còn được chúng tôi thực hiện gần như suốt cả cuộc đời. Và đến cuối cùng, sau bài báo định mệnh xuất hiện trên tờ *New Yorker* ấy, bộ sưu tập, theo nhiều cách, đã làm nên hình ảnh hai vợ chồng chúng tôi.

Sáu bức tranh - mà tôi thần nhiên cuộn lại và để nó ở ghế sau xe trên đường về nhà - là những bức đầu tiên trong hàng tá, rồi hàng trăm, rồi hơn một nghìn bức tranh mà chúng tôi dần dần sưu tập được. Mặc dù ai cũng biết Van Gogh, Rembrandt và Leonardo da Vinci, Ruth và tôi lại tập trung vào hội họa hiện đại Mỹ thế kỷ hai mươi, và nhiều nghệ sĩ chúng tôi gặp trong nhiều năm đã tạo ra những tác phẩm mà các bảo tàng và những nhà sưu tập khác thèm muốn về sau. Những họa sĩ như Andy Warhol, Jasper Johns và Jackson Pollock dần trở thành những cái tên nổi tiếng, nhưng những người khác, hồi đó kém nổi hơn, như Rauschenberg, de Kooning và Rothko cũng tạo ra những tác phẩm về sau được bán tại những buổi đấu giá ở Sotheby và Christie với giá hàng chục triệu đô la, có khi hơn. Bức *Woman III*, vẽ bởi Willem de Kooning, đã được bán với giá hơn 137 triệu đô la vào năm 2006, nhưng vô số những người khác, kể cả những tác phẩm của Ken Noland và Ray Johnson, cũng có giá bán lên tới hàng triệu đô.

Tất nhiên, không phải họa sĩ hiện đại nào cũng trở nên nổi tiếng và không phải bức tranh nào chúng tôi mua cũng trở nên đặc biệt có giá, nhưng đó chưa bao giờ là yếu tố khiến chúng tôi quyết định liệu có nên mua một tác phẩm nghệ thuật hay không. Hiện tại, bức tranh tôi nâng

niêu nhất lại chẳng có giá trị gì cả. Nó được vẽ bởi một cựu sinh viên của Ruth và được treo trên lò sưởi, một bức tranh nghiệp dư chỉ đặc biệt với mình tôi. Nhà báo của tờ *New Yorker* hoàn toàn phớt lờ nó, và tôi cũng không buồn nói cho cô ta lý do tại sao tôi quý nó, vì tôi biết cô ta sẽ không hiểu được. Đằng nào thì cô ta cũng đâu có hiểu ý tôi khi tôi giải thích rằng giá trị kinh tế của những bức tranh chẳng là gì với tôi cả. Thay vào đó, cô ta có vẻ muốn biết chúng tôi đã lựa chọn những bức tranh như thế nào, nhưng ngay cả sau khi tôi giải thích, thì cô ta cũng có vẻ không thỏa mãn.

“Sao cô ta lại không hiểu chứ?” Ruth đột nhiên hỏi.

“Tôi không biết.”

“Ông nói với cô ta điều hai ta vẫn hay nói chứ?”

“Ừ.”

“Thế thì có gì khó nhỉ? Tôi thì sẽ nói về những ảnh hưởng của các tác phẩm ấy tới mình...”

“Và tôi sẽ chỉ quan sát bà trong lúc bà nói,” tôi tiếp lời bà ấy, “và biết liệu ta có nên mua nó hay không.”

Phương cách đó không khoa học, nhưng nó phù hợp với chúng tôi, ngay cả khi cô nhà báo kia phát rồ với lời giải thích ấy. Và trong kỳ trăng mật nó đã được áp dụng một cách trơn tru, dù cho không ai trong chúng tôi thực sự hiểu hết những kết quả nó mang lại trong suốt năm mươi năm kế tiếp.

Dù sao thì, không phải cặp đôi nào cũng mua những bức tranh của Ken Noland hay Ray Johnson trong kỳ trăng mật. Hay ngay cả bức tranh do người bạn mới của Ruth là Elaine vẽ, các tác phẩm của bà hiện đang được treo trong những bảo tàng lớn nhất, kể cả Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan. Và tất nhiên, cũng khó mà tưởng tượng việc tôi và Ruth đã mua được không phải chỉ một tuyệt tác của Robert Rauschenberg, mà còn cả hai bức của chồng Elaine, Willem de Kooning nữa.



Luke

Mặc dù anh vẫn không thể thôi nghĩ về Sophia từ cái đêm đầu họ gặp nhau, nhưng những suy nghĩ ấy không thể so sánh được với cảm giác mê đắm trong lòng anh sau hôm cô đến nhà ăn tối. Trong lúc lo dựng hàng rào tại bãi cỏ xa, thay những cây cột đã bắt đầu mục ruỗng, thỉnh thoảng anh lại thấy mình mỉm cười khi nghĩ về cô. Ngay cả cơn mưa rào mùa thu lạnh ngắt khiến anh ướt sũng cũng chẳng thể dập tắt tâm trạng của anh. Sau đó, khi anh ngồi ăn tối với mẹ, mẹ anh cũng không buồn giấu nụ cười mãn nguyện để anh biết bà thừa hiểu ảnh hưởng mà Sophia đã để lại trong anh.

Sau bữa tối, anh gọi cho cô và họ nói chuyện cả tiếng đồng hồ; ba ngày sau cũng diễn ra theo lịch trình như vậy. Tối thứ Năm, anh lái xe đến Wake Forest, và cuối cùng họ cũng có dịp đi dạo quanh học xá. Cô cho anh xem tòa nhà Wait Chapel và khu Reynolds Hall, cầm tay anh khi họ đi dạo qua tòa nhà Hearn và Manchester. Học xá vắng lặng, các phòng học đã vắng bóng học sinh từ tám đời. Lá đã bắt đầu rụng nhiều, phủ thành một tấm thảm dày lên mặt đất dưới chân cây. Sảnh ký túc xá rực rỡ ánh sáng, anh nghe thấy loáng thoáng vài giai điệu trong lúc các sinh viên đang chuẩn bị đón một dịp cuối tuần khác.

Thứ Bảy, Sophia quay lại trang trại. Họ cưới ngựa một lúc, rồi sau đó, cô đi theo anh khi anh làm việc, giúp anh một tay mỗi khi có thể. Rồi họ dùng bữa ở nhà mẹ anh, và khi quay lại nhà anh, ngọn lửa lại bập bùng đầy chào đón như tuần trước. Như lần trước, cô lại quay về nhà nữ sinh mỗi khi ngọn lửa dần tàn - cô vẫn chưa sẵn sàng qua đêm cùng anh - nhưng ngày hôm sau, anh lái xe cùng cô đến công viên Pilot Mountain của bang. Họ dành cả buổi chiều leo bộ lên Big Pinnacle, cùng nhau cắm trại ăn trưa và ngắm cảnh. Họ đã lỡ mất cái khung cảnh rực rỡ sắc thu khoảng một tuần, nhưng dưới bầu trời quang mây, đường chân trời kéo dài đến tận Virginia.

Vào tuần lễ Halloween, Sophia mời Luke trở lại nhà nữ sinh. Họ có buổi tiệc tối thứ Bảy. Cái tin nóng hổi về nghề nghiệp kỳ lạ của anh và tình trạng hẹn hò của họ chắc hẳn đã ngועi bốt kể từ lần đầu tiên anh xuất hiện ở ngôi nhà, bởi chẳng ai còn đặc biệt chú ý đến anh sau mấy câu chào ban đầu. Anh thận trọng để mắt tìm Brian, nhưng chẳng thấy anh ta đâu cả. Trên đường ra về, anh nói với cô điều đó.

“Anh ta đến trận bóng bầu dục ở Clemson rồi,” Sophia nói. “Thế mới lý tưởng cho anh ghé qua tối nay chứ.”

Sáng hôm sau, anh quay lại nhà nữ sinh để đón cô, và họ đi lòng vòng quanh khu Old Salem, ngắm nhìn cảnh vật, rồi quay lại nhà mẹ anh ở trang trại, cuối tuần lần thứ ba liên tiếp. Sau đó, khi nói lời tạm biệt bên cạnh xe cô, anh hỏi liệu dịp cuối tuần sau cô có rỗi không - anh muốn đưa cô đến nơi anh đã từng đến du lịch ngày còn bé, họ sẽ cưới ngựa giữa những khung cảnh đẹp tuyệt vời.

Sophia hôn anh rồi mỉm cười. “Nghe hoàn hảo đấy.”



Lúc Sophia đến trang trại, Luke đã cho ngựa lên xe moóc và xếp đồ lên xe tải. Vài phút sau, họ đã ở trên cao tốc đi về hướng Tây. Sophia nghịch nghịch cái đài phát thanh. Cô dừng lại ở kênh nhạc hip hop, vặn âm lượng to đến khi anh không chịu nổi nữa và chuyển sang kênh nhạc đồng quê miền Tây.

“Em tự hỏi anh có thể chịu được bao lâu,” cô nói, mỉm cười đắc ý.

“Anh chỉ nghĩ kênh này hợp không khí hơn thôi, có ngựa với bao nhiêu thứ nữa này.”

“Còn em thì nghĩ anh chẳng bao giờ coi trọng những thể loại nhạc khác.”

“Anh có nghe cả thể loại khác mà.”

“Vậy à? Ví dụ?”

“Hip hop đó. Trong ba mươi phút vừa rồi. Nhưng may là anh chuyển. Anh có thể thấy mình bắt đầu muốn nhảy, mà anh lại không muốn bị mất lái.”

Cô khúc khích. “Hửn rồi. Anh biết gì không? Hôm qua em đã mua một đôi boots. Đôi boots của riêng em. Thấy chưa?” Cô giơ chân lên, tạo dáng trong khi anh chiêm ngưỡng nó.

“Anh có để ý lúc anh cho túi của em vào trong xe.”

“Và?”

“Em bắt đầu biến thành dân đồng quê thực thụ rồi đấy. Chẳng mấy chốc mà em sẽ buộc gia súc như dân chuyên nghiệp thôi.”

“Chưa chắc,” cô nói. “Theo em được biết thì trong bảo tàng chẳng có nhiều bò thớ thăn lắm đâu. Nhưng anh có thể dạy em làm cuối tuần này.”

“Anh không mang theo đây. Nhưng anh có nhớ mang thêm một cái mũ cho em. Một trong mấy cái mũ đẹp của anh đấy. Anh đã đội nó lúc đấu giải Vô địch Thế giới.”

Cô nhìn anh. “Sao thỉnh thoảng em cứ có cảm giác là anh muốn cải tạo em thế nhỉ?”

“Anh chỉ đề nghị... sửa sang lại chút thôi mà.”

“Anh cứ liệu, không là em mách mẹ em những gì anh đã nói đấy. Hiện tại em đã thuyết phục bà tin anh là một chàng trai tốt, và anh nên giữ ấn tượng như thế với bà đi nhé.”

Anh cười. “Anh sẽ lưu ý điều đó.”

“Vậy nói em nghe mình đi đâu đi. Anh kể ngày bé anh vẫn thường đến đây à?”

“Mẹ anh đã phát hiện ra nơi ấy. Lúc đi gọi vốn làm ăn, bà đi đường này và vô tình đến đó. Trước đây nó là một khu trại hè ế ẩm, nhưng những người chủ mới hiểu ra nếu đón thêm cả dân cuoir ngựa, họ có thể có khách đến trú quanh năm. Họ cải thiện một số thứ ở các cabin và bổ sung một gian chuồng ngựa sau mỗi cabin, mẹ anh mê chỗ đó luôn. Khi nào tới nơi em sẽ hiểu vì sao.”

“Nôn quá. Nhưng sao anh khiến mẹ anh đồng ý để anh đi suốt cả cuối tuần được thế?”

“Anh hoàn thành gần hết công việc trước khi đi và trả thêm một chút cho José để đến giúp khi anh đi vắng. Bà sẽ ổn thôi.”

“Em tưởng anh nói lúc nào cũng có việc để làm.”

“Đúng rồi. Nhưng không có việc gì mẹ anh không làm được cả. Sắp tới cũng chẳng có việc gì khẩn.”

“Bà có bao giờ được rời khỏi trang trại không?”

“Thường xuyên mà. Bà cố gắng mỗi năm đi thăm khách hàng của nhà anh ít nhất một lần và họ ở rải rác khắp bang.”

“Bà có bao giờ đi nghỉ không?”

“Bà không thích các kỳ nghỉ lắm.”

“Ai cũng cần được nghỉ ngơi lúc này hay lúc khác.”

“Anh biết. Và anh cũng cố thuyết phục mẹ như thế. Có lần anh còn mua vé du thuyền cho mẹ cơ.”

“Bà có đi không?”

“Bà trả vé và nhận lại tiền. Cái tuần đáng lẽ đi du thuyền, bà lại lái xe đến Georgia để xem một con bò tốt đang được bán, rồi cuối cùng bà mua nó.”

“Để cưới sao?”

“Không. Để nhân giống. Sẵn nói luôn, nó vẫn còn ở trang trại đó. Xấu tính lắm. Nhưng vẫn hoàn thành nhiệm vụ.”

Cô trầm tư trước thông tin này. “Bà có bạn bè gì không?”

“Có một vài người. Bà vẫn thường đi thăm họ. Có một dạo bà ở trong câu lạc bộ bài bridge với vài phụ nữ trong thị trấn. Nhưng gần đây, bà đang cố tìm cách mở rộng đàn gia súc và việc đó chiếm khá nhiều thời gian của bà. Bà muốn bổ sung vài trăm đôi nữa, nhưng đồng cỏ nhà anh không đủ chỗ, nên bà đang cố tìm thêm chỗ để chăn chúng.”

“Tại sao? Bà không nghĩ là bà đã đủ bạn lắm rồi à?”

Anh để lại tay trên vô lăng rồi thở dài. “Hiện tại,” anh nói, “nhà anh không có nhiều sự lựa chọn lắm.”

Anh có thể nhận thấy ánh mắt thắc mắc của Sophia, nhưng không muốn nói về chuyện đó, anh bèn đổi chủ đề. “Em có về nhà vào lễ Tạ ơn không?”

“Có,” cô nói. “Nếu xe của em còn chạy được. Mỗi lần em khởi động là nó rên lên ken két. Tiếng động cơ nghe như đâm vào tai ấy.”

“Chắc chỉ là do dây curoa bị lỏng thôi.”

“Vâng, mà sửa thì có lẽ đắt trong khi em đang phải tiết kiệm.”

“Nếu em muốn, anh có thể sửa nó.”

Cô quay sang anh. “Sao em không có chút nghi ngờ gì về chuyện đó nhỉ?”



Đi đến khu trại mất hơn hai tiếng một chút, những đám mây chậm chậm lấp đầy bầu trời và trải ra đến những ngọn núi đỉnh xanh biếc nằm rải rác nơi chân trời. Có một lúc, đường cao tốc bắt đầu lên dốc, không khí loãng hơn và mát lạnh, họ dừng chân tại một hiệu tạp hóa để mua vài món. Tất cả đều được cho vào thùng giữ lạnh trên thùng xe.

Luke ra khỏi đường cao tốc chính sau khi rời thị trấn, đi theo một con đường vòng thoải thoải như được tạc vào núi. Bên phía Sophia đường dốc thăm thẳm, những ngọn cây hiện lên bên ngoài cửa kính. Thật may là đường vắng xe, nhưng mỗi lần có xe đi ngược chiều, Luke phải nắm chặt vô lăng bằng hai tay khi bánh xe tải trượt trên mép con đường nhựa.

Anh cho xe đi chậm lại, tìm chỗ rẽ bởi đã nhiều năm không đến thăm nơi này, và ngay khi tưởng rằng mình đã đi quá, anh phát hiện ra nó ở ngay sau chỗ ngoặt. Đó là một con đường đất, có vài chỗ dốc hơn trong trí nhớ của anh. Anh cho xe chuyển sang chế độ tự tăng tốc trong lúc từ từ lái lên qua những cái cây ép vào từ hai bên.

Khi đến khu trại, suy nghĩ đầu tiên của anh là nó không thay đổi nhiều lắm, với mười hai cabin trải rộng thành hình bán nguyệt từ cửa hàng chung, và cũng kiêm luôn văn phòng. Phía sau cửa hàng là hồ nước, lấp lánh thứ ánh xanh trong suốt chỉ có thể tìm thấy trên núi.

Sau khi nhận phòng, Luke lấy đồ ra khỏi thùng giữ lạnh rồi đổ nước vào máng cho lũ ngựa, trong lúc Sophia lang thang về phía hẻm núi. Cô ngắm nhìn khung cảnh thung lũng nằm hơn ba trăm mét bên dưới, và khi Luke xong việc, anh ra hẻm núi cùng cô, họ nhìn từ đỉnh này sang đỉnh khác. Phía dưới kia là một tập hợp các ngôi nhà trang trại và những con đường trải sỏi với sỏi và thối mọc thành hàng hai bên, mọi thứ trông như được thu nhỏ, như những mô hình trên một bức tranh tấm sâu.

Khi họ đứng bên nhau, anh nhận ra trên gương mặt cô vẻ kinh ngạc giống với anh ngày bé mỗi lần đến đây. “Em chưa từng thấy điều gì như thế này,” cô thì thầm, choáng ngợp. “Nó khiến em ngạt thở.”

Anh chăm chú nhìn cô, tự hỏi làm thế nào mà chỉ trong một thời gian ngắn cô lại có ý nghĩa với anh nhiều như thế. Ngắm nhìn vóc dáng yêu kiều của cô, anh chắc chắn mình chưa bao giờ gặp người nào xinh đẹp hơn thế.

“Anh cũng đang nghĩ hệt như vậy.”



Sophia

Họ ở trong cabin chỉ đủ lâu để Sophia cho một vài thứ đồ vào tủ lạnh và để ý thấy một cái bồn có chân đỡ trong phòng tắm, nhưng ấn tượng ban đầu của cô là cái vẻ cũ kỹ nhưng ấm cúng dễ chịu, một nơi hoàn hảo cho một buổi tối cuối tuần đi chơi xa. Trong khi đó, Luke bận rộn làm bánh mì kẹp để ăn cùng với chỗ hoa quả, khoai tây chiên và mấy chai nước anh mua ở cửa hàng.

Luke cho bữa trưa của họ vào chiếc túi đeo quai chéo trước khi họ tiến ra một trong rất nhiều những con đường mòn cắt nhau trong khuôn viên khu trại. Như thường lệ, anh cưới con Ngựa, còn cô, lại một lần nữa, ngồi trên Ác Quỷ, cô vẫn cho rằng con ngựa này, tuy chậm nhưng chắc, đang dần quen với cô. Nó đánh hơi tay cô rồi hí lên đầy hài lòng trong lúc Luke thắng yên, và có thể do nó đang ở một nơi xa lạ, nên chỉ cần khẽ chạm nhẹ dây cương cũng đủ định hướng cho nó.

Con đường mòn dốc lên trước mặt họ, len lỏi giữa những hàng cây đôi chỗ vô cùng rậm rạp, cô không nghĩ có người nào từng đi qua nơi này trước đây. Có lúc, con đường mòn mở ra một khung cảnh rộng lớn mà cô mới chỉ nhìn thấy qua những tấm bưu thiếp. Họ đi qua

những đồng cỏ cao, xanh, mọc sum suê, và Sophia cố hình dung mỗi khi hè đến chúng lại được lấp đầy bởi hoa dại và bướm. Cô thấy biết ơn chiếc áo khoác và mũ cao bồi, bởi phần lớn đoạn đường mòn được cây cối che bóng râm còn trời thì lộng gió khi họ đi lên những vị trí cao hơn.

Những đoạn đường hẹp không đủ để đi song song, Luke ra hiệu cho cô lên trước, và đôi khi anh đi tụt lại phía sau một chút. Những lúc như vậy, cô tưởng tượng mình là một người khai hoang cuối cùng đã đến được miền Tây, đơn độc trong một khung cảnh bao la, chưa bị tàn phá.

Họ cuời ngựa trong vài giờ rồi dừng ăn trưa tại một khoảng đất trống gần đỉnh núi. Tại một vị trí cao ở khoảng đất trống, họ ngồi ăn trên những tảng đá, nhìn một đôi chim ung bay lượn phía dưới. Sau bữa trưa, họ cuời ngựa đi theo lối mòn thêm ba tiếng nữa, đôi khi là theo con đường dẫn ra mép vách núi dốc đứng, sự mạo hiểm kích thích mọi giác quan của Sophia.

Một tiếng trước khi mặt trời lặn, họ quay lại cabin và chải lưng cho lũ ngựa rồi cho chúng ăn vài quả táo cùng thức ăn như mọi khi. Khi họ xong việc, trăng đã bắt đầu lên, tròn trịa và màu trắng sữa, những ngôi sao đầu tiên cũng dần xuất hiện.

“Em nghĩ em đang có hứng ngâm mình một chút trước khi ta dùng bữa,” cô nói.

“Em có phiền không nếu anh tắm trước?”

“Miễn anh hứa sẽ không dùng hết nước nóng.”

“Anh sẽ tắm nhanh thôi. Anh hứa đấy.”

Nhường phòng tắm cho Luke, cô vào bếp và mở tủ lạnh. Bên trong có một chai vang Chardonnay cùng một lốc sáu chai bia Sierra Nevada Pale Ale mà họ đã mua trước đó,

và sau khi đã cân nhắc xem mình muốn uống gì trước, cô tìm cái mở nắp chai hình xoắn trong ngăn kéo.

Trong tủ bếp không có ly rượu, nhưng cô tìm thấy một lọ đựng mứt bỏ không. Thế cũng được. Cô mở chai rượu bằng một động tác thành thục và rót vào cái lọ.

Lắc đều chỗ vang Chardonnay trong lọ, cô thấy mình như thể một đứa trẻ đang chơi trò tập làm người lớn. Nghĩ lại, cô nhận ra mình thường cảm thấy như vậy, dù đã sắp tốt nghiệp đại học. Ví dụ như cô chưa bao giờ phải thuê một căn hộ. Cô chưa bao giờ làm việc cho ai ngoài gia đình mình. Cô chưa bao giờ phải trả hóa đơn tiền điện, và thậm chí dù đã chuyển ra ngoài sống, thì Wake cũng không phải đòi thực. Đại học không phải đòi thực. Nó là một thế giới tưởng tượng, cô biết thế, khác hoàn toàn với thế giới mà cô sẽ phải đối mặt trong vài tháng nữa. Không như đi làm, những tiết học thường bắt đầu lúc mười giờ sáng và thường kết thúc vào khoảng hai giờ chiều. Trong khi đó, những buổi tối và cuối tuần được dành hoàn toàn cho việc giải trí, giao lưu và phá vỡ các giới hạn. Nó chẳng có điểm chung nào với đường đời mà bố mẹ cô đã đi, ít ra là với những gì cô thấy thế.

Đại học vui là vậy, nhưng đôi khi cô không khỏi cảm thấy rằng cuộc sống của mình đã chững lại suốt mấy năm qua. Phải đến khi gặp Luke, cô mới nhận ra rằng những điều mình học được trên lớp ít ỏi thế nào.

Không như cô, Luke như một người trưởng thành. Anh không học đại học, nhưng anh hiểu đời: con người, các mối quan hệ và công việc. Anh đã là một trong những người giỏi nhất thế giới ở môn cưới bỏ tốt, và cô không nghi ngờ việc anh sẽ lại giành được vị trí đó. Anh có thể sửa chữa bất cứ thứ gì, anh tự dựng nhà cho mình. Dù tính theo chuẩn nào, thì anh cũng đã thành công ở rất

nhiều việc trong cuộc đời, và ngay lúc này, bỗng dưng cô thấy khó mà tưởng tượng được việc mình có thể đạt được nhiều như thế - kể cả trong những lĩnh vực hoàn toàn khác - trong vòng ba năm tới. Ai biết được liệu cô có tìm được việc trong lĩnh vực cô đã chọn không, một công việc được trả lương...

Cô chỉ biết rằng cô đang ở đây với Luke, và ở bên anh khiến cô thấy mình rút cuộc cũng thực sự tiến lên phía trước, theo một cách nào đó. Bởi những gì đang tồn tại giữa họ đều được xây dựng trong thế giới thực, không phải trong cái bong bóng ảo tưởng của cuộc sống đại học. Luke là thật, thật hơn bất cứ ai cô từng gặp.

Cô nghe thấy tiếng nước ngừng chảy, một tiếng cạch vang lên trong đường ống cắt đứt dòng suy nghĩ của cô. Tay cảm lạnh đọng rượi, cô đi một vòng quanh cabin. Căn bếp nhỏ và thiết thực với những ngăn tủ rẻ tiền. Mặc dù mặt kệ bếp đã bong tróc và những vòng tròn gỉ sét đã làm ố bẩn rửa, nó có mùi của thuốc sát trùng và thuốc tẩy. Sàn nhà mới được quét, và mọi bề mặt đều không có bụi.

Khu vực sinh hoạt chung nho nhỏ với sàn lát gỗ thông đã trầy xước và tường ốp ván gỗ tuyết tùng chỉ đủ chỗ cho một chiếc đi văng vải kẻ ô đã sờn và hai chiếc ghế bập bênh. Rèm cửa xanh da trời bao quanh cửa sổ, một chiếc đèn đứng đơn độc trong góc. Sophia băng qua phòng để bật nó lên, để rồi nhận ra rằng cũng chả sáng hơn ban nãy, lúc chỉ có một bóng đèn trong bếp. Điều đó giải thích cho những cây nến và chỗ diêm trên bàn cà phê. Trên giá đối diện cửa sổ là những cuốn sách đủ thể loại mà cô đoán đã bị những vị khách khác bỏ lại, một vài bầy mỗi khi đi săn - mấy con vịt - và một con sóc nhồi bông. Một chiếc ti vi nhỏ với ăng ten tai thỏ nằm chính giữa giá sách, mặc dù chẳng định bật

lên, nhưng cô đoán nếu bật thì chắc nó cũng chẳng bắt nổi hơn một, hai kênh.

Cô lại nghe thấy tiếng nước chảy và cửa phòng tắm cốt kết mở ra, Luke bước ra ngoài, trông sạch sẽ và sáng khoải trong chiếc quần jean và áo sơ mi trắng có khuy cài cổ và tay áo xắn lên. Anh đi chân trần, và trông anh như thể đã lấy tay bôi tóc thay vì dùng lược. Từ phía bên này của căn phòng, cô có thể thấy một vết sẹo trắng nhỏ trên má anh, trước đây cô chưa từng nhận ra nó.

“Của em cả đấy,” anh nói. “Anh đã mở nước sẵn cho em rồi.”

“Cảm ơn anh,” cô nói. Cô hôn phớt anh khi đi ngang qua. “Có thể em sẽ ở trong đó ba, bốn mươi phút đấy.”

“Em cứ thoải mái. Anh còn phải chuẩn bị bữa tối nữa mà.”

“Một món đặc biệt khác sao?” cô nói vọng ra từ phòng ngủ, cô đang bôi chiếc túi du lịch trong đó.

“Anh thích món đó.”

“Còn ai thích nữa không?”

“Câu hỏi hay đấy. Chắc hai ta sẽ biết sớm thôi nhỉ?”

Nước đang chảy đầy bồn tắm đúng như anh nói. Nước nóng hơn cô tưởng, cô mở vòi khác, cố làm nó nguội đi đôi chút, ước có xà phòng tạo bọt hay tinh dầu thơm cho trẻ em ở đây.

Cô cởi quần áo, nhận thấy cơn đau nhức ở dưới chân và phần lưng dưới. Cô hy vọng sáng hôm sau người sẽ không cứng đến mức đi không nổi. Với lấy lọ rượu, cô thả mình vào trong nước, cảm thấy thật sang trọng, dù không gian xung quanh có hơi khiêm tốn.

Phòng tắm có một buồng hoa sen nhỏ riêng biệt, và Luke đã móc cái khăn tắm lên chỗ tay cầm. Việc mới mấy

phút trước anh đã khỏa thân trong đó làm cô cảm thấy hạ thể có chút chộn rộn.

Cô biết điều gì có thể xảy ra vào cuối tuần này. Lần đầu tiên, họ không nói lời tạm biệt cạnh xe cô; đêm nay, cô không quay về ngôi nhà nữ sinh. Nhưng cô có cảm giác thật tự nhiên khi ở bên Luke. Một cảm giác đúng đắn, ngay cả khi cô tự thừa nhận rằng mình không có nhiều kinh nghiệm trong chuyện này đến vậy. Brian là người đầu tiên và duy nhất cô từng ngủ cùng. Chuyện xảy ra hôm dạ vũ Giáng sinh, khi họ đã hẹn hò được hai tháng. Cô không nghĩ chuyện đó sẽ xảy ra vào đêm hôm ấy, nhưng cũng như những người khác, cô đã rất vui vẻ và có lẽ đã uống hơi nhiều, và khi anh ta đưa cô lên phòng, họ đắm đuối hôn nhau trên giường. Brian thì cứ nài nỉ, căn phòng thì quay cuồng, rồi chuyện nọ dẫn đến chuyện kia. Sáng hôm sau, cô không biết mình nên nghĩ gì về chuyện đó. Mà Brian cũng chẳng ở đó để giúp cô - cô chỉ mơ hồ nhớ rằng anh ta có nói chuyện với vài người bạn vào tối hôm trước về việc sang phòng họ làm vài ly Bloody Mary buổi sáng hôm sau. Đầu đầu như búa bổ, cô loạng choạng đi vào phòng tắm, và khi nước vòi sen xả xuống người, hàng triệu suy nghĩ chạy qua tâm trí cô. Cô cảm thấy nhẹ lòng khi cuối cùng cũng đã làm chuyện đó - như bao người khác, cô đã tự hỏi cảm giác ấy là như thế nào - và cô thấy vui vì đã làm điều đó cùng Brian, trên một chiếc giường, chứ không phải ở ghế sau ô tô hay một nơi nào đó kỳ cục gần như vậy. Nhưng vì một lý do nào đó, nó cũng khiến cô buồn. Cô có thể tưởng tượng ra mẹ cô sẽ nghĩ gì - hay, vì Chúa, bố cô - và kỳ thực, cô đã nghĩ rằng chuyện đó sẽ là... *một cái gì đó* hơn thế. Ý nghĩa. Lãng mạn. Đáng nhớ. Nhưng thực sự, điều cô muốn nhất lúc ấy chỉ là quay trở về học xá.

Sau đó, Brian cũng giống như hầu hết những tên con trai khác. Bất cứ khi nào họ ở riêng, anh ta lại muốn quan hệ, và trong một khoảng thời gian ngắn, cô nghĩ cô cũng muốn thế. Nhưng rồi cô có cảm giác như chuyện đó là tất cả những gì anh ta muốn, và điều đó bắt đầu làm phiền cô, ngay cả trước khi anh ta phản bội cô.

Giờ thì cô ở đây, một mình qua đêm với một người con trai khác, lần đầu tiên kể từ sau Brian. Cô băn khoăn không hiểu tại sao mình không thấy hồi hộp, nhưng đúng là cô không hồi hộp. Thay vào đó, cô thăm xà phòng vào miếng bọt tắm rồi xoa lên da, tưởng tượng xem Luke đang làm gì trong nhà bếp. Cô tự hỏi liệu anh có nghĩ về cô trong lúc cô ngâm mình trong bồn tắm hay không, hay thậm chí tưởng tượng trông cô thế nào khi không mặc quần áo, và rồi hạ thế cô lại chọn rộn.

Cô nhận ra rằng cô muốn điều này. Cô muốn yêu ai đó mình có thể tin tưởng được. Và cô tin Luke. Chưa bao giờ, dù chỉ một lần, anh bắt cô làm điều cô không muốn; chưa bao giờ anh tỏ ra thiếu lịch sự với cô. Càng dành thời gian ở bên anh, cô càng tin rằng anh là người đàn ông quyến rũ nhất mà cô từng gặp. Ngoài anh ra, cô còn biết ai có thể làm việc chân tay như vậy? Ai có thể làm cô cười? Ai vừa thông minh và có duyên, vừa tự lập và ngọt ngào? Và còn ai có thể cho cô cười ngửa ở một trong những nơi đẹp nhất thế giới nữa?

Đắm mình trong bồn tắm và nhâm nhi rượu, lần đầu tiên cô cảm thấy mình già hơn tuổi. Cô uống nốt chỗ rượu, cảm thấy ấm áp và thoải mái, khi nước bắt đầu nguội, cô leo khỏi bồn tắm và lau người. Cô lục tìm trong túi, định mặc quần jean nhưng lại nhận ra rằng cô toàn mặc như vậy khi họ bên nhau. Cô đổi ý, lấy ra một chiếc váy, quần tất, áo sơ mi

ôm rồi mặc vào. Cô tạo kiểu tóc, cảm thấy hài lòng vì đã nhớ mang theo cả máy uốn tóc và máy sấy. Tiếp đến là trang điểm; cô chải thêm một chút mascara và đánh mắt nhiều hơn bình thường, hơn một lần phải lau tấm gương cũ để sạch hơi nước. Cô hoàn tất bộ trang phục bằng một đôi hoa tai vòng mẹ mua cho dịp Giáng sinh năm ngoái. Khi đã xong, cô ngắm lại mình một lần nữa, rồi hít một hơi thật sâu, cô cầm cái lọ đựng mứt trống không và bước ra sảnh. Luke đứng trong bếp, quay lưng về phía cô trong lúc khuấy một cái nồi trên bếp. Trên kệ bếp cạnh anh là một hộp bánh quy và một chai bia, cô nhìn anh với lấy cái chai rồi hóp một hơi dài.

Anh không nghe thấy tiếng cô ra khỏi phòng tắm, và trong một lúc cô cứ thế lặng thinh ngắm anh, ngắm nghĩa chiếc quần jean vừa vặn và những động tác nhuần nhuyễn, thông thả khi anh nấu nướng. Cô lảng lảng đi về phía cuối bàn, cúi xuống thấp nển. Cô lùi lại ngắm nhìn khung cảnh này, rồi bước đến tắt đèn. Căn phòng tối đi, trở nên gần gũi hơn, ánh nển bập bùng.

Nhận ra ánh sáng thay đổi, Luke liếc ra sau. “Chào em,” anh khi cô tiến đến. “Anh không biết là em đã xong...”

Anh ngừng lời khi cô từ trong bóng tối bước ra dưới ánh nển vàng vàng của căn bếp. Thật lâu, anh đón nhận hình ảnh của cô, nhận ra hy vọng và khao khát trong ánh mắt đang khóa chặt ánh mắt anh.

“Sophia,” anh thì thầm, giọng anh nhỏ đến mức cô gần như không nghe thấy. Nhưng trong cách anh gọi tên mình, cô có thể nghe ra toàn bộ những điều anh chưa thể nói, và trong giây phút ấy cô biết rằng anh thực sự yêu cô. Và có thể chỉ là ảo tưởng, nhưng trong khoảnh khắc ấy cô cũng cảm thấy rằng anh sẽ luôn yêu cô với tất cả những gì anh có, cho dù chuyện gì xảy ra đi nữa.

“Anh xin lỗi vì đã nhìn em chăm chăm như vậy,” Luke nói. “Em đẹp quá...”

Cô cười và tiếp tục tiến đến anh, và khi anh nghiêng tới hôn cô, cô nhận ra nếu trước đó cô không yêu anh, thì giờ đây cô chắc chắn đã yêu anh mất rồi.



Sau nụ hôn cô cảm thấy hơi nôn nao, và nhận ra Luke cũng thế. Anh quay đi, cho ngọn lửa trên bếp nhỏ lại và cầm lấy chai bia, để rồi nhận ra là mình đã uống hết. Anh để nó bên cạnh bồn rửa rồi đi đến tủ lạnh để lấy chai khác và nhận ra lọ đựng mứt cô đang cầm.

“Em có muốn uống chút rượu nữa không?” anh hỏi.

Cô gật đầu, không dám mở miệng sợ lỡ lời, và đưa anh cái lọ. Ngón tay họ chạm nhau, một cảm giác xáo động dễ chịu truyền qua tay cô. Anh rút nắp chai rồi rót rượu vào lọ mứt.

“Mình có thể ăn luôn nếu em thích,” anh nói, đưa lại cô cái lọ rồi đóng nắp chai rượu. “Nhưng sẽ ngon hơn nếu mình ninh nó thêm nửa tiếng nữa. Nếu em đói thì anh đã cắt một ít phô mai mình mua lúc nãy rồi đấy.”

“Nghe được đấy,” cô nói. “Mình ra đi vắng ngồi đi.”

Anh đặt chai rượu xuống và lấy ra chai bia thứ hai cho mình, rồi lấy đĩa phô mai. Anh cho thêm nho lên đĩa và lấy hộp bánh quy trên kệ bếp rồi theo cô ra đi vắng.

Anh đặt đồ ăn lên chiếc bàn nhỏ cạnh đi vắng, tay vẫn cầm chai bia, và họ ngồi xuống cạnh nhau. Luke dang một tay ra và cô ngả người tới, lưng tựa vào ngực anh. Cô thấy tay anh vòng qua cô, đặt ngay bên dưới ngực, còn cô đặt tay lên ngực anh. Cô có thể cảm thấy ngực anh nâng lên, hạ xuống, cảm thấy nhịp thở đều đặn của anh, trong lúc những ngọn nến cháy xuống thấp hơn.

“Ồ trên này yên tĩnh quá,” cô nhận xét khi anh đặt chai bia lên bàn và vòng nốt cánh tay kia qua cô. “Em không nghe được tiếng gì bên ngoài cả.”

“Chắc lát em sẽ nghe tiếng ngựa thôi,” anh nói. “Bọn chúng không biết trật tự đâu, lại còn ở ngay bên ngoài phòng ngủ nữa. Đôi khi cũng có mấy con chồn trèo lên hiên nhà và lật tung mọi thứ lên nữa.”

“Vì sao anh không đến đây nữa?” cô hỏi. “Có phải vì bố anh không?”

Anh nói thật khế. “Sau khi bố mất, rất nhiều thứ đã thay đổi. Mẹ anh chỉ còn một mình, anh thì đi du đấu. Khi anh ở nhà, cảm giác lúc nào cũng như hai mẹ con bị tụt lại phía sau... nhưng anh nghĩ đó thực sự chỉ là lời biện hộ. Với mẹ anh, đây là nơi chốn của bố và mẹ. Anh thường ở miết ngoài trời để cưỡi ngựa rồi bơi rồi chơi đùa đến mức sau bữa tối là lăn ra giường ngủ luôn. Và nơi này sẽ trở thành không gian riêng của hai người. Về sau, khi anh vào trung học, họ thỉnh thoảng lại lên đây mà không có anh theo... nhưng giờ, bà không muốn đến đây nữa. Anh có hỏi, nhưng bà chỉ lắc đầu thôi. Anh nghĩ bà muốn nhớ về nơi này như ngày xưa. Khi ông vẫn còn ở bên hai mẹ con anh.”

Cô hóp thêm một ngụm rượu. “Lúc này em nghĩ về việc anh đã trải qua biết bao nhiêu chuyện. Xét theo một khía cạnh nào đó thì giống như anh đã ném trải mọi thứ trên đời rồi vậy.”

“Anh mong là không phải thế,” anh nói. “Anh không thích em nghĩ anh đã quá đắt.”

Cô cười, nhận ra sự tiếp xúc giữa cơ thể mình và anh, cố không nghĩ đến điều lát nữa có thể sẽ xảy ra.

“Anh có nhớ buổi tối đầu tiên mình gặp nhau không? Khi chúng mình nói chuyện, rồi anh dẫn em đi xem lũ bò ấy?”

“Tất nhiên rồi.”

“Anh có bao giờ tưởng tượng là mình sẽ đi đến giai đoạn này không?”

Anh vói lấy chai bia và hộp một ngụm trước khi để nó lên đi vắng bên cạnh cô. Cô cảm thấy được hơi lạnh từ chai bia gần đùi mình. “Lúc ấy, anh chỉ ngạc nhiên vì em lại nói chuyện với anh thôi.”

“Sao anh lại thấy ngạc nhiên chứ?”

Anh hôn mái tóc cô. “Em còn phải hỏi sao? Em thật hoàn hảo.”

“Em không hoàn hảo,” cô phản đối. “Còn lâu mới hoàn hảo.” Cô xoay vòng chỗ rượu trong chiếc lọ. “Anh cứ hỏi Brian ấy.”

“Em chẳng liên quan gì đến những chuyện xảy ra với anh ta cả.”

“Có thể là không,” cô nói. “Nhưng...”

Luke không nói gì, cho cô thời gian để cân nhắc điều cô định nói. Cô quay sang, nhìn thẳng vào anh.

“Em đã kể với anh là hồi mùa hè năm ngoái em suy sụp thế nào rồi phải không? Và em sút cân nhiều vì em không ăn được gì.”

“Em kể rồi.”

“Những chuyện đó đều là thật. Nhưng em chưa kể với anh rằng trong một khoảng thời gian ngắn, em đã suy nghĩ về việc tự tử. Không hẳn là em định làm thật; mà nó giống một ý niệm hơn, một điều gì đó em bám lấy, để thấy khá hơn. Em tỉnh giấc mà không màng đến bất cứ điều gì, em không ăn được, rồi em nghĩ có một cách chắc chắn chấm dứt được nỗi đau này và đó là chấm dứt tất cả. Ngay cả lúc ấy, em cũng biết thế là điên rồ, và như em nói, em chưa bao giờ thực sự có ý định thực hiện việc

đó. Nhưng chỉ cần nghĩ rằng có một sự lựa chọn như vậy cũng làm em thấy mình vẫn còn khả năng kiểm soát. Đó là điều em cần nhất vào lúc ấy. Suy nghĩ rằng em vẫn còn khả năng kiểm soát. Rồi từng chút một, em đã có thể lấy lại bình tĩnh. Đó là lý do tại sao khi Brian lừa dối em lần nữa, em đã có thể bỏ đi.” Cô nhắm mắt, ký ức về những ngày tháng ấy trôi qua như một cái bóng phủ lên khuôn mặt cô. “Chắc lúc này anh đang nghĩ rằng mình đã phạm sai lầm.”

“Không hề,” anh nói.

“Kể cả khi em bị điên sao?”

“Em không điên. Chính em nói em chưa bao giờ thực sự có ý định làm việc đó mà.”

“Nhưng sao em lại cứ bám lấy cái ý tưởng ấy? Sao em lại nghĩ đến chuyện đó?”

“Em vẫn còn nghĩ đến chuyện đó sao?”

“Chưa từng,” cô nói. “Từ mùa xuân năm ngoái đến giờ thì chưa.”

“Vậy thì anh không lo lắm đâu. Em không phải là người đầu tiên trên thế giới *nghĩ* về chuyện đó. Từ suy nghĩ đến dự định là một khoảng cách lớn, và để đi đến thực hiện thì còn là một khoảng cách lớn hơn nữa.”

Cô cân nhắc lời anh nói, hiểu ý anh. “Anh suy nghĩ về chuyện này lý trí quá rồi.”

“Có lẽ đó là vì anh chưa từng trải qua chuyện đó.”

Cô siết chặt tay anh. “Mà này, không ai biết gì về chuyện này cả. Ngay cả bố mẹ em cũng không, cả Marcia nữa.”

“Anh sẽ không nói với ai đâu,” anh nói. “Nhưng nếu lại cảm thấy thế, em nên cân nhắc kể cho ai đó khôn ngoan hơn anh. Ai đó biết nên nói gì với em, có thể giúp em định hướng lại mọi chuyện.”

“Em cũng định thế. Nhưng hy vọng chuyện ấy không xảy ra nữa.”

Họ ngồi trong im lặng, cơ thể anh ấm áp bên cô. “Anh vẫn nghĩ là em hoàn hảo,” anh nói, khiến cô bật cười.

“Anh đúng là dẻo miệng,” cô trêu. Cô ngẩng đầu lên hôn vào má anh. “Nhưng em có thể hỏi anh một chuyện được không?”

“Bất cứ chuyện gì,” anh trả lời.

“Anh nói mẹ anh muốn nhân đôi số gia súc và khi em hỏi lý do, anh nói bà không có lựa chọn nào khác. Thế có nghĩa là gì?”

Anh vuốt ngón tay dọc theo mu bàn tay cô. “Đó là một câu chuyện dài.”

“Lại thế rồi? Vậy thì trả lời em câu này. Việc đó có liên quan gì đến con Quái Thú Cục Súc không?”

Cô thấy cơ bắp của anh đột nhiên căng cứng, dù chỉ trong chốc lát. “Sao em lại nói thế?”

“Coi như là linh cảm đi,” cô nói. “Anh cũng chưa bao giờ kể hết chuyện ấy, nên em cứ cho rằng chúng có liên quan.” Cô ngập ngừng. “Em nói đúng phải không?”

Cô thấy anh hít một hơi dài rồi chậm chậm thở ra. “Anh tưởng mình nắm được xu hướng của nó,” Luke bắt đầu kể, “và anh đã đúng - lúc đầu thôi. Cưỡi được nửa thời gian, anh phạm sai lầm. Anh chúi người hơi quá về phía trước đúng lúc Quái Thú Cục Súc hất đầu lên và anh bị đập bất tỉnh. Khi anh ngã xuống, Quái Thú Cục Súc kéo anh vòng quanh khu thi đấu. Nó làm trật khớp vai anh, nhưng đó chưa phải điều tồi tệ nhất.” Luke gãi chỗ râu lởm chớm trên cằm, rồi tiếp tục, giọng anh thản nhiên, gần như xa cách. “Khi anh nằm dưới đất, con bò quay lại chỗ anh. Kết cục khá tồi tệ. Anh phải nằm ở khu điều trị tích cực rất

lâu... nhưng các bác sĩ đã rất xuất sắc và anh cũng may mắn. Sau khi tỉnh lại, anh hồi phục nhanh hơn họ tưởng nhiều. Nhưng anh vẫn phải nằm viện một thời gian dài, rồi thêm vài tháng phục hồi chức năng. Và mẹ anh...”

Anh ngừng lời, mặc dù anh kể chuyện với giọng lạnh băng, Sophia vẫn cảm thấy trái tim mình đập nhanh hơn khi cô cố hình dung ra những vết thương của anh.

“Mẹ anh... bà đã làm những việc mà hầu hết bà mẹ nào cũng sẽ làm, phải không? Bà làm mọi thứ trong khả năng để chắc chắn rằng anh nhận được sự chăm sóc tốt nhất có thể. Nhưng vấn đề là, anh không có bảo hiểm y tế - dân cuoir bò khó mà có được, vì cuoir bò rất nguy hiểm. Hoặc ít ra là hồi đấy họ không có. Chuyến du đấu chỉ chi trả một phần rất nhỏ, nhưng còn lâu mới đủ trang trải hết viện phí. Thế nên mẹ anh mới phải thế chấp trang trại.” Anh ngừng lời, bỗng có vẻ già trước tuổi. “Điều khoản không tốt, còn thuế đất sắp được điều chỉnh lại vào mùa hè năm sau. Trang trại không có đủ nguồn thu để trang trải cho những khoản trả góp hàng tháng sắp tới. Hiện tại hai mẹ con anh đã gần như không trả nổi rồi. Từ năm ngoái hai mẹ con đã làm đủ mọi việc có thể để tìm cách kiếm thêm tiền từ trang trại, nhưng vô ích. Bọn anh vẫn còn thiếu rất nhiều.”

“Nghĩa là sao?”

“Nghĩa là nhà anh sẽ phải bán nó đi. Hoặc cuối cùng, ngân hàng sẽ lấy nó. Và đây là cuộc sống duy nhất mà mẹ anh biết. Bà đã dựng nên cơ nghiệp này, bà đã sống ở trang trại suốt cuộc đời...” Anh thở dài rồi mới tiếp tục. “Bà đã năm mươi lăm tuổi rồi. Bà sẽ đi đâu được chứ? Bà sẽ làm gì? Anh còn trẻ. Anh có thể đi bất cứ đâu. Nhưng để bà phải mất mọi thứ? Vì anh ư? Anh không thể để bà bị như vậy. Anh sẽ không để như thế.”

“Đó là lý do anh lại thi đấu cưới bò,” Sophia nói.

“Phải,” anh thừa nhận. “Điều đó sẽ giúp giải quyết các khoản trả góp, và vài năm nữa, anh có thể cải thiện được chỗ nợ nần, từ đó có thể giảm bớt phần nợ gốc xuống thành một khoản có thể thanh toán.”

Sophia co đầu gối lên. “Vậy tại sao bà không muốn anh cưới bò?”

Luke như đang cẩn thận chọn lựa từ ngữ. “Bà không muốn anh lại bị thương. Nhưng anh đâu còn lựa chọn nào khác? Anh còn không muốn cưới bò nữa kìa... nó không còn như trước với anh. Nhưng anh không biết làm gì khác. Theo những gì anh đoán, nhà anh có thể trụ được đến tháng Sáu, có thể tháng Bảy. Rồi sau đó...”

Về tội lỗi và đau buồn trên gương mặt anh khiến ngực Sophia như nghẹn lại.

“Có thể anh sẽ tìm được đồng cỏ mà anh cần thôi.”

“Có thể,” anh nói, giọng anh nghe không chắc lắm. “Tóm lại, đó là những chuyện đang xảy ra ở trang trại. Không đẹp đẽ gì cho cam. Đó là một trong những lý do anh muốn đưa em đến đây. Vì ở đây với em đồng nghĩa với việc anh không phải nghĩ về nó. Không phải lo lắng. Tất cả những gì anh làm từ khi đến nơi này là nghĩ về em và về việc anh vui đến mức nào khi em ở đây cùng anh.”

Đúng như anh đoán, một trong hai con ngựa hí một tiếng dài ở bên ngoài. Căn phòng trở nên mát mẻ hơn, không khí lạnh trên núi thấm qua các ô cửa sổ và tường.

“Có lẽ anh nên đi kiểm tra bữa tối,” anh nói. “Để bảo đảm nó không bị cháy.”

Miễn cưỡng, Sophia ngồi lên để Luke nép mình đi qua. Cảm giác tội lỗi anh mang trước những gì gây ra cho trang trại chân thật và rõ ràng đến nỗi cô đứng lên khỏi đi

văng và đi theo anh. Cô cần anh biết rằng cô ở đây để an ủi anh, không phải vì anh cần cô làm vậy, mà vì cô muốn vậy. Tình yêu cô dành cho anh biến đổi mọi thứ, và cô muốn anh cảm thấy điều đó.

Anh đang khuấy chỗ ớt thì cô đến đằng sau và luồn tay qua eo anh. Anh đứng thẳng lên và cô khẽ ôm siết anh rồi thả ra. Anh xoay người lại và kéo cô vào lòng. Cơ thể họ áp vào nhau, cô tựa vào người anh. Họ cứ ôm nhau như vậy thật lâu.

Anh cảm thấy ở bên cô thật tuyệt. Cô có thể thấy tim anh đập trong lồng ngực, nghe thấy nhịp điệu nhẹ nhàng từ hơi thở của anh. Cô dụi đầu vào cổ anh, hít vào mùi hương của anh, và khi làm thế, cô thấy trong lòng trào dâng một cảm giác khao khát trước đây cô chưa bao giờ trải nghiệm. Cô chậm chậm hôn cổ anh, lắng nghe hơi thở gấp gáp của anh.

“Anh yêu em, Sophia,” anh thì thầm.

“Em cũng yêu anh, Luke,” cô thì thầm đáp lại khi khuôn mặt anh nhích lại gần hơn. Khi môi họ chạm nhau, cô chỉ nghĩ một điều, mọi chuyện nên như thế này, mãi mãi. Sau cảm giác ngập ngừng ban đầu, nụ hôn của họ trở nên cuồng nhiệt hơn, và khi ngược lên, cô biết khao khát của mình thật đơn giản. Cô muốn toàn bộ con người anh, hơn bất cứ ai cô từng muốn, và sau khi hôn anh một lần nữa, cô vòng tay ra sau anh, tắt bếp. Không rời mắt khỏi anh, cô lần tìm tay anh rồi chậm chậm kéo anh về phòng ngủ.



Ira

Trời lại tối, và tôi vẫn ở đây. Bị bọc kín trong yên lặng, bị chôn vùi trong cái lạnh trắng xóa của mùa đông, và không thể cử động.

Tôi đã cảm cự được hơn một ngày. Ở tuổi này, và trong hoàn cảnh này, đây đã có thể là cơ để ăn mừng. Nhưng tôi đang yếu đi. Chỉ có đau đớn và cơn khát là thật. Cơ thể tôi đang lịm dần, và điều duy nhất tôi có thể làm là giữ cho đôi mắt mở. Rồi sẽ đến lúc đôi mắt khép lại, và một phần trong tôi tự hỏi liệu chúng có mở lại nữa không. Tôi nhìn chăm chăm vào Ruth, thầm nghĩ vì sao bà ấy không nói gì. Bà ấy không nhìn tôi. Thay vào đó, tôi nhìn khuôn mặt quay nghiêng của bà ấy. Mỗi lần tôi chớp mắt, dường như bà ấy lại thay đổi. Bà ấy trẻ rồi già rồi lại trẻ, và tôi tự hỏi bà ấy nghĩ gì mỗi lần thay đổi.

Tôi yêu bà ấy lắm, nhưng phải thú nhận một điều rằng bà ấy lúc nào cũng mang một vẻ gì đấy rất bí ẩn với tôi. Sáng sáng, khi chúng tôi ngồi bên bàn ăn, tôi thường thấy bà ấy nhìn ra ngoài cửa sổ. Những lúc ấy, trông bà ấy hết như hiện tại, và đôi khi tôi cũng sẽ dõi mắt theo ánh nhìn của bà ấy. Chúng tôi sẽ ngồi trong im lặng, ngắm những con chim chuyển từ cảnh này sang

cảnh khác, hay nhìn những đám mây chậm chậm hợp lại thành hình. Đôi khi tôi quan sát bà ấy, cố đọc suy nghĩ của bà ấy, nhưng bà ấy chỉ khẽ mỉm cười, bằng lòng với việc để tôi mơ hồ.

Tôi thích điểm này ở bà ấy. Tôi thích sự bí ẩn bà ấy mang vào cuộc đời tôi. Tôi thích sự im lặng đôi lúc tồn tại giữa hai người, với chúng tôi đó là một sự im lặng thoải mái. Một khoảng lặng say đắm, bắt nguồn từ sự thư thái và nỗi khát khao. Tôi thường tự hỏi liệu điều đó khiến chúng tôi khác biệt hay đó là điều các cặp đôi thường trải qua. Tôi sẽ buồn nếu như bọn tôi là ngoại lệ, nhưng tôi cũng sống đủ lâu để kết luận rằng Ruth và tôi được ban phước, điều không phải ai cũng có.

Ruth vẫn không nói gì. Có lẽ bà ấy cũng đang sống lại những tháng ngày chúng tôi từng sẽ chia.



Sau khi Ruth và tôi trở về từ kỳ trăng mật, chúng tôi bắt đầu xây dựng cuộc sống chung. Lúc đó, bố mẹ bà ấy đã chuyển đến Durham, còn Ruth và tôi ở cùng bố mẹ tôi trong lúc chúng tôi tìm mua nhà. Mặc dù ở Greensboro bắt đầu mọc lên nhiều khu dân cư mới, nhưng Ruth và tôi muốn một tổ ấm đặc trưng. Chúng tôi dành phần lớn thời gian đi xem các căn nhà trong một khu có bề dày lịch sử, và chính ở đó chúng tôi tìm thấy một căn nhà theo phong cách thời Nữ hoàng Anne được xây từ năm 1886, với một đầu hồi, một tháp tròn, và cổng vòm tô điểm cho cả mặt trước và sau của ngôi nhà. Suy nghĩ đầu tiên của tôi là nó quá to cho hai vợ chồng, nhiều không gian chúng tôi sẽ chẳng cần đến. Ngôi nhà cũng đang rất cần phải sửa chữa lại. Nhưng Ruth yêu những chỗ nép gối và vẻ tinh xảo của

nó, còn tôi thì yêu bà ấy, nên khi bà ấy nói để cho tôi quyết định, tôi đã ngó ý mua vào chiều hôm sau.

Trong lúc chờ thủ tục vay ngân hàng được hoàn tất - phải đến một tháng sau chúng tôi mới chuyển vào - tôi quay lại làm việc ở cửa hiệu còn Ruth lao đầu vào việc dạy học. Tôi phải thú nhận rằng tôi lo cho bà ấy. Ngôi trường nông thôn thuê bà ấy chủ yếu nhận những học sinh lớn lên ở các nông trại. Hơn nửa số đó sống trong những ngôi nhà không có hệ thống dẫn nước tại gia, nhiều em mặc một bộ quần áo ngày này qua ngày khác. Hai em đi học buổi đầu tiên mà không có giày. Chỉ có vài em có vẻ như quan tâm đến việc học, và khá nhiều em về cơ bản là mù chữ. Đó là một dạng nghèo nàn mà bà ấy chưa bao giờ được chứng kiến, sự nghèo nàn về ước mơ chứ không phải về tiền bạc. Sau vài tháng dạy học, Ruth chưa bao giờ trông mệt mỏi đến vậy, kể cả sau này cũng không. Ngay cả ở trong những ngôi trường tốt nhất, thì giáo viên cũng cần phải có cả thời gian lẫn kinh nghiệm để lên kế hoạch giảng dạy và thấy thoải mái, và tôi thường xuyên thấy Ruth làm việc đến khuya bên chiếc bàn bếp nhỏ, nghĩ cách làm sao để kết nối với học sinh của mình.

Dù bị rút kiệt sức lực trong suốt cả học kỳ một, nhưng rõ ràng việc dạy học cho những học sinh như vậy không chỉ là nghề nghiệp, mà còn là đam mê thật sự của bà ấy, còn hơn cả những tác phẩm nghệ thuật mà chúng tôi dần sưu tầm được. Bà ấy làm công việc này với một sự tập trung mãnh liệt khiến tôi ngạc nhiên. Bà ấy muốn học sinh của mình phải học, nhưng hơn thế, bà ấy muốn các em quý trọng giáo dục như bà ấy đã từng. Thử thách bà ấy phải đối mặt khi dạy cho những học sinh thiệt thòi ấy chỉ làm cho lòng nhiệt tình thêm bùng cháy. Trong bữa tối, bà ấy thường kể với tôi về học sinh của mình và thuật lại những “thành tựu nhỏ” khiến

bà ấy tùm tùm suốt mấy ngày liền. Và đó là cách bà ấy gọi chúng. *Ira*, bà ấy thường nói, *một trong những học sinh của em đã có một thành tựu nhỏ trong lớp hôm nay*, rồi bà ấy kể tiếp cho tôi chính xác điều gì đã xảy ra. Bà ấy kể tôi nghe khi một đứa trẻ bắt ngờ cho một đứa khác mượn bút chì, hay kỹ năng viết của các em đã tiến bộ ra sao, hay vẽ tự hào trên mặt một học sinh khi em ấy đọc được cuốn sách đầu tiên. Hơn tất cả, bà ấy quan tâm đến lũ trẻ. Bà ấy sẽ nhận ra khi một trong các em thấy buồn, và sẽ nói chuyện với các em như một người mẹ; khi bà ấy biết được rằng một vài học sinh quá nghèo không thể mang theo bữa trưa đến trường, bà ấy bắt đầu làm thêm bánh kẹp vào buổi sáng. Dần dà, học sinh của bà ấy đã đáp lại sự chăm sóc đó, như những mầm cây đáp lại nước và ánh mặt trời.

Bà ấy đã lo lắng không biết liệu lũ trẻ có đón nhận mình không. Vì bà ấy là một người Do Thái trong một trường gần như toàn người theo Cơ Đốc giáo, vì bà ấy đến từ Vienna và nói giọng Đức, bà ấy không chắc liệu chúng có xa lánh mình không. Bà ấy chưa bao giờ nói ra trực tiếp với tôi, nhưng vào một ngày tháng Mười hai tôi đã có thể khẳng định điều đó, khi tôi thấy bà ấy khóc thút thít trong phòng bếp vào cuối ngày. Mắt bà ấy sưng và đỏ lên khiến tôi sợ hãi. Tôi tưởng có điều gì khủng khiếp đã xảy ra với bố mẹ bà ấy hay bà ấy bị tai nạn gì đó. Rồi tôi để ý thấy trên bàn ngón ngang một đồng đồ thủ công. Bà ấy giải thích rằng mấy đứa học sinh đã tặng bà ấy quà nhân ngày Hanukkah, cả lũ học trò mỗi đứa một món. Bà ấy không chắc chuyện này là thế nào; bà ấy không hề kể cho các em về ngày lễ, cũng như các em rõ ràng là không biết ý nghĩa của ngày lễ này. Sau đó, bà ấy kể cho tôi là đã nghe thấy một học sinh giải thích với một học sinh khác

rằng “Hanukkah là cách người Do Thái kỷ niệm việc Chúa Jesus được sinh ra”, nhưng sự thật không quan trọng bằng những gì các em làm cho bà ấy. Phần lớn những món quà đều đơn giản - những viên đá sơn màu, những tấm thiệp tự làm, vòng tay bằng vỏ ốc - nhưng mỗi món quà đều chứa đựng tình yêu, và chính trong khoảnh khắc ấy, tôi nhận ra rằng, Ruth cuối cùng cũng đã chấp nhận Greensboro, Bắc Carolina, là nhà của mình.



Bất chấp khối lượng công việc của Ruth, chúng tôi vẫn hoàn tất được việc trang trí căn nhà. Chúng tôi dành nhiều ngày nghỉ cuối tuần của năm đầu tiên để mua sắm đồ cổ. Hệt như con mắt dành cho hội họa, bà ấy có khả năng thiên phú khi lựa chọn đồ đạc, giúp căn nhà của chúng tôi không chỉ đẹp một cách độc đáo, mà còn thân thiện.

Mùa hè sau đó, công việc sửa sang bắt đầu. Ngôi nhà cần một cái mái mới, và căn bếp và phòng tắm, mặc dù vẫn dùng được, nhưng Ruth không thích. Sàn nhà cần được đánh bóng, rất nhiều cửa sổ cần phải thay. Khi mua nhà, chúng tôi đã quyết định rằng mùa hè năm sau mới bắt đầu việc sửa chữa, khi Ruth có thời gian để giám sát thợ.

Tôi thấy nhẹ nhõm khi bà ấy sẵn lòng đảm đương trách nhiệm này. Bố mẹ tôi đã giảm thời gian làm việc tại cửa hiệu, nhưng công việc lại bận rộn hơn đúng vào năm Ruth bắt đầu dạy học. Như bố tôi đã làm trong thời gian chiến tranh, tôi lại tiếp tục thuê không gian bên cạnh cửa hiệu. Tôi mở rộng cửa hiệu và thuê thêm ba nhân công nữa. Ngay cả như vậy, tôi cũng chật vật lắm mới theo kịp. Tôi cũng thường phải làm việc đến tận tối như Ruth.

Việc cải tạo nhà diễn ra lâu hơn và tốn tiền hơn dự tính, chẳng cần phải nói, quá trình ấy mang lại nhiều bất tiện hơn so với tưởng tượng. Mãi đến cuối tháng Bảy năm 1947, người thợ cuối cùng mới ra xe rời đi, nhưng những thay đổi đến với ngôi nhà - chỗ chỉ chút ít, chỗ thì hoàn toàn - đã khiến ngôi nhà thực sự là của chúng tôi, và tôi sống ở đó được hơn sáu mươi năm rồi. Không như tôi, căn nhà vẫn còn vững chãi. Nước chảy ào ào trong ống, các ngăn tủ mở ra dễ dàng, mặt sàn phẳng như bàn bi a, trong khi tôi không thể đi từ phòng này sang phòng kia mà thiếu cái ba toong. Nếu có điều gì phàn nàn, thì ngôi nhà có vẻ hút gió, nhưng tôi bị lạnh quá lâu rồi nên cũng quên mất cảm giác ấm là thế nào. Với tôi, ngôi nhà vẫn tràn ngập yêu thương, và ở giai đoạn này của cuộc đời, tôi không đòi hỏi gì hơn.

“Ừ, đúng là nó tràn ngập, đến mức chật chội.” Ruth khịt mũi. “Ngôi nhà ấy. Ý tôi là vậy.”

Thấy một chút phản đối trong giọng điệu của bà ấy nên tôi liếc sang. “Tôi thích nó như vậy.”

“Nó nguy hiểm”

“Nó đâu có nguy hiểm.”

“Không ư? Nhớ có cháy thì sao? Ông sẽ thoát ra bằng cách nào?”

“Nếu có cháy, dù nhà có trống không tôi cũng khó mà thoát ra ngoài.”

“Ông đang biện hộ đấy.”

“Tôi già rồi. Tôi có thể bị lão suy.”

“Ông đâu có bị lão suy. Ông chỉ cứng đầu thôi.”

“Tôi muốn nhớ đấy chứ. Có sự khác nhau mà.”

“Chuyện này không tốt cho ông đâu. Những kỷ niệm đôi khi làm ông buồn.”

“Có thể,” tôi nhìn thẳng vào bà ấy và nói. “Nhưng kỷ niệm là tất cả những gì còn lại với tôi.”



Tất nhiên, Ruth nói đúng về những kỷ niệm. Nhưng bà ấy cũng đúng về ngôi nhà. Nó đã chật, không phải vì những đồ linh tinh, mà vì những bức tranh chúng tôi sưu tập. Suốt hàng năm trời, chúng tôi giữ những bức tranh trong nhà kho có kiểm soát nhiệt độ mà tôi thuê theo tháng. Ruth muốn như vậy - bà ấy lúc nào cũng lo hỏa hoạn - nhưng sau khi bà ấy mất, tôi đã thuê hai công nhân mang toàn bộ về nhà. Giờ, bức tường nào cũng ngập tràn sắc màu của các bức tranh, và tranh đã lấp đầy bốn trong năm phòng ngủ. Cả phòng khách lẫn phòng ăn đều không được sử dụng trong nhiều năm, vì các bức tranh đã chiếm trọn từng phân trống. Vài trăm bức trong đó được đóng khung, còn lại là chưa. Thay vào đó, chúng được tách riêng bằng giấy phi a xít rồi trữ trong những chiếc hộp gỗ sồi dẹt tôi thuê một thợ mộc trong thị trấn đóng và được phân theo năm mà tôi mua. Tôi phải thừa nhận rằng một ngôi nhà quá mức bừa bộn có thể đem đến cho người ta cảm giác tù túng - một nhà báo đến thăm nhà đã đi từ phòng này qua phòng khác với cái miệng há hốc - nhưng căn nhà rất sạch. Dịch vụ lau dọn của một phụ nữ đến nhà tôi hai lần một tuần để giữ cho những căn phòng tôi vẫn sử dụng sạch không tì vết, và mặc dù từ trước đến nay chẳng mấy người trong số họ nói được tiếng Anh, tôi biết Ruth hài lòng khi tôi thuê họ. Ruth luôn ghét bụi bặm và sự bừa bộn.

Sự bừa bộn không làm tôi thấy phiền. Thay vào đó, nó khiến tôi nhớ lại những tháng ngày đẹp nhất trong

cuộc hôn nhân của chúng tôi, kể cả, hay đặc biệt là, những chuyến đi của chúng tôi đến Đại học Black Mountain. Khi quá trình cải tạo kết thúc, thấy cần phải có một kỳ nghỉ, chúng tôi dành dịp kỷ niệm một năm ngày cưới ở Grove Park Inn, nơi chúng tôi đã đi nghỉ trăng mật. Chúng tôi lại đi thăm ngôi trường, nhưng lần này chúng tôi được những người bạn chào đón. Elaine và Willem không ở đó, nhưng Robert và Ken thì có, họ giới thiệu chúng tôi với Susan Weil và Pat Passlof, hai nghệ sĩ vô cùng đặc biệt có những tác phẩm được trưng bày tại rất nhiều bảo tàng. Năm ấy, chúng tôi về nhà với mười bốn bức tranh nữa.

Nhưng đến tận lúc đó, cũng chưa ai trong hai chúng tôi nghĩ sẽ trở thành nhà sưu tập. Dù gì thì, chúng tôi không giàu, việc mua những bức tranh đó cũng là một sự cố gắng, đặc biệt sau khi cải tạo ngôi nhà. Chúng tôi cũng không treo chúng lên ngay lập tức. Thay vào đó, Ruth sẽ xoay vòng chúng từ phòng này sang phòng khác, tùy tâm trạng, và có mấy lần, tôi về nhà mà bỗng cảm thấy vừa quen vừa lạ. Vào năm 1948 và 1949, chúng tôi lại quay lại Asheville và trường Black Mountain. Chúng tôi còn mua nhiều tranh hơn, và khi về nhà, bố Ruth đã gợi ý chúng tôi nên nghiêm túc với sở thích này hơn. Cũng như Ruth, ông có thể thấy rõ chất lượng của những tác phẩm chúng tôi đã mua, và ông gieo vào đầu chúng tôi ý tưởng ấy - xây dựng một bộ sưu tập đúng nghĩa, đến mức một ngày nào đó có thể xem như một bảo tàng. Tôi có thể thấy Ruth rất hứng thú với ý tưởng này. Mặc dù không đưa ra quyết định chính thức, nhưng chúng tôi đã để dành gần như toàn bộ lương của Ruth, rồi bà ấy dành rất nhiều thời gian trong năm để viết thư gửi các họa sĩ chúng tôi biết, hỏi ý kiến họ về những họa sĩ khác mà họ tin chúng tôi có thể thích. Vào

năm 1950, sau chuyến đi đến Outer Banks, chúng tôi đến New York lần đầu tiên. Chúng tôi dành ba tuần đi thăm thú mọi phòng tranh trong thành phố, gặp gỡ những người chủ và họa sĩ mà bạn bè giới thiệu cho chúng tôi. Mùa hè năm đó, chúng tôi đã đặt nền móng cho một mạng lưới sẽ tiếp tục được mở rộng đến bốn thập kỷ sau đó. Cuối hè, chúng tôi quay trở về nơi mọi chuyện bắt đầu, gần như thể không còn lựa chọn nào khác.

Tôi không chắc lần đầu tiên chúng tôi nghe tin đồn Đại học Black Mountain sẽ đóng cửa là khi nào - tôi nghĩ là năm 1952 hay 1953 - nhưng cũng như những họa sĩ và đội ngũ giảng dạy mà chúng tôi đã coi như bạn thân, chúng tôi muốn lờ đi những tin đồn ấy. Vậy mà vào năm 1956, nỗi sợ hãi trở thành sự thật, và khi Ruth nghe tin, bà ấy khóc nức nở, nhận ra đây là kết thúc cho một giai đoạn của chúng tôi. Mùa hè năm ấy, chúng tôi lại đi du lịch qua vùng Đông Bắc, và dù tôi biết mọi chuyện sẽ không còn như trước, chúng tôi vẫn kết thúc chuyến đi bằng việc quay lại Asheville cho lễ kỷ niệm ngày cưới. Như thường lệ, chúng tôi lái xe đến ngôi trường, nhưng khi đứng bên hồ Eden và nhìn những tòa nhà trống trải của ngôi trường, tôi không thể không tự hỏi có phải cảnh tượng nên thơ của chúng tôi ở ngôi trường này chẳng là gì ngoài một giấc mơ.

Rồi chúng tôi đến nơi sáu bức tranh đầu tiên từng được trưng bày. Chúng tôi đứng bên cạnh làn nước xanh tĩnh lặng và tôi nghĩ cái tên đặt cho hồ nước này mới thích hợp làm sao. Với chúng tôi, sau mọi chuyện, nơi này luôn là một Vườn Địa Đàng. Tôi biết cho dù cuộc đời có đưa chúng tôi đi đâu, chúng tôi cũng sẽ không rời bỏ nơi này. Tôi đưa cho Ruth bức thư tôi viết vào đêm hôm trước, nó khiến bà ấy ngạc nhiên. Từ sau chiến tranh, đó là bức thư

đầu tiên tôi viết cho Ruth, và sau khi đọc, Ruth ôm lấy tôi. Lúc ấy, tôi biết điều mình phải làm để giữ cho nơi này mãi sống trong tim chúng tôi. Một năm sau, vào dịp kỷ niệm mười một năm, tôi viết một lá thư khác cho bà ấy, và bà ấy đã đọc nó ngay dưới những tán cây bên bờ hồ Eden. Và kể từ đó, một truyền thống mới trong cuộc hôn nhân của chúng tôi bắt đầu.

Tổng cộng, Ruth đã nhận bốn mươi lăm bức thư và bà ấy lưu giữ tất cả. Chúng được cất trong một cái hộp bà ấy để trên nóc tủ ngăn kéo. Đôi khi tôi bắt gặp bà ấy đang đọc chúng, và qua nụ cười của bà ấy, tôi có thể thấy bà ấy đang hồi tưởng lại những điều từ lâu đã bị lãng quên. Những bức thư này đã trở thành một thứ như nhật ký đối với bà ấy, và tuổi càng cao, bà ấy càng lấy chúng ra thường xuyên hơn, đôi khi bà ấy đọc hết chỉ trong một buổi chiều.

Những bức thư dường như khiến bà ấy thư thái, và có lẽ vì thế mà rất lâu sau này, bà ấy quyết định viết lại cho tôi. Phải đến khi bà ấy đi xa, tôi mới tìm thấy bức thư ấy, nhưng nó đã cứu rỗi cuộc đời tôi trên nhiều phương diện. Bà ấy biết tôi sẽ cần đến nó, bởi bà ấy hiểu tôi nhiều hơn tôi hiểu chính mình.

Nhưng Ruth vẫn chưa đọc hết tất cả những bức thư tôi viết cho bà ấy. Bà ấy không thể. Dù là viết cho bà ấy, nhưng cuối cùng, cũng là tôi viết cho tôi, và sau khi bà ấy mất, tôi đặt một chiếc hộp khác bên cạnh chiếc hộp thư cũ. Trong chiếc hộp này là những bức thư được viết bởi một bàn tay run rẩy, những bức thư với những giọt nước mắt của tôi, không phải của bà ấy. Chúng là những bức thư được viết trong những ngày đáng ra đã trở thành dịp kỷ niệm ngày cưới của chúng tôi. Đôi khi tôi nghĩ đến việc đọc chúng, như bà ấy thường làm, nhưng lại thấy đau lòng khi nghĩ rằng bà

ấy đã không bao giờ có cơ hội đọc chúng. Thay vào đó, tôi chỉ ôm chúng, và khi nỗi đau trở nên quá lớn, tôi sẽ đi vòng quanh nhà ngắm nhìn những bức tranh. Và thỉnh thoảng, khi làm vậy, tôi thích tưởng tượng Ruth đến thăm tôi, như bà ấy đã đến với tôi trong chiếc xe này, vì bà ấy biết, ngay cả lúc này, tôi vẫn không thể sống thiếu bà ấy.



“Ông có thể sống mà không có tôi,” Ruth nói với tôi.

Ngoài xe, gió đã lắng xuống và bóng tối có vẻ bớt dày đặc. Đây là ánh trăng, tôi thầm nghĩ, và tôi nhận ra rằng rốt cuộc trời cũng đã quang đãng hơn. Tối mai, nếu tôi sống được đến lúc đó, thời tiết sẽ bắt đầu cải thiện, và vào thứ Ba tuyết sẽ tan. Trong chốc lát, điều đó cho tôi hy vọng, nhưng cảm giác ấy phai nhòa cũng nhanh như khi xuất hiện. Tôi sẽ không sống được lâu đến thế.

Tôi yếu, yếu đến mức ngay cả việc tập trung vào Ruth thôi cũng khó khăn. Trong xe, mọi thứ bắt đầu xoay vòng, và tôi muốn nắm lấy tay bà ấy để giúp mình vững vàng, nhưng tôi biết điều đó là không thể. Thay vì thế, tôi cố nhớ lại cảm giác lúc bà ấy chạm vào tôi, nhưng cảm giác ấy lảng tránh tôi.

“Ông có nghe tôi không đấy?” bà ấy hỏi.

Tôi nhắm mắt, cố làm cho con chóng mặt chấm dứt, nhưng nó chỉ thêm nặng, mắt tôi hoa lên thành những vòng xoắn đủ màu. “Có,” rốt cuộc tôi cũng thì thầm, một tiếng khực khô khốc phát ra từ trong cái cổ họng đầy bụi núi lửa. Con khát cào xé tôi như để báo thù. Kinh khủng hơn cả trước. Kinh khủng đến vô cùng. Đã hơn một ngày, kể từ khi tôi uống cái gì đó, và khao khát được uống nước chiếm lấy tôi, trở dậy mạnh mẽ hơn sau mỗi nhịp thở nặng nhọc.

“Chai nước đây này,” Ruth đột nhiên nói. “Tôi nghĩ nó ở dưới sàn xe cạnh chân tôi.”

Giọng bà ấy nhẹ nhàng và du dương, như một khúc nhạc, và tôi cố gắng bám lấy âm thanh ấy để tránh không nghĩ đến cái sự thật hiển nhiên. “Sao bà biết được?”

“Tôi không chắc. Nhưng còn có thể ở đâu được nữa? Nó đâu có ở trên ghế.”

Bà ấy đúng, tôi thậm nghĩ. Có thể nó nằm dưới sàn, nhưng tôi không sao với được. “Chẳng có nghĩa lý gì đâu,” cuối cùng tôi nói trong tuyệt vọng.

“Tất nhiên là có chứ. Ông phải tìm cách với được cái chai.”

“Tôi không thể,” tôi nói. “Tôi không đủ sức.”

Có vẻ như bà ấy đang suy ngẫm điều đó nên ngồi yên lặng trong chốc lát. Trong xe, tôi nghĩ mình nghe thấy tiếng bà ấy thở, mãi sau mới nhận ra rằng đó là tiếng mình bắt đầu khò khè. Cục nghẹn trong cổ đã lại bắt đầu hình thành.

“Ông có nhớ conobao không?” bà ấy đột nhiên hỏi. Có gì đó trong giọng điệu của bà ấy như van vãn tôi tập trung, và tôi cố suy nghĩ xem bà ấy đang muốn nói tới điều gì. Conobao. Lúc đầu nó chẳng có nghĩa gì cả, và rồi, dần dần, ký ức bắt đầu thành hình và rõ ràng hơn.

Tôi đi làm về được một tiếng thì đột nhiên trời chuyển sang sắc xanh xám báo điềm chẳng lành. Ruth đi ra ngoài để kiểm tra, và tôi nhớ mình đã nắm tay bà ấy kéo vào phòng tắm ở giữa nhà. Đó là conobao đầu tiên bà ấy chứng kiến, và mặc dù ngôi nhà không bị thiệt hại gì, nhưng một cái cây dưới phố đã đổ, đè nát chiếc xe của hàng xóm. “Đó là năm 1957,” tôi nói. “Tháng Tư.”

“Phải,” bà ấy nói. “Đó là lúc chuyện xảy ra. Tôi không

thấy ngạc nhiên khi ông còn nhớ. Ông luôn nhớ rõ tình hình thời tiết, dù là từ lâu.”

“Tôi nhớ vì tôi sợ.”

“Nhưng ông cũng nhớ tình hình thời tiết bây giờ mà.”

“Tôi xem kênh Thời tiết.”

“Tốt đấy. Kênh đó có nhiều chương trình hay. Đôi khi cũng có nhiều thứ để học.”

“Sao chúng ta lại nói chuyện này?”

“Bởi vì,” bà ấy nói với giọng gấp gáp, “có thêm một chuyện nữa. Một chuyện ông cần phải nhớ.”

Tôi không hiểu ý bà ấy là gì, và trong tình trạng kiệt quệ, tôi nhận ra mình bỗng không còn quan tâm nữa. Con khò khè nặng hơn, tôi nhắm mắt, bắt đầu trôi nổi ngoài đại dương tối tăm cùng những con sóng nhấp nhô. Trôi về phía chân trời xa xôi, xa khỏi nơi này. Xa khỏi bà ấy.

“Gần đây ông có xem một thứ thú vị lắm!” bà ấy hét lên.

Nhưng tôi vẫn trôi đi. Trôi ra ngoài xe. Lơ lửng. Dưới ánh trăng và những vì sao. Màn đêm quang đãng, gió lạnh, và tôi mệt đến mức tôi biết mình sẽ ngủ mãi mãi. Tôi thấy cơ bắp mềm ra và người không còn sức nặng.

“Ira!” bà ấy hét lên, giọng nghe hoảng loạn hơn. “Có điều này ông phải nhớ! Nó được phát trên kênh Thời tiết!”

Giọng bà ấy nghe xa xôi, như một tiếng vọng.

“Một người đàn ông ở Thụy Điển!” bà ấy hét lên.

“Anh ta không có thức ăn và nước!”

Mặc dù gần như không nghe thấy bà ấy, nhưng bằng cách nào đó tôi nhận ra được những lời kia. Đúng rồi, tôi nghĩ, và ký ức, như cơn bão ấy, bắt đầu thành hình. *Umeå. Vòng Bắc Cực. Sáu mươi tư ngày.*

“Anh ta đã sống sót!” bà ấy hét lên. Tay bà ấy vươn ra, đặt trên đùi tôi.

Vào khoảnh khắc ấy, tôi không trôi đi nữa. Khi mở mắt, tôi đã trở lại trong xe.

Bị chôn trong xe dưới tuyết. Không thức ăn hay nước uống. Không có nước...

Không có nước...

Ruth ngả người về phía tôi, gần đến mức tôi có thể ngửi thấy mùi hương hoa hồng thoang thoảng của bà ấy. “Phải, Ira,” bà ấy nói với vẻ mặt nghiêm túc. “Anh ta không có nước. Vậy làm sao anh ta sống sót được? Ông phải nhớ ra!”

Tôi chớp mắt. Mắt tôi như có vảy, như mắt của loài bò sát. “Tuyết,” tôi nói. “Ông ta ăn tuyết.”

Bà ấy nhìn thẳng vào mắt tôi và tôi biết bà ấy đang thách tôi nhìn đi chỗ khác. “Ở đây cũng có tuyết,” bà ấy nói. “Tuyết ở ngay bên ngoài cửa sổ.”

Nghe những lời ấy, tôi cảm thấy trong người có một thôi thúc, bất chấp tình trạng suy nhược, và mặc dù sợ phải cử động, nhưng tôi vẫn từ từ nâng tay trái lên. Tôi nhích bàn tay trên đùi rồi nhấc nó lên, đưa ra chỗ tay tựa. Nỗ lực ấy dường như quá sức và tôi phải nghỉ một lúc để thở. Nhưng Ruth nói đúng. Nước ở ngay gần tôi và tôi rướn ngón tay về phía nút bấm. Tôi sợ rằng cửa sổ sẽ không mở, nhưng vẫn cứ rướn ngón tay ra phía trước. Có điều gì đó thuộc về bản năng khiến tôi tiếp tục. *Mong là ác quỷ vẫn hoạt động.* Cuối cùng ngón tay tôi cũng chạm nút và tôi ấn.

Như một phép màu, khí lạnh cắt da đột ngột tràn vào bên trong. Cái lạnh thật khủng khiếp và một chút tuyết rơi xuống mu bàn tay tôi. Sắp được rồi. Nhưng đầu tôi đang quay sang hướng khác. Tôi phải nâng đầu lên. Một nhiệm vụ tưởng như không thể thực hiện, nhưng nước đang gọi tôi và tôi không thể không trả lời.

Tôi nâng đầu lên, và tay, vai với xương đòn như vỡ tung. Tôi không nhìn thấy gì ngoài một màu trắng, rồi lại một màu đen, nhưng vẫn tiếp tục. Mặt tôi sưng lên, và trong tích tắc, tôi tưởng mình không thể làm được. Tôi muốn đặt đầu xuống. Tôi muốn cơn đau chấm dứt, nhưng tay trái đã nhích về phía tôi. Tuyết đang tan và tôi có thể cảm thấy nước nhỏ giọt còn bàn tay mình tiếp tục động đậy.

Và rồi, khi tôi đang mấp mé định bỏ cuộc, tay tôi chạm đến miệng. Tuyết thật tuyết vời, và miệng tôi như được hồi sinh. Tôi có thể thấy cảm giác ươn ướt trên lưỡi mình. Lạnh, sắc và như thiên đường, tôi cảm thấy từng giọt nước một đang lăn xuống cổ họng. Phép màu khiến tôi bạo dạn hơn và tôi lấy một nắm tuyết khác. Tôi nuốt thêm và những cái kim biến mất. Cổ họng tôi đột nhiên trở lại như Ruth, và mặc dù trong xe lạnh ngắt, nhưng tôi không hề cảm thấy lạnh. Tôi lại lấy một vốc tuyết đầy, rồi một vốc nữa, cơn kiệt quệ chỉ mới ở đây cách đây một phút giờ đã tiêu tan. Tôi mệt và yếu, nhưng so ra thì thế này tôi vẫn còn có thể chịu được. Khi nhìn Ruth, tôi có thể thấy bà ấy rõ ràng. Bà ấy đang ở độ tuổi ba mươi, độ tuổi mà bà ấy đẹp nhất, và bà ấy đang tỏa sáng.

“Cảm ơn bà,” cuối cùng tôi nói.

“Chẳng có lý do gì để cảm ơn tôi cả,” bà ấy nhún vai. “Nhưng ông nên quay cửa sổ lên. Trước khi bị lạnh quá.”

Tôi làm theo, mắt không rời bà ấy. “Tôi yêu bà, Ruth,” tôi nghẹn ngào.

“Tôi biết,” bà ấy nói, vẻ mặt dịu dàng. “Thế nên tôi mới đến đây.”



Nước đã giúp tôi hồi phục theo cách mà chỉ vài giờ trước

tưởng như là không thể. Ý tôi là về mặt tinh thần. Cơ thể tôi vẫn tôi tả và tôi vẫn sợ phải cử động, nhưng Ruth có vẻ an tâm trước sự phục hồi của tôi. Bà ấy ngồi lặng thinh, lắng nghe những suy nghĩ trong tôi. Tôi gần như chỉ bận tâm tới câu hỏi liệu rồi có ai tìm ra tôi không...

Rốt cuộc, trong cuộc đời này, tôi ít nhiều đã trở nên vô hình. Ngay cả khi tôi đổ xăng - giờ nghỉ lại, có lẽ vì thế mà tôi bị lạc - người phụ nữ ngồi sau quầy tính tiền chỉ nhìn lướt qua tôi, chú mục vào một cậu thanh niên mặc quần jean. Tôi đã trở thành thứ mà người trẻ sợ phải trở thành, chỉ là một thành viên khác trong nhóm người già vô danh, một ông già ốm yếu, chẳng còn gì để góp cho đời.

Ngày tháng của tôi trôi qua rất tầm thường, là tập hợp của những khoảnh khắc giản đơn và niềm vui còn giản đơn hơn. Tôi ăn, ngủ và nghĩ về Ruth; tôi đi loanh quanh trong nhà và ngắm nhìn những bức tranh, sáng sáng, tôi cho lũ bồ câu tụ tập ở sân sau nhà tôi ăn. Hàng xóm phàn nàn về chuyện này. Ông ta nghĩ lũ chim mang mầm bệnh. Có thể ông ta đúng, nhưng ông ta cũng đã cưa đổ cây phong đẹp tuyệt vời mọc giữa hai nhà chỉ đơn giản vì ông ta thấy mệt khi phải gom lá rụng, nên nói chung tôi không thấy tin tưởng cách đánh giá của ông ta cho lắm. Dù sao tôi cũng thích lũ chim. Tôi thích tiếng gù gù khe khẽ của chúng và thích nhìn đầu chúng nhấp nhô lên xuống khi chúng đi lù lù đám hạt tôi rắc ra.

Tôi biết phần lớn mọi người coi tôi là kẻ sống ẩn dật. Đó là cách một nhà báo nói về tôi. Cho dù tôi cực kỳ ghét cái từ ấy và những điều nó ám chỉ, nhưng cũng có vài điều cô ta viết về tôi là đúng. Tôi đã góa vợ nhiều năm, một người đàn ông không con cháu, và theo như tôi biết thì tôi không có họ hàng nào còn sống. Bạn bè tôi, ngoài luật sư

riêng, Howie Sanders, đều đã qua đời lâu lắm rồi, và từ sau cơn bão truyền thông ấy - cơn bão khởi nguồn từ một bài báo trên tờ *New Yorker* - tôi hiếm khi ra khỏi nhà. Như thế dễ dàng hơn, nhưng tôi lại thường tự hỏi liệu có phải tôi nên nói chuyện với nhà báo đó ngay từ đầu không. Có lẽ là không, nhưng khi Janice hay Janet, hay bất cứ cái tên nào mà cô ta mang, xuất hiện trước cửa mà không báo trước, mái tóc đen và đôi mắt thông minh ấy đã làm tôi nhớ đến Ruth, và khi tôi nhận ra thì cô ta đã vào đến phòng khách rồi. Phải sáu tiếng sau cô ta mới rời đi. Tôi vẫn không biết làm sao cô ta biết về bộ sưu tập này. Có lẽ từ một tay buôn tranh ở phía Bắc - bọn họ có khi buôn chuyện còn kinh hơn cả hội nữ sinh - nhưng kể cả thế, tôi cũng không trách cô ta vì những chuyện xảy ra sau này. Cô ta chỉ làm công việc của mình và lẽ ra tôi phải mời cô ta về, nhưng thay vào đó, tôi lại trả lời các câu hỏi và để cô ta chụp ảnh. Sau khi cô ta ra về, tôi nhanh chóng cho cô ta ra khỏi đầu. Vài tháng sau, một giọng nam trẻ the the tự nhận là người của tờ tạp chí gọi đến để xác nhận những điều tôi đã nói. Tôi ngay thơ trả lời những thứ anh ta cần, để rồi sau đó vài tuần, tôi nhận được một gói đồ nhỏ. Cô nhà báo đã chu đáo đến mức gửi tôi một bản của tờ tạp chí. Chẳng cần nói cũng biết, bài báo ấy làm tôi phát điên. Tôi ném nó vào thùng rác sau khi đọc những điều cô ta viết, nhưng sau khi đã hạ hỏa, tôi lấy nó từ trong thùng rác ra đọc lại lần nữa. Nhớ lại, tôi mới nhận ra cô ta không có lỗi khi không hiểu được điều tôi đã cố nói. Rốt cuộc thì, trong đầu cô ta, bộ sưu tập mới là trọng tâm câu chuyện.

Đó là sáu năm trước, và sự kiện đó làm đảo lộn cuộc sống của tôi. Thanh chắn được lắp ở cửa sổ còn hàng rào được dựng quanh sân. Tôi cho người lắp đặt một hệ thống

an ninh, và cảnh sát bắt đầu lái qua nhà tôi ít nhất hai lần một ngày. Tôi bị lún trong các cuộc điện thoại. Phóng viên. Nhà sản xuất. Một biên kịch hứa hẹn sẽ cho câu chuyện của tôi lên màn ảnh rộng. Ba hay bốn luật sư. Hai người tự nhận là họ hàng, họ hàng xa phía bên gia đình Ruth. Những người thiếu may mắn mong đợi được giúp đỡ. Rốt cuộc, tôi rút dây điện thoại luôn, vì với tất cả bọn họ - kể cả cô nhà báo - những bức tranh ấy chỉ xoay quanh chuyện tiền bạc.

Điều mà từng người trong bọn họ không nhìn ra được đó là giá trị của những bức tranh ấy không phải ở tiền bạc; mà là những kỷ niệm chúng mang theo. Nếu Ruth có những lá thư tôi viết cho bà ấy, thì tôi có những bức tranh và những kỷ niệm. Khi nhìn những tác phẩm của de Kooning, Rauschenberg và Warhol, tôi nhớ lại lần Ruth ôm tôi khi chúng tôi đứng bên hồ; khi ngắm tác phẩm của Jason Pollock, tôi nhớ lại chuyến đi đầu tiên đến New York năm 1950. Được nửa đường thì chúng tôi chợt nảy ra ý định lái xe đến Springs, một ngôi làng nhỏ ở gần Đông Hampton, Long Island. Đó là một ngày hè rực rỡ và Ruth mặc bộ váy vàng. Hồi ấy bà ấy hai tám tuổi và ngày càng trở nên xinh đẹp hơn, Pollock không khó để nhận ra điều ấy. Tôi tin rằng chính dáng vẻ yêu kiều của bà ấy đã khiến ông xiêu lòng cho phép hai người lạ mặt vào phòng tranh của mình. Điều đó cũng giải thích vì sao cuối cùng ông lại cho Ruth mua bức tranh vừa mới hoàn thành, một việc ông hiếm khi lặp lại, nếu có. Chiều muộn hôm đó, trên đường quay trở lại thành phố, Ruth và tôi dừng chân tại một quán cà phê nhỏ ở Water Mill. Đó là một nơi đáng yêu với cái mặt sàn gỗ trầy xước cùng những ô cửa sổ ngập tràn ánh nắng, và chủ quán dẫn chúng tôi ra một cái bàn cặp kênh

ở ngoài trời. Ngày hôm ấy, Ruth gọi rượu vang trắng, loại nhẹ và ngọt, và chúng tôi vừa nhấp rượu trong ly của mình, vừa nhìn ra ngoài cửa sông. Gió thổi nhẹ và tiết trời ấm áp, và mỗi khi nhìn thấy một con tàu lướt qua ở đằng xa, chúng tôi lại thốt lên rằng không biết nó định đi đâu.

Treo bên cạnh bức tranh đó là tác phẩm của Jasper Johns. Chúng tôi mua nó năm 1952, mùa hè mà tóc Ruth dài nhất. Ở đuôi mắt của bà ấy đã bắt đầu hình thành những nếp nhăn mờ mờ, càng làm tăng thêm vẻ nữ tính cho khuôn mặt. Bà ấy và tôi đã đứng trên đỉnh tòa nhà Empire State sáng hôm đó, và sau đó trong căn phòng tĩnh lặng của khách sạn, Ruth và tôi ân ái hàng tiếng đồng hồ trước khi bà ấy thiếp đi trên tay tôi. Hôm ấy tôi không ngủ được. Thay vào đó, tôi ngắm nhìn bà ấy, nhìn lồng ngực bà ấy lên xuống nhẹ nhàng, làn da bà ấy cọ vào làn da tôi ấm áp. Trong không gian mờ ảo của căn phòng, mái tóc bà ấy xoa tung trên gối, tôi tự hỏi liệu có người đàn ông nào may mắn như tôi không.

Đó là lý do tại sao tôi đi lòng vòng trong nhà vào buổi tối; đó là lý do tại sao bộ sưu tập vẫn còn vẹn nguyên. Đó là lý do tại sao tôi không bán dù chỉ một bức tranh. Sao tôi có thể? Tôi lưu giữ ký ức về Ruth trong nước sơn và trong màu sắc; tôi nhớ lại từng chương cuộc đời của hai chúng tôi trong từng bức họa. Không có gì quý giá hơn đối với tôi. Chúng là toàn bộ những gì còn lại của người vợ tôi yêu hơn cả cuộc sống của mình, và tôi sẽ còn tiếp tục ngắm nhìn và nhớ lại cho đến chừng nào không thể làm thế được nữa.

Trước khi mất, thi thoảng Ruth cùng tôi đi lòng vòng vào tối muộn, bởi bà ấy cũng thích được quay ngược thời gian. Bà ấy cũng thích kể lại những câu chuyện, cho dù bà ấy không hề nhận ra mình là nữ chính trong đó. Bà ấy

thường cầm tay tôi khi chúng tôi dạo bước từ phòng này qua phòng khác, cả hai đều vui sướng khi quá khứ sống lại.

Cuộc hôn nhân của chúng tôi mang lại cho cuộc đời tôi hạnh phúc lớn lao, nhưng gần đây nó chỉ toàn nỗi buồn. Tôi hiểu tình yêu và bi kịch luôn song hành, bởi không có cái này thì sẽ không có cái kia, dù vậy, tôi vẫn tự hỏi liệu sự đánh đổi có công bằng. Tôi nghĩ, một người sống sao thì nên chết vậy; trong những thời khắc cuối cùng, ông ấy nên được vây quanh và vỗ về bởi những ai ông ấy hằng yêu thương.

Nhưng tôi biết trong những thời khắc cuối cùng của mình, tôi sẽ đơn độc.



Sophia

Những tuần sau đó là một trong những khoảng giao thời hiếm hoi và tuyệt diệu khi hầu hết mọi điều đều làm Sophia tin rằng không gì có thể tuyệt vời hơn.

Các tiết học sôi nổi, điểm số tuyệt vời, và mặc dù cô chưa nghe tin gì từ Bảo tàng Nghệ thuật Denver, thầy cố vấn của cô đã giới thiệu cho cô vị trí thực tập tại Bảo tàng Nghệ thuật đương đại ở New York. Cô sẽ đến đó phỏng vấn trong dịp nghỉ Giáng sinh. Đó là một vị trí không lương và nếu được nhận cô sẽ phải đi làm từ nhà mình ở New Jersey, nhưng đó là Bảo tàng Nghệ thuật đương đại. Kể cả trong những giấc mơ điên rồ nhất cô cũng không nghĩ mình có cơ hội ấy.

Trong chút ít thời gian cô dành ra ở nhà nữ sinh, cô phát hiện ra dáng đi của Marcia đã kiểu cách hơn - kiểu đi hay xuất hiện mỗi lần Marcia đang đặc biệt để ý đến ai đó. Tâm trạng Marcia lúc nào cũng vui vẻ, mặc dù cô cứ chối là chẳng có chàng trai nào can dự vào cả. Cùng lúc ấy, Mary-Kate rõ ràng đã giảm bớt trách nhiệm cho Sophia ở hội nữ sinh - ngoài việc tham gia các buổi họp mặt bắt buộc, Sophia gần như được miễn khỏi mọi nghĩa vụ của hội chị em. Đây có lẽ là kết quả của thái độ làm việc chiếu lệ của

cô, nhưng được việc là được. Vui nhất là cô không chạm mặt Brian ở học xá - anh ta cũng không nhắn tin hay gọi điện - thật dễ để quên là hai người từng hẹn hò.

Và rồi, tất nhiên, có cả Luke.

Lần đầu tiên, cô cảm thấy mình hiểu ý nghĩa của việc yêu một người. Kể từ dịp cuối tuần của họ ở cabin đó - ngoài dịp lễ Tạ ơn cô phải về nhà thăm gia đình - họ đều dành mọi tối thứ Bảy bên nhau ở trang trại, hầu như luôn trong vòng tay nhau. Giữa những nụ hôn, cô thấy như có dòng điện chạy qua khi làn da trần của anh áp vào da cô, cô đắm chìm trong giọng nói của anh, lặp đi lặp lại với cô rằng anh yêu cô nhiều thế nào và cô có ý nghĩa với anh ra sao. Trong bóng tối, cô vuốt ngón tay mình trên những vết sẹo của anh, có lúc lại tìm thấy một vết sẹo mới mà trước đó cô không để ý; họ sẽ nói chuyện đến lúc bình minh, chỉ tạm ngừng để ân ái lần nữa. Họ dành cho nhau niềm đam mê cháy bỏng, hoàn toàn khác cảm giác cô có với Brian. Nó là sự kết nối vượt lên trên cả những hành vi thể xác. Cô thấy cảm kích việc Luke âm thầm trượt khỏi giường hồng không đánh thức cô vào những sáng Chủ nhật để đi cho mấy con vật ăn và kiểm tra đàn gia súc. Thường thì cô sẽ lại gà gât ngủ tiếp, và chỉ bị đánh thức lần nữa bằng một tách cà phê nóng và sự hiện diện của anh bên cạnh. Đôi khi họ ngồi ngoài hiên nhà suốt một tiếng hoặc hơn hay cùng nhau làm bữa sáng. Gần như lần nào họ cũng cưỡi ngựa ra ngoài, đôi khi đi cả buổi chiều. Không khí hanh của mùa đông làm má cô ửng đỏ và tay cô bị nhức, nhưng kể cả những lúc đó cô vẫn thấy mình gắn kết với Luke theo cái cách khiến cô tự hỏi tại sao phải lâu đến thế cô mới tìm được anh.

Khi dịp lễ càng cận kề hơn, họ dành phần lớn những ngày cuối tuần bên những hàng cây thông Giáng sinh.

Trong khi Luke đảm trách việc cắt, lôi và buộc cây, Sophia làm việc ở bàn đăng ký. Khi công việc dần ra, cô tranh thủ ôn thi cuối kỳ.

Luke cũng bắt đầu luyện tập nghiêm túc trên con bò máy trở lại. Đôi khi cô ngồi trên nắp ca pô của chiếc máy kéo han gỉ trong nhà kho ọp ẹp và xem anh tập. Con bò được lắp trong một sàn đấu tạm thời, được độn mút để cản cú ngã. Thường thì anh sẽ bắt đầu từ từ, cưỡi ở mức độ đủ để cơ bắp lỏng ra, rồi mới chỉnh con bò lên tốc độ cao. Con bò sẽ xoay vòng, chúc xuống và đổi hướng bất ngờ, nhưng Luke vẫn có cách để giữ cân bằng, giơ cánh tay rảnh lên cao khỏi người. Anh sẽ cưỡi nó ba hoặc bốn lần, rồi ngồi bên cô để lấy lại sức. Sau đó anh lại trèo vào trong sàn đấu, công đoạn luyện tập đôi khi kéo dài tận hai tiếng. Mặc dù anh không bao giờ kêu ca, nhưng cô có thể nhận ra cơn đau nhức của anh bởi thỉnh thoảng anh lại nhăn mặt khi chuyển tư thế hay điều chỉnh bước đi. Thường tối Chủ nhật anh ở trong phòng ngủ, bao quanh là nệm, trong khi Sophia xoa bóp cơ bắp cho anh, cố gắng làm dịu đi cơn đau đó.

Dù ít khi dành thời gian ở bên nhau trong khu học xá, nhưng đôi khi họ cũng ra ngoài ăn tối hay đi xem phim, và có lần họ còn đến một quán bar đồng quê và để nghe ban nhạc đã từng chơi trong buổi tối họ gặp nhau lần đầu, cuối cùng Luke cũng dạy cô điệu nhảy theo hàng. Luke khiến cho thế giới trở nên rõ ràng hơn, thật hơn, và khi họ không ở bên nhau, cô cũng không thể thôi nghĩ về anh.

Tuần thứ hai của tháng Mười hai đến mang theo bầu không khí lạnh sớm, một cơn bão lớn tràn qua từ Canada. Đó là đợt tuyết đầu mùa, và mặc dù đến chiều hôm sau tuyết đã tan gần hết, nhưng Sophia và Luke đã dành ra một

lúc buổi sáng để trầm trồ trước sắc trắng xóa phủ lên trang trại trước khi đi bộ đến chỗ những hàng thông Giáng sinh vào một ngày rớt cuộc lại thành ngày bận bịu nhất cho đến thời điểm đó.

Sau đó, theo thói quen, họ đến nhà mẹ Luke. Trong lúc Luke thay mấy má phanh cho chiếc xe tải, Linda dạy Sophia cách nướng bánh. Luke quả đã không ngoa khi nói những chiếc bánh nướng của bà tuyệt vời thế nào, họ đã có một buổi chiều vui vẻ trong bếp, nói chuyện và cười đùa, tạp dề dính đầy bột.

Thời gian bên Linda khiến Sophia nhớ về bố mẹ và những gì họ đã hy sinh vì cô. Nhìn Linda và Luke trêu đùa nhau, cô tự hỏi liệu có khi nào mối quan hệ giữa cô với bố mẹ sẽ được như thế không. Sẽ không còn cô con gái nhỏ trong trí nhớ họ nữa; cô sẽ không chỉ là một đứa con gái, mà còn là một người bạn của họ. Được là một phần của cuộc đời Luke, cô thấy mình trưởng thành hơn. Khi chỉ một học kỳ nữa là kết thúc, cô không còn băn khoăn đại học có ý nghĩa gì nữa. Những vui buồn, những ước mơ và bế tắc, cô nhận ra, tất cả đều trở thành một phần của cuộc hành trình - cuộc hành trình dẫn đến cái trang trại gia súc gần một thị trấn tên King, nơi cô đã đắm chìm trong tình yêu với một chàng cao bồi tên Luke.



“Lại nữa à?” Marcia rên rỉ. Cô ngồi bắt chéo chân trên giường, kéo chiếc áo len quá khổ xuống qua đùi. “Sao? Mười hai tuần liên tục ở trang trại mà chưa đủ à?”

“Cậu cứ nói quá.” Sophia đảo mắt, phủ lớp son bóng cuối cùng. Chiếc túi nhỏ đã được thu xếp xong xuôi ở ngay cạnh cô.

“Tất nhiên rồi. Nhưng đây là dịp cuối tuần cuối cùng trước kỳ nghỉ Giáng sinh của tụi mình. Thứ Tư bọn mình về rồi, và suốt học kỳ này mình gần như chẳng có thời gian ở cùng nhau.”

“Bọn mình ở bên nhau suốt còn gì,” Sophia chống đối.

“Không,” Marcia nói. “Chúng ta *đã từng* ở bên nhau. Giờ thì gần như cuối tuần nào cậu cũng ở trang trại của anh ấy. Cậu còn không đến buổi khiêu vũ mùa đông cuối tuần trước. Buổi khiêu vũ mùa đông *của chúng ta*.”

“Cậu biết là mình không quan tâm đến mấy sự kiện kiểu đó mà.”

“Ý cậu là *anh ấy* không quan tâm đến chúng phải không?”

Sophia mím môi, không muốn tỏ ra bao che nhưng cô cảm thấy mình bắt đầu cáu trước giọng điệu của Marcia. “Chẳng ai trong hai đứa mình muốn đi cả, được chưa? Anh ấy đang làm việc và cần mình giúp.”

Marcia vuốt tóc, lại đổ thêm dầu vào lửa. “Mình không biết nói sao để cậu khỏi giận mình.”

“Nói gì cơ?”

“Cậu đang phạm sai lầm đấy.”

“Cậu đang nói gì thế?” Sophia buông tuýt son bóng xuống và quay lại đối diện với bạn mình.

Marcia giơ hai tay lên. “Cậu cứ nghĩ về chuyện này mà xem - hãy tưởng tượng điều cậu sẽ nói nếu như chúng ta hoán đổi vị trí cho nhau. Giả dụ mình đang trong một mối quan hệ được hai năm...”

“Cũng khó đấy,” Sophia chặn luôn.

“Được rồi, mình biết là khó, nhưng cứ giả dụ thế. Mình làm việc này vì cậu. Giả dụ mình vừa trải qua một

vụ chia tay thực sự khủng khiếp và đang trốn trong phòng hàng tuần liền, rồi đột nhiên, mình gặp một anh chàng. Mình nói chuyện với anh ấy và đến thăm anh ấy ngày hôm sau, rồi nói chuyện điện thoại với anh ấy và đến thăm anh ấy vào cuối tuần tiếp theo. Chẳng mấy chốc, mình coi anh ấy như cả thế giới và dành mọi phút giây ở bên anh ấy. Cậu sẽ nghĩ thế nào? Cậu sẽ nghĩ là thật tình cờ khi gặp được Người Tình Trăm Năm trong khi đang gượng dậy sau vụ chia tay kinh khủng à? Ý mình là, ngẫu nhiên thế ấy hả?”

Sophia có thể thấy máu bắt đầu rần rật trong huyết mạch. “Mình không hiểu cậu đang cố nói điều gì.”

“Mình bảo là có thể cậu đang phạm sai lầm. Và nếu không cẩn thận, cậu có thể bị tổn thương về sau.”

“Mình không phạm sai lầm,” Sophia đập lại, kéo khóa chiếc túi. “Và mình sẽ không bị tổn thương. Mình *thích* dành thời gian ở bên Luke.”

“Mình biết,” Marcia dịu giọng, vỗ vỗ xuống chỗ bên cạnh cô trên giường. “Ngồi xuống đây với mình,” cô nài nỉ. “Làm ơn?”

Sophia đấu tranh tư tưởng rồi đi ngang phòng và ngồi xuống giường. Marcia quay sang cô.

“Mình hiểu là cậu thích anh ấy,” Marcia nói. “Mình thực sự hiểu. Và mình vui vì cậu lại được hạnh phúc. Nhưng cậu nghĩ chuyện này rồi sẽ đi đến đâu chứ? Ý mình là, nếu là mình, mình sẽ thoải mái đi chơi và vui vẻ, để xem chuyện sẽ đi đến đâu và sống cho hiện tại. Chứ mình sẽ không bao giờ để bản thân nghĩ, dù chỉ một phút, rằng mình sẽ dành cả phần đời còn lại với anh ấy.”

“Mình cũng không nghĩ như thế,” Sophia chối.

Marcia kéo chiếc áo len. “Cậu chắc chứ? Vì mình có ấn tượng khác hẳn nhé.” Cô dừng lại, vẻ mặt như đang buồn.

“Lẽ ra cậu không nên yêu anh ấy. Lần nào ở cùng anh ấy là cậu lại tự làm mọi chuyện tồi tệ hơn cho bản thân.”

Sophia đỏ bừng mặt. “Sao cậu lại làm việc này?”

“Vì cậu đang không suy nghĩ thấu đáo,” Marcia trả lời. “Nếu suy nghĩ thấu đáo, cậu sẽ nghĩ đến một thực tế là cậu đang học năm cuối đại học - một cử nhân tương lai ngành lịch sử nghệ thuật sống ở New Jersey đấy, trời ạ - trong khi Luke cưới bò và sống trong một trang trại ở làng quê Bắc Carolina. Cậu sẽ tự hỏi sau sáu tháng nữa, khi cậu tốt nghiệp, điều gì sẽ xảy ra.” Cô dừng lại, ép Sophia tập trung vào điều mình thực sự muốn nói. “Cậu có thể tưởng tượng cảnh sống ở một trang trại trong vòng năm mươi năm tới không? Cưỡi ngựa, chăn bò, lau dọn chuồng cho đến cuối đời?”

Cô lắc đầu. “Không...”

“Ồ,” Marcia ngắt lời. “Vậy hay cậu hình dung Luke sẽ sống ở thành phố New York trong khi cậu làm việc ở bảo tàng? Có lẽ cậu tưởng tượng hai người bọn cậu sáng Chủ nhật nào cũng sẽ ngồi ở những quán ăn phục vụ bữa sáng muộn nổi tiếng, uống cappuccino và đọc tờ *New York Times*? Cậu hình dung tương lai của hai người như thế à?”

Thấy Sophia không trả lời, Marcia vói tay sang siết tay cô.

“Mình biết cậu quan tâm tới anh ấy nhiều thế nào,” Marcia tiếp tục. “Nhưng cuộc đời hai người không chỉ là hai con đường khác nhau, mà còn là hai lục địa khác nhau. Nghĩa là từ giờ trở đi, cậu phải trông chừng trái tim mình, nếu không, đến cuối cùng nó sẽ vỡ tan thành từng mảnh đấy.”



“Tối nay em im lặng thế,” Luke nói giữa những ngụm ca

cao. Sophia cầm cốc bằng cả hai tay, ngồi trên đi văng và nhìn ra những cơn gió tuyết bên ngoài cửa sổ, đợt tuyết thứ hai trong mùa, nhưng có vẻ sẽ không kéo dài. Như thường lệ, Luke lại thấp lờ mờ, nhưng cô không rũ bỏ được cảm giác lạnh lẽo trong người.

“Em xin lỗi,” cô nói. “Em chỉ mệt thôi.”

Cô có thể thấy anh đang chú ý đến mình, tối nay việc đó chẳng hiểu sao lại khiến cô thấy bất an.

“Em biết anh nghĩ gì không?” anh hỏi. “Anh nghĩ Marcia đã nói điều gì đó với em và làm em buồn.”

Sophia không trả lời ngay. “Sao anh lại nói thế?” cô hỏi. Giọng yếu ớt hơn cô tưởng.

Anh nhún vai. “Khi gọi cho em để báo rằng anh đang trên đường đến, anh dường như chẳng thể ngắt máy. Lúc anh đến ngôi nhà, em lại im lặng. Và anh để ý thấy em với Marcia cứ liếc nhau. Như thể hai bọn em vừa mới thú nhận với nhau điều gì đó, và không ai trong hai em vui vì nó.”

Chiếc cốc tỏa hơi ấm sang hai bàn tay cô. “Với một chàng trai có thể không nói lời nào suốt cả ngày, thì anh đang tỏ ra vô cùng miễn cảm đấy,” cô nói, chăm chú nhìn anh.

“Nhờ vậy anh mới miễn cảm.”

Câu trả lời của anh làm cô nhớ đến những lý do khiến họ nhanh chóng trở nên gần gũi. Nhưng nay thật khó khẳng định đó có phải chuyện tốt hay không.

“Em lại nghĩ nữa rồi,” anh trách. “Và anh bắt đầu hỏi hệt rồi đấy.”

Cô cười, mặc dù vẫn căng thẳng.

“Anh nghĩ chuyện này sẽ đi đến đâu?” cô đột nhiên hỏi, nhắc lại câu hỏi của Marcia lúc trước.

“Ý em là chuyện giữa chúng ta?”

“Em sẽ tốt nghiệp vào mùa xuân. Chỉ vài tháng nữa. Lúc ấy chuyện gì sẽ xảy ra? Chuyện gì sẽ xảy ra khi em trở về nhà? Hay kiếm được việc làm ở đâu đó?”

Anh nghiêng người tới trước, đặt chiếc cốc lên bàn cà phê, rồi chậm rãi quay sang đối diện cô. “Anh không biết,” anh nói.

“Anh không biết ư?”

Cô không đọc được biểu cảm trên khuôn mặt anh. “Anh cũng chẳng thể biết trước tương lai nhiều hơn em đâu.”

“Nghe như một lời biện hộ vậy.”

“Anh không biện hộ,” anh nói. “Anh chỉ đang cố nói sự thật thôi.”

“Nhưng anh chẳng nói gì cả!” cô khóc, nghe thấy sự tuyệt vọng của chính mình và cô ghét nó.

Luke giữ giọng điềm tĩnh. “Hay là thế này? Anh yêu em. Anh muốn ở bên em. Chúng ta sẽ tìm ra cách để vượt qua.”

“Anh có thực sự tin như vậy không?”

“Nếu không tin thì anh đã không nói như vậy.”

“Kể cả khi điều đó có nghĩa anh phải chuyển đến New Jersey?”

Ánh lửa khiến một nửa khuôn mặt anh bị khuất bóng. “Em muốn anh chuyển đến New Jersey sao?”

“New Jersey thì sao chứ?”

“Chẳng sao cả,” anh nói. “Anh đã nói với em là anh đã đến đó và anh thích nơi ấy.”

“Nhưng?”

Lần đầu tiên, anh sụp mắt xuống. “Anh không thể bỏ trang trại cho đến khi biết mẹ anh sẽ ổn,” anh nói với sự quả quyết chắc nịch.

Cô hiểu những lý do ấy của anh, nhưng...

“Anh muốn em ở lại đây,” cô nói. “Sau khi em tốt nghiệp.”

“Không.” Anh lắc đầu. “Anh sẽ không bao giờ yêu cầu em làm việc đó.”

Cô không thể giấu vẻ bức bối. “Nếu vậy thì quay lại câu hỏi, chúng ta sẽ làm gì đây?”

Anh đặt tay lên đầu gối. “Chúng ta đâu phải cặp đôi đầu tiên đối mặt với điều này. Cảm giác của anh là, nếu đây là định mệnh, chúng ta sẽ tìm ra cách. Không, anh không biết câu trả lời, và không, anh không thể khẳng định với em chuyện này sẽ đâu vào đó. Và nếu em tốt nghiệp ngay hôm nay, anh sẽ thấy lo lắng hơn về chuyện đó. Nhưng chúng ta có sáu tháng, và đến lúc ấy mọi chuyện có thể sẽ khác... Có thể anh sẽ thi đậu tốt và không phải lo về trang trại nữa, hoặc có thể một ngày nào đó anh đào trúng kho báu chôn dưới một trong những cái cọc hàng rào. Hoặc có thể nhà anh sẽ mất toàn bộ trang trại và anh sẽ phải chuyển đi dù muốn hay không. Hoặc có thể em sẽ tìm được một công việc ở Charlotte, một nơi nào đó đủ gần để đi đi về về. Anh không biết.” Anh nghiêng người đến gần hơn, rõ là muốn đem lại sức nặng cho lời mình nói. “Anh chỉ biết chắc một điều là, nếu cả hai ta đều muốn, chúng ta sẽ tìm ra cách vượt qua.”

Cô biết đó là điều duy nhất anh có thể nói, nhưng câu hỏi về tương lai của hai người vẫn khiến cô thấy không yên lòng. Dù vậy cô không nói ra. Thay vào đó, cô co vào sát anh hơn để anh choàng tay qua người cô, cơ thể anh ấm nóng bên cô. Cô hít một hơi dài, ước rằng thời gian có thể dừng lại. Hoặc ít ra là trôi qua chậm hơn. “Được rồi,” cô thì thầm.

Anh hôn mái tóc cô, rồi tựa cằm lên đầu cô. “Anh yêu em, em biết mà.”

“Em biết,” cô nói thầm. “Em cũng yêu anh.”

“Anh sẽ nhớ em khi em đi.”

“Em cũng vậy.”

“Nhưng anh vui vì em sẽ có thời gian bên gia đình.”

“Em cũng vậy.”

“Có thể anh sẽ lái xe đến New Jersey và làm em ngạc nhiên.”

“Rất tiếc,” cô nói. “Anh không làm thế được rồi.”

“Sao lại không?”

“Em không nói là anh không được đến thăm em. Em chỉ nói rằng sẽ chẳng còn gì ngạc nhiên nữa. Anh đã nói ra rồi còn gì.”

Anh suy nghĩ về điều đó. “Chắc là anh làm hỏng chuyện thật rồi. Vậy, có lẽ anh sẽ khiến em ngạc nhiên bằng việc không đến.”

“Anh nên đến. Bố mẹ em muốn gặp anh. Họ chưa bao giờ gặp một chàng cao bồi nào trước đây, và em biết họ có một ấn tượng điên khùng trong đầu là anh sẽ đi lòng vòng với một khẩu súng lục và nói những câu kiểu như ‘Khỏe hông bỏ’.”

Anh cười. “Chắc là anh sẽ làm họ thất vọng.”

“Không,” cô nói. “Anh không có khả năng làm ai thất vọng đâu.”

Luke mỉm cười khi nghe vậy. “Vậy đêm giao thừa thì sao? Em có làm gì không?”

“Em không biết. Em có làm gì không nhỉ?”

“Giờ thì có rồi.”

“Tuyệt. Nhưng anh không thể xuất hiện vào buổi tối được đâu. Anh phải dành thời gian ở cùng bố mẹ em, như em đã nói.”

“Cũng được thôi,” anh nói. Anh hát đầu về phía góc

phòng. “Em có muốn giúp anh trang trí cây không?”

“Cây nào?”

“Nó ở sau nhà. Anh đã chọn nó hôm qua và lòi nó về đây. Nó hơi nhỏ và thưa cành, và có lẽ sẽ không bán được, nhưng anh nghĩ nó sẽ hợp với nơi này. Ra xem nó đi, như thế em sẽ có cái để nhớ.”

Cô tựa người vào anh. “Em đã biết mình sẽ nhớ gì rồi.”



Một giờ sau, Sophia và Luke lùi ra sau và chiêm ngưỡng tác phẩm của họ.

“Có vẻ không đúng lắm,” Luke nói, khoanh tay ngắm nghĩa cái cây được mắc kim tuyến. “Nó cần thêm gì đó nữa.”

“Anh chẳng thể làm được gì nhiều với nó đâu,” Sophia nói, với tay điều chỉnh một dải bóng đèn. “Nhiều cành đã vông xuống rồi đây này.”

“Không phải chuyện đó,” anh nói. “Nó là... Khoan đã. Anh sẽ quay lại ngay. Anh biết điều nó cần là gì rồi. Chờ anh một phút...”

Sophia nhìn anh biến mất vào phòng ngủ và trở ra với một cái hộp có kích thước vừa vừa được buộc ruy băng. Anh đi qua cô và đặt nó dưới tán cây, rồi lại về đứng cạnh cô.

“Đẹp hơn nhiều rồi,” anh nói.

Cô nhìn sang anh. “Dành cho em đấy à?”

“Thực ra thì, đúng đấy.”

“Thế thì không công bằng rồi. Em không có gì cho anh cả.”

“Anh không muốn gì cả.”

“Có thể, nhưng em thấy không phải.”

“Đừng như thế. Em có thể bù cho anh sau.”

Cô quan sát anh. “Anh biết em sẽ nói như thế đúng không?”

“Đó là một phần kế hoạch của anh mà.”

“Bên trong là gì vậy?”

“Cứ tự nhiên đi,” anh giục. “Mở nó ra.”

Cô tiến đến cái cây và cầm hộp lên. Nó đủ nhẹ để cô có thể đoán được thứ bên trong trước khi tháo sợi ruy băng và mở nắp hộp. Cô lấy món quà ra và cầm trước mặt, ngấm ngấm. Nó được nhuộm màu đen và làm bằng rơm, trang trí bằng các hạt đính và một dải dây có đính một chiếc lông vũ nhỏ.

“Một chiếc mũ cao bồi sao?”

“Một chiếc mũ đẹp,” anh nói. “Cho con gái.”

“Có gì khác sao?”

“À, anh sẽ không bao giờ đội một chiếc mũ có lông vũ và đính hạt đâu. Anh nảy ra ý đó vì em đến đây nhiều, em cần một chiếc mũ riêng.”

Cô nghiêng người hôn anh. “Tuyệt quá. Cảm ơn anh.”

“Giáng sinh vui vẻ nhé.”

Cô đội nó lên và ngược nhìn anh với vẻ điệu đà. “Trông thế nào?”

“Đẹp,” anh nói. “Nhưng mà, em lúc nào chẳng đẹp.”



Luke

Khi chỉ còn chưa đầy một tháng nữa là mở đầu mùa giải mới - và Sophia đang ở New Jersey - Luke tăng cường chế độ luyện tập. Trong những ngày sát Giáng sinh, anh không chỉ tăng thời lượng của các lượt cưỡi trên con bò máy thêm năm phút một ngày, mà còn nâng cao chế độ luyện tập thể lực. Anh chưa bao giờ thích nâng tạ, nhưng dù anh có đang làm gì - gần đây công việc chủ yếu là bán nốt số cây còn lại - thì cứ đầu mỗi giờ anh sẽ lén đi để chống đẩy năm mươi cái, đôi khi đạt đến bốn trăm, năm trăm cái một ngày. Cuối cùng, anh tập thêm xà đơn và gập bụng để làm bụng và phần eo lưng khỏe hơn. Đến cuối ngày, anh sẽ ngủ ngay khi vừa ngã lưng xuống giường.

Mặc dù cơ bắp nhức mỏi và kiệt sức, nhưng dần dần anh có thể thấy các kỹ năng của mình đang trở lại. Khả năng thăng bằng được cải thiện, giúp anh ngồi vững hơn. Trục giác của anh cũng sắc bén hơn, cho phép anh dự đoán những cú đảo chiều hay hất. Trong bốn ngày sau Giáng sinh, anh lái xe đến hạt Henderson, cưỡi những con bò thật. Một người anh quen có cơ sở luyện tập ở đó, và mặc dù lũ bò không phải loại tốt nhất, nhưng luyện tập trên bò máy cũng không phản ánh được hết. Động vật thật thì

chẳng thể lường trước, và mặc dù đã đội cả mũ bảo hiểm và mặc áo bảo hộ, anh vẫn thấy hồi hộp trước những cuộc đụng độ chẳng thua gì hồi tháng Mười ở McLeansville.

Anh ép mình phải cố gắng hơn, thậm chí hơn nữa. Mùa giải bắt đầu vào giữa tháng Giêng, và anh cần một khởi đầu thật tốt. Anh cần thắng hoặc chiếm vị trí càng cao càng tốt hòng tích đủ điểm để tiến đến mùa giải chính vào tháng Ba. Đến tháng Sáu, mọi chuyện có thể đã quá muộn.

Mẹ anh thấy điều anh đang làm, và từng chút từng chút một, bà lại bắt đầu xa cách. Bà giận dữ thấy rõ, nhưng cũng buồn phiền nữa. Anh bỗng ước Sophia ở đây với họ, để làm dịu bớt sự khó xử đang tăng lên. Gì thì gì anh vẫn ước có Sophia ở đây, ở luôn. Khi Sophia quay về New Jersey để nghỉ lễ, đêm Giáng sinh thật yên ắng. Ngày Giáng sinh cũng tĩnh lặng. Phải đến đầu giờ chiều anh mới sang nhà mẹ, và bà rõ ràng đang rất căng thẳng.

Anh vui vì việc bán cây thông Giáng sinh đã qua đi. Mặc dù họ bán tốt, nhưng một tháng quanh quẩn với mấy cái cây đồng nghĩa với việc mọi thứ còn lại ở trang trại trở nên tồi tệ hơn, và thời tiết cũng không giúp ích gì. Danh sách những điều cần làm của Luke càng thêm dài, và điều đó khiến anh lo lắng, đặc biệt vì anh biết mình sẽ đi xa nhiều trong năm tới. Việc anh vắng mặt sẽ chỉ làm mọi chuyện khó khăn hơn cho mẹ anh.

Tất nhiên, trừ phi anh thắng ngay từ đầu.

Và thế là anh lại vấp vấn đề đó. Dù đã bán cây để giúp mẹ anh bổ sung thêm bảy đôi nữa vào đàn gia súc, thu nhập của trang trại vẫn còn lâu mới đủ đáp ứng các khoản trả góp.

Và với suy nghĩ ấy trong đầu, Luke lê bước về khu nhà

kho để luyện tập, đếm ngược số ngày còn lại đến đêm giao thừa, khi cuối cùng anh cũng sẽ gặp lại Sophia.



Anh đi từ sáng sớm và đến New Jersey trước bữa trưa vài phút. Sau khi dành thời gian với bố mẹ và các em gái của Sophia, cả Luke và cô đều không muốn chen chúc trong đám đông ở Quảng trường Thời đại đêm Giao thừa. Thay vào đó, họ có một bữa tối êm đềm tại một nhà hàng Thái khiêm tốn rồi cùng nhau quay về khách sạn của Luke.

Vài tiếng sau nửa đêm, Sophia nằm sắp trong lúc Luke dùng ngón tay vẽ những vòng tròn nhỏ lên eo cô.

“Đừng mà,” cô ngọ nguậy nói. “Không ích gì đâu.”

“Cái gì không ích cơ?”

“Em đã bảo với anh là em không thể ở lại đây. Em có giờ giới nghiêm.”

“Em hai mươi mốt tuổi rồi,” anh phản đối.

“Nhưng em ở nhà của bố mẹ, và họ có luật lệ. Mà thực ra, họ đã quá thoáng khi để cho em ở ngoài đến hai giờ đấy. Thường thì em phải về lúc một giờ.”

“Nếu em ở lại đây thì sẽ ra sao?”

“Họ sẽ nghĩ là chúng ta đã ngủ với nhau.”

“Mình ngủ với nhau thật mà.”

Cô quay mặt lại phía anh. “Họ không cần phải biết điều đó. Và em không có ý định làm chuyện đó thành điều hiển nhiên.”

“Nhưng anh chỉ ở đây một đêm thôi. Chiều mai anh phải đi rồi.”

“Em biết, nhưng luật là luật. Hơn nữa, anh không muốn gây ấn tượng xấu với bố mẹ em đâu. Họ thích anh

roi. Mặc dù mấy đứa em em nói rằng chúng nó thất vọng vì anh không đội mũ.”

“Anh muốn hòa nhập mà.”

“Anh làm tốt mà. Đặc biệt khi anh lại bắt đầu kể về 4-H. Anh có để ý thấy họ phản ứng y hệt em khi phát hiện ra anh bán lũ lợn tội nghiệp cho lò mổ sau khi nuôi chúng như thú cưng không.”

“Anh đang định cảm ơn em vì đã khơi chuyện đó lên.”

“Không có gì,” Sophia nói với vẻ mặt tinh quái. “Anh có thấy bộ mặt Dalena khi em giải thích chuyện đó không? Em còn tưởng mắt nó sắp lòi ra khỏi hốc cơ. Mà, mẹ anh thế nào rồi?”

“Bà vẫn ổn.”

“Thế tức là bà vẫn giận anh?”

“Có thể cho là như vậy.”

“Bà sẽ bình thường lại thôi.”

“Anh hy vọng thế.” Anh cúi xuống hôn cô. Mặc dù cô đáp lại nụ hôn ấy, nhưng anh thấy tay cô đưa lên ngực anh, nhẹ đẩy anh ra.

“Anh có thể hôn em thoải mái, nhưng anh vẫn phải đưa em về nhà.”

“Em lén mang anh vào phòng em được không?”

“Có em gái em ở đó thì không được đâu. Kỳ cục lắm.”

“Nếu biết em không ở lại, anh đã không lái xe lên đến tận đây.”

“Em chả tin đâu.”

Anh cười rồi lại nghiêm túc. “Anh nhớ em.”

“Không, anh không nhớ em đâu. Anh bận rộn quá làm sao nhớ ra em. Lần nào em gọi điện, anh cũng đang trên đường. Làm việc rồi luyện tập, có khi anh còn chẳng buồn nghĩ tới em.”

“Anh nhớ em,” anh nói lại lần nữa.

“Em biết. Và em cũng nhớ anh.” Cô giơ tay lên, vuốt ve gương mặt anh. “Nhưng thật buồn là ta phải mặc quần áo vào thôi. Ngày mai anh còn phải đến nhà em ăn bữa sáng muộn đấy, nhớ chứ?”



Trở về Bắc Carolina, Luke quyết định tăng gấp đôi cường độ luyện tập. Chỉ còn chưa đầy hai tuần nữa là đến sự kiện đầu tiên của mùa giải. Hai ngày ở New Jersey đã giúp cơ thể anh được nghỉ ngơi, và lần đầu tiên anh thấy thoải mái sau bao tuần. Vấn đề duy nhất là ở đây cũng lạnh như ở New Jersey, và anh thấy sợ cái lạnh trong nhà kho khi đi về hướng đó.

Anh vừa bật đèn trong nhà kho và đang khởi động trước lượt cưỡi đầu tiên của buổi tối thì nghe thấy tiếng cửa mở. Anh quay lại đúng lúc mẹ anh bước ra từ bóng tối.

“Chào mẹ,” anh ngạc nhiên nói.

“Chào con,” bà nói. Bà cũng đang mặc áo khoác dày giống anh. “Mẹ sang nhà con nhưng thấy con không ở đó, mẹ đoán con ở đây.”

Anh không nói gì. Mẹ anh im lặng bước vào khu tập luyện được dọn dẹp, mỗi bước đi của bà đều bị lún xuống cho đến khi bà đến được chỗ đối diện với Luke ở bên con bò máy. Đột nhiên, bà đưa tay lên và vuốt dọc thân nó.

“Mẹ nhớ hồi bố con lần đầu tiên mang nó về nhà,” bà nói. “Có thời gian nó được ưa chuộng lắm, con biết không. Mọi người ai cũng muốn cưỡi nó nhờ bộ phim của John Travolta hồi ấy, và gần như quán rượu nào cũng phải có một cái, để rồi sự hào hứng ấy nhạt dần sau một, hai năm. Khi một trong mấy quán rượu ấy bị dỡ bỏ, bố con hỏi mua

con bò máy. Nó không tốn nhiều tiền lắm nhưng vẫn quá khả năng chi trả của nhà mình hồi đó và mẹ nhớ là đã rất tức giận với ông ấy. Ông ấy đã đi đến tận Iowa hay Kansas hay đâu đó, rồi lái xe về tận đây để vút nó lại trước khi quay đầu đi luôn đến Texas cho một cuộc thi cưỡi ngựa khác. Phải đến khi quay về, ông ấy mới nhận ra là nó không hoạt động. Ông ấy gần như phải chế lại nó từ đầu, và phải mất gần một năm để nó hoạt động đúng ý ông ấy. Nhưng lúc ấy, con lại được sinh ra và ông ấy thì coi như nghỉ hưu rồi. Con bò máy nằm lại trong nhà kho này, bám bụi cho đến khi ông ấy cho con ngồi lên nó... Mẹ nghĩ lúc ấy con được hai tuổi. Mẹ đã khá bức mình về chuyện đó, tuy nó gần như chẳng hề hoạt động. Mẹ biết rằng con sẽ lại đi theo bước chân của ông ấy. Chuyện là, ngay từ đầu mẹ đã chẳng muốn con thi đấu rồi. Mẹ luôn nghĩ đó là một cách kiếm sống điên rồ." Anh nhận thấy trong giọng mẹ mình một nỗi cay đắng khác thường.

"Sao mẹ không nói gì?"

"Có gì để nói chứ? Con cũng bị ám ảnh y như cha con vậy. Con gãy tay lúc năm tuổi khi đang cưỡi một con bê. Nhưng con không quan tâm. Con chỉ tức vì con không thể cưỡi trong vòng vài tháng sau đó. Mẹ có thể làm gì được chứ?" Bà không mong chờ câu trả lời, rồi bà thở dài. "Một thời gian dài, mẹ đã mong khi lớn lên con sẽ hết hứng thú với chuyện đó. Có lẽ mẹ là người mẹ duy nhất trên thế giới này cầu mong cậu con trai tuổi teen của mình thích ô tô hay gái gú hay âm nhạc, nhưng con không như vậy."

"Con cũng thích mấy thứ đó mà."

"Có thể. Nhưng cưỡi bò là cuộc đời con. Đó là tất cả những gì con muốn làm. Đó là tất cả những gì con ước mơ, và..." Bà nhắm mắt, một cái chớp mắt kéo dài. "Con

có những tố chất của một ngôi sao. Càng ghét điều đó bao nhiêu, thì mẹ càng biết con có khả năng và đam mê và động lực để trở thành người giỏi nhất thế giới. Và mẹ tự hào về con. Nhưng ngay cả lúc ấy, trái tim mẹ cũng tan nát. Không phải vì mẹ nghĩ rằng con không làm được, mà vì mẹ biết con sẽ mạo hiểm mọi thứ để đạt được ước mơ của mình. Và mẹ chứng kiến con bị thương hết lần này đến lần khác rồi vẫn thử đi thử lại.” Bà đổi thế đứng. “Điều con phải nhớ là, với mẹ, con mãi là một cậu bé, đưa con mẹ bồng trên tay ngay khi vừa chào đời.”

Luke lặng im, cảm thấy một nỗi hổ thẹn quen thuộc.

“Nói mẹ nghe,” mẹ nhìn thẳng vào khuôn mặt anh và nói. “Đây có phải điều con không thể sống nếu thiếu không? Con vẫn nung nấu đam mê trở thành người giỏi nhất ư?”

Anh nhìn chằm chằm vào đôi mắt rồi miễn cưỡng ngẩng lên.

“Không,” anh thú nhận.

“Mẹ không nghĩ vậy,” bà nói.

“Mẹ...”

“Mẹ biết tại sao con làm điều này. Cũng giống như việc con biết tại sao mẹ không muốn con làm. Con là con trai mẹ, nhưng mẹ không thể ngăn con, và mẹ cũng biết thế.”

Anh thở dài, nhận thấy sự mệt mỏi ở bà. Vẻ khuôn mặt phủ lên bà như một tấm vải liệm rách nát.

“Sao mẹ lại đến đây?” anh hỏi. “Đâu phải mẹ đến để nói con nghe những chuyện này.”

Bà nở nụ cười phiền muộn. “Không. Thực ra, mẹ ra đây để xem con thế nào, để chắc là con ổn. Và để hỏi thăm về chuyến đi của con.”

Anh biết vẫn còn điều gì đó nữa, nhưng anh vẫn trả lời bà.

“Chuyến đi tốt ạ. Nhưng ngắn quá. Cảm tưởng như thời gian con ngồi trên xe tải còn nhiều hơn thời gian con ở bên Sophia.”

“Cũng có khi thế thật,” bà đồng tình. “Thế còn gia đình con bé?”

“Họ thân thiện lắm. Gia đình gần bó. Họ cười rất nhiều bên bàn ăn.”

Bà gật đầu. “Tốt.” Bà khoanh tay, xoa xoa tay áo. “Còn Sophia?”

“Cô ấy tuyệt lắm.”

“Mẹ thấy ánh mắt con nhìn con bé.”

“Vậy ạ?”

“Tình cảm con dành cho con bé quá rõ ràng rồi,” mẹ anh nói.

“Vậy ạ?” anh hỏi lại.

“Một điều tốt đẹp,” bà nói. “Sophia rất đặc biệt. Mẹ cũng vui khi làm quen với con bé. Con nghĩ chuyện này có tương lai không?”

Anh đổi chân trụ. “Con hy vọng thế.”

Bà nghiêm túc nhìn anh. “Vậy có lẽ con nên nói với con bé đi.”

“Con nói rồi.”

“Không,” bà lắc đầu nói. “Con nên *nói* cho con bé biết.”

“Nói chuyện gì ạ?”

“Chuyện bác sĩ nói với chúng ta,” bà nói thẳng thừng. “Con nên nói cho con bé biết rằng nếu con tiếp tục cưới bà, con sẽ chết trong vòng chưa tới một năm.”



Ira

“Khi đi loanh quanh trong nhà,” Ruth đột nhiên xen ngang, “ông không làm như lời ông nói.”

“Ý bà là sao?” tôi giật mình khi lại nghe thấy bà ấy sau một khoảng lặng dài.

“Chúng không giống cuốn nhật ký ông viết cho tôi. Tôi có thể đọc toàn bộ thư, nhưng ông không giấu toàn bộ tranh. Nhiều bức bị chồng chất trong những căn phòng chật kín và nhiều năm liền ông đâu có giấu chúng. Ông cũng không giấu những bức đựng trong các hộp gỗ sồi. Đạo này ông thậm chí cũng không thể mở những chiếc hộp đó ra.”

Điều này đúng. “Có lẽ tôi nên gọi ai đó,” tôi nói. “Tôi có thể treo những bức khác lên tường. Như bà từng làm.”

“Phải, nhưng khi tôi làm, tôi biết cách sắp xếp chúng để tạo hiệu ứng tốt nhất. Thẩm mỹ của ông không tốt lắm. Ông chỉ toàn cho thợ treo chúng lên chỗ nào còn trống.”

“Tôi thích mỗi thứ có một tí.”

“Như thế rõ là lòe loẹt và lộn xộn và gây nguy cơ cháy nổ.”

Tôi cười tự mãn. “Không ai đến thăm lại thành hay.”

“Không,” bà ấy nói. “Không hay ho gì đâu. Có thể ông hay ngại, nhưng ông luôn khơi gợi điểm mạnh ở mọi người.”

“Tôi đã khơi gợi điểm mạnh ở bà,” tôi nói.

Cho dù trong xe tối, nhưng tôi vẫn thấy bà ấy đảo mắt.

“Tôi đang nói đến khách hàng của ông. Ông luôn có cách đối xử đặc biệt với họ. Đó là lý do tại sao họ vẫn tiếp tục làm khách của ông. Và đó là lý do tại sao sau khi ông bán cửa hiệu đi nó lại làm ăn thua lỗ. Vì những người chủ mới thích tiền hơn cung cấp dịch vụ.”

Có thể Ruth đúng trong chuyện này, nhưng đôi khi tôi tự hỏi liệu có phải sự thay đổi của thị trường mới là lý do chính không. Từ trước khi tôi nghỉ hưu, suốt mấy năm liền cửa hiệu đã thu hút ít khách hơn. Nhiều cửa hàng to hơn, với nhiều sự lựa chọn hơn, được mở tại những khu vực khác ở Greensboro, còn mọi người thì bắt đầu trốn khỏi thành phố để về ngoại ô và việc kinh doanh trong khu trung tâm bắt đầu khó khăn. Tôi đã cảnh báo người chủ mới về chuyện này, nhưng ông ta vẫn định tiếp tục tiến lên, và tôi bỏ đi, biết rằng mình đã sòng phẳng với ông ta. Cho dù cửa hiệu không còn là của tôi nữa, tôi vẫn cảm thấy vô cùng tiếc nuối khi nhận ra rằng sau hơn chín mươi năm nó đã đến lúc lui tàn. Những cửa hiệu đồ nam cũ kỹ, giống cái cửa hiệu tôi quản lý suốt nhiều thập kỷ, nay đã nối bước theo các cửa hàng bán xe thô có mái, xe ngựa kéo, và điện thoại quay số.

“Mà công việc của tôi có gì giống với bà đâu,” cuối cùng tôi nói. “Tôi không yêu nó theo kiểu bà yêu công việc của mình.”

“Tôi có thể nghỉ cả mùa hè.”

Tôi lắc đầu. Hay đúng hơn, tôi tưởng tượng mình làm thế. “Đó là vì có lũ trẻ,” tôi nói. “Có thể bà là người gợi cảm hứng cho chúng, nhưng chúng cũng gợi cảm hứng cho

bà. Những mùa hè của chúng ta lúc nào cũng đáng nhớ, nhưng đến cuối mùa, bà lúc nào cũng hào hứng khi nghĩ đến việc quay trở lại lớp học. Vì bà nhớ lũ trẻ. Bà nhớ tiếng cười và sự tò mò của chúng, cũng như con mắt ngây thơ mà chúng dùng để nhìn thế giới.”

Bà ấy nhướn mày nhìn tôi. “Sao ông biết chuyện này?”

“Vì,” tôi nói, “bà kể cho tôi.”



Ruth là giáo viên lớp ba, và với bà ấy, đó là một trong những giai đoạn giáo dục cốt lõi trong cuộc đời một học sinh. Hầu hết học sinh đều tám, chín tuổi, độ tuổi bà ấy coi như bước ngoặt về mặt giáo dục. Ở độ tuổi đó, học sinh đã đủ lớn để hiểu các khái niệm mà năm trước đó hãy còn mới mẻ với chúng, nhưng chúng vẫn còn đủ bé bỏng để chấp nhận sự dạy bảo từ người lớn với một niềm tin gần-như-không-hoài-nghì.

Theo Ruth, đó cũng là năm đầu tiên học sinh bắt đầu thực sự khác nhau về mặt học hành. Vài em sẽ bắt đầu trội hơn trong khi những em khác thì tụt lại; mặc dù có vô số lý do dẫn tới điều này, nhưng tại ngôi trường đó, vào thời gian đó, nhiều học sinh của bà ấy - và cả bố mẹ chúng nữa - hoàn toàn không quan tâm. Học sinh sẽ đến trường cho đến năm lớp tám hay chín, rồi bỏ học để đi làm cả ngày ở trang trại. Ngay cả với Ruth, đó vẫn là một thử thách khó vượt qua. Đây là lũ trẻ khiến Ruth phải thức đêm, khiến bà ấy lo lắng khôn nguôi, và suốt mấy năm liền bà ấy vá víu các kế hoạch giảng dạy, tìm cách thuyết phục học sinh và phụ huynh. Bà ấy yêu cầu chúng gieo hạt vào các cốc giấy và dán nhãn cho chúng nhằm

mục đích khuyến khích chúng đọc; bà ấy cũng bảo học sinh bắt côn trùng và đặt tên cho chúng, hy vọng nhóm lên sự tò mò về những kiến thức liên quan đến thế giới tự nhiên. Những bài kiểm tra toán luôn liên quan đến trang trại hay tiền bạc: *Nếu Joe thu hoạch được bốn giỏ đào từ mỗi cây, và mỗi hàng cây trong số sáu hàng đều có năm cây, Joe có thể bán được bao nhiêu giỏ đào?* Hay: *Nếu ta có 200 đô la và mua hạt giống hết 120 đô la, ta sẽ còn lại bao nhiêu tiền?* Đây là thế giới mà các học sinh xem là quan trọng - và nhìn chung, bà ấy đã tác động được đến chúng. Tuy cuối cùng vài đứa vẫn bỏ học, thi thoảng chúng vẫn quay lại thăm bà ấy những năm về sau, để cảm ơn bà ấy vì đã dạy chúng đọc, viết và làm những phép toán cơ bản cần thiết để có thể mua bán ở cửa hàng.

Bà ấy tự hào về điều này - và tất nhiên cũng rất tự hào với những học sinh cuối cùng cũng tốt nghiệp và vào đại học. Nhưng đôi khi, lại có một học sinh nhắc cho bà ấy nhớ lý do vì sao mình muốn trở thành giáo viên. Và đó là câu chuyện về bức tranh treo trên lò sưởi.



“Ông đang nghĩ đến Daniel McCallum,” bà ấy nói với tôi.

“Phải,” tôi nói. “Cậu học sinh mà bà rất quý.”

Khuôn mặt bà ấy bỗng đầy sức sống, và tôi biết hình ảnh cậu bé đó vẫn còn rõ ràng như ngày đầu bà ấy gặp. Ngày đó, bà ấy đã dạy học được mười lăm năm. “Thằng bé đúng là khó dạy.”

“Bà đã kể với tôi như thế.”

“Hồi mới đến nó ngông lắm. Bộ áo liền quần của nó lúc nào cũng bẩn và nó không thể ngồi yên một chỗ. Tôi phải rầy la nó suốt ngày.”

“Nhưng bà đã dạy thằng bé đọc.”

“Tôi dạy tất cả chúng nó đọc.”

“Nhưng thằng bé này khác.”

“Phải,” bà ấy nói. “Nó to lớn hơn những đứa con trai khác và nó hay đâm vào tay các học sinh khác lúc nghỉ giải lao, để lại những vết bầm tím. Vì Daniel McCallum mà tóc tôi bắt đầu bạc dần.”

Cho đến hôm nay, tôi vẫn có thể nhớ những lời phàn nàn của bà ấy về thằng bé, nhưng lời nói của bà ấy luôn đong đầy tình cảm, kể cả lúc này.

“Trước đó nó chưa từng đến trường. Nó không hiểu nội quy.”

“Nó biết nội quy. Nhưng lúc đầu nó không quan tâm. Nó ngồi sau một cô bé xinh xắn tên Abigail, và liên tục giựt tóc cô bé. Tôi nói hoài, ‘Em không được làm thế,’ nhưng nó vẫn làm. Cuối cùng tôi phải cho nó ngồi lên bàn đầu để trông chừng.”

“Và lúc đó bà mới biết thằng bé không biết đọc hay viết.”

“Phải.” Ngay cả bây giờ, giọng bà ấy vẫn buồn bã.

“Khi đến nói chuyện với bố mẹ thằng bé, bà phát hiện ra là họ đã mất. Hóa ra Daniel được vợ chồng người anh cùng cha khác mẹ nuôi dạy, và chẳng ai trong hai người đó muốn thằng bé đến trường. Và bà đã thấy cả ba con người sống ở một nơi chẳng khác gì cái lều.”

“Ông biết vì ông đã đi cùng tôi đến nơi họ sống.”

Tôi gật đầu. “Trên đường về nhà, bà rất kiên trì.”

“Nó khiến tôi day dứt khi nghĩ đến việc ở một đất nước giàu có mà vẫn có những người phải sống như bọn họ. Và nó khiến tôi lo vì thằng bé không có ai trên đời lo lắng cho nó.”

“Thế nên bà mới quyết định không chỉ dạy nó học mà còn phụ đạo cho nó nữa. Cả trước và sau giờ học.”

“Nó ngồi ở bàn đầu tiên,” bà ấy nói. “Tôi đâu phải là một cô giáo tốt nếu thằng bé không học được gì.”

“Nhưng bà cũng thấy tội nghiệp cho nó.”

“Sao lại không chứ? Cuộc đời nó không dễ dàng. Ấy thế mà, dần dần tôi biết được rằng có nhiều đứa trẻ khác cũng như Daniel.”

“Không,” tôi nói. “Với cả hai chúng ta, thì chỉ có duy nhất một Daniel thôi.”



Lần đầu tiên Daniel đến nhà chúng tôi là vào đầu tháng Mười, một cậu bé cao lêu nghêu, tóc vàng nhạt với kiểu cư xử dân dã và vẻ ngại ngùng khiến tôi bất ngờ. Hôm đầu đến thăm thằng bé không bắt tay tôi, cũng như không nhìn vào mắt tôi. Thay vào đó, nó đứng cho tay vào túi quần, mắt dính chặt xuống sàn. Dù Ruth đã kèm thằng bé học sau giờ lên lớp, bà ấy vẫn tiếp tục học cùng nó tối hôm đó bên bàn ăn, trong khi tôi ngồi trong phòng khách nghe đài. Sau đó, bà thuyết phục nó ở lại ăn tối.

Daniel không phải học sinh đầu tiên bà ấy mời đến nhà ăn tối, nhưng nó là học sinh duy nhất đến thường xuyên. Phần lớn là bởi hoàn cảnh gia đình, Ruth giải thích. Anh của Daniel và vợ phải chật vật lắm mới giữ cho trang trại hoạt động được và đã rất bức bối khi cảnh sát trưởng ra lệnh cho họ gửi Daniel đến trường. Đồng thời, họ dường như cũng không muốn thằng bé ở quanh trang trại. Ngày Ruth đến thăm, bọn họ ngồi trên thềm nhà hút thuốc và trả lời những câu hỏi của Ruth bằng những câu cộc lốc y hệt nhau. Sáng hôm sau, Daniel đến lớp với những vết bầm

tím trên má và một bên mắt đỏ như viên hồng ngọc. Khuôn mặt thẳng bé khiến trái tim Ruth như tan nát, khiến bà ấy càng thêm quyết tâm giúp đỡ nó.

Nhưng những dấu hiệu ngược đãi rõ ràng kia không phải thứ duy nhất khiến bà ấy buồn. Khi kèm thẳng bé sau giờ học, bà ấy luôn nghe thấy bụng nó sôi réo, mặc dù hỏi thì nó chối rằng mình không đói. Cuối cùng Daniel cũng thú nhận rằng đôi khi nhiều ngày liền nó không có gì ăn, bản năng đầu tiên của bà ấy là gọi cảnh sát trưởng. Daniel xin bà ấy đừng gọi, chỉ bởi vì nó không còn chỗ nào để đi nữa. Thay vào đó, bà ấy mời thẳng bé về nhà ăn tối.

Sau lần đến thăm nhà chúng tôi lần đầu tiên ấy, Daniel bắt đầu ăn với chúng tôi hai, ba lần một tuần. Khi thẳng bé trở nên thoải mái hơn với chúng tôi, sự e ngại bốc hơi mất, thay vào đó là vẻ lễ phép gần như nghiêm túc. Thẳng bé bắt tay tôi và gọi tôi là thầy Levinson, luôn chú ý hỏi xem một ngày của tôi ra sao. Sự nghiêm trang trong các cử chỉ của nó vừa làm tôi buồn, vừa làm tôi ấn tượng. Có lẽ bởi đó dường như là kết quả của một cuộc sống phải bươn chải sớm. Nhưng tôi quý thẳng bé từ những ngày đầu tiên và càng quý nó hơn theo năm tháng. Về phần mình, Ruth dần dà đã yêu thương thẳng bé như con trai mình.

Tôi biết vào thời nay, thật không thích hợp khi sử dụng từ ấy để nói về tình cảm một giáo viên dành cho một học sinh, và có lẽ ngay cả hỏi đó từ này cũng không thích hợp. Nhưng tình cảm của bà ấy là tình yêu của một người mẹ, sinh ra từ lòng yêu thương và sự quan tâm, và Daniel trưởng thành dưới sự chăm sóc của Ruth. Hết lần này đến lần khác, tôi nghe thấy bà ấy nói rằng bà ấy tin tưởng nó và rằng nó có thể trở thành bất cứ ai nó muốn khi lớn lên. Bà ấy nhấn mạnh rằng thẳng bé có thể thay đổi thế giới

nếu nó muốn, biến thế giới thành một nơi tốt đẹp hơn cho bản thân và người khác, và thằng bé có vẻ tin bà ấy. Hơn bất cứ điều gì, thằng bé có vẻ muốn làm bà ấy hài lòng và nó không còn nghịch ngợm trong lớp nữa. Nó học hành chăm chỉ để trở thành một học sinh khá hơn, Ruth ngạc nhiên khi thấy nó tiếp thu thật dễ dàng. Mặc dù trước đó chưa học gì, nhưng thằng bé cực thông minh, và đến tháng Một, nó đã đọc tốt như các bạn cùng lớp. Đến tháng Năm, nó gần như vượt trước hai năm, không chỉ môn đọc, mà trong tất cả các môn học khác. Trí nhớ của thằng bé thực sự đáng nể; nó đúng hơn là một miếng xốp, thấm hết mọi thứ Ruth và tôi dạy.

Như muốn hiểu hơn trái tim Ruth, thằng bé tỏ ra thích thú với những bức tranh treo trên tường nhà chúng tôi, và sau bữa tối, Ruth thường dẫn nó đi quanh nhà để chỉ cho nó những bức tranh chúng tôi sưu tập được. Thằng bé nắm tay Ruth và lắng nghe bà ấy tả các bức tranh, mắt nó long lanh nhìn từ tranh sang khuôn mặt bà ấy, rồi lại nhìn tranh. Dần dần nó cũng biết tên toàn bộ các họa sĩ cũng như phong cách của họ, và nhờ vậy mà tôi biết thằng bé quan tâm đến Ruth cũng nhiều như bà ấy quan tâm đến nó. Một lần, Ruth nhờ tôi chụp ảnh hai người họ. Sau khi bà ấy cho nó xem, nó cứ giữ mãi tấm ảnh cho đến hết buổi chiều và tôi thấy nó thi thoảng lại nhìn bức ảnh, khuôn mặt hiện rõ vẻ vui sướng. Lần nào Ruth đưa nó về nhà, thằng bé cũng không quên cảm ơn bà ấy vì đã dành thời gian cho nó. Vào ngày cuối cùng của năm học, trước khi chạy đi chơi với bạn, thằng bé nói rằng nó yêu bà ấy.

Vào lúc đó, trong đầu bà ấy đã nung nấu dự định hỏi Daniel liệu nó có muốn sống với chúng tôi luôn không. Chúng tôi nói về chuyện này, và thật lòng thì tôi không

thấy phiền. Daniel là niềm vui chúng tôi có được trong tổ ấm của mình và tôi nói với bà ấy như vậy. Nhưng đến cuối năm học, Ruth vẫn chưa rõ nên đề cập đến chuyện này với thằng bé như thế nào. Bà ấy không chắc liệu Daniel có đồng ý hay liệu thằng bé thậm chí có muốn điều đó không. Bà ấy cũng không biết mở lời với người anh của Daniel ra sao. Không có gì đảm bảo rằng một việc như vậy là hợp pháp, nên với tất cả những lý do ấy, bà ấy đã không nói gì vào ngày cuối cùng. Thay vào đó, bà ấy quyết định dời chuyện này lại cho đến khi chúng tôi trở về từ chuyến du lịch hè. Nhưng trong suốt chuyến đi, Ruth và tôi thường xuyên nói chuyện về Daniel. Chúng tôi quyết tâm làm bất cứ việc gì để khiến việc đó thành có thể. Tuy vậy, khi chúng tôi trở về Greensboro, căn lều trống trơn, dường như đã bị bỏ hoang hàng tuần liền. Daniel không quay lại trường vào tháng Tám, cũng như không có ai yêu cầu chuyển tiếp hồ sơ của thằng bé. Dường như không ai biết thằng bé đi đâu hay chuyện gì đã xảy ra với gia đình nó. Các học sinh khác và giáo viên sớm quên thằng bé, nhưng Ruth thì khác. Bà ấy khóc suốt mấy tuần liền khi nhận ra thằng bé không chỉ đi mất, mà có thể là đi vĩnh viễn, không bao giờ trở lại. Bà ấy quyết tâm đến các trang trại xung quanh, hy vọng ai đó có thể nói cho biết gia đình thằng bé đã đi đâu. Ở nhà, bà ấy sốt sắng xem xét đồng thư, hy vọng tìm được một bức thư từ thằng bé, và bà ấy không giấu nỗi sự thất vọng khi, ngày qua ngày, không có bức thư nào. Daniel đã bù đắp khoảng trống trong Ruth mà tôi không thể, điều vẫn còn khuyết trong cuộc hôn nhân của chúng tôi. Trong năm đó, nó trở thành đứa con trai bà ấy hằng mong muốn, đứa con mà tôi không bao giờ có thể cho bà ấy.

Giá mà tôi có thể kể rằng Ruth và Daniel đã nối lại

liên lạc; rằng về sau, thằng bé liên lạc với bà ấy, chỉ để kể mình đang sống thế nào. Lo lắng cho nó suốt mấy năm liền, nhưng thời gian trôi qua, Ruth dần không còn nhắc đến tên nó thường xuyên như trước, rồi đến một ngày bà ấy không còn nhắc nữa. Dù vậy tôi vẫn biết bà ấy không bao giờ quên thằng bé và một phần trong bà ấy chưa bao giờ thôi kiếm tìm. Chính Daniel là người bà ấy tìm khi chúng tôi lái xe trên con đường quê tĩnh lặng, ngang qua các trang trại ọp ẹp; chính Daniel là người bà ấy hy vọng được gặp mỗi dịp trở lại trường sau khi trải qua mùa hè ở những xưởng vẽ và phòng tranh phương xa. Một lần, bà ấy nghĩ mình đã thấy thằng bé trên phố ở Greensboro trong lễ diễu hành ngày Cựu chiến binh, nhưng lúc chúng tôi len lỏi được qua đám đông thì thằng bé đã đi mất, đấy là nếu nó thực sự đã ở đó.

Sau Daniel, chúng tôi không bao giờ mời học sinh nào đến nhà nữa.



Trong xe lạnh thấu xương, hậu quả của việc tôi mở cửa sổ lúc trước. Bảng đồng hồ giờ đã đóng băng óng ánh, và mỗi lần tôi thở, một lớp mây lại đóng trên môi. Mặc dù tôi không còn khát nữa, nhưng cổ họng và dạ dày vẫn còn lạnh do tuyết. Cái lạnh tồn tại cả bên trong lẫn bên ngoài, khắp mọi nơi, và tôi run lập cập.

Bên cạnh tôi, Ruth nhìn ra ngoài cửa sổ và tôi nhận ra có thể nhìn thấy ánh sao bên ngoài tám kính. Trời vẫn chưa sáng, nhưng ánh trắng khiến cho tuyết trên cây lấp lánh ánh bạc, và tôi có thể thấy giai đoạn tẻ nhất của thời tiết đã trôi qua. Đêm nay, trời tiếp tục lạnh nên tuyết trên xe sẽ đóng cứng, nhưng ngày mai hay ngày kia, nhiệt độ

sẽ tăng lên và thế gian sẽ rũ bỏ cái ôm trắng toát của mùa đông khi tuyết bắt đầu tan.

Tin này vừa tốt vừa xấu. Ô tô của tôi có thể được phát hiện từ trên đường, đó là tin tốt, nhưng tôi cần tuyết để sống, mà trong một hai ngày, nó có thể hoàn toàn tan hết.

“Ông đang ổn mà,” Ruth nói với tôi. “Đừng lo lắng về ngày mai trừ phi ông bắt buộc phải làm vậy.”

“Bà nói thì dễ,” tôi nói, hờn dỗi. “Tôi mới là người đang gặp rắc rối mà.”

“Ừ,” bà ấy nói với giọng bình thản. “Nhưng đây là lỗi của ông mà. Đáng nhẽ ông không nên lái xe.”

“Chúng ta lại nói về chuyện này đấy à?”

Bà ấy quay lại nhìn tôi với một nụ cười gượng. Giờ bà ấy đang ở độ tuổi bốn mươi và có mái tóc cắt ngắn. Chiếc váy được cắt may đơn giản, với tông màu đỏ sáng mà bà ấy thích cùng những chiếc khuy quá khổ và túi áo thanh lịch. Như mọi phụ nữ khác ở những năm 1960, Ruth hâm mộ Jacqueline Kennedy.

“Ông gọi chuyện mà.”

“Tôi đang tìm kiếm sự cảm thông.”

“Ông đang phàn nàn. Giờ càng già ông càng phàn nàn nhiều hơn. Như với người hàng xóm đã cưa đổ cái cây. Và cô gái ở trạm xăng đã coi ông như vô hình.”

“Tôi không phàn nàn. Tôi nhận xét. Khác nhau đấy.”

“Ông không nên phàn nàn. Chẳng hấp dẫn chút nào.”

“Tôi qua thời hấp dẫn bao nhiêu năm rồi.”

“Không,” bà ấy phản đối. “Về chuyện này thì ông sai. Trái tim ông vẫn còn đẹp. Đôi mắt ông vẫn tử tế, ông là một người tốt và thật thà. Như thế đủ để giữ ông đẹp mãi rồi.”

“Bà đang tán tôi đấy à?”

Bà ấy nhướn một bên mày. “Tôi không biết. Thế sao?”

Thế đấy, tôi nghĩ. Và kể từ lúc xảy ra tai nạn, lần đầu tiên, dù chỉ trong thoáng chốc, tôi thấy thật ám áp.



Tôi nghĩ cuộc đời dẫn lối ta thật lạ lùng. Những khoảnh khắc của một hoàn cảnh, mà về sau khi được kết hợp với các quyết định và hành động có ý thức, cộng thêm rất nhiều hy vọng, dần dần sẽ có thể tạo ra một tương lai mà nhìn thì thấy như đã được định trước. Khoảnh khắc tôi gặp Ruth cũng như thế. Tôi không hề nói dối khi bảo Ruth rằng ngay lúc đó tôi đã biết rồi sẽ có ngày chúng tôi lấy nhau.

Nhưng kinh nghiệm cũng dạy tôi rằng định mệnh đôi khi cũng tàn nhẫn, và đôi khi dù có hy vọng nhiều đến thế nào cũng không đủ. Đối với Ruth, đó là khi Daniel bước vào cuộc đời chúng tôi. Lúc ấy, bà ấy đã hơn bốn mươi tuổi và tôi thì còn già hơn. Đó là một lý do khác khiến bà ấy cứ khóc mãi sau khi Daniel ra đi. Ngày ấy, xã hội quan niệm rất khác, và cả hai chúng tôi đều biết rằng mình đã quá già để xin con nuôi. Khi Daniel biến mất khỏi cuộc đời chúng tôi, tôi không thể thôi nghĩ rằng định mệnh đã âm mưu chống lại bà ấy lần cuối cùng.

Cho dù bà ấy biết về căn bệnh quái bị và vẫn bất chấp để cưới tôi, tôi biết, Ruth vẫn luôn bám lấy một hy vọng rằng bác sĩ đôi lúc có thể sai. Dù sao cũng không có một bằng chứng chắc chắn nào, và tôi thừa nhận rằng mình cũng đã nuôi một hy vọng mong manh. Nhưng vì quá yêu vợ, nên tôi không nghĩ đến nó thường xuyên. Trong những năm đầu của cuộc hôn nhân, chúng tôi làm tình thường xuyên, và cho dù tháng nào Ruth cũng được nhắc về sự hy sinh của bà ấy khi cưới tôi, khi đó bà ấy cũng chẳng mấy bận tâm. Tôi nghĩ bà ấy tin rằng chỉ cần quyết tâm, chỉ

cần giữ vững niềm khát khao cháy bỏng có được một đứa con, điều đó có thể biến thành hiện thực. Niềm tin thầm kín của bà ấy là rồi sẽ đến thời khắc thành công của chúng tôi và tôi nghĩ đó là lý do tại sao chúng tôi không bàn đến chuyện xin con nuôi.

Đó là một sai lầm. Giờ thì tôi đã biết, nhưng hồi ấy thì không. Thập niên 1950 đến rồi đi và căn nhà của chúng tôi dần dần được lấp đầy bằng các bức tranh. Ruth dạy học ở trường còn tôi quản lý cửa hiệu, và dù ngày một lớn tuổi hơn, nhưng một phần trong bà ấy vẫn nuôi hy vọng. Và rồi, như một điều ước bấy lâu thành hiện thực, Daniel xuất hiện. Thằng bé từ một học sinh đã dần trở thành đứa con trai mà bà ấy hằng ao ước. Nhưng khi ảo tưởng đột ngột kết thúc, chỉ còn tôi ở lại. Và như thế không đủ.

Những năm tiếp theo thật khó khăn với chúng tôi. Bà ấy đổ lỗi cho tôi, và tôi cũng đổ lỗi cho chính mình. Bầu trời xanh của cuộc hôn nhân giữa chúng tôi chuyển xám và giông tố, rồi trống trải và lạnh lẽo. Những cuộc nói chuyện trở nên cứng nhắc, và chúng tôi bắt đầu cãi nhau. Đôi khi ngồi trong cùng một căn phòng với tôi cũng trở thành việc khó khăn với bà ấy. Bà ấy dành nhiều dịp cuối tuần ở nhà bố mẹ ở Durham - sức khỏe của bố bà ấy giảm sút - và có những lần chúng tôi không nói chuyện với nhau suốt mấy ngày liền. Đêm đến, khoảng cách giữa chúng tôi ở trên giường như Thái Bình Dương, không ai trong hai chúng tôi có thể bơi qua. Bà ấy không muốn, còn tôi thì quá sợ để thử, và chúng tôi tiếp tục trôi xa nhau hơn. Thậm chí có thời gian bà ấy tự hỏi liệu mình còn muốn duy trì cuộc hôn nhân với tôi hay không, và tối tối, sau khi bà ấy đi ngủ, tôi sẽ ngồi trong phòng khách, ước gì mình là một người khác, một người đàn ông có thể mang lại cho bà ấy điều bà ấy muốn.

Nhưng tôi không thể. Tôi đã hỏng. Chiến tranh đã tước đoạt khỏi tôi điều duy nhất bà ấy muốn. Tôi buồn cho bà ấy và giận chính mình, và tôi ghét điều đang xảy ra giữa chúng tôi. Tôi có thể đánh đổi cuộc đời mình để làm bà ấy vui trở lại, nhưng tôi không biết cách; và trong tiếng dế kêu giữa những đêm thu ẩm áp, tôi áp tay lên mặt và khóc và khóc và khóc.



“Tôi sẽ không bao giờ rời bỏ ông,” Ruth quả quyết với tôi. “Tôi xin lỗi đã khiến ông nghĩ như vậy.” Giọng bà ấy đầy hối tiếc.

“Nhưng bà đã nghĩ về điều đó.”

“Phải,” bà ấy nói, “nhưng không phải như ông nghĩ. Đó không phải một suy nghĩ nghiêm túc. Mọi phụ nữ có chồng đều có lúc nghĩ như vậy. Đàn ông cũng thế.”

“Tôi chưa bao giờ.”

“Tôi biết,” bà ấy nói. “Nhưng ông khác.” Bà ấy cười, với tay về phía tay tôi. Bà ấy cầm tay tôi, xoa xoa các đốt và xương. “Có lần tôi thấy ông,” bà ấy nói. “Trong phòng khách.”

“Tôi biết,” tôi nói.

“Ông có nhớ chuyện gì xảy ra tiếp theo không?”

“Bà đến và ôm tôi.”

“Đó là lần đầu tiên tôi thấy ông khóc kể từ buổi tối trong công viên, sau chiến tranh,” bà ấy nói. “Nó làm tôi rất sợ. Tôi không biết có chuyện không ổn là gì.”

“Chúng ta không ổn,” tôi nói. “Tôi không biết phải làm gì. Tôi không còn biết phải làm thế nào để bà hạnh phúc.”

“Ông không thể làm gì cả,” bà ấy nói.

“Bà đã rất... giận tôi.”

“Tôi buồn,” bà ấy nói. “Khác nhau đấy.”

“Liệu có khác gì không? Dù gì thì bà cũng không hạnh phúc với tôi.”

Bà ấy bóp tay tôi, làn da mềm mại của bà ấy áp vào da tôi. “Ông là người thông minh, Ira ạ, nhưng đôi khi tôi nghĩ ông chẳng hiểu lắm về phụ nữ.”

Tôi biết bà ấy đúng về việc này.

“Tôi suy sụp khi Daniel ra đi. Tôi muốn thằng bé trở thành một phần trong cuộc đời hai ta. Và đúng, tôi buồn vì chúng ta không có con. Nhưng tôi cũng buồn vì mình đã ngoài bốn mươi tuổi, mặc dù có thể điều này chẳng có ý nghĩa gì với ông. Tôi không phiền với những năm ba mươi tuổi. Đó là lần đầu tiên tôi cảm thấy mình thực sự là một người trưởng thành. Nhưng đối với phụ nữ, tuổi bốn mươi không phải lúc nào cũng dễ dàng. Vào sinh nhật, tôi không thể thôi nghĩ rằng mình đã sống nửa cuộc đời, và khi soi gương, chẳng còn người phụ nữ trẻ nào nhìn lại tôi nữa. Điều đó thật nông cạn, tôi biết thế, nhưng nó khiến tôi buồn phiền. Và bố mẹ tôi cũng già đi nữa. Thế nên tôi mới thường xuyên đi thăm họ. Lúc ấy, bố tôi đã nghỉ hưu, nhưng ông ấy không khỏe, ông biết đấy. Mẹ tôi rất vất vả khi phải chăm sóc ông ấy. Nói cách khác, hồi ấy không có cách nào khiến cuộc sống của tôi dễ dàng hơn được. Ngay cả nếu Daniel có ở lại với chúng ta, thì những năm ấy cũng vẫn khó khăn thôi.”

Tôi nghi ngờ điều này. Trước đây bà ấy cũng nói với tôi như thế, nhưng đôi khi, tôi không biết bà ấy có thật lòng hay không.

“Việc bà ôm tôi đêm hôm đó thật sự có ý nghĩa rất lớn với tôi.”

“Tôi có thể làm gì khác đây?”

“Bà có thể quay lưng đi về phòng ngủ.”

“Làm sao tôi làm thế được. Tôi đau lòng khi thấy ông như vậy.”

“Nụ hôn của bà đã lau khô nước mắt tôi,” tôi nói.

“Ừ,” bà ấy đáp.

“Và sau đó, chúng ta nằm ôm nhau trên giường. Lần đầu tiên sau một khoảng thời gian rất dài.”

“Ừ,” bà ấy lại nói.

“Và mọi chuyện bắt đầu khá hơn.”

“Đến lúc phải thế,” bà ấy nói. “Tôi mệt mỏi vì buồn đau rồi.”

“Và bà biết tôi vẫn yêu bà nhiều thế nào.”

“Ừ,” bà ấy nói. “Tôi lúc nào cũng biết thế.”



Vào năm 1964, trong chuyến đi New York, Ruth và tôi có thể xem là đã có kỳ trăng mật thứ hai. Nó không được lên kế hoạch trước, và chúng tôi cũng không làm điều gì quá đặc biệt; nó gần như một dịp để đánh dấu rằng chúng tôi đã bỏ lại đằng sau điều tồi tệ nhất. Chúng tôi cầm tay nhau đi thăm các phòng tranh và bắt đầu cười trở lại. Đến nay tôi vẫn tin, chưa có khi nào nụ cười của bà ấy có sức lan tỏa niềm vui hơn mùa hè năm đó. Đó cũng là mùa hè của Andy Warhol.

Những tác phẩm của ông ta, mang tính thương mại mà vẫn độc đáo, chẳng cuốn hút tôi. Tôi không thấy hứng thú với những bức tranh vẽ các hộp xúp. Ruth cũng thế, nhưng bà ấy bị cuốn hút bởi Andy Warhol từ buổi gặp đầu tiên. Tôi nghĩ đây là trường hợp duy nhất Ruth mua một thứ gì đó chỉ vì cá tính của người họa sĩ. Bà ấy linh cảm

được rằng ông ta sẽ trở thành một họa sĩ định hình thập niên 1960, và chúng tôi đã mua bốn bức nguyên bản. Lúc ấy, các tác phẩm của ông ta đã đắt rồi - dĩ nhiên, tất cả cũng chỉ tương đối, đặc biệt là khi so với giá trị hiện giờ của chúng - và kết quả là chúng tôi không còn đồng nào. Sau khi ở miền Bắc được có một tuần, chúng tôi lại trở về Bắc Carolina và đến Outer Banks, ở đó chúng tôi thuê một căn chòi bên bãi biển. Mùa hè năm đó là lần đầu tiên Ruth mặc bikini, dù vậy bà ấy không chịu đi đâu mà chỉ mặc nó ở hiên nhà sau, cùng đóng khăn tắm phủ lên hàng rào để che ánh nhìn của người khác. Sau chuyến đi đến bờ biển, chúng tôi lại đến Asheville, như bao lần. Tôi đọc cho bà ấy nghe bức thư tôi đã viết khi chúng tôi đứng bên hồ, và năm tháng tiếp tục trôi qua. Lyndon Johnson được bầu làm tổng thống và bộ luật dân sự được thông qua. Cuộc chiến ở Việt Nam nóng lên, trong khi ở nhà chúng tôi nghe nhiều về Cuộc chiến chống đói nghèo. Ban nhạc The Beatles đang rất nổi tiếng, và phụ nữ ùn ùn tham gia lực lượng lao động. Ruth và tôi ý thức được tất cả những điều này, nhưng cuộc sống trong tổ ấm của chúng tôi là quan trọng hơn cả. Chúng tôi vẫn sống như trước, cả hai đều làm việc và sưu tập tranh khi hè đến, ăn sáng trong bếp, và kể chuyện cho nhau nghe trong bữa tối. Chúng tôi mua các bức họa của Victor Vasarely và Arnold Schmidt, Frank Stella và Ellsworth Kelly. Chúng tôi đánh giá cao các tác phẩm của Julian Stanczak và Richard Anuszkiewicz, và cũng mua tranh của họ. Tôi sẽ không bao giờ quên vẻ mặt của Ruth khi bà ấy chọn từng bức tranh.

Cũng vào khoảng thời gian đó chúng tôi bắt đầu dùng máy ảnh. Lạ lùng thay, trước đó, nó chưa bao giờ là ưu tiên của chúng tôi, và trong suốt cuộc đời, chúng tôi chỉ có bốn

quyển album. Nhưng thế là đủ cho tôi được giờ từng trang và thấy Ruth và tôi từ từ già đi. Có một bức ảnh Ruth chụp tôi hôm sinh nhật lần thứ năm mươi vào năm 1970, và một bức của bà ấy vào năm 1972, khi bà ấy kỷ niệm dấu mốc tương tự. Vào năm 1973, chúng tôi thuê gian nhà kho đầu tiên để chứa một phần bộ sưu tập của mình, vào năm 1975, Ruth và tôi lên con tàu *QE2* và vượt biển đến Anh. Ngay cả lúc ấy, tôi cũng không thể tưởng tượng ra cảnh đi máy bay. Chúng tôi dành ba ngày ở London và hai ngày nữa ở Paris rồi lên tàu hỏa đến Vienna, nơi chúng tôi ở lại đó hai tuần tiếp theo. Với Ruth, việc quay về thành phố bà ấy từng gọi là nhà vừa bồi hồi vừa đau đớn; dù có thể thấy bà ấy đang cảm thấy thế nào, nhưng tôi vẫn mất khá nhiều thời gian tự hỏi mình nên nói gì.

Vào năm 1976, Jimmy Carter được bầu làm tổng thống, thay cho Gerald Ford, người đã thay thế Richard Nixon. Kinh tế tụt dốc và xe cộ xếp hàng dài ở các trạm xăng dầu. Thế nhưng Ruth và tôi hiếm khi để ý đến những diễn biến ấy vì chúng tôi đang say mê với một phong trào nghệ thuật mới gọi là Chủ nghĩa Trừu tượng Trữ tình, khởi nguồn từ Pollock và Rothko. Trong năm đó - năm Ruth ngừng nhuộm tóc - chúng tôi kỷ niệm ba mươi năm ngày cưới. Tuy việc này tốn một khoản nho nhỏ và tôi phải vay tiền, nhưng tôi đã tặng bà ấy những bức tranh tự tôi mua: hai bức Picasso nhỏ, một từ thời kỳ Xanh và một từ thời kỳ Hồng⁽¹⁾. Đêm ấy, bà ấy treo chúng trong phòng ngủ, và sau khi ân ái, chúng tôi nằm trên giường ngắm nhìn chúng hàng giờ liền.

Vào năm 1977, khi việc kinh doanh ở cửa hàng gần

1. Hai giai đoạn sáng tác của danh họa Picasso: thời kỳ Xanh (1901-1904) và thời kỳ Hồng (1904-1906).

như giẫm chân tại chỗ, tôi bắt đầu dựng chuồng chim vào những lúc rảnh rỗi bằng đồ nghề tôi mua ở cửa hàng dành riêng cho sở thích này. Giai đoạn này không kéo dài, có lẽ là ba hay bốn năm, nhưng hai tay tôi vẫn vụng về và cuối cùng tôi từ bỏ, đúng lúc thời kỳ Reagan bắt đầu. Mặc dù thời sự đưa tin rằng nợ nần không đáng lo, nhưng tôi vẫn trả hết chỗ nợ đã vay để mua mấy bức tranh của Picasso. Ruth bị bong gân mắt cá chân và phải chống nạng một tháng. Năm 1985, tôi bán cửa hiệu và bắt đầu nhận phúc lợi xã hội; vào năm 1987, sau bốn mươi năm đứng lớp, Ruth cũng theo bước tôi. Trường học và quận tổ chức tiệc để vinh danh bà ấy. Trong sự nghiệp của mình, bà ấy đã được chọn là “Giáo viên của năm” ba lần. Và trong khoảng thời gian ấy, tóc tôi chuyển từ đen sang xám rồi bạc, thưa dần đi theo năm tháng. Nếp nhăn trên mặt chúng tôi hằn sâu hơn và cả hai đều nhận ra mình không thể nhìn gần hay xa mà không có kính. Vào năm 1990, tôi bảy mươi tuổi, và năm 1996, vào dịp kỷ niệm năm mươi năm ngày cưới, tôi trao cho Ruth bức thư dài nhất tôi từng viết. Bà ấy đọc to nó lên, và khi bà ấy làm vậy, tôi nhận ra mình gần như chẳng nghe được gì. Hai tuần sau, tôi phải đeo máy trợ thính. Nhưng tôi đã bình thản đón nhận nó.

Đã đến lúc. Tôi già đi. Mặc dù Ruth và tôi không hề trải qua thời kỳ đen tối nào trong cuộc hôn nhân như hồi sau khi Daniel biến mất nữa, nhưng mọi thứ không phải lúc nào cũng dễ dàng. Bố bà ấy mất năm 1966, và hai năm sau, mẹ bà ấy qua đời vì đột quỵ. Vào những năm 1970, một khối u được tìm thấy trong ngực Ruth, bà ấy đã tưởng đó là ung thư cho đến khi xét nghiệm sinh thiết và có kết quả âm tính. Bố mẹ tôi mất cách nhau một năm vào cuối thập niên 1980, Ruth và tôi đứng bên mộ họ, điềm tĩnh

nhận ra rằng chúng tôi là những người sống sót cuối cùng của cả hai bên gia đình.

Tôi không thể nhìn thấy trước tương lai, nhưng có ai làm thế được? Tôi không biết mình mong chờ gì trong những năm bên nhau còn lại. Tôi đoán chúng tôi sẽ tiếp tục như trước, vì đó là cuộc đời duy nhất mà tôi biết. Có thể là đi du lịch ít hơn - các chuyến đi và việc đi bộ đang dần khó khăn hơn với chúng tôi - nhưng ngoài việc đó ra, thì chẳng có gì khác cả. Chúng tôi không có con hay cháu cần phải đi thăm, không có thôi thúc muốn đi du lịch nước ngoài thêm nữa. Thay vào đó, Ruth dành nhiều thời gian ở ngoài vườn hơn còn tôi bắt đầu cho lú chim bồ câu ăn. Chúng tôi bắt đầu uống vitamin, và cả hai đều không có cảm giác thèm ăn lắm. Nhìn lại, tôi cho rằng lẽ ra mình phải suy nghĩ nhiều hơn về việc vào lễ kỷ niệm vàng của chúng tôi, Ruth đã sống lâu hơn bố mẹ bà ấy, nhưng tôi quá sợ hãi để nghĩ đến những điều tiếp theo đó. Tôi không thể tưởng tượng ra cuộc sống không có Ruth, cũng như tôi không muốn một cuộc sống như thế, nhưng Chúa lại có những kế hoạch khác. Vào năm 1998, Ruth bị một cơn đột quỵ giống mẹ mình, khiến cho phần bên trái của cơ thể bà ấy yếu đi. Mặc dù bà ấy vẫn có thể đi lại quanh nhà, nhưng những năm tháng sưu tập của chúng tôi đã đến hồi kết và chúng tôi không còn mua thêm một tác phẩm nào nữa. Hai năm sau, vào một buổi sáng mùa xuân lạnh lẽo, khi chúng tôi ngồi trong bếp, bà ấy đang nói thì ngừng, không thể nói nốt điều mình nghĩ, và tôi biết bà ấy lại bị một cơn đột quỵ khác. Bà ấy phải nằm viện ba ngày để làm các xét nghiệm, và mặc dù bà ấy được trở về nhà, chúng tôi chẳng thể có một cuộc trò chuyện trôi chảy nào nữa.

Phần bên trái khuôn mặt bà ấy ngày càng khó cử động

hơn, và bà ấy bắt đầu quên phần lớn các từ thường dùng. Điều này khiến Ruth buồn nhiều hơn tôi; trong mắt tôi, bà ấy vẫn đẹp như ngày tôi mới gặp. Tôi chắc chắn không còn là người đàn ông của ngày xưa. Khuôn mặt tôi trở nên nhăn nheo, gầy gò, và mỗi lần soi gương, kích cỡ của đôi tai tôi vẫn không thôi làm tôi sửng sốt. Những hoạt động thường nhật của chúng tôi trở nên giản đơn hơn, ngày nọ cứ thế nổi qua ngày kia. Tôi làm bữa sáng cho bà ấy, chúng tôi vừa ăn cùng nhau vừa xem báo; sau bữa sáng, chúng tôi sẽ ngồi trong sân và cho lũ bồ câu ăn. Chúng tôi chợp mắt vào cuối buổi sáng rồi dành phần còn lại của một ngày đọc hay nghe nhạc hay đến hiệu tạp hóa. Mỗi tuần một lần, tôi chở bà ấy đến tiệm làm tóc, ở đó thợ sẽ gội đầu và tạo kiểu cho mái tóc của bà ấy, điều tôi biết sẽ khiến bà ấy vui. Và rồi, khi tháng Tám đến, tôi sẽ dành hàng giờ bên bàn viết thư cho vợ mình, và lái xe chở cả hai đến Black Mountain vào hôm kỷ niệm ngày cưới, ở đó chúng tôi sẽ đứng bên hồ, như vẫn làm ngày xưa, trong lúc bà ấy đọc những lời tôi viết.

Đến thời điểm đó, những cuộc phiêu lưu đã ở lại sau lưng chúng tôi từ lâu, nhưng với tôi thế là quá đủ, vì chẳng đường bất tận vẫn tiếp tục. Kể cả là lúc đó, những khi hai chúng tôi nằm trên giường, tôi lại ôm Ruth vào lòng, cảm thấy biết ơn vì đã được ban cho cuộc đời này, người phụ nữ này. Trong những khoảnh khắc như vậy, tôi lại cầu nguyện, đầy ích kỷ, rằng mình là người chết trước, bởi tôi đã cảm thấy điều không thể tránh khỏi ngay từ lúc đó.

Vào mùa xuân năm 2002, một tuần sau khi hoa đỗ quỳen trong vườn bung nở, chúng tôi trải qua buổi sáng như thường lệ, và vào buổi chiều, chúng tôi dự định ra ngoài ăn tối. Họa hoằn chúng tôi mới làm vậy, nhưng cả

hai đều đang có hứng, và tôi nhớ mình đã gọi điện đến nhà hàng để đặt chỗ. Buổi chiều, chúng tôi đi dạo. Không lâu lắm, chỉ là đi đến hết khu nhà rồi quay lại. Mặc dù không khí hơi lạnh lạnh, nhưng dường như Ruth không nhận ra. Chúng tôi nói chuyện đôi chút với một trong những người hàng xóm - không phải người đàn ông câu bắt đã cưa đổ cây - và sau khi về đến nhà, chúng tôi thảnh thơi tận hưởng một ngày khá bình thường tính đến thời điểm đó. Ruth không nói gì với tôi về việc bà ấy bị đau đầu, nhưng đầu giờ tối, trước khi chúng tôi vào bữa, bà ấy từ từ lê bước về phòng ngủ. Vào lúc đó tôi chẳng nghĩ ngợi gì - tôi đang đọc sách trên ghế bành và có lẽ đã thiếp đi trong vài phút. Khi tôi tỉnh dậy, Ruth vẫn chưa quay lại, tôi bèn gọi bà ấy. Bà ấy không trả lời, và tôi đứng dậy khỏi ghế. Tôi gọi bà ấy lần nữa trong lúc đi dọc theo hành lang. Khi tôi thấy bà ấy đổ gục cạnh giường, tim tôi như nhảy ra khỏi lồng ngực. Tôi nghĩ ngay rằng bà ấy lại bị một cơn đột quỵ khác. Nhưng chuyện tồi tệ hơn thế, và trong lúc cố thổi sự sống trở lại vào bà ấy, tôi có thể thấy hồn mình bắt đầu héo đi.

Đội cấp cứu đến sau vài phút. Tôi nghe thấy họ gõ cửa rồi đập rầm rầm vào cửa. Lúc ấy, tôi đang ôm Ruth trong lòng và không muốn buông ra. Tôi nghe thấy họ đi vào và gọi to; tôi đáp lại và họ chạy đến phòng ngủ, ở đó họ thấy một ông già đang ôm người phụ nữ ông ta hằng yêu thương.

Họ rất tốt bụng và nhỏ nhẹ, một trong hai người giúp tôi đứng dậy, còn người kia bắt đầu chăm sóc Ruth. Tôi van xin họ hãy giúp bà ấy, cố gắng ép họ hứa rằng bà ấy sẽ ổn. Họ đeo cho bà ấy mặt nạ ôxy và nâng bà ấy lên cáng, để tôi ngồi trong xe cấp cứu trong khi bà ấy được đưa đến bệnh viện.

Khi bác sĩ ra nói chuyện với tôi trong phòng chờ, ông rất nhẹ nhàng. Ông đỡ cánh tay tôi khi chúng tôi đi dọc hành lang. Sàn lót gạch xám và ánh sáng huỳnh quang khiến tôi nhức mắt. Tôi hỏi liệu vợ tôi có ổn không; tôi hỏi khi nào tôi được phép gặp bà ấy. Nhưng ông không trả lời. Thay vào đó, ông dẫn tôi đến một phòng bệnh trống và đóng cửa lại sau lưng. Vẻ mặt ông nghiêm trọng, và khi ông nhìn xuống sàn, tôi biết chính xác điều ông chuẩn bị nói ra.

“Tôi rất tiếc phải nói với ông điều này, thưa ông Levinson, nhưng chúng tôi không thể làm gì...”

Tất cả những từ ngữ ấy khiến tôi phải bám chặt vào thành giường bên cạnh để không ngã. Căn phòng như thu hẹp lại khi bác sĩ nói tiếp, tầm nhìn của tôi co lại cho đến khi tôi chẳng thể nhìn thấy gì ngoài khuôn mặt của ông. Những lời ông nói ra nghe lí nhí và chẳng có nghĩa lý gì, nhưng nó chẳng quan trọng. Vẻ mặt ông đã quá rõ - tôi đã quá muộn. Ruth, Ruth yêu dấu của tôi, đã chết trên sàn trong khi tôi thiếp đi ở phòng khác.

Tôi không nhớ mình rời bệnh viện thế nào, và những ngày tiếp theo thật mơ hồ. Luật sư của tôi, Howie Sanders, một người bạn của cả tôi và Ruth, giúp thu xếp đám tang, một buổi lễ nhỏ, riêng tư. Sau đó, nến được thắp lên, đệm được trải khắp nhà, và tôi ngồi shiva⁽¹⁾ suốt một tuần. Mọi người đến rồi đi, những người chúng tôi quen suốt bao năm. Hàng xóm, cả người đàn ông đã cưa đổ cây phong. Khách của cửa hiệu. Ba chủ sở hữu phòng tranh ở New York. Vài họa sĩ. Những người phụ nữ từ giáo đường hằng ngày đến nấu nướng và dọn dẹp. Và trong những ngày ấy, tôi chỉ ước được tỉnh dậy khỏi cơn ác mộng mà đời mình vừa trở thành.

1. Hành động thể hiện sự tiếc thương của các thành viên gia đình người Do Thái khi người thân mất đi. Giai đoạn ngồi chịu tang sẽ kéo dài bảy ngày.

Nhưng rồi mọi người cũng rời đi, cho đến khi không còn ai ở lại. Không còn ai để gọi, không còn ai để nói chuyện cùng, và căn nhà chìm vào tĩnh lặng. Tôi không biết sống cuộc sống đó như thế nào, và thời gian trở nên tàn nhẫn. Từng ngày lẳng lặng đi qua. Tôi không thể tập trung. Tôi đọc báo mà chẳng nhớ nổi điều gì. Tôi ngồi hàng giờ liền mà không nhận ra rằng mình chẳng nghe lọt một lời radio nói. Ngay cả lũ chim cũng không làm tôi vui lên; tôi nhìn chăm chăm chúng và thậm chí nghĩ lẽ ra Ruth đang ngồi cạnh tôi, tay chúng tôi chạm nhau khi lấy thức ăn cho lũ chim từ trong túi.

Chẳng còn điều gì có ý nghĩa nữa, mà tôi cũng không muốn tìm. Buổi sáng và buổi chiều tối trôi qua trong nỗi đau lặng thinh của trái tim tan vỡ. Buổi tối cũng chẳng khá hơn. Đêm muộn, khi nằm trần trọc trên chiếc giường khuyết một bên, tôi cảm thấy ướt ướt dọc hai bên má. Tôi lau nước mắt và một lần nữa thần thờ trước sự thật rằng Ruth đã không còn.



Luke

Mọi chuyện lại quay về với lần cưới con Quái Thú Cục Súc.

Con vật đã khiến anh gặp ác mộng, con vật đã khiến anh không thể thi đấu suốt mười tám tháng. Anh đã kể với Sophia về lần cưới ấy và một vài vết thương anh phải chịu.

Nhưng anh chưa kể với cô mọi chuyện. Vẫn nán lại trong nhà kho sau khi mẹ anh đi khỏi, Luke tựa người vào con bò máy, nhớ lại phần quá khứ mà anh đã cố hết sức để quên đi.

Phải mất tám ngày anh mới nhận thức được chuyện gì đã xảy ra. Mặc dù anh biết mình đã bị thương và, sau vài lần được kể, mang máng nhớ lại được lúc cưới con bò ấy, nhưng anh đâu biết mình đã cận kề cái chết đến thế nào. Anh đâu biết rằng ngoài việc làm nứt hộp sọ của anh, con bò cũng đã làm nứt đốt sống C1 và não anh thì bị tụ máu.

Anh đã không kể cho Sophia việc họ đã không dám chỉnh lại xương trên mặt anh trong suốt gần một tháng vì sợ việc đó sẽ gây thêm tổn thương. Anh cũng không nhắc gì đến việc bác sĩ đã quay lại giường của anh để nói rằng anh sẽ không bao giờ hồi phục hoàn toàn sau chấn thương đầu - và một phần sọ anh hiện tại đã được vá lại bằng một tấm titan nhỏ. Các bác sĩ nói rằng chỉ một chấn động tương

tự nữa lên đầu, dù có hay không có mũ bảo hộ, cũng đủ để giết anh. Tấm titan mà họ ghép vào phần hộp sọ bị nứt quá gần với cuống não để có thể bảo vệ anh tử tế.

Sau buổi gặp mặt đầu tiên với các bác sĩ, anh đã có ít câu hỏi hơn mọi người nghĩ. Anh quyết định ngay lúc ấy rằng sẽ từ bỏ việc cưới bò, và anh cũng nói với mọi người như vậy. Anh biết anh sẽ nhớ việc cưới bò và có thể sẽ mãi tự hỏi cảm giác khi đoạt chức vô địch là như thế nào. Nhưng anh không bao giờ lấy cái chết ra làm trò đùa, và lúc ấy, anh đã nghĩ mình vẫn còn nhiều tiền trong ngân hàng.

Đúng là anh có, nhưng chừng đó không đủ. Mẹ anh đã lấy trang trại làm tài sản thế chấp cho khoản tiền bà vay để chi trả cho viện phí khổng lồ của anh. Mặc dù bà đã nói đi nói lại với anh rằng bà không quan tâm đến số phận của trang trại, nhưng trong thâm tâm, anh biết là bà có. Trang trại là cuộc sống của bà, nó là tất cả những gì bà biết, và mọi việc bà làm kể từ vụ tai nạn đã xác nhận điều đó. Năm vừa qua, bà đã làm việc đến mức kiệt sức hông ngăn chặn điều không thể tránh khỏi. Bà nói gì thì nói, nhưng anh biết sự thật...

Anh có thể cứu trang trại. Không, anh không thể kiếm đủ tiền vào năm sau - hay thậm chí trong ba năm tới - để trả nợ, nhưng anh là một đấu sĩ cưới bò đủ giỏi để kiếm đủ tiền cho các khoản trả góp và thêm nữa, ngay cả khi anh chỉ thi đấu ở những vòng đấu nhỏ. Anh ngưỡng mộ những nỗ lực của mẹ với đám cây thông Giáng sinh, những quả bí ngô và việc mở rộng đàn gia súc, nhưng cả hai người họ đều biết như vậy là không đủ. Anh đã nghe về những chi phí cho việc sửa cái này cái kia đủ để biết rằng mọi thứ khó khăn như thế nào ngay cả trong giai đoạn khấm khá nhất.

Vậy anh phải làm gì? Hoặc anh phải giả vờ rằng mọi

chuyện sẽ ổn - một điều bất khả - hoặc anh phải tìm cách giải quyết vấn đề. Và anh biết chắc chắn làm thế nào để giải quyết vấn đề. Tất cả những gì anh phải làm là thi đấu thật tốt.

Nhưng cho dù thi đấu tốt, anh vẫn có thể sẽ chết.

Luke hiểu mối nguy này. Đó là lý do tại sao tay anh run lên mỗi khi anh chuẩn bị cưới. Không phải vì phong độ anh giảm sút hay sự hồi hộp quá rầy anh. Mà là vì khi anh bám vào sợi dây đai tự sát, một phần trong anh tự hỏi liệu đây có phải lần cưới cuối cùng của mình chẳng.

Làm sao có thể thi đấu thành công nếu mang theo nỗi sợ ấy. Tất nhiên, trừ phi có một thứ gì đó to lớn hơn đang gặp nguy khốn, và với anh, đó là trang trại. Và mẹ anh. Mẹ sẽ không phải mất trang trại vì anh.

Anh lắc đầu. Anh không muốn nghĩ về những điều này. Tìm được sự tự tin anh biết mình cần để trụ lại - rồi chiến thắng - trong suốt mùa giải đã đủ khó khăn rồi. Điều ta không bao giờ muốn nghĩ đến là không thể cưới.

Hoặc chết trong khi cưới...

Anh không nói dối khi bảo bác sĩ rằng mình sẵn sàng từ bỏ. Anh biết cuộc sống cưới bò có thể gây ra cho một người đàn ông những gì; anh đã thấy bố mình nhăn nhó và đi lại khó khăn mỗi sáng, và chính anh cũng từng chịu những cơn đau đó. Anh đã trải qua bao lần tập luyện và đã cố gắng hết sức, nhưng không ăn thua. Và mười tám tháng trước, anh vẫn thấy ổn với việc đó.

Nhưng ngay lúc này, đứng cạnh con bò máy, anh biết mình không còn lựa chọn nào khác. Anh đeo găng tay, hít một hơi dài và trèo lên con bò. Treo lưng lẳng trên cái sừng là bộ điều khiển, anh cầm nó bằng bên tay phải. Nhưng có lẽ vì mùa giải đang đến gần, hay có lẽ vì chưa

nói toàn bộ sự thật với Sophia, nên anh không thể ấn nút. Chưa thể ấn.

Anh nhắc bản thân rằng mình biết chuyện gì có thể xảy ra, và cố thuyết phục bản thân rằng mình đã sẵn sàng. Anh đã sẵn sàng cưới bò, đã chuẩn bị cho việc cưới bò, bắt chấp những gì có thể xảy ra. Anh là một đấu sĩ cưới bò. Anh đã cưới bò bao lâu nay rồi và sẽ tiếp tục cưới. Anh sẽ thi đấu, vì anh giỏi việc đó, và như vậy thì mọi vấn đề sẽ được giải quyết...

Trừ phi tiếp đất sai, anh có thể chết.

Hai tay anh đồng loạt run lên. Nhưng rồi, tự nhủ mình phải cứng rắn, cuối cùng anh cũng ấn được cái nút.



Trên đường quay về từ New Jersey, Sophia đi vòng qua trang trại rồi mới quay trở lại trường. Luke biết cô sắp đến và đã dọn dẹp sẵn cả trong nhà lẫn ngoài hiên để đón cô.

Khi cô lái xe vào chỗ đỗ trước nhà anh thì trời đã tối. Anh nhảy xuống mấy bậc thang ở hiên trước để gặp cô, tự hỏi liệu có gì thay đổi từ lần cuối anh thấy cô không. Mối lo ngại ấy bốc hơi ngay khi cô bước ra khỏi xe và chạy về phía anh.

Anh đỡ cô khi cô nhảy lên, cảm thấy chân cô quấn quanh mình. Khi họ ôm nhau, anh chìm đắm vào cảm giác tuyệt vời cô mang lại, càng thêm chắc chắn cô có ý nghĩa với anh nhiều thế nào, và tự hỏi tương lai sẽ mang lại điều gì.



Họ ân ái với nhau tối hôm ấy, nhưng Sophia không thể ở lại qua đêm. Học kỳ mới đã bắt đầu và cô có tiết học sớm. Khi đèn hậu xe cô khuất dạng trên đường, Luke quay

bước và trở lại nhà kho để luyện tập lần nữa. Anh không có hứng, nhưng sự kiện đầu tiên sẽ diễn ra trong chưa đầy hai tuần nữa, anh nhắc bản thân rằng mình phải luyện tập thêm nhiều.

Trên đường ra nhà kho, anh quyết định luyện tập mau hơn thường lệ, chỉ một tiếng không hơn. Anh đã mệt, trời thì lạnh, và chưa gì anh đã thấy nhớ sự hiện diện của Sophia.

Bên trong nhà kho, anh khởi động nhanh để máu lưu thông, rồi nhảy lên con bò máy. Khi độ lại con bò, bố anh đã cải tiến nó để những khi cưỡi ở tốc độ cao thì còn khó trụ hơn trước và lắp nút điều khiển để Luke có thể cầm bằng tay rảnh. Như một thói quen, anh nắm tay thành nắm đấm hờ ngay cả khi cưỡi lú bò thật, dù vậy đến hiện tại cũng chẳng có ai hỏi vì sao hay có khi còn chẳng nhận thấy.

Khi sẵn sàng rồi, anh bật máy ở tốc độ thấp-vừa, chỉ vừa đủ để khởi động người. Rồi anh cưỡi một lượt ở chế độ vừa, và một lượt ở chế độ vừa-cao. Trong những lần luyện tập này, anh cưỡi trong mười sáu giây, gấp đôi so với khoảng thời gian anh phải cưỡi ở trường đấu. Bố anh đã điều chỉnh con bò máy cho những lượt cưỡi dài này, nói rằng như thế sẽ khiến cho những lần cưỡi thật dễ hơn. Có lẽ đúng như vậy. Nhưng nó lại khó gấp đôi cho cơ thể.

Sau mỗi lần cưỡi, anh phải nghỉ giải lao để hồi phục, và cứ sau ba lần cưỡi anh lại nghỉ lâu hơn. Thường thì tâm trí anh trống rỗng trong những khoảnh khắc ấy, nhưng đêm nay anh hồi tưởng lại lần cưỡi con Quái Thú Cục Súc. Anh không chắc tại sao hình ảnh ấy cứ liên tục dâng trào trong tâm trí, nhưng anh không thể ngăn nó lại, và cảm thấy thần kinh mình như hét lên khi ánh mắt anh nhìn đến con bò máy. Đã đến lúc thực hiện những lượt cưỡi ra trò,

ở tốc độ cao. Bố anh đã tạo ra chế độ năm mươi lượt cuời xuất hiện theo trình tự ngẫu nhiên, nên Luke sẽ không thể dự đoán được điều gì. Bao năm qua nó đã phục vụ anh rất tốt, nhưng lúc này anh ước mình có thể biết chính xác cái gì sẽ đến.

Khi cơ bắp ở bàn tay và cẳng tay đã phục hồi, anh lê bước trở lại con bò máy và trèo lên. Anh cuời ba lượt, rồi thêm ba lượt nữa. Rồi lại thêm ba lượt sau đó. Trong chín lượt ấy, có bảy lượt anh cuời được đến cuối vòng. Tính cả thời gian phục hồi, anh đã luyện tập được hơn bốn mươi lăm phút. Anh quyết định thực hiện thêm ba đợt chín lượt cuời nữa rồi nghỉ.

Anh không hoàn thành được.

Trong lượt cuời thứ hai của đợt hai, anh thấy mình mất kiểm soát. Trong khoảnh khắc ấy, anh chẳng thấy có gì đáng báo động. Anh đã bị hất hàng triệu lần rồi, và không giống như ở nhà thi đấu, khu vực bao quanh con bò máy được xếp những tấm đệm mút. Ngay cả lúc ở trên không trung, anh cũng không thấy sợ, và anh đối tư thế, cố đáp đất theo cách anh muốn khi ở nhà thi đấu: bằng chân hoặc tứ chi.

Anh tiếp đất bằng hai chân, và chỗ bọt biển như thường lệ đã giảm bớt lực tác động, nhưng vì lý do nào đó, cú tiếp đất khiến anh mất thăng bằng, anh loạng choạng, cố gắng đứng thẳng theo bản năng thay vì cứ thế ngã xuống. Anh nhích ba bước ngắn rồi ngã về phía trước, nửa người trên vượt ra khỏi phần sàn đặt đệm mút, và trán anh đập vào mặt sàn cứng.

Não anh rung lên như dây đàn guitar; một chùm tia sáng vàng bùng lên khi anh cố tập trung. Căn phòng bắt đầu xoay vòng, chìm vào bóng tối rồi lại sáng trở lại. Con

đau bắt đầu, đầu tiên chỉ buồn buồn rồi sau đó buồn hơn. Đau hơn. Rồi dần dần lên đến cực độ. Anh phải mất một phút tập trung sức lực mới lảo đảo đứng lên được. Nỗi sợ hãi ào qua khi anh cẩn thận dùng mấy ngón tay kiểm tra chỗ sưng trên trán.

Nó phồng lên và mềm, nhưng khi sờ xung quanh, anh tự thuyết phục bản thân rằng không có thêm tổn thương nào khác nữa. Không chỗ nào bị nứt gãy; anh chắc chắn. Phần còn lại của đầu anh vẫn ổn theo như anh thấy. Đứng thẳng lên, anh hít một hơi thật sâu rồi bắt đầu dò dẫm tiến ra cửa.

Ra khỏi cửa, bụng anh đột nhiên quặn lên và anh gập người xuống. Con chóng mặt quay lại và anh nôn ra đất. Chỉ một lần, nhưng nó cũng đủ khiến anh lo lắng. Anh đã từng nôn những lần trước, khi bị chấn động, và anh đoán mình vừa bị chấn động lần nữa. Không cần phải đến bác sĩ anh cũng biết họ sẽ yêu cầu anh nghỉ tập một tuần, có thể lâu hơn.

Hoặc, chính xác là, họ sẽ cảnh cáo anh đừng có cưới bò nữa.

Dù vậy, anh vẫn ổn. Thoát hiểm trong gang tấc, nhưng anh đã sống. Anh sẽ nghỉ vài ngày, mặc kệ mùa giải đang đến gần, và khi tập tễnh đi vào nhà, anh cố suy nghĩ lạc quan. Anh đã luyện tập chăm chỉ, và một khoảng nghỉ ngơi có thể sẽ có ích cho anh. Khi quay trở lại, anh có thể sẽ mạnh hơn bao giờ hết. Nhưng bất chấp ý định trấn an bản thân, anh không thể rũ bỏ được cảm giác khiếp sợ cứ leo đèo bám theo từng bước chân mình.

Và anh sẽ nói gì với Sophia đây?



Hai ngày sau, anh vẫn không chắc về điều đó. Anh đến thăm cô ở Wake, và khi họ đi trên con đường nhỏ trong

khu học xá lúc tối muộn, Luke vẫn đội mũ để che đi vết bầm tím trên trán. Anh định nói cho cô biết về tai nạn nhưng anh sợ những câu cô sẽ hỏi và điều chúng có thể dẫn đến. Những câu hỏi anh không có câu trả lời. Cuối cùng, khi cô hỏi vì sao anh im lặng như vậy, anh bảo mình kiệt sức sau nhiều giờ làm việc ở trang trại - điều này cũng đúng, vì mẹ anh đã quyết định mang lũ gia súc ra chợ trước mùa đấu bò, và họ phải mất vài ngày mệt mỏi để buộc và dọn lũ gia súc lên xe tải.

Nhưng lúc ấy, anh đoán Sophia đã hiểu anh đủ rõ để cảm thấy rằng anh không giống anh mọi khi. Khi cô xuất hiện ở trang trại vào dịp cuối tuần tiếp theo, đội chiếc mũ anh mua và mặc chiếc áo khoác lông dày, cô dường như đánh giá anh trong lúc họ chuẩn bị lũ ngựa, mặc dù cô không nói gì lúc ấy. Thay vào đó, họ đi đứng con đường từng đi ngày đầu tiên ở bên nhau, xuyên qua những hàng cây, về phía con sông. Cuối cùng, cô quay về phía anh. “Được rồi, thế là đủ rồi đấy,” cô tuyên bố. “Em muốn biết điều gì khiến anh buồn phiền vậy. Cả tuần rồi anh... ủ rũ quá.”

“Anh xin lỗi,” anh nói. “Anh vẫn hơi mệt.” Ánh mặt trời chói chang như những nhát dao xuyên vào hộp sọ anh, làm trầm trọng thêm cơn đau đầu dai dẳng anh vẫn bị từ sau cú ngã.

“Trước đây em từng thấy anh mệt rồi. Đây là chuyện gì đó khác, nhưng em không thể giúp anh nếu em không biết đó là gì.”

“Anh chỉ nghĩ về cuối tuần sau thôi. Em biết đấy, sự kiện đầu tiên của năm ấy mà.”

“Ở Florida?”

Anh gật đầu. “Pensacola.”

“Em nghe nói ở đó đẹp lắm. Có những bãi biển cát trắng.”

“Có thể. Nhưng anh sẽ không đến ngắm bãi biển nào cả. Anh sẽ lái xe về sau sự kiện hôm thứ Bảy.” Anh nghĩ lại buổi tập hôm qua, buổi tập đầu tiên sau tai nạn. Nó diễn ra khá suôn sẻ - khả năng thăng bằng của anh dường như không bị ảnh hưởng - nhưng những tiếng đập thành thành trong đầu buộc anh phải dừng sau bốn mươi phút.

“Vào lúc tối muộn ư?”

“Lần này sẽ diễn ra vào buổi chiều. Anh sẽ về đến nơi vào khoảng hai giờ hay sao đó.”

“Vậy là... em có thể gặp anh vào Chủ nhật?”

Anh gõ tay lên đùi. “Nếu em đến đây. Nhưng có lẽ anh sẽ nằm một đồng thôi.”

Cô liếc anh dưới vành mũ. “Trời ạ, đừng nói với giọng húng khởi thế chứ.”

“Anh muốn gặp em. Anh chỉ không muốn em cảm thấy rằng em phải đến tận đây.”

“Vậy anh sẽ đến học xá của em sao? Anh có muốn đến nhà nữ sinh chơi không?”

“Cũng không hẳn.”

“Vậy anh muốn gặp nhau ở một nơi khác sao?”

“Bữa tối với mẹ anh, em nhớ chứ?”

“Vậy em sẽ đến đây.” Cô chờ anh trả lời, càng lúc càng thấy bức khi anh không nói gì. Cuối cùng, cô xoay người trên yên để đối diện anh. “Anh bị sao vậy? Anh cứ như đang giận em vậy.”

Đây là dịp hoàn hảo để kể với cô mọi chuyện. Anh cố tìm từ ngữ, nhưng anh không biết nên bắt đầu thế nào. *Anh đã định nói với em rằng anh có thể chết nếu tiếp tục cưỡi bò.*

“Anh không giận em,” anh thoái thác. “Anh chỉ đang nghĩ về mùa giải trước mắt và việc anh phải làm thôi.”

“Ngay lúc này ư?” giọng cô có vẻ nghi ngờ.

“Lúc nào anh cũng nghĩ về điều đó. Và anh sẽ nghĩ về nó trong suốt mùa giải. Và nói để em biết, anh sẽ đi xa rất nhiều kể từ cuối tuần sau đây.”

“Em biết,” cô nói bằng giọng dứt khoát hơn bình thường. “Anh nói với em rồi.”

“Khi đi về phía Tây, có thể anh sẽ không về nhà cả tuần mà phải đến tận tối muộn ngày Chủ nhật.”

“Vậy ý anh là anh sẽ không gặp em thường xuyên được, và khi chúng ta ở bên nhau, anh sẽ xao nhãng à?”

“Có thể.” Anh nhún vai. “Có lẽ thế.”

“Chẳng hay ho gì.”

“Anh làm gì được đây?”

“Thế này thì sao? Lúc này, hãy cố gắng đừng nghĩ đến sự kiện cuối tuần tới. Hãy cứ cố vui vẻ với nhau trong ngày hôm nay đi, được không? Vì anh sẽ phải đi xa. Vì em sẽ không gặp anh nhiều như trước. Hôm nay có thể sẽ là lần cuối cùng chúng ta ở bên nhau trọn cả ngày trong một thời gian rất dài nữa đây.”

Anh lắc đầu. “Chuyện không như thế đâu.”

“Chuyện gì không như thế?”

“Anh không thể cứ lờ đi chuyện sắp diễn ra được,” anh cao giọng nói. “Cuộc sống của anh không giống như của em. Không chỉ có việc lên lớp, dạo chơi trên sân và ngồi tán phét với Marcia. Anh sống trong thế giới thực. Anh có nhiều trách nhiệm.” Anh nghe tiếng cô thở dốc nhưng vẫn tiếp tục, giọng càng lúc càng khó ưa hơn. “Công việc anh làm là nguy hiểm. Anh không còn phong độ như trước, và anh biết lẽ ra tuần qua anh phải luyện tập nhiều hơn. Bằng

mọi giá, anh phải có một khởi đầu tốt vào cuối tuần tới, nếu không mẹ anh và anh sẽ mất tất cả. Vậy nên dĩ nhiên là anh sẽ nghĩ về việc đó - và đúng, chắc chắn anh sẽ xao nhãng.”

Cô chớp mắt, choáng ngợp trước bài diễn văn của anh. “Trời. Hôm nay có ai đó không vui rồi.”

“Không phải anh không vui,” anh đập lại.

“Anh hẳn đã gạt được em rồi.”

“Anh không biết em muốn anh nói gì đây.”

Lần đầu tiên, vẻ mặt cô nghiêm lại và anh nghe thấy cô chật vật giữ cho giọng mình được bình tĩnh. “Anh có thể nói rằng anh muốn gặp em vào hôm Chủ nhật, cho dù anh mệt. Anh có thể nói rằng dù anh có xao nhãng, thì em cũng không nên nghĩ là do em. Anh có thể xin lỗi và nói, ‘Em nói đúng, Sophia. Hãy cứ tận hưởng ngày hôm nay đi’. Nhưng thay vào đó, anh nói với em rằng việc anh làm - trong thế giới thực - không giống ở đại học.”

“Đại học đâu phải thế giới thực.”

“Anh nghĩ em không biết điều đó sao?” cô khóc.

“Vậy sao em lại tức giận khi anh nói vậy?” anh phản đối.

Cô giật dây cương, bắt Ác Quỷ dừng lại. “Anh đùa đấy à?” cô hỏi. “Vì anh đang cư xử như một tên khốn! Vì anh ám chỉ rằng anh có trách nhiệm, còn em thì không. Anh có nghe thấy mình nói gì không?”

“Anh chỉ đang cố trả lời câu hỏi của em thôi.”

“Bằng cách xúc phạm em à?”

“Anh không xúc phạm em.”

“Nhưng anh vẫn nghĩ việc anh làm quan trọng hơn việc em làm sao?”

“Nó quan trọng hơn mà.”

“Vội anh và mẹ anh thôi!” cô hét lên. “Tin hay không thì tùy, gia đình em cũng quan trọng với em! Bố mẹ em cũng quan trọng! Đi học cũng quan trọng! Và đúng, em cũng có trách nhiệm của mình. Em cũng thấy áp lực cần phải thành công, cũng như anh. Em cũng có những ước mơ!”

“Sophia...”

“Sao? Giờ anh lại cố tỏ ra điềm đạm à? Ồ, anh biết gì không? Khỏi cần nữa! Vì thực tế là em lái xe đến đây để dành thời gian bên anh, còn tất cả những gì anh làm là cố gây sự với em!”

“Anh không cố gây sự với em,” anh lầm bầm.

Nhưng cô không nghe anh. “Tại sao anh làm vậy?” cô hỏi. “Tại sao anh cư xử như vậy? Có chuyện gì với anh vậy?”

Anh không trả lời. Anh không biết phải nói gì, Sophia nhìn anh, chờ đợi, rồi lắc đầu thất vọng. Thế rồi, cô giật dây cương và quay đầu Ác Quỷ, thúc nó đi nước kiệu. Khi cô khuất dạng về hướng chuồng ngựa, Luke ngồi một mình giữa những hàng cây, tự hỏi sao anh không có can đảm để nói cho cô sự thật.



Sophia

“Vậy là cậu cưới ngựa đi thẳng và bỏ lại anh ta à?” Marcia hỏi.

“Mình không biết phải làm gì khác nữa,” Sophia trả lời, tì tay lên cằm. Marcia ngồi cạnh trong khi Sophia nằm trên giường mình. “Lúc ấy mình tức lắm, mình không thể nhìn vào mặt anh ấy.”

“Hừm. Là mình thì mình cũng tức,” Marcia nói, giọng có hơi vào hùa thái quá. “Ý mình là, bọn mình đều biết mấy ngành lịch sử nghệ thuật là cực kỳ thiết yếu đối với sự vận hành hiện đại của xã hội mà. Nếu đó còn không phải một trách nhiệm nghiêm túc, thì mình không biết cái gì mới phải nữa.”

Sophia quắc mắt. “Cậu im đi.”

Marcia lờ đi. “Đặc biệt là nếu có được một công việc được trả lương thì...”

“Mình bảo cậu im đi rồi mà?”

“Mình chỉ trêu cậu thôi,” Marcia nói, thúc cùi chỏ vào Sophia.

“Ừ, nhưng mình thì đang không có tâm trạng đùa, được chưa?”

“Thôi nào. Mình không có ý gì đâu. Mình chỉ vui vì cậu ở đây thôi. Mình đã phải chấp nhận thực tế rằng sẽ

chỉ có một mình cả ngày hôm nay. Và gần như cả buổi tối nữa.”

“Mình đang cố nói chuyện với cậu đây!”

“Mình biết. Mình nhớ những buổi nói chuyện của chúng ta. Chúng ta không nói chuyện quá lâu rồi.”

“Và chúng ta sẽ không nói chuyện nếu cậu cứ tiếp tục kiểu này. Cậu đang làm mọi thứ khó khăn hơn cần thiết.”

“Cậu muốn mình làm gì nào?”

“Mình muốn cậu lắng nghe. Mình muốn cậu giúp tìm ra cách giải quyết.”

“Thì mình đang nghe đây,” Marcia nói. “Mình đã nghe mọi điều cậu nói.”

“Và rồi?”

“À, thực sự thì mình vui vì cuối cùng bọn cậu cũng cãi nhau. Đến lúc làm thế rồi. Mình luôn cho rằng một mối quan hệ chỉ được xem là nghiêm túc khi có một cuộc cãi vã thực sự. Trước đó thì chỉ coi như giai đoạn trăng mật thôi. Dù sao, muốn biết có phải vàng không thì phải đem thử lửa.” Cô nháy mắt. “Có lần mình đọc được câu ấy trong chiếc bánh quy tiên tri đấy.”

“Bánh quy tiên tri?”

“Điều đó vẫn đúng mà. Và nó có ích cho cậu. Vì một khi vượt qua được chuyện này, hai người sẽ là một đôi mạnh mẽ hơn. Và sex làm lành lúc nào cũng tuyệt vời.”

Sophia nhún vai. “Cậu lúc nào cũng nghĩ đến sex thế à?”

“Không phải lúc nào cũng thế. Nhưng với Luke ư?” Cô nở nụ cười đen tối. “Mình mà là cậu, thì mình sẽ cố vượt qua chuyện này càng sớm càng tốt. Anh ấy quả là rất đẹp trai.”

“Đừng cố đổi chủ đề nữa. Cậu cần giúp mình giải quyết chuyện này.”

“Thì cậu nghĩ mình đang làm gì đây?”

“Cố hết sức để chọc tức mình chẳng?”

Marcia chưng ra vẻ nghiêm túc. “Cậu biết mình nghĩ gì không?” cô hỏi. “Dựa trên những gì cậu nói với mình ấy? Mình nghĩ anh ấy đang lo lắng về chuyện sắp xảy ra giữa hai người. Gần như cuối tuần nào anh ấy cũng sẽ đi xa, còn cậu chẳng mấy chốc sẽ tốt nghiệp và anh ấy nghĩ cậu sẽ không ở lại đây. Nên có lẽ anh ấy đang cố tự tạo khoảng cách.”

Có thể, Sophia nghĩ. Cũng có phần nào đúng, nhưng...

“Còn hơn thế nữa,” cô nói. “Trước đây anh ấy chưa bao giờ như vậy. Có điều gì đó khác đang diễn ra.”

“Còn điều gì cậu chưa nói với mình không?”

Anh ấy có thể mất trang trại. Nhưng cô chưa nói với Marcia chuyện đó, và cũng sẽ không nói. Luke tin tưởng cô, và cô sẽ không phản bội lòng tin ấy.

Thay vào đó cô nói, “Mình biết anh ấy đang chịu nhiều áp lực. Anh ấy muốn thi đấu tốt. Anh ấy lo lắng.”

“Đấy, thế là cậu có câu trả lời rồi,” Marcia nói. “Anh ấy lo lắng và chịu áp lực, còn cậu cứ liên tục nói với anh ấy rằng đừng nghĩ về chuyện đó. Nên anh ấy phản ứng hơi thái quá và nói như tát nước vào mặt cậu vì trong đầu anh ấy, cậu đang dửng dưng với những chuyện anh ấy đang phải trải qua.”

Có thể, Sophia nghĩ.

“Tin mình đi,” Marcia nói tiếp. “Có khi anh ấy đang hối hận về chuyện đó rồi đấy. Và mình cược là anh ấy sẽ gọi điện xin lỗi cậu ngay bây giờ thôi.”



Anh không gọi điện. Không phải đêm đó, hay đêm hôm sau, thậm chí ngay cả hôm sau nữa. Thứ Ba, Sophia dành gần như cả ngày liên tục kiểm tra điện thoại để xem anh có

nhắn tin và tự hỏi liệu có nên gọi cho anh không. Mặc dù có đi học và ghi chép đầy đủ, nhưng cô hầu như chẳng nhớ các thầy cô giảng những gì.

Giữa các tiết học, cô đi từ tòa nhà này sang tòa nhà khác, ngẫm lại lời Marcia nói, nhận thấy rằng chúng có lý. Nhưng cô vẫn không thể xua đi những ký ức về lúc Luke... nói sao nhỉ? Nổi giận? Hay gây sự? Cô không chắc những từ đó là chính xác, nhưng rõ ràng cô cảm thấy anh đã cố đẩy cô ra xa.

Bấy lâu nay mọi chuyện thật đơn giản và dễ chịu biết bao, tại sao lại tan vỡ nhanh như thế?

Có rất nhiều thứ khó hiểu. Cô quyết định nên nhắc điện thoại lên và hỏi rõ ngọn ngành. Chỉ cần dựa vào tông giọng của Luke, cô sẽ biết ngay rằng mình có phản ứng thái quá không.

Cô cho tay vào túi xách và lấy ra chiếc điện thoại, nhưng ngay lúc định ấn số, cô tình cờ nhìn qua bên kia sân, nhìn dòng người nhấp nhô quen thuộc trong học xá. Người người đeo ba lô, một sinh viên đạp xe đến một nơi có trời mới biết là đâu, một đoàn tham quan trường dừng bước ở tòa nhà ban giám hiệu, và ở phía xa, dưới một cái cây, một đôi đang nhìn nhau.

Chẳng có gì bất thường cả, nhưng vì một lý do nào đó, trong khung cảnh này có một thứ khiến cô chú ý và cô bỏ chiếc điện thoại xuống. Cô nhận thấy mình đang chú mục vào cặp đôi kia. Họ đang cười, đầu tựa vào nhau, cô gái đang vuốt ve cánh tay chàng trai. Dù ở khoảng cách xa, tình cảm giữa họ cũng hiện rõ. Cô gần như có thể cảm nhận được nó, nhưng mà, cô biết cả hai người bọn họ. Điều cô đang nhìn thấy rõ ràng còn hơn cả một tình bạn thân thiết, điều đó được xác nhận khi hai người họ hôn nhau.

Sophia không thể nhìn đi chỗ khác, mọi cơ bắp của cô đều căng ra.

Theo như những gì cô biết, anh ta không đến ngôi nhà chung, cô cũng chưa bao giờ nghe thấy tên hai người đó được nhắc đến cùng nhau. Một điều dường như không thể trong một học xá không có bí mật. Như vậy có nghĩa là hai người đó đã cố gắng giữ bí mật mọi chuyện cho đến bây giờ - không chỉ với mình cô, mà với tất cả mọi người.

Nhưng Marcia với Brian sao?

Bạn cùng phòng sẽ không làm thế với cô, phải không? Đặc biệt là sau khi biết những gì Brian đã làm với cô?

Ấy thế mà khi nhìn lại, cô chợt để ý thấy trong mấy tuần gần đây Marcia có nhắc đến anh ta vài lần... và chẳng phải Marcia đã thú nhận rằng mình vẫn nói chuyện với anh ta sao? Marcia đã nói gì về Brian nhỉ? Ngay cả lúc anh ta vẫn bám theo cô? *Anh ta vui tính và đẹp trai lại còn giàu. Có gì để không thích chứ?* Còn chưa kể đến việc anh ta cũng từng có chút “tình ý” với Marcia, như Marcia vẫn hay chỉ ra, trước khi Sophia xuất hiện.

Sophia biết chuyện cũng chẳng quan trọng gì. Cô chẳng muốn gì ở Brian cả, và chuyện của họ đã kết thúc lâu rồi. Marcia có thể có anh ta nếu muốn. Nhưng khi Marcia đưa mắt nhìn về hướng mình, Sophia bỗng thấy nước mắt ầng ậng dâng lên.



“Mình đã định nói với cậu,” Marcia nói, mặt lộ vẻ xấu hổ hiếm thấy.

Họ đã quay lại phòng và Sophia đang đứng khoanh tay gần cửa sổ. Cô phải cố gắng lắm mới giữ cho giọng được bình thường.

“Cậu hẹn hò với anh ta bao lâu rồi?”

“Chưa lâu,” Marcia nói. “Anh ấy đến thăm nhà mình đợt nghỉ Giáng sinh và...”

“Tại sao lại là anh ta chứ? Cậu có nhớ anh ta đã làm mình đau khổ thế nào không?” Giọng Sophia bắt đầu vỡ ra. “Chẳng phải cậu là bạn thân của mình sao.”

“Mình không định để chuyện đó xảy ra...,” Marcia cãi.

“Nhưng nó đã xảy ra rồi.”

“Cuối tuần nào cậu cũng đi còn mình thì gặp anh ấy ở các bữa tiệc. Thế là bọn mình nói chuyện. Thường là về cậu...”

“Vậy cậu đang bảo đó là lỗi của mình sao?”

“Không,” Marcia nói. “Đây chẳng phải lỗi của ai cả. Mình không chủ động để chuyện đó xảy ra. Nhưng bọn mình nói chuyện nhiều hơn và hiểu thêm về nhau...”

Sophia lờ đi phần giải thích sau đó của Marcia, bụng dạ cô quặn lên khiến cô nhăn nhó. Khi căn phòng trở nên im lặng, cô cố giữ cho giọng được bình thường.

“Đáng nhẽ cậu nên nói với mình.”

“Mình nói rồi. Mình có nhắc đến việc hai bọn mình nói chuyện. Và mình đã ám chỉ rằng bọn mình là bạn. Cho đến vài tuần trước, thì chuyện chỉ có thể thôi. Mình thề.”

Sophia quay lại, đối diện với người vừa là bạn thân nhất, vừa là người lúc này cô rất ghét. “Chuyện này nghĩ kiểu nào thì cũng... sai.”

“Mình tưởng cậu đã quên anh ấy rồi...” Marcia lẩm bẩm.

Sophia giận tím mặt. “Mình quên anh ta rồi! Mình chẳng muốn dính dáng gì đến anh ta nữa. Đây là vấn đề về chúng ta! Cậu và mình! Cậu đang ngủ với bạn trai cũ của mình đấy!” Cô vuốt tóc. “Marcia, bạn bè không làm thế với nhau. Sao cậu có thể biện hộ cho việc đó chứ?”

“Mình vẫn là bạn của cậu,” Marcia nói, giọng nhẹ nhàng. “Mình có định đưa anh ấy lên phòng khi cậu ở đây đâu...”

Sophia gần như không hiểu nổi những gì cô đang nghe. “Anh ta sẽ lừa dối cậu, cậu biết mà. Như đã lừa dối mình.”

Marcia lắc đầu quầy quậy. “Anh ấy thay đổi rồi. Mình biết cậu sẽ không tin điều đó, nhưng anh ấy đã thay đổi.”

Đến lúc này, Sophia biết mình nên đi. Cô đi nhanh ra cửa, vớ lấy chiếc túi xách trên bàn trên đường ra. Đến ngưỡng cửa, cô quay lại.

“Brian không thay đổi đâu,” cô nói chắc nịch. “Mình cam đoan với cậu điều đó.”



Thói quen và cảm giác tuyệt vọng đưa cô quay trở lại trang trại. Như mọi khi, Luke bước xuống hiên ngay khi cô bước ra khỏi xe. Ngay cả từ khoảng cách xa, anh dường như cũng cảm thấy có chuyện không ổn, và mặc dù suốt mấy ngày liền cô không nghe tin gì từ anh, anh vẫn tiến tới chỗ cô với vòng tay dang rộng.

Sophia lao vào vòng tay ấy, và anh cứ ôm cô như vậy rất lâu trong lúc cô khóc.



“Em vẫn không biết nên làm gì,” cô nói, tựa người vào ngực Luke. “Em cũng đâu thể ngăn cô ấy hẹn hò với anh ta.”

Luke ôm cô trên ghế, cả hai nhìn đống lửa. Anh đã để cô nói miên man suốt nhiều giờ, thỉnh thoảng gật gù đồng ý với cô, nhưng chủ yếu là an ủi cô bằng sự hiện diện thâm lặng và dịu dàng của anh.

“Đúng vậy,” anh đồng ý. “Không thể đâu.”

“Nhưng em phải làm gì khi hai người bọn em ở cạnh nhau chứ? Giả vờ như chuyện đó không xảy ra à?”

“Có lẽ đó là cách tốt nhất. Vì cô ấy là bạn cùng phòng với em.”

“Cô ấy sẽ bị tổn thương,” Sophia nói lần thứ một trăm.

“Cũng có thể.”

“Mọi người trong ngôi nhà chung sẽ bàn tán về chuyện này. Và mỗi lần thấy em, họ sẽ thì thào hoặc khúc khích hoặc tỏ vẻ quan ngại quá mức, còn em sẽ tổn hết phần còn lại của học kỳ để đối mặt với chuyện đó.

“Cũng có thể.”

Cô im lặng một lúc. “Anh định đồng tình với mọi điều em nói đấy à?”

“Cũng có thể,” anh trả lời, bật cười.

“Em vui vì anh không còn giận em nữa.”

“Anh xin lỗi về chuyện đó,” anh nói. “Em đã đúng khi chỉ trích anh như thế. Em gập anh vào một ngày tồi tệ và anh đã trút giận lên em. Anh làm thế là sai.”

“Ai cũng có một ngày tồi tệ mà.”

Anh ôm cô chặt hơn mà không nói lời nào. Phải đến sau này cô mới nhận ra anh chưa bao giờ nói cho cô biết chính xác điều gì đã khiến anh buồn bực ngày hôm đó.



Sau một đêm ở lại trang trại, Sophia trở về ngôi nhà nữ sinh, cô hít một hơi thật sâu rồi bước vào phòng. Cô vẫn chưa sẵn sàng nói chuyện với Marcia, nhưng khi nhìn quanh phòng, cô biết mình không cần phải lo lắng về chuyện đó nữa.

Marcia không có ở trong phòng, giường của cô vẫn hết như ngày hôm qua.

Marcia đã qua đêm cùng Brian.



Luke

Vài ngày sau, Luke lên đường đến Pensacola, anh đi trong tâm trạng bất an vì biết mình luyện tập vẫn chưa đủ. Con đau đầu tàn nhẫn, dai dẳng khiến anh khó mà suy nghĩ cũng như không thể luyện tập. Anh tự nhủ nếu có thể qua được các vòng đầu ở vị trí an toàn, anh sẽ có cơ hội hồi phục hoàn toàn kịp lúc diễn ra sự kiện tiếp theo.

Anh không biết gì về con Cuồng Loạn, con bò đầu tiên anh bốc trúng ở Pensacola. Anh đã ngủ không ngon sau một chặng đường dài, và tay lại bắt đầu run. Mặc dù con đau đầu đã giảm bớt, anh vẫn cảm thấy hai tai ong ong như có con gì đang ở trong đó. Anh chỉ nhận ra vài dấu thủ, những người còn lại khiến anh có ấn tượng rằng họ còn chưa đủ tuổi để lái xe. Tất cả bọn họ đang nghịch vu vơ, cố gắng kiểm soát con bồn chồn, cùng bám lấy một ước mơ. Thắng cuộc hay về nhì, thu tiền và kiếm điểm - và có làm gì đi nữa, thì cũng đừng để bị thương nặng đến mức không thể cười trong tuần tiếp theo.

Như hồi đấu xong ở McLeansville, Luke ngồi bên chiếc xe tải, mong muốn được ở một mình. Từ bãi đỗ xe anh vẫn có thể nghe thấy tiếng đám đông, và khi những tiếng kêu vang, theo sau vài giây là tiếng phát thanh viên

hồ, “Đôi khi chuyện lại thành ra như vậy,” thì anh biết đấu sĩ đã bị hất xuống. Anh được xếp thi đấu với số thứ tự mười bốn, và mặc dù các lần cưỡi được tính theo giây, thường thì sẽ có vài phút nghỉ giữa các đấu thủ. Anh tính sẽ đến đó sau mười lăm phút nữa, nếu có thể kiểm soát được cơn bồn chồn của mình.

Anh không muốn ở đây.

Suy nghĩ ấy đến với anh, rõ ràng đến bất ngờ, cho dù từ trong tâm khảm, anh đã biết điều đó từ lâu. Cái nhận thức không thể chối bỏ ấy khiến anh thấy mặt đất như vừa chuyển động dưới chân. Anh chưa sẵn sàng cho chuyện này. Và có thể, chỉ là có thể thôi, anh chưa bao giờ sẵn sàng cả.

Nhưng rồi, mười lăm phút sau, anh bắt đầu chậm chậm lê bước về nhà thi đấu.



Hon hết thấy, chính thứ mùi ở đây đã giúp anh tiếp tục. Thứ mùi quen thuộc, kích thích những phản ứng qua bao năm đã trở thành tự động. Cả thế giới nén lại. Anh bỏ ngoài tai tiếng đám đông và phát thanh viên, tập trung chú ý vào những người huấn luyện trẻ măng đang giúp anh chuẩn bị. Dây được thắt chặt. Anh điều chỉnh sợi dây đai cho đến khi cảm thấy hoàn toàn vừa tay. Anh ngồi ra giữa con bò. Anh đợi thêm một khắc, chắc chắn mọi thứ đã ổn, rồi gật đầu với người giữ cửa.

“Đi nào.”

Con Cuồng Loạn lao ra với một cú hất nhẹ, rồi một giây sau, nó xoay thật mạnh về bên phải, cả bốn chân đều bật khỏi mặt đất. Nhưng Luke đã sẵn sàng và anh khom người thấp xuống, giữ thăng bằng trong lúc Cuồng Loạn hất thêm hai lần nữa rồi bắt đầu xoay vòng.

Luke điều chỉnh theo trực giác trong suốt quá trình đó, và ngay khi tiếng báo hiệu vang lên, anh dùng một bên tay còn rảnh tháo dây đai. Anh nhảy xuống, tiếp đất bằng cả hai chân, và chạy về phía hàng rào sân đấu. Anh thoát khỏi vùng nguy hiểm khi con bò vẫn còn đang nhảy dựng lên.

Đám đông tiếp tục hò reo và phát thanh viên nhắc họ rằng anh từng có lần đứng ở vị trí thứ ba trên bảng xếp hạng thể giới. Anh cởi mũ và vẫy chào về phía họ rồi quay lưng đi về chiếc xe tải của mình.

Trên đường đi, con đầu đầu quay lại với một cường độ nghiêm trọng.



Lượt cuối thứ hai là một con bò có tên Kẹo Ngọt. Luke xếp thứ tư trên bảng xếp hạng.

Một lần nữa, động tác của anh như được lập trình sẵn, cả thể giới bị nén chặt thành những khung hình chật hẹp nhất. Con bò lần này hung hăng hơn. Thích thể hiện hơn. Trong lúc cuối nó, anh nghe thấy tiếng đám đông reo hò cổ vũ. Anh thi đấu thành công và một lần nữa thoát khỏi trường đấu trong lúc con bò vẫn đang lồng lộn.

Điểm của anh trong lần thi đấu đó đã đưa anh lên vị trí số hai.

Anh dành cả giờ đồng hồ tiếp theo ngồi sau vô lăng, đầu đập thình thình mỗi lần tim đập. Anh nốc thêm một nắm thuốc giảm đau Tylenol, nhưng chúng không có tác dụng mấy. Anh tự hỏi có phải não anh đang sưng lên không và cố không nghĩ đến chuyện sẽ xảy ra nếu anh bị hất xuống.



Với lần cuối cùng, anh thấy mình đang ở vị trí cận kề chiến thắng. Mặc dù trước đó, một trong những đấu thủ vào chung kết đã hoàn thành với điểm số cao nhất trong ngày.

Trong khoang chuồng, anh không còn thấy hồi hộp nữa. Không phải vì đã tìm lại được sự tự tin tiềm ẩn, mà vì cơn đau và sự kiệt sức khiến anh quá mệt để quan tâm đến bất cứ điều gì khác.

Anh chỉ muốn vượt qua chuyện này. Cái gì đến rồi cũng sẽ đến.

Khi anh sẵn sàng, cửa chuồng mở tung. Đó là một con bò khá được, mặc dù không khó nhằn như con thứ hai. Dù vậy, nó lại nhiều thử thách hơn con thứ nhất, và điểm số của anh phản ánh điều đó.

Người thắng cuộc sẽ được quyết định dựa trên phần thi đấu của người dẫn đầu trong lượt cuối cùng của anh ta. Nhưng người dẫn đầu của hai vòng thi đấu đầu đã sớm bị mất thăng bằng trên con bò anh ta bốc trúng, và vì không thể lấy lại thăng bằng nên đã ngã xuống đất.

Mặc dù anh ở vị trí thứ hai trong vòng thi cuối, nhưng rốt cuộc anh lại thắng. Đây là sự kiện bắt đầu mùa giải và anh đứng hạng nhất, đúng như anh mong muốn.

Anh nhận tám séc và nhấn tin cho cả mẹ và Sophia rằng anh đang trên đường về. Nhưng khi anh bắt đầu chặng đường dài về nhà, đầu anh vẫn đập thình thịch, anh tự hỏi tại sao mình thực sự không màng chút gì đến điểm số.



“Nhìn anh sợ quá,” Sophia nói. “Anh có ổn không thế?”

Luke cố nặn ra một nụ cười trấn an. Sau khi gục xuống giường lúc ba giờ sáng, anh tỉnh dậy lúc mười một giờ hơn, đầu và toàn thân hòa chung một cơn đau. Anh tự động với lấy chỗ thuốc giảm đau và nuốt vài viên rồi lê bước vào vòi sen, ở đó anh để những tia nước nóng thấm qua những vết bầm tím và cơ bắp đau nhức.

“Anh không sao,” anh nói. “Đó là một chuyến đi dài, và từ lúc ngủ dậy tới giờ, anh phải sửa vài chỗ hàng rào bị hỏng.”

“Anh chắc chứ?” nỗi lo lắng của Sophia phản ánh qua vẻ hoài nghi trước lời trấn an của anh. Kể từ lúc đến trang trại chiều hôm đó, cô cứ soi xét anh như một gà mẹ lo âu. “Anh cư xử như thể đang có chỗ nào bị đau vậy.”

“Anh chỉ mệt thôi. Máy ngày vừa qua thật là dài.”

“Em biết. Nhưng anh đã thắng mà, phải không?”

“Phải,” anh nói. “Anh đã thắng.”

“Thế là tốt. Ý em là cho trang trại.” Sophia nhăn trán.

“Phải,” anh nhắc lại, nghe cứng đờ. “Tốt cho trang trại.”



Sophia

Luke lại phân tâm. Không như cuối tuần trước, nhưng chắc chắn có gì đó không ổn với anh. Và chắc chắn không phải chỉ vì kiệt sức. Anh tái nhợt, da gần như trắng bệch, và mặc dù anh chối, nhưng cô biết anh đang phải chịu đau nhiều hơn bình thường. Thỉnh thoảng, khi anh có bất cứ cử động nhanh hay bất ngờ nào, cô nhận thấy anh nhăn mặt hoặc thở hắt ra.

Bữa tối cùng mẹ anh diễn ra thật kỳ lạ. Dù Linda vui khi gặp cô, nhưng Luke cứ ở ngoài làm đồ nướng trong lúc cô và bà trò chuyện, như thể anh đang cố tránh mặt họ. Cuộc nói chuyện bên bàn ăn thật đáng chú ý bởi những chủ đề họ cố tình tránh né. Luke không nói về cơn đau hiển nhiên của anh, mẹ anh không hỏi gì về trận đấu, và Sophia không nhắc tới Marcia hay Brian hay việc tuần vừa rồi ở nhà chung tồi tệ như thế nào với cô. Thực sự tồi tệ, một trong những tuần kinh khủng nhất.

Khi vừa về đến nhà Luke, anh đi thẳng vào phòng ngủ. Cô nghe tiếng anh dốc vài viên thuốc ra khỏi lọ, rồi đến một lọ khác, rồi cô theo anh đi vào nhà bếp, anh nốc vào thứ cô đoán là một cốc thuốc cùng một cốc nước.

Cô chợt thấy hoảng khi anh cúi người ra trước,

chống cả hai tay lên mép kệ bếp, đầu rũ xuống.

“Nặng đến mức nào?” cô thì thầm, đặt tay lên lưng anh. “Con đau đầu ấy?”

Anh hít vào mấy hơi dài rồi mới trả lời. “Anh ổn,” anh nói.

“Rõ ràng là anh không ổn,” cô nói. “Anh uống bao nhiêu thuốc rồi?”

“Mỗi loại vài viên,” anh thú nhận.

“Nhưng em thấy anh uống trước khi ăn tối rồi mà...”

“Rõ ràng chỗ đó là không đủ.”

“Nếu đau đến mức đó thì anh phải đi gặp bác sĩ chứ?”

“Để làm gì,” anh thều thào. “Anh biết cái gì không ổn rồi.”

“Cái gì không ổn?”

“Anh bị chấn động não.”

Cô chớp mắt. “Làm sao? Anh đập đầu xuống khi nhảy khỏi con bò à?”

“Không,” anh nói. “Anh tiếp đất sai tư thế khi luyện tập hai tuần trước.”

“Hai *tuần* trước ư?”

“Ừ,” anh thú nhận. “Và việc luyện tập lại quá sớm là một sai lầm.”

“Ý anh là đầu anh đã đau được hai tuần sao?” Sophia cố gắng không để con hoảng loạn đang dâng lên tràn ngập trong giọng mình.

“Không đến mức này, cuộc đấu hôm qua làm con đau trầm trọng thêm.”

“Nếu anh bị chấn động não như thế thì còn cười làm gì chứ?”

Anh nhìn chăm chăm xuống sàn nhà. “Anh không có lựa chọn nào khác.”

“Tất nhiên là anh có lựa chọn chứ. Đó là một việc làm ngu ngốc. Đi nào, em với anh cùng đến phòng cấp cứu...”

“Không,” anh nói.

“Sao lại không?” cô bối rối. “Em sẽ lái xe. Anh cần phải gặp bác sĩ.”

“Anh từng bị đau đầu thế này trước đây rồi và anh biết bác sĩ sẽ nói gì với anh. Ông ta sẽ bảo anh nghỉ ngơi một thời gian, mà anh thì không thể làm như thế.”

“Ý anh là anh sẽ lại thi đấu vào cuối tuần tới à?”

“Anh phải làm thế.”

Sophia cố hiểu điều anh nói nhưng không thể. “Có phải đó là lý do tại sao mẹ anh tức giận với anh không? Vì anh cư xử như một thằng ngốc?”

Anh không trả lời ngay mà thở dài. “Bà thậm chí còn không biết chuyện này.”

“Anh không nói với mẹ sao? Sao anh không nói cho mẹ biết?”

“Vì anh không muốn bà biết. Bà sẽ lại lo lắng thôi.”

Cô lắc đầu. “Em không hiểu nổi tại sao anh phải tiếp tục cưới bỏ khi anh biết làm vậy sẽ khiến cho chấn thương của anh trầm trọng hơn. Nguy hiểm lắm.”

“Anh đã qua giai đoạn lo lắng rồi,” anh nói.

“Anh nói thế là sao?”

Luke từ từ đứng thẳng lên và quay lại đối diện cô với vẻ mặt cam chịu, gần như hối lỗi.

“Bởi vì,” rốt cuộc anh nói, “đáng ra anh không được thi đấu lại.”

Cô không chắc điều mình nghe là đúng, cô chớp mắt. “Anh không được phép cưới bỏ lại sao? Mãi mãi à?”

“Theo lời các bác sĩ, lần nào cưới anh cũng đang mạo hiểm mạng sống.”

“Bởi vì?”

“Con Quái Thú Cục Súc,” anh nói. “Anh không chỉ bị hất xuống đất và kéo lê đi. Anh đã kể với em là nó giẫm lên anh, nhưng anh không kể rằng nó làm nứt hộp sọ của anh, gần cuống não. Hiện giờ đang có một tấm kim loại nhỏ ở đó, nhưng nếu anh tiếp đất sai, nó cũng không thể bảo vệ nổi anh.”

Anh nói bằng giọng đều đều, còn Sophia cảm thấy toàn thân lạnh toát trước những lời đó. Đó không thể là sự thật...

“Anh đang nói là mình có thể chết sao?” Không chờ câu trả lời, cô thấy con hoảng loạn đang nhấn chìm cơ thể khi dần hiểu ra sự thật. “Ý anh là thế sao? Rằng anh sẽ chết? Và anh đã không nói cho em biết? Sao anh không nói cho em?”

Mọi chuyện đều trở nên hợp lý, các mảnh vỡ khớp lại với nhau: tại sao anh muốn xem con bò vào buổi tối đầu tiên họ gặp nhau; tại sao mẹ anh lại tức giận với anh như thế; hay sự lo âu căng thẳng của anh trước khi mùa giải bắt đầu.

“Rồi, thế thôi,” cô tiếp tục, cố gắng nén nỗi sợ hãi trong giọng nói. “Anh sẽ không cưới bò nữa, được chứ? Vậy là đủ rồi. Còn bây giờ, anh sẽ giải nghệ.”

Anh lại không nói gì, nhưng nhìn mặt anh cô có thể thấy rằng mình chưa thuyết phục được anh. Cô tiến lại gần, vòng tay ôm anh, tuyệt vọng ghì lấy anh. Cô cảm thấy tim anh đập, cảm thấy được cơ ngực rắn chắc của anh. “Em không muốn anh làm thế. Anh không làm thế được. Hãy nói với em rằng anh sẽ chấm dứt toàn bộ chuyện này. Chúng ta sẽ tìm cách khác để giữ lại trang trại, được không?”

“Không có cách nào khác đâu.”

“Lúc nào cũng có cách khác...”

“Không,” anh nói. “Không có.”

“Luke, em biết trang trại là quan trọng, nhưng nó không quan trọng bằng mạng sống của anh. Anh biết điều đó mà phải không? Anh sẽ bắt đầu lại. Anh sẽ có một trang trại khác. Hoặc anh sẽ làm việc ở một trang trại...”

“Anh không cần trang trại,” anh xen ngang. “Anh làm điều này vì mẹ.”

Cô đẩy mình ra khỏi anh, cảm thấy một cơn giận đang dâng lên. “Nhưng bà cũng đâu có muốn anh làm điều này! Vì bà biết thế là sai - bà biết như thế ngu ngốc đến mức nào! Vì anh là con trai bà!”

“Anh làm việc này vì bà...”

“Không, không phải thế!” Sophia ngắt lời. “Anh làm việc này để anh không cảm thấy có lỗi! Anh nghĩ mình cao thượng, nhưng anh thực sự đang rất ích kỷ! Đây là điều ích kỷ nhất mà...” Cô đột ngột ngừng nói, thở dốc.

“Sophia...”

“Đừng chạm vào tôi!” cô hét lên. “Anh cũng sẽ làm tôi đau khổ nữa! Anh không hiểu sao? Anh có bao giờ dừng lại để nghĩ, dù chỉ một phút, rằng tôi không muốn anh chết không? Hay điều đó khiến tôi cảm thấy thế nào? Không hề, vì chuyện này không phải vì tôi! Hay vì mẹ anh! Mà chuyện này toàn bộ đều là vì anh - và cảm xúc của anh!”

Cô lùi lại một bước. “Nghĩ đến việc anh đã nói dối về chuyện này...” cô thì thào.

“Anh không nói dối...”

“Không nói cũng là một kiểu nói dối,” cô nói với giọng cay đắng. “Anh nói dối vì anh biết rằng tôi sẽ không đồng ý với anh! Rằng tôi có thể sẽ rời bỏ người có ý định

làm cái việc vô cùng... sai trái như vậy. Và vì sao chứ? Vì anh muốn ngủ với tôi à? Vì anh muốn vui vẻ?”

“Không...” lời phản kháng của Luke thật yếu ớt đối với cô.

Cô có thể cảm thấy nước mắt lăn trên má mà không thể kiểm soát. “Tôi... tôi không chịu được nữa. Không thể chịu thêm chuyện này nữa. Tuần vừa qua đã khủng khiếp lắm rồi, cả lũ con gái đều xì xầm, Marcia tránh mặt tôi... tôi đã rất cần anh tuần này. Tôi cần ai đó để tâm sự. Nhưng tôi hiểu rằng anh cần phải thi đấu. Tôi chấp nhận vì đó là công việc của anh. Nhưng giờ thì sao? Sau khi biết rằng anh đi chỉ là vì anh muốn tự sát...”

Những lời đó được thốt ra vội vã, gần như đua với tâm trí của cô, rồi cô quay đi, vội lấy chiếc túi xách. Cô không thể ở đây. Không thể ở với anh. Không phải lúc này... “Tôi không chịu nổi nữa...”

“Chờ đã!”

“Đừng nói gì hết!” cô nói. “Tôi không muốn nghe anh cố giải thích tại sao việc anh chết lại quan trọng đến vậy...”

“Anh sẽ không chết.”

“Anh sẽ chết! Tôi có lẽ không ở bên anh đủ lâu để biết điều đó, nhưng mẹ anh thì có! Và các bác sĩ nữa. Anh biết điều anh làm là sai...” Hơi thở cô gấp gáp. “Khi nào anh suy nghĩ cho chín chắn hơn, thì chúng ta có thể nói chuyện. Còn từ giờ đến lúc ấy...”

Cô không nói hết câu mà quàng túi xách qua vai rồi lao ra khỏi nhà và chạy về phía chiếc xe của mình. Sau khi vào số, cô suýt lùi xe đâm vào hiên nhà trong lúc quay đầu, rồi cô nhấn ga, gần như không nhìn thấy gì qua làn nước mắt.



Sophia thấy tê liệt.

Từ khi cô về đến nhà nữ sinh Luke đã gọi cho cô hai lần, nhưng cô không trả lời. Cô ngồi trong phòng, một mình, biết rằng Marcia đang ở chỗ Brian nhưng cô vẫn thấy nhớ bạn mình. Từ hôm cãi nhau, ngày nào Marcia cũng qua đêm ở chỗ Brian, nhưng Sophia nghĩ việc này là vì Marcia cảm thấy xấu hổ khi phải đối diện với cô hơn là vì Brian.

Cô vẫn giận Marcia - việc Marcia làm đúng là tồi tệ, và Sophia không thể nói là việc đó không làm cô buồn phiền được. Bạn thân sẽ không hẹn hò với người yêu cũ. Gọi đó là quy tắc cơ bản hay sao cũng được, nhưng bạn bè không làm thế với nhau. Không bao giờ. Tuy một phần trong Sophia nghĩ cô nên nói với Marcia rằng tình bạn giữa họ đã hết, nhưng cô không thể nói điều đó ra, vì sâu trong tim, cô biết Marcia không cố tình làm thế. Marcia không lên kế hoạch hay âm mưu hay cố ý làm cô đau khổ. Marcia không phải người như thế, và chính bản thân Sophia hiểu rõ rằng Brian có thể quyến rũ thế nào khi anh ta muốn thể hiện điều đó. Cô nghi rằng anh ta đã làm vậy. Vì Brian là kiểu người như thế. Brian biết đích xác điều anh ta đang làm, và cô chắc chắn việc hẹn hò Marcia là cách anh ta trả đũa cô. Anh ta muốn cô đau khổ lần cuối bằng cách phá hỏng mối quan hệ của cô với Marcia.

Rồi sau đó, chắc chắn anh ta cũng sẽ làm Marcia đau khổ. Marcia rốt cuộc sẽ có một bài học xương máu khi nhận ra Brian là loại người như thế nào. Rồi, Marcia sẽ cảm thấy tồi tệ hơn cả những gì cô đang cảm thấy hiện tại. Theo một cách nào đó, thì Marcia cũng đáng chịu như vậy, thế nhưng...

Nhưng lúc này, Sophia muốn nói chuyện với Marcia. Ngay lúc này, cô thực sự cần bạn mình. Để nói về chuyện Luke. Và chỉ nói chuyện thôi, chấm hết. Như mấy chị em đang nói dưới tầng hay trên hành lang. Cô có thể nghe thấy tiếng họ vọng qua cửa.

Dù vậy, cô không muốn ở gần họ, vì dù họ không nói gì, vẻ mặt họ cũng hiện rõ. Gần đây, mỗi lần cô bước vào nhà, các căn phòng và hành lang đột nhiên im lặng, và bằng trực giác cô có thể biết điều mà từng người trong số họ đang nghĩ và đang tự hỏi. *Theo cậu thì cô ấy cảm thấy sao? Mình nghe nói cô ấy và Marcia không nhìn mặt nhau nữa. Mình thấy tội cho cô ấy. Mình không thể tưởng tượng điều cô ấy đang trải qua.*

Cô không thể đối diện với điều đó lúc này, và bắt chấp mọi chuyện, cô ước rằng Marcia ở đây. Vì ngay lúc này, cô biết chắc mình chưa bao giờ cảm thấy cô đơn đến thế.



Mấy tiếng trôi qua. Bên ngoài, bầu trời dần dần bị những đám mây mùa đông phủ đầy, sáng lên nhờ ánh trăng. Sophia nằm trên giường, nhớ lại những buổi tối cô và Luke ngắm bầu trời. Cô nhớ những lần cười ngửa và những lần ân ái, những bữa tối cùng mẹ anh. Cô nhớ lại rõ từng chi tiết việc họ đã ngồi trên những chiếc ghế xếp trên thùng xe tải của anh vào buổi tối lần đầu họ gặp nhau như thế nào.

Sao anh lại mạo hiểm với cái chết? Cô càng cố lại càng không hiểu được. Cô biết chuyện đó liên quan nhiều đến việc anh tự trách bản thân nhiều hơn những thứ khác, nhưng liệu nó có đáng để mạo hiểm mạng sống không? Cô không nghĩ thế, và cô biết mẹ anh cũng không. Nhưng anh

có vẻ quyết tâm hy sinh bản thân bất chấp mọi thứ. Đó là điều cô không thể hiểu được, và khi anh gọi cho cô lần thứ ba, cô vẫn không thể bình tĩnh để trả lời.

Lúc này trời đã muộn và căn nhà dần trở nên tĩnh lặng hoàn toàn. Sophia kiệt sức, nhưng cô biết mình sẽ không thể nào ngủ được. Cô cố gắng giải thích lựa chọn tự sát của Luke, và cô tự hỏi về những gì thực sự đã xảy ra vào buổi tối anh lần đầu chạm trán con Quái Thú Cục Súc. Anh kể cho cô nghe về tấm kim loại trong đầu anh, nhưng cô cảm giác như chuyện còn tồi tệ hơn thế. Cô chầm chậm bò ra khỏi giường, mò đến chỗ laptop trên bàn. Cùng với linh tính và khao khát được biết mọi chuyện, cô gõ tên anh lên thanh công cụ tìm kiếm.

Cô không ngạc nhiên khi thấy danh sách khá dài, bao gồm cả một tiểu sử ngắn trên Wikipedia. Rốt cuộc thì anh cũng là một trong những đấu sĩ cuối bò xếp hạng cao nhất trên thế giới. Nhưng cô không thấy hứng thú với tiểu sử. Thay vào đó, cô gõ thêm mấy chữ *Quái Thú Cục Súc* sau tên anh và ấn nút tìm kiếm.

Ngay lập tức, một đường link dẫn đến đoạn video trên YouTube xuất hiện ở đầu màn hình. Trước khi lòng can đảm biến mất, cô ấn nút, lo lắng nhìn màn hình YouTube hiện lên.

Đoạn video không đến hai phút, và cô có một cảm giác ghê sợ khi biết rằng nó đã được hơn nửa triệu người xem. Cô không chắc mình muốn xem nó, nhưng vẫn ấn nút play. Vừa bắt đầu, chỉ mất một giây là cô nhận ra Luke đang ngồi trên lưng con bò trong khoang chuồng, máy quay đang chĩa vào anh từ trên cao, rõ ràng là dành cho khán giả truyền hình. Các khán đài đều kín chỗ, phía sau chuồng là những biển hiệu và băng rôn giăng trên tường

nhà thi đấu. Không như khu thi đấu McLeanville, nhà thi đấu này ở trong nhà, nghĩa là nó có thể được sử dụng cho mọi mục đích từ bóng rổ đến hòa nhạc. Luke mặc quần jean và áo sơ mi dài tay màu đỏ bên dưới áo khoác bảo vệ, cùng với chiếc mũ. Con số 16 được thêu trên chiếc áo gi lê.

Cô nhìn Luke chỉnh lại dây đai trong lúc những chàng cao bồi khác cố gắng siết chặt sợi dây phía dưới con bò. Anh đập hai nắm tay vào nhau, rồi xoa xoa chân, chỉnh lại tư thế một lần nữa. Trong lúc đó, hai phát thanh viên trao đổi với nhau bằng giọng mũi nặng.

“Luke Collins vừa kết thúc ở vị trí thứ ba chung cuộc tại bảng xếp hạng thế giới và anh được coi là một trong những đấu sĩ cưỡi bò giỏi nhất thế giới, nhưng đây là con bò anh chưa bao giờ cưỡi trước đây.”

“Không có mấy ai từng cưỡi nó đâu, Clint. Quái Thú Cục Súc mồi chỉ được cưỡi hai lần, và nó là Bò Vô địch Thế giới ở giải năm ngoái. Nó rất khỏe và dữ tợn, và nếu Luke có thể trụ lại, anh chắc chắn sẽ lấy được số điểm hơn chín mươi...”

“Anh ấy đang chuẩn bị...”

Đến lúc ấy, Luke đã trở nên im lìm một cách kỳ lạ, nhưng khoảnh khắc ấy không kéo dài lâu. Cô nhìn thấy cửa chuồng mở ra và nghe thấy tiếng hò hét của đám đông.

Con bò lao nhanh ra ngoài, nhảy dựng lên, hai chân sau của nó đập lên đập xuống vào không khí, đầu nó cắm xuống đất. Nó xoay nửa vòng qua trái, đá mạnh, rồi nhảy dựng lên, cả bốn chân bật khỏi mặt đất, rồi đột ngột xoay theo chiều ngược lại.

Lúc ấy, bốn giây đã trôi qua và Sophia nghe thấy tiếng đám đông phát điên lên.

“Anh ấy sẽ làm được thôi!” một trong hai phát thanh viên hét lên.

Và vào đúng thời khắc ấy, Sophia thấy Luke bật người về phía trước, cơ thể anh mất thăng bằng đúng lúc đầu con bò hất mạnh về phía sau.

Cú va chạm thật đáng sợ; đầu Luke bật ngược lại, như thể không có chút cơ bắp nào...

"Ôi trời ơi!"

Cơ thể Luke bất ngờ rũ xuống, đổ gục lên thân con bò, tay anh vẫn bị buộc vào sợi dây đai.

Nhưng con bò nổi cơn giận dữ điên cuồng, một con vật không bị kiểm soát, và nó tiếp tục nhảy dựng lên, đáng sợ và không ngừng. Luke bật lên bật xuống như con búp bê vải, bị quăng quật đủ mọi hướng. Khi con bò lại bắt đầu xoay vòng, Luke bị kéo theo chuyển động điên cuồng đó, chân anh trượt trên mặt đất như con quay.

Vào lúc đó những người đấu bò và nhiều người khác đã nhảy vào trong vòng sân, cố gắng trong tuyệt vọng để gỡ nắm tay của Luke ra, nhưng con bò không dừng lại. Nó thôi quay vòng, quay sang tấn công những kẻ mới xâm nhập, vung cặp sừng một cách hoang dại, hất văng một người đấu bò sang bên như thể anh ta không trọng lượng. Lại một cố gắng thất bại trong việc gỡ cổ tay Luke khỏi sợi dây đai; vài giây nữa trôi qua một người đấu bò mới nhảy được lên và bám đủ lâu - trong lúc phải chạy theo con bò - để gỡ tay Luke ra.

Sau khi được gỡ ra, Luke đổ gục xuống đất, anh nằm sấp, mặt xoay sang một bên, bất động, trong khi những người đấu bò nhón nháo.

"Anh ấy bị thương rồi! Họ phải cho mọi người đó thôi!"

Nhưng con bò vẫn không dừng lại. Thay vào đó, như thể nhận ra bản thân đã thoát khỏi kẻ cười mình nhưng lại tức giận vì Luke đã dám cười lên mình trước đó, nó quay

lại, quên luôn những kẻ đang cố gắng đánh lạc hướng. Con bò hạ thấp đầu xuống, tấn công Luke, hướng cặp sừng vào cơ thể đang nằm sấp của anh với quyết tâm tiêu diệt. Hai người đấu bò nhảy vào, vừa tát vừa đánh nó, nhưng con bò không để yên. Thay vào đó, nó tiếp tục khua cặp sừng to lớn về thân hình bất động của Luke, rồi đột nhiên lao lên trên người Luke và bắt đầu nhảy.

Không, không phải nhảy lên. Giẫm xuống. Và xoay vòng. Trong cơn hoảng loạn không thốt nên lời, Sophia nghe thấy tiếng phát thanh viên hét lên:

“Lôi con bò khỏi người anh ấy đi!”

Con bò đang hóa điên giậm bộ móng guốc của nó lên xuống bằng một lực đáng sợ, nghiền nát Luke bên dưới. Nó đạp mạnh lên lưng, hai chân và đầu của anh.

Đầu anh...

Năm người đã bao quanh con bò, làm mọi việc có thể để ngăn con điên dại, nhưng con Quái Thú Cục Súc vẫn quyết chí tiếp tục tấn công.

Giẫm lên giẫm xuống, nghiền nát Luke...

Phát thanh viên nói:

“Họ phải ngăn chuyện này lại!”

Con bò dường như bị ám...

Cuối cùng - *cuối cùng!* - nó rời khỏi người Luke và lao đi trong sân đấu, vẫn chồm lên đầy hoang dại.

Máy quay dõi theo con bò trong lúc nó lao ra xa, rồi quay cận cảnh vào cơ thể úp sấp của Luke, và mọi người bắt đầu chăm sóc cho anh, mặt anh đầy máu và không còn nhận ra được nữa.

Nhưng lúc ấy, Sophia đã lấy tay che mặt, nức nở vì sợ và choáng váng.



Luke

Đến thứ Tư, cơn đau đầu của Luke đã dịu đi đôi chút, nhưng anh sợ rằng mình không đủ sức để thi đấu ở Macon, Georgia, trong dịp cuối tuần tới. Sự kiện tiếp theo đó là ở Florence, Nam Carolina, và anh tự hỏi đến lúc đó mình có khá hơn không. Sau đó, cuộc du đấu chuyển tới Texas, và anh không hề muốn đi đến cái chạng đó mùa thi đấu với cơ thể này.

Trên hết, anh bắt đầu lo về các khoản chi phí. Bắt đầu từ tháng Hai, các sự kiện đòi hỏi anh phải đi máy bay. Nghĩa là phải qua đêm ở các nhà trọ. Ăn thêm nhiều bữa. Thuê xe. Trong quá khứ, khi theo đuổi ước mơ, anh coi đó như chi phí đầu tư. Giờ vẫn thế, nhưng hiện tại, với khoản nợ sẽ tăng gấp ba lần trong sáu tháng tới, anh phải sục sạo các trang web để tìm những chuyến bay rẻ nhất, mà phần lớn phải đặt trước hàng tuần liền. Theo ước tính của anh, số tiền thắng được từ sự kiện đầu tiên có thể chi trả được chi phí đi lại cho tám sự kiện tiếp theo. Tất nhiên, điều đó có nghĩa rằng chẳng còn một đồng nào để dành cho khoản trả góp hàng tháng đang dần đến hạn. Việc này không còn đơn thuần là chiến thắng vì ước mơ nữa. Mà nó có nghĩa là liên tục chiến thắng vì *bắt buộc* phải vậy.

Kể cả khi suy nghĩ ấy nảy ra trong đầu, anh vẫn có thể nghe thấy lời Sophia nói, tranh luận lại với anh. Rằng việc này không phải vì trang trại, hay thậm chí vì mẹ anh. Mà đó là vì cảm giác có lỗi mà anh muốn tránh.

Liệu anh có đang tỏ ra ích kỷ không? Anh chưa từng nghĩ đến điều đó cho đến lúc cô nói ra. Việc này không phải vì anh. Anh sẽ ổn. Việc này là vì mẹ anh, di sản của bà, sự tồn tại của bà ở cái tuổi có rất ít lựa chọn này. Anh không muốn cưới bà. Anh làm việc đó vì mẹ anh đã mạo hiểm mọi thứ để cứu sống anh, và anh nợ bà. Anh không thể nhìn bà mất mọi thứ vì anh.

Nếu không, anh sẽ thấy rất có lỗi. Vậy điều đó là vì anh. Phải thế không?

Anh gọi cho Sophia ba lần tối Chủ nhật, ba lần nữa vào thứ Hai. Hai lần vào thứ Ba. Anh cũng nhắn tin, mỗi ngày một tin, mà không nhận được hồi âm. Anh nhớ cô đã khó chịu thế nào khi bị Brian đeo bám, thế nên anh không nhắn tin hay gọi điện vào thứ Tư. Đến thứ Năm, anh không thể chịu nổi sự im lặng được nữa. Anh trèo lên xe tải và lái đến Wake Forest, đỗ xe ngay trước ngôi nhà nữ sinh.

Hai cô gái mặc giống nhau đang ngồi trên ghế bập bênh ngoài hiên, một trong hai cô đang nói chuyện điện thoại, cô còn lại đang nhắn tin. Cả hai liếc lên thật nhanh, rồi nhìn lại lần nữa khi họ nhận ra người đang đến là ai. Lúc gõ cửa, anh nghe thấy tiếng cười vang lên từ trong nhà. Một lúc sau, một cô gái tóc nâu xinh xắn với hai khuyên tai hai bên ra mở cửa.

“Em sẽ bảo Sophia là anh đến,” cô chỉ nói thế, rồi đứng sang một bên để anh vào.

Phía xa, ba cô gái đang ngồi trên đi văng, ngھn cổ lên

để nhìn anh. Anh đoán họ chính là những cô gái anh nghe thấy ở bên ngoài, nhưng giờ họ chỉ trở mắt lên nhìn anh, tiếng ti vi vang lên đầu đó trong lúc anh đứng ở tiền sảnh, cảm thấy lạc lõng.

Vài phút sau Sophia xuất hiện ở đầu cầu thang, cô đứng khoanh tay. Cô nhìn xuống anh, rõ ràng là đang cân nhắc xem nên làm gì. Rồi cô thở dài, miễn cưỡng đi xuống. Nhận ra sự chú ý của mọi người, cô không nói gì với anh; thay vào đó, cô hát hăm về phía cửa. Luke đi theo cô ra ngoài.

Cô không dừng lại ở hiên nhà mà đi dọc theo vỉa hè ra khỏi tầm nhìn của những người trong nhà, rồi mới quay lại đối diện anh.

“Anh muốn gì?” cô hỏi, mặt không biểu lộ cảm xúc.

“Anh muốn nói rằng anh xin lỗi,” Luke nói, tay rút túi. “Vì đã không nói với em sớm hơn.”

“Được rồi,” cô nói.

Cô không nói gì thêm, để mặc anh không biết nên nói gì tiếp theo. Trong lúc đứng lặng im, cô quay đi, quan sát ngôi nhà bên kia đường.

“Em đã xem đoạn phim về lần thi đấu của anh,” cô nói. “Lúc cưới con Quái Thú Cục Súc.”

Anh đá vài viên sỏi bị mắc trong một cái rãnh trên vỉa hè, sợ phải đối diện với cô. “Như anh nói đấy, nó khá nghiêm trọng.”

Cô lắc đầu. “Nó còn hơn là *khá nghiêm trọng*...” Cô quay sang nhìn anh, quan sát khuôn mặt anh để tìm câu trả lời. “Em biết việc này nguy hiểm, nhưng em chưa bao giờ nghĩ nó lại là chuyện sống còn. Em đã không thực sự hiểu rằng anh mạo hiểm nhường nào mỗi khi anh bước vào vòng tròn thi đấu. Và con bò đó cũng như những gì nó làm với anh. Nó đã cố giết anh...”

Cô nuốt vào, không thể nói nốt. Luke cũng đã xem đoạn phim một lần, sáu tháng sau lần cưới đó. Hồi ấy, anh đã thề là sẽ không bao giờ cưới bà nữa. Hồi ấy, anh thấy may mắn vì đã sống sót.

“Anh đáng lẽ đã chết, nhưng anh không chết,” Sophia nói. “Anh đã có được cơ hội thứ hai. Đường như nó được ban cho anh để anh có cơ hội sống một cuộc sống bình thường. Và cho dù anh nói gì, em cũng không bao giờ hiểu được tại sao anh muốn mạo hiểm điều đó. Em thấy thật bất hợp lý. Em từng nói với anh rằng em đã nghĩ đến việc tự tử, nhưng em không hề có ý định làm việc đó. Em biết em sẽ không bao giờ thực hiện được việc đó. Nhưng anh thì... như thể anh muốn làm việc đó vậy. Và anh sẽ tiếp tục cho đến khi thành công.”

“Anh không muốn chết,” anh nhấn mạnh.

“Vậy thì đừng cưới bà nữa,” cô nói. “Vì nếu anh làm thế, em sẽ không thể là một phần trong cuộc đời anh được. Em không thể giả vờ rằng anh đang không cố tự sát. Bởi như thế em sẽ cảm thấy như mình đang nhắm mắt làm ngơ trước việc đó. Em không thể làm thế.”

Luke thấy cổ họng anh nghẹn lại, anh nói thật khó khăn. “Em đang nói rằng em không muốn gặp anh nữa sao?”

Trước câu hỏi của anh, Sophia nhớ lại sự căng thẳng đã vắt kiệt sức cô như thế nào, và cô nhận ra mình không còn chút nước mắt nào nữa. “Em yêu anh, Luke. Nhưng em không thể là một phần trong chuyện này được. Em không thể dành từng phút bên anh để tự hỏi liệu anh có sống sót qua cuối tuần không. Và em không dám tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra nếu anh không sống sót.”

“Vậy là kết thúc sao?”

“Đúng,” cô nói. “Nếu anh tiếp tục cưới bà, chuyện này sẽ kết thúc.”



Ngày hôm sau, Luke ngồi bên bàn bếp, chùm chìa khóa xe tải để trên bàn. Đó là chiều thứ Sáu, và nếu anh rời đi trong vài phút nữa, anh sẽ đến được nhà trọ trước nửa đêm. Xe của anh đã chất đủ những đồ anh cần.

Đầu anh vẫn còn hơi đau, nhưng nỗi đau thực sự đến khi anh nghĩ về Sophia. Anh không mong chờ chuyến đi cũng như sự kiện này; hơn hết thảy, anh muốn được dành dịp cuối tuần ở bên Sophia. Anh muốn một lý do để không phải đi. Anh muốn đưa cô đi cưới ngựa, ôm chặt cô trong vòng tay khi họ ngồi trước đống lửa.

Trước đó, anh đã gặp mẹ, nhưng tình trạng giữa hai mẹ con vẫn căng thẳng. Cũng như Sophia, bà không muốn nói chuyện với anh. Khi công việc đòi hỏi bà phải nói chuyện với anh, sự tức giận của bà hiện rõ. Anh có thể thấy nỗi lo của bà nặng trĩu - lo cho anh, cho trang trại. Cho tương lai.

Với lấy chùm chìa khóa, anh nhắc người khỏi ghế và đi ra xe tải, tự hỏi liệu mình còn có thể lái xe trở về không.



Sophia

“Bác đã nghĩ là cháu sẽ đến.” Linda đứng ở lối vào ngôi nhà trang trại, vẻ mặt bà mệt mỏi và lo lắng cũng giống như Sophia.

“Cháu không biết đi đâu nữa cả,” Sophia nói. Đó là buổi tối thứ Bảy, và họ đều biết rằng người đàn ông họ yêu thương sẽ bước vào vòng thi đấu tối nay, mạo hiểm cuộc sống của mình, có lẽ là ngay lúc này.

Linda vẫy cô vào và chỉ chỗ ngồi bên bàn bếp. “Cháu có muốn uống ca cao nóng không?” bà hỏi. “Bác đang định pha cho mình một cốc.” Sophia gật đầu, không biết nói gì, cô để ý thấy điện thoại di động của Linda nằm trên bàn. Chắc bà cũng để ý thấy Sophia nhìn nó.

“Nó nhắn tin cho bác khi nào nó xong,” Linda nói, cặm cùi ở bếp. “Nó luôn làm thế. Mà, thực ra, hồi trước nó thường gọi điện. Nó sẽ kể cho bác nghe hôm nay nó thi đấu thế nào, tốt hay tệ, và hai mẹ con bác sẽ nói chuyện một lúc. Nhưng giờ nó...” Bà lắc đầu. “Nó chỉ nhắn tin báo rằng nó không sao. Và bác chẳng biết làm gì ngoài việc ngồi đây trong lúc chờ đợi. Tất nhiên, thời gian sẽ trôi chậm lại khi ta chờ. Ngay lúc này, bác thấy mình như không ngủ cả tuần rồi. Nhưng ngay cả khi bác nghe tin từ nó, bác cũng

không thể ngủ nổi. Vì bác lo rằng dù nó nói nó không sao, nó đã lại gây thêm tổn thương cho não bộ của nó.”

Sophia lấy móng tay cạy cạy mặt bàn. “Anh ấy nói sau tai nạn anh ấy đã nằm ở khu điều trị tích cực.”

“Nó đã chết lâm sàng khi đến bệnh viện,” Linda nói, chậm chậm khuấy chỗ sữa đang được hâm nóng. “Ngay cả khi đã làm nó sống lại, cũng không ai nghĩ nó sẽ qua nổi. Phần phía sau của hộp sọ bị... vỡ. Tất nhiên, lúc ấy bác không biết chút gì về chuyện này. Phải đến hôm sau bác mới đến được đó, và khi họ đưa bác vào nhìn nó, bác còn không thể nhận ra nó nữa. Cú va chạm đã làm gãy mũi, vỡ hốc mắt và xương gò má của nó - cả khuôn mặt nó sưng lên và... giập nát. Họ không thể làm được gì vì sợ gây thêm tổn thương. Đầu nó được băng bó và toàn thân được cố định một chỗ nên nó không thể cử động.” Linda từ từ rót sữa nóng vào hai chiếc cốc, rồi lấy thìa múc ca cao vào. “Nó không mở mắt được suốt gần một tuần, và vài ngày sau, họ phải đẩy nó vào phòng phẫu thuật. Cuối cùng, nó mất gần một tháng trong khu điều trị tích cực.”

Sophia đón chiếc cốc từ Linda và ngáp ngừng hớp một ngụm. “Anh ấy nói anh ấy có một tấm kim loại.”

“Đúng thế,” bà nói. “Một tấm kim loại nhỏ. Nhưng bác sĩ nói xương sọ của nó có lẽ sẽ không bao giờ lành lại hoàn toàn vì một vài mẫu không thể cứu được. Ông ấy nói rằng phía sau đó như một ô cửa kính màu, mọi thứ gần như không dính vào nhau. Bác chắc chắn bây giờ nó đã khá hơn mùa hè năm ngoái, và nó vẫn luôn là một đấu sĩ mạnh, nhưng...” Bà lạc giọng, không thể nói hết suy nghĩ của mình. Thay vào đó, bà chỉ lắc đầu.

“Sau khi nó được ra khỏi khu điều trị tích cực và họ

nghĩ nó có thể chịu đựng được chuyển đi, nó được gửi đến Bệnh viện Đại học Duke. Khi đó, bác cảm thấy như mình đã bỏ lại đằng sau điều tồi tệ nhất, vì bác biết nó đã sống sót, thậm chí có thể hồi phục hoàn toàn.” Bà thở dài. “Rồi các hóa đơn bắt đầu đến, và trước mặt bác là ba tháng sắp tới tại Bệnh viện Duke, chỉ để cơ thể nó lành lại, rồi cuộc phẫu thuật tái chỉnh hình cho khuôn mặt. Lẽ đương nhiên, sau đó, nó còn cần rất nhiều buổi điều trị phục hồi...”

“Anh ấy đã kể với cháu về trang trại,” Sophia khẽ nói.

“Bác biết,” bà nói. “Đó là cách nó biện hộ cho việc nó đang làm.”

“Không thể lấy điều đó ra để biện hộ được.”

“Phải,” Linda nói. “Đúng vậy.”

“Bác nghĩ anh ấy có sao không?”

“Bác không biết,” bà nói, gõ gõ chiếc điện thoại. “Chỉ khi nó nhắn tin bác mới biết.”



Hai tiếng sau trôi qua như một cảnh phim quay chậm, từng phút kéo dài như vô định. Linda lấy ra vài miếng bánh, nhưng chẳng ai trong hai người thấy đói. Họ chỉ ăn lấy lệ trong lúc chờ đợi.

Và chờ đợi.

Sophia nghĩ rằng ở đây cùng Linda, nỗi lo của cô bằng cách nào đó sẽ giảm bớt, nhưng chưa gì, cô đã bắt đầu cảm thấy tệ hơn. Xem đoạn phim đã đủ kinh khủng rồi, nhưng nghe kể chi tiết về những vết thương của anh khiến cô thấy buồn nôn.

Luke sẽ chết.

Trong đầu cô điều này là chắc chắn. Anh sẽ ngã, con bò sẽ lại xoay đầu sai hướng một lần nữa. Hoặc Luke cười

thành công nhưng rồi con bò sẽ đuổi theo anh khi anh đang chạy khỏi khu vực thi đấu...

Anh không có cơ hội sống sót, nếu như vẫn tiếp tục cưỡi bò. Đó chỉ là vấn đề thời gian.

Cô lạc lối trong suy nghĩ của mình mãi cho đến khi chiếc điện thoại trên bàn của Linda rung lên.

Linda vội lấy nó và đọc tin nhắn. Vai bà đột nhiên chùng xuống và bà thở hắt ra một hơi dài. Sau khi đưa điện thoại cho Sophia, bà đưa tay lên ôm mặt.

Sophia liếc nhìn dòng chữ: *Con không sao và đang trên đường về.*



Luke

Việc anh không thắng ở Macon không phản ánh khả năng cưỡi bò của anh, mà cho thấy tầm quan trọng của chất lượng những con bò. Dù gì thì, màn trình diễn của những con bò chiếm một nửa số điểm, điều này có nghĩa là tất cả các trận đấu ít nhiều cũng phụ thuộc vào ý Chúa.

Con bò đầu tiên anh cưỡi gần như chỉ toàn xoay vòng. Luke bám chặt và đám đông hẳn đã thấy rất hứng thú, nhưng khi điểm số được công bố, anh thấy mình ở vị trí thứ chín. Con bò thứ hai cũng chẳng khá hơn mấy, nhưng ít ra anh cũng ráng bám được vào nó trong khi những người xếp hạng trên anh bị hất xuống, và anh chuyển lên vị trí thứ sáu. Ở vòng cuối, anh bốc trúng một con bò tương đối tốt và anh nhảy khỏi lưng nó cùng số điểm đủ cao để đưa anh lên vị trí thứ tư. Đó không phải là một phần thi xuất sắc, nhưng nó cũng đủ để giữ anh lại, thậm chí là nơi rộng khoảng cách trong bảng tổng sắp.

Anh nên thấy hài lòng. Chỉ cần thêm một cuối tuần may mắn nữa là coi như anh chắc chắn có một chỗ trong vòng đấu lớn, dù cho anh có thi đấu kém trong những sự kiện sau đó đi nữa. Bất chấp việc thiếu tập luyện, bất chấp cơn chấn động, anh vẫn ở vị trí mà mình muốn.

Thật ngạc nhiên khi những trận cười bò không làm cho cơn chấn động của anh tồi tệ hơn. Trên đường lái xe về nhà, anh cứ chờ cho cơn đau đầu nặng thêm, nhưng không. Thay vào đó, nó vẫn chỉ âm ỉ, một tiếng u u yếu ớt, còn lâu mới sánh được với nỗi đau đón anh phải chịu hồi đầu tuần. Nó có vẻ đỡ hơn sáng nay, và anh có cảm giác là nó sẽ hết hẳn vào sáng mai.

Nói một cách khác, đây là một dịp cuối tuần may mắn. Mọi thứ đều đang đi đúng theo kế hoạch.

Tất nhiên là trừ Sophia.



Anh về đến nhà được một tiếng thì trời mới sáng và ngủ đến gần trưa. Phải đến sau khi tắm xong anh mới nhận ra rằng mình đã không đụng đến những viên thuốc giảm đau. Cơn đau đầu đã qua, như anh hy vọng.

Cơ thể anh cũng không nhức mỏi như sau sự kiện đầu tiên. Phần thất lung của anh vẫn nhức nhưng anh có thể chịu được. Sau khi mặc quần áo, anh thẳng yên cho Ngựa và ra kiểm tra bầy gia súc. Sáng thứ Sáu, trước khi đến Macon, anh đã chăm sóc cho một con bê bị lao vào hàng rào gai và anh muốn chắc chắn rằng nó đang hồi phục bình thường.

Anh dành chiều Chủ nhật và thứ Hai cho hệ thống tưới nước, sửa những chỗ rò bị bục vì thời tiết lạnh, và bắt đầu sáng thứ Ba bằng việc nạy những tấm lợp mái nhà của mẹ anh lên rồi hoàn thành việc thay mới sau hai ngày.

Đó là một tuần vui vẻ, công việc chủ yếu là các hoạt động chân tay và đơn giản, và đến thứ Sáu, lẽ ra anh phải cảm thấy cảm giác mãn nguyện với mọi thứ mình làm được. Nhưng không. Thay vào đó, anh nhớ Sophia da diết. Anh không gọi điện hay nhắn tin, cô cũng thế. Và sự vắng mặt

của cô đôi khi khiến anh cảm thấy như mất đi một phần thân thể vậy. Anh muốn mọi chuyện trở lại như trước; anh muốn biết rằng khi trở về nhà sau sự kiện ở Florence, anh sẽ được dành cả ngày còn lại với cô.

Nhưng trong lúc xếp ra những thứ đồ cần cho chuyến đi đến Nam Carolina, anh biết rằng cô sẽ không bao giờ thỏa hiệp với lựa chọn của anh - và khác với mẹ anh, cô có thể bỏ đi.



Chiều thứ Bảy, Luke đứng nhìn những con bò ở phía sau nhà thi đấu ở Florence, Nam Carolina, và lần đầu tiên nhận ra tay mình không run nữa.

Mọi khi thì đó có thể xem là một dấu hiệu tốt, bởi như thế nghĩa là anh đã bình tĩnh lại. Nhưng anh vẫn chưa thoát khỏi cảm giác rằng đến đây là một sai lầm. Anh cảm thấy một nỗi sợ hãi nặng nề khi đỗ xe vào bãi cách đây một tiếng, và từ lúc đó, những suy nghĩ đen tối không tên trong đầu anh mỗi lúc một trở nên mạnh hơn, những lời thì thầm thúc giục anh trở lại xe tải và quay về nhà.

Trước khi quá muộn.

Anh chưa bao giờ cảm thấy như vậy ở cả Pensacola lẫn Macon. Anh cũng không muốn thi đấu trong sự kiện lần này nhiều hơn những vòng trước là mấy, nhưng khi đó chủ yếu là vì anh không chắc liệu mình đã sẵn sàng trở lại thi đấu chưa. Nhưng nỗi sợ hãi anh cảm thấy lúc này thật khác.

Anh tự hỏi liệu Quái Thú Cục Súc có cảm nhận được điều đó không.

Con bò đang ở đây, Florence, Nam Carolina, một điều cũng phi lý như khi nó đến lạ như hồi nó ở McLeansville tháng Mười năm ngoái. Con bò không thuộc về vòng đấu xếp hạng này. Nó thuộc về những con bò hàng khủng sẽ

tham gia cuộc đua tranh giải Bò Vô địch Thế giới. Luke không hiểu tại sao chủ nhân của nó lại đồng ý để nó tham gia vào cuộc đua hạng thấp. Có lẽ ban tổ chức đã ra một đề nghị khó cưỡng với chủ con bò trong phi vụ hợp tác cùng một trong những bên bán ô tô trong thị trấn. Điều đó đã dần trở nên phổ biến hơn ở những cuộc đua - những chiêu khuyến mãi như *Nếu bạn cưới được nó, bạn sẽ được lái một chiếc xe tải mới về nhà!* Trong khi đám đông nói chung đều thích khi có thêm thử thách, thì Luke lại rất sẵn lòng rút khỏi cuộc thi đó nếu có thể. Anh chưa sẵn sàng để cưới nó lần nữa, cũng như phần lớn mọi người ở sự kiện lần này. Không phải anh lo về việc cưới nó. Hay viễn cảnh bị nó hất ngã. Mà chính cái cách Quái Thú Cục Súc có thể phản ứng sau đó.

Anh quan sát nó gần một tiếng đồng hồ và nghĩ, *Con bò đó không nên ở đây.*

Cả anh cũng thế.



Sự kiện bắt đầu đúng giờ, lúc mặt trời lên cao đủ để làm ngày ấm hơn, dù chỉ chút ít. Trên khán đài, khán giả đều mặc áo khoác và đi găng, những hàng người đứng chờ sô cô la nóng và cà phê kéo dài đến tận gần cửa ra vào. Như thường lệ, Luke ngồi trong xe tải, máy sưởi đang bật. Xung quanh anh là những chiếc xe tải nằm yên trong bãi đỗ xe và các đối thủ cũng đang làm điều tương tự.

Anh đã thử ra ngoài một lần trước khi đến lượt, cũng như các đấu thủ của anh, để xem Trey Miller cưới con Quái Thú Cục Súc. Ngay khi cửa chuồng mở ra, con bò chúi đầu xuống và tung những cú đá xoay vòng; Miller không có cửa thắng. Khi anh ta tiếp đất, con bò quay lại, y như trong lần cưới của Luke, và cầm đầu đuổi theo anh ta.

Thật may là Miller đã kịp thời đến được hàng rào nhà thi đấu và lắng mình qua an toàn.

Con bò, như thể ý thức được có nhiều người đang theo dõi mình, ngừng tấn công và thở dốc. Nó đứng yên, gùm gùm nhìn Miller chạy thoát, không khí lạnh làm mũi nó trông như đang xịt khói.

Lúc bốc thăm, Luke bốc được con Ác Điều, một con bò còn trẻ, ít thâm niên với cuộc đấu. Nó được đánh giá là một con bò có triển vọng, và anh chẳng mấy thất vọng. Nó xoay vòng, rồi lồng lên, nhưng kỳ lạ thay Luke cảm thấy dễ dàng kiểm soát được tình hình trong suốt lượt cưỡi, và đến cuối cùng, anh đã giành được điểm số cao nhất của mùa. Sau khi anh nhảy xuống, không như con Quái Thú Cục Súc, con bò này phớt lờ anh.



Sự kiện lần thứ ba này có nhiều đấu thủ hơn, khiến cho việc chờ đợi giữa các lượt cưỡi trở nên lâu hơn nhiều. Luke bốc được con Đầu Xe Lửa, con bò thứ hai của anh, và mặc dù lần cưỡi này không được điểm cao như lần đầu tiên, nhưng anh vẫn giữ vị trí dẫn đầu.

Hết năm lượt cưỡi sau, đến lượt Jake Harris ngồi lên lưng con Quái Thú Cục Súc. Lượt cưỡi không kéo dài lâu, nhưng không rõ là anh ta xui hay may mắn hơn Miller. Anh ta giữ được đến khi ra giữa sân đấu rồi mới bị hất xuống, và một lần nữa, con Quái Thú Cục Súc quay lại và tấn công. Không có chỗ nào để chạy. Một đấu sĩ trẻ hẳn sẽ gặp nguy hiểm, nhưng Harris là một cựu binh và anh ta đã lao ra vừa kịp lúc, sừng của con bò chỉ trượt qua người vài phân. Hai người đấu bò nhảy vào để đánh lạc hướng Quái Thú, tạm thời giải vây cho Harris chạy đến bức tường khu

thi đấu. Anh ta lẳng người lên trên và nhấc chân qua ngay lúc con bò giận dữ lao đến, sẵn sàng húc thẳng.

Sau đó, con bò xoay lại sẵn sàng tấn công, nhằm vào những người đấu bò vẫn đang trong sân. Một người đã chạy đến hàng rào an toàn, nhưng người kia phải nhảy vào một trong những cái thùng. Quái Thú Cục Súc đuổi theo, bực tức vì con mồi chính của nó đã chạy thoát. Nó đâm vào cái thùng, đẩy cái thùng lăn trên sân đấu, rồi lại đâm một lần nữa và dồn cái thùng vào tường, ở đó nó tiếp tục tấn công, khua cặp sừng và thở phì phò, con thú đã hóa điên.

Luke theo dõi, cảm thấy bụng quặn lên, một lần nữa, anh nghĩ con bò không thuộc về sự kiện này. Hay bất cứ sự kiện nào khác. Không sớm thì muộn, sẽ có ngày Quái Thú giết người.



Sau hai vòng đấu, hai mươi chín đấu thủ đã phải lên đường về nhà. Mười lăm người ở lại. Luke được chọn là hạt giống của vòng Vô địch, đấu thủ cuối cùng trong ngày. Có một khoảng nghỉ giải lao ngắn trước khi vòng đấu bắt đầu, đèn được bật lên khi bầu trời mùa đông tối dần.

Hai bàn tay anh vẫn vững vàng. Anh vẫn kiểm soát được con hồi hộp. Anh đã thi đấu tốt, và theo những gì diễn ra ngày hôm nay, thì anh sẽ lại thi đấu tốt thôi - điều này khá kỳ lạ, so với những gì anh đã cảm thấy vào đầu ngày. Mặc dù vậy, cảm giác sợ hãi anh có vẫn chưa hoàn toàn mất đi, bất chấp những lần cưỡi thành công của anh.

Trái lại, nó đã trở nên tồi tệ hơn kể từ khi anh thấy Quái Thú Cục Súc đuổi theo Harris. Ban tổ chức lẽ ra phải ý thức được sự nguy hiểm đã làm nên tên tuổi của con bò. Lẽ ra nên có năm người đấu bò trong vòng thi đấu thay vì

chỉ hai. Mà sau khi Miller cưới, họ cũng chưa rút ra được bài học gì. Con bò rất nguy hiểm. Đến mức điên loạn.

Cũng như những đấu thủ chung kết khác, Luke xếp hàng cho lượt bốc thăm cuối cùng trong ngày, và tuần tự, anh nghe từng con bò được ghép với các đấu thủ. Ác Điều ra thứ ba, Đầu Xe Lửa ra thứ bảy, và trong lúc danh sách tiếp tục, một linh tính không hay đến với anh. Anh không thể nhìn những đấu thủ khác; thay vào đó, anh nhắm mắt, chờ đợi điều không thể tránh khỏi.

Cuối cùng, đúng như cái phần trong anh đã biết trước, anh bốc trúng con Quái Thú Cục Súc.



Thời gian trôi chậm lại trong vòng cuối cùng. Hai đấu thủ đầu tiên vẫn ngồi được trên lưng bò, ba người tiếp theo bị hất xuống. Hai người tiếp nữa thì bị giật qua giật lại.

Luke ngồi trong xe tải, lắng nghe phát thanh viên. Nhịp tim anh bắt đầu tăng lên khi adrenaline dâng khắp cơ thể. Anh cố thuyết phục bản thân rằng mình đã sẵn sàng, rằng mình đủ sức đương đầu thử thách, nhưng không phải vậy. Ngay cả khi còn ở đỉnh cao phong độ cũng không, nói gì đến hiện tại.

Anh không muốn ra ngoài kia. Anh không muốn nghe phát thanh viên nhắc đến chiếc xe tải anh có thể thắng được, hay việc chưa ai cưới được con bò trong ba năm qua. Anh không muốn phát thanh viên nói với đám đông rằng Quái Thú Cục Súc là con bò đã suýt giết chết anh, biến một lần thi đấu triển vọng của anh thành một cuộc đấu thù hận. Bởi nó không phải vậy. Anh không thù ghét con bò. Nó chỉ là một con vật, dù là con điên nhất, dã man nhất mà anh từng chạm mặt.

Anh tự hỏi liệu có nên rút lui không. Chỉ lấy số điểm từ hai lần cưỡi đầu tiên và chấp nhận điều đó. Anh vẫn sẽ lọt vào tốp mười người giỏi nhất, hoặc có thể là tốp năm, tùy thuộc vào việc những đấu thủ khác thi đấu ra sao sau đó. Anh cũng có thể tụt hạng trong bảng tổng sắp, nhưng vẫn giữ được chỗ cho vòng đấu lớn...

Nơi Quái Thú Cục Súc chắc chắn sẽ xuất hiện.

Nhưng chuyện gì sẽ xảy ra lần tới? Nếu anh bốc được nó ngay lần đầu tiên? Khi anh ở California chẳng hạn? Hay Utah? Sau khi tiêu tốn một khoản kha khá cho vé máy bay, nhà trọ và thức ăn? Lúc đó anh cũng sẵn sàng bỏ đi sao?

Anh không biết. Ngay lúc này, đầu óc anh không tỉnh táo mà rối ren với nhiều suy nghĩ, mặc dù khi anh nhìn xuống, hai bàn tay anh hoàn toàn yên. Lại thật, anh nghĩ, cân nhắc đến việc...

Phía xa, tiếng hò reo của đám đông rộ lên, dấu hiệu của một lượt thi đấu thành công. Nghe có vẻ như một màn thi đấu xuất sắc. Dù là ai, Luke nghĩ, thì anh ta cũng thật may mắn. Những ngày này, anh không ghen tị với thành công của ai cả. Hơn ai hết, anh hiểu rõ những mối hiểm nguy.

Đến lúc rồi. Nếu làm việc này, anh phải ra quyết định. Đi hay ở, thi đấu hay rút lui, cứu trang trại hay để ngân hàng lấy nó đi.

Sống hay chết...

Anh hít một hơi thật sâu. Hai tay vẫn ổn. Anh sẵn sàng hơn bao giờ hết. Anh đẩy cửa, bước lên mặt đất cứng đầy bụi và ngược nhìn bầu trời mùa đông đang dần tối.

Sống hay chết. Tất cả chỉ có thể thôi. Vừa tự ép bản thân bước ra sân đấu, anh vừa tự hỏi liệu kết cục sẽ là gì.



Ira

Khi tôi tỉnh dậy, ý nghĩ đầu tiên là cơ thể tôi đã rất yếu và càng lúc càng yếu hơn. Ngủ, thay vì giúp tôi khỏe lên, lại lấy mất của tôi vài giờ quý giá còn lại.

Ánh mặt trời buổi sáng chiếu xiên qua cửa kính, được tuyết làm cho chói và gắt hơn. Phải mất một lúc tôi mới nhận ra hôm nay là thứ Hai. Đã hơn ba mươi sáu tiếng từ lúc gặp tai nạn. Ý chí sống. Ai mà tưởng tượng được một thứ như vậy lại xảy đến với một ông già như tôi? Nhưng tôi vẫn luôn là kẻ sống sót, kẻ dám cười vào mặt cái chết và phỉ nhổ vào mắt của mẹ số phận. Tôi không sợ gì hết, kể cả cơn đau. Đã đến lúc tôi mở cửa và leo lên bờ kè, vẫy bất cứ chiếc xe nào đi qua. Nếu không ai đến chỗ tôi, tôi phải đến chỗ họ.

Tôi đang đùa ai chứ?

Tôi đâu thể làm thế. Cơn đau kinh khủng đến mức tôi phải gom hết sức tàn mới nhìn được thế giới xung quanh. Trong giây lát, kỳ lạ thay tôi cảm thấy bị tách ra khỏi cơ thể - tôi có thể thấy chính mình đang nằm trên vô lăng, cả người tôi tả. Lần đầu tiên từ lúc bị tai nạn, tôi dám chắc mình không còn cử động được nữa. Chuông đang điểm và tôi không còn nhiều thời gian. Điều này lẽ ra phải khiến

tôi sợ hãi, nhưng không. Không phải nói quá, nhưng tôi đã chờ chết suốt chín năm qua rồi.

Tôi không thích hợp với sống cô độc. Tôi không giỏi việc đó. Kể từ khi Ruth đi xa, năm tháng cứ tích tắc trôi qua cùng sự im lặng vô vọng chỉ người già mới hiểu. Sự im lặng ấy được nhấn mạnh bằng nỗi cô đơn và ý thức rằng những năm tháng đẹp đẽ đã là quá khứ, đi đôi với những phức tạp của tuổi già.

Cơ thể người không thích hợp để sống qua gần một thế kỷ. Tôi nói điều này dựa trên kinh nghiệm. Hai năm sau khi Ruth mất, tôi bị một cơn đau tim nhẹ - tôi chỉ vừa kịp gọi điện cầu cứu đã ngã xuống sàn bất tỉnh. Hai năm sau đó, tôi thấy khó giữ thăng bằng hơn, và phải mua một cái ba toong để giữ mình khỏi ngã vào những bụi hồng mỗi khi đi ra ngoài.

Việc chăm sóc bố tôi đã dạy tôi lòng trước những thử thách này, và thừa sức để vượt qua chúng. Tuy nhiên, tôi không lường trước được vô số những nỗi đau nhỏ nhất - những việc vặt nhất đã từng vô cùng dễ dàng nhưng giờ bất khả thi. Tôi không còn mở được lọ mứt; tôi phải nhờ nhân viên thu ngân ở siêu thị mở lọ trước khi cho nó vào trong túi. Tay tôi run đến mức chữ viết của tôi rất khó đọc, khiến việc chi trả hóa đơn trở nên khó khăn. Tôi chỉ có thể đọc ở nơi nào nhiều ánh sáng nhất, và tôi không ăn được gì ngoài xúp nếu thiếu bộ răng giả. Ngay cả về đêm, tuổi tác cũng là nỗi khổ. Phải rất lâu tôi mới ngủ được, và một giấc ngủ kéo dài chỉ là ảo tưởng. Rồi còn thuốc nữa - tôi có nhiều thuốc đến mức phải đính một cái bảng lên tủ lạnh để làm theo cho đúng. Thuốc cho bệnh viêm khớp và huyết áp cao và cholesterol cao, vài viên uống trong bữa ăn, vài viên không, và họ bảo tôi phải luôn mang theo thuốc chống đau thắt

ngực trong túi, phòng trường hợp tôi lại bị một cơn. Trước khi ung thư hình thành - cái khối u sẽ ăn mòn tôi cho đến khi tôi không còn gì ngoài da bọc xương - tôi thường tự hỏi liệu tương lai còn có thể sỉ nhục tôi đến thế nào nữa đây. Và Chúa, cùng trí tuệ của Người, đã cho tôi câu trả lời. *Một tai nạn thì sao! Hãy làm gãy xương lão và chôn lão dưới tuyết!* Đôi khi, tôi nghĩ Chúa có cái kiểu hài hước hơi dị thường.

Tôi mà kể điều này với Ruth thì bà ấy sẽ không cười đâu. Bà ấy sẽ nói tôi nên thấy biết ơn, vì không phải ai cũng được ban cho sống thọ. Bà ấy sẽ nói tai nạn là lỗi của tôi. Rồi sau đó, cùng một cái nhún vai, bà ấy sẽ giải thích rằng tôi sống sót vì câu chuyện của chúng tôi vẫn chưa kết thúc.

Tôi sẽ ra sao? Bộ sưu tập sẽ thành ra thế nào?

Tôi đã dành chín năm để trả lời những câu hỏi đó, và tôi nghĩ Ruth sẽ thấy hài lòng. Trong những năm đó tôi đã được bao quanh bởi niềm đam mê của Ruth; được bà ấy ôm vào lòng. Bất cứ đâu tôi nhìn vào đều gọi nhớ đến bà ấy, và hàng đêm trước khi đi ngủ, tôi nhìn chăm chăm vào bức tranh phía trên lò sưởi, thấy an ủi vì biết rằng câu chuyện của chúng tôi sẽ có một kết thúc đúng như Ruth mong muốn.



Mặt trời lên cao hơn, và những ngõ ngách xa nhất trong cơ thể tôi cũng thấy đau. Cổ họng tôi khô khốc, và tất cả những gì tôi muốn làm là nhắm mắt lại và trôi đi xa.

Nhưng Ruth không để tôi làm thế. Ánh mắt bà ấy có một sự mãnh liệt buộc tôi phải nhìn vào.

“Cảm giác của ông,” bà ấy nói. “Giờ tệ hơn rồi.”

“Tôi chỉ thấy mệt thôi,” tôi lẩm bẩm.

“Phải,” bà ấy nói. “Nhưng giờ chưa phải lúc của ông. Còn nhiều điều ông phải nói với tôi.”

Tôi gần như không thể nghe ra lời bà ấy. “Tại sao?”

“Vì đây là câu chuyện của chúng ta,” bà ấy nói. “Và tôi muốn nghe về ông.”

Đầu óc tôi lại quay cuồng. Một bên mặt tôi đau vì bị ấn vào vô lăng, và tôi để ý thấy cánh tay bị gậy sung lên đến đáng sợ. Nó đã tím bầm lại, còn các ngón tay tôi trông như mấy cây xúc xích. “Bà biết chuyện kết thúc thế nào mà.”

“Tôi muốn nghe. Qua chính lời ông kể.”

“Không,” tôi nói.

“Sau những ngày ngồi shiva, ông bắt đầu bị trầm cảm,” bà ấy nói tiếp, mặc kệ tôi. “Ông đã rất cô đơn. Tôi không muốn ông như thế.”

Nỗi buồn đã xâm chiếm lấy giọng bà ấy, và tôi nhắm mắt lại. “Tôi không tìm được,” tôi nói. “Tôi nhớ bà.”

Bà ấy im lặng một lúc. Bà ấy biết tôi đang lẩn tránh. “Nhìn tôi đây, Ira. Tôi muốn nhìn vào mắt ông khi ông kể cho tôi điều gì đã xảy ra.”

“Tôi không muốn nói về chuyện đó.”

“Tại sao?” bà ấy khẳng khái.

Tiếng khò khè trong từng hơi thở của tôi bao trùm không gian trong xe khi tôi lựa chọn từ ngữ. “Bởi vì,” rốt cuộc tôi cũng nói, “tôi xấu hổ.”

“Về điều ông đã làm,” bà ấy tuyên bố.

Bà ấy biết sự thật và tôi gật đầu, sợ những gì bà ấy nghĩ về tôi. Rồi, tôi nghe tiếng bà ấy thở dài.

“Tôi đã rất lo cho ông,” cuối cùng bà ấy nói. “Ông không ăn sau khi ngồi shiva, sau khi mọi người đi khỏi.”

“Tôi không đói.”

“Không đúng. Lúc nào ông cũng đói. Ông chọn cách mặc kệ. Ông tự bỏ đói mình.”

“Lúc này chuyện đó đâu còn ý nghĩa gì...” tôi ấp úng.

“Tôi muốn ông kể với tôi sự thật,” bà ấy khẳng khái.

“Tôi muốn ở bên bà.”

“Nhưng điều đó có nghĩa là gì?”

Quá mệt mỏi để tranh cãi, cuối cùng tôi mở mắt.

“Nghĩa là,” tôi nói, “tôi đã cố gắng chết.”



Sự im lặng chính là thủ phạm. Sự im lặng mà đến giờ tôi vẫn đang phải trải qua, sự im lặng xuất hiện khi những người đến viếng rời đi. Lúc ấy, tôi chưa quen với nó. Nó nặng trĩu, làm tôi khó thở - nó lặng lẽ đến nỗi cuối cùng đã biến thành một tiếng gầm nhấc chìm mọi thứ. Rồi chậm mà chắc, nó tước khỏi tôi khả năng bận tâm.

Sự kiệt quệ và thói quen tiếp tục chống lại tôi. Vào bữa sáng, tôi sẽ lấy ra hai tách uống cà phê thay vì một, và cố hòng tôi ghen lại khi tôi cất cái tách thừa lên tủ cốc chén. Buổi chiều, tôi sẽ hô lên là mình ra ngoài lấy thư, để rồi nhận ra không có ai trả lời. Bụng tôi lúc nào cũng cứng, và buổi tối, tôi không thể nghĩ đến việc nấu một bữa mà tôi sẽ phải ăn một mình. Có nhiều ngày trôi qua tôi không ăn gì.

Tôi không phải bác sĩ. Tôi không biết cơn trầm cảm này là bệnh lý hay đơn giản chỉ là một sản phẩm của nỗi đau, nhưng hậu quả thì như nhau. Tôi không thấy mình có lý do gì để tiếp tục. Tôi không muốn tiếp tục. Nhưng tôi là một kẻ hèn, không dám hành động dứt khoát. Thay vào đó, tôi chẳng làm gì ngoài việc từ chối ăn gần như tất cả mọi thứ, và rồi hậu quả cũng như nhau. Tôi sụt cân và yếu dần, con đường của tôi đã được xác định, và những ký ức dần trở nên lộn xộn, từng chút một. Việc nhận ra mình đang mất Ruth thêm một lần nữa khiến cho mọi chuyện còn tồi tệ hơn, không lâu sau, tôi không còn ăn gì

cả. Không lâu sau, những mùa hè chúng tôi dành cho nhau hoàn toàn biến mất và tôi không thấy mình còn lý do gì để chống lại điều không thể tránh. Tôi bắt đầu dành hầu hết thời gian ở trên giường, nhìn vô định lên trần nhà, quá khứ và tương lai trống rỗng.



“Tôi không nghĩ thế,” bà ấy nói. “Ông nói vì bị trầm cảm, nên ông không ăn. Ông nói vì không nhớ được, nên ông không ăn. Nhưng tôi nghĩ vì ông không ăn nên mới không nhớ được. Và do đó ông không có sức khỏe để chống lại cơn trầm cảm.”

“Tôi già rồi,” tôi nói. “Sức khỏe của tôi đã bốc hơi từ lâu rồi.”

“Ông đang bao biện đấy.” Bà ấy phẩy tay. “Nhưng giờ không phải lúc đùa. Tôi đã rất lo cho ông.”

“Làm sao bà lo cho tôi được. Bà có ở đó đâu. Đấy mới là vấn đề.”

Bà ấy nheo mắt và tôi biết mình đã chọc giận bà ấy. Bà ấy nghiêng đầu, ánh mặt trời buổi sáng khiến nửa khuôn mặt bà ấy bị khuất bóng. “Tại sao ông lại nói thế?”

“Vì đó là sự thật?”

“Vậy thì tại sao tôi lại ở đây?”

“Có thể bà không ở đây đâu.”

“Ira...” Bà ấy lắc đầu. Bà ấy nói chuyện với tôi theo cách tôi tưởng tượng bà ấy nói chuyện với học sinh ngày xưa. “Ông có nhìn thấy tôi không? Ông có nghe thấy tôi không?” Bà ấy nghiêng người ra phía trước, đặt tay lên tay tôi. “Ông có cảm nhận được điều này không?”

Bàn tay bà ấy mềm và ấm, đôi bàn tay thân thuộc hơn cả tay tôi. “Có,” tôi nói. “Nhưng hồi đó thì không.”

Bà ấy mỉm cười, trông mãn nguyện, như thể tôi vừa chứng minh cho luận điểm của bà ấy. “Vì ông không ăn đấy.”



Có một sự thật hiển hiện trong bất cứ cuộc hôn nhân bền lâu nào, đó là: người bạn đời đôi khi hiểu ta hơn cả bản thân ta.

Ruth không phải ngoại lệ. Bà ấy hiểu tôi. Bà ấy biết tôi sẽ nhớ bà ấy đến thế nào; bà ấy biết tôi cần nghe giọng bà ấy đến mức nào. Bà ấy cũng biết rằng tôi sẽ là người bị bỏ lại một mình, chứ không phải bà ấy. Đó là lời giải thích duy nhất, và bao năm qua, tôi chưa bao giờ nghi ngờ điều đó. Nếu bà ấy có mắc phải một sai lầm, thì ấy là việc tôi đã chẳng phát hiện ra những gì bà ấy đã làm cho đến khi hai má tôi hỏm vào và hai cánh tay tôi nhìn như hai cây que. Tôi không nhớ ngày tôi phát hiện ra nó. Tôi đã để lạc mất những sự kiện như thế, nhưng cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Ở thời điểm ấy, với tôi ngày nào cũng như ngày nào, vô nghĩa, và phải đến khi bóng tối buông xuống tôi mới nhận ra mình đang nhìn chằm chằm vào hộp đựng thư đặt trên tủ ngăn kéo của Ruth.

Kể từ khi bà ấy ra đi, tối nào tôi cũng nhìn chúng, nhưng chúng là của bà ấy, không phải của tôi, và trong mớ suy nghĩ lảm lạp, tôi đã cho rằng chúng sẽ khiến tôi thấy tệ hơn. Chúng sẽ nhắc nhở rằng tôi đã nhớ bà ấy chừng nào; chúng sẽ nhắc nhở về mọi thứ tôi đã mất. Và ý nghĩ ấy là không thể chịu nổi. Tôi không thể đối mặt với nó. Ấy thế mà, đêm hôm đó, có lẽ vì đã trở nên tê liệt trước những cảm giác của mình, tôi ép bản thân ra khỏi giường và lấy cái hộp. Tôi muốn được nhớ lại, dù chỉ trong một đêm duy nhất, dù rằng tôi sẽ đau.

Chiếc hộp nhẹ lạ thường và khi nhắc nắp lên, tôi ngửi thấy mùi hương của kem bôi tay Ruth vẫn thường dùng. Chỉ thoáng qua, nhưng nó có ở đó, và ngay lập tức, đôi tay tôi lại bắt đầu run rẩy. Nhưng tôi không còn là chính mình, tôi với lấy bức thư đầu tiên trong số những bức thư kỷ niệm tôi viết cho bà ấy.

Phong bì đã bị quăn và ố vàng. Tên bà ấy được tôi viết với cái cung cách nắn nót đã mất đi từ lâu, và một lần nữa, tôi được nhắc về tuổi tác của mình. Nhưng tôi không dừng lại. Thay vào đó, tôi nhẹ nhàng lấy bức thư khô giòn ra khỏi phong bì rồi đưa nó về phía ánh sáng.

Lúc đầu, chữ viết ấy trông lạ lẫm với tôi, những từ ngữ của một người lạ, và tôi không nhận ra chúng. Tôi ngừng rồi thử lại, tập trung chú ý hơn vào câu từ. Khi tôi làm vậy, tôi thấy hình ảnh Ruth chậm chậm xuất hiện bên cạnh tôi. Bà ấy đang ở đây, tôi thầm nghĩ; đây là chủ đích của bà ấy. Mạch tôi bắt đầu đập nhanh khi tôi đọc tiếp, phòng ngủ mờ dần quanh tôi. Thay vào đó, tôi trở lại bên hồ trong bầu không khí loăng ở một vùng núi cao vào cuối mùa hè. Ngôi trường đã đóng cửa và điều hui, đứng làm nền trong lúc Ruth đọc bức thư, ánh mắt bà ấy nhìn xuống, đảo qua trang giấy.

Anh đã đưa em đến đây - đến nơi mà nghệ thuật lần đầu tiên trở nên có ý nghĩa với anh - và mặc dù nó sẽ không bao giờ trở lại như trước kia, nhưng đây vẫn mãi là nơi của chúng ta. Chính nơi này đã nhắc anh nhớ lại những lý do khiến anh yêu em; đây chính là nơi chúng ta bắt đầu một cuộc sống mới cùng nhau.

Khi đọc xong lá thư, tôi nhét nó trở lại vào phong bì và để nó sang một bên. Tôi đọc bức thứ hai, rồi bức

tiếp theo, rồi bức tiếp theo nữa. Từ ngữ nhẹ nhàng trôi từ năm này qua năm kia, và cùng với đó là kỷ niệm về những mùa hè mà tôi không thể nhớ lại trong cơn trầm cảm. Tôi ngừng lại khi đọc đến đoạn mình viết trong ngày kỷ niệm năm thứ mười sáu.

Anh ước mình có tài năng để vẽ lại cảm nhận của anh về em, vì anh luôn cảm thấy từ ngữ là không đủ. Anh tưởng tượng mình dùng màu đỏ cho đam mê của em, màu xanh da trời cho lòng tốt của em, màu xanh của rừng cây để nói lên lòng cảm thông sâu sắc của em, và màu vàng rực rỡ cho sự lạc quan không giới hạn của em. Thế nhưng anh vẫn tự hỏi: liệu cả bảng màu của một họa sĩ có thể ghi lại đầy đủ mọi cung bậc ý nghĩa của em đối với anh không?

Sau đó, tôi thấy bức thư tôi viết giữa những năm tháng đen tối, sau khi chúng tôi biết rằng Daniel đã chuyển đi.

Anh nhìn em đau khổ mà không biết phải làm gì, ngoài việc ước rằng anh có thể bằng cách nào đó rửa trôi những vết thương lòng của em. Anh không muốn gì hơn ngoài việc làm mọi thứ tốt đẹp lên, nhưng lực bất tòng tâm và anh đã khiến em thất vọng. Anh xin lỗi em. Trên cương vị là chồng em, anh có thể lắng nghe và ôm em; và để nụ hôn làm khô đi những giọt nước mắt, nếu anh có cơ hội.

Cứ thế, cả cuộc đời trong một chiếc hộp, hết bức thư này đến bức thư khác. Bên ngoài cửa sổ, mặt trăng đã lên cao, trôi xa và dần vượt ra ngoài tầm mắt trong khi tôi tiếp

tục đọc thư. Mỗi bức thư dỗi lại và một lần nữa xác nhận tình yêu của tôi dành cho Ruth, được đánh bóng bằng bao nhiêu năm tháng bên nhau. Và Ruth, tôi biết, cũng yêu tôi, vì bà ấy đã để lại một món quà ở tận đáy xấp thư.

Tôi phải thú nhận: tôi không lường trước chuyện này. Ruth vẫn có thể làm tôi ngạc nhiên, khiến tôi bối rối, ngay cả khi đã đi xa. Tôi nhìn chăm chăm vào bức thư nằm ở dưới đáy hộp, cố gắng tưởng tượng ra lúc bà ấy viết nó và vì sao bà ấy chưa bao giờ nói với tôi.

Tôi thường xuyên đọc bức thư này nhiều năm sau khi tìm thấy, nhiều lần đến mức tôi có thể thuật lại lầu lầu. Giờ tôi biết bà ấy giữ bí mật vì tin chắc rằng tôi sẽ tìm thấy nó vào thời khắc tôi cần nó nhất. Bà ấy biết sớm muộn gì tôi cũng sẽ đọc những bức thư tôi gửi cho bà ấy; bà ấy đoán được rằng sẽ có lúc tôi không cưỡng lại được thôi thúc này. Và cuối cùng, mọi sự diễn ra đúng như dự tính của bà ấy.

Nhưng đêm hôm đó, tôi không nghĩ đến điều này. Tôi với lấy bức thư bằng đôi tay run rẩy và chậm chậm đọc.

Ira yêu quý của tôi,

Tôi viết bức thư này khi ông đang ngủ trong phòng, hẳn khoản không biết nên bắt đầu thế nào. Cả hai ta đều biết lý do ông đọc bức thư này và ý nghĩa của nó. Và tôi xin lỗi vì những gì ông hẳn đang phải chịu đựng.

Không giống ông, tôi không giỏi viết thư, mà lại có quá nhiều điều muốn nói. Có thể sẽ dễ dàng hơn nếu tôi viết bằng tiếng Đức, nhưng làm vậy ông sẽ không đọc được, thế thì còn ý nghĩa gì nữa? Tôi muốn viết cho ông một bức thư như ông vẫn luôn viết cho tôi.

Buồn thay, tôi chưa bao giờ giỏi viết lách như ông. Nhưng tôi muốn thử. Ông xứng đáng với điều đó, không chỉ vì ông là chồng tôi, mà còn vì chính con người ông nữa.

Tôi tự nhủ rằng tôi nên mở đầu bằng điều gì đó lãng mạn, một kỷ niệm hay một cử chỉ giúp lưu giữ lại hình ảnh của ông trong mắt tôi: chẳng hạn như kỳ nghỉ cuối tuần dài ở bãi biển khi chúng ta lần đầu tiên ân ái, hay kỳ trăng mật của hai ta khi ông tặng tôi sáu bức tranh. Hay có thể tôi nên nói về những bức thư ông viết, hay cảm giác khi ánh mắt ông chiếu vào tôi trong lúc tôi ngắm nhìn một tác phẩm nghệ thuật đặc biệt. Nhưng, thực ra chính những điều êm ả trong cuộc sống của hai ta mới là thứ tôi thấy ý nghĩa nhất. Nụ cười của ông trong bữa sáng luôn khiến trái tim tôi loạn nhịp, những lúc ông cầm tay tôi luôn khiến tôi thấy vững tin vào sự tốt đẹp của thế giới. Nên ông thấy đấy, việc chọn một mớ những sự kiện riêng lẻ làm tôi cảm thấy không thoải mái - thay vào đó, tôi muốn nhớ về ông trong hàng trăm phòng tranh và phòng khách sạn khác nhau; sống lại hàng nghìn nụ hôn và những đêm trong vòng tay thân thuộc của nhau. Mỗi một kỷ niệm ấy xứng đáng có một bức thư riêng, vì cái cảm giác ông mang lại cho tôi trong từng khoảnh khắc. Tôi yêu ông vì điều đó, yêu nhiều hơn ông tưởng đấy.

Tôi biết ông đang khổ sở, và tôi rất xin lỗi vì không thể an ủi ông. Tôi không dám tin rằng mình sẽ không bao giờ được làm điều đó nữa. Tôi có một thỉnh cầu dành cho ông: dù có buồn, nhưng ông đừng quên rằng ông đã khiến tôi hạnh phúc như thế nào; đừng quên rằng tôi đã yêu một người đàn ông và người đó đáp lại

tình yêu của tôi, và đây là món quà tuyệt vời nhất mà tôi từng mong nhận được.

Tôi vừa cười vừa viết điều này, và tôi hy vọng ông cũng có thể mỉm cười khi đọc nó. Đừng chôn vùi bản thân trong nỗi khổ đau. Thay vì thế, hãy vui lên khi nhớ về tôi, vì tôi cũng nhớ về ông như thế. Tôi muốn thế hơn bất cứ điều gì. Tôi muốn ông cười khi nghĩ về tôi. Và trong nụ cười của ông, tôi sẽ sống mãi.

Tôi biết ông nhớ tôi da diết. Tôi cũng nhớ ông. Nhưng chúng ta vẫn còn có nhau, vì tôi đã - và vẫn luôn là - một phần của ông. Ông mang theo tôi trong trái tim, cũng như tôi mang theo ông trong tim tôi, và không gì có thể thay đổi điều đó. Tôi yêu ông, chồng yêu ạ, và ông yêu tôi. Hãy giữ lấy tình cảm đó. Hãy giữ lấy đôi ta. Và dần dần, ông sẽ tìm được cách hồi phục.

Ruth



“Ông đang nghĩ về lá thư tôi viết cho ông,” Ruth nói với tôi. Tôi lim dim mở mắt, rồi liếc sang bằng một nỗ lực mệt nhọc, những mong nhìn được bà ấy thật rõ.

Bà ấy đang ở độ tuổi ngoài sáu mươi, sự uyên bác càng làm vẻ đẹp của bà ấy thêm đậm thắm. Trên tai bà ấy có hai cái khuyên nhỏ bằng kim cương, món quà tôi mua tặng khi bà ấy nghỉ hưu. Tôi cố nhưng không thăm ươt được môi mình. “Sao bà biết?” tôi thều thào.

“Có khó gì đâu.” Bà ấy nhún vai. “Vẻ mặt ông tiết lộ hết. Ông luôn là người dễ đoán. May là ông không chơi đánh bài.”

“Tôi có đánh bài trong chiến tranh.”

“Có thể,” bà ấy nói. “Nhưng tôi nghĩ ông chẳng thắng được bao nhiêu.”

Tôi thừa nhận sự thật này bằng một nụ cười yếu ớt. “Cảm ơn bà vì bức thư,” tôi thốt lên buồn bã. “Tôi không biết làm sao mình sống được nếu thiếu nó.”

“Ông đã có thể chết đói đấy,” bà ấy đồng tình. “Ông lúc nào cũng cứng đầu.”

Một cơn choáng váng lại kéo đến, làm hình ảnh bà ấy chập chờn. Càng lúc càng khó tập trung vào bà ấy. “Tôi đã ăn một miếng bánh mì nướng tối hôm đó.”

“Phải, tôi biết. Ông và miếng bánh mì nướng của ông. Đồ ăn sáng thì ăn vào bữa tối. Tôi không bao giờ hiểu được việc đó. Mà bánh mì nướng cũng không đủ được.”

“Nhưng cũng là có ăn. Mà lúc ấy gần đến bữa sáng rồi.”

“Lẽ ra ông nên ăn bánh kếp. Với trứng. Ăn như thế thì ông mới có sức khỏe để đi lại trong nhà. Ông có thể ngắm các bức tranh và nhớ lại, như ông vẫn thường làm.”

“Tôi chưa sẵn sàng. Việc đó sẽ khiến tôi đau đớn lắm. Và lại, một bức trong số chúng bị thất lạc đấy.”

“Không phải thất lạc,” bà ấy nói. Bà ấy xoay về phía cửa sổ, khuôn mặt quay nghiêng. “Nó chưa đến thôi. Phải một tuần sau đấy nó mới đến.” Trong chốc lát, bà ấy im lặng, và tôi biết bà ấy không phải đang nghĩ về bức thư. Bà ấy cũng không nghĩ về tôi. Thay vào đó, bà ấy nghĩ về tiếng gõ cửa đấy. Tiếng gõ cửa đến vào khoảng hơn một tuần sau đó, cùng một người lạ mặt đứng ở cửa. Bờ vai Ruth trĩu xuống, giọng bà ấy đong đầy hối tiếc. “Ước gì tôi có thể ở đó,” bà ấy lẩm bẩm, gần như tự nhủ. “Tôi sẽ thích nói chuyện với cô ấy lắm. Tôi có quá nhiều câu hỏi.”

Những từ cuối được thốt ra từ một nỗi buồn sâu nặng, giấu kín, và tôi cảm thấy đột ngột nhói lên một nỗi đau, bất chấp hoàn cảnh khó khăn của mình lúc này.



Vị khách ấy cao và xinh đẹp, những nếp nhăn quanh mắt như ám chỉ việc phải phơi nắng quá nhiều giờ. Mái tóc vàng được buộc thành một cái đuôi ngựa lộn xộn, cô mặc quần jean bạc màu cùng một chiếc áo sơ mi ngắn tay đơn giản. Nhưng chiếc nhẫn trên tay và chiếc xe BMW đỗ bên lề đường thể hiện một cuộc sống giàu có vô cùng khác biệt với của tôi. Cô mang theo một gói đồ được bọc đơn giản bằng giấy nâu cặp dưới cánh tay, với một kích cỡ và hình dáng quen thuộc.

“Bác Levinson?” cô ấy hỏi. Khi tôi gật đầu, cô mỉm cười. “Tên cháu là Andrea Lockerby. Bác không biết cháu, nhưng vợ bác, Ruth, từng là giáo viên của chồng cháu. Chuyện cũng đã rất lâu rồi và chắc bác không nhớ, nhưng tên anh ấy là Daniel McCallum. Không biết liệu bác có thể cho cháu xin vài phút không?”

Trong thoáng chốc, tôi quá ngạc nhiên không nói được gì, cái tên ấy cứ lặp đi lặp lại không ngừng trong đầu. Tôi ngo ngẩn bước sang một bên để cho cô vào nhà và dẫn cô vào phòng khách, chỉ lơ mơ ý thức được về việc mình đang làm. Khi tôi ngồi xuống chiếc ghế có tay dựa, cô ngồi xuống đi văng, chéo góc với tôi.

Ngay cả lúc ấy, tôi cũng không biết phải nói gì. Nghe đến cái tên Daniel sau gần bốn mươi năm, khi vừa xong hậu sự cho Ruth, cho đến giờ vẫn là điều khiến tôi thấy choáng váng nhất trên đời.

Cô hắng giọng. “Cháu muốn ghé qua để chia buồn.

Cháu biết vợ bác mới mất và cháu rất tiếc vì mất mát của bác.”

Tôi chớp mắt, cố gắng tìm từ ngữ để đối phó với con lũ cảm xúc và kỷ niệm đang chực nhấn chìm tôi. *Cậu ấy đâu?* Tôi muốn hỏi. *Tại sao cậu ấy lại biến mất? Tại sao cậu ấy không bao giờ liên lạc với Ruth?* Nhưng tôi không nói được gì. Thay vào đó, tôi chỉ thốt lên, “Daniel McCallum ư?”

Cô đặt bọc giấy gói xuống bên cạnh và gật đầu. “Anh ấy có vài lần nhắc đến việc ngày xưa thường đến nhà bác. Vợ bác kèm anh ấy học ở đây.”

“Và... cậu ấy là chồng cô sao?”

Ánh mắt cô nhìn nhanh ra chỗ khác rồi quay trở lại tôi. “Anh ấy là chồng cũ của cháu. Cháu tái hôn rồi. Daniel mất cách đây mười sáu năm.”

Khi nghe đến đó, tôi thấy lòng mình như tê dại. Tôi cố gắng tính, để biết cậu ấy bao nhiêu tuổi, nhưng tôi không thể. Tôi chỉ biết chắc một điều là cậu ấy chết trẻ và chuyện này thật không hợp lý chút nào. Cô ấy hẳn biết điều tôi đang nghĩ, nên nói tiếp.

“Anh ấy bị phình mạch,” cô ấy nói. “Một chứng bệnh tự phát - không có triệu chứng báo trước. Nhưng nó rất nghiêm trọng và bác sĩ không thể làm gì.”

Cảm giác tê dại vẫn tiếp tục lan ra cho đến khi tôi cảm thấy như mình không thể cử động nữa.

“Tôi rất tiếc,” tôi nói. Câu nói nghe thật tầm thường, ngay cả tôi cũng thấy vậy.

“Cảm ơn bác.” Cô gật đầu. “Một lần nữa cháu cũng rất tiếc vì mất mát của bác.”

Trong giây lát, sự im lặng bao trùm cả hai chúng tôi. Cuối cùng, tôi đưa tay về phía cô ấy. “Tôi có thể làm gì cho cô, cô...”

“Lockerby ạ,” cô nhắc, đưa tay về phía gói giấy. Cô đẩy nó về phía tôi. “Cháu muốn gửi bác cái này. Nó đã ở trên tầng áp mái nhà bố mẹ cháu mấy năm rồi, vài tháng trước, khi họ quyết định bán nhà, cháu mới tìm thấy nó trong mấy cái thùng họ gửi cho. Daniel đã rất tự hào về nó, và thật không phải khi vứt tranh của anh ấy đi.”

“Tranh ư?” tôi hỏi.

“Có lần anh ấy nói rằng vẽ bức tranh này là một trong những việc quan trọng nhất anh ấy từng làm.”

Thật khó để hiểu được ý cô. “Cô nói rằng Daniel vẽ sao?”

Cô gật đầu. “Ở Tennessee ạ. Anh ấy kể rằng anh ấy đã vẽ nó hồi còn ở trong nhà xã hội. Một họa sĩ tình nguyện ở đó đã giúp anh ấy vẽ nó.”

“Guộm đã nào,” tôi giơ tay lên và nói. “Tôi không hiểu gì hết. Cô có thể kể lại từ đầu và nói tôi nghe về Daniel được không? Vợ tôi vẫn tự hỏi chuyện gì đã xảy đến với cậu ấy.”

Cô ngập ngừng. “Cháu không biết mình có thể kể cho bác những gì. Cháu chỉ gặp anh ấy khi bọn cháu vào đại học, và anh ấy không bao giờ nói nhiều về quá khứ. Chuyện đã quá lâu rồi.”

Tôi ngồi im, để cho cô tiếp tục. Như đang tìm từ ngữ phù hợp, cô nhặt một sợi chỉ thò ra ở viền áo. “Cháu chỉ biết qua những mẩu chút ít anh ấy kể thôi,” cô bắt đầu. “Anh ấy nói bố mẹ anh ấy mất sớm và anh ấy sống với người anh cùng cha khác mẹ và vợ anh ta ở đâu đó gần đây, nhưng họ mất trang trại và rốt cuộc phải chuyển đến Knoxville, Tennessee. Ba người bọn họ sống trong một chiếc xe tải thùng một thời gian, nhưng rồi người anh cùng cha khác mẹ kia bị bắt vì vụ gì đó, và Daniel phải sống

trong nhà xã hội. Anh ấy sống ở đó và vì học giỏi nên nhận được học bổng giáo dục tại Đại học Tennessee... bọn cháu bắt đầu hẹn hò khi là sinh viên năm cuối, cả hai đều học ngành quan hệ quốc tế. Rồi vài tháng sau khi tốt nghiệp, trước khi tham gia Peace Corps, bọn cháu cưới nhau. Cháu cũng chỉ biết được chừng ấy thôi. Như cháu nói đấy, anh ấy không kể nhiều về quá khứ - có vẻ như anh ấy có một tuổi thơ khó khăn và cháu nghĩ anh ấy thấy đau buồn khi nhớ lại khoảng thời gian đó.”

Tôi cố gắng hiểu mọi chuyện, cố gắng hình dung hành trình cuộc đời của Daniel. “Cậu ấy là người thế nào?” tôi gắng hỏi.

“Daniel à? Anh ấy... vô cùng thông minh và tốt bụng. Nhưng rõ ràng là có chút gì đó căng thẳng trong con người anh ấy. Không hẳn là tức giận. Nó như thể anh ấy đã nhìn thấy những điều tồi tệ nhất cuộc sống mang lại, nên quyết tâm làm mọi việc tốt đẹp hơn. Anh ấy có một sức cuốn hút, một sức thuyết phục khiến ta muốn đi theo. Bọn cháu dành hai năm ở Campuchia với chương trình Peace Corps, rồi sau đó anh ấy làm việc cùng United Way còn cháu làm việc cho một phòng khám miễn phí. Chúng cháu mua một ngôi nhà nhỏ và nói về chuyện có con, nhưng sau khoảng hai năm gì đó, bọn cháu nhận ra rằng bọn cháu chưa sẵn sàng cho cuộc sống nơi ngoại ô. Nên chúng cháu bán mọi thứ, đóng thùng những đồ cá nhân và để ở nhà bố mẹ cháu, rồi về làm việc với một tổ chức về nhân quyền có trụ sở tại Nairobi. Bọn cháu ở đó trong bảy năm, và cháu chưa thấy khi nào anh ấy hạnh phúc hơn thế. Anh ấy đã chu du đến hàng chục nước để thực hiện vô số dự án, và anh ấy cảm thấy cuộc đời mình có mục đích thực sự, rằng anh ấy đang tạo ra thay đổi.”

Cô nhìn ra ngoài cửa sổ, im lặng trong giây lát. Khi cô nói tiếp, vẻ mặt cô vừa nuối tiếc vừa tự hào. “Anh ấy... vô cùng thông minh và tò mò về mọi thứ. Anh ấy đọc rất nhiều. Mặc dù còn trẻ, nhưng anh ấy đã nằm trong danh sách ứng cử viên giám đốc điều hành của tổ chức, và lẽ ra anh ấy đã làm được điều đó. Nhưng anh ấy mất khi mới ba mươi ba tuổi.” Cô lắc đầu. “Sau đó, cháu Phi không còn như trước đối với cháu nữa. Nên cháu quay về nhà.”

Trong lúc nghe, tôi cố gắng lấp ghép những điều cô kể với hình ảnh một cậu bé vùng quê, lấm lem đã từng ngồi học bên bàn ăn nhà chúng tôi, nhưng tôi không làm được. Tuy vậy, từ trong tim mình, tôi biết Ruth sẽ tự hào về con người mà cậu ấy đã trở thành.

“Và cháu đã tái hôn sao?”

“Được mười hai năm rồi ạ.” Cô cười. “Cháu có hai con. Hay nói đúng hơn là con chồng cháu. Chồng cháu là bác sĩ phẫu thuật chỉnh hình. Cháu sống ở Nashville.”

“Và cháu lái xe đến tận đây để mang cho bác bức tranh à?”

“Bố mẹ cháu đã chuyển đến Myrtle Beach - chúng cháu đang trên đường đến thăm ông bà. Thực ra, chồng cháu đang đợi ở quán cà phê trên phố, nên chắc cháu cũng sắp phải đi rồi. Cháu xin lỗi vì ghé qua đường đột thế này. Cháu biết giờ đang là thời điểm khó khăn. Nhưng thật không phải nếu rút bức tranh đi, nên cháu chợt nảy ra ý nghĩ tìm tên của vợ bác trên Internet và thấy tờ cáo phó. Cháu nhận ra căn nhà của bác nằm trên đường chúng cháu đến nhà bố mẹ.”

Tôi không biết mình đã mong đợi gì, nhưng sau khi bỏ lớp giấy nâu, cổ họng tôi như nghẹn lại. Đó là bức tranh vẽ Ruth - nét vẽ trẻ con, có phần sơ sài. Đường nét không

đúng lắm và hình dạng không được cân xứng, nhưng cậu ấy đã ghi lại được nụ cười và đôi mắt của bà ấy một cách tài tình. Trong bức chân dung này, tôi có thể nhìn ra niềm đam mê và khiếu hài hước sống động vẫn luôn làm nên con người bà ấy; ở đó còn có nét bí ẩn luôn khiến tôi ngạc nhiên, dù chúng tôi đã bên nhau bao lâu đi nữa. Tôi rà ngón tay theo những nét bút vẽ nên đôi môi và hai bên má bà ấy.

“Tại sao...,” tôi chỉ có thể nói thế. Tôi như ngừng thở.

“Câu trả lời nằm ở phía sau,” cô nhẹ nhàng nói. Khi ngả bức tranh ra phía trước, tôi thấy bức ảnh tôi chụp Ruth và Daniel cách đây rất lâu. Nó đã ố vàng theo năm tháng và bị quần ở mép. Tôi lấy nó ra, nhìn một lúc lâu.

“Ở đằng sau ạ,” cô chạm vào tay tôi, nói.

Tôi lật ra phía sau bức ảnh, và ở đó, tôi thấy những gì cậu ấy viết bằng nét chữ nắn nót.

Ruth Levinson

Giáo viên lớp ba.

Cô tin tưởng vào tôi và tôi có thể trở thành bất cứ ai tôi muốn khi tôi lớn lên.

Tôi còn có thể thay đổi thế giới.

Tôi chỉ còn nhớ lúc đó tôi hoàn toàn sững sốt, đầu óc trống rỗng. Tôi không hề nhớ chúng tôi đã nói thêm điều gì, nếu có. Tuy nhiên, tôi có nhớ lúc chuẩn bị đi, cô quay về phía tôi khi đang đứng ở ngưỡng cửa.

“Cháu không biết anh ấy giữ nó ở đâu hồi ở nhà xã hội, nhưng bác nên biết rằng ở đại học, bức tranh được treo trên tường ngay trên bàn anh ấy. Nó là đồ vật cá nhân duy nhất anh ấy có trong phòng. Sau khi rời đại học, anh

ấy mang theo bức tranh đến Campuchia, rồi lại mang về Mỹ. Anh ấy nói với cháu rằng anh ấy sợ có điều gì xảy đến với nó nếu anh ấy mang nó đến châu Phi, nên quyết định bỏ lại. Nhưng sau khi bọn cháu đến đó, anh ấy đã hối hận. Anh ấy bảo rằng bức tranh có ý nghĩa với anh ấy hơn bất cứ thứ gì anh ấy từng sở hữu. Chỉ đến khi tìm thấy bức ảnh ở đằng sau cháu mới thực sự hiểu điều anh ấy muốn nói là gì. Anh ấy không nói về bức tranh. Anh ấy nói về vợ bác.”



Trong xe, Ruth ngồi lặng yên. Tôi biết bà ấy còn nhiều câu hỏi nữa về Daniel, nhưng hồi ấy, tôi không nghĩ ra để hỏi chúng. Đây cũng là một trong những điều tôi thấy hối tiếc, vì sau đó, tôi không bao giờ gặp lại Andrea nữa, hết như việc Daniel biến mất vào năm 1963, cô cũng biến mất khỏi cuộc đời tôi.

“Ông treo bức chân dung ở phía trên lò sưởi,” cuối cùng bà ấy nói. “Sau đó, ông chuyển những bức tranh khác ra khỏi nhà kho rồi treo khắp nhà và chất đồng trong các phòng.”

“Tôi muốn nhìn thấy chúng. Tôi muốn nhớ lại. Tôi muốn thấy bà.”

Ruth lặng im, nhưng tôi hiểu. Ruth muốn gặp Daniel hơn hết thảy, dù chỉ là qua đôi mắt của vợ cậu ấy.



Ngày qua ngày, sau khi tôi đọc bức thư và bức chân dung của Ruth được treo lên, cơn phiền muộn bắt đầu vơi đi. Tôi bắt đầu ăn ngủ dần hơn. Phải mất hơn một năm tôi mới lấy lại được số cân đã mất, nhưng cuộc sống của tôi bắt đầu ổn định và gần như lặp đi lặp lại. Và trong năm đầu tiên sau khi bà ấy mất, lại một phép màu nữa - phép màu

thứ ba trong cái năm đầy bi kịch ấy - xảy ra và giúp tôi tìm lại được đường trở về.

Cũng như Andrea, một vị khách không hẹn trước đã đến trước cửa nhà chúng tôi - lần này là một cựu học sinh của Ruth đến để chia buồn. Tên cô là Jacqueline, và mặc dù tôi không nhớ cô, nhưng cô cũng muốn nói chuyện. Cô nói về việc Ruth có ý nghĩa thế nào với mình dưới cương vị một cô giáo, và trước khi rời đi, cô ấy cho tôi xem bài viết sẽ được đăng trên báo địa phương mà cô đã viết để bày tỏ lòng kính trọng Ruth. Nó có chút gì đó hơi quá lời và tiết lộ khá nhiều, và khi được đăng, nó như thể mở ra những cánh cửa xả lũ. Trong vài tháng sau đó, hàng loạt học sinh cũ kéo đến nhà tôi. Lindsay, Madeline, Eric và Pete và không biết bao nhiêu người khác, phần lớn là tôi không quen, họ xuất hiện ở cửa nhà chúng tôi vào những thời điểm bất ngờ, kể chuyện về những năm tháng của vợ tôi trên giảng đường.

Qua lời kể của họ, tôi nhận ra Ruth là chiếc chìa khóa đã giải phóng khả năng của rất nhiều người - mà tôi chỉ là người đầu tiên.



Những năm tháng sau cái chết của Ruth, đôi khi tôi thấy, có thể chia được thành bốn giai đoạn. Sự trầm cảm và thời gian hồi phục sau sự ra đi của Ruth là giai đoạn một trong số đó; giai đoạn tôi cố gắng hết sức để sống tiếp là giai đoạn thứ hai. Giai đoạn thứ ba gồm những năm tiếp theo sau cuộc viếng thăm của cô phóng viên vào năm 2005, khi những thanh chắn được đóng lên cửa sổ. Tuy nhiên, phải cách đây ba năm, tôi mới quyết định được mình sẽ làm gì với bộ sưu tập, điều này dẫn tôi đến giai đoạn thứ tư và cũng là giai đoạn cuối cùng.

Việc lên kế hoạch cho chỗ tài sản là một công việc phức tạp, nhưng cơ bản, vấn đề chính là: tôi phải tự quyết định xem sẽ làm gì với tài sản của chúng tôi, nếu không chính quyền sẽ quyết định thay tôi. Howie Sanders đã thúc giục tôi và Ruth ra quyết định suốt mấy năm liền. Cậu ấy hỏi liệu có tổ chức từ thiện nào mà tôi đặc biệt thích hoặc liệu tôi có muốn những bức tranh được trao cho một bảo tàng đặc biệt nào không. Hoặc có thể tôi muốn bán đấu giá chúng, rồi doanh thu sẽ chia cho các tổ chức hoặc trường đại học cụ thể nào đó? Sau khi bài báo được đăng - và giá trị tiềm năng của bộ sưu tập trở thành chủ đề suy đoán đầy sôi động trong giới nghệ thuật - cậu ấy thúc giục nhiều hơn, dù lúc ấy chỉ còn tôi là người duy nhất nghe được.

Tuy vậy, phải đến năm 2008, tôi mới quyết định đến văn phòng cậu ấy.

Cậu ấy đã sắp xếp những cuộc gặp mặt bí mật với những nhà quản lý từ rất nhiều các bảo tàng: Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan ở New York, Bảo tàng Nghệ thuật đương đại, Bảo tàng Nghệ thuật Bắc Carolina và Bảo tàng Whitney, cũng như các đại diện từ Đại học Duke, Wake Forest và Đại học Bắc Carolina ở Chapel Hill. Rồi cũng có nhiều cá nhân từ Liên đoàn Chống Phỉ báng và Hiệp hội Kêu gọi Hỗ trợ Do thái Thống nhất - hai tổ chức mà bố tôi yêu thích - cũng như một vài người từ nhà Sotheby. Tôi được dẫn vào một phòng họp và nghe mọi người giới thiệu, và tôi có thể đọc được sự tò mò cực độ trên khuôn mặt của những con người đó khi họ tự hỏi làm cách nào tôi và Ruth - một người bán hàng ở cửa hiệu đồ nam và một giáo viên - lại có thể tích trữ một bộ sưu tập cá nhân về nghệ thuật đương đại đa dạng như thế.

Tôi ngồi lắng nghe một loạt những bài giới thiệu, và

trong từng trường hợp, tôi đều được đảm bảo rằng bất cứ phần nào của bộ sưu tập được tôi trao vào tay họ cũng sẽ được đánh giá đúng mực - hay, trong trường hợp của những nhà đấu giá, là sẽ được đạt giá trần. Các tổ chức từ thiện hứa sẽ gửi tiền đến bất cứ mục tiêu nào với Ruth và tôi xem là đặc biệt.

Tôi thấy mệt mỏi vào cuối ngày, và khi về đến nhà, tôi lăn ra ngủ gần như ngay khi vừa ngồi xuống chiếc ghế dựa ở phòng khách. Khi tỉnh dậy, tôi ngồi nhìn bức tranh vẽ Ruth, tự hỏi bà ấy sẽ muốn tôi làm gì.

“Nhưng tôi không nói cho ông biết,” Ruth khế nói. Bà ấy đã không nói gì được một lúc lâu, và tôi nghĩ bà ấy đang cố giữ sức cho tôi. Ngay cả bà ấy cũng thấy chuyện này sắp kết thúc.

Tôi ép mình mở mắt, nhưng giờ bà ấy chỉ là một hình ảnh mờ mờ. “Không,” tôi trả lời. Giọng tôi thều thào và đặc sệt, gần như không thể nghe ra. “Bà chưa bao giờ muốn bàn về chuyện đó.”

Bà ấy nghiêng đầu nhìn tôi. “Tôi tin ông sẽ đưa ra quyết định đúng.”



Tôi có thể nhớ được khoảnh khắc đưa ra quyết định của mình. Đó là đầu giờ tối, vài ngày sau những buổi họp ở văn phòng của Howie. Howie đã gọi cho tôi trước đó một tiếng, hỏi xem liệu tôi còn câu hỏi gì, hoặc có muốn ông ấy tìm hiểu thêm về một người cụ thể nào không. Sau khi dập máy, tôi đi ra hiên nhà sau, với sự trợ giúp của chiếc ba toong.

Có hai chiếc ghế bập bênh nằm hai bên một cái bàn bé bé, bị bụi phủ đầy vì không được ai sử dụng. Khi còn trẻ, Ruth và tôi thường ngồi ngoài này nói chuyện, ngắm

các vì sao hiện ra từ chỗ trốn trên bầu trời đang tối dần. Sau này, khi chúng tôi già đi, những buổi tối ngồi phía sau hiên nhà trở nên ít thường xuyên hơn, vì cả hai chúng tôi đều nhạy cảm hơn với nhiệt độ. Cái lạnh của mùa đông và cái nóng của mùa hè đã biến hiên nhà thành một nơi không thể sử dụng trong hơn nửa năm; chỉ vào mùa xuân và mùa thu, Ruth và tôi mới tiếp tục ra ngoài đó.

Nhưng tối hôm đó, bất chấp cái nóng và lớp bụi phủ dày trên hai chiếc ghế, tôi ngồi đó như chúng tôi đã từng. Tôi cân nhắc về cuộc họp và mọi điều đã nói. Rõ ràng là Ruth đã đúng: không ai thực sự hiểu cả.

Trong thoáng chốc, tôi đùa nghịch với ý định rằng sẽ để lại toàn bộ bộ sưu tập cho Andrea Lockerby, chỉ bởi vì cô cũng đã từng yêu Daniel. Nhưng tôi không biết rõ về cô, Ruth cũng không. Hơn nữa, tôi không thể thôi thấy thất vọng về việc dù ảnh hưởng của Ruth lên cuộc đời Daniel là không thể phủ nhận, nhưng cậu ấy chưa bao giờ cố gắng liên lạc với bà ấy. Đây là điều tôi không thể hiểu nổi, và không thể tha thứ, vì tôi biết trái tim Ruth đã tan vỡ đến không thể hàn gắn.

Không có câu trả lời dễ dàng nào, vì với hai chúng tôi, nghệ thuật chưa bao giờ là vì tiền. Cánh phóng viên, những nhà quản lý và các nhà sưu tập, các chuyên gia và lái buôn không thể hiểu được điều ấy. Cùng những lời Ruth nói vang vọng trong đầu, tôi bắt đầu thấy câu trả lời dần định hình.

Một tiếng sau, tôi gọi cho Howie theo số điện thoại nhà. Tôi nói với ông ấy ý định của tôi là đấu giá toàn bộ bộ sưu tập, và như một binh sĩ trung thành, ông ấy không tranh luận về quyết định của tôi. Ông ấy cũng không hỏi khi tôi giải thích rằng tôi muốn buổi đấu giá phải diễn ra ở

Greensboro. Tuy vậy, khi tôi nói với ông ấy cách thức tôi muốn buổi đấu giá được tổ chức, ông ấy ngạc nhiên đến không nói được gì, đến mức tôi tự hỏi liệu ông ấy có còn nghe máy không. Cuối cùng, sau khi hắng giọng, ông ấy nói với tôi những chi tiết liên quan. Tôi nói với ông ấy rằng yếu tố bí mật phải được ưu tiên trước hết.

Trong vòng mấy tháng sau, mọi chi tiết bắt đầu được sắp xếp. Tôi đến văn phòng của Howie thêm hai lần nữa và gặp các đại diện của nhà đấu giá Sotheby. Tôi gặp lại các giám đốc điều hành của các tổ chức từ thiện Do Thái; số tiền họ nhận được đương nhiên phụ thuộc vào buổi đấu giá và việc bộ sưu tập sẽ kiếm được bao nhiêu tiền. Đến lúc ấy, những nhà định giá đã dành hàng tuần liền để phân loại và chụp ảnh toàn bộ bộ sưu tập, ước tính giá trị, và xác định xuất xứ. Cuối cùng, cuốn catalog được gửi đến để tôi xác nhận. Giá trị ước tính của bộ sưu tập thật không thể tin được, ngay cả đối với tôi, nhưng một lần nữa điều đó không quan trọng.

Khi mọi sự đã được sắp đặt đầu vào đấy cho các buổi đấu giá - vì không thể nào bán toàn bộ tranh chỉ trong một ngày - tôi nói chuyện với Howie và nhà đại diện đến từ Sotheby, vạch ra trách nhiệm của họ, và yêu cầu họ ký hàng loạt tài liệu pháp lý, để chắc chắn rằng sẽ không có sự thay đổi nào xảy ra cho kế hoạch tôi hình dung ra. Tôi muốn chuẩn bị cho bất cứ tình huống bột phát nào, và khi mọi chuyện đã sẵn sàng, tôi ký vào di chúc trước mặt bốn nhân chứng. Tôi cũng chỉ rõ thêm rằng di chúc này của tôi là bản cuối cùng và không được can thiệp hay sửa đổi dù trong bất cứ trường hợp nào.

Trở về nhà sau khi đã xong xuôi, tôi ngồi trong phòng khách ngắm nhìn bức tranh vẽ Ruth, mệt mỏi và mãn

nguyện. Tôi nhớ bà ấy, có lẽ là nhiều hơn hẳn những lần trước, nhưng kể cả thế, tôi vẫn mỉm cười và nói điều mà tôi biết bà ấy sẽ muốn nghe.

“Họ sẽ hiểu thôi, Ruth,” tôi nói. “Cuối cùng họ cũng sẽ hiểu thôi.”



Giờ là buổi chiều, và tôi thấy mình đang co rút lại, như tòa lâu đài cát dần bị rửa trôi cùng từng đợt sóng. Bên cạnh tôi, Ruth nhìn tôi lo ngại.

“Ông nên chọn mất thêm đi,” bà ấy nói, giọng dịu dàng.

“Tôi không mệt,” tôi nói dối.

Ruth biết là tôi đang nói dối, nhưng bà ấy giả vờ tin tôi, tiếp tục huyền thuyên bằng sự vô tâm miễn cưỡng. “Tôi không nghĩ rằng mình sẽ trở thành một người vợ tốt của ai đó. Tôi nghĩ đôi khi tôi quá cứng đầu.”

“Đúng đấy,” tôi mỉm cười thừa nhận. “Bà thật may mắn khi tôi chịu được bà.”

Bà ấy đảo mắt. “Tôi đang cố tỏ ra nghiêm túc đấy, Ira.”

Tôi nhìn thẳng vào bà ấy, ước gì có thể ôm bà ấy. Sớm thôi, tôi thầm nghĩ. Sớm thôi, tôi sẽ tái hợp cùng bà ấy. Thật khó để tiếp tục nói chuyện, nhưng tôi cố ép mình phải trả lời.

“Nếu chúng ta chưa bao giờ gặp nhau, tôi nghĩ tôi sẽ nhận ra cuộc đời mình không vẹn toàn. Tôi sẽ lang bạt khắp thế giới để tìm bà, cho dù tôi không biết mình đang đi tìm ai.”

Mắt bà ấy sáng lên khi nghe điều này, và bà ấy giờ tay ra để vuốt tóc tôi, cử chỉ của bà ấy ấm áp và êm ái. “Ông

đã nói với tôi điều này trước đây rồi. Tôi luôn thích câu trả lời này.”

Tôi nhắm mắt và chúng gần như dính chặt lại. Khi tôi bắt mình mở mắt, Ruth đã nhặt hẳn đi, gần như thành một lớp sương mờ.

“Tôi mệt rồi, Ruth ạ.”

“Chưa đến lúc đâu. Tôi vẫn chưa đọc bức thư của ông. Bức mới ấy, bức thư ông muốn trao cho tôi. Ông có nhớ ông đã viết gì không?”

Tôi tập trung, nhớ lại một chút ít nhưng chỉ thế thôi, không hơn.

“Không đủ,” tôi lẩm bẩm.

“Hãy kể những gì ông nhớ. Gì cũng được.”

Phải mất một lúc tôi mới lấy được sức. Tôi thở chậm chậm, lắng nghe tiếng rít yếu ớt của sự trao đổi vật và làm tôi mới cố nổi. Tôi không còn cảm thấy khô họng nữa. Tất cả đều đã được thay bằng sự kiệt sức đến tận xương cốt.

“‘Nếu có thiên đường, chúng ta sẽ lại tìm ra nhau, và không có bà, thì không có thiên đường.’” Tôi ngừng lại, nhận ra rằng mới nói thế mà mình đã không thở nổi.

Tôi nghĩ bà ấy xúc động nhưng tôi không còn nhận biết được nữa. Mặc dù tôi đang nhìn bà ấy, nhưng bà ấy gần như đã biến mất. Tôi có thể cảm thấy nỗi buồn và sự hối tiếc tỏa ra từ bà ấy, và tôi biết bà ấy đang sắp ra đi. Lúc này và ngay tại đây, bà ấy không thể tồn tại mà không có tôi.

Bà ấy dường như biết điều này, và dù tiếp tục mờ đi, nhưng bà ấy vẫn nghiêng người tới trên ghế. Bà ấy luồn tay qua tóc tôi, hôn lên má tôi. Cùng một lúc, bà ấy vừa mười sáu vừa hai mươi vừa ba mươi vừa bốn mươi. Bà ấy đẹp đến nỗi mắt tôi ầng ậng nước.

“Tôi yêu những điều ông đã viết cho tôi,” bà ấy thì thầm. “Tôi muốn được nghe đầy đủ.”

“Tôi không nghĩ thế,” tôi lẩm bẩm, và tôi cảm thấy hình như một giọt nước mắt của bà ấy rơi lên má tôi.

“Tôi yêu ông, Ira,” bà ấy thì thầm. Hơi thở bà ấy nhẹ nhàng bên tai tôi, như lời thì thầm của một thiên thần. “Hãy nhớ ông vẫn luôn có ý nghĩa với tôi nhường nào.”

“Tôi nhớ...” tôi mở lời, và khi bà ấy hôn tôi lần nữa, tôi nhắm mắt, nghĩ rằng đó là lần cuối cùng.



Sophia

Tối thứ Bảy, khi cả học xá tiệc tùng mừng một đợt cuối tuần nữa, Sophia đang ngồi viết bài trong thư viện thì điện thoại reo. Mặc dù điện thoại chỉ được phép sử dụng tại một số khu vực được chỉ định, nhưng Sophia thấy không có ai xung quanh nên vội lấy nó, cô cau mày khi thấy tin nhắn và tên người gửi.

Gọi điện cho mình, Marcia viết. Chuyện gấp.

Mặc dù ngắn gọn là vậy, nhưng nó là thông điệp rõ rệt nhất giữa họ kể từ sau cuộc cãi vã, và Sophia tự hỏi nên làm gì. Nhắn lại ư? Hỏi có chuyện gì đang xảy ra sao? Hay gọi cho Marcia như được bảo?

Sophia không chắc. Nói thật, cô không muốn nói chuyện với Marcia chút nào. Như toàn bộ hội nữ sinh, Marcia hẳn đang ở một bữa tiệc hay quán bar nào đấy. Cô chắc đang uống rượu, và như thế có thể dẫn tới khả năng là cô với Brian húc hặc nhau, và Sophia không hề muốn dính vào những thứ kiểu vậy. Cô không muốn nghe Marcia khóc lóc chuyện Brian là một tên khốn thế nào, cũng như chưa sẵn sàng để chạy đến ủng hộ bạn mình, đặc biệt sau khi Marcia vẫn tiếp tục tránh mặt cô.

Giờ đây, Marcia muốn Sophia *gọi điện cho cô*. Bởi dù có chuyện gì xảy ra thì nó cũng là việc *gấp*.

Lúc này đó là một từ có thể dịch thành nhiều nghĩa, cô thầm nghĩ. Cô đấu tranh tư tưởng thêm vài giây nữa, đưa ra quyết định, rồi lưu bài đang làm và tắt máy tính. Cô cho máy vào ba lô, mặc áo khoác rồi đi ra cửa. Khi đẩy cửa ra, cô đột ngột chạm mặt một luồng không khí lạnh cóng và một lớp tuyết dày dưới đất. Nhiệt độ chắc hẳn đã tụt xuống thêm mấy độ trong vài giờ qua. Cô sẽ chết cóng trên đường đi bộ về...

Nhưng chưa đến lúc. Tuy không đành lòng, nhưng cô lấy điện thoại và quay lại sảnh. Marcia nghe máy ngay sau hồi chuông đầu tiên. Cô có thể nghe thấy tiếng nhạc om sòm và tạp âm của hàng trăm cuộc nói chuyện trong điện thoại.

“Sophia à? Ôn Chúa cậu đã gọi!”

Sophia hít một hơi căng thẳng. “Có chuyện gì gấp thế?”

Cô có thể nghe thấy tiếng ồn phía sau nhỏ đi, rõ ràng Marcia đang tìm chỗ nào đó yên tĩnh hơn. Tiếng cửa đóng sập lại và cô nghe được Marcia rõ hơn.

“Cậu cần phải quay lại học xá ngay,” Marcia nói, giọng cô nhuốm vẻ hoảng hốt.

“Tại sao?”

“Luke đang ở đây. Anh ấy đỗ xe trên con phố phía trước. Anh ấy đã chờ ở đó được hai mươi phút rồi. Cậu phải đến đó ngay đi.”

Sophia nuốt khan. “Bọn mình chia tay rồi, Marcia. Mình không muốn gặp anh ấy.”

“Ồi,” Marcia nói, không buồn giấu vẻ bối rối. “Tệ quá. Mình biết cậu thích anh ấy thế nào...”

“Thế thôi sao?” Sophia hỏi. “Mình phải đi...”

“Không, khoan đã!” Marcia hét lên. “Mình biết cậu

giận mình và mình biết mình đáng bị như vậy, nhưng đó không phải lý do vì sao mình gọi. Brian biết Luke đang ở đó - Mary-Kate đã nói với anh ấy vài phút trước. Brian đã uống rượu hàng tiếng đồng hồ rồi và anh ấy đang bức mình. Anh ấy đã tập hợp được vài thằng con trai đi theo rồi. Mình đã cố thuyết phục anh ấy đừng làm thế, nhưng cậu biết anh ấy rồi đấy. Luke không hề biết chuyện gì đang đến đâu. Hai cậu đã chia tay, nhưng mình nghĩ cậu không muốn anh ấy bị thương...”

Lúc ấy, Sophia không còn nghe gì nữa, những cơn gió buốt giá đã nhấn chìm giọng Marcia khi Sophia chạy nhanh về ngôi nhà chung.



Ngôi trường như bị bỏ hoang ở mỗi lối đi tắt cô chọn, cố gắng quay về ký túc xá đúng lúc. Vừa chạy, cô vừa liên tục gọi vào điện thoại di động của Luke, nhưng vì một lý do nào đó anh không bắt máy. Cô gửi được cho anh một tin nhắn ngắn nhưng không nhận được phản hồi.

Đường không xa nhưng cơn gió tháng Hai lạnh giá thật buốt, châm vào tai và má cô, và chân cô liên tục trượt trên lớp tuyết mới rơi. Cô không đi bớt, và chỗ tuyết tan chảy thấm qua đôi giày, khiến những ngón chân cô bị ướt. Tuyết ướt nhẹ vẫn tiếp tục rơi, nhẹ như lông hồng và dày cộp, kiểu tuyết sẽ biến thành băng ngay lập tức, khiến cho đường sá trở nên nguy hiểm.

Cô chạy hết tốc lực, tự bấm số gọi lại cho Luke nhưng không được. Ra khỏi học xá rồi, chạy xuống đường. Rồi đến đây nhà nội trú, sinh viên đứng tụ tập phía sau những ô cửa sổ sáng trưng. Một vài người rảo bước trên vỉa hè, hối hả đi từ bữa tiệc này sang bữa tiệc khác, một nghi thức

quen thuộc cho ngày thứ Bảy phóng túng và vượt quá giới hạn. Ngôi nhà của cô nằm ở phía cuối con phố, nhìn ra bóng tối phủ đầy tuyết, cô lơ mơ nhận ra đường nét chiếc xe tải của Luke.

Ngay lúc ấy, cô thoáng thấy một nhóm con trai đang rời nhà nam sinh cách đó ba nhà, ở bên kia con phố. Năm sáu người bọn họ, được một người vô cùng cao lớn dẫn đầu. *Brian*. Một hình bóng khác đi ngay theo sau, và mặc dù chỉ được rọi sáng chút ít khi chạy qua hiên nhà xuống bậc cầu thang, Sophia dễ dàng nhận ra người bạn cùng phòng của mình. Cô loáng thoáng nghe tiếng *Marcia*, bị thời tiết mùa đông bóp nghẹt, bảo *Brian* dừng lại.

Trong lúc chạy, chiếc ba lô của cô nảy lên nảy xuống và chân cô tiếp tục trượt, khiến cô thấy mình thật lóng ngóng. Cô sắp đến gần nhưng chưa đủ nhanh. *Brian* và bạn của anh ta đã tỏa ra hai bên của chiếc xe tải. Cô vẫn còn cách đó bốn ngôi nhà nữa, không thể biết liệu Luke có trong xe không bởi không gian trong xe tối om. Tiếng hét của *Marcia* lại cắt ngang không khí, lần này đầy giận dữ. “Thật ngu ngốc, *Brian*! Hãy quên anh ta đi!”

Còn ba ngôi nhà nữa. Cô thấy *Brian* và bạn anh ta giật mạnh cánh cửa bên phía người lái và chồm vào trong. Trận ẩu đả đã bắt đầu và cô hét lên khi Luke bị lôi ra khỏi xe.

“Để anh ấy yên!” Sophia hét lên.

“Anh phải dừng lại đi, *Brian*!” *Marcia* xen vào.

Brian - đang chệnh choáng hoặc đã say - mặc kệ cả hai cô gái. Mất thăng bằng, Luke rơi vào tay *Jason* và *Rick*, hai người đã ở cùng *Brian* tại cuộc đấu cưỡi bò ở *McLeansville*. Bốn người khác xúm quanh, bao vây Luke.

Hốt hoảng, Sophia chạy ra giữa đường đúng lúc *Brian*

guồng tay và ra một cú đấm, khiến khuôn mặt Luke bật ngửa ra sau. Sophia đột nhiên thấy dizzy lên một nỗi kinh hoàng đặc quánh khi cô nhớ lại đoạn phim...

Khi Luke đang lảo đảo, Rick và Jason buông anh ra. Anh đổ gục xuống mặt đường nhựa phủ tuyết. Rốt cuộc cũng chạy gần đến nơi và vẫn còn sợ hãi, cô chờ anh cử động, nhưng không thấy...

“Đứng dậy!” Brian hét lên. “Tao đã bảo mày là chuyện chưa kết thúc mà!”

Sophia thấy Marcia nhảy vào trước mặt Brian.

“Dừng lại đi!” cô hét lên với anh ta, cố chặn anh ta lại. “Anh phải thôi ngay đi!”

Brian phớt lờ cô, còn Sophia thấy Luke bắt đầu lồm cồm bò dậy, cố gắng đứng lên.

“Đứng lên!” Brian lại hét lên. Lúc ấy, Sophia đã xuyên qua đám đông, dùng tay huých qua hai nam sinh để chen vào giữa Brian và Luke, đứng bên cạnh Marcia.

“Chuyện qua rồi, Brian!” cô hét. “Anh thôi đi!”

“Chưa qua được!”

“Giờ thì qua rồi!” Sophia trả lời.

“Thôi nào, Brian,” Marcia nài nỉ, cầm tay Brian. “Đi thôi. Ngoài này lạnh lắm. Em đang chết cứng đây.”

Lúc ấy, Luke đã đứng thẳng lên, vết bầm trên má hiện rõ. Brian thở phì phò và gạt Marcia sang một bên, Sophia sững sốt. Đó không phải cái đẩy mạnh bạo, nhưng vì Marcia bị bất ngờ nên cô sẩy chân, ngã xuống đất. Brian dường như không để ý. Anh ta hăm hè bước lên trước, tiếp tục chuẩn bị đẩy Sophia ra. Bước sang một bên, cô lôi chiếc điện thoại ra khỏi túi. Đúng lúc Brian tóm được Luke, cô đã nhấn nút và giờ điện thoại lên.

“Đánh đi! Tôi ghi lại toàn bộ chuyện này! Anh vào tù

tôi cũng chẳng quan tâm! Bị đuổi khỏi đội luôn! Tất cả các người bị đuổi cổ tôi cũng mặc kệ!”

Cô tiếp tục lùi lại, ghi hình, quay cả những người đứng xung quanh. Cô đang quay cận cảnh về mặt hốt hoảng và lo lắng của bọn họ thì Brian lao về phía cô, giằng điện thoại khỏi tay cô và đập nó xuống đất.

“Cô không quay gì hết!”

“Có thể cậu ấy không quay,” Marcia nói từ bên kia đám đông, tay giơ cao điện thoại. “Nhưng tôi thì có đấy.”



“Anh nghĩ có lẽ anh đáng bị như vậy,” Luke nói. “Ý anh là, sau những gì anh đã làm với anh ta.”

Họ ngồi vào trong xe tải, Luke ngồi sau vô lăng, Sophia ngồi cạnh anh. Lời đe dọa đã có tác dụng. Rick và Jason rút cuộc đã thuyết phục được Brian quay về nhà nam sinh cùng bọn họ, chắc chắn ở đó, Brian sẽ tái hiện cú đấm khiến Luke nằm sõng soài ra đất. Marcia không đi cùng họ; thay vào đó, cô quay về nhà nữ sinh và Sophia thấy đèn phòng họ bật sáng.

“Anh không đáng bị như vậy,” cô nói. “Theo em nhớ thì anh chưa bao giờ đánh Brian. Anh chỉ đại khái... gí chặt anh ta xuống đất thôi.”

“Xuống đất hẳn. Úp mặt xuống.”

“Đúng là thế,” cô công nhận.

“Dù sao, cảm ơn em vì đã can thiệp. Bằng điện thoại của em. Anh sẽ mua cho em cái mới.”

“Anh không phải làm thế. Nó cũng cũ rồi. Sao anh không nghe máy?”

“Máy anh hết pin trên đường lái xe về nhà mà anh lại quên mang bộ sạc trên xe. Anh chỉ xếp những đồ dùng

thường xuyên thôi. Anh không nghĩ nó lại quan trọng thế.”

“Ít ra anh cũng nhắn tin cho mẹ rồi chứ?”

“Ừ,” anh nói. Nếu có thắc mắc vì sao cô biết thói quen đó của anh, anh cũng không hỏi. Sophia đan tay vào nhau trên đùi.

“Em nghĩ anh biết điều tiếp theo em sẽ hỏi phải không?”

Anh liếc sang cô. “Vì sao anh ở đây à?”

“Lẽ ra anh không nên đến. Em không muốn anh ở đây. Nhất là ngay sau khi trở về từ cuộc thi đấu. Vì...”

“Em không thể sống thế này được.”

“Phải,” cô nói. “Em không thể.”

“Anh biết,” anh nói. Anh thở dài trước khi quay sang đối diện với cô. “Anh đến đây để nói với em rằng anh cũng không thể sống thế được. Vì tối nay, anh giải nghệ. Lần này là mãi mãi.”

“Anh sẽ giải nghệ sao?” cô hỏi, giọng lộ rõ vẻ khó tin.

“Anh giải nghệ rồi.”

Cô không biết nên phản ứng ra sao. Cô nên chúc mừng anh? Tỏ ra thông cảm với anh? Thể hiện sự nhẹ nhõm?

“Anh cũng đến để hỏi xem em có làm gì vào cuối tuần này không. Hoặc liệu em có việc gì cấp bách vào thứ Hai không? Như kiểm tra hay bài tập chẳng hạn.”

“Em có một bài tập hạn nộp là thứ Năm tới, còn ngoài ra thì chỉ có vài tiết học thôi. Anh có ý định gì vậy?”

“Chỉ là một kỳ giải lao ngắn để ổn định tinh thần thôi. Trước khi điện thoại hết pin, anh đã gọi điện và nói chuyện với mẹ về điều đó, và bà nghĩ đó là một ý hay.” Anh thở ra một hơi dài. “Anh nghĩ mình sẽ lái xe đến khu cabin, và anh tự hỏi liệu em có muốn đi cùng anh không.”

Cô vẫn gặp khó khăn với việc tiếp nhận những điều

anh vừa nói cũng như cân nhắc xem liệu có nên tin lời anh không. Liệu anh có nói sự thật không? Anh đã từ bỏ việc cưới bỏ mãi mãi rồi sao?

Cô thì thầm, ánh mắt anh vẫn không rời khỏi cô, “Cũng được.”



Trong căn phòng của mình trên gác, cô thấy Marcia đang xếp đồ vào chiếc túi du lịch.

“Cậu đang làm gì thế?”

“Tối nay mình sẽ lái xe về nhà. Mình cần được ngủ trên giường của mình, cậu biết không? Một hai phút nữa thôi, mình sẽ ra khỏi đây.”

“Không sao mà,” Sophia nói. “Đây cũng là phòng cậu.”

Macia gật đầu, tiếp tục ném đồ vào túi. Sophia đổi chân trụ. “Cảm ơn cậu vì đã nhắn tin cho mình. Và cảm ơn vì ban nãy cậu đã rút điện thoại ra ở ngoài kia.”

“Ừ thì, anh ta đáng bị như thế. Anh ta hành xử thật... điên rồ.”

“Còn hơn thế ấy chứ,” Sophia nói.

Marcia lần đầu tiên ngước lên. “Không có gì đâu, đừng cảm ơn tớ.”

“Anh ta chắc sẽ chẳng nhớ được mấy chuyện hôm nay đâu.”

“Cũng chẳng quan trọng gì.”

“Nhưng nếu cậu thích anh ta thì có đấy.”

Marcia suy nghĩ trong giây lát rồi lắc đầu. Sophia có cảm giác rằng cô đã đi đến một kết luận cho dù chưa chắc lắm.

“Luke đi chưa?”

“Anh ấy đi mua xăng và đồ dùng. Vài phút nữa anh ấy sẽ quay lại.”

“Cậu nghiêm túc đấy à? Mình hy vọng lần này anh ấy khóa cửa vào.” Cô kéo khóa túi rồi lại chú mục vào Sophia. “Khoan đã... sao anh ấy lại quay lại? Mình tưởng cậu nói hai người chia tay rồi?”

“Đúng là thế.”

“Nhưng?”

“Hay là tuần sau bọn mình nói về chuyện này đi - khi cậu quay lại. Vì bây giờ, mình không hoàn toàn chắc giữa bọn mình đang có chuyện gì nữa.”

Marcia chấp nhận điều đó, cô đi về phía cửa rồi dừng lại.

“Mình nghĩ rồi,” cô nói, “và mình có cảm giác rằng chuyện của bọn cậu rồi sẽ đâu vào đấy thôi. Và nếu cậu muốn nghe ý kiến của mình, thì mình cho rằng đó là một chuyện tốt đấy.”



Trên những ngọn núi, tuyết đã rơi dày hơn và đường sá đóng băng ở nhiều chỗ, điều này nghĩa là phải đến gần bốn giờ sáng họ mới đến được khu cabin. Khung cảnh nhìn như một khu trại bị bỏ hoang từ lâu của những người mở đường. Mặc dù chỗ nào cũng thiếu ánh sáng, Luke vẫn đưa được chiếc xe tải đến chỗ đỗ ở trước căn nhà gỗ họ từng ở trước đây mà không làm lẫn gì, chìa khóa nằm lủng lẳng trên ổ.

Bên trong, căn nhà lạnh ngắt, những bức tường bằng gỗ ván mỏng chẳng làm được gì nhiều trong việc ngăn cái lạnh. Anh đã nhắc cô mang theo mũ và găng tay hở ngón, và cô đã mang chúng vào, mặc thêm cả áo khoác trong lúc

Luke nhóm lò sưởi và lò củi. Quãng đường lái xe trơn trượt khiến cô bồn chồn suốt cả đêm, nhưng giờ khi họ đã đến nơi, cô cảm thấy kiệt sức.

Mặc nguyên quần áo đi ngủ, cả áo khoác và mũ, họ chìm vào giấc ngủ chỉ sau vài phút. Vài giờ sau khi Sophia thức dậy, căn nhà đã ấm lên trông thấy, mặc dù vẫn chưa đủ để cô có thể đi quanh mà không cần lớp lớp áo quần. Cô nghĩ rằng một nhà trọ rẻ tiền sẽ thoải mái hơn, nhưng khi ngẩng nhìn khung cảnh bên ngoài cửa sổ, cô lại thấy choáng ngợp trước vẻ đẹp của nơi này. Những cột băng đọng trên các cành cây, lung linh dưới ánh mặt trời. Luke đã ở trong bếp, và mùi thịt lợn hun khói và trứng lấp đầy không khí.

“Em dậy rồi đấy à?” anh nhìn cô.

“Mấy giờ rồi?”

“Gần trưa rồi.”

“Chắc là tại em mệt quá. Anh dậy được bao lâu rồi?”

“Vài tiếng. Việc giữ cho nơi này đủ ấm để ở không dễ như em nghĩ đâu.”

Cô không nghi ngờ gì việc đó. Sự chú ý của cô hướng đến chỗ cửa sổ. “Anh đã bao giờ ở đây vào mùa đông chưa?”

“Mới một lần thôi. Hồi anh còn bé. Anh dành cả ngày để nặn người tuyết và ăn kẹo xốp nướng.”

Cô mỉm cười trước hình ảnh của anh khi còn là một cậu bé, rồi cô nghiêm giọng. “Anh đã sẵn sàng nói chuyện chưa? Về điều đã khiến anh đổi ý?”

Anh xiên một miếng thịt lợn hun khói và bỏ nó ra khỏi chảo. “Không có gì đâu, thật đấy. Chỉ là rốt cuộc anh đã đổi ý và lắng nghe những gì lý trí mách bảo thôi.”

“Thế thôi sao?”

Anh bỏ chiếc nĩa xuống. “Anh đã rút trứng Quái Thú Cục Súc ở vòng đầu cuối. Và đến lúc phải cười thật...” Anh

lắc đầu, không nói nốt suy nghĩ. “Nói chung là, sau đó, anh biết đã đến lúc treo đôi cửa thúc ngựa lên rồi. Anh nhận ra rằng thế là đủ với anh. Việc này đang giết dần giết mòn mẹ anh.”

Và cả em nữa, cô muốn nói như vậy nhưng lại thôi.

Anh nhìn ra sau, như thể nghe thấy suy nghĩ không thành lời của cô. “Anh cũng nhận ra mình nhớ em.”

“Thế còn trang trại?” cô hỏi.

Anh xúc trúng bác vào hai cái đĩa.

“Nhà anh sẽ mất trang trại, anh nghĩ thế. Rồi sẽ phải cố gắng làm lại từ đầu. Mẹ anh được khá nhiều người biết tiếng. Anh hy vọng bà sẽ thành công. Tất nhiên bà bảo anh không phải lo cho bà. Rằng anh nên lo cho việc anh định làm.”

“Vậy anh định làm gì?”

“Anh vẫn chưa biết.” Anh quay lại, cầm cả hai chiếc đĩa ra bàn. Một bình cà phê đang đợi sẵn cùng với bộ đồ ăn. “Anh hy vọng dịp cuối tuần này sẽ giúp anh tìm ra câu trả lời.”

“Anh nghĩ chúng ta có thể tiếp tục từ chỗ còn bỏ ngỏ ư?”

“Không hề,” anh nói. Anh đặt những chiếc đĩa lên bàn và kéo ghế cho cô. “Nhưng anh hy vọng chúng ta có thể bắt đầu lại từ đầu.”



Sau khi ăn xong, họ dành cả buổi chiều để nặn người tuyết, như anh từng làm ngày còn bé. Trong lúc lăn những viên tuyết dính thành những tảng tuyết không thể nào to hơn, hai người cập nhật cho nhau những diễn tiến mới trong đời của mỗi người. Luke kể về những sự kiện ở Macon và Bắc Carolina và những gì đang diễn ra ở trang trại. Sophia

giải thích rằng mối quan hệ với Marcia đã khiến cô dành toàn bộ thời gian trên thư viện, và việc đó giúp cô đọc trước được khá nhiều đến mức cô nghĩ mình sẽ không phải học gì trong hai tuần tới.

“Đó là một trong những lợi ích khi cố tránh mặt bạn cùng phòng,” cô nhận xét. “Việc đó cải thiện thói quen học hành của ta.”

“Tối qua, cô ấy khiến anh ngạc nhiên đấy,” Luke nhận xét. “Anh không ngờ là cô ấy lại làm một việc như vậy. Ý anh là dựa theo tình hình lúc ấy.”

“Em không ngạc nhiên đâu,” Sophia nói.

“Không ư?”

Cô suy nghĩ về điều đó, tự hỏi Marcia đang thế nào. “Thôi được, có lẽ em có ngạc nhiên *đôi chút*.”



Tối hôm đó, họ ôm nhau dưới tấm chăn trên đi văng, bên tiếng lò sưởi gầm gừ, Sophia hỏi, “Anh sẽ thấy nhớ việc cưới bò chứ?”

“Có lẽ là một chút,” anh nói. “Nhưng không đủ để thi đấu lại đâu.”

“Anh nói nghe chắc chắn nhỉ.”

“Anh chắc chắn mà.”

Sophia quay sang quan sát mặt anh, bị mê hoặc bởi ánh lửa phản chiếu trong đôi mắt anh. “Em thấy hơi buồn cho mẹ anh,” cô nói. “Em biết bà sẽ thấy nhẹ nhõm khi anh ngừng thi đấu, nhưng...”

“Ừ,” anh nói. “Anh cũng buồn. Nhưng anh sẽ tìm cách bù đắp cho bà.”

“Em nghĩ việc có anh ở bên là tất cả những gì bà muốn.”

“Đó là điều anh tự nhủ,” anh nói. “Nhưng giờ, anh có một câu hỏi cho em đây. Và anh muốn em suy nghĩ trước khi trả lời. Việc này quan trọng.”

“Anh cứ hỏi.”

“Cuối tuần tới em có bận không? Vì nếu em rỗi, anh muốn rủ em đi ăn tối.”

“Anh đang rủ em đi chơi đấy à?” cô hỏi.

“Anh đang cố bắt đầu lại mà. Ta thường làm vậy đúng không? Rủ ai đó đi chơi?”

Cô rướn người lên, hôn anh lần đầu tiên ngày hôm đó. “Em nghĩ ta không phải bắt đầu lại mọi chuyện đâu, phải không?”

“Đó là đồng ý hay từ chối thế?”

“Em yêu anh, Luke.”

“Anh cũng yêu em, Sophia.”



Đêm đó họ ân ái với nhau, rồi lại ân ái vào sáng thứ Hai, sau khi ngủ dậy muộn. Họ thông thả ăn bữa sáng muộn, và sau khi đi dạo, từ trong cabin ấm áp, Sophia nhám nháp tách cà phê, nhìn Luke chất đồ lên xe tải. Họ không còn giống như ngày trước nữa. Cô nghĩ trong mấy tháng quen nhau, mối quan hệ của họ đã tiến triển lên một điều gì đó sâu sắc hơn, một điều mà cô không hề lường trước.

Vài phút sau họ lên đường và ra đến đường chính, bắt đầu đi xuống núi. Mặt trời phản chiếu trên tuyết, tạo ra ánh sáng chói lóa làm Sophia phải quay đi, ngả đầu vào cửa sổ xe tải. Cô nhìn sang Luke đang ngồi trên ghế lái. Cô vẫn chưa chắc điều gì sẽ xảy ra khi cô tốt nghiệp vào tháng Năm, nhưng lần đầu tiên, cô bắt đầu tự hỏi liệu Luke có tự do để đi theo cô không. Cô chưa nói điều đó ra với anh,

nhưng cô thắc mắc liệu những kế hoạch của cô có đóng vai trò gì trong quyết định bỏ lại sự nghiệp của anh không.

Cô đang trầm ngâm với những câu hỏi này trong màn sương ẩm áp và êm ái, mơ màng chìm vào giấc ngủ, thì giọng nói của Luke phá tan sự im lặng.

“Em có thấy cái đó không?”

Cô mở mắt, nhận ra Luke đang cho xe đi chậm lại.

“Em không thấy gì cả,” cô thú nhận.

Cô ngạc nhiên khi Luke đạp mạnh chân phanh, cho xe đổ vào lề đường cao tốc, mắt anh dán chặt vào kính chiếu hậu. “Anh nghĩ mình nhìn thấy cái gì đó,” anh nói. Anh vào số xe rồi tắt máy, bật đèn chớp xi nhan. “Em chờ anh vài phút được không?”

“Có chuyện gì thế?”

“Anh không chắc. Anh chỉ muốn kiểm tra xem sao.”

Anh chộp chiếc áo khoác từ sau ghế ngồi rồi nhảy ra khỏi xe, khoác nó lên người trên đường đi ra sau xe. Nhìn ra sau, cô để ý thấy họ vừa đi qua chỗ cua. Luke kiểm tra cả hai hướng, rồi đi về phía bên kia con đường, tiến đến hàng rào chắn. Lúc đó cô mới để ý thấy là nó đã gãy.

Luke ngoái xuống bờ kè dốc đứng, rồi nhanh chóng quay đầu về phía cô. Cho dù đang ở xa, cô cũng cảm thấy được sự khẩn cấp trong vẻ mặt và cử chỉ của anh. Cô nhanh chóng nhảy ra khỏi xe.

“Lấy điện thoại của anh và gọi 911 đi!” anh hét lên. “Một chiếc xe lao khỏi đường, và anh nghĩ vẫn còn có người trong đó.”

Nói xong, anh trèo qua chỗ gãy của hàng rào chắn, biến mất khỏi tầm mắt.



Sophia

Sau này, cô thường nhớ lại những sự kiện tiếp theo đó như một loạt những hình ảnh chồng lên nhau: thực hiện cuộc gọi khẩn cấp rồi nhìn Luke đi xuống bờ kè dốc đứng. Hoảng hốt chạy lại xe tải để lấy một chai nước sau khi Luke nói anh nghĩ tài xế vẫn còn cử động. Bám vào các cành cây và bụi rậm trong lúc cô khom người đi xuống cái sườn dốc rậm rạp và nhận thấy tình trạng của chiếc xe - nóc xe rúm rỏ, sườn xe gần như biến dạng, những đường nứt chằng chịt trên kính chắn gió. Nhìn Luke vừa chập vạt mở cánh cửa ghế lái bị kẹt vừa cố giữ thăng bằng trên sườn dốc, nơi vách đá thẳng đứng chỉ cách đầu xe vài bước chân.

Nhưng trên hết, cô nhớ cổ họng mình đã nghẹn lại khi thấy bóng dáng của một ông lão, cái đầu xương xương tì lên vô lăng. Cô nhớ mớ tóc mỏng phủ lên phần da đầu lốm đốm, đôi tai có vẻ quá to so với đầu. Tay ông bị bẻ cong theo một góc bất tự nhiên. Một vết cắt sâu trên trán, một bên vai bị lệch, môi ông khô đến mức bắt đầu chảy máu. Chắc hẳn ông phải đau lắm, vậy mà vẻ mặt ông vẫn bình thản. Khi Luke đã có thể nạy được cánh cửa ra, cô tiến đến gần, chập vạt giữ thăng bằng trên sườn dốc trơn trượt.

“Cháu đây rồi,” Luke nói với ông lão. “Bác có nghe thấy cháu nói không? Bác có cử động được không?”

Sophia có thể nghe thấy sự hoảng loạn trong giọng Luke khi anh tiến đến, nhẹ nhàng chạm vào cổ ông để tìm mạch. “Yếu lắm,” anh nói với cô. “Bác ấy bị thương rất nặng.”

Tiếng rên rỉ của ông lão gần như không thể nghe được. Theo phản xạ, Luke với lấy chai nước và đổ một chút ra nắp chai, rồi nghiêng nó vào miệng ông. Mặc dù bị tràn ra ngoài gần hết, nhưng vài giọt cũng đủ làm ướt môi ông và ông có thể nuốt xuống được.

“Bác là ai?” Luke nhẹ nhàng hỏi. “Tên bác là gì?”

Ông lão phát ra một âm thanh trong tiếng thở khò khè. Đôi mắt lim dim vô định. “*Ira.*”

“Chuyện này xảy ra hôm nào ạ?”

Phải một lúc lâu sau lời nói mới phát ra. “*ừ... ừ...*”

Luke nhìn Sophia với vẻ khó tin trước khi lại tập trung vào Ira. “Bọn cháu gọi trợ giúp rồi bác nhé! Xe cấp cứu sẽ đến sớm thôi. Bác cứ cố gắng. Bác có muốn uống thêm nước không?”

Đầu tiên, Sophia không chắc Ira nghe thấy Luke, nhưng ông hé mở miệng và Luke rót một nắp đầy nước khác, nhỏ xuống từng chút một. Ira lại nuốt rồi thì thào điều gì đó không ai hiểu được. Rồi, ông thều thào, từ ngữ ngắt quãng theo từng hơi thở: “*Á... ừ... giữ... ôi... rút...*”

Cả Sophia lẫn Luke đều không hiểu được gì. Luke lại ngả người đến gần.

“Cháu không hiểu. Cháu gọi ai đó cho bác nhé, bác Ira? Bác có vợ hay con cái gì không? Bác nói cho cháu số điện thoại được không?”

“*Á... ừ...*”

“Khá ư?” Luke hỏi.

“*Không... Á... ư... ong... e... rút...*”

Luke bối rối quay về phía Sophia. Sophia lắc đầu, tự động rà theo bảng chữ cái... gá thử, giá như, lá thư...

Lá thư?

“Em nghĩ bác ấy nói đến một lá thư.” Cô ngả người lại gần Ira, nghĩ thấy được sự ồm yếu từ hơi thở nhẹ bẫng của ông. “Lá thư hả bác? Bác muốn nói thế đúng không?”

“Ư...” Ira khò khè và lại nhắm mắt. Hơi thở của ông kêu lách cách như những viên sỏi ở trong chai. Sophia nhìn lướt qua trong xe, mắt cô để ý đến một vài đồ dùng nằm rải rác trên sàn, phía dưới bảng đồng hồ hăm vào trong. Bám vào thành xe, cô đi vòng ra phía sau để sang bên kia.

“Em đang làm gì thế?” Luke gọi lớn.

“Em muốn tìm bức thư của bác ấy...”

Bên ghế phụ lái ít bị tổn hại hơn, và Sophia có thể mở cửa khá dễ dàng. Trên sàn xe là một phích nước, một miếng bánh kẹp méo mó. Một túi ni lông đầy mận. Một chai nước... và kia rồi, ở trong góc, một cái phong bì. Cô vói vào trong, trượt chân nhưng vẫn kịp giữ thăng bằng. Cô vói tay ra cùng một âm thanh nặng nhọc, kẹp được chiếc phong bì giữa hai ngón tay. Từ phía bên này xe, cô giơ nó lên, thấy Luke tỏ vẻ khó hiểu.

“Bức thư gửi vợ bác ấy,” cô nói, đóng cửa và đi lại chỗ Luke. “Đó là điều bác ấy nói vừa nãy.”

“Khi bác ấy bảo rút sao?”

“Không phải rút,” Sophia nói. Cô xoay chiếc phong bì để Luke đọc rồi cho nó vào túi áo khoác. “Ruth.”



Một cảnh sát đang đi tuần trên đường cao tốc là người đầu

tiên đến nơi. Sau khi đi xuống sườn dốc, anh và Luke đồng ý rằng di chuyển Ira là quá nguy hiểm. Nhưng phải còn lâu nữa các nhân viên cấp cứu và xe cứu thương mới đến nơi, mà ngay cả khi họ đến, thì rõ ràng cũng không có cách nào an toàn để đưa ông ra khỏi xe rồi đi lên khỏi sườn dốc phủ tuyết bằng cánh được. Họ phải cần gấp ba sức người, và dù có thể thì việc đó cũng sẽ vẫn là một thử thách.

Cuối cùng, một chiếc xe tải kéo được gọi đến, việc này càng gây thêm trì hoãn. Khi xe đến và di chuyển vào vị trí phù hợp, một sợi dây cáp được kéo ra và móc vào thanh chắn an toàn phía sau xe trong khi các nhân viên cấp cứu - xoay xở với đồng dây thắt an toàn - cố định Ira để giảm thiểu tối đa xê dịch. Lúc ấy chiếc xe mới chậm chậm được kéo lên khỏi sườn dốc để lên được cao tốc.

Trong khi Luke trả lời các câu hỏi của viên cảnh sát, Sophia đứng gần nhân viên cấp cứu, quan sát trong lúc Ira được đưa lên cánh và cho thở ô xy trước khi được đẩy vào trong xe cấp cứu.

Vài phút sau, chỉ còn Luke và Sophia ở lại. Anh nắm tay kéo cô lại gần, cả hai cố gắng tựa vào nhau lấy lại sức, rồi Sophia đột nhiên nhớ ra cô vẫn giữ bức thư trong túi.



Hai tiếng sau, Luke ngồi cạnh Sophia, cầm tay cô, họ đang chờ trong phòng cấp cứu đông người của bệnh viện địa phương. Tay kia của cô giữ bức thư, và mỗi lần nhìn nó, nhận thấy nét chữ nguệch ngoạc, run rẩy, cô lại tự hỏi tại sao mình lại cho y tá biết tên hai bọn họ và yêu cầu được cập nhật tình hình của Ira, thay vì cứ trả lại bức thư vào chỗ vật dụng của ông.

Như thế họ có thể tiếp tục chuyến đi về Winston-

Salem, nhưng khi nhớ lại về mặt Ira, và sự gấp gáp hiển hiện khi ông muốn tìm bức thư, Sophia cảm thấy buộc phải chắc chắn bức thư không bị thất lạc trong cảnh hỗn loạn ở bệnh viện. Cô muốn đưa nó cho bác sĩ, hoặc tốt hơn, là đưa tận tay Ira...

Hoặc đó chỉ là điều cô tự nhủ với bản thân. Cô chỉ biết rằng về mặt hiền hòa của Ira khi họ tìm thấy ông khiến cô tự hỏi ông đang nghĩ hay mơ về điều gì. Thật thần kỳ khi ở tuổi này và trong tình trạng yếu ớt như vậy mà ông vẫn sống sót sau những chấn thương đó. Trên hết, cô tự hỏi tại sao đến lúc này rồi mà không có bạn bè hay người thân nào lao qua cửa phòng cấp cứu, lo lắng đến phát điên. Ông đã tỉnh khi họ đẩy ông vào, nghĩa là Ira có thể đã bảo bệnh viện gọi cho ai đó. Vậy thì họ đâu? Tại sao họ chưa đến đây? Những lúc thế này, Ira cần ai đó hơn bao giờ hết, và...

Luke đổi tư thế trên ghế, cắt ngang dòng suy nghĩ của cô. “Em biết là mình có thể sẽ không được gặp bác ấy chứ?” anh hỏi.

“Em biết,” cô nói. “Nhưng em vẫn muốn biết bác ấy thế nào rồi.”

“Tại sao?”

Cô lật bức thư trên tay, vẫn không thể nói lý do thành lời. “Em không biết.”



Thêm bốn mươi phút nữa trôi qua bác sĩ mới xuất hiện từ phía sau cánh cửa xoay. Ông ta đến bên bàn trước, rồi sau khi y tá chỉ về phía họ, ông ta mới tiến lại. Luke và Sophia đứng lên.

“Tôi là bác sĩ Dillon,” ông ta nói. “Tôi được biết hai bạn đang đợi đến lúc được gặp ông Levinson?”

“Ý ông là ông Ira?” Sophia hỏi.

“Hai người tìm thấy ông ấy phải không?”

“Vâng.”

“Tôi có thể hỏi mục đích của cuộc gặp là gì được không?”

Sophia suýt nữa đã nói với bác sĩ về bức thư nhưng rồi lại thôi. Luke nhận thấy sự bối rối của cô nên hắng giọng. “Chúng tôi chỉ muốn biết bác ấy có ổn không.”

“Thật không may, tôi không thể thảo luận tình trạng của ông ấy vì hai bạn không phải người thân,” ông ta nói.

“Nhưng bác ấy sẽ không sao phải không?”

Bác sĩ nhìn từ người này sang người kia. “Tốt hơn hết, hai bạn không nên ở đây. Hai bạn đã làm đúng khi gọi xe cấp cứu. Và tôi rất mừng vì hai bạn đã tìm thấy ông ấy, nhưng hai bạn không có trách nhiệm gì khác. Hai bạn là người lạ.”

Sophia nhìn bác sĩ, cảm thấy ông ta còn điều gì nữa muốn nói, rồi quan sát ông ta từ từ thở dài.

“Tôi không biết có chuyện gì đang diễn ra nữa,” bác sĩ Dillon nói, “nhưng không hiểu vì sao, khi ông Levinson nghe tin hai bạn đang ở đây, ông ấy đã yêu cầu được gặp hai bạn. Tôi không thể nói gì về tình trạng của ông ấy, nhưng tôi phải yêu cầu hai bạn vào thăm trong khoảng thời gian càng ngắn càng tốt.”



Ira trông còn nhỏ bé hơn lúc ở trong xe, như thể ông đã co rút lại trong mấy tiếng qua. Ông nằm trên chiếc giường có thể dựng lên thành ghế tựa của bệnh viện, miệng ông vẫn mở, hai má trũng xuống, mấy ống truyền tĩnh mạch cắm vào tay. Chiếc máy bên cạnh giường ông kêu bíp theo cùng nhịp tim.

“Không được lâu quá đâu đấy”, vị bác sĩ nhắc. Luke

gật đầu, đoạn hai người bước vào phòng. Sophia ngập ngừng bước đến bên giường. Từ khoeo mắt, cô thấy Luke kéo một chiếc ghế cạnh tường và đẩy nó về phía cô rồi anh lùi ra sau. Sophia ngồi xuống cạnh giường và nghiêng người tới để ông có thể nhìn thấy cô.

“Bọn cháu ở đây, Ira,” cô nói, giữ bức thư ở trước mặt ông. “Cháu có mang bức thư cho bác đây.”

Ira cố gắng hít một hơi, chậm chậm xoay đầu. Mắt ông nhìn bức thư đầu tiên, rồi mới nhìn sang cô. “Ruth...”

“Vâng,” cô nói. “Bức thư bác gửi cho Ruth. Cháu sẽ để nó ngay cạnh bác đây, được chứ ạ?”

Khi cô nói vậy, ông nhìn lơ đãng, không hiểu. Rồi mặt ông dần ra, gần như buồn bã. Ông khẽ cử động tay, cố gắng vờ về phía cô, và theo bản năng, cô cũng đưa tay ra nắm lấy tay ông.

“Ruth,” ông nói, mắt bắt đầu ngấn nước. “Ruth yêu dấu của tôi.”

“Cháu xin lỗi... cháu không phải Ruth,” cô nhẹ nhàng nói. “Tên cháu là Sophia. Bọn cháu là người đã tìm thấy bác hôm nay.”

Ông chớp mắt, rồi lại chớp mắt, vẻ bối rối hiển hiện.

“Ruth?”

Vẻ khẩn thiết trong giọng nói của ông khiến cổ họng cô nghẹn lại.

“Không,” cô khẽ nói, nhìn ông dịch bàn tay về phía bức thư. Cô hiểu điều ông đang làm và đẩy lá thư về phía ông. Ông cầm lấy, nâng nó lên như thể nó vô cùng nặng, rồi ông đẩy nó về phía tay cô. Đến lúc ấy cô mới để ý thấy những giọt nước mắt của Ira. Khi cất lời, giọng ông nghe mạnh mẽ hơn, lần đầu tiên từ ngữ phát ra rõ ràng. “Cháu làm Ruth được không?”

Cô chạm tay vào bức thư. “Bác muốn cháu đọc nó phải không? Bức thư bác viết cho vợ bác?”

Ánh mắt ông chạm ánh mắt cô, một giọt nước mắt lăn xuống gò má nhăn nheo. “Làm ơn đi, Ruth. Tôi muốn bà đọc nó.”

Ông thở ra một hơi dài, như thể cố gắng nói khiến ông kiệt sức. Sophia quay sang Luke, tự hỏi mình nên làm gì. Luke chỉ về phía bức thư.

“Cháu nghĩ bác nên đọc nó, bác Ruth,” anh nói với cô. “Đó là điều bác ấy muốn bác làm. Bác đọc to lên để bác ấy còn nghe được.” Sophia nhìn chăm chăm vào bức thư trên tay. Chuyện này thật không phải. Ira đang lẫn lộn. Đây là một bức thư riêng tư. Ruth mới là người nên đọc nó, không phải cô...

“Làm ơn đi,” cô nghe tiếng Ira nói, như thể đọc được suy nghĩ của cô, giọng của ông lại yếu đi.

Bàn tay run rẩy, Sophia nhìn chiếc phong bì trước khi bóc lớp keo dán. Bức thư chỉ dài một trang, được viết bằng nét chữ nguệch ngoạc, run run cô nhìn thấy trên phong bì. Mặc dù còn do dự, cô vẫn đưa bức thư ra chỗ sáng hơn. Rồi cô chậm chậm đọc:

Ruth yêu dấu,

Trời còn sớm, quá sớm, nhưng như thường lệ, có vẻ như tôi không thể ngủ lại được. Bên ngoài, một ngày mới đã khoe ra vẻ rực rỡ tươi mới của nó, vậy mà tôi chỉ có thể nghĩ về quá khứ. Trong cái giờ phút yên ắng này, tôi mơ về bà, về những năm chúng ta dành cho nhau. Lễ kỷ niệm của chúng ta đang đến, Ruth yêu quý, nhưng đó không phải dịp kỷ niệm chúng ta vẫn thường ăn mừng. Mà nó là ngày đã mở

đầu cho cuộc sống của tôi với bà, và tôi quay sang ghế của bà, muốn nhắc bà nhớ về ngày này, cho dù tôi hiểu rõ bà không có ở đó. Chúa, với một lý lẽ tôi chẳng thể hiểu được, đã gọi bà đi từ cách đây rất lâu, và những giọt nước mắt của tôi tối hôm ấy dường như chưa bao giờ khô đi.

Sophia ngừng lại để nhìn Ira, để ý thấy môi ông đã khép lại, nước mắt vẫn chảy trên những khe nứt và chỗ hõm trên mặt ông. Mặc dù cô cố tỏ ra tự chủ nhưng giọng cô đã bắt đầu lạc đi khi cô tiếp tục.

Sáng nay tôi thấy nhớ bà, như vẫn nhớ mỗi ngày trong suốt chín năm qua. Tôi thấy mệt mỗi khi phải ở một mình. Tôi mệt mỗi khi phải sống mà thiếu vắng tiếng cười của bà, và tôi thấy tuyệt vọng khi nghĩ đến việc sẽ không bao giờ được ôm bà lần nữa. Và tôi nghĩ bà sẽ hài lòng khi biết rằng vào lúc những suy nghĩ đen tối ấy nhằm nhe xâm chiếm tôi, tôi có thể nghe thấy tiếng bà mắng tôi: “Điêng có ử dột thế, Ira. Tôi đâu có cười một người đàn ông ử dột đâu.”

Nghĩ lại, có quá nhiều thứ để nhớ. Chúng ta đã cùng phiêu lưu, phải không? Đây là lời bà nói, không phải tôi. Đây là cách bà vẫn nói về cuộc đời của chúng ta. Bà nói điều này với tôi khi nằm cạnh tôi trên giường, rồi trong lễ đón năm mới, năm nào cũng vậy. Tôi luôn nhận thấy mắt bà ánh lên vẻ mãn nguyện mỗi khi bà nói điều đó, và trong mỗi khoảnh khắc ấy, vẻ mặt bà lúc nào cũng khiến trái tim tôi thấy vui vẻ, còn hơn cả điều bà nói. Cuộc đời tôi khi có bà thật đúng như một cuộc phiêu lưu tuyệt đẹp -

bất chấp cuộc sống bình thường của chúng ta, tình yêu của bà bồi đắp cho mọi điều chúng ta làm với thứ dưỡng chất bí mật. Sao tôi có thể may mắn được chia sẻ cuộc đời của tôi với bà, đến giờ tôi vẫn không thể hiểu được.

Lúc này, tôi yêu bà như tôi vẫn từng yêu, và tôi xin lỗi vì tôi không thể nói với bà điều đó. Mặc dù viết bức thư này với hy vọng bà có thể đọc được bằng cách nào đó, tôi cũng biết rằng thời gian của chúng ta đã sắp kết thúc. Người vợ yêu quý của tôi, đây là bức thư cuối cùng tôi viết cho bà. Bà biết các bác sĩ đã nói điều gì với tôi, bà biết tôi đang chết dần, và tôi sẽ không đến thăm Black Mountain tháng Tám này nữa. Nhưng tôi vẫn muốn bà biết rằng tôi không sợ. Thời gian của tôi trên thế gian này đang kết thúc và tôi thấy thanh thản trước những gì sắp đến. Tôi không buồn vì điều đó. Ngược lại, nó khiến tôi nhẹ lòng, và tôi đếm từng ngày qua với một cảm giác nhẹ nhõm và biết ơn. Bởi mỗi ngày đi qua là một ngày tôi đến gần hơn với khoảnh khắc được gặp lại bà.

Bà là vợ tôi, nhưng hơn thế nữa, bà luôn là tình yêu đích thực duy nhất trong đời tôi. Trong gần ba phần tư thế kỷ, bà giúp sự tồn tại của tôi trở nên có ý nghĩa. Đến lúc nói tạm biệt rồi. Trong thời điểm chuyển giao này, tôi nghĩ mình hiểu vì sao bà được đưa đi. Đó là để cho tôi thấy bà quan trọng đến mức nào, và để dạy tôi ý nghĩa của tình yêu trong quãng thời gian tôi đau khổ. Cuộc chia ly của chúng ta, giờ tôi đã hiểu, chỉ là tạm thời mà thôi. Khi nhìn lên vũ trụ sâu thẳm, tôi biết thời điểm tôi được một lần nữa ôm bà trong vòng tay mình đang đến. Sau tất cả, nếu như thiên đường

*là có thật, chúng ta sẽ lại tìm thấy nhau, bởi không có
bà thì nơi ấy không phải thiên đường.*

*Tôi yêu bà,
Ira.*



Qua làn nước mắt, Sophia thấy khuôn mặt Ira hiện ra một nét thanh thản không thể diễn tả thành lời. Cô cẩn thận cho bức thư vào phong bì. Cô luồn nó vào tay ông và cảm thấy ông nắm lấy nó. Lúc ấy, bác sĩ đang đứng ở cửa và Sophia biết đã đến lúc phải đi. Cô đứng lên khỏi ghế và Luke đẩy nó lại chỗ cũ cạnh tường, rồi anh đan tay mình vào tay cô. Khi ông quay đầu trên gối, miệng Ira mở ra, hơi thở của ông trở nên khó nhọc. Sophia quay sang bác sĩ, lúc này đã đến bên Ira. Quay sang nhìn thân hình yếu ớt của Ira lần cuối, Sophia và Luke tiến ra hành lang, lên đường trở về nhà.



Luke

Khi tháng Hai đi qua và mọi thứ dần lắng xuống, Sophia tiến gần hơn đến lễ tốt nghiệp, còn trang trại nhích dần đến thời điểm bị tịch thu không thể tránh khỏi. Tiền thắng của Luke trong ba trận đầu tiên đã cho anh và mẹ thêm một hoặc hai tháng trước khi vỡ nợ, nhưng đến cuối tháng, mẹ anh lảng lảng sang nhà hàng xóm, tìm hiểu xem liệu họ có hứng thú mua lại trang trại của bà không.

Sophia bắt đầu thấy lo hơn cho tương lai của mình. Cô vẫn chưa nghe hồi âm gì từ cả Bảo tàng Nghệ thuật Denver lẫn Bảo tàng Nghệ thuật đương đại, và cô tự hỏi liệu có phải rồi mình sẽ làm việc cho bố mẹ và ở trong phòng ngủ cũ của mình không. Tương tự vậy, thời gian này Luke cũng thấy khó ngủ. Anh lo về những lựa chọn mà mẹ anh có, tự hỏi có thể làm gì để giúp bà đến khi bà tìm được điều gì đó khả thi. Vậy mà, phần lớn thời gian, không ai trong số hai người muốn bàn về tương lai. Thay vào đó, họ cố gắng tập trung vào hiện tại, tìm kiếm niềm an ủi từ sự hiện diện của nhau và tình cảm vững chắc họ dành cho nhau. Vào tháng Ba, Sophia đến trang trại mỗi chiều thứ Sáu và ở lại đến Chủ nhật. Thường cô cũng sẽ ở đó vào các buổi tối thứ Tư. Họ dành phần lớn thời gian trên lưng

ngựa, trừ khi trời đổ mưa. Sophia thường giúp Luke làm những công việc ở trang trại, nhưng thỉnh thoảng cô cũng ở bên mẹ anh. Đó là cuộc sống anh vẫn luôn muốn tượng cho bản thân mình... và rồi anh nhớ ra nó sắp kết thúc và anh không thể làm gì để ngăn điều đó.



Vào một buổi tối giữa tháng Ba, khi những dấu hiệu đầu tiên của mùa xuân xuất hiện trong bầu không khí, Luke đưa Sophia đến một câu lạc bộ có ban nhạc đồng quê miền Tây nổi tiếng đang biểu diễn. Từ bên kia chiếc bàn gỗ cũ kỹ, anh ngắm cô cầm cốc bia, chân nhịp theo tiếng nhạc.

“Em mà cứ thế,” anh nói, hất hàm về phía chân cô, “thì anh sẽ cho là em thích loại nhạc này nhé.”

“Em thích loại nhạc này mà.”

Anh cười. “Em nghe chuyện cười đó chưa nhỉ? Chuyện về những thứ em sẽ nhận được khi chơi nhạc đồng quê ngược lại ấy.”

Cô hóp một ngụm bia. “Hình như là chưa.”

“Em sẽ có lại vợ, em sẽ có lại chó, em sẽ có lại chiếc xe tải...”

Cô nhếch mép. “Buồn cười đấy.”

“Em có cười đâu.”

“Không buồn cười đến mức đấy.”

Câu đó khiến anh phì cười. “Em và Marcia vẫn chơi với nhau chứ?”

Sophia vén một lọn tóc đang rủ xuống ra phía sau tai. “Đầu tiên thì hơi gượng gạo, nhưng giờ thì gần như bình thường lại rồi.”

“Cô ấy vẫn đang hẹn hò với Brian à?”

Cô khịt khịt mũi. “Không. Chuyện kết thúc khi cô ấy phát hiện ra anh ta phản bội.”

“Khi nào thế?”

“Vài tuần trước hay sao ấy? Hoặc trước đó một chút.”

“Cô ấy có buồn không?”

“Không hẳn. Vì vào lúc đó, cô ấy cũng đang hẹn hò với anh chàng khác rồi. Cậu ta là sinh viên năm đầu, nên em nghĩ chắc chuyện cũng chẳng bền đâu.”

Luke im lặng cạy cạy móc chai bia. “Cô ấy là người thú vị.”

“Cô ấy tốt mà,” Sophia nhấn mạnh.

“Và em không giận cô ấy vì điều cô ấy đã làm chứ?”

“Em từng giận. Nhưng giờ thì hết rồi.”

“Thế thôi sao?”

“Cô ấy đã phạm sai lầm. Cô ấy không định làm em buồn. Cô ấy đã xin lỗi hàng tỉ lần rồi. Và cô ấy cũng có mặt khi em cần. Nên đúng là vậy đấy. Em hết giận rồi.”

“Em có nghĩ em sẽ giữ liên lạc với cô ấy không? Sau khi tốt nghiệp ấy?”

“Tất nhiên là có rồi. Cô ấy vẫn là bạn thân của em. Và anh cũng nên quý cô ấy đi.”

“Vì sao thế?” Anh nhướn một bên mày.

“Vì không có cô ấy,” cô nói, “thì em đã chẳng bao giờ gặp anh.”



Vài ngày sau đó, Luke đưa mẹ đến ngân hàng với đề nghị được tái thương lượng kế hoạch trả góp hòng giữ lại trang trại. Mẹ anh trình bày một kế hoạch kinh doanh bao gồm việc bán gần một nửa trang trại, cả khu trồng cây thông Giáng sinh, ruộng bí ngô, và một đồng cỏ, hy vọng có thể

tìm được người mua. Họ sẽ giảm một phần ba số gia súc trong đàn, nhưng theo tính toán của bà, họ sẽ có thể đáp ứng được phần tiền trả góp mỗi tháng sau khi được giảm.

Ba ngày sau, ngân hàng chính thức từ chối lời đề nghị đó.



Vào buổi tối thứ Sáu cuối tháng, Sophia xuất hiện ở trang trại, vẻ buồn bã hiện rõ. Đôi mắt cô đỏ và sưng lên, còn đôi vai thống xuống vì thất vọng. Luke vòng tay qua người cô ngay khi cô vừa đến hiên nhà.

“Có chuyện gì không ổn sao?”

Anh nghe tiếng cô sụt sịt, rồi khi cô nói, giọng cô run rẩy. “Em không thể đợi thêm nữa,” cô nói. “Nên em đã gọi điện cho Bảo tàng Nghệ thuật Denver và hỏi liệu họ đã có thời gian đánh giá đơn của em chưa. Họ nói họ đã xem qua và vị trí thực tập đã được chọn. Khi em gọi điện cho Bảo tàng Nghệ thuật đương đại cũng vậy.”

“Anh rất tiếc,” anh nói, ôm ấp cô trong vòng tay. “Anh biết em đã mong có được một trong hai công việc đó như thế nào.”

Cuối cùng, cô lùi lại, vẻ lo lắng hiển hiện trên khuôn mặt. “Em sẽ phải làm gì đây? Em không muốn quay về ở với bố mẹ. Em không muốn làm việc ở quán ăn nữa.”

Anh định bảo cô rằng cô có thể ở đây với anh bao lâu cũng được, nhưng sức nhớ ra điều đó cũng sẽ không thể thực hiện được.



Đầu tháng Tư, Luke nhìn mẹ anh dẫn ba người đàn ông đi thăm trang trại. Anh nhận ra một trong ba người là chủ

trang trại gần Durham. Họ có nói chuyện một hai lần tại mấy buổi đấu giá gia súc và Luke chẳng quen biết gì người đàn ông này, nhưng dù ở cách xa anh vẫn thấy rõ là mẹ anh không ưa ông ta. Luke không biết liệu đó là do yêu ghét cá nhân, hay do nguy cơ mất trang trại đang ngày một thành hiện thực. Hai người còn lại anh đoán là người thân hay đối tác làm ăn.

Trong bữa tối hôm ấy, mẹ anh không nói gì về việc này. Và anh cũng không hỏi.



Mặc dù Luke chỉ thi đấu ba trong số bảy sự kiện đầu tiên của năm, nhưng anh cũng tích đủ điểm để giữ mình ở vị trí thứ năm vào ngày kết thúc - đủ tiêu chuẩn để vào vòng đấu lớn. Dịp cuối tuần sau đó ở Chicago có một sự kiện với số tiền thưởng đủ để giúp trang trại xoay xở cho đến tận cuối năm, nếu như anh thi đấu tốt như hồi mùa giải bắt đầu.

Nhưng anh đã giữ lời hứa với Sophia và mẹ. Con bò máy trong nhà kho được phủ kín, và một đấu sĩ khác bước vào vòng đấu lớn thay cho anh, hẳn anh ta cũng ôm mộng vô địch.



“Anh có hối tiếc không?” cô hỏi anh. “Về việc không thi đấu cuối tuần này ấy.”

Họ nảy ra ý định lái xe đến bãi biển Atlantic dưới bầu trời xanh không một gợn mây. Trên bờ biển, gió thổi mát nhưng không buốt, bãi biển lác đác người đi bộ và thả diều; vài người lướt sóng đứng cảm đang cười từng con sóng dài, cuộn cuộn cuốn vào bờ.

“Không hề,” anh nói không chút ngập ngừng.

Họ bước thêm vài bước, chân Luke lún xuống cát.

“Em cá anh hẳn sẽ thi đấu tốt.”

“Cũng có thể.”

“Anh có nghĩ lẽ ra mình đã thắng không?”

Luke nghĩ một lúc trước khi trả lời, mắt anh dán vào đôi cá heo lướt trên mặt nước.

“Có thể,” anh nói. “Nhưng cũng có thể không. Có khá nhiều đấu sĩ xuất sắc trong cuộc thi.”

Sophia dừng lại rồi nhìn lên Luke. “Em mới nhận ra một điều.”

“Điều gì vậy?”

“Khi anh thi đấu ở Bắc Carolina, anh nói đã bốc được con Quái Thú Cục Súc trong vòng chung kết.”

Anh gật đầu.

“Anh chưa bao giờ kể về chuyện đã xảy ra.”

“Chưa,” anh nói, mắt vẫn nhìn đôi cá heo. “Anh chưa kể phải không?”



Một tuần sau, ba người đàn ông lúc trước đến xem trang trại quay lại và dành nửa tiếng trong bếp nhà mẹ anh. Luke đoán họ đang đưa ra một lời đề nghị hay đại loại thế, nhưng anh không có tâm trạng để qua đó tìm hiểu. Thay vào đó, anh đợi cho đến khi họ đi khỏi. Khi bước vào, anh thấy mẹ vẫn đang ngồi bên bàn bếp.

Bà nhìn anh và không nói gì.

Rồi bà chỉ lắc đầu.



“Anh làm gì vào thứ Sáu tới?” Sophia hỏi. “Không phải ngày mai, mà tuần sau cơ?” Đó là tối thứ Năm, chỉ còn

chưa đầy một tháng nữa là đến lễ tốt nghiệp, lần đầu tiên - và có lẽ là cuối cùng - Luke thấy mình ở một câu lạc bộ, được vây quanh bởi một đám đông om sòm gồm toàn những cô gái ở nhà nữ sinh. Marcia cũng ở đó. Và tuy có chào Luke, nhưng cô mê mẩn anh chàng tóc đen đã gặp họ ở đó hơn nhiều. Anh và Sophia phải hét lên, đứng ngẩn ngơ mới có thể nghe tiếng nhau trên nền nhạc âm ỉ khủng khiếp.

“Anh không biết. Anh nghĩ là làm việc thôi,” anh nói. “Nhưng sao?”

“Vị trưởng khoa, đồng thời cũng là người cố vấn cho em, đã kiếm cho em mấy giấy mời đến một buổi đấu giá tranh và em muốn anh đến đó.”

Anh ngả người lên bàn. “Em vừa nói buổi đấu giá tranh à?”

“Nghe nói tuyệt lắm, ngàn năm có một đấy. Nó sẽ được tổ chức ở Trung tâm Hội nghị Greensboro bởi một trong những nhà đấu giá lớn nhất đến từ New York. Nghe nói là một người đàn ông bí ẩn nào đó ở Bắc Carolina đã sở hữu một bộ sưu tập tầm cỡ thế giới những tác phẩm nghệ thuật đương đại. Mọi người từ khắp nơi trên thế giới bay đến để trả giá cho chúng. Vài tác phẩm được cho là đáng giá cả một gia tài.”

“Và em muốn đi à?”

“Ờ kia? Là nghệ thuật đấy? Anh có biết lần cuối một buổi đấu giá có cùng quy mô được tổ chức ở đây là khi nào không? Chưa bao giờ.”

“Nó sẽ kéo dài trong bao lâu?”

“Em cũng không biết. Em chưa bao giờ đến buổi đấu giá nào, nhưng nói để anh biết, em sẽ đi. Và nếu anh đi cùng được thì tốt. Còn không em sẽ phải ngồi cùng thầy

cố vấn của em, và em dám chắc rằng ông ấy sẽ rủ một giáo sư khác trong khoa đi cùng, tức là họ sẽ dành cả buổi nói chuyện cùng nhau. Mà giả sử trường hợp đó xảy ra, vậy thì em sẽ mang tâm trạng rất tồi tệ và có thể sẽ phải ở lại nhà nữ sinh suốt cuối tuần chỉ để hồi phục thôi đấy.”

“Nếu không biết tính em thì anh sẽ nghĩ em đang dọa anh đấy.”

“Đó không phải là dọa đâu. Chỉ là... vài điều để anh lưu ý thôi.”

“Và nếu như anh đã lưu ý mà vẫn nói không thì sao?”

“Thì anh cũng sẽ gặp rắc rối.”

Anh cười. “Nếu việc đó quan trọng với em, không đời nào anh bỏ lỡ nó.”



Luke không rõ vì sao trước đây anh không để ý, nhưng đôi lúc anh chợt nhận ra việc bắt đầu những công việc thường nhật đã trở nên khó khăn hơn nhiều theo thời gian. Công việc bảo trì trang trại đã bắt đầu tệ đi, không phải vì nó không quan trọng, mà anh nhận ra đó là vì anh chẳng có động lực. Tại sao phải thay những thanh chắn đã vỡ trên hiên nhà mẹ anh? Tại sao phải lấp hố nước bẩn vừa hình thành gần bơm tưới tiêu? Tại sao phải lấp mấy ổ gà đã lún sâu thêm sau mùa đông trên con đường rải sỏi? Tại sao phải làm việc khi mà họ sắp không sống ở đó nữa?

Anh đoán mẹ anh đã miễn dịch được với những cảm giác đó, bà có sự mạnh mẽ mà anh không được thừa hưởng, nhưng khi cưỡi ngựa đi kiểm tra đàn gia súc vào sáng hôm đó, anh để ý có điều gì đó ở trang trại của mẹ, nên anh cho Ngựa dừng lại.

Khu vườn của mẹ anh luôn là niềm tự hào của bà. Từ

khi còn chập chững, anh vẫn nhớ mình đã ngắm mẹ chuẩn bị cho việc gieo hạt vào mùa xuân hay cần mẫn nhổ cỏ dại trong suốt mùa hè, hay thu hoạch rau vào cuối một ngày dài. Nhưng giờ, khi nhìn vào nơi lẽ ra là những luống đất thẳng, ngay ngắn, anh nhận ra mảnh đất đã bị cỏ dại xâm chiếm.



“Nào, về thứ Sáu này.” Sophia xoay người trên giường để đối diện với anh. “Anh nhớ đó là một buổi đấu giá tranh đầy nhé.” Chỉ còn hai ngày nữa, và anh cố tỏ ra hào hứng đúng mực.

“Ừ. Em nói với anh rồi.”

“Có rất nhiều người giàu ở đó. Những người quan trọng.”

“Được rồi.”

“Em chỉ muốn chắc chắn rằng anh sẽ không đội mũ và đi bỏt thôi.”

“Anh hiểu rồi.”

“Anh sẽ cần một bộ vest.”

“Anh có vest mà,” anh nói. “Một bộ đẹp ấy chứ.”

“Anh có vest sao?” Lòng mày cô nhướng lên.

“Sao em lại tỏ ra ngạc nhiên thế?”

“Vì em không tưởng tượng được ra anh mặc vest. Em chỉ toàn thấy anh mặc quần jean thôi.”

“Không đúng,” anh nháy mắt. “Lúc này anh đâu có mặc quần jean.”

“Đừng có suy nghĩ đen tối thế đi,” cô nói, không muốn để ý đến lời bình luận của anh. “Đó không phải điều em nói đến, anh biết mà.”

Anh cười. “Anh đã mua một bộ vest hai năm trước. Cùng sơ mi, cà vạt và giày, nếu em muốn biết. Anh phải đi dự đám cưới.”

“Để em đoán. Đó là lần duy nhất anh mặc nó phải không?”

“Không,” anh lắc đầu nói. “Anh có mặc lại nó.”

“Một đám cưới khác sao?” cô hỏi.

“Một đám tang,” anh nói. “Một người bạn của mẹ anh.”

“Đó là phỏng đoán thứ hai của em,” cô nói, nhảy khỏi giường. Cô vội lấy chiếc chăn đắp trên ghế, quấn nó quanh người, rồi gài phần mép như khăn tắm. “Em muốn xem nó. Ở trong tủ quần áo của anh à?”

“Nó đang treo bên tay phải...” Anh chỉ, chiêm ngưỡng đường nét của cô trong chiếc áo choàng tạm thời.

Cô mở cửa tủ quần áo và lấy ra cái mặc, ngắm nghía nó một lúc. “Anh nói đúng,” cô nói. “Bộ vest đẹp thật.”

“Đấy, em lại tỏ ra ngạc nhiên nữa rồi.”

Cô nhìn anh trong lúc vẫn cầm bộ vest. “Là anh thì anh có ngạc nhiên không?”



Vào buổi sáng, Sophia quay lại học xá trong lúc Luke lái xe đi xem xét đàn gia súc. Họ dự định để Luke đến đón cô vào ngày hôm sau. Nhưng chiều hôm đó khi về đến nhà, anh ngạc nhiên khi thấy cô ngồi ngoài hiên.

Cô đang nắm chặt một tờ báo, và khi cô quay về phía anh, vẻ mặt cô có vẻ mệt mỏi.

“Có chuyện gì vậy?” anh hỏi.

“Chuyện về Ira,” cô nói. “Ira Levinson.”

Phải mất vài giây anh mới nhớ ra cái tên đó. “Ý em là ông lão mình đã cứu ra khỏi xe?”

Cô đưa tờ báo ra. “Anh đọc đi.”

Anh cầm tờ báo và lướt qua cái tiêu đề nói về buổi đấu giá sẽ diễn ra vào ngày hôm sau.

Luke nhúu mày bối rối.

“Đây là bài báo về buổi đấu giá mà.”

“Bộ sưu tập là của Ira,” cô nói.



Mọi chuyện đều được nói trong bài báo. Hoặc phần lớn. Nó có ít chi tiết riêng tư hơn anh tưởng, nhưng anh tìm hiểu được một chút về cửa hiệu của Ira, và bài báo có ghi ngày cưới của ông với Ruth. Bài báo nhắc đến việc Ruth từng là giáo viên và họ đã bắt đầu sưu tập tranh đương đại sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Họ không có con.

Phần còn lại của bài báo nói về buổi đấu giá và những tác phẩm sẽ được mang tới, Luke không quan tâm lắm. Tuy nhiên bài báo kết thúc bằng một dòng khiến anh ngừng lại, và nó tác động đến anh như đã tác động đến Sophia.

Sophia mím môi khi anh đọc đến đoạn cuối bài báo.

“Bác ấy đã không qua khỏi ở bệnh viện,” cô khẽ nói.

“Bác ấy mất vì những chấn thương, một ngày sau khi mình tìm thấy bác ấy.”

Luke ngửa mặt lên trời, nhắm mắt trong giây lát. Anh chẳng biết nên nói gì.

“Chúng ta là hai người cuối cùng gặp bác ấy,” cô nói.

“Bài báo không nói, nhưng em biết đó là sự thật. Vợ bác ấy đã mất, họ không có con, và bác ấy chẳng khác nào sống ẩn dật. Bác ấy ra đi một mình, và chỉ nghĩ đến điều đó thôi em đã đau lòng. Vì...”

Cô lặc giọng, Luke kéo cô lại gần, nghĩ về bức thư Ira viết cho vợ ông.

“Anh biết tại sao,” Luke nói. “Vì nó cũng làm anh đau lòng.”



Sophia

Vào ngày diễn ra buổi đấu giá, Sophia vừa đeo xong khuyên tai thì đã thấy xe tải của Luke đỗ trước cửa nhà. Mặc dù hôm trước cô trêu anh vì anh chỉ có một bộ vest, nhưng thực ra cô cũng chỉ có hai bộ, cả hai đều là váy dài ngang gối và áo khoác cùng màu. Cô mua chúng chỉ vì cần thứ gì đó lịch sự và chuyên nghiệp để mặc đến các buổi phỏng vấn. Lúc ấy cô nghĩ, hai bộ thì e là không đủ cho tất cả những buổi phỏng vấn mà cô sẽ tham dự. Và giờ điều này khiến cô nghĩ đến câu thành ngữ... thế nào nhỉ? Người tính không bằng trời tính, hay đại loại thế?

Và đúng thế thật, mỗi bộ cô chỉ mặc một lần. Cô chọn bộ sáng màu hơn vì biết bộ của Luke có màu tối. Mặc dù lúc đầu rất háo hức, nhưng giờ cô cảm thấy mâu thuẫn một cách kỳ lạ về việc đến buổi đấu giá. Việc phát hiện bộ sưu tập này là của Ira bỗng khiến cho chuyện này có phần cá nhân hơn, và cô sợ mỗi bức tranh sẽ khiến cô nhớ lại hình ảnh ông khi cô đọc bức thư của ông trong bệnh viện. Nhưng không đi thì lại có vẻ khiếm nhã, bởi bộ sưu tập rõ ràng vô cùng có ý nghĩa với ông và vợ ông. Cô ra khỏi phòng và đi xuống nhà, lòng vẫn đầy mâu thuẫn.

Luke đang đợi ngoài tiền sảnh.

“Em sẵn sàng chưa?”

“Chắc là rồi,” cô đáp đại. “Cảm giác thật khác.”

“Anh biết. Anh nghĩ về Ira suốt tối qua.”

“Em cũng thế.”

Anh cố nở nụ cười, mặc dù không có chút năng lượng nào trong đó. “Nói chứ, trông em đẹp lắm. Em nhìn người lớn hẳn đấy.”

“Anh cũng vậy,” cô nói thật lòng. *Nhưng...*

“Sao em cứ có cảm giác như chúng ta đến dự đám tang vậy?” cô hỏi anh.

“Vì,” anh nói, “xét về một mặt nào đó, thì đúng thế mà.”



Họ bước vào một trong những căn phòng trưng bày lớn ở trung tâm hội nghị một tiếng trước giờ trưa. Nó hoàn toàn khác với những gì cô tưởng tượng. Ở phía xa căn phòng là sân khấu có ba mặt được rèm bao quanh, bên phải là hai chiếc bàn dài nằm trên bục cao, mỗi cái đặt mười chiếc điện thoại; phía bên kia là cái bục chắc hẳn dành cho người điều khiển buổi đấu giá. Một màn hình lớn được dùng làm phông nền trên sân khấu, và phía trước là một cái giá trống. Ước tính có khoảng ba trăm chiếc ghế quay mặt về phía sân khấu theo kiểu ở sân vận động, để những người trả giá có được tầm nhìn thông thoáng.

Mặc dù căn phòng đông đúc nhưng chỉ vài ghế là có người ngồi. Thay vào đó, phần lớn mọi người đi quanh phòng, ngắm ảnh chụp một vài bức tranh giá trị nhất. Các bức ảnh được đặt trên giá dọc tường, kèm theo thông tin về các họa sĩ, giá các tác phẩm của họ ở những buổi đấu giá khác, cùng với giá trị ước tính. Những khách tham quan

khác tụ tập xung quanh bốn chiếc bục ở hai bên lối đi, chất đầy những cuốn catalog giới thiệu toàn bộ bộ sưu tập.

Sophia băng qua phòng, Luke đi bên cạnh, cảm thấy hơi choáng ngợp. Không chỉ vì toàn bộ chỗ này đã từng thuộc về Ira, mà vì chính bản thân bộ sưu tập. Có những tác phẩm của Picasso và Warhol, Johns và Pollock, Rauschenberg và de Kooning, được trưng bày ngay cạnh nhau. Một vài tác phẩm cô chưa bao giờ đọc đến hay nghe tên. Và lời đồn về giá trị của chúng cũng không hề bị thổi phồng; cô sửng sốt trước một vài con số ước tính, rồi lại phát hiện ra rằng bộ tranh tiếp theo còn có giá cao hơn thế. Nhìn tất cả số tranh ấy, cô cố gắng liên hệ những con số đó với Ira, ông lão hiền lành với lá thư không viết gì ngoài tình yêu vẫn luôn dành cho vợ mình.

Suy nghĩ của Luke dường như cũng hết như cô, anh nắm lấy tay cô thì thầm, “Bác ấy không hề nhắc về những điều này trong thư.”

“Có thể không có điều gì ở đây có ý nghĩa với bác ấy,” cô ghen ngào nói. “Nhưng sao chúng lại không có nghĩa gì chứ?” Thấy Luke không trả lời, cô siết chặt tay anh. “Em ước gì chúng ta có thể giúp được bác ấy nhiều hơn.”

“Anh không biết chúng mình còn giúp gì hơn được nữa.”

“Nhưng em vẫn...”

Đôi mắt xanh của anh nhìn thẳng vào mắt cô. “Em đã đọc bức thư,” anh nói. “Đó là điều bác ấy muốn. Và anh nghĩ đó là lý do tại sao số phận để anh và em tìm thấy bác ấy. Làm gì có ai ở lại đợi như vậy chứ?”

Khi có thông báo mời mọi người ngồi vào ghế, Luke và Sophia tìm thấy hai chiếc ghế trống ở hàng sau. Sophia thấy thất vọng vì ngồi ở đây gần như không thể nhìn được giá

để tranh. Nếu được nhìn gần một vài bức thì thật tuyệt vời, nhưng cô biết những chỗ ngồi đó nên dành cho những người mua tranh sắp tới, và cô không muốn lát nữa lại có người gõ vào vai cô và đề nghị đổi chỗ. Vài phút sau, những người đàn ông và phụ nữ mặc vest bắt đầu ngồi xuống phía sau những chiếc điện thoại trên hai chiếc bàn cao, rồi chẳng mấy chốc, những bóng đèn phía trên đầu bắt đầu tối đi nhường cho một loạt đèn pha rơi xuống chiếu sáng sân khấu.

Sophia nhìn lướt qua đám đông, thấy hai vị giáo sư lịch sử nghệ thuật mà một trong số đó là thầy cố vấn của cô. Lúc đồng hồ sắp điểm một giờ, căn phòng dần lắng xuống, tiếng thì thầm dần tắt hẳn khi một người đàn ông tóc bạc trong bộ vest may đo tinh tế đi đến bục diễn giả. Ông ta cầm một tập tài liệu và mở nó ra, rồi cho tay vào túi áo lấy ra cặp kính. Ông ta đặt kính lên sống mũi trong lúc điều chỉnh lại những trang giấy.

“Kính thưa quý ông quý bà, tôi muốn cảm ơn tất cả quý vị đã đến buổi đấu giá bộ sưu tập xuất chúng của Ira và Ruth Levinson. Như quý vị đã biết, việc công ty chúng tôi tổ chức một sự kiện ở một địa điểm không phải của mình như thế này là điều không theo thường lệ, nhưng trong trường hợp này, ông Levinson không cho chúng tôi nhiều lựa chọn. Việc một vài bức tranh đặc biệt trong buổi đấu giá hôm nay vẫn còn chưa được tiết lộ cũng là một điều khác lạ. Để bắt đầu, tôi xin giải thích quy định của buổi đấu giá này. Phía dưới mỗi ghế ngồi là một tấm nhựa được đánh số thứ tự, và...”

Ông ta tiếp tục nói về quá trình đấu giá, nhưng suy nghĩ của cô lại hướng về Ira, cô bỏ chúng ngoài tai. Cô chỉ nghe loáng thoáng danh sách những người tham gia buổi đấu giá - những người phụ trách ở Whitney, Bảo tàng

Nghệ thuật đương đại, Viện Tate, và vô số những bảo tàng khác ở nước ngoài. Cô đoán phần lớn những người ngồi trong phòng là đại diện của những nhà sưu tập cá nhân hoặc phòng tranh tư nhân, hy vọng giành được một thứ gì đó vô cùng hiếm.

Sau khi quy định được phổ biến qua và những cá nhân và cơ quan được cảm ơn, người đàn ông tóc bạc lại một lần nữa tập trung sự chú ý của đám đông. “Lần này, tôi có vinh hạnh được giới thiệu với quý vị ông Howie Sanders. Ông Sanders đây đã là luật sư của Ira Levinson trong nhiều năm, và ông ấy có vài điều muốn chia sẻ với quý vị ngày hôm nay.”

Sau đó ông Sanders xuất hiện, một người lớn tuổi, lưng còng, bộ vest len tối màu trùm lên dáng hình xương xươg. Ông chậm chậm đi đến bục phát biểu. Lên đến nơi, ông hắng giọng rồi bắt đầu bài phát biểu bằng giọng hào sảng và rõ ràng.

“Chúng ta tụ họp tại đây hôm nay để tham dự một sự kiện đặc biệt. Dù sao, cũng thật lạ khi một bộ sưu tập quy mô và đáng chú ý đến thế lại không được phát hiện và không ai xét đến trong suốt bao năm qua. Sáu năm về trước, tôi đồ rằng chẳng mấy ai trong căn phòng này biết đến sự tồn tại của bộ sưu tập này. Hoàn cảnh hình thành - hay nói đúng hơn là cách thức hình thành - đã được nói đến trong bài viết trên tạp chí, và tôi vẫn phải thừa nhận rằng, tuy đã là luật sư của Ira Levinson trong suốt bốn mươi năm qua, nhưng tôi vẫn thấy kinh ngạc trước tầm quan trọng về mặt văn hóa và giá trị của bộ sưu tập này.”

Ông ngừng lại, ngẩng lên nhìn khán giả rồi mới tiếp tục. “Nhưng đó không phải lý do tôi ở đây. Tôi ở đây vì Ira đã tỏ ra rất dứt khoát khi chỉ dẫn về buổi đấu giá này.

Và ông ấy yêu cầu tôi nói vài lời với quý vị. Tôi phải thú nhận là tôi không muốn bị yêu cầu làm thế này chút nào. Tôi thấy thoải mái trong phòng xử án hay trong phạm vi văn phòng tôi, chứ tôi hiếm khi bị yêu cầu phải đối diện với khán giả trong hoàn cảnh như thế này, ở nơi nhiều người trong số quý vị đây gánh trách nhiệm phải có được một tác phẩm nghệ thuật đặc biệt nào đó cho khách hàng hay cơ quan với cái giá mà ngay cả tôi cũng khó lòng hiểu được. Nhưng vì bạn của tôi, Ira, đã yêu cầu tôi nói, nên giờ tôi đang rơi vào một hoàn cảnh chẳng ai muốn thế này.”

Một vài tiếng cười khúc khích đầy thành ý vang lên trong số khán giả.

“Tôi có thể kể với quý vị điều gì về Ira? Rằng ông ấy là một người tốt? Một người chân thành, có lương tâm? Rằng ông ấy là một người rất yêu vợ? Hay tôi nên kể về công việc làm ăn của ông ấy, hay một trí tuệ thâm lặng mà ông ấy chỉ thể hiện ra mỗi khi chúng tôi gặp nhau? Tôi đã tự hỏi những câu này, cố gắng tìm ra điều Ira thực sự muốn tôi nói với quý vị. Ông ấy sẽ nói gì nếu ông ấy, chứ không phải tôi, đứng đây trước quý vị? Tôi nghĩ, Ira sẽ nói điều này: ‘Tôi muốn tất cả quý vị hiểu.’ ”

Ông để cho câu nói đó lửng lơ một lúc, đảm bảo rằng mọi người vẫn chú ý.

“Tôi đã tình cờ đọc được một câu trích dẫn,” ông tiếp tục. “Nó được cho là của Pablo Picasso, và hầu hết quý vị đều có thể nhận ra ông ấy là họa sĩ không phải người Mỹ duy nhất có tác phẩm sẽ được trưng bày trong buổi đấu giá hôm nay. Nhiều năm trước, người ta đã dẫn lại lời của Picasso rằng, ‘Chúng ta đều biết nghệ thuật không phải sự thật. Nghệ thuật là lời nói dối khiến chúng ta nhận ra sự thật, ít ra là sự thật ta có thể hiểu.’ ”

Ông lại nhìn khán giả, giọng ông dịu lại.

“Nghệ thuật là lời nói dối khiến chúng ta nhận ra sự thật, ít ra là sự thật ta có thể hiểu,” ông nhắc lại. “Tôi muốn quý vị nghĩ về điều này.” Ông lướt mắt qua khán phòng, nhìn những khuôn mặt khán giả đang lặng thinh. “Tôi thấy câu nói ấy thật sâu sắc ở nhiều cấp độ. Tất nhiên, nó nói đến cách quý vị có thể vận dụng để ngắm các bức tranh mà quý vị sẽ thẩm định ngày hôm nay. Tuy nhiên, khi nghĩ thật kỹ, tôi lại bắt đầu tự hỏi liệu Picasso chỉ nói về hội họa, hay ông ấy còn muốn chúng ta nhìn cuộc đời mình dưới lăng kính đó. Picasso đang gợi ý điều gì vậy? Với tôi, ông ấy đang nói rằng hiện thực của chúng ta được định hình bởi nhận thức. Có những thứ tốt hay xấu đơn thuần chỉ vì chúng ta - quý vị và tôi - tin là như vậy, dựa vào kinh nghiệm của bản thân. Ấy thế mà, Picasso vẫn nói rằng đó là một lời nói dối. *Nói cách khác, ý kiến của chúng ta, suy nghĩ và cảm xúc của chúng ta - bất cứ thứ gì chúng ta trải qua - không nhất thiết phải định hình chúng ta mãi mãi.* Tôi cho rằng đối với một vài người trong quý vị, tôi hình như đang lái sang một bài diễn văn về thuyết luân lý tương đối, trong khi số còn lại có lẽ sẽ nghĩ rằng tôi chỉ là một ông già đang bắt đầu lạc đề...”

Lại một lần nữa, khán giả bật cười.

“Nhưng tôi ở đây để nói với quý vị rằng Ira hẳn sẽ hài lòng với câu trích dẫn tôi chọn. Ira tin vào thiện và ác, đúng và sai, yêu và ghét. Ông ấy đã lớn lên trong một thế giới, trong một thời đại, mà sự tàn phá và thù ghét hiện diện khắp nơi. Vậy mà, Ira không để nó định hình ông ấy hay con người ông ấy hàng ngày phấn đấu trở thành. Hôm nay, tôi muốn quý vị coi buổi đấu giá này như một buổi tưởng

niệm đến những gì ông ấy coi trọng. Nhưng trên hết, tôi mong quý vị hiểu.”



Sophia không rõ phải hiểu bài diễn văn của Sanders như thế nào, và nhìn xung quanh, cô cũng không chắc có ai hiểu được. Trong lúc ông nói, cô để ý thấy vài người nhún tin qua điện thoại còn những người khác xem cuốn catalog.

Sau đó là một khoảng giải lao ngắn, người đàn ông tóc bạc thảo luận với Sanders, rồi người điều khiển buổi đấu giá quay lại bục phát biểu. Ông ta lại đeo kính và hắng giọng.

“Như phần lớn quý vị đã biết, buổi đấu giá được chia thành các phần, phần đầu tiên sẽ diễn ra ngày hôm nay. Lúc này, chúng tôi chưa quyết định được số lượng và thời gian của những phần tiếp theo, vì chúng đương nhiên bị ảnh hưởng bởi kết quả của buổi hôm nay. Và bây giờ, tôi biết nhiều người trong quý vị đang rất mong chờ các điều kiện của buổi đấu giá.”

Gần như cùng một lúc, đám đông bắt đầu ngả người ra trước chú ý.

“Các điều kiện được quyết định bởi khách hàng. Bản thỏa thuận đấu giá ghi khá cụ thể về một số... chi tiết khác thường... bao gồm thứ tự các tác phẩm được đưa ra ngày hôm nay. Theo như những chỉ dẫn mà tất cả quý vị đã nhận từ trước, chúng tôi sẽ tạm nghỉ ba mươi phút để quý vị thảo luận thứ tự với các khách hàng của mình. Cũng xin lưu ý là danh sách các bức tranh chắc chắn được đưa ra hôm nay có thể được tìm thấy ở trang ba mươi tư đến chín mươi sáu của cuốn catalog. Chúng cũng được trưng bày dưới dạng ảnh chụp trên tường. Thêm nữa, thứ tự trong buổi đấu giá sẽ được lên danh sách trên màn hình.”

Người người đứng lên khỏi chỗ ngồi, lấy điện thoại; những người khác bắt đầu bàn bạc. Luke nghiêng qua thì thầm vào tai Sophia.

“Ý em là không ai ở đây biết thứ tự của các tác phẩm à? Nhớ bức tranh họ muốn phải đến cuối giờ mới được mang ra thì sao? Họ sẽ phải ở đây hàng giờ liền.”

“Với một cơ hội tuyệt vời như thế này, họ có thể chờ đến hết đời.”

Anh chỉ về phía những giá tranh dọc tường. “VẬY em thích bức nào? Vì anh đang có vài trăm đô la trong ví và một miếng nhựa có đánh số ở dưới ghế đây. Picasso? Jackson Pollock? Warhol?”

“Ước gì được thế.”

“Em có nghĩ giá bán sẽ đạt đến mức dự tính không?”

“Em không biết, nhưng em dám chắc nhà đấu giá đã tính toán chuyện này rất tốt. Chắc sẽ gần mức đó.”

“Có vài bức tranh đáng giá hơn hai mươi lần trang trại của anh.”

“Khủng khiếp, phải không?”

“Điên thật.”

“Có lẽ thế,” cô thú nhận.

Anh xoay đầu, quan sát khung cảnh. “Anh thắc mắc Ira sẽ nghĩ gì về toàn bộ chuyện này.”

Cô nhớ lại ông lão cô đã gặp ở bệnh viện, và bức thư hoàn toàn không nhắc đến các bức tranh. “Em tự hỏi,” cô nói, “liệu bác ấy thậm chí có quan tâm không.”



Khi giờ giải lao kết thúc và mọi người về chỗ ngồi, người đàn ông tóc bạc bước lên bục. Ngay lúc ấy, hai người đàn ông thận trọng mang một bức tranh được phủ kín đến giá

đỡ trên sân khấu. Sophia tưởng sẽ có một làn sóng phấn khích vì buổi đấu giá giờ đã bắt đầu, nhưng khi nhìn căn phòng cô chỉ thấy vài người có vẻ quan tâm. Cô lại thấy họ bấm điện thoại trong lúc diễn giả chuẩn bị lời giới thiệu. Cô biết tác phẩm lớn đầu tiên, một trong những tác phẩm của de Kooning, được sắp xếp để ra thứ hai và tác phẩm của Jasper Johns ra thứ sáu. Ở giữa là những họa sĩ Sophia không biết ai với ai, đây chắc hẳn là một trong số họ.

“Đầu tiên là bức họa có thể được tìm thấy tại trang ba mươi tư của cuốn catalog. Một bức tranh sơn dầu trên giấy vải, kích thước sáu một nhân bảy bảy phân, được Levinson, không phải họa sĩ, gọi là *Chân dung của Ruth*. Ruth, như hầu hết quý vị đều biết, là vợ của Ira Levinson.”

Cả Luke và Sophia đều đột nhiên chú ý, chăm chú nhìn về giá đỡ lúc bức tranh được gỡ bỏ tấm vải che. Phía sau nó là bức tranh được phóng to trên màn hình bằng máy chiếu. Ngay cả với con mắt thiếu kinh nghiệm, Sophia cũng nhận ra nó được vẽ bởi một đứa trẻ.

“Nó được thực hiện bởi một người Mỹ, Daniel McCallum, sinh năm 1953, mất năm 1986. Ngày chính xác của bức tranh không ai được biết, mặc dù nó được đoán là trong khoảng từ 1965 đến 1967. Theo lời kể của Ira Levinson về bức tranh này, Daniel là cựu học sinh của Ruth, và nó được tặng cho ông Levinson bởi người vợ góa của McCallum vào năm 2002.”

Trong lúc bức tranh được mô tả, Sophia đứng lên để nhìn cho rõ. Ngay từ khoảng cách xa, cô cũng biết đó là tác phẩm của một người nghiệp dư, nhưng sau khi đọc bức thư, cô thắc mắc trông Ruth ra sao. Bất chấp nét vẽ khá thô, Ruth trông vẫn đẹp, với vẻ hiền hậu gọi cô nhớ đến

Ira. Diễn giả tiếp tục.

“Không có nhiều thông tin về họa sĩ, và anh ta hình như cũng không thực hiện thêm tác phẩm nào nữa. Với những quý vị nào chưa sắp xếp để xem tác phẩm này hôm qua, các vị được đến gần sân khấu để quan sát bức tranh. Việc ra giá sẽ bắt đầu trong năm phút nữa.”

Không ai nhúc nhích, và Sophia biết sẽ không ai làm vậy. Thay vào đó, cô nghe tiếng nói chuyện nổi lên, vài người tán gẫu trong lúc những người khác im lặng, đè nén sự hồi hộp dành cho tác phẩm thứ hai được đem ra đấu giá. Khi cuộc đấu giá thực sự bắt đầu.

Năm phút trôi qua thật chậm. Người đàn ông trên bục không có vẻ gì ngạc nhiên. Thay vào đó, ông ta lật những trang giấy trước mặt, cũng tỏ ra không hứng thú như những người khác. Ngay cả Luke cũng không quan tâm, việc đó khiến cô ngạc nhiên, bởi anh cũng đã nghe bức thư của Ira.

Khi hết giờ, diễn giả yêu cầu trật tự. “*Chân dung của Ruth* bởi Daniel McCallum. Chúng ta sẽ bắt đầu ra giá ở mức một nghìn đô la,” ông ta nói. “Một nghìn. Có ai trả một nghìn không?”

Không ai trong số khán giả cử động. Trên bục, người đàn ông tóc bạc không phản ứng gì. “Có ai trả chín trăm không? Hãy nhớ đây là cơ hội sở hữu một phần của bộ sưu tập cá nhân đồ sộ nhất từng được thu thập.”

Không có gì.

“Có ai trả tám trăm không?”

Sau đó vài nhịp: “Có ai trả bảy trăm không?...”

“Sáu trăm?”

Với mỗi mức giảm, Sophia thấy có điều gì đó bắt đầu vỡ vụn trong cô. Điều này thật không phải. Cô lại nghĩ

về bức thư Ira đã viết cho Ruth, nó đã cho cô biết bà có ý nghĩa với ông ấy thế nào.

“Có ai trả năm trăm đô la không?...”

“Bốn trăm?”

Ngay lúc ấy, qua khoeo mắt, cô thấy Luke giờ miếng nhựa lên. “Bốn trăm đô la,” anh hô lớn, và giọng nói của anh dường như vọng lại khắp bốn bức tường. Tuy vài người trong số khán giả quay lại, nhưng họ cũng chỉ tỏ vẻ tò mò một chút.

“Chúng ta có bốn trăm đô la. Bốn trăm. Có ai trả bốn trăm năm mươi không?”

Một lần nữa, căn phòng lại im lặng. Sophia đột nhiên chóng mặt.

“Một lần, hai lần, và bán...”



Luke được một phụ nữ tóc nâu xinh đẹp cầm theo một tấm bảng tiếp cận, yêu cầu thông tin của anh trước khi giải thích rằng giờ cũng là lúc thanh toán. Cô hỏi xin thông tin ngân hàng của anh hay mẫu đơn anh đã điền lúc trước.

“Tôi không điền mẫu đơn nào cả,” anh ngại ngần nói.

“Anh muốn thanh toán theo hình thức nào?”

“Cô có nhận tiền mặt không?”

Người phụ nữ mỉm cười. “Được thưa anh. Mời anh theo tôi.”

Luke đi ra cùng người phụ nữ và quay lại sau vài phút, cầm theo hóa đơn. Anh ngồi xuống cạnh Sophia, mỉm cười ranh mãnh.

“Tại sao?” cô hỏi.

“Anh sẵn sàng đánh cược rằng bức tranh này là bức Ira thích nhất.” Anh nhún vai. “Nó là bức đầu tiên được

đưa ra bán. Hơn nữa, bác ấy yêu vợ mình mà đây lại là bức chân dung của bác gái, thật không phải khi không ai muốn mua nó.”

Cô suy nghĩ về điều đó. “Nếu không hiểu anh, em sẽ nghĩ anh đang trở nên lãng mạn đấy.”

“Anh nghĩ,” anh từ tốn nói, “Ira mới là người lãng mạn. Anh chỉ là một đầu sĩ cưới bò hết thời thôi.”

“Anh còn hơn thế mà,” cô huých anh và nói. “Anh định treo nó ở đâu?”

“Anh không nghĩ đó là vấn đề, phải không? Mà anh còn chẳng biết mình sẽ ở đâu sau vài tháng nữa.”

Chưa kịp trả lời, cô đã nghe tiếng búa gõ và diễn giả một lần nữa nghiêng vào micro.

“Thưa quý ông quý bà, trước khi chúng ta tiếp tục, lúc này, theo điều kiện của buổi đấu giá, tôi muốn giới thiệu lại Howie Sanders, ông muốn đọc bức thư của Ira Levinson, những lời do chính Ira viết, sau khi tác phẩm này được bán.”

Sanders xuất hiện từ sau tấm rèm, xộc xệch trong bộ vest quá khổ, trong tay ông là chiếc phong bì. Người đàn ông tóc bạc bước sang một bên để nhường chỗ.

Sanders dùng cái mở thư để rạch đầu phong bì rồi lấy bức thư ra. Ông hít một hơi dài rồi chậm chậm mở nó ra. Ông nhìn lướt qua căn phòng và uống một ngụm nước. Rồi ông nghiêm mặt lại, như một diễn viên đang chuẩn bị cho một cảnh đặc biệt kịch tính, và bắt đầu đọc.

“Tên tôi là Ira Levinson, và hôm nay, bạn sẽ nghe câu chuyện của tôi. Nó không phải câu chuyện mà có thể bạn đang tưởng tượng. Nó không phải câu chuyện có anh hùng và kẻ ác, nó không phải câu chuyện về hoàng tử đẹp trai và công chúa tương lai. Mà nó là câu chuyện về một người

đàn ông bình thường tên Ira, ông ta đã gặp một phụ nữ phi thường tên Ruth. Chúng tôi gặp và yêu nhau khi còn trẻ, rồi chúng tôi cưới nhau và cùng nhau xây dựng cuộc sống vợ chồng. Một câu chuyện giống như bao câu chuyện khác, trừ việc Ruth yêu nghệ thuật còn tôi thì chỉ yêu bà ấy, và bằng cách nào đấy điều đó lại đủ để chúng tôi tạo nên một bộ sưu tập vô giá với cả hai. Với Ruth, hội họa là cái đẹp và tài năng; với tôi, hội họa đơn thuần là hình ảnh phản chiếu Ruth, và cứ như vậy, chúng tôi lấp đầy ngôi nhà của mình và cùng nhau sống một cuộc sống vô cùng hạnh phúc. Nhưng đột nhiên, mọi chuyện kết thúc và tôi thấy mình đơn độc giữa một thế giới nay đã chẳng còn chút ý nghĩa.”

Sanders dừng lại và lau nước mắt. Sophia ngạc nhiên khi nghe giọng ông vỡ ra. Ông hắng giọng, Sophia nghiêng người về phía trước, bỗng thấy quan tâm đến điều Sanders đang nói.

“Thật không công bằng với tôi. Vắng Ruth, tôi không có lý do gì để sống tiếp. Rồi sau đó, điều kỳ diệu đã xảy ra. Một bức chân dung của vợ tôi đã đến, một món quà bất ngờ, và khi treo nó lên tường, tôi có một cảm giác kỳ lạ là Ruth lại một lần nữa dõi theo tôi. Giúp đỡ tôi. Dẫn lối cho tôi. Dần dần, những kỷ niệm về cuộc đời của tôi với bà ấy được phục hồi, những kỷ niệm gắn liền với từng tác phẩm trong bộ sưu tập của chúng tôi. Với tôi, những kỷ niệm này luôn có giá trị hơn những bức tranh. Tôi không thể bỏ chúng đi được, mà - nếu tranh là của bà ấy còn kỷ niệm là của tôi - thì tôi phải làm gì với bộ sưu tập đây? Tôi hiểu tình thế khó xử này nhưng luật pháp thì không, và trong suốt một thời gian dài tôi không biết phải làm sao. Dù sao thì, không có Ruth, tôi chẳng là gì cả. Tôi yêu bà ấy kể từ giây phút tôi gặp bà ấy, và dù tôi có chết, bạn cũng

nên hiểu tôi yêu bà ấy cho đến hơi thở cuối cùng của mình. Trên hết, tôi muốn bạn hiểu một sự thật giản đơn: mặc dù các bức tranh đẹp và có giá trị gần như không đong đếm được, tôi vẫn sẽ đánh đổi toàn bộ chúng để có được thêm dù chỉ một ngày nữa với người vợ tôi hằng yêu quý.”

Sanders quan sát khán giả. Mọi người bất động trên ghế của mình.

Có điều gì đó đang diễn ra, một điều vô cùng đặc biệt. Sanders dường như cũng nhận ra điều này, và có lẽ vì hào hứng, mà giọng ông như nghẹn lại.

“*Dù chỉ một ngày nữa,*” Sanders nhắc lại, để những từ ấy lửng lơ một lát rồi mới tiếp tục. “Nhưng làm sao tôi có thể khiến bạn tin rằng tôi sẽ làm một việc như thế? Làm sao tôi thuyết phục bạn rằng tôi không hề quan tâm đến giá trị thương mại của những bức tranh? Làm sao tôi chứng minh được Ruth đặc biệt thế nào đối với tôi? Làm sao để các bạn không bao giờ quên tình yêu của tôi dành cho bà ấy ẩn đằng sau của từng tác phẩm chúng tôi mua?”

Sanders ngược nhìn trần nhà mái vòm, rồi nhìn toàn bộ khán giả.

“Người mua *Chân dung của Ruth* có thể đứng lên được không?”

Đến lúc ấy, Sophia gần như không thở nổi nữa. Tim cô đập thình thịch khi Luke đứng lên. Cô thấy toàn bộ khán giả dồn sự chú ý vào anh.

“Điều khoản trong di chúc của tôi - và buổi đấu giá - rất đơn giản: tôi đã quyết định bất cứ ai mua *Chân dung của Ruth* sẽ nhận toàn bộ bộ sưu tập tranh này, điều khoản có hiệu lực tức thì. Và vì bộ sưu tập không còn là của tôi, nên phần còn lại của buổi đấu giá sẽ bị hủy.”



Luke

Luke chết trân. Đứng ở hàng ghế phía sau, anh cảm thấy được sự im lặng khủng khiếp trong phòng. Phải mất vài giây những gì Ira nói mới bắt đầu được thấm thấu, không chỉ với Luke, mà với tất cả những ai có mặt.

Sanders đang đùa sao. Hay nếu ông nghiêm túc, thì là Luke hiểu nhầm. Vì với Luke điều đó nghe như thể anh vừa có được toàn bộ bộ sưu tập vậy. Nhưng không thể thế được. Điều đó là không thể. Phải không?

Suy nghĩ của anh dường như cũng hết với tất cả khán giả. Anh thấy những vẻ mặt bế tắc và những cái nhíu mày khó hiểu, người ta vung tay lên, mặt thể hiện sự choáng váng và bối rối, thậm chí là bị phản bội.

Và sau đó: hỗn loạn. Nó không phải kiểu hỗn loạn ném bàn ghế thường thấy ở những sự kiện thể thao, mà là sự tức giận có kiểm soát của những người có địa vị và quan trọng. Một người đàn ông ngồi hàng thứ ba ở chính giữa đứng lên và dọa sẽ gọi cho luật sư riêng; một người khác hét lên rằng ông ta đã bị lừa đến đây và cũng sẽ gọi cho luật sư. Một người khác khẳng định cho rằng đây là một vụ lừa đảo.

Sự phẫn nộ và tức giận trong phòng bắt đầu tăng lên, đầu tiên là từ từ sau đó là bùng nổ. Thêm nhiều người

đứng lên và hét về phía Sanders; một nhóm khác tập trung sự chú ý vào người đàn ông tóc bạc. Ở đầu kia căn phòng, một trong những giá đỡ đồ sắp xuống sàn, hậu quả của việc có ai đó vừa lao ra ngoài.

Và rồi cùng một lúc, những khuôn mặt bắt đầu quay sang Luke. Anh thấy nổi tức giận, thất vọng và cảm giác bị bội phản của đám đông. Nhưng cũng cảm thấy sự nghi ngờ nhằm vào mình từ vài người trong số họ. Còn ở những người khác thì ánh lên vẻ cơ hội. Một cô gái tóc vàng xinh đẹp trong bộ vest vừa vịn áp sát anh, rồi cùng một lúc, ghế bị đẩy sang bên khi cả đám người bắt đầu ào về phía Luke, thi nhau gọi.

“Xin lỗi...”

“Chúng ta nói chuyện nhé?”

“Tôi muốn đặt lịch gặp anh...”

“Anh định làm gì với tác phẩm của Warhol?”

“Khách hàng của tôi đặc biệt quan tâm tới một trong những tác phẩm của Rauschenberg...”

Theo bản năng, Luke nắm tay Sophia, đẩy ghế của mình ra sau để lấy chỗ thoát thân. Một thoáng sau, họ đã chạy ra đến cửa, đám đông đuổi theo sau.

Anh đẩy cửa mở ra và thấy sáu vệ sĩ đứng sau hai người phụ nữ và một người đàn ông đeo phù hiệu của nhà tài trợ đấu giá. Một trong số họ là người phụ nữ xinh đẹp đã lấy thông tin của anh và gần như toàn bộ chỗ tiền mặt mà anh có trong ví.

“Anh Collins?” cô ấy hỏi. “Tên tôi là Gabrielle và tôi làm việc cho nhà đấu giá. Chúng tôi có phòng riêng cho anh ở trên gác. Chúng tôi dự đoán trước rằng chuyện này có thể sẽ hơi náo loạn, nên đã có vài thu xếp đặc biệt để anh được thoải mái và an toàn. Anh sẽ đi theo tôi chứ?”

“Tôi nghĩ tôi sẽ ra xe tải của mình...”

“Vẫn còn vài giấy tờ nữa, chắc anh cũng biết. Nên nếu anh không phiền, xin mời anh.” Cô ra hiệu về phía sảnh.

Luke quay lại nhìn đám đông đang đến. “Đi thôi,” anh quyết định.

Vẫn nắm chặt tay Sophia, anh quay lại và đi theo Gabrielle, hai bên là ba vệ sĩ. Luke nhận ra những người khác ở lại đằng sau để ngăn đám đông đi theo. Anh có thể nghe loáng thoáng họ hét lên với mình, nã anh hàng loạt câu hỏi.

Anh có cảm giác rằng ai đó đang chơi khăm mình, mặc dù anh không biết để làm gì. Thật điên rồ. Tất cả chuyện này đều điên rồ...

Họ rẽ ở góc lối đi và đi qua một cánh cửa dẫn đến cầu thang. Khi Luke quay lại nhìn, anh nhận thấy chỉ có hai vệ sĩ đi cùng họ; người còn lại đã ở lại canh cửa.

Lên tầng hai, anh và Sophia được dẫn đến một khung cửa gỗ, Gabrielle mở cửa cho họ.

“Xin mời,” cô nói, đưa họ vào một sảnh lớn có nhiều phòng nhỏ, “cứ tự nhiên. Chúng tôi có đồ uống và đồ ăn ở phía trong, cùng với cuốn catalog. Tôi chắc anh có hàng ngàn câu hỏi và tôi đảm bảo rằng chúng sẽ được trả lời hết.”

“Chuyện gì đang diễn ra vậy?” anh hỏi.

Cô nhướn một bên mày. “Tôi nghĩ anh đã rõ,” cô nói mà không trả lời thẳng vào câu hỏi. Cô quay về phía Sophia và đưa tay ra. “Tôi e là mình chưa biết tên chị.”

“Sophia,” cô nói. “Sophia Danko.”

Gabrielle nghiêng đầu. “Người Slovakia phải không? Một đất nước đẹp. Rất hân hạnh được gặp chị.” Rồi cô lại quay sang Luke. “Các vệ sĩ sẽ được bố trí ở ngoài cửa nên anh không phải lo có ai làm phiền. Bây giờ tôi dám chắc

anh có nhiều điều để cân nhắc và bàn bạc. Chúng tôi sẽ để anh ở một mình vài phút để xem xét bộ sưu tập. Như thế có được không?”

“Chắc là được,” Luke nói, đầu óc vẫn quay cuồng. “Nhưng...”

“Ông Lehman và ông Sanders sẽ đến ngay bây giờ.”

Luke nhường mầy với Sophia trước khi quan sát cái căn phòng được trang bị đầy đủ này. Đi văng và ghế dựa bao quanh một chiếc bàn tròn thấp. Trên bàn đặt mấy loại đồ uống, có cả một chiếc xô đá đựng chai sâm banh, một đĩa để bánh mì kẹp, và một đĩa pha lê đựng hoa quả thái lát và vài loại phô mai.

Bên cạnh bàn là cuốn catalog, đang mở ra ở một trang đặc biệt.

Phía sau họ, cánh cửa đã đóng và Luke thấy mình ở một mình cùng Sophia. Cô liếc sang anh, rồi cẩn trọng đi đến bên bàn xem trang catalog đang mở.

“Đó là Ruth,” cô nói, sờ vào trang giấy. Anh nhìn sang trong khi cô khẽ rà ngón tay trên bức ảnh.

“Chuyện này không thể xảy ra được phải không?”

Cô tiếp tục nhìn bức ảnh trước khi quay sang anh cùng một nụ cười ngạc nhiên và sung sướng. “Không,” cô nói, “em nghĩ chuyện này đúng là đang xảy ra đây.”



Gabrielle quay lại cùng ông Sanders và ông Lehman, Luke nhận ra đó là người đàn ông tóc bạc đã chủ trì buổi đấu giá.

Sau khi Sanders giới thiệu bản thân, ông ngồi xuống ghế và xì mũi vào chiếc khăn mùi soa bằng vải lanh. Nhìn gần, Luke để ý thấy những nếp nhăn và hai hàng lông mày trắng rậm rạp; anh đoán người đàn ông này chừng ngoài

bảy mươi. Nhưng nét tinh quái ẩn dưới vẻ mặt ông khiến ông như trẻ hơn.

“Trước khi bắt đầu, để tôi nói về câu hỏi đầu tiên và hiển nhiên nhất mà tôi dám chắc rằng anh đang lẩn tránh,” Sanders cất lời, đặt tay trên đầu gối. “Chắc hẳn anh đang thắc mắc, liệu có điều kiện gì không? Có thật là anh được thừa kế toàn bộ bộ sưu tập bằng việc mua *Chân dung của Ruth* không? Tôi nói có đúng không?”

“Gần như là đúng hết,” Luke thú nhận. Kể từ vụ náo loạn trong khán phòng, giờ anh cảm thấy hoàn toàn lạc lõng. Khung cảnh này... những con người này... chưa có điều gì lạ lẫm với anh đến thế.

“Câu trả lời cho câu hỏi của anh là đúng thế,” Sanders nói bằng giọng dễ chịu. “Theo như những điều khoản trong di chúc của Ira Levinson, người mua tác phẩm đó, *Chân dung của Ruth*, sẽ được nhận toàn bộ bộ sưu tập. Đó là lý do tại sao nó được đưa ra bán đầu tiên. Nói cách khác, không có điều kiện gì cả. Không có gì ràng buộc hết. Bộ sưu tập giờ đây thuộc quyền quyết định của anh.”

“Vậy là tôi có thể yêu cầu ông chất nó lên phía sau xe tải và tôi có thể mang hết về nhà sao? Ngay bây giờ?”

“Đúng,” Sanders trả lời. “Tuy nhiên, nếu xét về quy mô của bộ sưu tập, chắc phải mất vài chuyến đi đấy. Và tôi cũng đề xuất một hình thức vận chuyển an toàn hơn vì giá trị của một vài tác phẩm.”

Luke chết lặng nhìn ông.

“Tuy nhiên, có một vấn đề mà anh nên cân nhắc.”

Đây rồi, Luke nghĩ.

“Nó liên quan đến thuế tài sản thừa kế,” Sanders nói. “Có thể anh đã hoặc chưa biết, bất cứ một tài sản để lại bằng di chúc nào khi vượt quá một giá trị nhất định sẽ phải đóng

thuế cho chính phủ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, hay Sở Thuế Vụ. Giá trị của bộ sưu tập vượt xa con số đó, điều này đồng nghĩa với việc anh có nghĩa vụ đóng một số tiền thuế đáng kể mà anh phải thực hiện. Trừ phi anh có cả một gia tài - một gia tài lớn ấy chứ - với khối tài sản đáng kể có thể quy thành tiền mặt để trả số thuế này, bằng không thì anh gần như sẽ phải bán một phần bộ sưu tập để trả được nó. Có khi là cả nửa bộ sưu tập đấy. Tất nhiên, nó tùy thuộc vào việc anh chọn bức nào để bán. Anh có hiểu điều tôi đang nói không?”

“Tôi nghĩ là có. Tôi được thừa kế rất nhiều và phải trả thuế cho nó.”

“Chính xác. Nên trước khi bàn bạc thêm, tôi muốn hỏi liệu có luật sư tài sản nào mà anh muốn làm việc cùng không. Nếu không, tôi rất vui lòng giới thiệu.”

“Tôi không có ai cả.”

Sanders gật đầu. “Tôi đoán là anh không có - anh vẫn còn trẻ. Đương nhiên là không vấn đề gì.” Ông cho tay vào túi và lấy ra một tấm danh thiếp. “Nếu anh gọi cho văn phòng tôi vào sáng thứ Hai, tôi sẽ cho anh một danh sách. Tất nhiên là anh không nhất thiết phải chọn bất cứ cái tên nào trong số những người tôi giới thiệu.”

Luke xem xét tấm thiếp. “Ở đây nói ông là luật sư tài sản.”

“Đúng thế. Trước đây, tôi làm ở lĩnh vực khác, nhưng đạo này công việc liên quan đến tài sản hợp với tôi.”

“Vậy tôi có thể thuê ông không?”

“Nếu anh muốn thế,” ông nói. Ông chỉ tay về những người khác trong phòng. “Anh đã gặp Gabrielle, cô ấy là phó giám đốc phụ trách quan hệ khách hàng của nhà đấu giá. Tôi cũng muốn anh gặp David Lehman, giám đốc nhà đấu giá.”

Luke bắt tay ông ta và nói vài câu xã giao trước khi Sanders tiếp tục.

“Anh có thể tưởng tượng rằng việc thu xếp cho buổi đấu giá vào lúc này thật sự là... một thử thách trên nhiều phương diện, bao gồm cả phương diện tài chính. Nhà đấu giá của ông Lehman là nơi Ira Levinson lựa chọn. Anh không có nghĩa vụ phải chọn nó trong tương lai, nhưng khi tôi và Ira đi vào làm việc chi tiết, ông ấy yêu cầu tôi đề xuất người mua cân nhắc kỹ mối quan hệ vốn có của ông ấy với họ. Họ được coi là một trong những nhà đấu giá hàng đầu trên thế giới, tôi nghĩ anh có thể tự kiểm chứng điều đó.”

Luke nhìn những khuôn mặt vây quanh anh, thực tế dần trở nên rõ ràng hơn. “Được rồi,” anh nói. “Nhưng tôi không thể quyết định mà không nói chuyện với luật sư của tôi.”

“Tôi nghĩ đó là quyết định sáng suốt,” Sanders nói. “Mặc dù chúng tôi ở đây để trả lời bất cứ câu hỏi nào, nhưng tôi cũng đề nghị anh kiếm luật sư càng sớm càng tốt. Sẽ có lợi cho anh khi được một chuyên gia hướng dẫn đi qua một quá trình khá phức tạp, không chỉ liên quan đến chỗ tài sản, mà những lĩnh vực khác trong cuộc sống nữa. Dù gì thì, anh đã là một người đàn ông vô cùng giàu có, kể cả sau khi anh đóng thuế. Vậy nên, hãy hỏi bất cứ câu nào anh muốn.”

Luke nhìn Sophia, rồi quay sang Sanders.

“Ông làm luật sư cho Ira được bao lâu rồi?”

“Hơn bốn mươi năm,” ông trả lời, có chút băng khuâng.

“Và nếu tôi thuê một luật sư, thì vị luật sư ấy sẽ cống hiến cho tôi bằng hết khả năng của họ chứ?”

“Nếu anh là khách hàng, thì họ có nghĩa vụ phải như vậy.”

“VẬY có lẽ,” Luke nói, “chúng ta nên giải quyết luôn chuyện đó lúc này đi. Cháu phải làm sao để thuê bác? Trong trường hợp cháu muốn nói chuyện với ông Lehman đây?”

“Anh cần phải trả trước cho tôi một khoản đặt cọc.”

“Khoản đó là bao nhiêu?” Luke nhú mào lo lắng.

“Lúc này,” Sanders nói, “tôi nghĩ một đô la là đủ.”

Luke thở một hơi dài, cuối cùng cũng dần hiểu được tầm cỡ của toàn bộ chuyện này. Sự giàu sang. Trang trại. Cuộc sống anh có thể tạo dựng cùng Sophia.

Nghe xong, Luke lấy ra chiếc ví và xem xét bên trong. Trong ví không còn nhiều sau khi anh mua bức chân dung, chỉ đủ để mua hai can xăng.

Hoặc có thể ít hơn, vì anh đã dùng một phần để thuê Howie Sanders.

HỒI KẾT



Trong vài tháng sau buổi đấu giá, Luke thỉnh thoảng thấy mình như đang đóng một vai trong một tác phẩm kỳ ảo ai đó đã viết kịch bản cho anh. Theo lời gợi ý của David Lehman, một buổi đấu giá khác đã được lên lịch vào giữa tháng Sáu, lần này là ở New York. Rồi một buổi nữa được lên lịch vào giữa tháng Bảy, và một buổi khác vào tháng Chín. Phần lớn bộ sưu tập sẽ được bán, thừa sức để chi trả cho bất cứ khoản thuế nào đến hạn.

Vào ngày đầu tiên, ở trong căn phòng đó, Luke cũng đã giải thích tình trạng của trang trại cho Gabrielle và David Lehman, trong lúc nhìn Sanders ghi chú lại. Khi Luke hỏi liệu có cách nào để tiếp cận được số tiền anh cần để thanh toán khoản thế chấp không, Sanders đã xin phép ra khỏi phòng, mười lăm phút sau quay lại, ông bình tĩnh giải thích cho Luke rằng giám đốc cấp cao của ngân hàng mà ông vừa nói chuyện đã đồng thuận việc gia hạn những khoản trả góp thấp thêm một năm nữa và có thể hoãn chi trả phần lãi còn lại trong thời gian trước mắt, nếu Luke thích như vậy. Và xét đến tình trạng giàu có mới đây của Luke, ngân hàng sẽ cân nhắc nói rộng thêm mức tín dụng cho bất cứ cải tiến nào anh muốn thực hiện.

Luke chỉ có thể thốt ra vài từ. “Nhưng... bằng cách nào?”

Sanders cười, vẻ tinh quái lại xuất hiện trong đôi mắt ông. “Hãy cứ coi như họ muốn củng cố mối quan hệ với một khách hàng trung thành, người vừa đột nhiên phát lên.”

Sanders cũng giới thiệu anh với vài người quản lý quỹ và các nhà cố vấn, họ đến ngồi cạnh anh trong những buổi phỏng vấn, hỏi những câu mà Luke hầu như không hiểu được, nói gì là đặt câu hỏi. Ông giúp Luke bắt đầu nắm trước những phức tạp đi kèm với sự giàu có, trấn an anh rằng ông có thể trợ giúp anh trong tất cả những gì anh cần phải học.

Mặc dù đôi khi Luke cảm thấy choáng ngợp, nhưng anh là người đầu tiên thừa nhận rằng còn có những vấn đề tồi tệ hơn nhiều.



Lúc đầu, mẹ anh không tin anh, cũng không tin Sophia. Trước tiên, bà chế giễu, rồi sau khi anh kể lại chuyện đã xảy ra, bà tỏ ra tức giận. Chỉ đến khi anh gọi điện cho ngân hàng địa phương của họ, yêu cầu được nói chuyện với giám đốc điều hành cấp cao thì bà mới bắt đầu chấp nhận rằng có lẽ anh không đùa.

Anh để bà nói chuyện điện thoại với nhân viên ngân hàng, người này cam đoan với bà rằng bà không cần phải lo lắng về khoản nợ trong thời gian trước mắt. Bà không thể hiện mấy cảm xúc trong suốt cuộc gọi, chỉ trả lời cụt ngủn, nhưng sau khi dập máy, bà ôm Luke và khóc một chút.

Tuy nhiên, khi đẩy anh ra, bà lại trở về là bà mẹ từng trải mà anh biết.

“Giờ thì bọn họ tỏ ra hào phóng đấy, nhưng lúc mẹ thực sự cần họ thì họ ở đâu?”

Luke nhún vai. “Câu hỏi hay đấy.”

“Mẹ vẫn sẽ chấp nhận lời đề nghị của họ,” bà quay đi và nói. “Nhưng một khi trả dứt nợ, mẹ muốn con tìm một ngân hàng khác.”

Sanders cũng giúp anh việc đó.



Gia đình Sophia từ New Jersey đến dự lễ tốt nghiệp của cô, và Luke cũng ở cùng họ vào ngày mùa xuân ấm áp ấy, hò reo chúc mừng khi cô lên sân khấu. Sau cùng, họ đi ăn tối, và anh thấy ngạc nhiên khi họ hỏi liệu họ có thể đến thăm trang trại vào ngày hôm sau.

Mẹ của Luke bắt anh làm việc suốt cả buổi sáng, cả bên trong lẫn bên ngoài ngôi nhà, dọn dẹp trong lúc bà làm bữa trưa. Họ ngồi ăn bên chiếc bàn dã ngoại ở sân sau, mấy em gái của Sophia thay nhau há hốc mồm kinh ngạc trước cảnh tượng xung quanh rồi nhìn cô chằm chằm, rõ ràng vẫn đang cố hiểu làm thế nào mà Luke và Sophia lại đến được với nhau.

Họ dường như vô cùng thoải mái khi ở cùng nhau, đặc biệt là mẹ Sophia và Linda. Họ nói chuyện và cười đùa trong lúc đi thăm trang trại, và khi Luke quay sang phía vườn, trái tim anh ấm lại khi thấy những luống rau thẳng hàng, ngay ngắn mẹ anh mới trồng.



“Mẹ có thể ở bất cứ đâu, mẹ ạ,” Luke nói với mẹ tối hôm đó. “Mẹ không phải ở trang trại đâu. Con sẽ mua cho mẹ một biệt thự trên tầng thượng ở Manhattan nếu mẹ muốn.”

“Sao mẹ lại muốn sống ở Manhattan?” bà hỏi, tỏ vẻ không thích.

“Không cần thiết phải ở Manhattan mà có thể là ở bất cứ đâu.”

Bà nhìn ra ngoài cửa sổ, nhìn trang trại nơi mình lớn lên.

“Mẹ không muốn sống ở nơi nào khác,” bà nói.

“Vậy mẹ để con sửa lại mọi thứ ở đây được chứ? Không phải lắt nhắt, mà sửa tất cả cùng lúc luôn.”

Bà cười. “Giờ thì,” bà nói, “đó là ý kiến xuất sắc đấy.”



“Vây, anh sẵn sàng chưa?” Sophia hỏi anh.

“Cho chuyện gì?”

Sau lễ tốt nghiệp, Sophia đã quay về nhà ở cùng bố mẹ một tuần rồi mới quay lại Bắc Carolina.

“Kể em nghe chuyện xảy ra ở Nam Carolina,” cô nói, nhìn chằm chằm vào anh với vẻ mặt đầy quyết tâm trong lúc họ đi vào đồng cỏ để tìm con Tắm Bùn. “Anh đã cưới con Quái Thú Cục Súc à? Hay bỏ đi?”

Khi cô hỏi, Luke thấy mình hồi tưởng lại một ngày đầy gió, một trong những dấu mốc ảm đạm nhất cuộc đời. Anh nhớ mình đi đến khoang chuồng và nhìn con bò qua những thanh gỗ mỏng; anh nhớ lại từng con sóng sợ hãi tràn qua anh và nổi căng thẳng kéo căng như dây cung. Thế nhưng, bằng cách nào đó, anh vẫn buộc mình phải làm việc cần làm. Anh leo lên Quái Thú Cục Súc và chỉnh lại sợi đai da, cố lờ đi nhịp đập dồn dập trong lồng ngực. *Nó chỉ là một con bò thôi*, anh tự nhủ, *một con bò như bao con khác*. Nó không chỉ là một con bò, và anh biết điều đó, nhưng khi cửa chuồng bật mở và con bò lao ra khỏi cửa, Luke ngồi trên lưng nó.

Con bò vẫn dã man như mọi khi, bật nhảy và xoay

vòng như bị điên, nhưng Luke lại thấy bình tĩnh lạ thường, như thể anh đang quan sát chính mình từ một khoảng cách xa vậy. Thế giới như đang quay chậm, khiến trận đấu như kéo dài mãi mãi, nhưng anh giữ thấp người và cân bằng, tay rảnh di chuyển ngang người để giữ kiểm soát. Khi tiếng còi vang lên, đám đông đứng bật dậy, hò reo cổ vũ.

Anh nhanh chóng tháo sợi đai da và nhảy xuống, tiếp đất bằng chân. Như lần chạm trán trước, con bò dừng lại và quay về phía anh, mũi nở to, lồng ngực phập phồng. Luke biết con Quái Thú Cục Súc đang chuẩn bị tấn công.

Thế nhưng nó không tấn công. Mà thay vào đó, anh và nó chỉ đứng gùm gùm nhìn nhau cho đến khi, như một phép màu, con bò quay đi.

“Anh đang cười à,” Sophia nói, cắt ngang dòng suy nghĩ của anh.

“Ừ, chắc là thế.”

“Thế nghĩa là sao?”

“Anh đã cười nó,” Luke nói. “Và sau đó, anh biết anh đã sẵn sàng để bỏ đi.”

Sophia thúc vào vai anh. “Thật ngốc.”

“Có thể,” Luke nói. “Nhưng anh đã thắng được một chiếc xe tải mới.”

“Em đâu có thấy chiếc xe tải mới nào,” cô cau mày nói.

“Anh không lấy xe. Mà lấy tiền mặt.”

“Vì trang trại ư?”

“Không,” anh nói. “Vì cái này.”

Anh lấy ra một chiếc hộp nhỏ từ trong túi và quỳ một chân xuống, anh trao nó cho Sophia.

Anh nghe thấy tiếng cô thở mạnh. “Đây có phải điều em đang nghĩ không?”

“Em mở ra đi,” anh nói.

Cô chậm chậm mở nắp hộp và nhìn chiếc nhẫn.

“Anh muốn cưới em, nếu em thấy việc đó không vấn đề gì.”

Cô nhìn xuống anh, đôi mắt sáng lên. “Vâng,” cô nói, “em nghĩ không thành vấn đề đâu.”



“Anh muốn sống ở đâu?” cô hỏi anh, sau khi họ báo cho mẹ anh biết. “Ở trang trại này sao?”

“Về lâu về dài thì anh không biết. Nhưng lúc này, anh thích sống ở đây. Câu hỏi là, em có thích không?”

“Ý anh là, em có muốn sống ở đây mãi mãi không à?”

“Không nhất thiết phải thế,” Luke nói. “Anh chỉ đang nghĩ là mình sẽ ở đây cho đến khi mọi việc ổn định. Nhưng sau đó thì sao? Theo anh hiểu thì mình có thể sống ở bất cứ đâu mình muốn. Và anh nghĩ lúc này - có thể nói, với một món quà thừa kế lớn như vậy - em có thể tìm được công việc ở bảo tàng mà em chọn.”

“Như ở Denver sao?”

“Anh nghe nói có rất nhiều đất trang trại ở đó. Ở New Jersey cũng có trang trại nữa, anh kiểm tra rồi.”

Cô ngược nhìn trời rồi mới quay sang anh. “Hay mình cứ để một thời gian xem cuộc đời sẽ dẫn mình đi đâu nhé?”



Đêm hôm đó, trong lúc Sophia ngủ, Luke rời phòng ngủ và đi ra hiên nhà, tận hưởng sự ấm áp còn lại từ ban ngày. Trên đầu anh, trăng sáng nửa vầng, các vì sao tỏa ra khắp bầu trời. Một cơn gió nhẹ thổi qua, mang theo tiếng dế kêu từ những đồng cỏ.

Anh ngược lên, nhìn vào khoảng không gian tối của thiên đường, nghĩ về mẹ và trang trại. Anh vẫn chưa nuốt trôi được cái khúc ngoặt cuộc đời vừa rồi, và cũng chưa thể nhập nó làm một với cuộc sống anh từng trải qua. Mọi thứ đã khác, và anh tự hỏi liệu mình có thay đổi không. Anh thấy mình thường xuyên nghĩ về những kỷ niệm của Ira, người đàn ông đã thay đổi cuộc đời anh, người đàn ông anh chưa bao giờ quên. Với Ira, Ruth là tất cả, và trong bóng tối im lìm, Luke hình dung cảnh Sophia ngủ trên giường anh, mái tóc vàng của cô xoa trên gối.

Rốt cuộc, Sophia mới là kho báu thực sự mà anh tìm thấy trong năm nay, cô đáng giá với anh hơn hết thấy những bức họa trên thế giới này. Luke mỉm cười, thì thầm vào bóng tối, “Cháu hiểu rồi, bác Ira ạ.” Và khi một ngôi sao băng lướt ngang qua, anh có cảm giác thật lạ lùng, như thể Ira không chỉ nghe thấy anh, mà còn đang mỉm cười đồng thuận.

LỜI TÁC GIẢ

Đường đời bất tận là một trong những cuốn tiểu thuyết tôi thích nhất khi sáng tác, một phần bởi tôi đã khám phá được rất nhiều sự kiện và những câu chuyện hấp dẫn trong quá trình thai nghén và tìm hiểu để viết sách. Ví dụ như, tôi muốn lồng ghép yếu tố mỹ thuật hiện đại vào cốt truyện, vì tôi thích hội họa thế kỷ hai mươi, và cũng muốn một ngày nào đó bắt tay vào bộ sưu tập của riêng mình. Nhưng tất cả các tiểu thuyết của tôi đều lấy bối cảnh ở Bắc Carolina, nên tôi đã bế tắc khi tìm cách kết nối mỹ thuật hiện đại với thành phố quê hương... cho đến khi tôi tình cờ phát hiện ra Đại học Black Mountain trong lúc tra cứu lịch sử Bắc Carolina trên Internet.

Được thành lập năm 1933 tại Asheville, Đại học Black Mountain có thể xem là một thử nghiệm hàn lâm ngắn đã sản sinh ra nhiều họa sĩ Mỹ đương đại xuất sắc nhất của thế kỷ hai mươi. Robert Rauschenberg, Jackson Pollock, Josef Albers, Cy Twombly, Willem và Elaine de Kooning, Franz Kline và nhiều nhân vật có ảnh hưởng khác đã nổi lên trong giai đoạn hưng thịnh của ngôi trường có tuổi đời ngắn ngủi này - ai mà nghĩ được rằng chuyện này lại xảy ra ở ngay bang Bắc Carolina của tôi chứ! Đây là chương ít được biết đến trong lịch sử hội họa đương đại, và khi tìm hiểu về nó, tôi biết, nó sẽ đóng một vai trò quan trọng trong tiểu thuyết của mình. Bạn có thể đọc thêm về Đại học Black Mountain và lịch sử thú vị của nó ở đây: www.BlackMountainCollege.org/history.

Thử thách tiếp theo đối với tôi là một kết thúc kịch tính cho câu chuyện về hai mối tình song song có cùng bối cảnh hội họa

đương đại. Những khoảnh khắc đã mắt và kịch tính nhất trong thế giới hội họa thường gắn liền với việc sáng tác hoặc mua bán, và tôi chọn thời điểm mua bán vì tôi luôn thấy mình bị mê hoặc bởi khán phòng đấu giá tranh. Tôi bắt đầu tra cứu về những cuộc đấu giá tranh, tò mò về những câu chuyện trong những cuộc đấu giá đặc biệt thú vị và hấp dẫn mà có thể là nguồn cảm hứng cho kết truyện của tôi. Tôi đã phát hiện ra một câu chuyện ngụ ngôn ngọt ngào, tươi sáng của Cơ Đốc giáo (và là một câu chuyện dân gian nổi tiếng của Mỹ) về một người đàn ông mất đi cậu con trai, và ông đã tặng bộ sưu tập tranh của mình cho người mua bức tranh do con trai ông vẽ. (Bạn có thể đọc tóm tắt những dị bản qua năm tháng của câu chuyện dân gian này ở đây: www.snopes.com/glurge/son.asp.) Truyện ngụ ngôn này không phải một hình mẫu hoàn hảo cho câu chuyện lớn hơn mà tôi muốn kể, nhưng một tình tiết trong đó đã hấp dẫn tôi, trên cả sự kịch tính vốn có của một cuộc đấu giá xoay quanh một bức tranh. Nghệ thuật thực sự có nghĩa thế nào với một nhà sưu tập? Liệu mối liên hệ với nghệ thuật có phải chỉ đơn thuần là sự duy mỹ hay còn là xúc cảm? Đặc biệt khi nói đến sự bí hiểm mà mọi người vẫn nghĩ về Chủ nghĩa Trừu tượng Biểu hiện, tôi muốn tìm cách thể hiện rõ mối liên hệ mạnh mẽ mà ngay cả một bộ sưu tập các bức họa trừu tượng cũng có thể có... giả sử nó được kết nối với một tình yêu sâu đậm và vĩnh cửu dành cho người bạn đời chẳng hạn.

Cuối cùng, tôi biết mình muốn đưa cả phần truyện về đấu bò vào cuốn sách, vì tôi vẫn luôn bị mê hoặc bởi bộ môn thể thao này ngay từ giây phút đầu tiên tôi thấy những chàng cao bồi cưỡi những con bò cả trăm ký trên ti vi! Nó cũng là bộ môn thể thao có nguồn gốc từ Bắc Carolina, nên nó là một chủ đề tự nhiên và thú vị cho một trong các tiểu thuyết của tôi. Tôi đã tra cứu nhiều về bộ môn thể thao này để có được các chi tiết chính xác, nhưng nếu bạn bị hấp dẫn bởi cuộc đời của Luke và những gì tôi mô tả về các sự kiện và muốn tìm

hiểu thêm, hãy xem trang web của Tổ chức Thi đấu Cưỡi bò Chuyên nghiệp: www.pbr.com.

Nỗ lực xây dựng một câu chuyện hấp dẫn và cảm động mà lại kết hợp những thành phần không liên quan đến nhau như vậy có phần hơi thử thách cho tôi, nhưng tôi hy vọng kết quả đạt được là một cuốn tiểu thuyết với cốt truyện đa dạng và nội dung cảm động có thể khiến bạn nhớ mãi. Cảm ơn vì bạn đã đọc *Đường đời bất tận* và vì bạn đã ủng hộ tôi suốt bao năm qua.

Thân ái,
Nicholas

LỜI CẢM ƠN

Đường đời bất tận, cuốn tiểu thuyết thứ mười bảy của tôi, sẽ chẳng thể hoàn thành nếu không có sự ủng hộ của rất nhiều con người tuyệt vời. Đứng đầu danh sách này bao giờ cũng là **Cathy**, vợ tôi, sau bao năm vẫn luôn như người bạn thân nhất tôi từng có. Cuộc đời tôi trở nên phong phú hơn với sự hiện diện của cô ấy hằng ngày, và một phần trong tôi luôn biết rằng mọi nhân vật nữ tôi tạo ra đều lấy cảm hứng rất lớn từ cô ấy. Thật hạnh phúc khi tôi được chia sẻ con đường bất tận với cô ấy, con đường ta gọi là đường đời này.

Tôi cũng phải cảm ơn **Theresa Park** - người đại diện văn chương, quản lý, và nay là đối tác sản xuất của tôi - lại thêm một phúc phần tuyệt diệu tôi có. Thật khó tin rằng chúng tôi đã làm việc với nhau được mười chín năm rồi. Tôi đã nói điều này rất nhiều lần, nhưng giờ xin được viết ra đây: tôi luôn thấy mình may mắn làm sao.

Jamie Raab, biên tập viên của tôi, một nhân vật vô giá đã giúp các tiểu thuyết của tôi hay hết mức có thể. Cô ấy đã là biên tập viên của tôi ngay từ những ngày đầu, và tôi là một trong những nhà văn may mắn nhất khi được làm việc với cô ấy. Cô ấy xứng đáng nhận sự cảm tạ của tôi không chỉ vì những điều cô ấy đã làm, mà vì tôi còn coi cô ấy là một người bạn đáng mến.

Howie Sanders và **Keya Khayatian** - đại diện phim ảnh của tôi ở UTA - là những chuyên gia trong lĩnh vực của mình. Hơn thế nữa, họ là những thiên tài sáng tạo trong mọi phương diện công việc. Thêm

vào đó, họ còn vô cùng tốt bụng, chân thành và nhiệt tình, và càng dành nhiều thời gian bên họ, tôi càng thấy vinh dự khi được coi họ là bạn bè.

Scott Schwimer, luật sư trong ngành giải trí của tôi, là một thành viên khác trong nhóm đã ở bên tôi từ những ngày đầu, anh đã trao tặng kiến thức và lời khuyên cho cuộc sống của tôi. Cùng với tình bạn và tiếng cười, cuộc sống của tôi trở nên phong phú hơn nhờ sự hiện diện của anh.

Elise Henderson và **Kosha Shah**, những người điều hành công ty sản xuất sản phẩm truyền hình của tôi, là hai con người tuyệt vời, sở hữu nguồn động lực, trí thông minh và óc hài hước thiên phú, tôi thấy may mắn khi được xem họ là thành viên trong đội. Tôi cũng muốn cảm ơn **Dave Park**, vì sự hướng dẫn và ủng hộ trong những ngày đầu nỗ lực làm truyền hình của tôi, cảm ơn **Larry Salz** và **Lucinda Moorehead** vì những cố gắng đầy nhiệt tình của chị ở UTA.

Tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn tới **Denise Dinovi**, người đã sản xuất một số bộ phim chuyển thể từ các tác phẩm của tôi đầy phong cách và chất lượng, bao gồm *Lá thư trong chai*, *Đoạn đường để nhớ* và *Kẻ may mắn*. Tôi rất thích làm việc với chị và mong chờ được xem *Dành hết cho em* trên màn ảnh rộng. Tất nhiên, sẽ là thiếu sót nếu tôi không cảm ơn **Alison Greenspan** vì những gì cô ấy làm.

Marty Bowen là một nhà sản xuất khác đã ghi danh với một loạt những bộ phim chuyển thể từ các tác phẩm của tôi, và tôi muốn cảm ơn anh ấy vì những gì anh ấy làm cho cả *John yêu dấu* và *Thiên đường bình yên*. Anh ấy sẽ cùng sản xuất *Đường đời bất tận* cùng với Theresa và tôi, và chắc chắn nó sẽ là một bộ phim tuyệt vời. Tôi cũng cảm ơn **Wyck Godfrey**, người đã cùng Marty nỗ lực hết mình trong công việc.

Tôi cũng phải cảm ơn **Emily Sweet** và **Abby Koons** ở Park Literary Group. Emily không chỉ làm việc với tổ chức và trang web của tôi, mà còn phụ trách tất cả các phần công việc chưa rõ ràng

trong các dự án của tôi với sự năng nổ, nhiệt tình, và hiệu quả. Abby, người chịu trách nhiệm với tất cả những vấn đề quốc tế, vô cùng xuất sắc trong công việc của mình. Tôi coi cả hai người là bạn, và tôi không biết mình sẽ ở đâu nếu thiếu họ.

Michael Nyman, Catherine Olim, Jill Frizo và Michael Geiser ở PMK-BNC, những người phụ trách truyền thông của tôi, đều rất xuất sắc với công việc của mình. Tôi muốn cảm ơn họ vì những thành quả lớn lao họ đã đạt được với tư cách đại diện của tôi.

Laquishe Wright - hay còn được gọi tắt là Q - người quản lý những trang mạng xã hội của tôi, và **Mollie Smith**, người điều hành trang web, cũng xứng đáng nhận sự biết ơn của tôi. Cả hai người đều làm rất xuất sắc công việc của mình, và nhờ có họ tôi mới có thể cho mọi người biết điều gì đang diễn ra trong thế giới của mình.

Tôi muốn dành lời cảm ơn đến **David Herrin** và **Eric Kuhn** ở UTA, những người đã luôn có mặt để trả lời các câu hỏi của tôi. Họ đã giúp tôi bắt kịp được với những công nghệ mới nhất.

Cảm ơn **David Young** và **Michael Pietsch** ở Hachette Book Group. Tôi sẽ rất nhớ những lần làm việc với anh, David, và tôi nóng lòng muốn được làm việc với anh, Michael.

Tôi muốn cảm ơn cả **Sean Gleason**, Giám đốc điều hành của Tổ chức Thi đấu Cưỡi bò Chuyên nghiệp, vì những nhận xét tỉ mỉ cho bản thảo cùng sự ủng hộ nhiệt tình của anh và Tổ chức đã dành cho cuốn sách này. Thi đấu cưỡi bò là một môn thể thao mạo hiểm, và anh điều hành một tổ chức thật tuyệt vời, Sean ạ. Được làm việc với các đồng nghiệp không biết mệt mỏi của anh, **Ellen Newberg** và **Denise Abbott**, cũng là một vinh hạnh cho tôi.

Larry Vincent và **Sara Fernstrom** ở UTA cũng xứng đáng nhận lời cảm ơn của tôi vì những việc họ đã làm với thương hiệu và các cổ đông đối tác; thật là một trải nghiệm tuyệt vời và tôi mong chờ những điều sẽ đến trong tương lai.

Tôi cũng gửi lời cảm ơn tới **Mitch Stoller** về những đóng góp

ban đầu cho Quỹ Nicholas Sparks, và cảm ơn **Jenna Dueck**, thành viên mới nhất trong nhóm, tôi biết cô ấy sẽ mang đến những kiến thức chuyên môn vô giá và tiếp năng lượng cho những cố gắng của chúng tôi trong việc ủng hộ giáo dục.

Tôi cũng muốn cảm ơn **Saul Benjamin**, hiệu trưởng Trường Dòng Quốc tế, ngôi trường do tôi và vợ tôi sáng lập năm 2006. Tôi chắc chắn trong tương lai, ông sẽ đưa ngôi trường lên những tầm cao mới. Tất nhiên, ông không thể làm được điều đó nếu như không có sự trợ giúp của **David Wang**, thư ký hiệu trưởng, và tôi cũng muốn được cảm ơn David.

Sẽ là sơ suất nếu tôi không cảm ơn **Jason Richman** và **Pete Knapp**, tuy cả hai người đều không làm việc trực tiếp cho tôi nhưng họ vẫn đại diện cho tôi trên phương diện công việc. Cảm ơn hai bạn về điều đó.

Rachel Bressler và **Alex Greene** cũng xứng đáng nhận lời cảm ơn từ tôi vì đã giúp đỡ tôi vận hành suôn sẻ Chuỗi Chương trình Học Văn học và tất cả những gì liên quan đến hợp đồng, một công việc tưởng chừng như không bao giờ chấm dứt.

Tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn sâu sắc đến **Micah Sparks**, em trai tôi, vì cậu ấy không những là cậu em trai tuyệt vời nhất trên đời mà còn vì những cố gắng, sự chăm chỉ và tầm nhìn mà cậu ấy đã mang đến Chuỗi Chương trình Học Văn học.

Emily Griffin, **Sara Weiss** và **Sonya Cheuse** tại Grand Central cũng xứng đáng nhận lời cảm ơn từ tôi vì những gì họ làm. Emily giúp lèo lái một dự án rất quan trọng với tôi, Sara đã đại diện tôi xử lý khối công việc tại GCP một cách hoàn hảo, trong khi Sonya là một nhân viên truyền thông tuyệt vời, người đã chịu trách nhiệm về các chuyến quảng bá sách của tôi.

Tôi cũng muốn cảm ơn **Tracey Lorentzen**, Trưởng văn phòng quỹ của tôi tại New Bern, cảm ơn **Tia Scott** vì những công việc hỗ trợ liên quan. Cô ấy giúp cho cuộc sống của tôi trôi chảy hơn, một điều

hoàn toàn không dễ dàng. Cuối cùng là lời cảm ơn gửi đến **Jeannie Armentrout** vì những công việc cô ấy làm tại văn phòng.

Tôi cũng phải cảm ơn **Andrew Sommers**, người đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong những thời khắc phức tạp và đặc biệt quan trọng trong cuộc đời tôi.

Pam Pope và **Oscara Stevick**, hai kiểm toán viên của tôi. Họ làm việc thật tuyệt vời và tôi thấy mình may mắn khi có họ là thành viên trong đội.

Courtenay Valenti và **Greg Silverman** tại Warner Bros, hai người như những thành viên trong gia đình của tôi. Tôi mong chờ được làm việc cùng hai bạn một lần nữa.

Ryan Kavanaugh, **Tucker Tooley**, **Robbie Brenner**, và **Terry Curtin** tại Relativity xứng đáng nhận lời cảm ơn từ tôi vì những công việc xuất sắc họ làm cho *Thiên đường bình yên*. Tôi hy vọng sớm được làm việc lại với các bạn! Chúng ta là một đội tuyệt vời.

Cảm ơn **Elizabeth Gabler** và **Erin Siminoff** tại Fox 2000 rất nhiều vì đã đồng thuận với việc dựng *Đường đời bất tận* thành phim. Tôi rất mong chờ được làm việc với hai bạn.

David Buchalter, người sắp xếp các bài phát biểu của tôi, cũng xứng đáng nhận lời cảm ơn từ tôi. Tôi đánh giá rất cao những gì anh làm.

Todd và **Kari Wagner** cũng xứng đáng nhận lời cảm ơn của tôi vì những gì họ làm - tôi tin họ hiểu tôi đang nói về chuyện gì.

Và cuối cùng, cảm ơn những người bạn mới và những người bạn cũ, những người đã mang đến niềm vui và tiếng cười cho cuộc đời tôi, bao gồm **Drew** và **Brittany Brees**, **Jennifer Romanello**, **Chelsea Kane**, **Gretchen Rossi**, **Slade Smiley**, **Josh Duhamel**, và **Julianne Hough**.

ĐƯỜNG ĐỜI BẤT TẬN

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN ANH VŨ

Chịu trách nhiệm nội dung:

TS. LA KIM LIÊN

Biên tập	Nguyễn Thu Hà
Biên tập viên Nhà Nam	Trung Tín
Thiết kế bìa	Tạ Quốc Kỳ Nam
Trình bày	Kim Liên
Sửa bản in	Phạm Thủy

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 04 37161518 | 04 37163409 | Fax: 04 38294781

Website: www.nxbvanhoc.com; www.nxbvanhoc.vn

Email: tonghopvanhoc@vnn.vn

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh

290/20 Nam kỳ Khởi nghĩa - Quận 3

Điện thoại: 08 38469858 | Fax: 08 38483481

Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng

344 đường Trưng Nữ Vương - thành phố Đà Nẵng

Điện thoại & Fax: 0511 3888333

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÀ NAM

59 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04 35146875 | Fax: 04 35146965

Website: www.nhanam.vn

Email: nhanambook@vnn.vn

<http://www.facebook.com/nhanampublishing>

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,

Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 38479853 | Fax: 08 38443034

Email: hcm@nhanam.vn

In 3.000 cuốn, khổ 14x20.5cm tại Công ty CP In Viễn Đông (Km19+400, Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên). Căn cứ trên số đăng ký xuất bản: 713-2017/CXBIPH/45-52/VH ngày 14.03.2017 và quyết định xuất bản số 842/QĐ-VH của Nhà xuất bản Văn Học ngày 22.5.2017. Mã ISBN 978-604-94-5574-0. In xong và nộp lưu chiểu năm 2017.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhà Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lỗi. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.

"Cuốn sách sẽ cuốn hút bạn từ đầu đến cuối và để lại cho bạn một dư âm khó quên."

STAR MAGAZINE

"Tôi đọc hết cả cuốn sách trong một ngày. Nicholas Sparks viết bằng một thứ ma thuật khiến ta không thể đặt sách xuống... cuốn sách là một món quà hoàn hảo, đem đến cho người đọc một câu chuyện ngọt ngào, lãng mạn về những mối quan hệ và cuộc đời."

READINGWITHSTYLE blogspot.com

"Nicholas Sparks biết cách khiến độc giả xúc động và một lần nữa anh đã chứng tỏ điều đó qua câu chuyện về hai mối tình này..."

DAILY MAIL

BECOME A FAN



 [nhanampublishing](https://www.facebook.com/nhanampublishing)

"Một câu chuyện lãng mạn và cảm động vô cùng. Nói đến chuyện tình, không thể không nói đến Nicholas Sparks."

H E A T

T trong cơn bão tuyết, Ira gặp tai nạn và mắc kẹt lại. Không thể cử động, đói và khát, sự sống đang dần cạn trong ông, nhưng hình bóng về Ruth, người vợ đã mất, và những kỷ niệm của hai người đã giúp ông tiếp tục chiến đấu.

Cách đó vài dặm, Sophia gặp Luke. Cô là sinh viên đại học năm cuối, anh là đầu bếp cưới bỏ trốn mạo hiểm, hai con người xuất thân hoàn toàn khác biệt không ngờ cả thế giới của họ chuẩn bị thay đổi.

Những vui buồn, ước mơ và bế tắc... tất cả đều trở thành một phần của cuộc hành trình - cuộc hành trình dẫn đến một trang trại nơi cô đắm chìm trong tình yêu với một chàng cao bồi tên Luke.

ĐƯỜNG ĐỜI BẤT TẬN là câu chuyện về bốn con người, hai mối tình, cách biệt nhau bao năm tháng nhưng đột nhiên gặp gỡ bởi những lựa chọn trong cuộc đời của họ...

